



HR-V

Hướng dẫn sử dụng

Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy thông tin đứng sau biểu tượng **LƯU Ý**. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản khác, hoặc môi trường.

Các biểu tượng    trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng giúp vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng   được mã hóa bằng màu để thể hiện “nguy hiểm” (màu đỏ), “cảnh báo” (màu cam), hoặc “chú ý” (màu hổ phách).

 **Nhân An Toàn** Tr. 104

Một Vài Chú Ý Về An Toàn

An toàn của bạn, an toàn của mọi người là rất quan trọng và vận hành xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra làm bạn và những người khác bị thương.

Tất nhiên, các thông tin này khó có thể cảnh báo hết được về tất cả các tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải sử dụng phán đoán của chính bản thân mình.

Bạn sẽ thấy các thông tin an toàn quan trọng này theo những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Nhân An Toàn** - trên xe.
- **Cảnh Báo An Toàn** - dán phía sau biểu tượng cảnh báo an toàn  và một trong ba cụm từ sau: **NGUY HIỂM**, **CẢNH BÁO** hoặc **LƯU Ý**.

Những cụm từ này có nghĩa:

 NGUY HIỂM	Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.
 CẢNH BÁO	Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.
  CẢNH BÁO	Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.
 CHÚ Ý	Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

- **Đề Mục An Toàn** - những Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn.
- **Phản Hướng Dẫn An Toàn** - Lái Xe An Toàn.
- **Hướng Dẫn** - cách sử dụng xe đúng cách và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn - hãy đọc kỹ.

Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thường được gọi là Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố. Các thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu thời gian thực khác nhau của xe như việc nổ túi khí SRS và lỗi các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc sự cho phép của chủ xe. Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda ủy quyền và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy quyền có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Thiết Bị Ghi Chẩn Đoán Dịch Vụ

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ, các thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu hệ thống truyền động và điều kiện lái xe. Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong việc chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai có thể truy cập dữ liệu này trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda ủy quyền và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy quyền có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Ghi Dữ Liệu Xe*

Xe của bạn ghi lại các thông tin sau dưới dạng dữ liệu khi Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) đang hoạt động.

- Hình ảnh các vật thể phía trước xe khi CMBS được kích hoạt
- Trạng thái vận hành của từng chức năng CMBS
- Vận hành bàn đạp ga / bàn đạp phanh
- Tốc độ xe
- Các thông tin như khoảng cách và tốc độ tương đối của mục tiêu được xác định bởi CMBS

Honda có thể thu thập và sử dụng dữ liệu đã ghi vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe của Honda. CMBS không ghi lại các hình ảnh hoặc âm thanh bên trong xe. Cần có công cụ đặc biệt để xem hoặc xóa dữ liệu (bao gồm cả hình ảnh) được ghi lại bởi CMBS.

Có thể tắt chức năng ghi hình ảnh CMBS để không ghi lại hình ảnh khi CMBS được kích hoạt.

Tiết lộ dữ liệu

Honda sẽ không tiết lộ hoặc cung cấp dữ liệu thu thập được từ CMBS cho các bên thứ ba trừ các trường hợp sau:

- Khi được sự cho phép của chủ xe
- Khi được yêu cầu bởi pháp luật, lệnh tòa án hoặc yêu cầu pháp lý có hiệu lực tương tự
- Khi dữ liệu đã được xử lý để xóa nhận dạng/ẩn danh phương tiện/người dùng, như khi dữ liệu tổng hợp được cung cấp cho các tổ chức nghiên cứu

*Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Điều Khoản và Điều Kiện Cập Nhật Hệ Thống*

Điều Khoản Chung

Xe này có ứng dụng cho phép Màn Hình Giải Trí của xe tự động tìm kiếm các bản cập nhật phần mềm của Honda dành riêng cho Màn Hình Giải Trí và các thiết bị được kết nối (ban đầu cứ một (1) tuần một lần qua Wi-Fi hoặc bốn (4) tuần một lần qua Bộ Điều Khiển Viễn Thông (TCU)*, các truy vấn có thể xảy ra thường xuyên hơn hoặc ít xảy ra hơn do sự cố internet, do cố thử lại, do thao tác của người dùng, và do WAP gửi từ máy chủ hoặc do thay đổi chính sách truy vấn trên máy chủ Honda). Ứng dụng này sẽ gửi theo định kỳ một số thông tin của xe và thiết bị đến máy chủ (Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Nhận Dạng Loại Xe (MT), Số Phụ Tùng Phần Cứng và Phần Mềm, Số Sê-ri, Phiên Bản Phần Mềm, ngôn ngữ ưu tiên, địa chỉ Giao Thức Internet (IP), Nhật Ký Giao Dịch (xem cảnh báo hoặc cập nhật, tải và cài đặt bản cập nhật, trạng thái phần mềm), v.v.). Khi ứng dụng tìm thấy bản cập nhật từ máy chủ, màn hình sẽ hiển thị thông báo tải xuống và cài đặt bản cập nhật. Bạn có thể chọn tự động tải xuống và cài đặt các bản cập nhật này trong phần cài đặt hoặc chọn cập nhật hệ thống theo cách thủ công.

Khi Màn Hình Giải Trí của xe tìm kiếm bản cập nhật hoặc cảnh báo từ máy chủ, máy chủ sẽ tự động cho phép bạn cập nhật thiết bị hoặc gửi bản cập nhật hoặc cảnh báo đến Màn Hình Giải Trí. Lịch sử cài đặt các bản cập nhật hoặc cảnh báo cũng sẽ được lưu lại trên máy chủ.

Dữ Liệu Cá Nhân

Nếu các thông tin trên được gửi đến hệ thống của Honda và hệ thống tự tìm ra thông tin cá nhân về vị trí của bạn, lưu ý rằng thông tin này sẽ được xử lý nghiêm ngặt theo đúng các quy tắc và quy định được nêu trong thông báo này và luật bảo vệ dữ liệu hiện hành.

Các điều khoản này có trong chính sách bảo mật của Honda và khi sử dụng các bản cập nhật hệ thống, bạn phải tuân thủ chính sách bảo mật. Thông báo bảo mật của Honda đưa ra thông tin về

việc Honda và bên thứ ba bất kỳ xử lý dữ liệu cá nhân do Honda thu thập được từ khách hàng hoặc khách hàng cung cấp cho Honda thông qua ứng dụng như thế nào.

Truy cập trang web của Honda để biết thêm thông tin chi tiết.

Honda thu thập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu cá nhân của khách hàng vì những lý do dưới đây:

- cung cấp các bản cập nhật hệ thống và các dịch vụ liên quan đến khách hàng;
- cải tiến và tối ưu hóa các sản phẩm và dịch vụ cập nhật hệ thống;
- giải đáp thắc mắc và khiếu nại của khách hàng; và lưu trữ hồ sơ nội bộ.
- đảm bảo các quyền lợi về mặt pháp lý cho Honda, như được liệt kê dưới đây, mà vẫn đảm bảo quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng.
- như được mô tả trong Thông Báo Bảo Mật và Thông Báo Mật Dữ Liệu Xe của Honda.

Việc bảo vệ lợi ích kinh doanh hợp pháp và quyền lợi hợp pháp của Honda bao gồm, nhưng không giới hạn, việc sử dụng gắn liền với việc tuân thủ, quy định, kiểm toán, các tuyên bố pháp lý (bao gồm việc tiết lộ thông tin liên quan đến quy trình pháp lý hoặc kiện tụng) và các yêu cầu báo cáo về đạo đức và tuân thủ khác.

Honda cũng sẽ chuyển đổi dữ liệu cá nhân thành dữ liệu ẩn danh và sử dụng dữ liệu đó (thường trên cơ sở thống kê tổng hợp) nhằm mục đích nghiên cứu và phân tích thị trường, cải tiến cập nhật hệ thống, phân tích xu hướng và đánh giá hiệu quả của các bản cập nhật phần mềm. Thông tin cá nhân được tổng hợp sẽ không nhận dạng cá nhân hoặc bất kỳ cách sử dụng nào khác của bản cập nhật hệ thống.

Honda có thể chia sẻ dữ liệu này với tổ chức hỗ trợ trên toàn cầu của Honda hoặc các công ty con của Honda hoặc các bên thứ ba khác mà Honda liên kết nhằm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến hỗ trợ hệ thống.

*Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này là một phần không thể thiếu của xe và nên được kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho các loại xe của dòng xe này. Tài liệu này có thể miêu tả các thiết bị và tính năng không có trên xe bạn.

Những hình ảnh trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này (bao gồm cả bìa trước) miêu tả những tính năng, thiết bị, màn hình Âm thanh/Thông tin và màn hình Đồng hồ chỉ có ở một số loại xe nhất định, không phải có ở tất cả các loại xe.

Thông tin và các thông số kỹ thuật trong tài liệu này có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor có quyền cất bỏ hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu hướng dẫn này áp dụng với cả hai loại vô lăng bên phải và vô lăng bên trái, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại vô lăng bên trái.

Lái Xe An Toàn Tr. 37

Lái Xe An Toàn Tr. 38 Dây Đai An Toàn Tr. 43 Túi Khí Tr. 57

Bảng Điều Khiển Tr. 105

Đèn Báo Tr. 106 Đồng Hồ Đo và Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái Tr. 127

Điều Khiển Tr. 175

Đồng Hồ Tr. 176 Khóa và Mờ Khóa Cửa Tr. 180
Vận Hành Các Công Tác Quanh Vô Lăng Tr. 219
Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Tr. 262

Tính Năng Tr. 289

Hệ Thống Âm Thanh Tr. 290 Màn Hình Giải Trí* Tr. 292
Nhắc Nạp Nhiên Liệu* Tr. 390

Lái Xe Tr. 391

Trước Khi Lái Xe Tr. 392 Kéo Rơ-moóc Tr. 396 Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trở Tr. 397
Camera Lùi Đa Hướng* Tr. 545 Nạp Nhiên Liệu Tr. 547

Bảo Dưỡng Tr. 553

Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng Tr. 554 Hệ Thống Giám Sát Dầu* Tr. 557
Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt Nước Tr. 594
Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ Tr. 611

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 625

Dụng Cụ Tr. 626 Nếu Lốp Xe Bị Xẹp Tr. 628
Không Gạt Được Cản Số Tr. 665 Quá Nhiệt Tr. 666
Nếu Bạn Không Thể Mờ Được Cửa Hậu Tr. 686

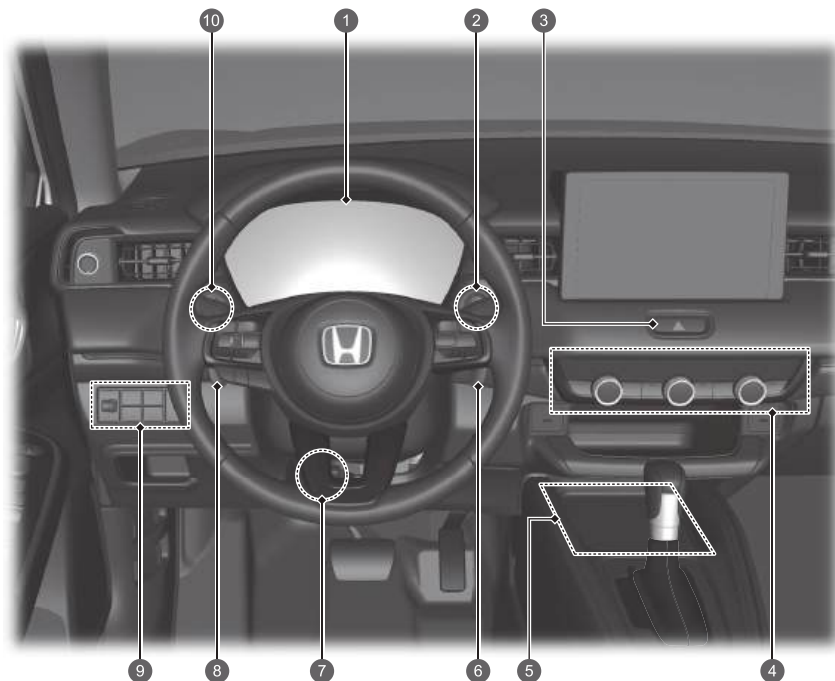
Thông Tin Tr. 693

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 694 Sổ Nhận Dạng Tr. 700

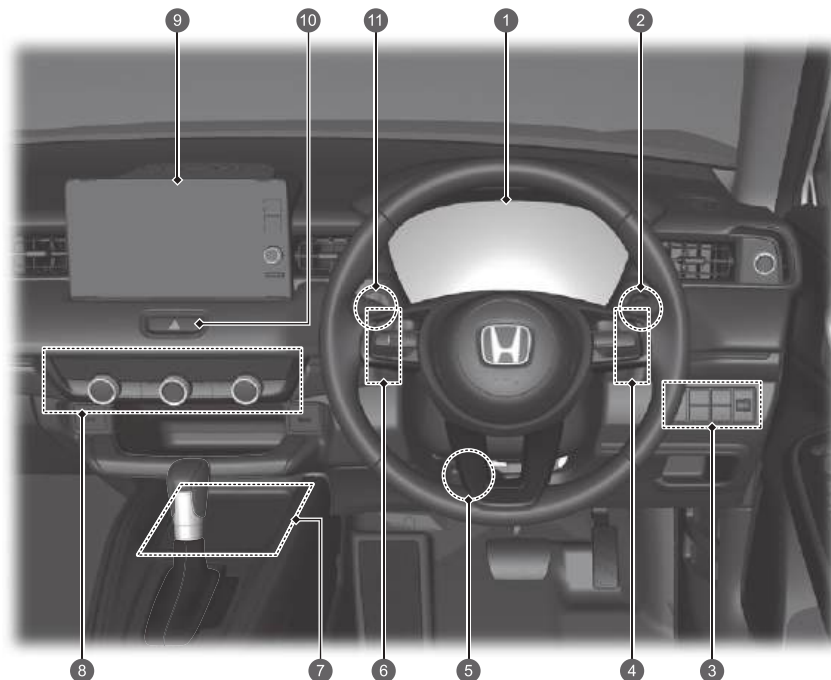
Nội Dung		
Hướng Dẫn Tham Khảo Nhanh Tr. 6		
Lái Xe An Toàn Tr. 37		
Bảng Điều Khiển Tr. 105		
Điều Khiển Tr. 175		
Tính Năng Tr. 289		
Lái Xe Tr. 391		
Bảo Dưỡng Tr. 553		
Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 625		
Thông Tin Tr. 693		
Mục lục Tr. 710		
An Toàn Cho Trẻ Tr. 69	Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 103	Nhân An Toàn Tr. 104
Cửa Hậu Tr. 200	Hệ Thống An Ninh Tr. 212	Cửa Kính Tr. 215
Gương Tr. 245	Ghế Ngồi Tr. 249	
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ Tr. 280		
Thông Báo Lỗi Âm Thanh* Tr. 379		Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh* Tr. 380
Khi Lái Xe Tr. 399	Honda SENSING* Tr. 439	Phanh Tr. 526
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO ₂ Tr. 551		Đổ Xe Tr. 537
		Xe Có Động Cơ Tăng Áp* Tr. 552
Lịch Bảo Dưỡng Tr. 563	Dưới Nắp Ca-pô Tr. 570	Thay Bóng Đèn Tr. 588
Kiểm Tra và Thay Lốp Tr. 599	Ắc Quy Tr. 605	Bảo Dưỡng Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa Tr. 609
Vệ Sinh Tr. 615	Phụ Kiện và Điều Chỉnh Tr. 622	
Khi Nâng Xe Bằng Kịch Tr. 653	Động Cơ Không Khởi Động Tr. 657	Nếu Ắc Quy Chết Tr. 662
Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy Tr. 669	Cầu Chì Tr. 676	Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 685
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio* Tr. 702	Tuân Thủ Quy Định* Tr. 708	Giấy Phép Mã Nguồn Mở* Tr. 709

Mục lục Trực Quan

Loại Vô Lãng Bên Trái



- 1 Đèn Báo Hệ Thống ➡ Tr.106
Đồng Hồ Đo ➡ Tr.127
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái ➡ Tr.150
- 2 Nút ENGINE START/STOP ➡ Tr.219
- 3 Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm
- 4 Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ ➡ Tr.280
Sấy Kính Sau ➡ Tr.242
- 5 Sạc Không Dây* ➡ Tr.274
- 6 Lấy Sang Số (Tăng Số)* ➡ Tr.411, 415
- 7 Điều Chỉnh Vô Lãng ➡ Tr.244
- 8 Lấy Sang Số (Giảm Số)* ➡ Tr.411, 415
- 9  Nút (TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)) ➡ Tr.429
 Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn* ➡ Tr.446, 447
 Nút Hệ Thống Cảm Biến Độ ➡ Tr.540
Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng* ➡ Tr.231
Nút Cửa Hạng Điện* ➡ Tr.207
- 10 Điều Chỉnh Độ Sáng ➡ Tr.243

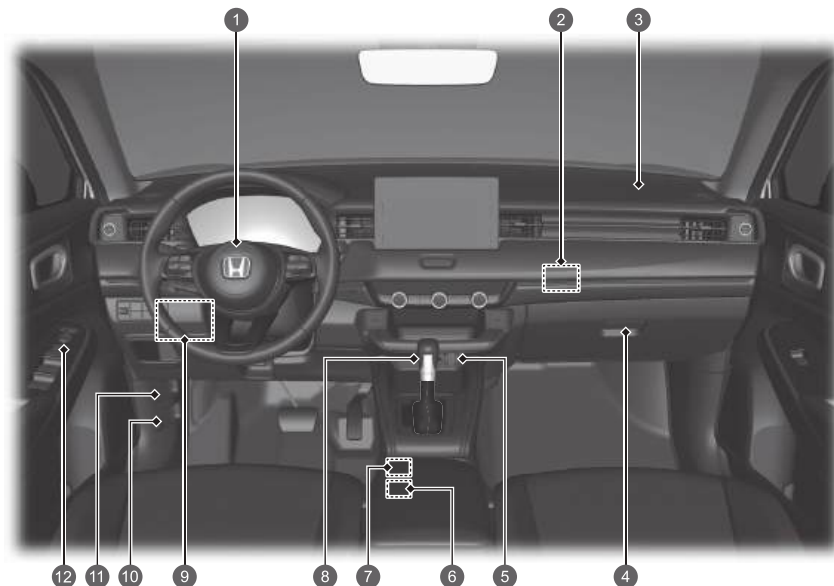


- 1 Đèn Báo Hệ Thống Tr.106
Đồng Hồ Đo Tr.127
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái Tr.130, 150
- 2 Nút ENGINE START/STOP Tr.219
- 3 Nút (TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)) Tr.429
 Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn* Tr.446, 447
 Nút Hệ Thống Cảm Biến Đổ* Tr.540
Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng* Tr.231
Nút Cửa Hậu Điện* Tr.207
- 4 Lấy Sang Số (Tăng Số)* Tr.411, 415
- 5 Điều Chỉnh Vô Lãng Tr.244
- 6 Lấy Sang Số (Giảm Số)* Tr.411, 415
- 7 Sạc Không Dây* Tr.274
- 8 Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ Tr.280
Sấy Kính Sau Tr.242
- 9 Hệ Thống Âm Thanh* Tr.290
Hệ Thống Định Vị*
 Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Hệ Thống Định Vị
- 10 Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm
- 11 Điều Chỉnh Độ Sáng Tr.243

Mục lục Trực Quan



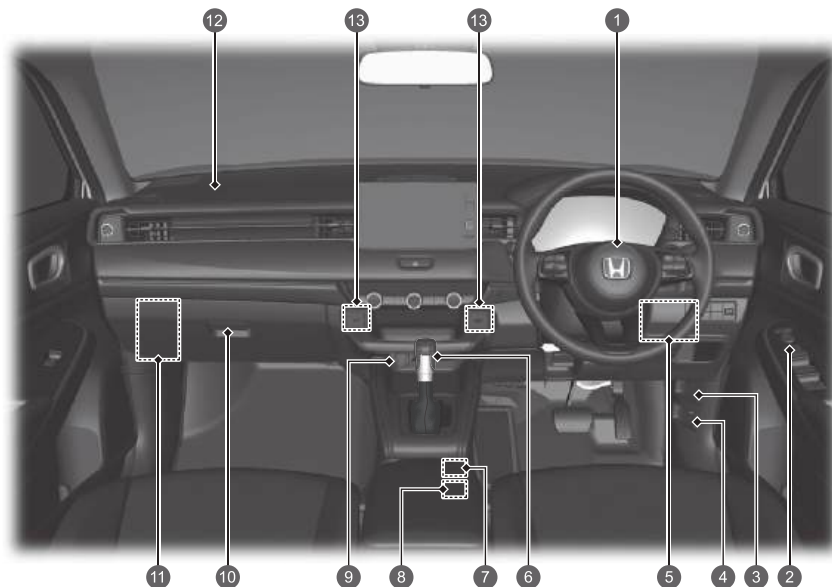
- 1 Đèn Chiếu Sáng/ Xi Nhan* ➡ Tr.222, 224
Đèn Sương Mù Trước* ➡ Tr.226
Đèn Sương Mù Sau* ➡ Tr.226
Cần Gạt Nước/Rửa Kính* ➡ Tr.239
- 2 Nút Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay* ➡ Tr.360
🏠 Nút (Màn Hình Chính) ➡ Tr.131, 151, 296
Vòng Lựa Chọn Bên Trái ➡ Tr.131, 151, 296
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa* ➡ Tr.296
- 3 🚗 Nút* ➡ Tr.440
- 4 Cần Gạt Nước/Rửa Kính* ➡ Tr.239
Đèn Chiếu Sáng/ Xi Nhan* ➡ Tr.222, 224
Đèn Sương Mù Trước* ➡ Tr.226
- 5 Nút Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC)
Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp* ➡ Tr.472
- 6 🚗 Nút Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)* ➡ Tr.496
📏 Nút Khoảng Cách* ➡ Tr.487
- 7 Còi (Ấn quanh 📢.)



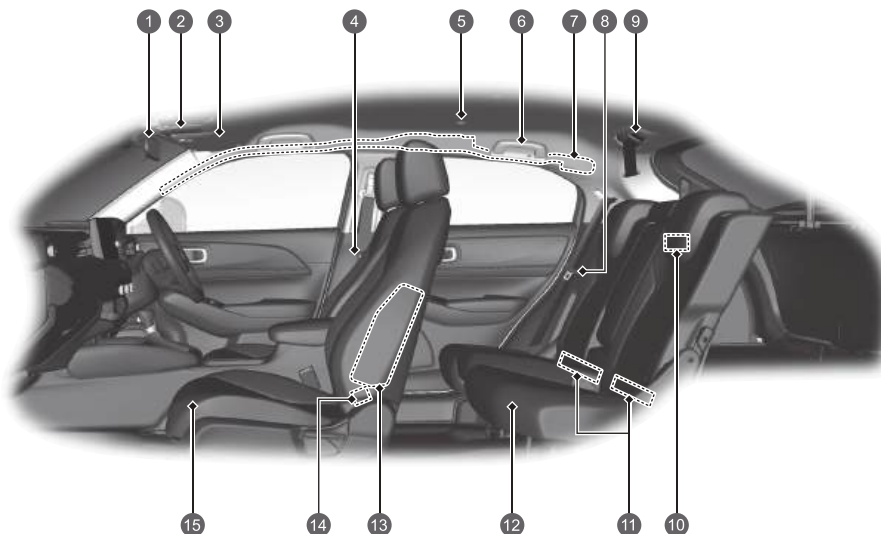
- ① Túi Khí Trước Phía Người Lái ➡ Tr.59
- ② Hộp Cầu Chi Trong Xe Phía Hành Khách ➡ Tr.682
- ③ Túi Khí Trước Phía Hành Khách ➡ Tr.59
- ④ Hộp Đựng Đồ ➡ Tr.265
- ⑤ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện ➡ Tr.273
- ⑥ Công Tắc Phanh Đỗ Điện ➡ Tr.526
Nút Giữ Phanh Tự Động ➡ Tr.530
- ⑦ Công Tắc Chế Độ Lái* ➡ Tr.423
 Nút ECON* ➡ Tr.416
 Nút Hỗ Trợ Đỗ Đèo ➡ Tr.427
 Nút TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* ➡ Tr.418
- ⑧ Cản Số ➡ Tr.408, 412
- ⑨ Hộp Cầu Chi Trong Xe Phía Người Lái ➡ Tr.678
- ⑩ Lấy Nhà Nấp Ca-pô ➡ Tr.572
- ⑪ Lấy Nhà Cửa Nạp Nhiên Liệu ➡ Tr.549
- ⑫ Điều Khiển Gương Cửa ➡ Tr.246
Công Tắc Khóa Cửa Chính ➡ Tr.197
Công Tắc Cửa Kính Điện ➡ Tr.216

Mục lục Trực Quan

Loại Vô Lãng Bên Phải

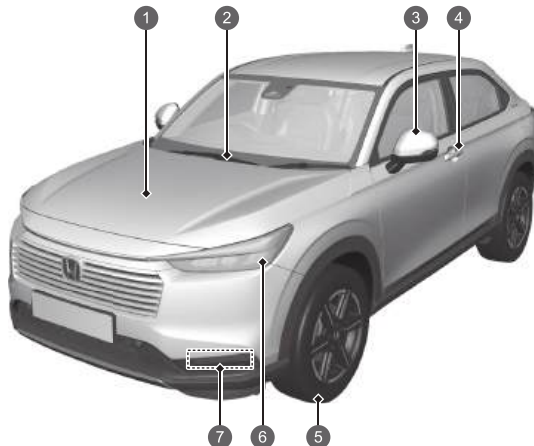


- ① Túi Khí Trước Phía Người Lái ➡ Tr.59
- ② Điều Khiển Gương Cửa ➡ Tr.246
Công Tắc Khóa Cửa Chính ➡ Tr.197
Công Tắc Cửa Kính Điện ➡ Tr.216
- ③ Lấy Nhà Cửa Nạp Nhiên Liệu ➡ Tr.549
- ④ Lấy Nhà Nắp Ca-pô ➡ Tr.572
- ⑤ Hộp Cầu Chi Trong Xe Phía Người Lái ➡ Tr.678
- ⑥ Cản Số ➡ Tr.408, 412
- ⑦ Công Tắc Chế Độ Lái* ➡ Tr.423
Nút ECON* ➡ Tr.416
Nút Hỗ Trợ Đỗ Đèo ➡ Tr.427
- ⑧ Công Tắc Phanh Đỗ Điện ➡ Tr.526
Nút Giữ Phanh Tự Động ➡ Tr.530
- ⑨ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện ➡ Tr.273
- ⑩ Hộp Đựng Đồ ➡ Tr.265
- ⑪ Hộp Cầu Chi Trong Xe Phía Hành Khách ➡ Tr.682
- ⑫ Túi Khí Trước Phía Hành Khách ➡ Tr.59
- ⑬ Cổng USB* ➡ Tr.295



- ➊ **Gương Chiếu Hậu** ➡ Tr.245
- ➋ **Đèn Đọc Sách** ➡ Tr.263
- ➌ **Tấm Che Nắng** ➡ Tr.272
Gương Cá Nhân
- ➍ **Dây Đai An Toàn** ➡ Tr.43
- ➎ **Đèn Đọc Sách** ➡ Tr.263
- ➏ **Tay Nắm Cửa**
Móc Treo Áo ➡ Tr.267
- ➐ **Túi Khí Rèm*** ➡ Tr.64
- ➑ **Dây Đai An Toàn (Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em)** ➡ Tr.96
Dây Đai An Toàn để Cố Định Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em ➡ Tr.98
- ➒ **Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo*** ➡ Tr.52
- ➓ **Đèn Khoang Hành Lý** ➡ Tr.264
- ➑ **Điểm Móc Neo Dưới để Cố Định Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em** ➡ Tr.92
- ➒ **Ghế Sau** ➡ Tr.253
- ➓ **Túi Khí Bên** ➡ Tr.62
- ➑ **Cổng USB*** ➡ Tr.291
- ➒ **Ghế Trước** ➡ Tr.249

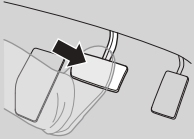
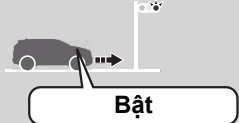
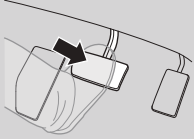
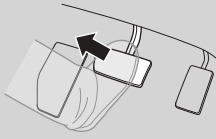
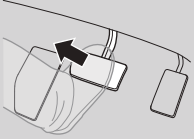
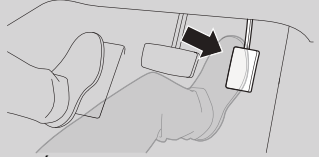
Mục lục Trực Quan



- 1 Dưới Nắp Ca-pô ➡ Tr.570
- 2 Cần Gạt Nước Kính Chắn Gió ➡ Tr.239, 594
- 3 Gương Cửa Điện ➡ Tr.246
Đèn Xi Nhan Bên ➡ Tr.224, 588
- 4 Điều Khiển Khóa/Mở Khóa Cửa ➡ Tr.183
- 5 Lốp Xe ➡ Tr.599, 628
- 6 Đèn Chiếu Sáng ➡ Tr.222, 588
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày ➡ Tr.222, 228, 588
Đèn Xi Nhan Trước ➡ Tr.224, 588
- 7 Đèn Sương Mù Trước* ➡ Tr.226, 588
- 1 Đèn Phanh Cao ➡ Tr.592
- 2 Cần Gạt Nước Sau ➡ Tr.241, 597
- 3 Mở/Đóng Cửa Hậu ➡ Tr.200
Tay Nắm Bên Ngoài Cửa Hậu ➡ Tr.201
Đèn Biển Số Sau ➡ Tr.222, 592
- 4 Camera Lùi Đa Hướng* ➡ Tr.545
- 5 Đèn Hậu ➡ Tr.222, 591, 592
Đèn Lùi ➡ Tr.591, 592
Đèn Sương Mù Sau* ➡ Tr.226, 591, 592
- 6 Đèn Phanh/Đèn Hậu ➡ Tr.222, 589, 592
Đèn Xi Nhan Sau ➡ Tr.224, 589, 592
- 7 Cửa Nạp Nhiên Liệu ➡ Tr.549

Chức Năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*

Để cải thiện hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu, động cơ sẽ dừng và sau đó khởi động lại như mô tả chi tiết dưới đây. Khi bật chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, đèn báo hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (màu xanh lục) sẽ sáng. ➡ Tr.417

Khi	Hộp số vô cấp	Trạng thái động cơ
Giảm tốc 	Giữ Phanh Tự Động Tắt ➡ Tr.530  Giữ Phanh Tự Động Bật ➡ Tr.530  Nhấn bàn đạp phanh.	
Dừng 	 Nhấn giữ bàn đạp phanh.   Với hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt, bạn có thể nhả bàn đạp phanh khi đèn báo (A) (màu xanh lục) sáng.	
Khởi động	 Nhả bàn đạp phanh.  Với hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt, nhấn bàn đạp ga.	

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Lái Xe An Toàn ➡ Tr.37

Danh Mục Kiểm Tra Trước Khi Lái Xe ➡ Tr.42

- Trước khi lái xe, hãy kiểm tra xem các ghế trước, tựa đầu, vô lăng và các gương đã được điều chỉnh đúng chưa.

Dây Đai An Toàn ➡ Tr.43

- Thắt dây đai an toàn và ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra xem hành khách trên xe đã thắt dây đai an toàn đúng cách chưa.



Thắt dây đai an toàn
hông càng thấp càng tốt.

Khí Xả Nguy Hiểm ➡ Tr.103

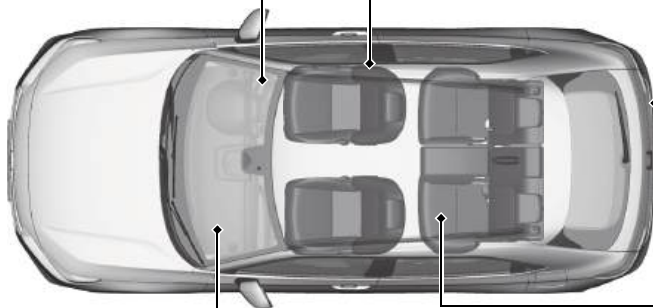
- Xe của bạn thải ra một lượng khí xả nguy hiểm có chứa hàm lượng CO. Không khởi động xe ở không gian hẹp, kín nơi có thể tích tụ CO.

An Toàn Cho Trẻ ➡ Tr.69

- Tất cả trẻ em từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau.

Túi Khí ➡ Tr.57

- Xe của bạn được trang bị các túi khí để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh.



Bảng Điều Khiển ➡ Tr.105

Đèn Báo ➡ Tr.106 / Đồng Hồ Đo ➡ Tr.127 / Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái ➡ Tr.130, 150

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông* ➡ Tr.129

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ ➡ Tr.127

Đèn Viên Đồng Hồ ➡ Tr.127

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe ➡ Tr.127



Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái ➡ Tr.130

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu ➡ Tr.127

Nhiệt Độ Ngoài Trời ➡ Tr.128

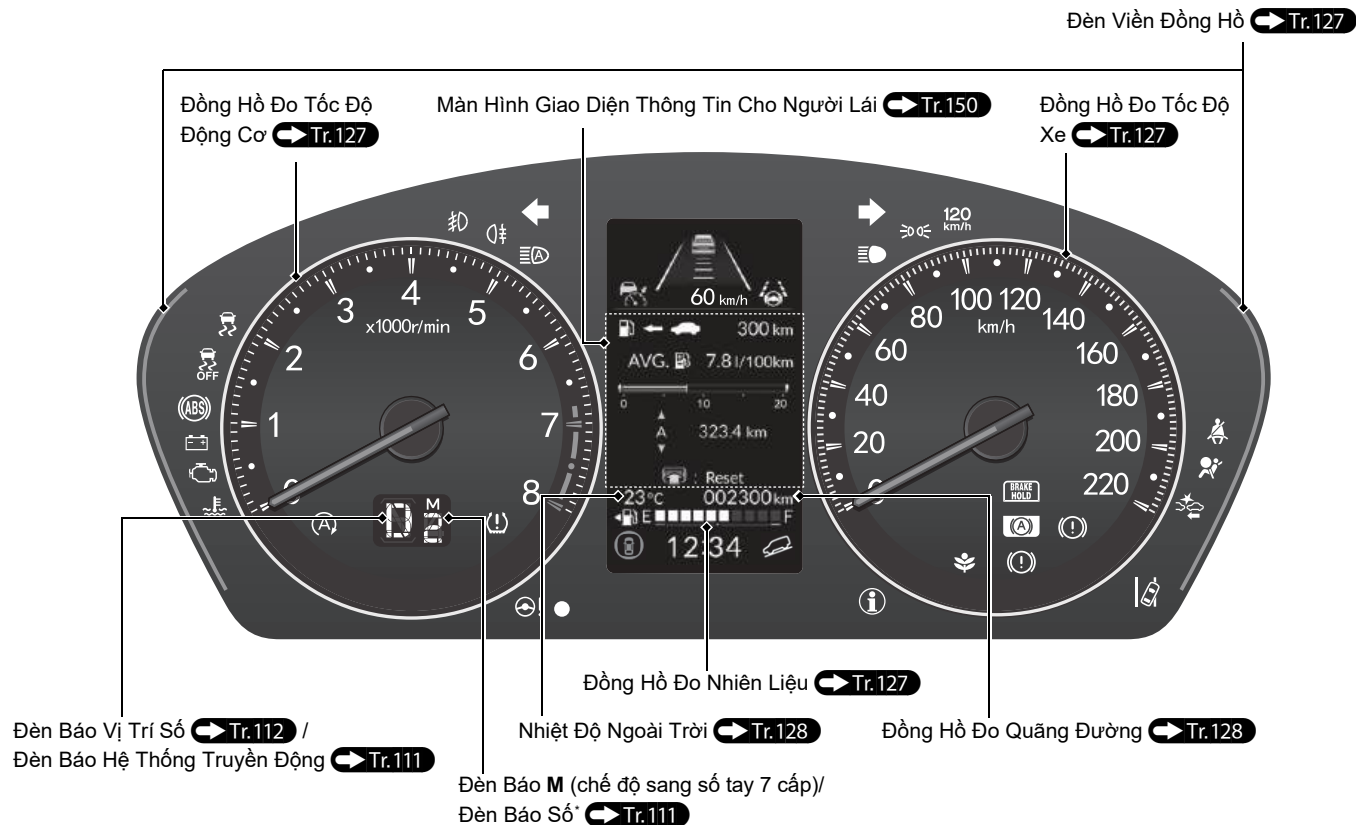
Đồng Hồ Đo Quãng Đường ➡ Tr.128

Đèn Báo Vị Trí Số ➡ Tr.112 /

Đèn Báo Hệ Thống Truyền Động ➡ Tr.111

Đèn Báo M (chế độ sang số tay 7 cấp)/

Đèn Báo Số ➡ Tr.111



Điều Khiển ➡ Tr.175

Đồng Hồ ➡ Tr.176

Loại xe Australia, Fiji, và Singapore

Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ và tùy chọn màn hình đồng hồ.

➡ Tr.306

Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji và Singapore



- 1 Ấn nút (Màn Hình Chính).
- 2 Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
- 3 Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock Setup^{*1}/Clock setup^{*2}**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
- 4 Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock Adjustment^{*1}/Adjust clock^{*2}**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

- 5 Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi giờ, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
- 6 Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi phút, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

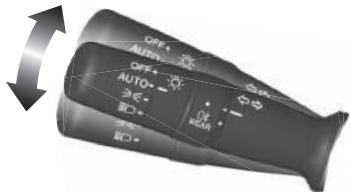
Nút ENGINE START/ STOP ➡ Tr.219

Ấn nút để thay đổi chế độ nguồn của xe.



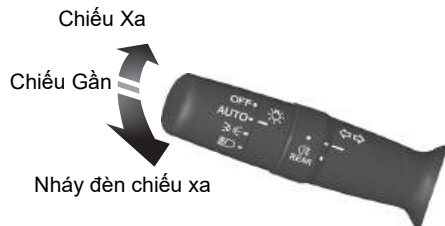
Xi nhan ➡ Tr.224

Cần Điều Khiển Xi Nhan



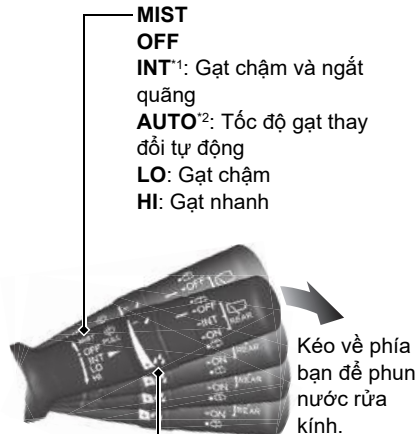
Đèn ➡ Tr.222

Công Tắc Điều Khiển Đèn



Cần Gạt Nước và Rửa Kính ➡ Tr.239

Cần Điều Khiển Gạt Nước/Rửa Kính



Vòng Điều Chỉnh

- [-] : Gạt chậm, gạt ít^{*1}
- [-] : Độ nhạy thấp^{*2}
- [+] : Gạt nhanh, gạt nhiều^{*1}
- [+] : Độ nhạy cao^{*2}

*1: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay

*2: Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

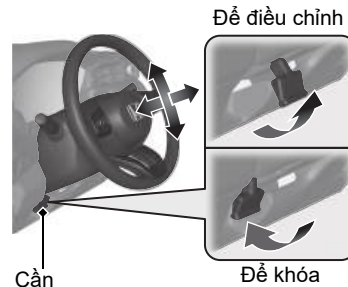
Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn **TẮT** chế độ **AUTO** khi:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Trời không mưa

Vô Lãng ➡ Tr.244

- Để điều chỉnh, kéo cần điều chỉnh về phía bạn, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về đúng vị trí.



Mở Khóa Cửa Người Lái và Cửa Phía Hành Khách Trước* từ Bên Trong

➡ Tr.196

- Kéo tay nắm bên trong cửa người lái và cửa phía hành khách trước* để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.

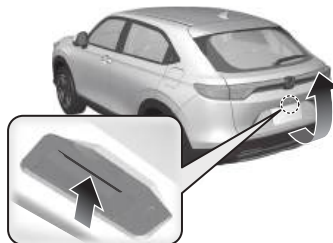


Cửa Hậu ➡ Tr.200

- Ấn tay nắm bên ngoài để mở khóa và mở cửa hậu khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

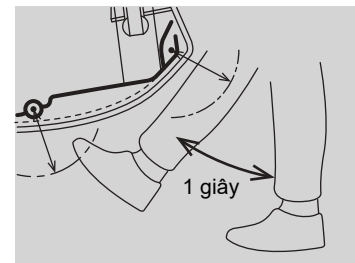
Loại xe có cửa hậu điện

- Ấn nút cửa hậu điện trên bảng điều khiển phía người lái.
- Ấn nút cửa hậu điện trên chìa khóa điều khiển từ xa.



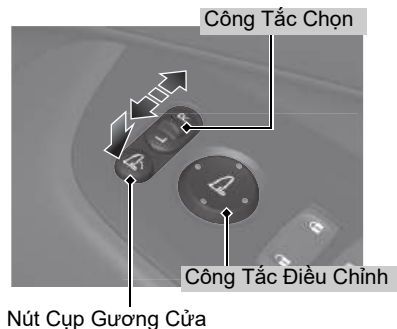
Loại xe có cửa hậu điện

Huơ chân vào bên dưới ở giữa cản sau để mở hoặc đóng cửa hậu khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.



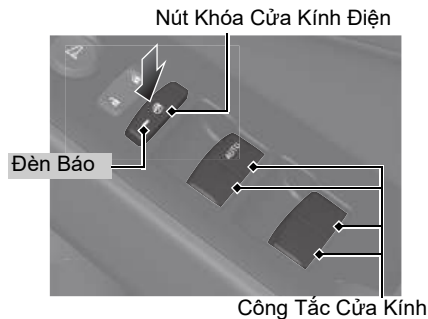
Gương Cửa Điện ➡ Tr.246

- Khi chế độ nguồn ở BẬT, gạt công tắc chọn đến **L** hoặc **R**.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút cụp gương cửa để cụp và mở các gương cửa.



Cửa Kính Điện ➡ Tr.215

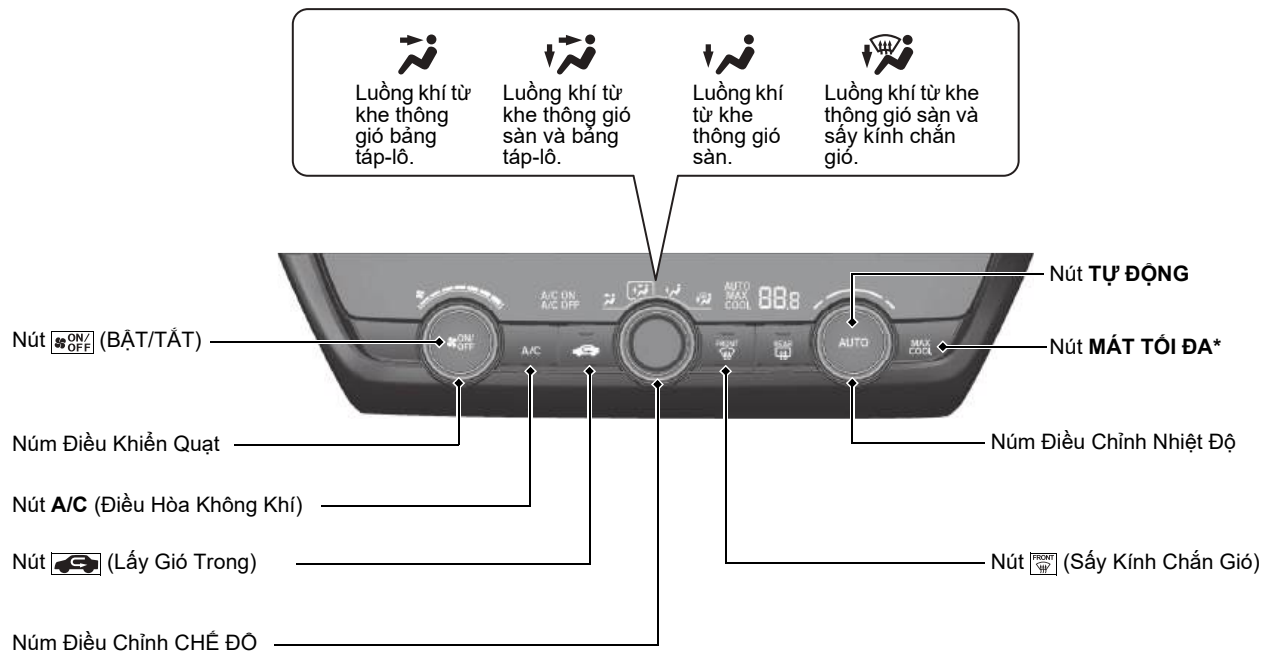
- Mở và đóng các cửa kính điện khi chế độ nguồn ở BẬT.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, có thể mở và đóng từng cửa kính điện phía hành khách bằng công tắc của mỗi cửa.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí bật (đèn báo sáng), các công tắc cửa kính điện phía hành khách sẽ không thể hoạt động.



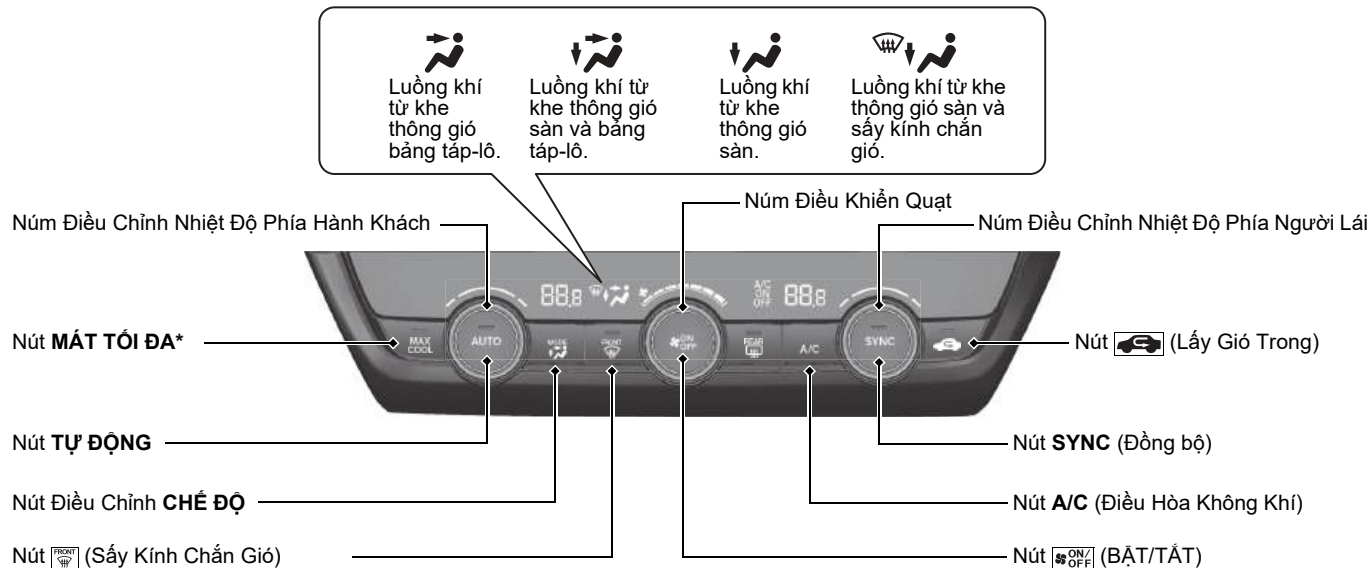
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ Tr.280

- Ấn nút **AUTO** để kích hoạt hệ thống điều khiển nhiệt độ.
- Ấn nút **ON/OFF** để bật hoặc tắt hệ thống.
- Ấn nút **FRONT DEF** để làm tan sương kính chắn gió.

Loại xe không có nút SYNC



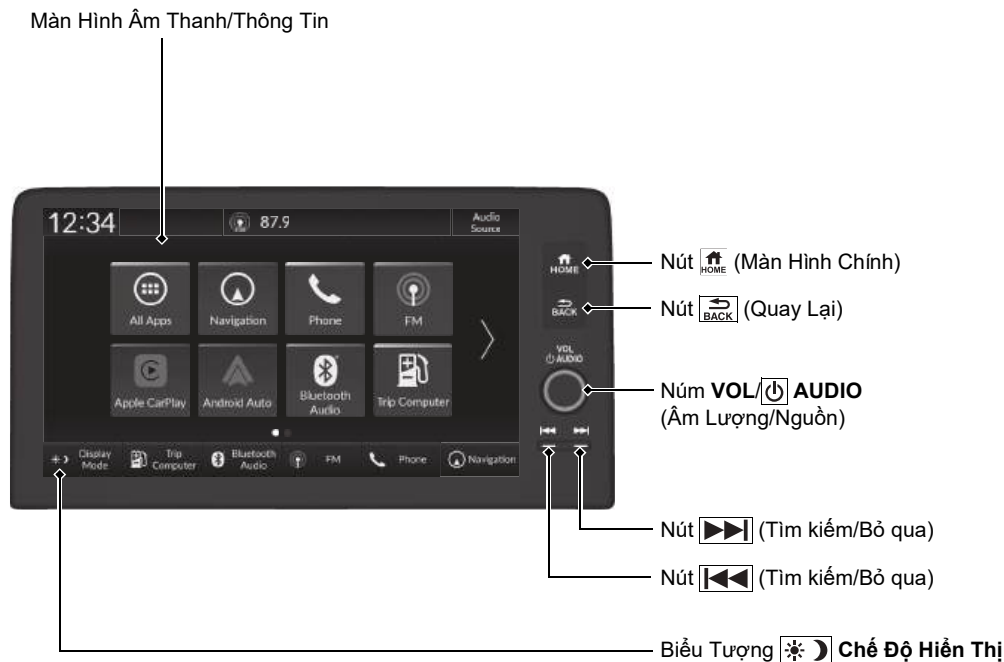
* Không có sẵn ở tất cả các loại xe



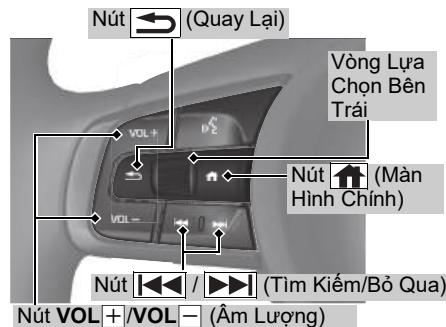
Tính Năng Tr.289

Hệ Thống Âm Thanh* Tr.290, 292

Về hoạt động của hệ thống định vị  Tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Định Vị



Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa*



● Nút **VOL+**/**VOL-** (Âm Lượng)

Ấn để tăng/giảm âm lượng.

● Vòng Lựa Chọn Bên Trái

Khi chọn chế độ âm thanh

Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn

lên hoặc cuộn xuống để chọn  (âm

thanh) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Cuộn lên hoặc cuộn xuống: Để chuyển chế độ âm thanh, cuộn lên hoặc cuộn xuống, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái: FM/AM/DAB*/iPod/USB/Apple CarPlay/Android Auto/Âm Thanh *Bluetooth*®.

Tùy vào thiết bị được kết nối, các chế độ hiển thị có thể thay đổi.

● Nút / (Tìm Kiếm/Bỏ Qua)

Radio: Ấn  /  để chuyển kênh cài đặt sẵn.

iPod, USB, Âm Thanh *Bluetooth*® hoặc Kết Nối Điện Thoại Thông Minh:

Ấn  /  để bỏ qua đến phần đầu của bài hát tiếp theo hoặc quay lại phần đầu của bài hát đang phát.

Radio: Ấn và giữ  /  để chuyển sang kênh có tín hiệu mạnh.

USB: Ấn và giữ  /  để chuyển thư mục.

iPod: Ấn và giữ  /  để chuyển bài.

Tùy vào thiết bị được kết nối, các thao tác có thể thay đổi.

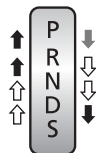
Lái Xe

Hộp Số Vô Cấp

- Sang số **P** và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Loại xe không có công tắc chế độ lái

Sang Số



↓
Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhà cần số để sang số.

↑↓
Sang số mà không ấn nút nhà cần số.

↑↓
Ấn nút nhà cần số và sang số.

P

Số Đỗ

Dừng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

R

Số Lùi

Dừng khi lùi xe.

N

Số Không

Hộp số không bị khóa.

D

Số Lái

Dùng để:

- Lái thường.
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số tay 7 cấp.*

S

Số Lái (Số S)

Dùng để:

- Tăng tốc tốt hơn.
- Tăng phanh động cơ.
- Khi lên dốc hoặc xuống dốc.
- Khi lái ở chế độ sang số tay 7 cấp.*



Nút Nhà

Chế độ sang số tay 7 cấp*

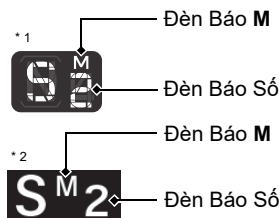
- Cho phép bạn tăng hoặc giảm số bằng tay mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

Khi cần số ở **S**

- Kéo lấy sang số để thay đổi từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số tay 7 cấp.
- Đèn báo **M** và số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

Khi cần số ở **D**

- Kéo lấy sang số để thay đổi tạm thời từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số tay 7 cấp. Số cấp được chọn sẽ hiển thị trên đèn báo số.



Lấy Sang
Số (-)



Lấy Sang
Số (+)



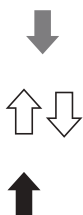
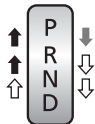
*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Loại xe có công tắc chế độ lái

Sang Số



Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhà cần số để sang số.

Sang số mà không ấn nút nhà cần số.

Ấn nút nhà cần số và sang số.



P Số Đỗ
Dừng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

R Số Lùi
Dùng khi lùi xe.

N Số Không
Hộp số không bị khóa.

D Số Lái
Dùng để:
• Để lái thường.
• Khi lái tạm thời ở chế độ sang số tay 7 cấp.
• Khi lái ở chế độ sang số tay 7 cấp (khi lái ở chế độ SPORT).

Chế độ sang số tay 7 cấp Tr.414

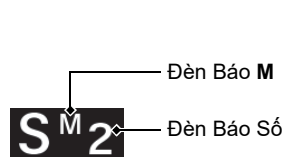
- Cho phép bạn tăng hoặc giảm số bằng tay mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

Khi cần số ở **D** ở chế độ SPORT

- Kéo lấy sang số để thay đổi từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số tay 7 cấp.
- Đèn báo **M** và số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

Khi cần số ở **D**

- Kéo lấy sang số để thay đổi tạm thời từ chế độ số vô cấp sang chế độ sang số tay 7 cấp. Số cấp được chọn sẽ hiển thị trên đèn báo số.



Lấy Sang Số (-)



Lấy Sang Số (+)



Bật và Tắt CMBS* ➡ Tr.446

- Khi khả năng xảy ra va chạm phía trước là không thể tránh được, CMBS có thể giúp bạn giảm tốc độ của xe và giảm mức độ nghiêm trọng của va chạm.
- CMBS hoạt động bất cứ khi nào khởi động động cơ.

Loại xe có Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn

- Để bật hoặc tắt CMBS, hãy sử dụng công tắc hỗ trợ an toàn.

Loại xe không có Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn

- Để bật hoặc tắt CMBS, hãy sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Bật và Tắt VSA ➡ Tr.429

- Hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua và giúp duy trì độ bám đường khi xe tăng tốc trên bề mặt trơn hoặc lầy.
- VSA hoạt động bất cứ khi nào khởi động động cơ.
- Để bật hoàn toàn hoặc tắt một phần VSA, ấn và giữ nút  (TẮT VSA) đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

Loại xe Đài Loan

Hệ Thống Theo Dõi Áp Suất Lốp (TPMS) ➡ Tr.431

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng và kích thước lốp do áp suất lốp giảm.
- TPMS tự động bật bất cứ khi nào khởi động động cơ.
- Cần thực hiện quy trình hiệu chỉnh ở một số điều kiện nhất định.

Ngoại trừ loại xe Đài Loan

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* ➡ Tr.434

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng và kích thước lốp do áp suất lốp giảm.
- Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp sẽ tự động bật mỗi khi khởi động động cơ.
- Cần thực hiện quy trình hiệu chỉnh*/Khởi tạo* ở một số điều kiện nhất định.

Nạp Nhiên Liệu ➡ Tr.547

Nhiên liệu khuyên dùng:

Loại xe Indonesia

Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên

Loại xe Đài Loan

Xăng không chì, chỉ số Octan 92 trở lên

Loại xe Malaysia

Xăng cao cấp không chì, chỉ số Octan 95 trở lên

Loại xe Pakistan

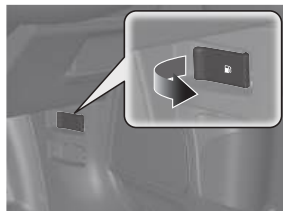
Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2mg/Lít, chỉ số Octan 91 trở lên

Ngoại trừ loại xe Malaysia, Indonesia, Đài Loan và Pakistan

Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên

Dung tích bình nhiên liệu: 40 L

1 Kéo lấy nhà cửa nạp nhiên liệu.



2 Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu để tháo nắp.



3 Đặt nắp lên ngăn cửa nạp nhiên liệu.

4 Sau khi nạp nhiên liệu, vặn nắp lại cho đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.



Honda SENSING*

➡ P.439

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe như khi tăng tốc, phanh, và đánh lái để hỗ trợ người lái cũng như giảm mức độ nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Honda SENSING có các chức năng sau:

Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS)

➡ Tr.442

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với một xe khác (kể cả xe máy) vượt lên từ phía sau, xe đang đến gần từ phía trước, xe đang đi đến từ bên cạnh^{*1}, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển). CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

*1 : Ngoại trừ loại xe Malaysia, Pakistan và Đài Loan

*2 : Loại xe Australia và Fiji

Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp*

➡ Tr.456

Hệ thống này sử dụng các cảm biến siêu âm nằm ở cản trước và cản sau để phát hiện nguy cơ xảy ra va chạm với tường hoặc vật cản khác trong khi lái xe bình thường hoặc khi nhấn bàn đạp ga với lực quá mạnh. Sau đó, hệ thống sẽ hỗ trợ tránh va chạm và giảm thiệt hại do va chạm thông qua chức năng Phanh ở Tốc độ Thấp và/hoặc Kiểm Soát Bướm Ga Giảm Va Chạm và Kiểm Soát Bướm Ga Giảm Va Chạm Phía Sau.

Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường ➡ Tr.462

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi)^{*2} hoặc phát hiện có xe đang đến gần².

Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dài Tốc Độ Thấp ➡ Tr.472

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước, và nếu phát hiện xe phía trước chuẩn bị dừng lại, hệ thống sẽ giảm tốc độ xe và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) ➡ Tr.492

Hỗ trợ đánh lái nhằm duy trì xe ở giữa làn đường, và nếu phát hiện xe nằm ngoài làn đường, hệ thống sẽ đưa ra các cảnh báo dưới dạng hình ảnh, âm thanh và rung vô lăng.

Loại xe Australia và Fiji

Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường ➡ Tr.504

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sử dụng camera góc rộng phía trước được gắn phía trên kính chắn gió để phát hiện và theo dõi các vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải màu trắng (hoặc màu vàng). Dựa trên hình ảnh từ camera góc rộng phía trước, hệ thống có thể tác động mô-men xoắn lên hệ thống lái để giữ xe của bạn đi ở giữa làn đường được phát hiện.

Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

➡ Tr.513

Đưa ra cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại nhưng xe phía trước lại bắt đầu di chuyển.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*

➡ Tr.518

Nhắc nhở bạn về thông tin trên biển báo đường bộ, chẳng hạn như thông tin xe của bạn đang vượt quá giới hạn tốc độ trên biển báo và cho hiển thị thông tin đó trên đồng hồ đo.

Đèn Pha Thích Ứng Tự Động*

➡ Tr.232

Camera góc rộng phía trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe như đèn của xe phía trước hoặc xe ngược chiều hoặc đèn đường. Khi lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống.

Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh*

➡ Tr.235

Khi lái xe vào ban đêm, camera góc rộng phía trước sẽ phát hiện các nguồn sáng như đèn đường hoặc đèn của xe ngược chiều đang đến gần hoặc xe phía trước cùng chiều. Hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống. Ngoài ra, hệ thống sẽ tự động điều chỉnh sự phân bố ánh sáng của đèn chiếu xa để giảm độ chói cho các xe phía trước cùng chiều hoặc xe ngược chiều đang đến gần.

Hệ Thống Cảm Biến Đổ*

➡ Tr.539

Các cảm biến góc và cảm biến giữa theo dõi các vật cản gần xe bạn, tiếng bíp, màn hình giao diện thông tin cho người lái và màn hình âm thanh/ thông tin* giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

Bảo Dưỡng ➡ Tr.553

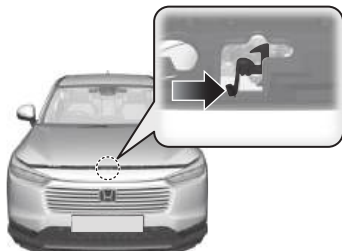
Dưới Nắp Ca-pô ➡ Tr.570

- Kiểm tra dầu động cơ, nước làm mát động cơ và nước rửa kính chắn gió. Bổ sung nếu cần thiết.
- Kiểm tra dầu phanh.
- Kiểm tra tình trạng ắc quy hàng tháng.

1 Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc bảng táp-lô.



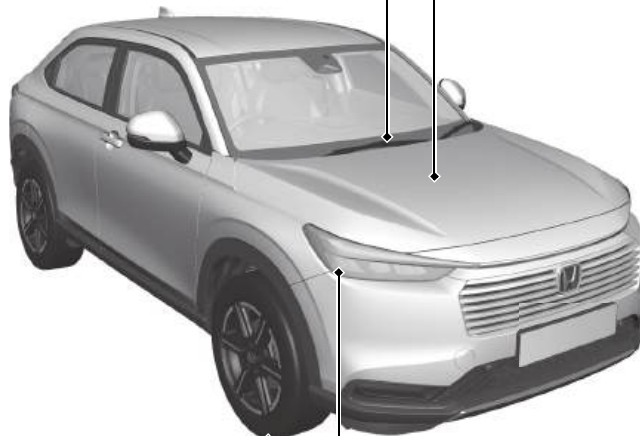
2 Xác định vị trí cần chốt nắp ca-pô, đẩy cần sang bên, sau đó nâng nắp ca-pô lên. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.



3 Khi thực hiện xong, đóng nắp ca-pô và đảm bảo nắp ca-pô đã được khóa chắc chắn vào đúng vị trí.

Lưới Gạt Nước ➡ Tr.594

- Thay lưới gạt nếu lưới gạt để lại vệt trên kính chắn gió hoặc có tiếng ồn.



Lốp Xe ➡ Tr.599

- Kiểm tra lốp và vành xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên.
- Lắp lốp mùa đông khi lái xe vào mùa đông.

Đèn ➡ Tr.588

- Kiểm tra tất cả các đèn thường xuyên.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ ➡ Tr.625

Xẹp Lốp ➡ Tr.628

Loại xe có lốp dự phòng

- Đổ xe ở nơi an toàn và lấy lốp dự phòng trong khoang hành lý để thay cho lốp bị xẹp.

Loại xe có dụng cụ vá lốp

- Đổ xe ở nơi an toàn và vá lốp bị xẹp bằng dụng cụ vá lốp.



Động Cơ Không Khởi Động ➡ Tr.657

- Nếu ắc quy chết, khởi động bằng ắc quy tăng cường.



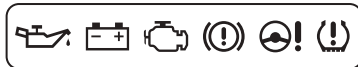
Quá Nhiệt ➡ Tr.666

- Đổ xe ở nơi an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, hãy mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.



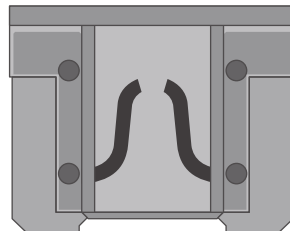
Đèn Báo Sáng ➡ Tr.669

- Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng để nhận diện đèn báo.



Nở Cầu Chì ➡ Tr.676

- Kiểm tra nở cầu chì nếu có một thiết bị điện không hoạt động.



Kéo Xe Khẩn Cấp ➡ Tr.685

- Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.



Làm Gì Nếu

Q Chế độ nguồn không thay đổi từ **TẮT MÁY (KHÓA)** sang **PHỤ KIỆN**. Tại Sao?

A

- Vô lăng có thể bị khóa.
- Xoay vô lăng sang trái và sang phải sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.



Q Chế độ nguồn không thay đổi từ **PHỤ KIỆN** sang **TẮT MÁY (KHÓA)**. Tại Sao?

A Gạt cần số đến **P**.



Q Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn phanh?

A Điều này có thể xảy ra khi ABS hoạt động, đó là điều bình thường. Nhấn bàn đạp phanh hết cỡ, chắc chắn. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.

➡ **Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)** ➡ Tr.534

Q Không mở được cửa sau từ bên trong xe. Tại Sao?

A Kiểm tra xem khóa trẻ em có ở vị trí khóa không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm bên ngoài cửa. Để hủy chức năng này, gạt cần đến vị trí mở khóa.



Q Tại sao các cửa khóa lại sau khi tôi mở khóa các cửa?

A Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, các cửa sẽ tự động khóa lại để đảm bảo an toàn.

Q Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi mở cửa người lái?

A Tiếng bíp vang lên khi:

- Chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN.
- Các đèn ngoài xe còn sáng.

Loại xe có chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

- Chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.

Q Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi ra khỏi xe sau khi tôi đóng cửa?

A Tiếng bíp vang lên nếu bạn di chuyển ra ngoài phạm vi hoạt động của chức năng tự động khóa cửa khi ra khỏi xe trước khi cửa đóng hoàn toàn.

➡ **Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)** ➡ Tr.187

Q Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi bắt đầu lái xe?

A Tiếng bíp vang lên khi người lái và/hoặc hành khách trước không thắt dây đai an toàn.

Q Ấn công tắc phanh đỗ điện mà không nhả phanh đỗ. Tại Sao?

A Ấn công tắc phanh đỗ điện và nhấn bàn đạp phanh.

Q

Loại xe có Hệ Thống Theo Dõi Áp Suất Lốp (TPMS)/Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Tôi thấy đèn báo lốp màu hổ phách có dấu chấm than. Đó là gì?

A

Cần chú ý đến Hệ Thống Theo Dõi Áp Suất Lốp (TPMS)* / Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* Nếu bạn vừa bơm hoặc thay lốp, cần hiệu chỉnh lại hệ thống.

➤ Hệ Thống Theo Dõi Áp Suất Lốp (TPMS) ➡ Tr.431

➤ Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* ➡ Tr.434

Q

Nhấn bàn đạp ga mà phanh đỗ không tự động nhả. Tại Sao?

A

- Thắt dây đai an toàn người lái.
- Kiểm tra xem cần số có ở **P** hoặc **N**. Nếu có, chọn số khác.

Q

Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít lên khi nhấn bàn đạp phanh?

A

Có thể cần thay má phanh. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.



Loại xe Malaysia

Nên sử dụng xăng không chì với Chỉ Số Octan (RON) từ 95 trở lên.

Có thể sử dụng xăng không chì có Chỉ Số Octan (RON) từ 91 trở xuống cho loại xe này không?



Dùng xăng có chỉ số Octan thấp có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ.

Sử dụng xăng có chỉ số Octan dưới 91 có thể làm hỏng động cơ.



Loại xe Pakistan

Có thể sử dụng xăng không chì có Chỉ Số Octan (PON) từ 91 trở lên cho loại xe này không?



Xăng không chì EURO V/5 có chỉ số Octan 91 trở lên là loại xăng dành cho xe của bạn. Dùng xăng không chì loại thông thường có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng loại thông thường trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ.

Lái Xe An Toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và tài liệu hướng dẫn này.

Lái Xe An Toàn

Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn	38
Thông Tin Xử Lý Quan Trọng	40
Tính Năng An Toàn Của Xe	41
Danh Mục Kiểm Tra An Toàn	42

Dây Đai An Toàn

Dây Đai An Toàn Của Xe	43
Thắt Dây Đai An Toàn	49
Kiểm Tra Dây Đai An Toàn	55
Điểm Neo	56

Túi Khí

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí	57
-----------------------------------	----

Loại Túi Khí	59
Túi Khí Trước (SRS)	59
Túi Khí Bên	62
Túi Khí Rèm*	64
Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí	66
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí	68

An Toàn Cho Trẻ

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ	69
An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ	73
An Toàn Cho Trẻ Lớn	100

Khí Xả Nguy Hiểm

Khí CO	103
--------------	-----

Nhãn An Toàn

Vị Trí Nhãn	104
-------------------	-----

Những trang sau đây trình bày về các tính năng an toàn của xe và cách sử dụng các tính năng đó một cách chính xác. Dưới đây là những chú ý về an toàn quan trọng nhất mà bạn cần lưu ý.

Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

■ Luôn thắt dây đai an toàn

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống va chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

■ Bảo vệ trẻ ở tất cả các lứa tuổi

Trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau, không nên ngồi ghế trước để đảm bảo an toàn. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ nên được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế lót đặc biệt và thắt dây đai an toàn hông/vai đến khi trẻ có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế lót đặc biệt.

■ Chú ý những nguy hiểm khi sử dụng túi khí

Túi khí có thể bảo vệ an toàn, tuy nhiên nó cũng có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong cho người ngồi quá gần túi khí, hoặc không thắt dây đai an toàn đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Phải tuân theo những hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu này.

■ Không lái xe khi đã uống bia rượu

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kỵ. Chỉ cần uống một lượng nhỏ bia rượu cũng có thể làm giảm khả năng phản xạ của bạn với thay đổi xung quanh, và tốc độ phản ứng càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó, khi đã uống rượu bia thì không lái xe và cũng không nên để cho bạn bè của bạn làm như vậy.

☒ Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

Một số quốc gia cấm sử dụng điện thoại di động ngoại trừ thiết bị điện thoại rảnh tay khi đang lái xe.

■ Tập trung lái xe để đảm bảo an toàn

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện và người đi đường khác từ đó có thể gây ra va chạm. Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến việc khác.

■ Kiểm soát tốc độ

Lái xe quá nhanh là nguyên nhân chính gây thương tích và tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi lái ở tốc độ chậm. Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện lúc đang lái, bất kể tốc độ tối đa cho phép là bao nhiêu.

■ Giữ xe trong điều kiện hoạt động an toàn

Tình trạng xe bị xẹp lốp hoặc bị trục trặc kỹ thuật có thể rất nguy hiểm. Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác thường xuyên cũng như duy trì bảo dưỡng định kỳ.

■ Luôn giám sát trẻ nhỏ ngồi trên xe

Trẻ nhỏ, vật nuôi và người khuyết tật ở trong xe mà không được giám sát cẩn thận có thể kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe dẫn đến bị thương. Những đối tượng này cũng có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến họ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ trong xe có thể tăng lên rất cao, khiến họ bị nguy hiểm hoặc tử vong. Ngay cả khi hệ thống điều khiển nhiệt độ đang bật, cũng không được để họ trong xe một mình vì hệ thống điều khiển nhiệt độ có thể bị tắt bất cứ lúc nào.

Thông Tin Xử Lý Quan Trọng

Xe của bạn có khoảng sáng gầm xe cao hơn xe khách, loại xe vốn được thiết kế để chạy trên đường dài nhựa. Khoảng sáng gầm xe cao có nhiều tiện dụng khi lái trên đường hiểm trở, cho phép bạn lái qua các đoạn đường mấp mô, có vật cản, và địa hình gồ ghề. Khoảng sáng gầm xe cao cũng giúp bạn có tầm nhìn rõ hơn nên bạn có thể lường trước sự cố sớm hơn.

Những tiện dụng này cũng có nhược điểm. Vì xe bạn cao hơn và có khoảng sáng gầm xe lớn hơn nên trọng tâm cũng cao hơn làm xe dễ bị lật hoặc lộn vòng nếu bạn rẽ đột ngột. Những xe có nhiều tiện ích có tỷ lệ bị lộn vòng cao hơn các loại xe khác. Khi xe bị lộn vòng, người không thắt dây đai an toàn có khả năng tử vong cao hơn so với người thắt. Hãy luôn lưu ý để đảm bảo bạn và các hành khách luôn thắt dây đai an toàn.

► Thông Tin Xử Lý Quan Trọng

Để biết thông tin về cách giảm thiểu nguy cơ xe bị lộn vòng, hãy đọc phần:

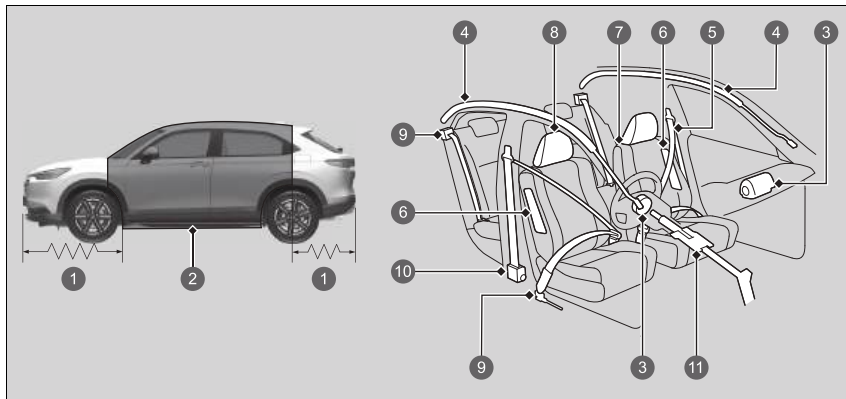
► **Hướng Dẫn Lái cho Xe Có Nhiều Tiện Ích**
Tr. 405

► **Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trở**
Tr. 397

Không vận hành xe đúng cách có thể gây va chạm hoặc làm xe bị lộn vòng.

Ở nhiều quốc gia, luật pháp cấm lái xe trên đường hiểm trở như lái xe trong rừng, trên đường mòn, v.v. Hãy kiểm tra luật và quy định của địa phương trước khi bắt đầu lái xe trên đường hiểm trở.

Tính Năng An Toàn Của Xe



- ① Vùng Hấp Thụ Xung Lực
- ② Bộ Khung An Toàn
- ③ Túi Khí Trước
- ④ Túi Khí Rèm*
- ⑤ Dây Đai An Toàn
- ⑥ Túi Khí Bên
- ⑦ Ghế và Lưng Ghế
- ⑧ Tựa Đầu
- ⑨ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động*
- ⑩ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động
- ⑪ Vô Lãng Gật Gù

Danh mục kiểm tra an toàn sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

►► Tính Năng An Toàn Của Xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Có một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào của bạn. Những bộ phận này bao gồm bộ khung thép chắc chắn tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ xung lực phía trước và phía sau, vô lăng gật gù và bộ căng dây đai an toàn để thắt chặt dây đai an toàn ghế trước và ghế sau bên ngoài* nếu xảy ra va chạm.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng bảo vệ cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.

Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Vi sự an toàn của bạn và hành khách, hãy kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng lùi về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

🔧 **Ghế Ngồi** Tr. 249

- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.

🔧 **Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước** Tr. 258

- Luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách. Đảm bảo tất cả hành khách đều thắt đúng cách.

🔧 **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 49

- Bảo vệ trẻ em bằng dây đai an toàn hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao và cân nặng.

🔧 **An Toàn Cho Trẻ** Tr. 69

►► Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Thông báo cửa và/hoặc cửa hậu mở xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái cho biết cửa và/hoặc cửa hậu không đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu cho đến khi thông báo biến mất.

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



Dây Đai An Toàn Của Xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn đơn giản hiệu quả nhất bởi vì nó giúp bạn liên kết với xe để có thể tận dụng rất nhiều tính năng an toàn sẵn có của xe. Dây đai giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc văng ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ phụ trợ của các túi khí trong trường hợp xảy ra va chạm.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn trong hầu hết các tình huống va chạm, bao gồm:

- va chạm phía trước
- va chạm bên
- va chạm phía sau
- lộn vòng

☒ Dây Đai An Toàn Của Xe

⚠ CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ bị chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn có túi khí.

Hãy đảm bảo bạn và hành khách luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung cơ thể, và nên được thắt thấp ngang qua phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai; tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn phải được điều chỉnh càng chắc càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Thắt lỏng dây đai an toàn sẽ làm giảm đáng kể khả năng bảo vệ cho người sử dụng.

CẢNH BÁO: Không nên xoắn vặn đai khi thắt dây đai an toàn.

CẢNH BÁO: Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người, việc vòng dây đai an toàn ngang qua trẻ nhỏ đang ngồi trong lòng người sử dụng sẽ rất nguy hiểm.

■ Dây đai an toàn hông/vai

Tất cả bốn^{*1} hoặc năm^{*2} ghế ngồi đều được trang bị dây đai an toàn hông/vai có bộ rút khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ rút khóa dây đai an toàn cho phép bạn cử động thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi có va chạm hoặc xe dừng đột ngột, bộ rút sẽ khóa lại để bảo vệ cơ thể bạn.

Thắt dây đai an toàn đúng cách khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.

► **An Toàn Cho Trẻ** Tr. 69

■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt chuyến đi. Ngồi thẳng xuống và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được để phần vai của dây đai an toàn hông/vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn để tránh bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho hai người để tránh bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Việc lắp các phụ kiện giúp bạn thoải mái hơn hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.

*1 : Loại xe Australia và Fiji

*2 : Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji

►► Dây Đai An Toàn Của Xe

Nếu bạn kéo dây đai an toàn ra quá nhanh, dây đai sẽ bị khóa lại. Nếu điều này xảy ra, hãy nhẹ nhàng rút dây đai an toàn, sau đó rời ra từ từ.

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị chấn thương nặng.

Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu quy định của quốc gia mà bạn lái xe.

■ Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn



■ Ghế trước

Hệ thống dây đai an toàn có một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách trước hoặc cả hai thắt dây đai an toàn.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT và không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng.

Tiếng bíp vang lên từng hồi và đèn báo sẽ nhấp nháy nếu bạn lái xe mà không thắt dây đai an toàn.

■ Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn

Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách trước không thắt dây đai an toàn trong vòng sáu giây từ khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, đèn báo sẽ không sáng và tiếng bíp không vang lên.

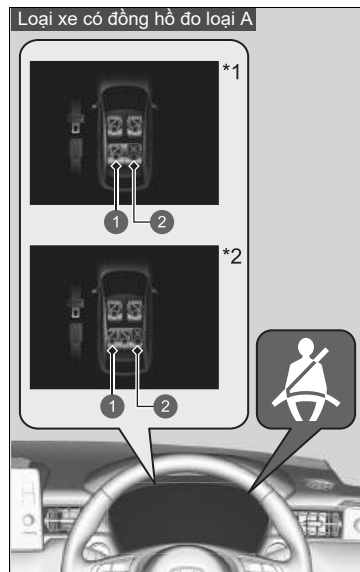
Nếu đèn báo sáng hoặc tiếng bíp vang lên khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, hãy kiểm tra xem:

- Có vật nặng nào trên ghế hành khách trước không.
- Người lái đã thắt dây đai an toàn chưa.

Nếu đèn báo không sáng khi hành khách ngồi vào ghế và không thắt dây đai an toàn, có thể có sự cố với cảm biến nhận biết người ngồi. Hãy kiểm tra xem:

- Có đệm đặt trên ghế không.
- Hành khách trước ngồi đúng tư thế chưa.

Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.



- ① Thắt dây đai an toàn
- ② Không thắt dây đai an toàn

■ Ghế sau

Xe của bạn giám sát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau. Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ thông báo cho bạn biết trạng thái sử dụng của dây đai an toàn ghế sau.

Thông báo hiển thị khi:

- Hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.
- Cửa sau mở rồi đóng.
- Có hành khách ngồi ghế sau thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn nhấp nháy và tiếng bíp vang lên nếu hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn trong khi xe đang chạy.

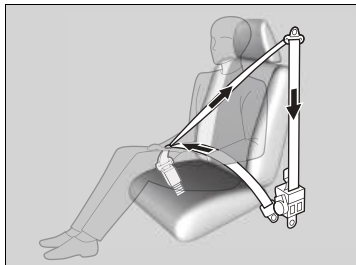
*1 : Loại xe Australia và Fiji

*2 : Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji



- ❶ Thắt dây đai an toàn
- ❷ Không thắt dây đai an toàn

■ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

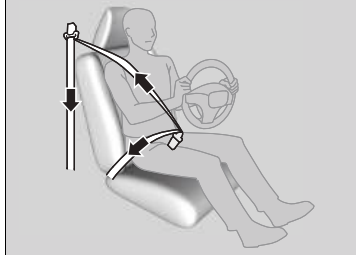


Các ghế trước và ghế sau bên ngoài* được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để làm tăng độ an toàn.

Bộ căng dây đai an toàn sẽ tự động siết chặt dây đai an toàn ghế trước và dây đai an toàn ghế sau bên ngoài* khi xảy ra va chạm trước với mức độ từ trung bình đến mạnh, thậm chí đôi khi nếu sự va chạm không đủ mạnh để làm bung túi khí trước.

Loại xe Australia, Fiji, và Singapore

Ghế người lái



►► Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Chỉ có thể sử dụng bộ căng dây đai an toàn một lần duy nhất. Khi bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy mang xe đến đại lý để thay bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì nó có thể không còn khả năng bảo vệ trong những lần va chạm sau đó.

Khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ căng dây đai an toàn ở cả hai bên xe cũng sẽ kích hoạt.

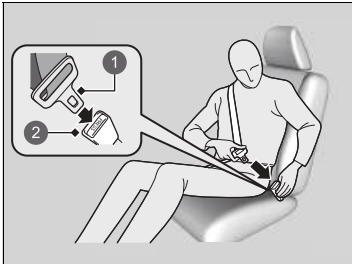
Thắt Dây Đai An Toàn

Sau khi điều chỉnh ghế trước đến vị trí phù hợp, trong khi ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế (xem hình minh họa để ngồi đúng tư thế):

📖 **Ghế Ngồi** Tr. 249



1. Kéo dây đai an toàn ra từ từ.



2. Gài đầu chốt vào trong ổ khóa, sau đó kéo dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.

► Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

① Đầu Chốt

② Khóa

Thắt Dây Đai An Toàn

Không để ai ngồi ở ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc dây đai hoạt động không tốt. Sử dụng dây đai hoạt động không tốt sẽ không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

Không được cho bất kỳ vật lạ nào vào trong khóa hoặc cơ cấu rút dây đai an toàn.

Nếu dây an toàn bị kẹt khóa ở vị trí rút lại hoàn toàn, hãy kéo mạnh dây đai vai một lần, sau đó đẩy dây đai trở lại.

Sau đó, từ từ kéo dây ra khỏi bộ rút và thắt dây đai. Nếu bạn không thể nhả dây đai an toàn khỏi vị trí rút lại hoàn toàn, không để ai ngồi vào ghế và hãy mang xe của bạn đến đại lý để sửa chữa.

📖 **Dây Đai An Toàn Của Xe** Tr. 43

📖 **Kiểm Tra Dây Đai An Toàn** Tr. 55



3. Điều chỉnh phần hông của dây đai càng thấp càng tốt qua hông bạn (xem hình), sau đó kéo phần đai vai của dây đai an toàn lên để khít vào phần hông. Làm như vậy để nếu có va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe trên cơ thể sẽ chịu lực và giảm nguy cơ bị chấn thương bên trong.
4. Nếu cần thiết, kéo dây đai lần nữa để tránh dây đai bị chùng, sau đó kiểm tra xem dây đai có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Làm như vậy có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương chắc khỏe nhất của nửa phần trên cơ thể.

► Thắt Dây Đai An Toàn

⚠ CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong nếu xảy ra va chạm.

Đảm bảo thắt dây đai an toàn đúng cách trước khi lái xe.

Để tháo dây đai an toàn, ấn nút **PRESS** màu đỏ, sau đó dùng tay dẫn dây đai an toàn đến khi dây đai rút lại hoàn toàn.

Khi ra khỏi xe, đảm bảo thu gọn dây đai an toàn để dây đai không bị mắc vào cửa khi đóng.

■ Điều Chỉnh Móc Neo Vai

Các ghế trước có móc neo vai có thể điều chỉnh để phù hợp với người ngồi trên xe.



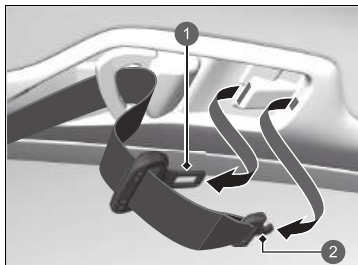
1. Di chuyển móc neo lên và xuống đồng thời kéo móc neo vai ra ngoài.
2. Định vị móc neo sao cho dây đai chéo qua phần giữa ngực và vòng qua vai.

▣ Điều Chỉnh Móc Neo Vai

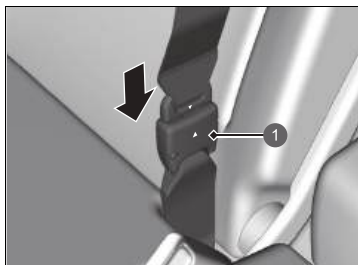
Sau khi điều chỉnh, hãy cố định vị trí móc neo vai.

Có thể điều chỉnh độ cao móc neo vai theo bốn mức. Nếu dây đai an toàn chạm vào cổ bạn, hãy hạ chiều cao của móc neo vai từng mức một.

■ Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo *



- ① Đầu Chốt
- ② Đầu Chốt Nhỏ



- ① Khóa Móc Neo

1. Kéo đầu chốt nhỏ và đầu chốt của dây đai an toàn từ mỗi lỗ giữ trên trần.

2. Dóng thẳng các dấu hình tam giác trên đầu chốt nhỏ và khóa móc neo. Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn. Gắn dây đai vào khóa móc neo.

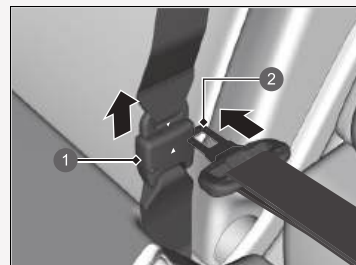
►► Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo *

⚠ CẢNH BÁO

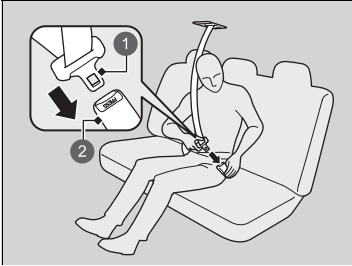
Dùng dây đai an toàn mà không khóa móc neo có thể tháo sẽ làm tăng nguy cơ bị chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Trước khi dùng dây đai an toàn, đảm bảo móc neo có thể tháo đã được khóa đúng cách.

Để mở khóa móc neo có thể tháo, hãy gạt đầu chốt vào lỗ ở sườn của khóa móc neo.



- ① Khóa Móc Neo
- ② Đầu Chốt



❶ Đầu Chốt

❷ Khóa

3. Gài đầu chốt vào trong khóa. Thắt dây đai an toàn đúng cách giống như thắt dây đai an toàn hông/vai.

■ Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Lời khuyên:

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và em bé trong bụng bạn khi lái hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn. Khi thắt dây đai an toàn, thắt dây đai vai qua phần ngực, không thắt qua vùng bụng và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt. (Xem hình.)



►► Lời Khuyên cho Phụ Nữ Mang Thai

Mỗi lần đi kiểm tra sức khỏe, hãy hỏi bác sỹ xem bạn có thể lái xe không.

Để giảm nguy cơ xảy ra thương tích cho bạn và em bé trong bụng khi bung túi khí trước, hãy làm theo các hướng dẫn sau:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra xem có bị sờn, cắt, cháy và mòn không.
- Kiểm tra xem các chốt và khóa hoạt động trơn tru không và các dây đai rút dễ dàng không.
 - Nếu khi rút dây đai bị mắc, hãy làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng thuốc tẩy hoặc dung môi tẩy rửa. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi dây đai rút lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào hoạt động không tốt hoặc trong điều kiện không tốt sẽ không có khả năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt.

Dây đai an toàn đã bị mòn khi xảy ra va chạm sẽ không còn đảm bảo hiệu quả bảo vệ trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

► Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

CẢNH BÁO

Không kiểm tra hoặc bảo dưỡng dây đai an toàn có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động tốt khi cần thiết.

Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO: Không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn để tránh làm cản trở hoạt động của các thiết bị của dây đai an toàn hoặc cản trở dây đai tự điều chỉnh để không bị chùng.

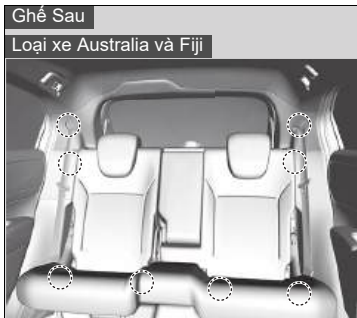
CẢNH BÁO: Phải thay cả bộ dây đai an toàn đã bị mòn sau khi xảy ra va chạm nghiêm trọng, hoặc ngay cả khi không thấy rõ hư hỏng trên bộ dây đai.

CẢNH BÁO: Cần bảo quản dây đai an toàn để dây đai không bị bẩn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất và đặc biệt là dung dịch axit của bình ắc quy. Hãy làm sạch dây đai an toàn bằng xà phòng trung tính và nước. Hãy thay dây đai nếu dây đai bị sờn, bị bẩn hoặc bị hỏng.

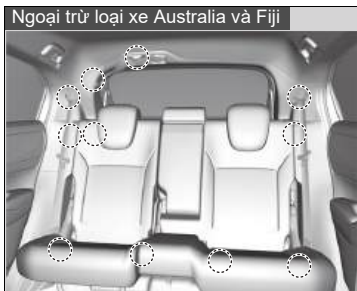
Điểm Neo



Khi thay thế dây đai an toàn, hãy sử dụng những điểm neo như hình vẽ.
Ghế trước có một dây đai an toàn hông/vai.



Ghế sau có hai dây đai an toàn hông/vai.



Ghế sau có ba dây đai an toàn hông/vai.

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí

Túi khí trước, túi khí bên và túi khí rèm* sẽ bung theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí trước SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) bao gồm túi khí phía người lái được đặt ở giữa vô lăng; túi khí phía hành khách trước được đặt trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.
- Hai túi khí bên, một cho người lái và một cho hành khách trước. Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế. Cả hai đều được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Loại xe có túi khí rèm

- Hai túi khí rèm, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần, phía trên cửa kính bên. Trụ phía trước và phía sau đều được đánh dấu **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

- Khi chế độ nguồn ở BẬT, bộ điều khiển điện tử liên tục theo dõi thông tin về các cảm biến va chạm khác nhau, cảm biến ghế ngồi và khóa, bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và thông tin khác về xe. Khi xảy ra va chạm, bộ điều khiển này sẽ ghi lại những thông tin đó.
- Bộ căng dây đai an toàn tự động cho các ghế trước và ghế sau bên ngoài*.
- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm có mức độ từ trung bình đến mạnh từ phía trước hoặc hai bên.
- Đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo bạn nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn có sự cố.
- Cảm biến Safering

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Khi hoạt động, túi khí phải bung với một lực rất mạnh. Do đó, túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây bông, thâm tím và một số thương tích nhẹ khác, thậm chí có thể gây tử vong nếu người ngồi trên xe không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

Bạn cần phải làm gì: Luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng người càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn có thể kiểm soát hoàn toàn phương tiện. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích hoặc tử vong trong các vụ va chạm mạnh, ngay cả khi đã thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí được bung ra.

Không được để vật cứng hoặc sắc nhọn ở giữa bạn và túi khí trước. Để các vật cứng hoặc sắc nhọn ở hông, hoặc vừa lái xe vừa hút tẩu thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích nếu túi khí trước bung ra.

Không được gắn hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp túi khí trước. Bất kỳ vật gì đặt trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** có thể cản trở hoạt động của túi khí hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích nếu túi khí bung ra.

►► Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Không được cố hủy kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn sẽ mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực bung của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

Loại Túi Khí

Xe của bạn được trang bị hai hoặc ba loại túi khí:

- **Túi khí trước:** Các túi khí ở phía trước ghế người lái và ghế hành khách trước.
- **Túi khí bên:** Các túi khí ở lưng ghế người lái và lưng ghế hành khách trước.
- **Túi Khí Rèm***: Các túi khí ở phía trên cửa kính bên.

Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

Túi Khí Trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước bung ra khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ phần đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách trước.

SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) cho biết túi khí được thiết kế chỉ để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Dây đai an toàn là hệ thống bảo vệ chính.

■ Vị Trí Lắp Đặt

Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và đặt trong bảng táp-lô là dành cho hành khách trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

►► Loại Túi Khí

Túi khí có thể bung bất cứ khi nào chế độ nguồn ở BẬT.

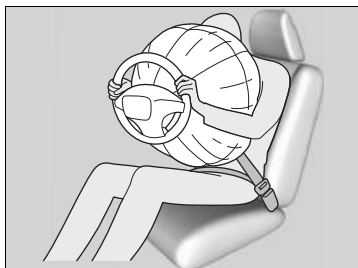
Sau khi túi khí bung ra khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một lượng khói nhỏ. Đây thực chất là một loại bột vô hại tạo ra do quá trình đốt cháy vật liệu làm phòng túi khí. Những người có vấn đề về hô hấp có thể cảm thấy khó chịu một chút. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

■ Hoạt Động

Túi khí trước sẽ bung ra khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển, và bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ bung ra.

Va chạm từ phía trước có thể xảy ra vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

■ Hoạt Động Của Túi Khí Trước



Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.

Túi khí trước sẽ xẹp ngay nên nó không cản trở tầm quan sát, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe của người lái.

Túi khí bung ra và xẹp đi nhanh tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã bung cho đến lúc thấy nó đã nằm ngay trước mặt.

■ Túi khí trước không bung ra khi

Va chạm nhẹ từ phía trước: Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, chứ không giúp bạn tránh bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ thấp hơn mức trung bình đến mạnh.

Va chạm bên: Túi khí trước có thể bảo vệ bạn khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái hoặc hành khách trước nhào về phía trước. Túi khí bên và túi khí rèm* được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ chấn thương khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh làm cho người lái hoặc hành khách xô sang một bên.

Va chạm phía sau: Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không thể bảo vệ hiệu quả và không được thiết kế để hỗ trợ trong trường hợp va chạm này.

Xe bị lộn vòng: Dây đai an toàn và các túi khí rèm* mang lại hiệu quả bảo vệ tốt nhất trong trường hợp xe bị lộn vòng. Túi khí phía trước mang lại hiệu quả bảo vệ thấp nên không được thiết kế để bảo vệ trong trường hợp này.

■ Túi khí trước bung khi xảy ra va chạm làm xe bị hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí có thể nhận biết khi xe giảm tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào khung xe hoặc hệ thống treo của xe có thể làm một hoặc nhiều túi khí bung ra. Ví dụ khi gầm xe va vào lề đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định thấp khác có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm dưới gầm xe nên có thể không thấy rõ hư hỏng.

■ Túi khí trước không bung ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng bên ngoài

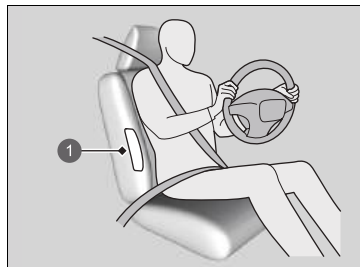
Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động tốt hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không bung bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi bung ra.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Túi Khí Bên

Túi khí bên giúp bảo vệ phần thân trên và xương chậu của người lái hoặc hành khách trước khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

■ Vị Trí Lắp Đặt



① Vị Trí Túi Khí Bên

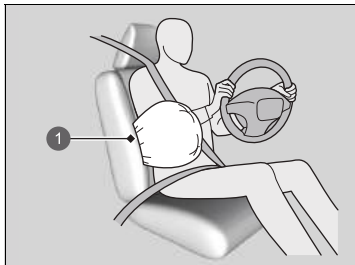
Túi khí bên được lắp ở lưng ghế người lái và lưng ghế hành khách.

Cả hai đều được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

►► Túi Khí Bên

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gắn túi khí bên. Việc này có thể cản trở túi khí hoạt động, hoặc làm ai đó bị thương khi túi khí bung.

■ Hoạt Động



① Túi Khí Bên Bụng Ra

Khi các cảm biến phát hiện va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên phía có va chạm để bung ra ngay lập tức.

■ Túi khí bên bụng khi xe bị hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí có thể nhận biết khi xe tăng tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm túi khí bên bụng ra. Trong trường hợp đó, có thể có hư hỏng nhẹ hoặc không có hư hỏng nhưng cảm biến va chạm bên đã phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để làm bung túi khí.

■ Túi khí bên không bung ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng

Túi khí bên có thể không bung ra khi xảy ra va chạm gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi đâm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi bung ra.

► Túi Khí Bên

Không bọc hoặc thay vỏ lưng ghế trước mà không tham khảo đại lý.

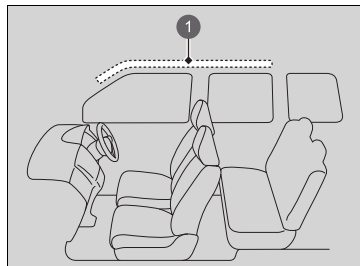
Thay thế hoặc bọc không đúng cách vỏ lưng ghế trước có thể làm túi khí bên bung ra không đúng cách khi xảy ra va chạm bên.

Không để hành khách trước dựa nghiêng sang một bên với phần đầu nghiêng về hướng bung ra của túi khí bên. Túi khí bên bụng có thể bật ra lực rất mạnh và làm hành khách bị chấn thương nặng.

Túi Khí Rèm*

Túi khí rèm giúp bảo vệ phần đầu của người lái và bất kỳ hành khách nào^{*1} hoặc hành khách ngồi ở vị trí ghế bên ngoài^{*2} khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

■ Vị Trí Lắp Đặt



① Vị Trí Túi Khí Rèm

Túi khí rèm được đặt trên trần xe, ngay phía trên cửa kính bên ở hai bên của xe.

►► Túi Khí Rèm*

Túi khí rèm có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa vào lưng ghế.

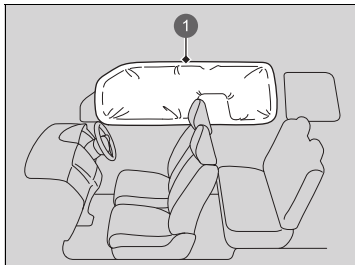
Không gắn bất cứ vật gì vào cửa kính bên hoặc trụ đỡ nóc xe vì việc đó có thể làm cho túi khí rèm hoạt động không tốt.

Không treo áo khoác hoặc vật nặng lên móc áo để tránh bị thương nếu túi khí rèm bung ra.

*1 : Loại xe Australia và Fiji

*2 : Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji

■ Hoạt Động



Túi khí rèm được thiết kế để bung ra khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

① Túi Khí Rèm Bung Ra

■ Túi khí rèm bung khi có va chạm từ phía trước

Một hoặc cả hai túi khí rèm có thể bung ra trong trường hợp va chạm góc xe phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí

Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)



① Loại xe Đài Loan

② Ngoại trừ loại xe Đài Loan

■ Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT

Đèn báo sáng trong vài giây sau đó tắt. Điều này cho biết hệ thống đang hoạt động tốt.

Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động tốt khi cần.

►► Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

⚠ CẢNH BÁO

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động tốt.

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cảnh báo bạn có thể xảy ra sự cố.



- ❶ Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan
- ❷ Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan

Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ bộ phận nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn nên mang xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:

■ Sau khi túi khí bung

Sau khi túi khí bung, phải thay bộ điều khiển và các bộ phận liên quan. Tương tự, phải thay bộ căng dây đai an toàn tự động sau khi bộ này được kích hoạt.

■ Sau khi xe bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh

Ngay cả khi túi khí không bung, hãy đến đại lý để kiểm tra các bộ phận sau: bộ căng dây đai an toàn ghế trước và ghế sau bên ngoài* và từng dây đai an toàn xem có bị mòn sau khi xảy ra va chạm không.

► Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí ra khỏi xe.

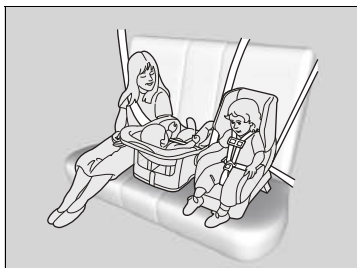
Trong trường hợp túi khí có sự cố hoặc ngưng hoạt động, hoặc sau khi túi khí bung/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, hãy yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi bởi vì không được bảo vệ an toàn hoặc được bảo vệ nhưng không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây tử vong cho trẻ em từ 12 tuổi trở xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ lớn hơn cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.



Trẻ em phải ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau vì những lý do sau:

- Túi khí trước bụng có thể gây chấn thương hoặc tử vong cho trẻ ngồi ở ghế trước.
- Trẻ em ngồi ở ghế trước có thể làm phân tán khả năng điều khiển xe an toàn của người lái.
- Số liệu thống kê cho thấy trẻ nhỏ với mọi tầm vóc và lứa tuổi sẽ an toàn hơn khi được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Tám Che Nắng Hành Khách Trước

Ngoại trừ loại xe Đài Loan

⚠ CẢNH BÁO



KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước để tránh làm TRẺ bị CHẤN THƯƠNG NẶNG hoặc TỬ VONG.

Loại xe Đài Loan



- Không được ôm trẻ nhỏ trong lòng bởi vì điều đó không thể bảo vệ trẻ khi xảy ra va chạm.
- Không được thắt dây đai an toàn vòng qua bạn và trẻ nhỏ để tránh dây đai sẽ siết chặt vào trẻ dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.
- Không được để hai trẻ thắt chung dây đai an toàn để tránh bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Nếu trẻ quá nhỏ không thể thắt dây đai an toàn, trẻ phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đúng tiêu chuẩn được lắp đúng cách trên xe bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.

► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

⚠ CẢNH BÁO

Trẻ không được bảo vệ hoặc bảo vệ không đúng cách có thể bị chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, trẻ cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế lót đặc biệt khi cần thiết.

Ở nhiều quốc gia, pháp luật quy định trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ dưới 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Ở nhiều quốc gia, cần sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở ghế hành khách bất kỳ. Hãy kiểm tra các quy định của pháp luật sở tại.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy Định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của quốc gia sở tại.

📺 Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Tr. 75

- Không để trẻ vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt là khi trời nóng vì nhiệt độ trong xe có thể nóng đến mức làm trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể vô tình kích hoạt hệ thống điều khiển làm cho xe di chuyển.

► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Thanh Dọc Cửa Hành Khách Trước

Loại xe Malaysia

⚠ CẢNH BÁO



Rất Nguy Hiểm!

KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí trước bảo vệ.

CẢNH BÁO: Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để ngăn trẻ nghịch cửa kính bởi việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm cho trẻ hoặc làm cho người lái mất tập trung.

► **Mở/Đóng Cửa Kính Điện Tr. 215**

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

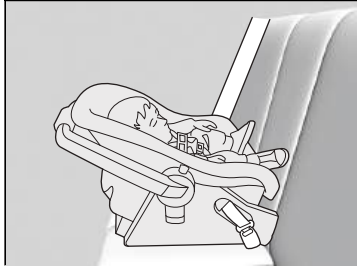
Đề nhắc bạn về nguy hiểm của túi khí trước phía hành khách và an toàn cho trẻ, xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng phía hành khách. Hãy đọc và tuân theo các hướng dẫn trên nhãn này.

► **Nhãn An Toàn Tr.** 104

An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ

■ Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Trẻ sơ sinh phải được đặt trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đạt đến giới hạn trọng lượng và chiều cao để sử dụng ghế của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được đặt ở hàng ghế sau.

- Bạn nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ở ghế ngay phía sau ghế hành khách trước, di chuyển ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em và để trống ghế ngồi đó.
- Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không sát nhau. Nếu không, bạn có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.

Khi hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách, người lái hoặc hành khách ngồi ghế trước không thể ngả hết cỡ ghế của họ về phía sau được, hoặc không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn.

►► Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị chấn thương nặng hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách bung ra.

Luôn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Các chuyên gia khuyến nghị nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi nếu chiều cao và cân nặng của trẻ vẫn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.

Không lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở vị trí ghế quay mặt về phía trước.

Luôn tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em trước khi lắp đặt.

Túi khí trước phía hành khách bung ra có thể va vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí, khiến trẻ bị chấn thương nặng.

■ Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

Nếu trẻ có cân nặng và chiều cao vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, bạn nên đặt trẻ ngồi chắc chắn trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn nên đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế sau.

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Đặt ở ghế sau sẽ an toàn nhất cho trẻ.

►► Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể khiến trẻ bị chấn thương nặng hoặc tử vong nếu túi khí trước bung ra.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy dịch chuyển ghế càng lùi về phía sau càng tốt và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế ngồi trẻ em tại nước sở tại khi lái xe và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

■ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới. Một số hệ thống có loại móc treo cứng trong khi một vài loại khác có móc treo mềm. Cả hai loại này đều dễ sử dụng. Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em hiện tại hoặc trước kia chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo những hướng dẫn về sử dụng và bảo dưỡng của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em cũng như hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này. Lắp đặt đúng mới có thể đảm bảo an toàn tối đa cho trẻ.

Loại mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Đối với các ghế ngồi và xe không được trang bị hệ thống móc neo phía dưới, hãy lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng cách dùng dây đai an toàn và dây thắt phía trên để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyến nghị bạn nên sử dụng dây đai an toàn để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

■ Lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy Định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của quốc gia sở tại. Hãy tìm nhãn kiểm duyệt và cam kết tiêu chuẩn của nhà sản xuất hệ thống trên vỏ hộp.

► Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe có móc neo phía dưới rất đơn giản.

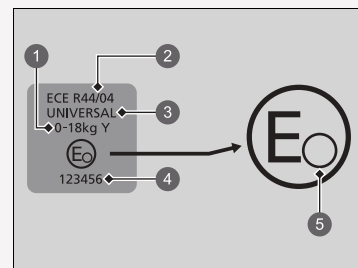
Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới đã được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng gây thương tích do lắp đặt không đúng.

■ Tiêu Chuẩn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em (loại i-Size/ISOFIX hoặc loại có dây đai an toàn) đáp ứng các Quy Định của Liên Hợp Quốc, hệ thống sẽ được dán nhãn kiểm duyệt như hình minh họa trong bảng bên cạnh. Trước khi mua hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy kiểm tra nhãn kiểm duyệt để đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe của bạn, với trẻ và đáp ứng các Quy Định của Liên Hợp Quốc.

☒ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

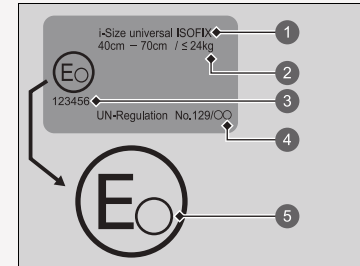
Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 44 của Liên Hợp Quốc



- ❶ “Nhóm khối lượng”
- ❷ Số quy định
- ❸ Loại
- ❹ Số phê duyệt
- ❺ Mã quốc gia

► Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

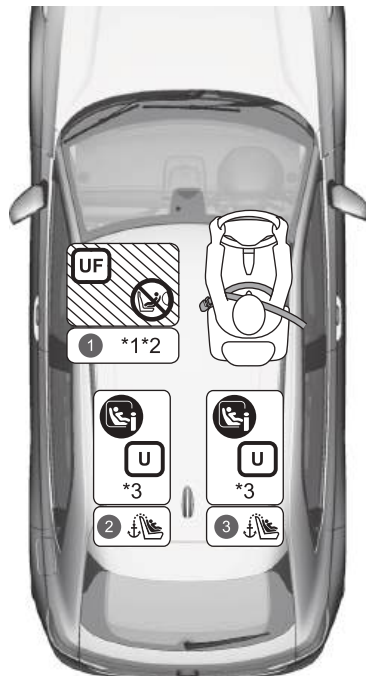
Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 129 của Liên Hợp Quốc



- ❶ Loại
- ❷ Chỉ định kích thước và cân nặng
- ❸ Số phê duyệt
- ❹ Số quy định
- ❺ Mã quốc gia

Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Loại xe Australia và Fiji



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.

- *1:
- Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
 - Trượt ghế hết cỡ về phía sau.
 - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng mà hệ thống vẫn vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
 - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi ghế ngã về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
- *2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- *3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

Loại xe Australia và Fiji

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

	Nhóm Cân Nặng Chiều Cao		①	②	③
			Ghế hành khách trước ¹	Hàng ghế thứ 2 ³	
				Trái	Phải
Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	Có	Có
	Nhóm 0+	Đến 13kg			
	Nhóm I	9-18kg	Có ²	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg			
	Nhóm III	22-36kg			
Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)	≤150cm		Không	Có	Có
Vị trí ghế phù hợp cho CRS khuyến nghị chính hãng	—		Không	Không	Không
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay mặt sang một bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	R3	R3
	Nhóm 0+	Đến 13kg			
	Nhóm I	9-18kg			
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤150cm		B3	B3	B3

► Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

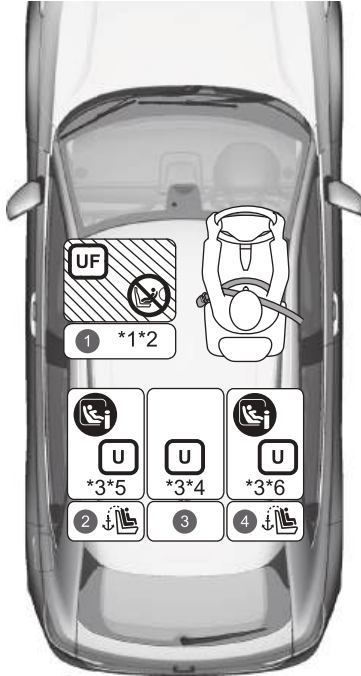
Đồ gá (CRF)	Mô tả
ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nội)
ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nội)
ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau
ISO/R2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại cao
ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao
ISO/B2	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại ngắn
ISO/B3	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại dài

- *1:
- Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
 - Trượt ghế hết cỡ về phía sau.
 - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
 - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi ghế ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
- *2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- *3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Brunei, Bangladesh, Sri Lanka, Indonesia và Malaysia



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Bộc móc neo.

- *1:
- Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
 - Trượt ghế hết cỡ về phía sau.
 - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhờ cất tựa đầu đã tháo vào khoảng hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
 - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi ghế ngã về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
- *2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- *3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.
- *4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa hàng ghế sau, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ở một bên.
- *5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau trái, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- *6: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau phải, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữa.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Brunei, Bangladesh, Sri Lanka, Indonesia và Malaysia

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

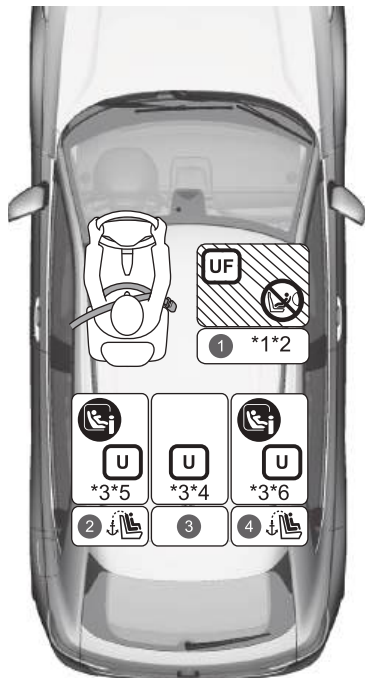
	Nhóm Cân Nặng Chiều Cao		①	②	③	④
			Ghế hành khách trước ^{*1}	Hàng ghế thứ 2 ^{*3}		
				Trái ^{*5}	Giữa ^{*4}	Phải ^{*6}
Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	Có	Có	Có
	Nhóm 0+	Đến 13kg				
	Nhóm I	9-18kg	Có ^{*2}	Có	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg				
	Nhóm III	22-36kg				
Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)	≤150cm		Không	Có	Không	Có
Vị trí ghế phù hợp cho CRS khuyến nghị chính hãng ^{*7}	Tham khảo danh sách CRS chính hãng		Không	Có	Không	Có
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay mặt sang một bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	R3	Không	R3
	Nhóm 0+	Đến 13kg				
	Nhóm I	9-18kg				
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	Không	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤150cm		B3	B3	B3	B3

- *1:
 - Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
 - Trượt ghế hết cỡ về phía sau.
 - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
 - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi ghế ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
- *2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- *3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.
- *4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa hàng ghế sau, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ở một bên.
- *5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau trái, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- *6: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau phải, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- *7: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) nêu trên được Honda khuyến dùng tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyến dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữa.

Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái, loại xe New Caledonia, Philippine, Việt Nam, Campuchia và Lào



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.

- *1:
- Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
 - Trượt ghế hết cỡ về phía sau.
 - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
 - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi ghế ngã về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
- *2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngã lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- *3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.
- *4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa hàng ghế sau, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ở một bên.
- *5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau trái, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- *6: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau phải, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữa.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái, loại xe New Caledonia, Philippine, Việt Nam, Campuchia và Lào

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

	Nhóm Cân Nặng Chiều Cao		①	②	③	④
			Ghế hành khách trước ¹	Hàng ghế thứ 2 ³		
				Trái ⁵	Giữa ⁴	Phải ⁶
Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	Có	Có	Có
	Nhóm 0+	Đến 13kg				
	Nhóm I	9-18kg	Có ²	Có	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg				
	Nhóm III	22-36kg				
Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)	≤150cm		Không	Có	Không	Có
Vị trí ghế phù hợp cho CRS khuyến nghị chính hãng ⁷	Tham khảo danh sách CRS chính hãng		Không	Có	Không	Có
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10kg	Không	R3	Không	R3
	Nhóm 0+	Đến 13kg				
	Nhóm I	9-18kg				
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	Không	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤150cm		B3	B3	B3	B3

- *1:
 - Chỉ với ghế quay mặt về phía trước.
 - Trượt ghế hết cỡ về phía sau.
 - Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu sau khi nâng ghế vẫn bị vướng vào tựa đầu, hãy tháo tựa đầu. Nhớ cất tựa đầu đã tháo vào khoang hành lý để tựa đầu không bị bay ra khi phanh gấp hoặc khi xảy ra va chạm.
Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
 - Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc lưng ghế song song với lưng ghế của hệ thống ghế ngồi trẻ em cho đến khi ghế ngả về phía trước móc neo vai của dây đai an toàn.
- *2: Để lắp đặt loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng bằng dây đai an toàn, hãy ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- *3: Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.
- *4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa hàng ghế sau, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ở một bên.
- *5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau trái, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- *6: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau phải, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- *7: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) nêu trên được Honda khuyên dùng tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyên dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size, ngoại trừ ghế giữa.

Loại xe Mỹ La Tinh

Danh Sách CRS Chính Hãng La Tinh

INMETRO466

Nhóm Khối Lượng	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	Loại
Nhóm 0 đến 10kg	—	—
Nhóm 0+ đến 13kg	Honda Baby & Kids	Semi-universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Nhóm I 9kg đến 18kg	Honda Baby & Kids	Semi-universal ISOFIX
Nhóm II, III 15kg đến 36kg	—	—

Loại xe Malaysia, Campuchia, Việt Nam, Philippine, Lào, Brunei, Bangladesh, Sri Lanka và Indonesia

Danh Sách CRS Chính Hãng Malaysia, Campuchia

UN R129

Phạm vi chiều cao	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	Loại
Dưới 100cm	Honda Baby & Kids i-Size	i-Size Universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Trên 71cm và 15 tháng đến 100cm	Honda Baby & Kids i-Size	i-Size Universal ISOFIX

Loại xe Nam Phi

Danh Sách CRS Chính Hãng Nam Phi

UN R44

Nhóm Khối Lượng	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	Loại
Nhóm 0 đến 10kg	—	—
Nhóm 0+ đến 13kg	TIÊU CHUẨN	Universal (Quay mặt về phía sau)
Nhóm I 9kg đến 18kg	TIÊU CHUẨN	Universal (Quay mặt về phía trước)
Nhóm II, III 15kg đến 36kg	—	—

UN R129

Phạm vi chiều cao	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	Loại
Dưới 100cm	Honda Baby & Kids i-Size	i-Size Universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Trên 71cm và 15 tháng đến 100cm	Honda Baby & Kids i-Size	i-Size Universal ISOFIX

Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Loại xe Đà Loan



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em.

*1: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa hàng ghế sau, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ở một bên.

Không thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở ghế giữa.

*2: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau bên ngoài bằng dây đai, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.

*3: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX vào ghế bên phía sau, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.

- Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

Loại xe Đồi Loạn

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

	Nhóm Cân Nặng Chiều Cao		Vị trí ghế và Số vị trí ghế		
			①	②	③
			Hàng ghế thứ 2		
			Trái	Giữa ¹	Phải
Vị trí ghế phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không)	Nhóm 0	Đến 10kg	Có ^{*2}	Có	Có ^{*2}
	Nhóm 0+	Đến 13kg			
	Nhóm I	9-18kg	Có ^{*2}	Có	Có ^{*2}
	Nhóm II	15-25kg			
	Nhóm III	22-36kg			
Vị trí ghế cho loại i-Size (có/không)	≤150cm		Có ^{*3}	Không	Có ^{*3}
Vị trí ghế phù hợp cho CRS khuyến nghị chính hãng ⁴	Tham khảo danh sách CRS chính hãng		Có ^{*3}	Không	Có ^{*3}
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10kg	R3 ^{*3}	Không	R3 ^{*3}
	Nhóm 0+	Đến 13kg			
	Nhóm I	9-18kg			
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	F3 ^{*3}	Không	F3 ^{*3}
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤150cm		B3 ^{*2*3}	B3	B3 ^{*2*3}

- *1: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa hàng ghế sau, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ở một bên. Không thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở ghế giữa.
- *2: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế sau bên ngoài bằng dây đai, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- *3: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX vào ghế bên phía sau, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- *4: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) nêu trên được Honda khuyến dùng tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyến dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.
- Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc, hãy nâng tựa đầu đến vị trí cao nhất.

Loại xe Đài Loan

Danh Sách CRS Chính Hãng Đài Loan

CNS11497

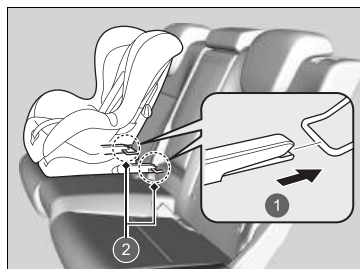
Nhóm Khối Lượng	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	Loại
Nhóm 0 đến 10kg	—	—
Nhóm 0+ đến 13kg	Joie Arc360 (C1416)	Semi-universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Nhóm I 9kg đến 18kg	Joie Arc360 (C1416)	Semi-universal ISOFIX
Nhóm II, III 15kg đến 36kg	Honda KIDFIX	Universal Semi-universal

■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới ở một trong hai ghế sau bên ngoài. Hệ thống ghế ngồi trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới bằng móc treo cứng hoặc móc treo mềm (xem hình).



① Dấu



- ① Loại Móc Cứng
- ② Móc Neo Phía Dưới

1. Cố định móc neo phía dưới bên dưới dấu.

2. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế ngồi trên xe, sau đó lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào móc neo phía dưới theo hướng dẫn lắp đặt của hệ thống ghế ngồi trẻ em.

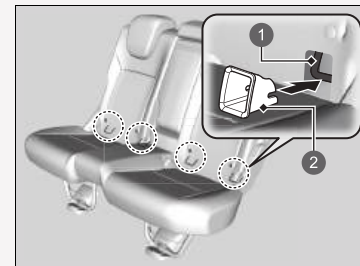
► Khi lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai an toàn hoặc bất kỳ vật gì khác.

► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

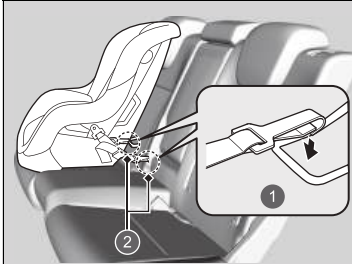
⚠ CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế ngồi trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó sẽ không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế ngồi trẻ em và có thể bị gãy, khiến trẻ bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh làm hỏng mặt ghế. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp nó vào các móc neo phía dưới như hình minh họa.



- ① Móc Neo Phía Dưới
- ② Hộp dẫn hướng



- ❶ Loại Móc Mềm
- ❷ Móc Neo Phía Dưới



- ❶ Biểu Tượng Đầu Buộc Móc Neo

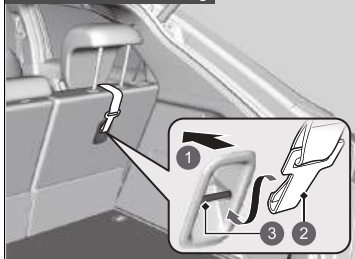
❖ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

CẢNH BÁO: Không được sử dụng móc không có Biểu Tượng Đầu Buộc Móc Neo để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em đã lắp đặt.

Vì sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, hãy đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em được cố định chắc chắn trên xe. Hệ thống ghế ngồi trẻ em không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ hoàn toàn khi xảy ra va chạm và có thể gây chấn thương nặng cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

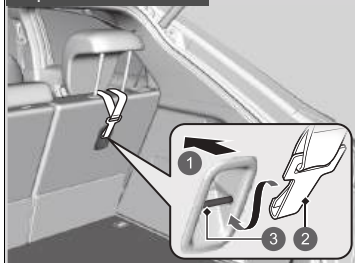
Loại mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Đầu móc neo loại thẳng



- ① Phía Trước Xe
- ② Đầu Móc Dây Thắt
- ③ Móc Neo

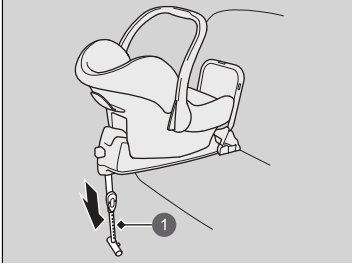
Loại đầu móc neo khác



- ① Phía Trước Xe
- ② Đầu Móc Dây Thắt
- ③ Móc Neo

Hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt

3. Nâng tựa đầu lên vị trí cao nhất.
 - Tháo tấm che khoang hành lý*.
 - ▣ **Tấm Che Khoang Hành Lý*** Tr. 270
4. Luồn đầu móc của dây đai qua chân tựa đầu.
 - Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
5. Lắp đầu móc dây thắt vào móc neo.
6. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
7. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.
8. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

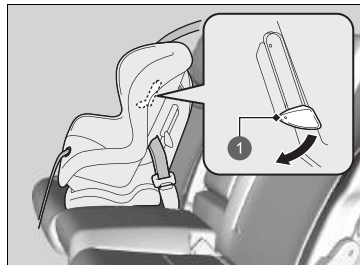
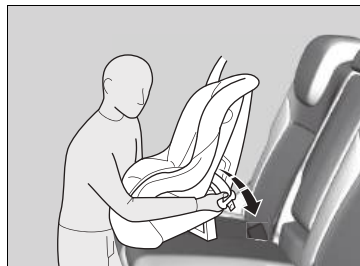


1 Chân Đỡ

Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ

3. Duỗi chân đỡ ra cho đến khi chạm sàn như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
 - Đảm bảo khu vực sàn nơi đặt chân đỡ bằng phẳng. Nếu khu vực đó không bằng phẳng, chân đỡ sẽ không đỡ được.
 - Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không sát nhau.

■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hồng/Vai

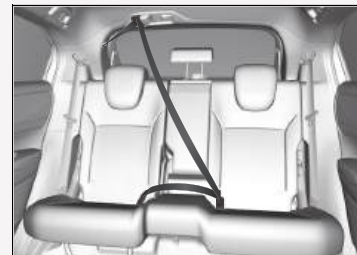


1 Vấu

1. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế ngồi trên xe.
2. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em, sau đó gài đầu chốt vào ổ khóa.
 - Gài đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi nghe thấy tiếng tách.
3. Đẩy vấu khóa xuống. Luồn phần vai của dây đai an toàn vào trong khe ở cạnh bên của hệ thống ghế ngồi trẻ em.
4. Giữ phần vai của dây đai gần đầu khóa và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.
 - Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy ghế vào trong ghế xe.
5. Đặt dây đai an toàn vào đúng vị trí và đẩy vấu khóa. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
 - Khi đẩy vấu khóa lên trên, kéo phần vai phía trên của dây đai để dây đai hết chùng.

► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hồng/Vai

Hệ thống ghế ngồi trẻ em không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ hoàn toàn khi xảy ra va chạm và có thể gây chấn thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.



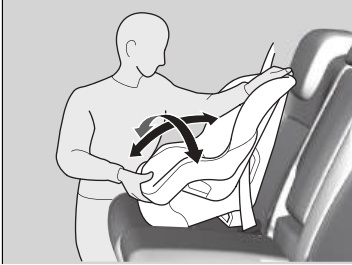
Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji

Nếu lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em ở một trong các ghế bên ngoài, thì có thể che khuất đầu khóa dây đai hoặc khóa móc neo của ghế giữ.

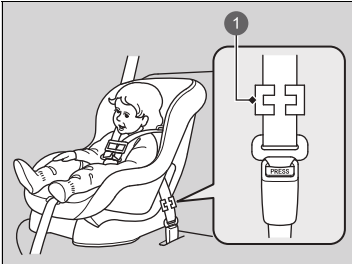
Đảm bảo thắt dây đai an toàn ghế giữ trước khi lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.

Để biết thêm thông tin về cách thắt dây đai an toàn, hãy xem

► **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 49



6. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.
7. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.



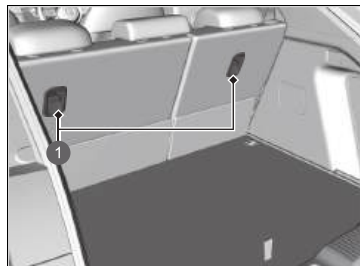
1 Kẹp Khóa

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em trên xe không có cơ cấu buộc dây đai, hãy lắp kẹp khóa vào dây đai an toàn.

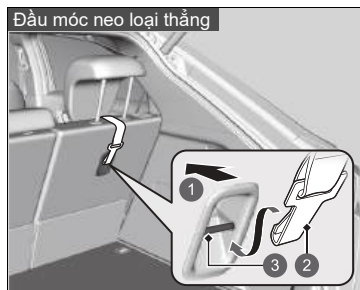
Sau khi xong bước 1 và 2, kéo phần vai của dây đai an toàn lên và đảm bảo phần hông của dây đai không bị chùng.

3. Ghì chặt phần dây đai gần đầu chốt. Kẹp chặt hai phần của dây đai để chúng không bị trượt qua đầu chốt. Tháo khóa dây đai an toàn.
4. Lắp kẹp khóa như hình minh họa. Lắp kẹp càng gần đầu chốt càng tốt.
5. Gài đầu chốt vào trong khóa. Chuyển sang bước 6 và 7.

■ Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt



❶ Điểm Móc Dây Thắt



- ❶ Phía Trước Xe
- ❷ Đầu Móc Dây Thắt
- ❸ Móc Neo

Điểm móc dây thắt nằm ở phía sau các ghế sau bên ngoài.

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt đi kèm, bạn cũng có thể sử dụng dây đai an toàn để cố định ghế và sử dụng thêm dây thắt để tăng độ an toàn.

1. Nâng tựa đầu lên vị trí cao nhất.

► Tháo tấm che khoang hành lý*.

❑ **Tám Che Khoang Hành Lý*** Tr. 270

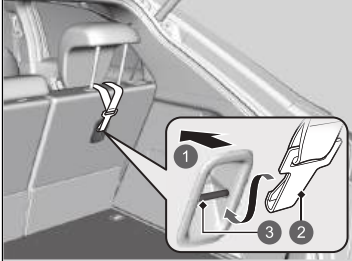
2. Luồn đầu móc của dây đai qua chân tựa đầu. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
3. Lắp đầu móc dây thắt vào móc neo.
4. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
5. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.
6. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

▣ Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt

CẢNH BÁO: Các móc neo ghế ngồi trẻ em được thiết kế để chịu tải trọng của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng chúng làm dây đai an toàn cho người lớn, làm dây buộc hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị gì vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho dù có dùng hay không dùng dây đai an toàn hoặc các móc neo phía dưới.

Loại đầu móc neo khác



- ❶ Phía Trước Xe
- ❷ Đầu Móc Dây Thắt
- ❸ Móc Neo

An Toàn Cho Trẻ Lớn

■ Bảo Vệ Trẻ Lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra dây đai an toàn, cách sử dụng ghế lót đặc biệt cho trẻ khi cần và những phòng ngừa quan trọng khi trẻ phải ngồi ở phía trước.

■ Kiểm Tra Độ Phù Hợp Của Dây Đai An Toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng dây đai an toàn hông/vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra các mục sau:



■ Danh Mục Kiểm Tra

- Đầu gối của trẻ có gấp thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Phần vai của dây đai có vắt ngang qua giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể và có chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là có tức là trẻ đã thắt dây đai an toàn hông/vai đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không thì hãy cho trẻ dùng ghế lót đặc biệt cho đến khi dây đai an toàn phù hợp với cơ thể trẻ và không cần dùng đến ghế lót đặc biệt.

►► An Toàn Cho Trẻ Lớn

⚠ CẢNH BÁO

Để trẻ từ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm trẻ bị thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách bung ra.

Nếu phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế trước càng lùi về sau càng tốt. Để trẻ ngồi ngay ngắn và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế lót đặc biệt nếu cần.

■ Ghế Lót Đặc Biệt



1 Dẫn Hướng

Nếu trẻ chưa thể sử dụng dây đai an toàn hông/vai đúng cách, hãy đặt trẻ lên ghế lót đặc biệt ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra xem trẻ có đáp ứng các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế lót không.

Phần tựa lưng được thiết kế riêng cho ghế lót đặc biệt. Lắp tựa lưng vào ghế lót đặc biệt và điều chỉnh cho vừa ghế ngồi theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế lót. Đảm bảo luôn dây đai qua khe dẫn hướng ở phần vai của tựa lưng và không để dây đai chạm và vắt ngang qua cổ của trẻ.

▣ Ghế Lót Đặc Biệt

Khi lắp ghế lót đặc biệt, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn. Có ghế lót đặc biệt loại lưng cao và loại lưng thấp. Hãy chọn loại ghế lót có thể thắt dây đai an toàn đúng cách.

Bạn nên sử dụng loại ghế lót có tựa lưng để điều chỉnh dây đai vai để thoải mái hơn.

■ Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Lớn - Kiểm Tra Cuối

Nên để trẻ ngồi ở ghế sau để trẻ được bảo vệ hiệu quả. Nếu trên xe có một nhóm trẻ, và có một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu hết hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Ngả ghế hành khách trước càng lùi về phía sau càng tốt.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra xem dây đai an toàn đã được thắt đúng vị trí chưa để đảm bảo trẻ được bảo vệ an toàn trên ghế.

■ Giám sát trẻ em

Bạn nên để mắt đến trẻ khi có trẻ trên xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành đôi khi cũng cần nhắc thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

Khí CO

Trong khí thải của xe có chứa CO, là một chất khí không màu, không mùi và có độc tố cao. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí này sẽ không lọt vào trong xe.

■ Kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không khi:

- Có âm thanh khác lạ trong hệ thống xả.
- Hệ thống xả bị hỏng.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà cửa hậu đang mở, luồng khí có thể lừa khí thải vào trong xe và gây nguy hiểm. Nếu bạn buộc phải mở cửa hậu khi lái xe, hãy mở tất cả các cửa kính và cài đặt hệ thống điều khiển nhiệt độ như sau.

1. Chọn chế độ lấy gió ngoài.
2. Chọn chế độ .
3. Đặt quạt gió ở tốc độ cao.
4. Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái nhất.

Điều chỉnh hệ thống điều khiển nhiệt độ giống như trên nếu bạn phải ngồi trên xe khi đã đỗ xe mà xe vẫn nổ máy.

☒ Khí CO

⚠ CẢNH BÁO

Khí CO là khí độc.

Hít phải khí CO có thể gây bất tỉnh hoặc tử vong.

Tránh khu vực kín hoặc những nơi sản xuất có thải khí CO.

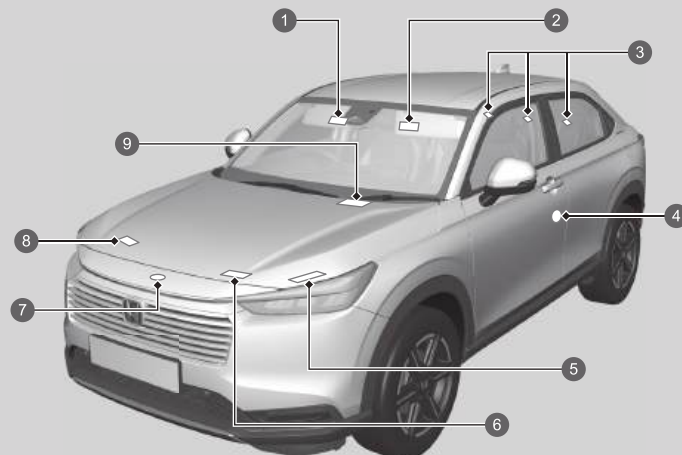
Khí CO có thể tập trung ở các khu vực kín như gara.

Không được nổ máy khi cửa gara đang đóng. Ngay cả khi cửa gara đang mở, hãy lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

Vị Trí Nhãn

Các nhãn này nằm ở các vị trí như hình minh họa. Chúng cảnh báo bạn về những nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn này.

Nếu có nhãn nào bị mất hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.



- | | |
|--|---------------------------------|
| ① Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Em (Loại vô lăng bên trái) ➡ Tr. 69 | ⑥ Ốp Vách Ngăn Trước* ➡ Tr. 573 |
| ② Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Em (Loại vô lăng bên phải) ➡ Tr. 69 | ⑦ Nắp Két Nước* ➡ Tr. 583 |
| ③ Tựa Đầu Ghế Sau* ➡ Tr. 259 | ⑧ Điều hòa không khí ➡ Tr. 611 |
| ④ Bảo Vệ Trẻ Em* ➡ Tr. 71 | ⑨ Sạc Không Dây* ➡ Tr. 277 |
| ⑤ Ấc Quy* ➡ Tr. 608 | |

Bảng Điều Khiển

Chương này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.

Đèn Báo	106
Đồng Hồ Đo và Màn Hình Giao Diện	
Thông Tin Cho Người Lái	
Đồng Hồ Đo.....	127
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại A)	130
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại B)	150

Đèn báo sáng/nhấp nháy tùy thuộc vào tình trạng của xe. Khi đó, thông báo cũng có thể xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy làm theo thông báo hướng dẫn, ví dụ như liên hệ với đại lý.

Đèn Báo Nhắc Thắt Dây An Toàn

 *1	Đèn Báo Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ)	→ Tr. 108
 *1	Đèn Báo Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh (Màu Hồ Phách)	→ Tr. 110
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động	→ Tr. 110
 *1	Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động	→ Tr. 110
 *1	Đèn Báo Sự Cố	→ Tr. 110
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	→ Tr. 111
 *2	Đèn Báo Hệ Thống Truyền Động	→ Tr. 111
 *3	Đèn Báo Hệ Thống Truyền Động	→ Tr. 111
M 2 *2	Đèn báo M (chế độ sang số tay 7 cấp)* / Đèn Báo Số*	→ Tr. 111
 *3		
D *2	Đèn Báo Vị Trí Số	→ Tr. 112
 *3		
 *	Seat Belt Reminder Indicator	→ Tr. 114
 *	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Màu Hồ Phách)	→ Tr. 114
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	→ Tr. 114
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	→ Tr. 115
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	→ Tr. 115
 *1	Đèn Báo TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	→ Tr. 115
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	→ Tr. 116
120 *1	Đèn Báo Cảnh Báo Tốc Độ*	→ Tr. 111
 *	Đèn Xi Nhan và Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm	→ Tr. 116
 *	Đèn Báo Đèn Bật	→ Tr. 116
 *	Đèn Báo Chiếu Xa	→ Tr. 116
 *1	Đèn Báo* Đèn Pha Thích Ứng Tự Động/Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh*	→ Tr. 116
 *	Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước*	→ Tr. 117
 *	Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau*	→ Tr. 117

*1 : Khi đặt chế độ nguồn ở BAT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Các đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*3 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

	^{*2} Đèn Báo Chế Độ ECON ^{*3}	→ Tr. 118
	Đèn Báo Chế Độ SPORT*	→ Tr. 118
	Đèn Báo Chế Độ NORMAL*	→ Tr. 118
	^{*1} Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp ^{*4}	→ Tr. 119
	Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS ^{*5}	→ Tr. 118
	Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống	→ Tr. 120
	Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp (Màu Xanh Lam)	→ Tr. 112
	Đèn Báo Cảm Biến Đỗ*	→ Tr. 120
	^{*1} Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo (Màu Trắng/Màu Xanh Lục)	→ Tr. 112
	^{*1} Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Màu Hồ Phách)*	→ Tr. 113
	Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Màu Xanh Lục)*	→ Tr. 113
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	→ Tr. 117
	Đèn Báo Cảnh Báo Hệ Thống An Ninh	→ Tr. 117
	^{*1} Đèn Báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp (Màu Hồ Phách)*	→ Tr. 121
	Đèn Báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp (Màu Trắng/ Màu Xanh Lục)*	→ Tr. 121
	^{*1} Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Hồ Phách)*	→ Tr. 121
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Trắng/Màu Xanh Lục)*	→ Tr. 122
	^{*1} Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Thiếu Va Chạm (CMBS) (Màu Hồ Phách)*	→ Tr. 122
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Thiếu Va Chạm (CMBS) (Màu Xám)*	→ Tr. 122
	^{*1} Đèn Hệ Thống Giảm Thiếu Chệch Làn Đường (Màu Hồ Phách)*	→ Tr. 123
	Đèn Báo TẮT Tự Động Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Giảm Thiếu Chệch Làn Đường*	→ Tr. 123
	Đèn Hệ Thống Giảm Thiếu Chệch Chệch Làn Đường (Màu Xám)*	→ Tr. 124
	^{*1} Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)*	→ Tr. 124
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/Màu Xám)*	→ Tr. 126

*1 : Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Các đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

*2 : Loại xe không có công tắc chế độ lái

*3 : Loại xe có công tắc chế độ lái

*4 : Loại xe Australia, Fiji và Trung Đông

*5 : Loại xe Đài Loan

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
 (Màu Đỏ)	Đèn Báo Phanh Đỡ và Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ)	Sáng khi gài phanh đỗ và tắt khi nhả phanh đỗ.	- Tiếng bíp vang lên và đèn báo sáng nếu gài phanh đỗ trong khi lái xe. - Sáng trong khoảng 30 giây khi bạn gài phanh đỗ điện trong khi chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN hoặc TẮT MÁY, sau đó tắt. - Vẫn sáng trong khoảng 30 giây khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY trong khi gài phanh đỗ điện, sau đó tắt.
		Sáng khi dầu phanh ở mức thấp.	Sáng khi lái xe - Đảm bảo nhả phanh đỗ. Dừng xe ở nơi an toàn và kiểm tra mức dầu phanh. 📌 Làm gì khi đèn báo sáng khi đang lái xe Tr. 671

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
 (Màu Đỏ)	Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ)	Sáng nếu hệ thống phanh có sự cố.	Loại xe có công tắc chế độ lái Sáng cùng với Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (màu hổ phách) - Dừng ngay xe ở nơi an toàn. Liên hệ với đại lý để sửa chữa. Khó nhẩn, nhả bàn đạp phanh. Nhấn bàn đạp sâu hơn bình thường. ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách) Sáng Tr. 673
			Tất cả các loại xe Sáng cùng với đèn báo ABS - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Tr. 671 Nhấp nháy và Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (màu hổ phách) sáng cùng một lúc - Hệ thống phanh điện có sự cố. Có thể chưa gài phanh đỗ. Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra. ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách) Sáng Tr. 673

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động	Sáng khi hệ thống giữ phanh tự động đang bật.	 Giữ Phanh Tự Động Tr. 530
	Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động	Sáng khi kích hoạt chức năng giữ phanh tự động.	 Giữ Phanh Tự Động Tr. 530
 (Màu hổ phách)	Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách)	- Sáng nếu hệ thống liên quan đến phanh có sự cố ngoại trừ hệ thống phanh thông thường. - Sáng nếu hệ thống phanh đổ điện và/hoặc hệ thống giữ phanh tự động có sự cố.	Sáng khi lái xe - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường. Sáng liên tục - Tránh dùng phanh đổ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Sự Cố	- Sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải có sự cố. - Nhấp nháy khi phát hiện mất lửa trong các xy lanh động cơ.	 Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy Tr. 670

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	Sáng khi hệ thống nạp điện có sự cố.	- Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý. ➤ Kiểm TraẮc Quy Tr. 605 ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng Tr. 669
120 km/h	Đèn Báo Cảnh Báo Tốc Độ*	Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h. Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên.	Đèn báo vẫn cứ nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h.
 *1  *2	Đèn Báo Hệ Thống Truyền Động	Nhấp nháy nếu hệ thống truyền động có sự cố.	Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
M 2*1 M 2*2	Đèn báo M (chế độ sang số tay 7 cấp)/ Đèn Báo Số*	Sáng khi kích hoạt chế độ sang số tay 7 cấp.	➤ Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp* Tr. 410

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
 	Đèn Báo Vị Trí Số	Hiển thị vị trí số hiện tại.	 Sang Số Tr. 408, 412
	Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp	Sáng khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp.	Nếu đèn báo vẫn sáng sau khi động cơ đã đạt đến nhiệt độ hoạt động bình thường, có thể các cảm biến nhiệt có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đổ Đèo (Màu Trắng/Màu Xanh Lục)	- Sáng màu trắng khi Hệ Thống Hỗ Trợ Đổ Đèo bật và sẵn sàng sử dụng. - Sáng màu xanh lục khi Hệ Thống Hỗ Trợ Đổ Đèo đang hoạt động.	 Hệ Thống Hỗ Trợ Đổ Đèo Tr. 426

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Màu Xanh Lục)*	Sáng khi hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động. Động cơ sẽ tự động tắt.	☒ Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* Tr. 417
	Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Màu Hồng Phách)*	- Nhấp nháy nếu hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời có sự cố. - Sáng khi tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời bằng nút TẮT hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.	Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. ☒ BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Tr. 418

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	- Sáng nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi chế độ nguồn ở BẬT. - Nếu hành khách trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng sau đó vài giây. - Sáng một lát khi không thắt dây đai an toàn ghế sau khi chế độ nguồn ở BẬT. - Nhấp nháy khi đang lái xe nếu bạn và/hoặc bất kỳ hành khách nào không thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng đều đặn.	- Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn và hành khách thắt dây đai an toàn. Vẫn sáng sau khi bạn và/hoặc hành khách đã thắt dây đai an toàn - Có thể cảm biến có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. ► Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 45
	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Màu Hồ Phách)	- Sáng khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp (còn khoảng 5,3 lít). - Nhấp nháy nếu đồng hồ đo nhiên liệu có sự cố.	- Nạp đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt. - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	Sáng nếu hệ thống ABS có sự cố.	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng phanh. ► Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) Tr. 534

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	- Sáng nếu phát hiện một trong các hệ thống sau có sự cố: - Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ - Hệ thống túi khí bên - Hệ thống túi khí rèm* - Bộ căng dây đai an toàn	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	- Nhấp nháy khi VSA hoạt động. - Sáng nếu hệ thống VSA, hệ thống hỗ trợ phanh, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc, hỗ trợ xử lý nhanh hoặc chức năng phanh hỗ trợ khởi động* có sự cố. - Sáng nếu hệ thống VSA bị tắt tạm thời sau khi tháo ốc quy rồi lắp lại.	— Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. 🚗 Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) Tr. 428 - Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	- Sáng khi bạn tắt VSA. - Sáng nếu hệ thống VSA bị tắt tạm thời sau khi tháo ốc quy rồi lắp lại.	🚗 Bật và Tắt VSA Tr. 429 - Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	Sáng nếu Hệ Thống EPS có sự cố.	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Do Not Drive (Không lái xe) hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái Dừng xe ngay lập tức ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý. ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng Tr. 672
	Đèn Xi Nhan và Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm	- Nhấp nháy khi bạn gạt cần xi nhan. - Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm. - Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi lái xe ở tốc độ cao.	Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy nhanh ➤ Thay Bóng Đèn Tr. 588, 589
	Đèn Báo Đèn Bật	Sáng khi bật đèn vị trí, đèn hậu và các đèn ngoài xe.	➤ Đèn Tr. 222
	Đèn Báo Chiếu Xa	- Sáng khi bật các đèn chiếu xa. - Sáng khi hệ thống đèn pha thích ứng thông minh* hoạt động.	➤ Hệ Thống Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh* Tr. 235
	Đèn Báo* Đèn Pha Thích Ứng Tự Động*/Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh*	Sáng khi đáp ứng tất cả các điều kiện hoạt động của đèn pha thích ứng tự động*/đèn pha thích ứng thông minh*.	➤ Đèn Pha Thích Ứng Tự Động* Tr. 232 ➤ Hệ Thống Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh* Tr. 235

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Trước*	Sáng khi các đèn sương mù trước bật.	 Đèn Sương Mù* Tr. 226
	Đèn Báo Đèn Sương Mù Sau*	Sáng khi đèn sương mù sau bật.	 Đèn Sương Mù* Tr. 226
Đèn Báo 	Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	Nhấp nháy nếu hệ thống chống nổ máy không nhận dạng được thông tin chìa khóa.	Nhấp nháy - Bạn không thể khởi động động cơ. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, sau đó chọn lại chế độ BẬT. Nhấp liên tục - Hệ thống có thể có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị nào khác vào hệ thống. để tránh xảy ra sự cố điện.
Đèn Báo 	Đèn Báo Cảnh Báo Hệ Thống An Ninh	Nhấp nháy khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập.	 Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh Tr. 213

*1: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
 *1  *2	Đèn Báo Chế Độ ECON	Loại xe không có công tắc chế độ lái • Sáng khi chế độ ECON bật. Loại xe có công tắc chế độ lái • Sáng khi đặt chế độ lái ở ECON .	 Chế Độ ECON* Tr. 416  Công Tắc Chế Độ Lái* Tr. 423
SPORT	Đèn Báo Chế Độ SPORT*	• Sáng khi đặt chế độ lái ở SPORT .	• Đèn viền đồng hồ vẫn sáng đỏ cho đến khi chọn chế độ SPORT .  Công Tắc Chế Độ Lái* Tr. 423
NORMAL	Đèn Báo Chế Độ NORMAL*	• Sáng khi đặt chế độ lái ở NORMAL .	 Công Tắc Chế Độ Lái* Tr. 423
	Loại xe Đai Loan Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS	• Có thể sáng một lúc khi chế độ nguồn ở BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, điều này có nghĩa là quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành. • Sáng và sáng liên tục khi: - Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp. - Hệ thống chưa được hiệu chỉnh. • Nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu TPMS có sự cố. • Sáng nếu TPMS bị tắt tạm thời sau khi tháo ốc quy rồi nối lại.	• Sáng khi lái xe - Dừng xe nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp và bơm (các) lốp nếu cần. • Tiếp tục sáng sau khi bơm lốp đến áp suất khuyến nghị - Cần hiệu chỉnh hệ thống.  Hiệu Chỉnh TPMS Tr. 431 • Nhấp nháy và tiếp tục sáng - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. • Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

*1: Loại xe không có công tắc chế độ lái

*2: Loại xe có công tắc chế độ lái

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Loại xe Australia, Fiji và Trung Đông Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp	- Có thể sáng một lúc khi chế độ nguồn ở BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, điều này có nghĩa là quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành. - Sáng và sáng liên tục khi: - Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp. - Hệ thống chưa được hiệu chỉnh.	Sáng khi lái xe - Dừng xe nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp và bơm (các) lốp nếu cần. Tiếp tục sáng sau khi bơm lốp đến áp suất khuyến nghị - Cần hiệu chỉnh hệ thống.  Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* Tr. 435
		Nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó tiếp tục sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp có sự cố.	Nhấp nháy và tiếp tục sáng - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		Sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ốc quy rồi nổi lại.	Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống	Sáng và tiếng bíp cũng vang lên khi phát hiện có sự cố. Đồng thời, thông báo hệ thống cũng sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.	Loại xe có đồng hồ đo loại A - Trong khi đèn báo sáng, ấn nút  (màn hình chính) và chọn Information để xem lại thông báo. ➡ Chuyển Đổi Màn Hình Hiện Thị Tr. 130 Loại xe có đồng hồ đo loại B - Trong khi đèn báo sáng, ấn nút  (màn hình chính) và chọn ① để xem lại thông báo. ➡ Chuyển Đổi Màn Hình Hiện Thị Tr. 150 Tất cả các loại xe - Tham khảo thông tin các Đèn Báo trong phần này khi thông báo hệ thống xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Xử lý theo thông báo tương ứng. - Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ không trở về màn hình bình thường trừ khi hủy cảnh báo hoặc ấn nút  (màn hình chính).
	Đèn Báo Cảm Biến Đổ*	Nhấp nháy nếu có vật cản quanh các cảm biến.	➡ Hệ Thống Cảm Biến Đổ* Tr. 539

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp (Màu Hổ Phách)*	- Sáng nếu ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp có sự cố. - Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá tải trọng tối đa cho phép. - ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp bị hủy tự động - Sáng nếu ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ốc quy rồi lắp lại.	Sáng khi lái xe - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải trọng tối đa cho phép. Giới Hạn Tải Tr. 395 Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp (Màu Trắng/ Màu Xanh Lục)*	- Sáng màu trắng khi bạn ấn nút . - Sáng màu xanh lục khi hệ thống đang hoạt động.	Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp Tr. 472
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Hổ Phách)*	- Sáng nếu hệ thống LKAS có sự cố. - Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép.	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải trọng tối đa cho phép. Giới Hạn Tải Tr. 395 Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Trắng/ Màu Xanh Lục)*	- Sáng màu trắng khi bạn ấn nút LKAS. - Sáng màu xanh lục khi LKAS đang hoạt động.	➤ Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 492 ➤ Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường Tr. 504
	Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) (Màu Hổ Phách)*	Sáng nếu CMBS có sự cố hoặc tạm thời không thể sử dụng hệ thống do kính chắn gió gần camera bị bẩn.	- Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách) sáng cùng lúc. ➤ Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)* Tr. 124
	Loại xe có đồng hồ đo loại B	Sáng khi CMBS tắt.	➤ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn* Tr. 156
	Loại xe có đồng hồ đo Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) (Màu Xám)*	Sáng khi CMBS tắt.	➤ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn Tr. 140

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường (Màu Hổ Phách)*	Sáng khi Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường có sự cố hoặc tạm thời không thể sử dụng hệ thống do kính chắn gió gần camera bị bụi bẩn.	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách) sáng cùng lúc. ► Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)* Tr. 124
		Loại xe có đồng hồ đo loại B Sáng khi tính năng hỗ trợ lái của Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường tự động tắt.	► Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường Tr. 462
		Loại xe có đồng hồ đo loại B Sáng khi Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường tắt.	► Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn* Tr. 156
	Loại xe có đồng hồ đo Đèn Báo TẮT Tự Động Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường*	Sáng khi tính năng hỗ trợ lái của Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường tự động tắt.	► Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường Tr. 462

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Loại xe có đồng hồ đo Đèn Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường (Màu Xám)*	Sáng khi Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường tắt.	 Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn Tr. 140
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồng Phách)*	- Sáng khi hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường, CMBS hoặc Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp* có sự cố. - Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép. - Sáng nếu hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường, CMBS và Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp* dừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc quy rồi nối lại.	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép.  Giới Hạn Tải Tr. 395 Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hồ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)*	Sáng khi hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường và/hoặc CMBS tự động tắt.	Sáng liên tục - Nhiệt độ bên trong camera quá cao. Sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ để làm mát camera. Hệ thống hoạt động khi nhiệt độ bên trong camera giảm xuống. Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523 Sáng liên tục - Vùng xung quanh camera bị bụi bẩn, bám bùn, v.v. Hãy dừng xe ở nơi an toàn, dùng vải mềm lau sạch bụi bẩn. - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu đèn báo và thông báo vẫn xuất hiện ngay cả khi đã lau sạch vùng xung quanh camera. Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523 - Đèn báo có thể sáng khi môi trường xung quanh tối, như khi lái xe qua đường hầm, hoặc lái xe vào ban đêm, lúc sáng sớm, hoặc lúc chập tối.
		Loại xe có Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp Sáng khi có bùn, tuyết hoặc băng tích tụ xung quanh cảm biến siêu âm.	Loại bỏ vật cản xung quanh cảm biến siêu âm. Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp* Tr. 456

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/Màu Xám)*	• Sáng màu xanh lục khi hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường, CMBS và Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp* bật. • Sáng màu xanh lục và màu xám khi một hoặc nhiều hệ thống trên tắt. • Sáng màu xám khi tắt cả các hệ thống trên tắt.	➤ Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường Tr. 462 ➤ Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) Tr. 442 ➤ Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp* Tr. 456

Đồng Hồ Đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo nhiên liệu và các đèn báo liên quan khác. Các đồng hồ này hiển thị khi chế độ nguồn ở BẬT.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe

Hiển thị tốc độ xe tính bằng km/h.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ tính bằng vòng/phút.

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình chứa nhiên liệu.

Đèn Viên Đồng Hồ

Thay đổi sang màu xanh lục để báo xe đang được lái ở chế độ tiết kiệm nhiên liệu khi chế độ **SPORT** * tắt.

Loại xe có công tắc chế độ lái

Thay đổi sang màu đỏ để báo chế độ **SPORT** đã được chọn.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Có thể bật hoặc tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ.

➡ **Cài Đặt*** Tr. 142

➡ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

LƯU Ý

Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng sắp đến **[E]** hoặc **[0]**.

Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ, làm hỏng bộ trung hòa khí xả.

Sau khi nạp thêm ít nhiên liệu hoặc tùy thuộc vào tình trạng xe, lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km mà xe của bạn đã đi được.

■ Nhiệt Độ Ngoài Trời

Hiển thị nhiệt độ ngoài trời theo đơn vị độ C.

Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm chế độ nguồn ở BẬT, thông báo **Outside Temperature Low** (Nhiệt độ ngoài trời thấp) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ ngoài trời

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống $\pm 3^{\circ}\text{C}$ nếu chỉ báo nhiệt độ không chính xác.

» Nhiệt Độ Ngoài Trời

Cảm biến nhiệt độ nằm ở cản trước. Hơi nóng từ mặt đường và khí xả của xe khác có thể làm ảnh hưởng tới chỉ báo nhiệt độ khi tốc độ xe dưới 30 km/h.

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi chỉ báo nhiệt độ đã ổn định.

Bạn có thể điều chỉnh chỉ báo nhiệt độ.

➤ **Cài Đặt*** Tr. 142

➤ **Cài Đặt** Tr. 158

➤ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

■ Đồng Hồ

Hiển thị đồng hồ.

Bạn có thể điều chỉnh giờ bằng tay hoặc thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.

📖 **Đồng Hồ** Tr. 176

📖 **Cài Đặt Đồng Hồ** Tr. 306

Loại xe có Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp

■ Chế Độ Hiện Tại cho ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp, LKAS và Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường*

Hiển thị chế độ hiện tại cho ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp, LKAS và Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường*.

📖 **Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp** Tr. 472

📖 **Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)** Tr. 492

📖 **Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường** Tr. 504

■ Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*

Hiển thị một số biển báo giao thông được phát hiện trong khi lái xe.

Nếu cảnh báo giới hạn tốc độ hoạt động, biểu tượng biển báo sẽ nhấp nháy khi hệ thống phát hiện xe vượt quá biển báo giới hạn tốc độ.

📖 **Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*** Tr. 518

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại A)

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.

Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý để kiểm tra xe nếu cần thiết. Hãy tham khảo các trang sau nếu xuất hiện thông báo **Engine Oil Pressure Low** (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine Temperature Too Hot** (Nhiệt độ động cơ quá nóng).

➤ **Nếu Cảnh Báo Engine Oil Pressure Low^{*1}/Engine oil pressure low^{*2} (Áp suất dầu thấp) Xuất Hiện** Tr. 669

➤ **Cách Xử Lý Quá Nhiệt** Tr. 666

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

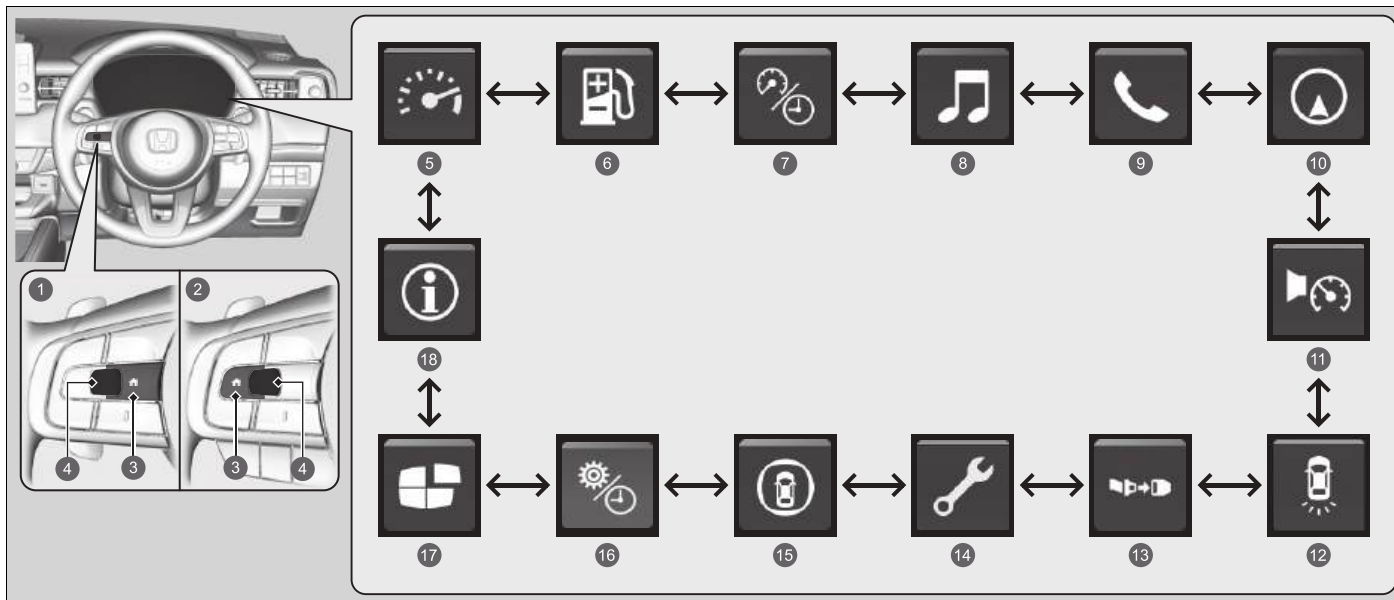
Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn đến nội dung mà bạn muốn xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

➤ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Để quay trở lại màn hình trước đó, ấn nút  (quay lại).

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ đo.

➤ **Màn Hình Tùy Chọn** Tr. 141



- ❶ Loại xe Australia, Fiji và Singapore
- ❷ Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji và Singapore
- ❸ Nút  (Màn Hình Chính)
- ❹ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ❺ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ  Tr. 127
- ❻ Quảng Đường & Nhiên Liệu  Tr. 133
- ❼ Tốc Độ & Thời Gian  Tr. 135

- ❽ Âm Thanh*  Tr. 136
- ❾ Điện Thoại*  Tr. 136
- ❿ Định Vị*  Tr. 137
- ⓫ Cảnh Báo Tốc Độ*  Tr. 138
- ⓬ Hiện Thị Đèn Phanh*  Tr. 139
- ⓭ Dây Đai An Toàn  Tr. 139
- ⓮ Bảo Dưỡng*  Tr. 139

- ⓯ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn  Tr. 140
- ⓰ Cài Đặt*  Tr. 142
- ⓱ Màn Hình Tùy Chọn  Tr. 141
- ⓲ Thông tin  Tr. 141

■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

► Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ Tr. 127

► Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Có thể bật và tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin.

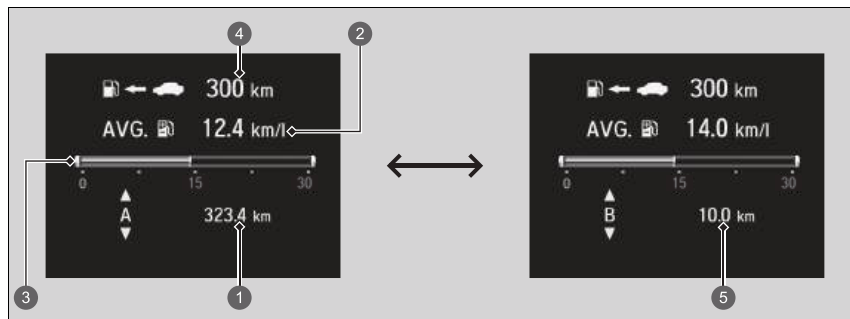
► Cài Đặt* Tr. 142

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346

Ngay cả khi bạn đã tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin, nếu chọn **Tachometer** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, màn hình sẽ chuyển sang chỉ hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ.

■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường / Nhiên Liệu / Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



- ❶ Đồng Hồ Đo Hành Trình A
- ❷ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình
- ❸ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời
- ❹ Quãng Đường
- ❺ Đồng Hồ Đo Hành Trình B

■ Đồng hồ đo hành trình

Hiện thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn vòng lựa chọn bên trái, sau đó chọn **Reset**. Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Hiện thị mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng l/100km* hoặc km/l*.

Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Tiêu thụ nhiên liệu tức thời

Hiện thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ cột tính bằng l/100 km* hoặc km/l*.

■ Quãng Đường

Hiện thị quãng đường ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

►► Đồng Hồ Đo Quãng Đường / Nhiên Liệu / Hành Trình

Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo lượng tiêu thụ nhiên liệu tính bằng km/l và l/100km.

► **Cài Đặt*** Tr. 142

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

►► Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.

► **Cài Đặt*** Tr. 142

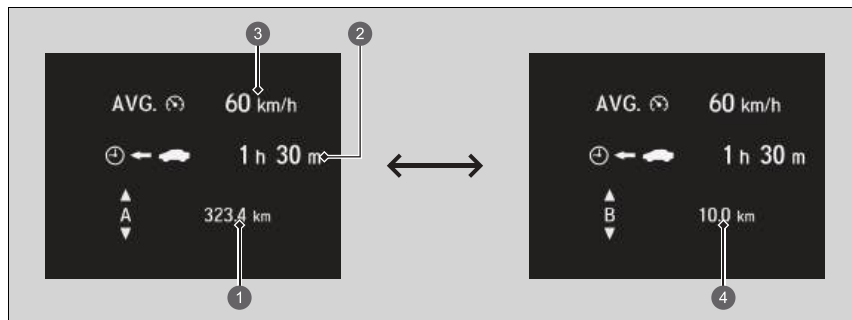
► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

►► Quãng Đường

Quãng đường xe đã đi được hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể đi được.

■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ/Thời Gian/Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



❶ Đồng hồ đo hành trình A

❷ Thời Gian Xe Chạy

❸ Tốc Độ Trung Bình

❹ Đồng hồ đo hành trình B

■ Đồng hồ đo hành trình

➤ Đồng hồ đo hành trình Tr. 134

■ Thời Gian Xe Chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành Trình A hoặc Hành Trình B.

■ Tốc Độ Trung Bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành Trình A hoặc Hành Trình B.

■ Âm thanh*

Hiển thị thông tin âm thanh đang phát.

➤ Vận Hành Cơ Bản Tr. 293

■ Điện thoại*

Hiển thị thông tin điện thoại đang phát.

➤ Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay Tr. 360

»» Thời Gian Xe Chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

➤ Cài Đặt* Tr. 142

➤ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346

»» Tốc Độ Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

➤ Cài Đặt* Tr. 142

➤ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346

■ Định vị*

■ La Bàn

Hiển thị màn hình la bàn.

■ Dẫn Đường Chi Tiết

Khi xe được trang bị hệ thống định vị, Android Auto hoặc Apple CarPlay, thông tin dẫn đường chi tiết sẽ xuất hiện trên màn hình để giúp bạn đi đến điểm đến.

➤ Tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Hệ Thống Định Vị

➤ Ứng Dụng Apple CarPlay Tr. 335

➤ Ứng Dụng Android Auto™ Tr. 342

» Định vị*

Bạn có thể chọn bật hoặc tắt màn hình dẫn đường chi tiết trong quá trình dẫn đường.

➤ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

Bạn có thể điều khiển một số chức năng của hệ thống định vị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái bằng cách cuộn vòng lựa chọn bên trái.

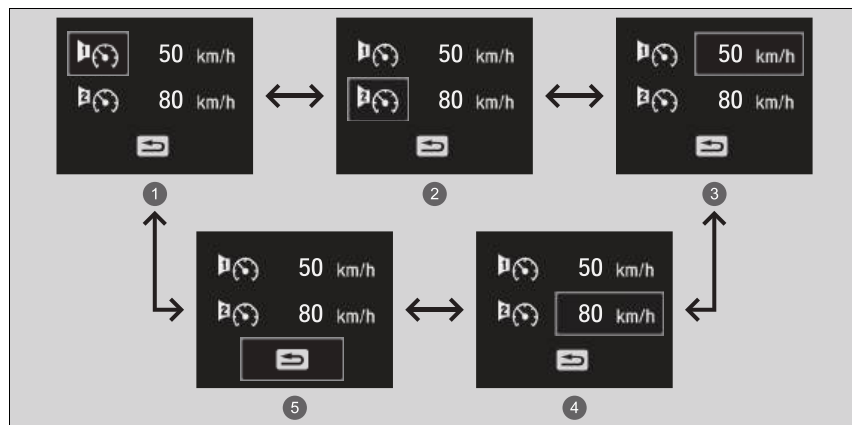
➤ **Tham khảo Tài Liệu Hướng Dẫn Hệ Thống Định Vị**

Các tính năng định vị có thể không khả dụng cho tất cả các thiết bị hoặc ứng dụng.

■ Cảnh Báo Tốc Độ*

Cài đặt bật cảnh báo tốc độ và thay đổi cài đặt cảnh báo tốc độ.

Cuộn vòng lựa chọn bên trái, cài đặt cảnh báo tốc độ sẽ thay đổi như sau:



- ① Bật/Tắt Cảnh Báo Tốc Độ 1^{*1}
- ② Bật/Tắt Cảnh Báo Tốc Độ 2^{*1}
- ③ Cài Đặt Tốc Độ Cảnh Báo Tốc Độ 1 [50 km/h^{*1}]
- ④ Cài Đặt Tốc Độ Cảnh Báo Tốc Độ 2 [80 km/h^{*1}]
- ⑤ Quay Lại

*1: Cài Đặt Mặc Định

■ **Hiển Thị Đèn Phanh***

Hiển thị trạng thái hiện tại của các đèn phanh, đèn chiếu sáng v.v.

■ **Dây Đai An Toàn**

Xuất hiện trong những điều kiện cụ thể khi thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

📖 **Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 45

■ **Bảo Dưỡng***

Hiển thị hệ thống giám sát dầu

📖 **Hệ Thống Giám Sát Dầu*** Tr. 557

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn

Biểu thị trạng thái của hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường, CMBS và Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp* như Bật, Tắt hoặc Lỗi, bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ cái.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu xám: Hệ thống tắt.
- Màu đỏ phách: Hệ thống có sự cố.



- 1 Thông Tin Vùng cho Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường
- 2 Thông Tin Vùng cho Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp*
- 3 Thông Tin Vùng cho CMBS
- 4 Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường
- 5 Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp*
- 6 Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái CMBS

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn

Nếu hệ thống hiển thị màu đỏ phách, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy xoay vòng lựa chọn bên trái để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

► **Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường**
Tr. 462

► **Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS)** Tr. 442

► **Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp*** Tr. 456

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Đỏ Phách)***
Tr. 124

► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/ Màu Xám)*** Tr. 126

► **Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) (Màu Đỏ Phách)*** Tr. 122

► **Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) (Màu Xám)*** Tr. 122

► **Đèn Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường (Màu Đỏ Phách)*** Tr. 123

► **Đèn Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường (Màu Xám)*** Tr. 124

► **Đèn Báo TẮT Tự Động Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường***
Tr. 123

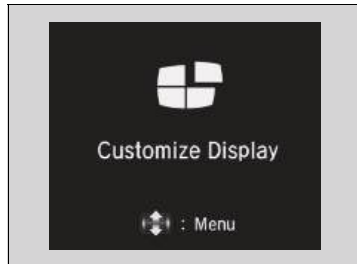
Loại xe có Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp

Ngay cả khi biểu tượng Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp có màu xanh lục, nếu chỉ tắt cảm biến đỗ phía sau, thì hệ thống hỗ trợ phanh sẽ không hoạt động khi lùi xe.

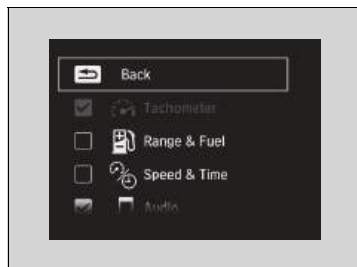
► **Tắt Tắt Cả Các Cảm Biến Sau** Tr. 544

Màn Hình Tùy Chọn

Bạn có thể chọn các biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize Display**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.



3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các biểu tượng.

Thông Tin

Bạn có thể kiểm tra xem có thông báo cảnh báo nào đang hoạt động không.

Màn Hình Tùy Chọn

Bạn không thể xóa các biểu tượng màu xám khỏi màn hình chính.

Thông Tin

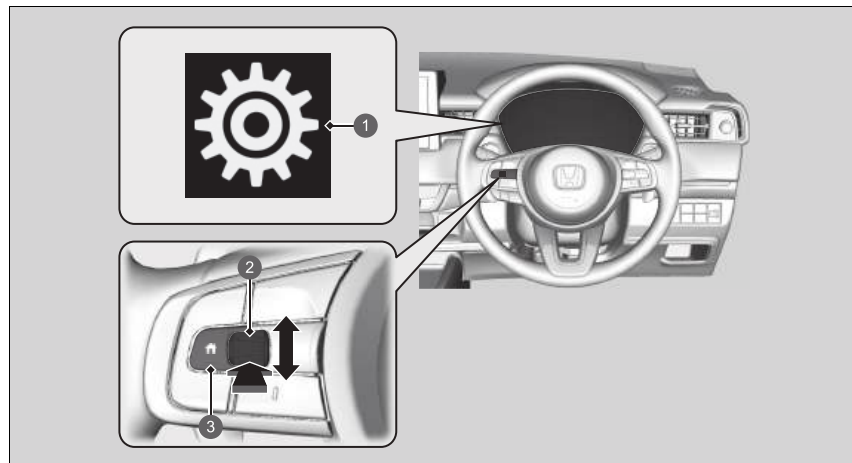
Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

■ Cài Đặt*

Sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chọn

Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn màn hình  (**Settings**) khi chế độ nguồn ở BẬT, xe ở trạng thái dừng hẳn và vị trí số ở **P**. Sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



- ① Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái
- ② Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ③ Nút  (Màn Hình Chính)

► Cài Đặt*

Để tùy chọn các tính năng khác, cuộn vòng lựa chọn bên trái.

- **Danh sách tùy chọn** Tr. 143
- **Ví dụ về các cài đặt tùy chọn** Tr. 147

Khi tùy chọn cài đặt, sang số **P**.

■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Clock Setup	Clock Adjustment	Điều chỉnh thời gian. ➡ Adjusting the Clock Tr. 176	—
	Clock Display	Đặt kiểu hiển thị đồng hồ 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.	24h/12h ^{*1} /OFF (24 giờ/12 giờ ^{*1} /TẮT)
	Preceding Vehicle Proximity Warning Distance	Thay đổi khoảng cách mà Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) cảnh báo.	Far/Normal ^{*1} /Near (Xa/Trung Bình ^{*1} /Gần)
Driver Assist System Setup	ACC Vehicle Ahead Detected Beep	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi hệ thống phát hiện ra xe khác, hoặc khi xe ra khỏi phạm vi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.	ON/OFF ^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})
	Lead Car Departure Notification System	Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành.	Normal ^{*1} /Early/OFF (Trung Bình ^{*1} /Sớm/TẮT)
	Road Departure Mitigation Setting	Thay đổi cài đặt hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường.	Early/Normal ^{*1} /Delayed/Warning Only (Sớm/Trung Bình ^{*1} /Muộn/Chỉ cảnh báo)
	Lane Keep Assist Beep	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi LKAS bị treo.	ON/OFF ^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})

*1: Cài Đặt Mặc Định

Bảng Điều Khiển

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Meter Setup	Adjust Outside Temp. Display	Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ tăng giảm một vài độ.	-3°C ~ ±0°C*1 ~ +3°C
	“Trip A” Reset Timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian xe chạy A.	When Fully Refueled/ When Ignition Is Turned OFF/Manual Reset*1 (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện sang TẮT/ Cài đặt lại bằng tay*1)
	“Trip B” Reset Timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian xe chạy B.	When Fully Refueled/ When Ignition Is Turned OFF/Manual Reset*1 (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện sang TẮT/ Cài đặt lại bằng tay*1)
	Alarm Volume Control	Thay đổi âm lượng của tiếng bíp, cảnh báo, tiếng xi nhan và các âm khác.	Max/Mid*1/Min (Cao/Trung Bình*1/Thấp)
	Fuel Efficiency Backlight	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	ON*1/OFF (BẬT*1/TẮT)
	Rear Seat Reminder	Bật và tắt tính năng Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau.	ON*1/OFF (BẬT*1/TẮT)
	Fuel Economy Unit	Chọn đơn vị tính mức tiêu thụ nhiên liệu.	km/l*1/l/100km
	Tachometer	Bật/tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên bảng điều khiển.	ON*1/OFF (BẬT*1/TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Keyless Access Setup	Keyless Access Beep Volume	Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi bạn cầm chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước.	High*/Low (Cao*/Thấp)
	Keyless Access Light Flash	Làm một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/ khóa các cửa.	ON*/OFF (BẬT*/TẮT)
	Keyless Access Beep	Phát ra tiếng bíp khi mở khóa/ khóa cửa.	ON*/OFF (BẬT*/TẮT)
	Remote Start System ON/OFF	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	ON*/OFF (BẬT*/TẮT)
Lighting Setup	Auto High-Beam	Bật và tắt đèn pha thích ứng tự động.	ON*/OFF (BẬT*/TẮT)
	Interior Light Dimmer Duration	Thay đổi thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa.	60sec/30sec*/15sec (60 giây/30 giây*/15 giây)
	Headlight Auto OFF Timer	Thay đổi thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa bên lái.	60sec/30sec/15sec*/0sec (60 giây/30 giây/ 15 giây*/0 giây)
	Headlight Integration With Wipers	Thay đổi cài đặt hoạt động của cần gạt nước khi các đèn chiếu sáng tự động sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO.	ON*/OFF (BẬT*/TẮT)

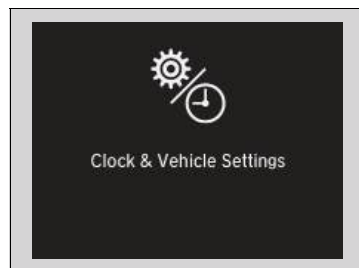
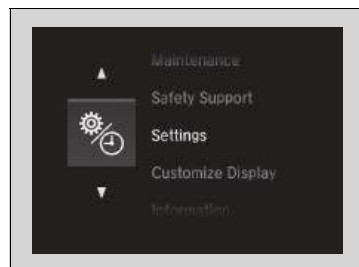
*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Door Setup	Auto Door Lock	Thay đổi cài đặt khi các cửa và cửa hậu tự động khóa.	With Vehicle Speed^{*1}/ Shift From P/OFF (Có tốc độ xe ^{*1} /Sang số từ P/TẮT)
	Auto Door Unlock	Thay đổi cài đặt khi các cửa và cửa hậu tự động mở khóa.	Shift To P^{*1}/IGN OFF/OFF (Sang số P ^{*1} /TẮT KHÓA ĐIỆN/TẮT)
	Walk Away Lock	Thay đổi cài đặt tính năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.	ON/OFF^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})
	Keyless Lock Notification	KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy. KHOÁ (ấn lần 2) - Tiếng bíp vang lên.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
Maintenance Reset	—	Cài đặt lại thông tin hệ thống giám sát dầu sau khi thực hiện sửa chữa bảo dưỡng.	Cancel/Reset (Hủy/Cài đặt lại)
Default all	—	Hủy các thay đổi tùy chọn mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục lại về cài đặt mặc định.	Cancel/OK (Hủy/OK)

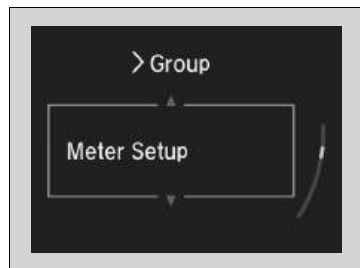
*1: Cài Đặt Mặc Định

■ Ví dụ về các cài đặt tùy chọn

Các bước thay đổi cài đặt **“Trip A” Reset Timing** (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành Trình A") sang **When Fully Refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu) được minh họa như dưới đây. Cài đặt mặc định cho **“Trip A” Reset Timing** là **Manual Reset** (Cài đặt lại bằng tay).

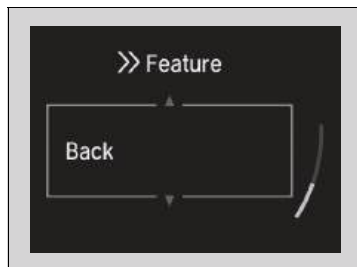
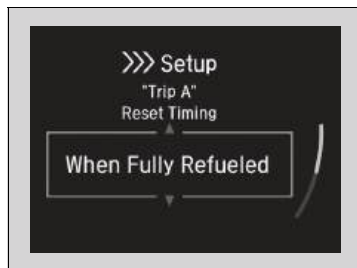


1. Ấn nút  và cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn  (**Settings**), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Meter Setup** (Cài đặt đồng hồ) xuất hiện trên màn hình.
3. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **"Trip A" Reset Timing** (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành Trình A") xuất hiện trên màn hình, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - Màn hình chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, ở đó bạn có thể chọn **When Fully Refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu), **When Ignition Is Turned OFF** (Khi xoay khóa điện sang TẮT), **Manual Reset** (Cài đặt lại bằng tay) hoặc **Back** (Quay lại).



5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **When Fully Refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
► Màn hình quay trở về màn hình danh mục tùy chọn.

6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Back** (Quay lại) xuất hiện trên màn hình, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
7. Lặp lại bước 6 cho đến khi trở về màn hình bình thường.

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại B)

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.

Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý để kiểm tra xe nếu cần thiết. Hãy tham khảo các trang sau nếu xuất hiện thông báo **Engine oil pressure low** (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine temperature too hot** (Nhiệt độ động cơ quá nóng).

➤ **Nếu Cảnh Báo Engine Oil Pressure Low^{*1}/Engine oil pressure low^{*2} (Áp suất dầu thấp) Xuất Hiện** Tr. 669

➤ **Cách Xử Lý Quá Nhiệt** Tr. 666

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

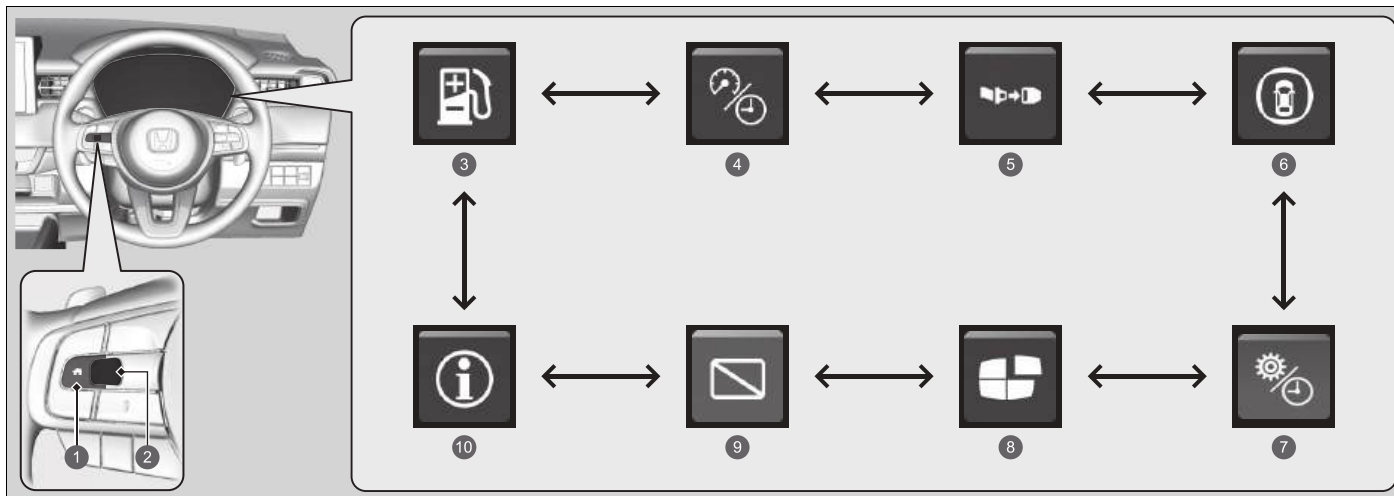
Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn đến nội dung mà bạn muốn xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

► Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Để quay lại màn hình trước đó, ấn nút  (quay lại).

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ đo.

➤ **Màn Hình Tùy Chọn** Tr. 157



❶ Nút (Màn Hình Chính)

❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái

❸ Quãng Đường & Nhiên Liệu ➡ Tr. 152

❹ Tốc Độ & Thời Gian ➡ Tr. 154

❺ Dây Dài An Toàn ➡ Tr. 155

❻ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn* ➡ Tr. 156

❼ Cài Đặt ➡ Tr. 158

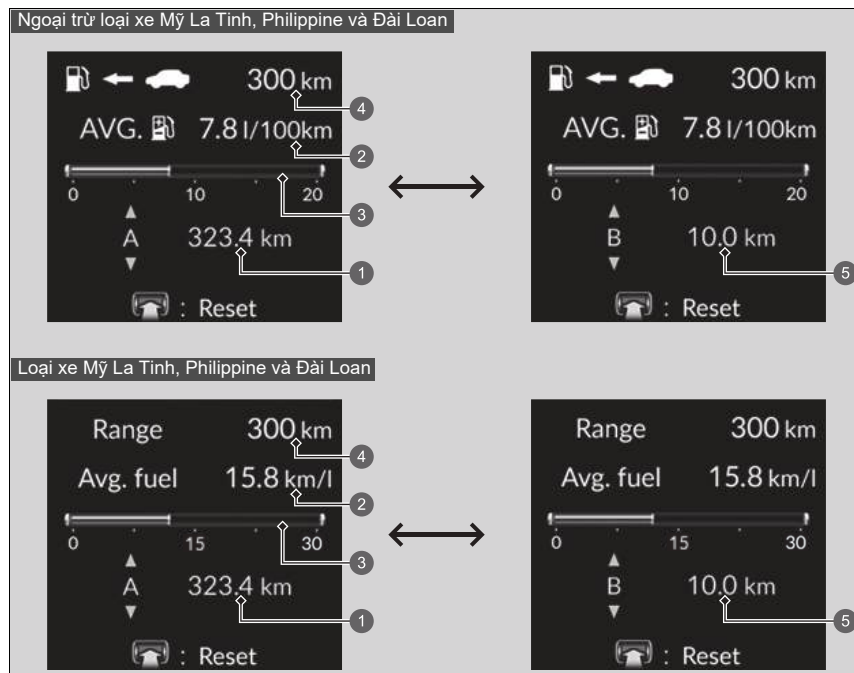
❽ Màn Hình Tùy Chọn ➡ Tr. 157

❾ Không Có Thông Tin

❿ Cảnh Báo/Thông Tin ➡ Tr. 157

■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường / Nhiên Liệu / Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



- ① Đồng Hồ Đo Hành Trình A
- ② Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình
- ③ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời
- ④ Quãng Đường
- ⑤ Đồng Hồ Đo Hành Trình B

■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn vòng lựa chọn bên trái, sau đó chọn **Reset**. Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng $l/100km^*$ hoặc km/l^* .

Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Tiêu thụ nhiên liệu tức thời

Hiển thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ cột tính bằng $l/100 km^*$ hoặc km/l^* .

■ Quãng Đường

Hiển thị quãng đường ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

►► Đồng Hồ Đo Quãng Đường / Nhiên Liệu / Hành Trình

Ngoại trừ loại xe Trung Đông, Châu Phi và Mỹ La Tinh

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo lường tiêu thụ nhiên liệu tính bằng km/l và $l/100km$.

► Cài Đặt Tr. 158

►► Tiêu thụ nhiên liệu trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.

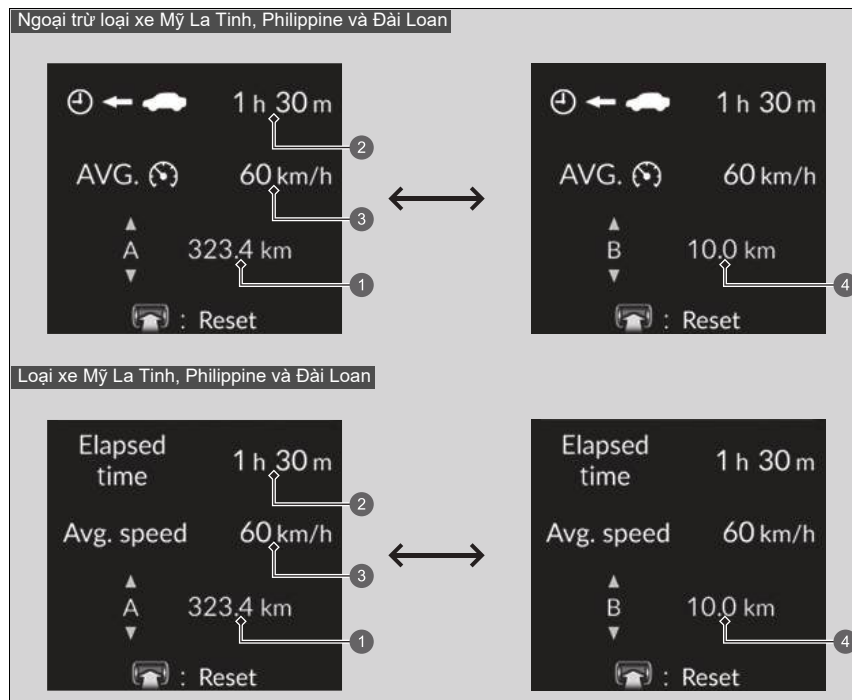
► Cài Đặt Tr. 158

►► Quãng Đường

Quãng đường xe đã đi được hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể đi được.

■ Đồng Hồ Đo Tốc Độ/Thời Gian/Hành Trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



- ① Đồng hồ đo hành trình A ③ Tốc Độ Trung Bình
- ② Thời Gian Xe Chạy ④ Đồng hồ đo hành trình B

■ Đồng hồ đo hành trình

📏 Đồng hồ đo hành trình Tr. 153

■ Thời Gian Xe Chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành Trình A hoặc Hành Trình B.

■ Tốc Độ Trung Bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành Trình A hoặc Hành Trình B.

■ Dây Đai An Toàn

Xuất hiện trong những điều kiện cụ thể khi thắt hoặc không thắt dây đai an toàn.

📏 Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 45

⌘ Thời Gian Xe Chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

📏 Cài Đặt Tr. 158

⌘ Tốc Độ Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

📏 Cài Đặt Tr. 158

■ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn*

Biểu thị trạng thái của hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường và CMBS như Bật, Tắt hoặc Lỗi, bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ cái.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu xám: Hệ thống tắt.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.



- 1 Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái CMBS
- 2 Biểu Tượng và Thông Tin Trạng Thái Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường
- 3 Thông Tin Vùng cho CMBS
- 4 Thông Tin Vùng cho Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

►► Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn*

Nếu hệ thống hiển thị màu hổ phách, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy xoay vòng lựa chọn bên trái để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

► **Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường**
Tr. 462

► **Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS)** Tr. 442

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

► **Đèn Báo Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) (Màu Hổ Phách)*** Tr. 122

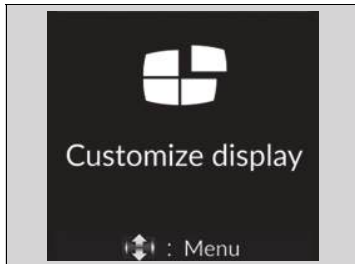
► **Đèn Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường (Màu Hổ Phách)*** Tr. 123

► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)***
Tr. 124

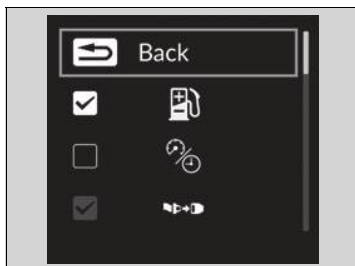
► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/ Màu Xám)*** Tr. 126

■ Màn Hình Tùy Chọn

Bạn có thể chọn các biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn ,
- sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.



3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các biểu tượng.

■ Thông Tin^{*1}/Cảnh Báo^{*2}

Bạn có thể kiểm tra xem có thông báo cảnh báo nào đang hoạt động không.

^{*1} : Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan

^{*2} : Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan

▣ Màn Hình Tùy Chọn

Bạn không thể xóa các biểu tượng màu xám khỏi màn hình chính.

▣ Thông Tin^{*1}/Cảnh Báo^{*2}

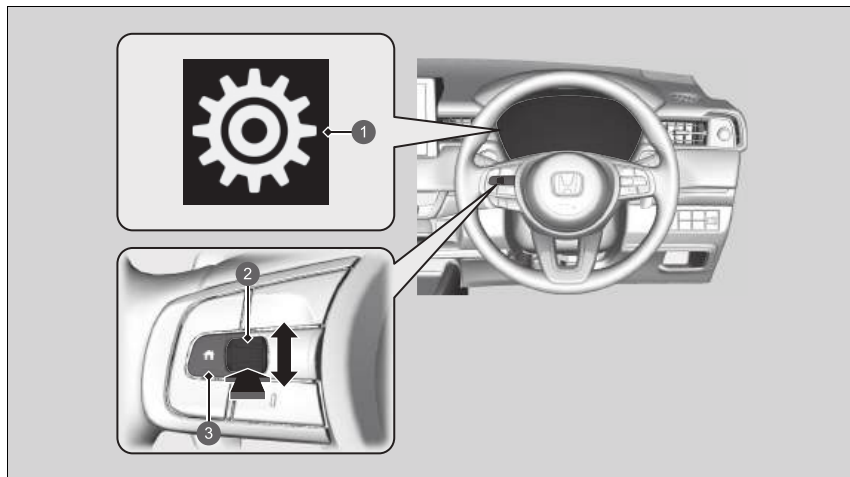
Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

■ Cài Đặt

Sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chọn

Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn màn hình  khi chế độ nguồn ở BẬT, xe ở trạng thái dừng hẳn, và vị trí số ở **P**. Sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



- ① Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái
- ② Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ③ Nút  (Màn Hình Chính)

► Cài Đặt

Để tùy chọn các tính năng khác, cuộn vòng lựa chọn bên trái.

► **Danh sách tùy chọn** Tr. 159

► **Ví dụ về các cài đặt tùy chọn** Tr. 171

Khi tùy chọn cài đặt, sang số **P**.

■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Loại xe Trung Đồng	—	Loại xe Trung Đồng Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.	Loại xe Trung Đồng Cancel/Initialise (Hủy/ Hiệu chỉnh)
Loại xe Đài Loan		Loại xe Đài Loan Hiệu chỉnh TPMS.	Loại xe Đài Loan Cancel/Calibrate (Hủy/ Hiệu chỉnh)
TPMS calibration*	Adjust clock	Điều chỉnh thời gian. ▶ Adjusting the Clock Tr. 176	—
	Clock setup		
	Clock display	Đặt kiểu hiển thị đồng hồ 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.	24h/12h*/OFF (24 giờ/12 giờ*/TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Driver assist system setup*	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Preceding vehicle proximity warning distance	Thay đổi khoảng cách mà Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) cảnh báo.	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Far/Normal^{*1}/Near (Xa/Trung Bình^{*1}/Gần)
	Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Forward collision warning distance		Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Long/Normal^{*1}/Short (Xa/Trung Bình^{*1}/Gần)
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan ACC vehicle ahead detected beep Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan ACC forward vehicle detect beep	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi hệ thống phát hiện ra xe khác, hoặc khi xe ra khỏi phạm vi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.	ON/OFF ^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})

*1: Cài Đặt Mặc Định

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Driver assist system setup*	Lead car departure notification system*	Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành.	Normal*¹/Early/OFF (Trung bình* ¹ /Sớm/TẮT)
	Road departure mitigation setting	Thay đổi cài đặt Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường.	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Early/Normal*¹/Delayed/Warning only (Sớm/Trung bình* ¹ /Muộn/Chỉ cảnh báo)
	Lane keep assist beep	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi LKAS bị treo.	Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Narrow/Normal*¹/Wide/Warning only (Hẹp/Trung bình* ¹ /Rộng/Chỉ cảnh báo)
	Lane keeping assist suspend beep		ON/OFF*¹ (BẬT/TẮT* ¹)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
	Loại xe Trung Đông Language Loại xe Mỹ La Tinh Language selection	Thay đổi ngôn ngữ hiển thị.	Loại xe Trung Đông English/Arabic *1 (Tiếng Anh/Tiếng Ả Rập*1) Loại xe Mỹ La Tinh English/Français/Español *1 (Tiếng Anh/Tiếng Pháp/Tiếng Tây Ban Nha*1)
	Adjust outside temp. display	Điều chỉnh hiển thị nhiệt độ tăng giảm một vài độ.	-3°C ~ ±0°C*1 ~ +3°C
Meter setup	“Trip A” reset timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian xe chạy A.	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan When fully refueled/ When ignition is turned OFF/Manual reset *1 (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện sang TẮT/ Cài đặt lại bằng tay*1) Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan When fully refueled/IGN OFF/Manually reset *1 (Khi nạp đầy nhiên liệu/TẮT KHÓA ĐIỆN/Cài đặt lại bằng tay*1)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Meter setup	“Trip B” reset timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian xe chạy B.	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset*1 (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện sang TẮT/Cài đặt lại bằng tay*1) Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan When fully refueled/IGN OFF/Manually reset*1 (Khi nạp đầy nhiên liệu/TẮT KHÓA ĐIỆN/Cài đặt lại bằng tay*1)
	Alarm volume control	Thay đổi âm lượng của tiếng bíp, cảnh báo, tiếng xi nhan và các âm khác.	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Max/Mid*1/Min (Cao/Trung Bình)/Thấp)
	Adjust alarm volume		Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan High/Mid*1/Low (Cao/Trung Bình)/Thấp)
	Fuel efficiency backlight	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	ON *1/ OFF (BẬT)/TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Meter setup	Rear seat reminder	Bật và tắt tính năng Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau.	ON ^{*1} /OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Fuel economy unit [*]	Chọn đơn vị tính mức tiêu thụ nhiên liệu.	Ngoại trừ loại xe Việt Nam km/l ^{*1} /l/100km Loại xe Việt Nam km/l/l/100km ^{*1}

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Keyless access setup	Door unlock mode*	Thay đổi cửa sẽ được mở khóa khi nắm tay nắm cửa bên lái.	Driver door only*¹/All doors (Chỉ cửa bên lái* ¹ /Tất cả các cửa)
	Keyless access beep volume	Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi bạn cầm chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước.	High*¹/Low (Cao* ¹ /Thấp)
	Keyless access light flash	Làm một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/khóa các cửa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)
	Keyless access beep	Phát ra tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)
	Remote start system ON/OFF*	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Lighting setup	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Auto High-Beam*	Bật và tắt đèn pha thích ứng tự động.	ON ^{*1} /OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Auto high-beam*		
	Adaptive driving beam*	Bật và tắt đèn pha thích ứng thông minh.	ON ^{*1} /OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Interior light dimmer duration Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Interior light dimming time	Thay đổi thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa.	60sec/30sec ^{*1} /15sec (60 giây/30 giây ^{*1} /15 giây)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Lighting setup	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Headlight auto OFF timer	Thay đổi thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa bên lái.	60sec/30sec/15sec*1/0sec (60 giây/30 giây/15 giây*1/0 giây)
	Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Headlight auto off timer		
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Headlight integration with wipers Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Auto headlight ON with wiper ON	Thay đổi cài đặt hoạt động của cần gạt nước khi các đèn chiếu sáng tự động sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO .	ON*1/OFF (BẬT*1/TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Bảng Điều Khiển

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Door setup	Auto door lock*	Thay đổi cài đặt khi các cửa và cửa hậu tự động khóa.	With vehicle speed*¹/Shift from P/OFF (Có tốc độ xe* ¹ / Sang số từ P/TẮT)
	Auto door unlock*	Thay đổi cài đặt khi các cửa và cửa hậu tự động mở khóa.	Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải Shift to P*¹/IGN OFF/OFF (Sang số P* ¹ /TẮT KHÓA ĐIỆN/ TẮT) Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải Driver door with Shift to P*¹/ All doors with Shift to P/ Driver door with IGN OFF/All doors with IGN OFF/OFF (Cửa bên lái với số ở P* ¹ /Tất cả các cửa với số ở P/Cửa bên lái với KHÓA ĐIỆN TẮT/Tất cả các cửa với KHÓA ĐIỆN TẮT/TẮT)
	Key and remote unlock mode*	Cài đặt cửa người lái hoặc tất cả các cửa mở khóa trong lần đầu vận hành chìa khóa điều khiển từ xa hoặc chìa khóa tích hợp.	Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải Driver door only*¹/All doors (Chỉ cửa bên lái* ¹ /Tất cả các cửa) Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái Driver door*¹/All doors (Cửa bên lái* ¹ /Tất cả các cửa)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Door setup	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Walk away lock	Thay đổi cài đặt tính năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.	ON/OFF^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})
	Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Walk away auto lock		
	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Keyless lock notification	KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy. KHOÁ (ấn lần 2) - Tiếng bíp vang lên.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Keyless lock answer back		
	Keyless remote power window control[*]	Bật và tắt điều khiển cửa kính từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Auto folding door mirror[*]	Thay đổi cách cụp gương cửa.	Auto fold with keyless^{*1}/ Manual only (Tự động cụp bằng chìa khóa điều khiển từ xa ^{*1} /Chỉ bằng tay)
	Lock presetting[*]	Thay đổi cài đặt chức năng cài đặt trước khóa.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

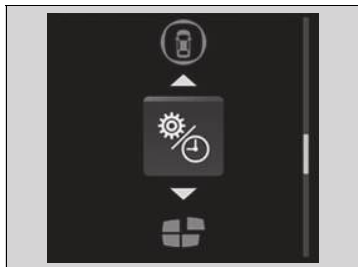
* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Power tailgate setup*	Keyless open mode	Thay đổi cài đặt chế độ mở cửa từ xa khi cửa hậu điện mở.	Anytime ^{*1} /When Unlocked (Bất cứ khi nào ^{*1} /Khi mở khóa)
	Power open by outer handle	Thay đổi cài đặt để mở cửa hậu điện bằng tay nắm bên ngoài cửa hậu.	ON (Power/Manual) ^{*1} / OFF (Manual Only) (BẬT (Bằng điện/Bằng tay) ^{*1} / TẮT (Chỉ bằng tay))
	Loại xe Brunei, Bangladesh, Sri Lanka và Châu Phi có vô lăng bên phải Hands free access	Thay đổi cài đặt để mở cửa hậu điện bằng cách huơ chân dưới tấm cản sau.	ON ^{*1} /OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Loại xe Mỹ La Tinh và Đài Loan Hands free access function		
Default all	—	Hủy các thay đổi tùy chọn mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục lại về cài đặt mặc định.	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Cancel/OK (Hủy/OK) Loại xe Mỹ La Tinh, Philippine và Đài Loan Cancel/Set (Hủy/Thiết lập)

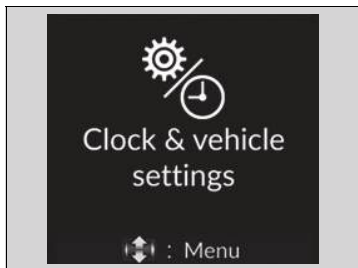
*1: Cài Đặt Mặc Định

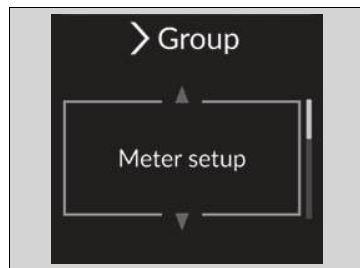
■ Ví dụ về các cài đặt tùy chọn

Các bước thay đổi cài đặt “**Trip A**” **reset timing** (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành Trình A") sang **When fully refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu) được minh họa như bên dưới. Cài đặt mặc định cho “**Trip A**” **reset timing** là **Manually reset/Manual reset** (Cài đặt lại bằng tay).

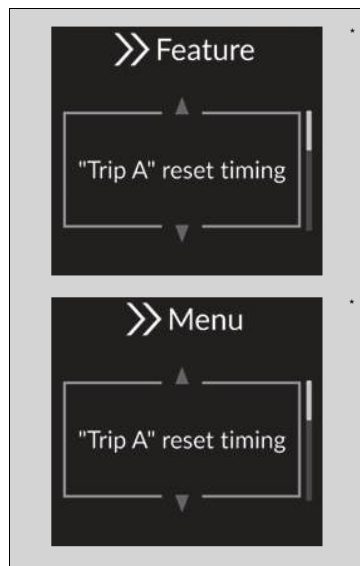


1. Ấn nút  và cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

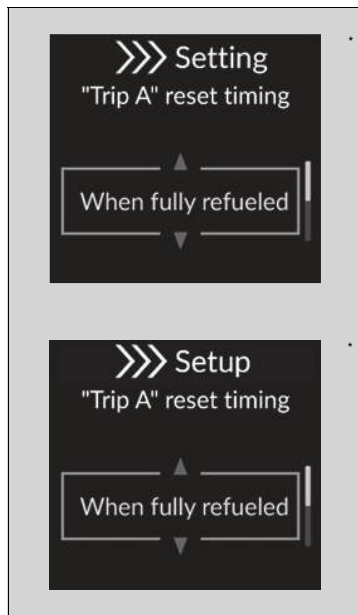




2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Meter setup** (Cài đặt đồng hồ) xuất hiện trên màn hình.
3. Ấn vòng lựa chọn bên trái.



4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **"Trip A" reset timing** (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành Trình A") xuất hiện trên màn hình, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - Màn hình chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, ở đó bạn có thể chọn **When fully refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu), **IGN OFF/When ignition is turned OFF** (TẮT KHÓA ĐIỆN/Khi xoay khóa điện sang TẮT), **Manually reset/Manual reset** (Cài đặt lại bằng tay), hoặc **Back** (Quay lại).



5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **When fully refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
- Màn hình quay trở về màn hình danh mục tùy chọn.



6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Back** (Quay lại) xuất hiện trên màn hình, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
7. Lặp lại bước 6 cho đến khi trở về màn hình bình thường.

Điều Khiển

Chương này mô tả cách vận hành một số chức năng cần thiết khi điều khiển xe.

Đồng Hồ	176
Khóa và Mở Khóa Cửa	
Chìa Khóa	180
Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu	
182	
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài .	183
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong .	195
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	198
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*	199
Cửa Hậu	200

Hệ Thống An Ninh	
Hệ Thống Chống Nổ Máy	212
Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	213
Cửa Kính	215
Vận Hành Các Công Tác Quanh Vô Lãng	
Nút ENGINE START/STOP	219
Đèn	222
Đèn Vào Cua Chủ Động*	229
Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*	231
Đèn Pha Thích Ứng Tự Động*	232
Hệ Thống Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh*	235

Cần Gạt Nước và Rửa Kính	239
Nút Sấy Kính Sau	242
Điều Chỉnh Độ Sáng	243
Điều Chỉnh Vô Lãng	244
Gương	245
Ghế Ngồi	249
Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong	262
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ	280

Điều Chỉnh Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian hiện trên màn hình đồng hồ khi chế độ nguồn BẬT.

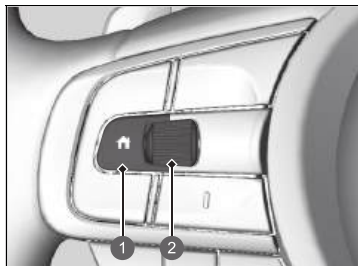
» Điều Chỉnh Đồng Hồ

Loại xe Australia, Fiji và Singapore

Bạn có thể điều chỉnh đồng hồ và tùy chọn màn hình đồng hồ.

➤ **Cài Đặt Đồng Hồ** Tr. 306

Đồng hồ trên bảng điều khiển cũng sẽ thay đổi khi điều chỉnh đồng hồ trên màn hình âm thanh/thông tin.



- ❶ Nút  (Màn Hình Chính)
- ❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái

Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji và Singapore

■ Sử dụng danh mục cài đặt trên màn hình giao diện thông tin cho người lái

1. Ấn nút  (Màn Hình Chính).

» Sử dụng danh mục cài đặt trên màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ và chọn bật hoặc tắt màn hình đồng hồ.

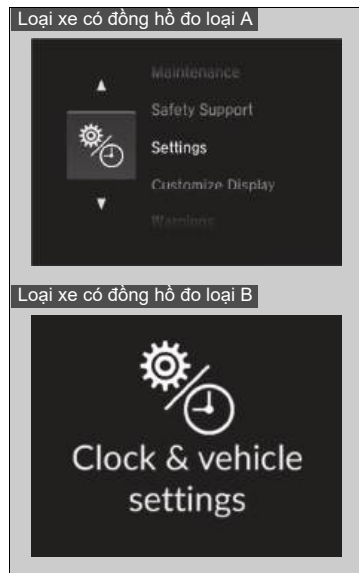
Loại xe có đồng hồ đo loại A

➤ **Cài Đặt*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➤ **Cài Đặt** Tr. 158

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe



2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



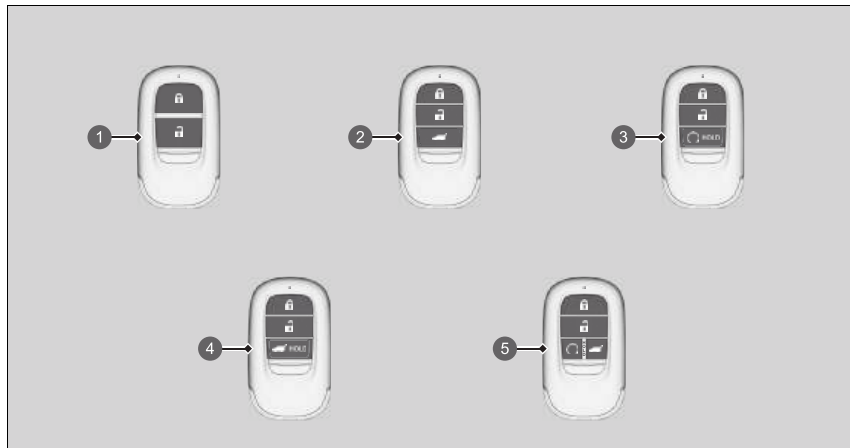
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn Clock Setup^{*1}/Clock setup^{*2}, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn Clock Adjustment^{*1}/Adjust clock^{*2}, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi giờ, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi phút, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

Chìa Khóa

Xe này có những chìa khóa sau:



- 1 Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa
- 2 Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa có nút mở khóa cửa hậu
- 3 Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa có nút
- 4 Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa có nút cửa hậu điện
- 5 Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa có nút và nút cửa hậu điện

Sử dụng chìa khóa để khởi động và dừng động cơ, để khóa và mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu.

Chìa Khóa

Tất cả các chìa khóa đều có hệ thống chống nổ máy. Hệ thống chống nổ máy giúp bảo vệ xe khỏi bị trộm cắp.

➡ **Hệ Thống Chống Nổ Máy** Tr. 212

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh nắng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc đè vật nặng lên.
- Để chìa khóa cách xa các chất lỏng, bụi bẩn hoặc cát.
- Không tháo rời các bộ phận của chìa khóa trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hỏng, động cơ có thể không khởi động được và chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động.

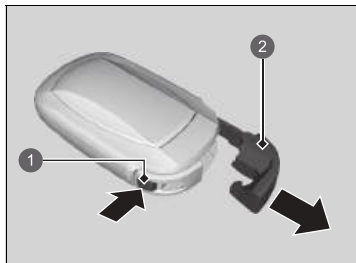
Nếu chìa khóa không hoạt động, hãy mang chìa khóa đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có nút

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng khởi động động cơ từ xa.

➡ **Khởi Động Động Cơ Từ Xa*** Tr. 401

■ Chìa Khóa Tích Hợp

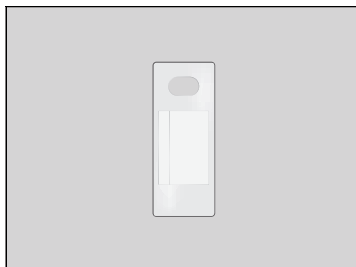


- ❶ Nút Nhả
- ❷ Chìa Khóa Tích Hợp

Có thể sử dụng chìa khóa tích hợp để khóa/mở khóa các cửa khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu và không thể khóa/mở khóa cửa điện.

Để tháo chìa khóa tích hợp, hãy kéo chìa khóa ra trong khi ấn nút nhả. Để lắp lại, đẩy chìa khóa tích hợp vào trong chìa khóa điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

■ Nhãn Mã Số Chìa Khóa



Chuẩn bị mã số mà bạn sẽ cần khi mua chìa khóa thay thế.

▣Nhãn Mã Số Chìa Khóa

Để nhãn mã số chìa khóa tách biệt với chìa khóa tại một nơi an toàn bên ngoài xe.
Nếu muốn mua thêm chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

Xe truyền tín hiệu sóng radio để xác định vị trí chìa khóa điều khiển từ xa để khởi động động cơ, khóa và mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu.

Trong các trường hợp sau, việc khởi động động cơ hoặc khóa/mở khóa các cửa và cửa hậu có thể bị hạn chế hoặc vận hành không ổn định:

- Có một thiết bị gần đó đang phát tín hiệu sóng radio mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa cùng với các thiết bị truyền thông, máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang chạm hoặc phủ lên chìa khóa điều khiển từ xa.

►► Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa.

Tuổi thọ của pin được khoảng 2 năm, nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng.

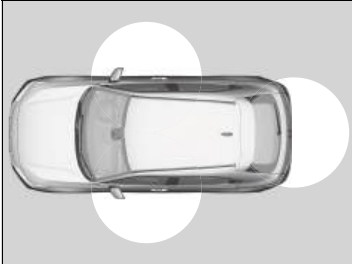
Pin sẽ tiêu hao mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa nhận được sóng radio mạnh. Tránh đặt cạnh các thiết bị điện tử như ti vi và máy tính cá nhân.

Hãy tắt chức năng thu sóng radio để giảm tiêu hao pin. Khi giữ cùng lúc các nút khóa và mở khóa trong khoảng ba giây, đèn LED sẽ nhấp nháy hai lần và chức năng thu sóng radio sẽ tắt.

Nếu ấn một nút bất kỳ trên chìa khóa điều khiển từ xa, chức năng thu sóng radio sẽ hoạt động trở lại.

Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

■ Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa



Khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa và cửa hậu.

Bạn có thể khóa/mở khóa các cửa và cửa hậu trong bán kính 80 cm tính từ tay nắm cửa bên ngoài hoặc tay nắm bên ngoài cửa hậu.

»Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

Nếu công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa, đèn trong xe sẽ sáng khi bạn mở khóa cửa xe và cửa hậu.

Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây.

Các cửa và cửa hậu khóa lại: Đèn tắt ngay lập tức.

❏ **Đèn Trong Xe** Tr. 262

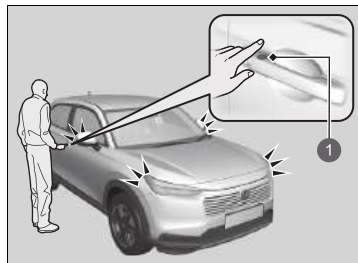
»Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

Nếu bạn không mở cửa xe hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng hệ thống truy cập từ xa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

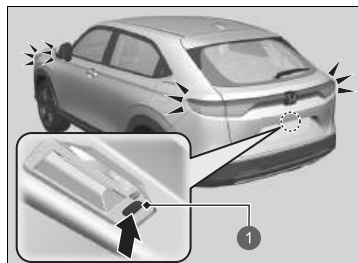
Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng hệ thống truy cập từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Loại xe không có chức năng cài đặt trước tính năng khóa
Hệ thống truy cập từ xa sẽ không khóa xe khi một cửa hoặc cửa hậu mở.

■ Khóa cửa và cửa hậu



1 Cảm Biến Khóa Cửa



1 Nút Khóa

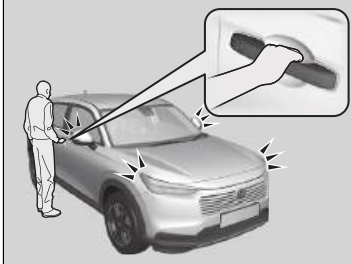
Chạm vào cảm biến khóa cửa ở cửa trước hoặc ấn nút khóa cửa trên cửa hậu.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần, tiếng bíp vang lên, tất cả các cửa và cửa hậu khóa, và hệ thống an ninh được thiết lập.

► Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang chìa khóa theo bạn.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khóa/mở khóa các cửa và cửa hậu khi ai đó mang theo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong phạm vi cho phép.
- Nếu tay nắm cửa bị dính nước mưa hoặc nước rửa xe, bạn có thể mở khóa cửa xe khi có chìa khóa điều khiển từ xa ở trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm tay nắm cửa trước hoặc chạm vào cảm biến khóa cửa, cảm biến cửa có thể phản ứng chậm hoặc không phản ứng khi khóa hoặc mở khóa cửa.
- Sau khi khóa cửa, chờ 2 giây, sau đó kéo tay nắm cửa để kiểm tra xem cửa khóa chưa. Nếu muốn mở khóa ngay sau khi khóa cửa, hãy đợi ít nhất 2 giây trước khi cầm tay nắm cửa, nếu không cửa sẽ không mở khóa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo cửa ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và chắc chắn cửa đã mở khóa trước khi kéo tay nắm.
- Thậm chí trong bán kính 80 cm, bạn không thể khóa/mở khóa các cửa và cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa nếu để chìa khóa bên trên hoặc bên dưới tay nắm bên ngoài.
- Chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu ở quá gần cửa, kính cửa và cửa hậu.

■ Mở khóa cửa và cửa hậu



Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Nắm tay nắm cửa trước:

- Tắt cả các cửa và cửa hậu mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Nắm tay nắm cửa bên lái:

- Cửa bên lái mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

Nắm tay nắm cửa hành khách trước:

- Tắt cả các cửa và cửa hậu mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

✎ Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa

Có thể tùy chọn các cài đặt nhảy đèn, tiếng bíp và chế độ mở khóa cửa* bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin*.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➤ **Cài Đặt*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➤ **Cài Đặt** Tr. 158

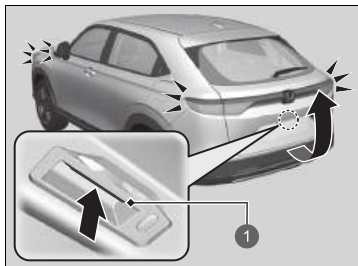
Loại xe Australia, Fiji và Singapore

➤ **Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Cửa Xe** Tr. 353

Loại xe có cửa hậu điện

Bạn cũng có thể mở khóa và mở cửa bằng cửa hậu điện.

➤ **Mở/Đóng Cửa Hậu Điện*** Tr. 203



① Tay Nắm Bên Ngoài

Ấn vào tay nắm bên ngoài:

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

► Tắt cả các cửa và cửa hậu mở khóa.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

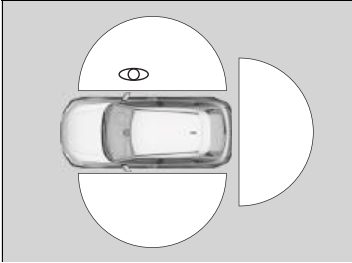
Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

► Cửa hậu mở khóa.

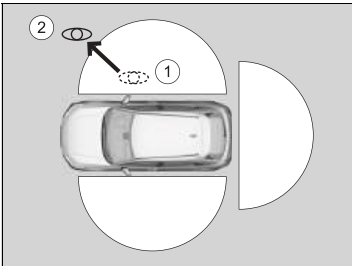
Tất cả các loại xe

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

➡ **Mở/Đóng Cửa Hậu Tr. 201**



Phạm vi hoạt động của chức năng khóa tự động là khoảng 1,5 m



■ Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Khi bạn ra khỏi xe sau khi đóng tắt cả các cửa và cửa hậu, và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa.

Chức năng khóa cửa tự động sẽ hoạt động khi tắt cả các cửa và cửa hậu đóng hoặc tắt cả các cửa đóng và chức năng đóng cửa hậu điện bắt đầu hoạt động*, và chìa khóa điều khiển từ xa cách tay nắm cửa bên ngoài hoặc tay nắm bên ngoài cửa hậu 1,5 m. Hãy ra khỏi xe, mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng (các) cửa và cửa hậu.

① Cách xe khoảng 1,5 m.

► Tiếng bíp vang lên; chức năng khóa cửa tự động sẽ được kích hoạt.

② Mang chìa khóa điều khiển từ xa ra ngoài xe, cách xe 1,5 m và ở ngoài phạm vi này khoảng từ 2 giây trở lên.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tiếng bíp vang lên; tắt cả các cửa và cửa hậu sẽ khóa.

► Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Chức năng khóa cửa tự động được cài đặt TẮT như cài đặt mặc định gốc. Có thể thay đổi cài đặt sang BẬT cho chức năng này bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin*.

Nếu cài đặt chức năng khóa cửa tự động sang BẬT bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái hoặc màn hình âm thanh/thông tin*, bạn chỉ có thể sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa để mở khóa cửa bên lái trước khi thay đổi cài đặt mới có thể kích hoạt khóa cửa tự động.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

► Cài Đặt* Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

► Cài Đặt Tr. 158

Loại xe Australia, Fiji và Singapore

► Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Cửa Xe Tr. 353

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt, khi bạn ở trong phạm vi hoạt động khóa/mở khóa cửa, đèn báo trên chìa khóa điều khiển từ xa sẽ tiếp tục nhấp nháy cho tới khi các cửa và cửa hậu khóa.

Khi bạn ở bên cạnh xe trong phạm vi hoạt động, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa trong khoảng 30 giây sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên.

Để tạm thời hủy chức năng:

1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT.
2. Mở cửa bên lái.
3. Sử dụng công tắc khóa cửa chính, vận hành khóa như sau:
Khóa → Mở khóa → Khóa → Mở khóa.
► Tiếng bíp vang lên và chức năng khóa cửa tự động bị hủy.

Để khôi phục chức năng:

- Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
- Khóa xe mà không sử dụng chức năng khóa cửa tự động.
- Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đi ra xa khỏi phạm vi hoạt động của chức năng khóa tự động.
- Mở một cửa bất kỳ.

►► Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Nếu mở một cửa hoặc cửa hậu sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa tự động vang lên, chức năng khóa tự động sẽ bị hủy.

Trong các trường hợp sau, chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động:

- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
► Tiếng bíp không vang lên.
- Mang chìa khóa điều khiển từ xa ra ngoài phạm vi hoạt động trước khi đóng tất cả các cửa.
► Tiếng bíp vang lên.

Loại xe có cửa hậu điện

Nếu xe có cửa hậu điện, người dùng phải chờ cho đến khi cửa hậu điện đóng lại hoàn toàn thì chức năng khóa tự động mới được kích hoạt.

Chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động ở bất kỳ điều kiện nào dưới đây.

- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
- Cửa, cửa hậu hoặc nắp ca-pô không đóng.
- Đặt chế độ nguồn ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT.
- Chìa khóa điều khiển từ xa không ở cách xe 1,5 m khi bạn ra khỏi xe và đóng các cửa và cửa hậu.

✎ Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt, tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động vang lên khoảng hai giây trong các trường hợp sau.

- Đưa chìa khóa điều khiển từ xa vào bên trong xe qua cửa kính.
- Bạn đứng quá gần xe.
- Chìa khóa điều khiển từ xa ở bên trong cửa hậu.

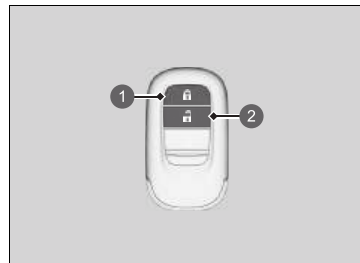
Nếu tiếng bíp cảnh báo vang lên, hãy kiểm tra để đảm bảo bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa. Sau đó, mở/đóng cửa và xác nhận tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên một lần.

Nếu bạn sử dụng chức năng đóng cửa hậu điện khi ra khỏi xe khi đã đóng tất cả các cửa, chức năng khóa tự động cũng sẽ được kích hoạt.

► Nếu bạn ra khỏi xe khi cửa hậu điện đang đóng tự động, sau đó cửa sẽ khóa tự động.

✎ **Đóng Cửa Hậu Điện khi Ra Khỏi Xe** Tr. 205

■ Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa



- ① Nút Khóa
- ② Nút Mở Khóa



■ Khóa cửa và cửa hậu

Ấn nút khóa.

Một lần:

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tất cả các cửa và cửa hậu khóa, và hệ thống an ninh được thiết lập.

Hai lần (trong vòng năm giây sau khi bấm lần thứ nhất):

- Tiếng bíp vang lên và xác nhận hệ thống an ninh được thiết lập.

►► Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Nếu bạn không mở cửa xe hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

■ Mở khóa cửa và cửa hậu

Ấn nút mở khóa.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần, tắt cả các cửa và cửa hậu mở khóa.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Một lần:

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần, và cửa bên lái mở khóa.

Hai lần:

► Các cửa còn lại và cửa hậu mở khóa.

✎ Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Chìa khóa điều khiển từ xa sử dụng tín hiệu công suất thấp, vì vậy phạm vi hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc vào môi trường xung quanh.

Loại xe không có chức năng cài đặt trước tính năng khóa

Chìa khóa điều khiển từ xa sẽ không khóa xe khi một cửa hoặc cửa hậu mở.

Tất cả các loại xe

Nếu khoảng cách hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa hay bị thay đổi, pin có thể sẽ bị yếu. Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, có thể đã hết pin.

➡ Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Tr. 609

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Bạn có thể tùy chọn cài đặt chế độ mở khóa cửa.

➡ Cài Đặt Tr. 158

■ Khóa/Mở Khóa Cửa Bằng Chìa Khóa

Nếu nút khóa hoặc mở khóa của chìa khóa điều khiển từ xa không hoạt động, hãy dùng chìa khóa.



- ① Khóa
- ② Mở Khóa

Cắm chặt chìa khóa và xoay.

*1 : Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái, loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, và loại xe New Caledonia

*2 : Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

*3 : Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

*4 : Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Trung Đông, Ghana và Nigeria

► Khóa/Mở Khóa Cửa Bằng Chìa Khóa

***1**

Khi bạn khóa/mở khóa cửa bên lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

***2, *3**

Khi bạn mở khóa cửa bên lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng một lúc. Khi mở khóa, hãy mở khóa cửa bên lái trước. Xoay chìa khóa lần thứ hai trong vài giây không làm mở khóa các cửa còn lại và cửa hậu.

***4**

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh hoạt động, chuông cảnh báo sẽ vang lên.

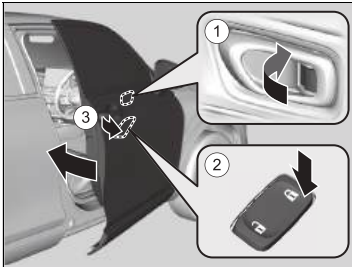
***2, *3**

Bạn có thể tùy chọn cài đặt chế độ mở khóa cửa.

► **Cài Đặt Tr. 158**

■ Khóa Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Nếu bạn không mang theo chìa khóa hoặc vì lý do nào đó mà bạn không khóa được cửa bằng chìa khóa, bạn có thể khóa cửa mà không cần dùng đến chìa.



■ Khóa cửa bên lái

Đẩy tay khóa về phía trước ① hoặc đẩy công tắc khóa cửa chính theo hướng khóa ②, sau đó kéo và giữ tay nắm cửa bên ngoài ③. Đóng cửa, sau đó thả tay nắm.

■ Khóa cửa hành khách

Đẩy tay khóa về phía trước và đóng cửa.

■ Hệ thống chống khóa cửa

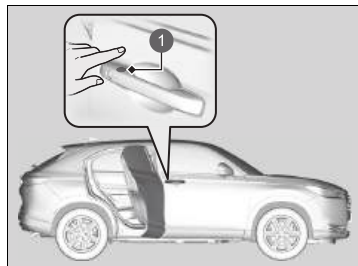
Không thể khóa các cửa và cửa hậu khi chìa khóa điều khiển từ xa ở bên trong xe.

► Khóa Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Khi bạn khóa cửa bên lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng một lúc.

Trước khi khóa cửa, đảm bảo chìa khóa không ở trong xe.

■ Cài Đặt Trước Tính Năng Khóa*



① Cảm Biến Khóa Cửa

Xe sẽ tự động khóa sau khi bạn khóa các cửa trước, sau đó đóng các cửa và cửa hậu.

Kích hoạt cài đặt trước tính năng khóa sau khi đóng cửa bên lái.

1. Chạm vào cảm biến khóa cửa trên cửa bên lái hoặc ấn nút khóa cửa trên chìa khóa điều khiển từ xa.
 - Âm thanh cảnh báo vang lên và chức năng cài đặt trước tính năng khóa hoạt động.
2. Đóng tất cả các cửa và cửa hậu.
 - Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên khi xe khóa.

Đảm bảo khóa các cửa và cửa hậu trước khi ra khỏi xe.

► Cài Đặt Trước Tính Năng Khóa*

Loại xe có cửa hậu điện

⚠ CẢNH BÁO

Mở hoặc đóng cửa hậu điện trong khi có ai đó để ngón tay hoặc bàn tay lên đó có thể gây chấn thương nặng. Hãy đảm bảo không có ai, đặc biệt là trẻ em, để ngón tay hoặc bàn tay ở cửa hậu điện khi mở hoặc đóng cửa.

Tất cả các loại xe

Cài đặt trước tính năng khóa sẽ được đặt lại nếu cửa hoặc cửa hậu được mở trước khi xe khóa hoàn toàn.

Trước khi khóa cửa, đảm bảo chìa khóa không ở trong xe.

Bạn có thể bật và tắt chức năng này.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

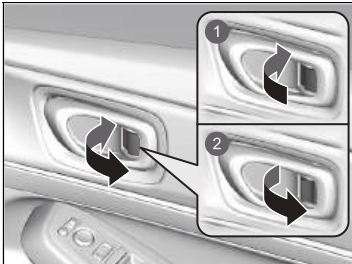
► **Cài Đặt Tr. 158**

Loại xe Australia, Fiji và Singapore

► **Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Cửa Xe Tr. 353**

Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong

■ Sử Dụng Tai Khóa



- ① Để khóa
- ② Để mở khóa

■ Khóa cửa

Đẩy tai khóa về phía trước.

■ Mở khóa cửa

Kéo tai khóa về phía sau.

» Sử Dụng Tai Khóa

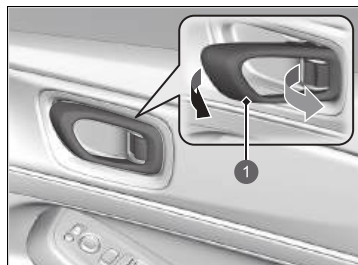
Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Khi bạn khóa/mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa bên lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Khi bạn khóa cửa bằng tai khóa trên cửa bên lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng một lúc. Khi bạn mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa bên lái, chỉ cửa bên lái được mở khóa.

■ Mở Khóa bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Bên Lái và Cửa Hành Khách Trước*



1 Tay Nắm Bên Trong

Kéo tay nắm bên trong cửa bên lái.

- Cửa sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải

Cửa hành khách trước cũng sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

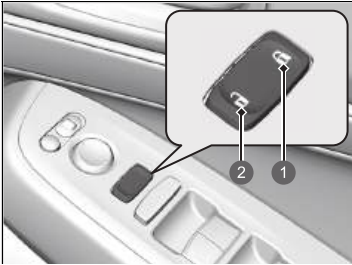
► Mở Khóa bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Bên Lái và Cửa Hành Khách Trước*

Tay nắm bên trong cửa bên lái và cửa hành khách trước có chức năng giúp người ngồi ghế trước mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người ngồi ghế trước không được kéo tay nắm bên trong cửa phía trước khi xe đang chạy.

Trẻ em phải luôn ngồi ở hàng ghế sau nơi có khóa phòng ngừa trẻ em.

► **Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em** Tr. 198

■ Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính



- ❶ Để khóa
- ❷ Để mở khóa

Ấn công tắc khóa cửa chính như hình minh họa để khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu.

☒ Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính

Khi bạn khóa/mở khóa cửa bên lái bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Khóa phòng ngừa trẻ em giúp ngăn không cho các cửa sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tay khóa ở đâu.

■ Cài Đặt Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em



① Mở Khóa

② Khóa

Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

■ Khi mở cửa

Mở cửa bằng tay nắm cửa bên ngoài.

►► Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa phòng ngừa trẻ em bật, gạt tay khóa đến vị trí mở khóa, hạ cửa kính sau, đưa tay ra bên ngoài cửa kính và kéo tay nắm cửa bên ngoài.

Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Xe của bạn tự động khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa/cửa bên lái trong một số điều kiện nhất định.

■ Khóa Cửa Tự Động

■ Chế độ khóa khi lái xe

Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ khóa khi tốc độ xe khoảng 15 km/h.

■ Mở Khóa Cửa Tự Động

■ Chế độ mở khóa khi đỗ xe

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa khi xe ở **[P]** và nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Cửa bên lái mở khóa khi xe ở **[P]** và nhấn bàn đạp phanh.

Có thể thay đổi cài đặt để mở khóa tất cả các cửa.

►► Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động khác trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➡ **Cài Đặt*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➡ **Cài Đặt** Tr. 158

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Lưu Ý khi Mở/Đóng Cửa Hậu

Luôn đảm bảo không có ai và vật gì ở gần cửa hậu trước khi mở hoặc đóng cửa.

Loại xe không có cửa hậu điện

- Mở hoàn toàn cửa hậu.
 - ▶ Nếu cửa hậu không mở hết, cửa sẽ tự đóng lại bởi sức nặng của cửa.
- Cẩn thận khi trời có gió vì gió có thể làm cửa hậu sập xuống.

Tất cả các loại xe

Luôn đóng cửa hậu trong khi lái xe để:

- ▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.
- ▶ Ngăn không cho khí xả lọt vào xe.
➡ **Khí CO** Tr. 103

» Lưu Ý khi Mở/Đóng Cửa Hậu

⚠ CẢNH BÁO

Không để ai ở gần cửa hậu khi cửa đang đóng hoặc mở để tránh bị chấn thương nặng.

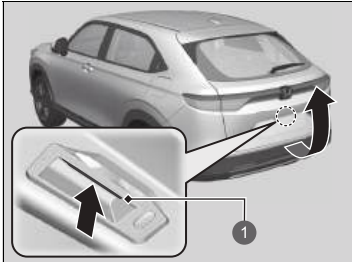
Hãy đảm bảo không có ai ở gần cửa hậu trước khi mở hoặc đóng cửa.

Cẩn thận không va đầu vào cửa hậu hoặc không để tay vào giữa cửa hậu và khoang hành lý khi đóng cửa hậu.

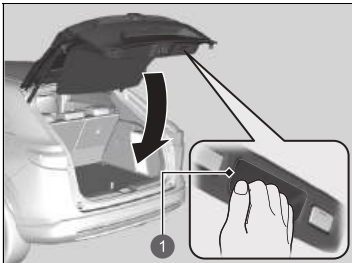
Khi xếp hoặc dỡ đồ đặc ra khỏi khoang hành lý, hoặc khi hươ chân vào phía dưới giữa cản sau để không phải dùng tay* trong khi động cơ đang hoạt động không tải, không được đứng trước ống xả để tránh bị bỏng.

Không để bất kỳ hành khách nào ngồi trong khoang hành lý để tránh bị thương khi xe phanh gấp, tăng ga đột ngột, hoặc khi xảy ra va chạm.

Mở/Đóng Cửa Hậu



① Tay Nắm Bên Ngoài



① Tay Nắm Bên Trong

Khi mở khóa tất cả các cửa hoặc ấn nút mở khóa cửa hậu* trên chìa khóa điều khiển từ xa, cửa hậu sẽ mở khóa. Ấn tay nắm bên ngoài cửa hậu và nâng cửa hậu lên để mở. Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn không cần mở khóa cửa hậu trước khi mở.

Để đóng cửa hậu, nắm tay nắm bên trong, kéo cửa hậu xuống và ấn cửa sập xuống từ bên ngoài.

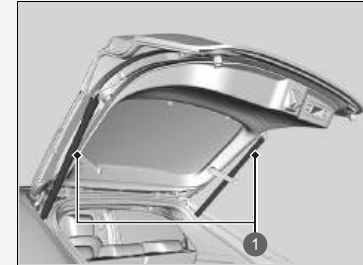
Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Nếu bạn đóng cửa hậu khi cửa bên lái khóa, cửa hậu sẽ tự động khóa.

►► Lưu Ý khi Mở/Đóng Cửa Hậu

Đảm bảo hành lý và các vật dụng khác không chạm vào thanh chống cửa hậu.



① Thanh Chống Cửa Hậu

►► Mở/Đóng Cửa Hậu

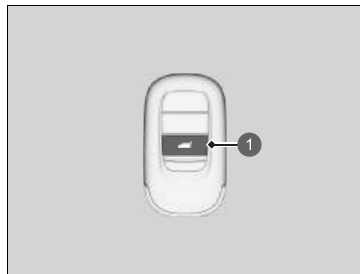
- Không để chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang chìa khóa theo bạn.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể mở khóa cửa hậu khi ai đó mang theo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong phạm vi cho phép.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý và đóng cửa hậu. Tiếng bíp sẽ vang lên và không đóng được cửa hậu.

■ Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*



① Nút Mở Khóa Cửa Hậu

Ấn nút mở khóa cửa hậu để mở khóa cửa hậu.

▣ Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*

Nếu bạn đã mở khóa và mở cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa, cửa hậu sẽ tự động khóa sau khi đóng.

Mở/Đóng Cửa Hậu Điện*

Có thể đóng mở cửa hậu điện bằng cách ấn nút cửa hậu điện trên chìa khóa điều khiển từ xa, ấn nút cửa hậu điện ở bảng điều khiển phía người lái, ấn tay nắm bên ngoài cửa hậu, hoặc hươ chân vào phía dưới giữa cần sau để không cần dùng tay.

Có thể mở/đóng cửa hậu điện khi xe ở **P**.

▶▶ Mở/Đóng Cửa Hậu Điện*

⚠ CẢNH BÁO

Không để ai ở gần cửa hậu điện khi cửa đang đóng hoặc mở để tránh bị chấn thương nặng.

Hãy đảm bảo không có ai hoặc vật gì ở gần cửa hậu trước khi mở hoặc đóng cửa.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

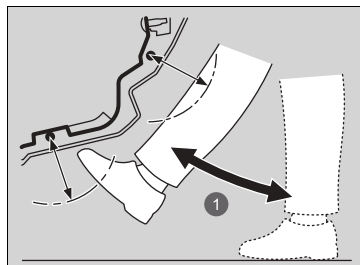
LƯU Ý

Không đẩy hoặc kéo cửa hậu điện khi cửa đang mở hoặc đóng tự động.

Cố mở hoặc đóng cửa hậu điện trong khi cửa đang hoạt động có thể làm hỏng khung cửa hậu.

Đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh xe khi đóng mở cửa hậu điện. Nếu có ai đứng gần cửa hậu có thể bị chấn thương nặng nếu va đầu vào cửa hậu. Đặc biệt lưu ý khi có trẻ chơi ở xung quanh xe.

■ Sử Dụng Chức Năng Mở Cửa Rảnh Tay



① Khoảng 1 giây

Khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể mở hoặc đóng cửa hậu bằng cách hươ chân vào phía dưới giữa cần sau trong khoảng một giây.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên, cửa hậu bắt đầu di chuyển.

▣ Sử Dụng Chức Năng Mở Cửa Rảnh Tay

Khi trời mưa to hoặc vì những lý do khác khiến xe bị ướt, cảm biến có thể không phát hiện chính xác thao tác hươ chân của bạn.

Khi làm việc gần hoặc xung quanh phía sau xe, bạn có thể vô tình làm mở hoặc đóng cửa hậu.

Để tránh xảy ra trường hợp này, hãy chọn Tính Năng Tùy Chọn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó chọn TẮT tính năng này.

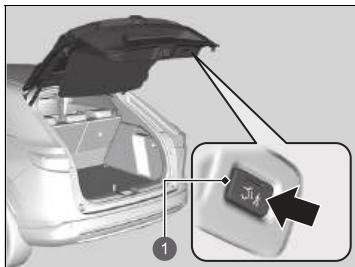
▣ Cài Đặt Tr. 158

Nếu bạn để chân phía dưới tằm cần quá lâu hoặc hươ chân qua lại, cửa hậu điện sẽ không mở hoặc đóng.

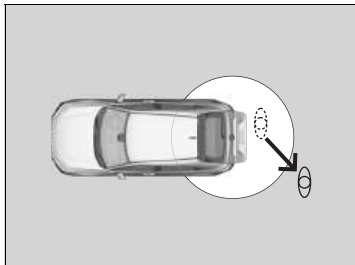
Chức năng này sẽ không hoạt động nếu bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa. Hãy luôn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

■ Đóng Cửa Hậu Điện khi Ra Khỏi Xe

Khi bạn ra khỏi xe và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, cửa hậu điện sẽ tự động đóng.



❶ Nút Đóng Cửa Hậu khi Ra Khỏi Xe



Cách xe ít nhất 1,0 m

1. Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và ấn nút đóng cửa hậu khi ra khỏi xe.

► Đèn báo trên nút đóng cửa hậu khi ra khỏi xe sẽ chuyển sang màu xanh lục khi chức năng tự động đóng cửa hậu khi xa khỏi xe hoạt động.

2. Ra khỏi xe và đứng cách xe ít nhất 1,0 m trong vòng 30 giây sau khi ấn nút đóng cửa hậu khi ra khỏi xe.

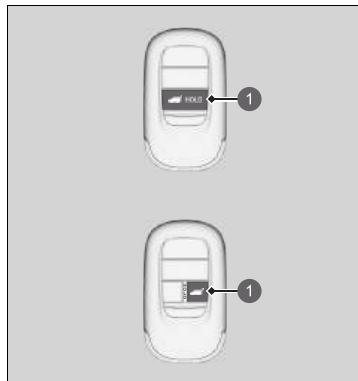
► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bip vang lên, cửa hậu bắt đầu đóng.

►► Đóng Cửa Hậu Điện khi Ra Khỏi Xe

Khi đặt chức năng khóa tự động ở BẬT, xe sẽ tự động khóa khi tắt cả các cửa và cửa hậu đóng.

► **Khóa cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)** Tr. 187

■ Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa



① Nút Cửa Hậu Điện

■ Tùy chọn khi mở cửa hậu

Bắt Cự Lúc Nào: Cửa hậu điện sẽ mở khóa và mở cùng lúc. Đây là cài đặt mặc định.

Khi Mở Khóa: Cửa hậu sẽ mở khi tất cả các cửa được mở khóa.

➤ Cài Đặt Tr. 158

Ấn nút cửa hậu điện trong hơn một giây để mở/đóng cửa hậu điện khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên.

Nếu bạn ấn nút này thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.

Ấn nút trong hơn một giây và cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

►► Mở/Đóng Cửa Hậu Điện*

Cửa hậu điện có thể không mở hoặc đóng trong các điều kiện sau:

- Bạn khởi động động cơ khi cửa hậu đang mở hoặc đóng tự động.
- Xe đang đỗ trên dốc cao.
- Xe bị chao đảo khi có gió mạnh.
- Cửa hậu hoặc nóc xe bị băng tuyết bao phủ.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Nếu bạn đóng cửa hậu điện khi tất cả các cửa đều khóa, cửa hậu điện sẽ tự động khóa.

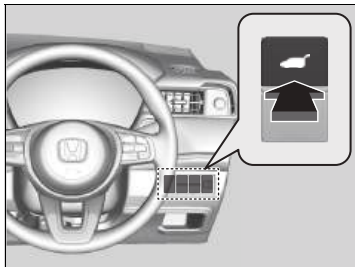
Nếu bạn thay ắc quy hoặc cầu chì cửa hậu điện trong khi cửa hậu đang mở, cửa hậu điện có thể không hoạt động. Cửa hậu điện chỉ hoạt động trở lại khi bạn đóng cửa hậu bằng tay.

Lắp các bộ phận không chính hãng Honda vào cửa hậu điện có thể làm cửa hậu điện mở không hết hoặc đóng không khít.

Đảm bảo cửa hậu điện mở hoàn toàn trước khi bạn đưa hành lý vào và lấy hành lý ra.

Tiếng bíp sẽ vang lên nếu bạn bắt đầu lái xe trong khi cửa hậu điện vẫn mở hoặc đang đóng.

■ Sử Dụng Nút Cửa Hậu Điện



Để mở hoặc đóng cửa hậu điện, ấn nút cửa hậu điện trong khoảng một giây.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy và tiếng bíp vang lên.

Nếu bạn ấn nút này thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.

Ấn nút trong khoảng một giây và cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

►► Mở/Đóng Cửa Hậu Điện*

Không chạm vào các cảm biến ở hai bên cửa hậu. Cửa hậu điện sẽ không đóng nếu bạn chạm vào bất kỳ cảm biến nào khi bạn đang cố đóng cửa hậu.

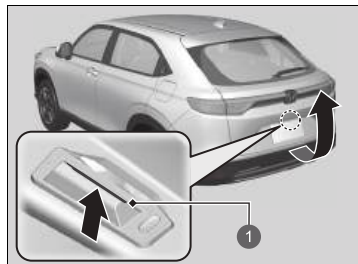
Cẩn thận không để vật sắc nhọn làm xước các cảm biến. Nếu bị xước, các cảm biến có thể bị hỏng và tính năng đóng cửa hậu điện sẽ gặp sự cố.

Nếu cửa hậu điện va vào vật cản trong khi đang mở hoặc đóng, tính năng tự động đảo chiều sẽ làm đảo chiều cửa hậu. Tiếng bíp vang lên ba lần.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ không hoạt động khi cửa hậu đã đóng gần hết để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Sử Dụng Tay Nắm Bên Ngoài Cửa Hậu



① Tay Nắm Bên Ngoài

Nếu bạn ấn vào tay nắm bên ngoài cửa hậu không quá một giây, cửa hậu sẽ tự động mở.

- Tiếng bíp vang lên.
- Nếu bạn muốn mở cửa hậu bằng tay, hãy ấn vào tay nắm bên ngoài trong hơn một giây.

➤ **Mở/Đóng Cửa Hậu Tr. 201**

Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn không cần mở khóa cửa hậu trước khi mở.

Nếu bạn ấn vào tay nắm bên ngoài thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.

Ấn vào tay nắm bên ngoài và cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

►► Sử Dụng Tay Nắm Bên Ngoài Cửa Hậu

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang chìa khóa theo bạn.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể mở khóa cửa hậu khi ai đó mang theo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong phạm vi cho phép.

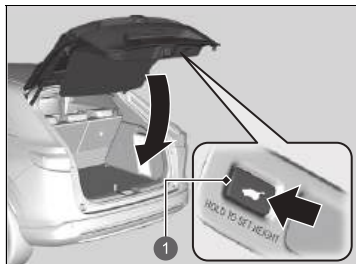
Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý và đóng cửa hậu. Tiếng bíp sẽ vang lên và không đóng được cửa hậu.

Bạn có thể thay đổi cài đặt bật và tắt cửa hậu điện.

➤ **Cài Đặt Tr. 158**

■ Sử Dụng Nút Bên Trong Cửa Hậu



❶ Nút Bên Trong Cửa Hậu

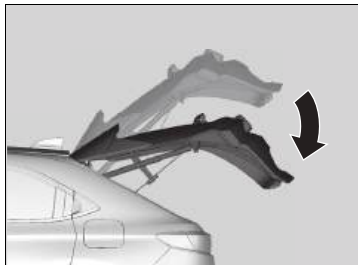
Ấn nút bên trong cửa hậu để đóng cửa hậu điện.

► Tiếng bíp vang lên.

Nếu bạn ấn nút này thêm một lần nữa khi cửa hậu điện đang hoạt động, cửa sẽ dừng lại.

Ấn nút bên trong cửa hậu điện thêm một lần nữa và nhả ra, cửa hậu điện sẽ mở/đóng theo chiều ngược lại.

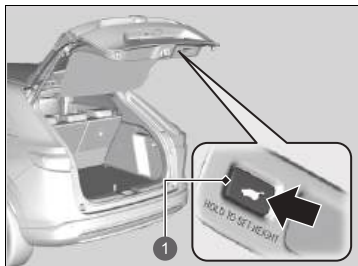
■ Lập Trình Vị Trí Cửa Hậu



Có thể lập trình được phạm vi mở cửa hậu điện tự động.

Để lập trình:

1. Mở cửa hậu đến vị trí mong muốn.



① Nút Bên Trong Cửa Hậu

►► Lập Trình Vị Trí Cửa Hậu

Nếu cửa hậu chỉ mở một chút, thì không thể lập trình được vị trí, ngay cả khi bạn ấn nút bên trong cửa hậu.

Nếu bạn muốn lập trình lại cửa hậu điện để mở hoàn toàn, hãy nâng bằng tay cửa hậu lên vị trí cao nhất và làm theo hướng dẫn ở bước 2.

■ Đóng Cửa Tự Động

Nếu bạn đóng cửa hậu điện bằng tay, cửa sẽ tự động chốt.

❧ Đóng Cửa Tự Động

Khi đóng cửa hậu bằng tay, hãy buông tay ra và để cửa tự động chốt. Để tay gần cửa hậu khi cửa bắt đầu tự chốt rất nguy hiểm.

Tính năng tự động đóng cửa sẽ không hoạt động nếu bạn ấn tay nắm bên ngoài cửa hậu trong khi cửa hậu điện đang đóng.

LƯU Ý

Không tác động lực lên cửa hậu khi cửa hậu điện đang chốt.

■ Phát Hiện Sập Cửa Hậu Điện

Cửa hậu điện tự động hạ xuống là trường hợp cửa hậu điện đã được mở hoàn toàn có thể sập xuống do chính sức nặng của cửa (ví dụ, do có tuyết bám trên cửa hậu). Tiếng bíp vang lên khi cửa hậu điện hạ xuống.

❧ Phát Hiện Sập Cửa Hậu Điện

Nếu bạn cố dùng tay để đóng cửa hậu điện ngay sau khi cửa vừa mở hoàn toàn, chức năng phát hiện sập cửa hậu điện có thể hoạt động.

Khi chức năng phát hiện sập cửa hậu điện hoạt động, hãy chờ đến khi cửa hậu điện đóng hoàn toàn. Đứng xa cửa hậu điện khi cửa đang hoạt động.

Nếu chức năng phát hiện sập cửa hậu điện hoạt động liên tục, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Hệ Thống Chống Nổ Máy

Hệ thống này giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký.

Chú ý những điểm sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**:

- Không để đồ vật có sóng radio mạnh gần nút **ENGINE/START/STOP**.
- Đảm bảo chìa khóa không bị những vật bằng kim loại đè lên hoặc chạm vào.
- Không để chìa khóa của một xe khác có lắp hệ thống chống nổ máy gần nút **ENGINE START/STOP**.
- Không để chìa khóa gần các vật có từ tính. Các thiết bị điện tử như tivi và các hệ thống âm thanh tạo ra từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

» Hệ Thống Chống Nổ Máy

LƯU Ý

Đề chìa khóa trong xe có thể làm mất trộm xe hoặc vô tình làm xe di chuyển.

Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi rời khỏi xe.

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào.

Nếu không, có thể làm hỏng hệ thống và không thể khởi động xe.

Nếu hệ thống liên tiếp không nhận mã chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý. Nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động khi cổ mở cửa hậu, nắp ca-pô hoặc các cửa. Hệ thống cảnh báo an ninh không hoạt động nếu cửa hậu hoặc các cửa được mở bằng chìa khóa^{*1}, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động

Còi vang lên từng hồi và một số đèn ngoài xe nhấp nháy.

■ Tắt hệ thống cảnh báo an ninh

Sử dụng chìa khóa^{*1}, chìa khóa điều khiển từ xa, hệ thống truy cập từ xa hoặc xoay chế độ nguồn đến BẬT để mở khóa xe. Hệ thống cùng với còi và các đèn đang nhấp nháy sẽ tắt.

■ Cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tự động thiết lập trong những trường hợp sau:

- Chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Nắp ca-pô đóng.
- Tắt cả các cửa và cửa hậu được khóa từ bên ngoài bằng chìa khóa, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

⌘ Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào.

Nếu không, có thể làm hỏng hệ thống và không thể khởi động xe.

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tiếp tục cảnh báo trong khoảng 5 phút trước khi tắt.

Hệ thống sẽ tiến hành đủ 10 chu kỳ, mỗi chu kỳ 30 giây, trong quá trình đó còi sẽ vang lên và đèn báo cảnh báo hệ thống an ninh sẽ nhấp nháy.

Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong hơn 5 phút.

Không cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh khi có ai đó trên xe hoặc có một cửa kính còn mở. Hệ thống có thể vô tình kích hoạt khi:

- Mở khóa cửa bằng tay khóa.
- Mở nắp ca-pô bằng lẫy nhả nắp ca-pô.

Loại xe có cửa hậu điện

- Mở cửa hậu bằng nút cửa hậu điện trên bảng táp-lô.

*1 : Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Trung Đông, Ghana và Nigeria

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập

Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh trên bảng điều khiển nhấp nháy và thời gian nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây.

■ Hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh bị hủy khi xe được mở khóa bằng chìa khóa^{*2}, chìa khóa điều khiển từ xa, hệ thống truy cập từ xa, hoặc khi chế độ nguồn ở BẬT. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tắt cùng lúc.

⌘ Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Nếu ắc quy chết sau khi bạn cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh, cảnh báo an ninh có thể vang lên khi nạp lại hoặc thay ắc quy.

Nếu trường hợp này xảy ra, hãy tắt hệ thống cảnh báo an ninh bằng chìa khóa^{*2}, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa để mở khóa cửa.

*1

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh hoạt động, chuông cảnh báo sẽ vang lên.

*1 : Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Trung Đông, Ghana và Nigeria

*2 : Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Trung Đông, Ghana và Nigeria

Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Có thể mở và đóng các cửa kính điện bằng các công tắc trên các cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

Có thể sử dụng các công tắc phía người lái để mở và đóng tất cả các cửa kính. Để mở và đóng các cửa kính từ vị trí bất kỳ trừ ghế người lái thì phải tắt nút khóa cửa kính điện phía người lái.

Khi ấn nút khóa cửa kính điện, đèn báo sẽ sáng và bạn chỉ có thể vận hành cửa kính bên lái. Bật nút khóa cửa kính điện khi có trẻ nhỏ trên xe.

❖ Mở/Đóng Cửa Kính Điện

⚠ CẢNH BÁO

Đóng cửa kính điện trong khi ai đó để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính có thể gây chấn thương nặng.

Đảm bảo hành khách cách xa cửa kính khi đóng cửa.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Loại xe không có chức năng mở/đóng tự động cửa kính người lái

Cửa kính điện có thể hoạt động trong vòng 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MẮY.

Chức năng mở/đóng tự động các cửa kính trước

Mở một trong hai cửa trước sẽ hủy chức năng này.

Chức năng mở/đóng tự động tất cả các cửa kính

Đóng cửa bên lái sẽ hủy chức năng này.

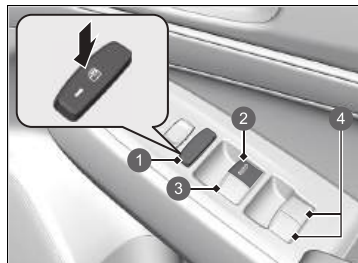
Chức Năng Tự Động Đảo Chiều

Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi đang đóng tự động, cửa sẽ ngừng đóng và đảo chiều.

Chức năng tự động đảo chiều cửa kính bên lái sẽ ngừng hoạt động khi bạn tiếp tục kéo công tắc lên.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần hết để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.

■ Mở/Đóng Cửa Kính bằng Chức Năng Mở/Đóng Tự Động



- ① Nút Khóa Cửa Kính Điện
- ② Công Tắc Cửa Kính Bên Lái
- ③ Công Tắc Cửa Kính Hành Khách Trước*
- ④ Công Tắc Cửa Kính Hành Khách Sau*

■ Vận hành bằng tay

Để mở: Ấn nhẹ công tắc xuống và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

Để đóng: Kéo nhẹ công tắc lên và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

■ Mở/Đóng tự động

Để mở: Ấn dứt khoát công tắc xuống.

Để đóng: Kéo dứt khoát công tắc lên.

Cửa kính mở hoặc đóng hoàn toàn. Ấn hoặc kéo nhanh công tắc để dừng cửa kính bất cứ lúc nào.

■ Mở/Đóng Cửa Kính không có Chức Năng Mở/Đóng Tự Động*



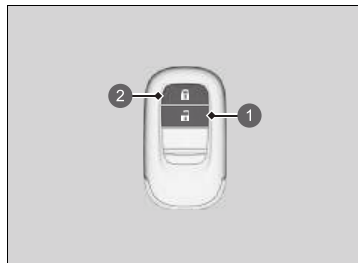
- ① Đóng
- ② Mở

Để mở: Ấn công tắc xuống.

Để đóng: Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

■ Mở/Đóng* Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*



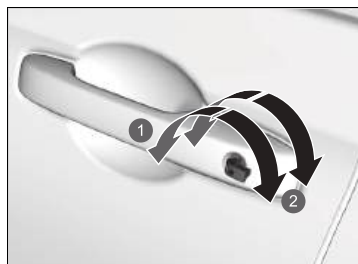
- ① Nút Mở Khóa
- ② Nút Khóa

Để mở: Ấn nút mở khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ nút.

Để đóng: Ấn nút khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ.

Nếu cửa kính dừng ngang chừng, hãy thực hiện lại các bước ở trên.

■ Mở*/Đóng Cửa Kính bằng Chìa Khóa*



- ① Đóng
- ② Mở

Để mở: Mở khóa cửa bên lái bằng chìa khóa. Trong vòng 10 giây, xoay chìa khóa đến vị trí giữa, xoay theo hướng mở khóa và giữ tại đó.

Để đóng: Khóa cửa bên lái bằng chìa khóa. Trong vòng 10 giây sau khi xoay chìa khóa đến vị trí giữa, xoay chìa khóa theo hướng khóa và giữ tại đó.

Nhả chìa khóa để dừng cửa kính ở vị trí mong muốn. Nếu muốn điều chỉnh thêm, hãy thực hiện lại các bước ở trên.

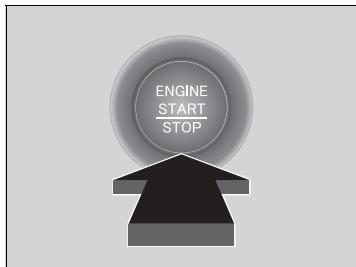
►► Mở/Đóng* Cửa Kính bằng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*

Bạn có thể bật và tắt chức năng mở/đóng cửa kính từ xa.

► Cài Đặt Tr. 158

Nút ENGINE START/STOP

Thay Đổi Chế Độ Nguồn



Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp phanh, chế độ nguồn sẽ thay đổi theo thứ tự sau: VEHICLE OFF→ACCESSORY→ON→VEHICLE OFF.

VEHICLE OFF:

Nguồn điện TẮT.

ACCESSORY:

Có thể sử dụng hệ thống âm thanh và một số thiết bị.

ON:

Có thể sử dụng tất cả các thiết bị.

▶▶Nút ENGINE START/STOP

Nếu để chìa khóa điều khiển từ xa ở trong hộp đựng hoặc ở một nơi mà tín hiệu có thể bị ngắt quãng, chế độ nguồn có thể không thay đổi.

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, chế độ nguồn sẽ thay đổi sang PHỤ KIỆN nếu ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi cần số không ở **P**.

■ Tắt Nguồn Tự Động

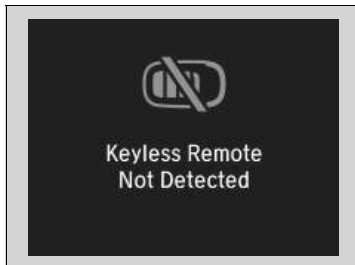
Nếu bạn ra khỏi xe trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút mà để cần số ở **P** và chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự như TẮT MÁY (KHÓA) để tránh làm hao điện ắc quy.

Khi xe ở chế độ này: Vô lăng không khóa. Bạn không thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa. Ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHÓA).

■ Nhắc Chế Độ Nguồn

Nếu bạn mở cửa bên lái khi chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên.

■ Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa



Khi đặt chế độ nguồn ở bất kỳ chế độ ngoại trừ chế độ TẮT, mang chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe và đóng cửa, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên. Nếu âm thanh cảnh báo tiếp tục vang lên, hãy để chìa khóa điều khiển từ xa ở một nơi khác.

■ Khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ bên ngoài xe.

■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ cả bên trong và bên ngoài xe. Ngoài ra, đèn cảnh báo cũng sẽ sáng trên bảng điều khiển.

► Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống và tất cả các cửa đóng, chức năng cảnh báo sẽ bị hủy.

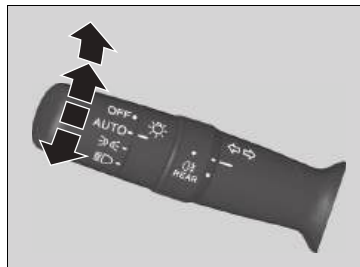
Nếu mang chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe sau khi động cơ đã bật, bạn không thể thay đổi chế độ nút **ENGINE START/STOP** hoặc khởi động lại động cơ. Luôn đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Lấy chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt bộ phát tiếng bíp cảnh báo.

Không đặt chìa khóa điều khiển từ xa lên bảng táp-lô hoặc trong hộp đựng đồ. Nếu không sẽ làm cho bộ phát tiếng bíp cảnh báo vang lên. Trong một số điều kiện khác, việc này có thể làm cho xe không xác định được vị trí của chìa khóa điều khiển từ xa, bộ phát tiếng bíp cảnh báo cũng có thể vang lên ngay cả khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống.

Đèn

■ Đèn Chiếu Sáng/Đèn Vị Trí



Các đèn sẽ tự động bật tùy thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh. Cũng có thể bật hoặc tắt đèn bằng tay.

Các đèn ngoài xe sẽ tự động bật khi công tắc đèn được đặt ở **AUTO** trong khi chế độ nguồn ở **BẬT**.

■ Vận hành bằng tay

Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí:

Xoay công tắc đèn sang .

Đèn vị trí:

Xoay công tắc đèn sang .

Đèn chiếu sáng/Đèn vị trí tắt:

Xoay công tắc đèn sang **OFF** và thả tay trong khi xe ở số **[P]** và gài phanh đỗ.

► Đèn sẽ tự động sáng lại khi:

- Xoay công tắc đèn sang **OFF** một lần nữa và thả tay.
- Gạt cần số ra khỏi **[P]** và nhả phanh đỗ.

►► Đèn

Khi bật các đèn, các đèn báo trên bảng điều khiển sẽ sáng.

►► Đèn Báo Đèn Bật Tr. 116

►► Đèn Chiếu Sáng/Đèn Vị Trí

Khi các đèn vị trí sáng, đèn hậu và đèn biển số sau cũng sẽ sáng.

Khi xoay công tắc đèn sang  hoặc  và chuyển chế độ nguồn sang **TẮT**, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên khi cửa bên lái mở.

Khi xoay công tắc đèn sang **AUTO** và độ sáng của môi trường xung quanh yếu, các đèn chiếu sáng và đèn vị trí sẽ sáng nếu bạn mở khóa cửa. Đèn sẽ tắt khi khóa cửa.

Không để đèn sáng khi động cơ đã tắt để tránh làm hao điện ắc quy.

Loại xe không có chức năng điều chỉnh đèn chiếu sáng

Nếu bạn cảm thấy độ sáng của đèn chiếu sáng không bình thường, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Chiều Xa

Khi đèn chiếu sáng bật, đẩy cần gạt về phía trước. Kéo cần gạt về phía sau để trở về chiếu gần.



■ Nháy đèn chiếu xa

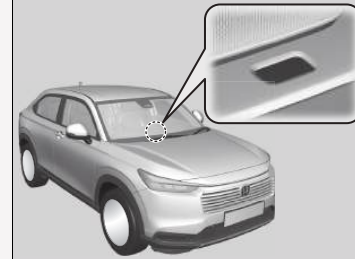
Kéo cần gạt về phía sau để bật chiếu xa.

► Thả cần gạt để trở về chiếu gần.

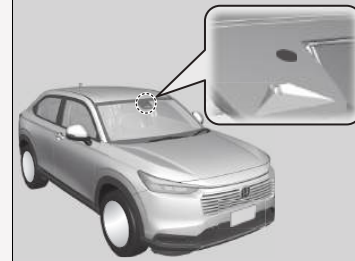
▣ Đèn Chiếu Sáng/Đèn Vị Trí

Cảm biến ánh sáng được lắp tại vị trí như hình minh họa bên dưới. Không che cảm biến ánh sáng này.

Loại xe không có cần gạt nước gián đoạn tự động



Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động



■ ①: Xi nhan

■ ②: Gat xi nhan một lần

Khi bạn đẩy nhẹ cần xi nhan lên hoặc xuống và thả tay, đèn xi nhan sẽ nhấp nháy 3 lần.

- Nếu bạn đẩy nhẹ cần xi nhan theo hướng đối diện trong khi đèn xi nhan đang nhấp nháy, đèn xi nhan sẽ dừng nhấp nháy.

Đèn báo xi nhan trên bảng điều khiển sẽ nhấp nháy khi đèn xi nhan bên ngoài nhấp nháy.

➔ **Đèn Báo Tr. 106**

■ Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước

Các đèn chiếu sáng sẽ tự động sáng khi các cần gạt nước được gạt vài lần trong một khoảng nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở chế độ **AUTO**.

Các đèn chiếu sáng tự động tắt sau vài phút nếu các cần gạt nước ngừng gạt.

■ Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn ngoài xe khác và các đèn bằng điều khiển sẽ tắt sau 15 giây sau khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, hãy mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng cửa bên lái.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY khi các đèn chiếu sáng bật nhưng không mở cửa, các đèn sẽ tắt sau 10 phút (sau 3 phút, nếu công tắc ở vị trí **AUTO**).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở khóa hoặc mở cửa bên lái. Nếu bạn mở khóa cửa nhưng không mở cửa trong vòng 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa bên lái, bạn sẽ nghe thấy âm báo nhắc đèn đang bật.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Còn nữa

▶▶ Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước

Tính năng này được kích hoạt khi các đèn chiếu sáng được tắt ở chế độ **AUTO**. Độ sáng bằng điều khiển không thay đổi khi các đèn chiếu sáng bật.

Nếu môi trường xung quanh tối, tính năng điều khiển chiếu sáng tự động sẽ bật các đèn chiếu sáng bất kể số lần gạt của cần gạt nước là bao nhiêu.

Bạn có thể bật và tắt chức năng đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➡ **Cài Đặt*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➡ **Cài Đặt** Tr. 158

Loại xe Australia, Fiji và Singapore

➡ **Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Của Xe** Tr. 353

▶▶ Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➡ **Cài Đặt*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➡ **Cài Đặt** Tr. 158

Loại xe Australia, Fiji và Singapore

➡ **Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Của Xe** Tr. 353

■ Đèn Sương Mù*

Có thể sử dụng đèn sương mù khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Đèn sương mù trước*

Có thể sử dụng khi đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng bật.

■ Đèn sương mù sau*

Có thể sử dụng khi đèn chiếu sáng hoặc đèn sương mù trước* bật.

■ Công tắc đèn sương mù trước và sau*



Bật đèn sương mù trước:

Xoay công tắc lên trên từ vị trí **OFF** tới vị trí . Đèn báo  sẽ sáng.

Bật đèn sương mù trước và sau:

Xoay công tắc lên một nấc từ vị trí . Các đèn báo  và  sẽ sáng.

Bật đèn sương mù sau:

Xoay công tắc lên một nấc từ vị trí  sau đó xoay công tắc xuống một nấc từ vị trí . Đèn báo  sẽ sáng.

Để tắt đèn sương mù sau, xoay công tắc đèn chiếu sáng đến vị trí **OFF**.

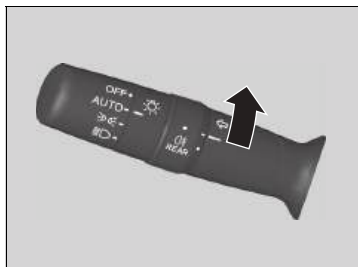
■ Công tắc đèn sương mù trước*



Bật đèn sương mù trước:

Xoay công tắc đến . Đèn báo  sẽ sáng.

■ Công tắc đèn sương mù sau*



Bật đèn sương mù sau:

Xoay công tắc đến . Đèn báo  sẽ sáng.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Đèn Ban Ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày sẽ sáng khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.
- Môi trường xung quanh sáng.

Khi xe đã dừng, nếu bạn xoay công tắc đèn sang **OFF** và thả ra, đèn ban ngày sẽ tắt. Khi gạt cần số ra khỏi **P** và nhả phanh đỗ, các đèn sẽ sáng trở lại. Nếu không, khi xoay công tắc đèn sang **OFF** một lần nữa, đèn sẽ lại sáng.

☒ Đèn Ban Ngày

Đèn ban ngày và đèn vị trí có chung nguồn sáng.

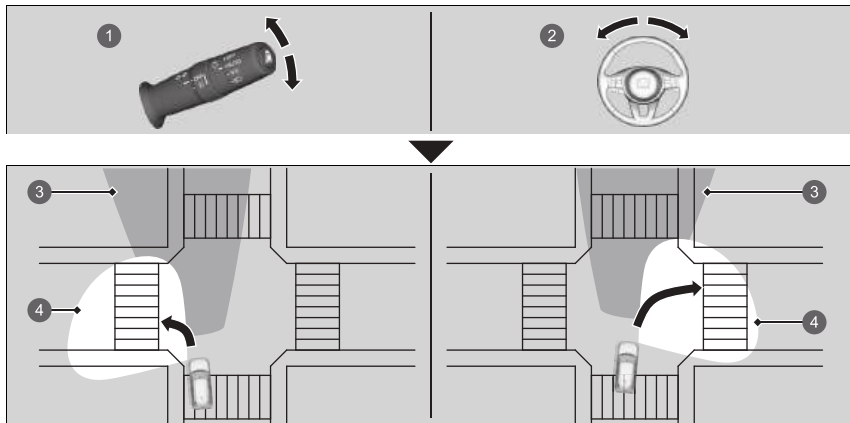
Đèn ban ngày sáng hơn đèn vị trí.

Đèn ban ngày sẽ không bật nếu đèn vị trí được bật bằng tay.

Đèn Vào Cua Chủ Động*

Giúp tăng khả năng quan sát (các) góc cua khi rẽ. Khi chế độ nguồn ở BẬT, các đèn chiếu sáng bật và tốc độ xe dưới 36 km/h, (các) đèn vào cua chủ động sẽ sáng khi gạt cần xi nhan, xoay vô lăng hoặc gạt cần số đến **R**.

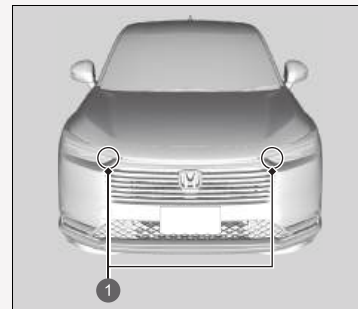
■ **Khúc cua bạn rẽ được chiếu sáng khi:**



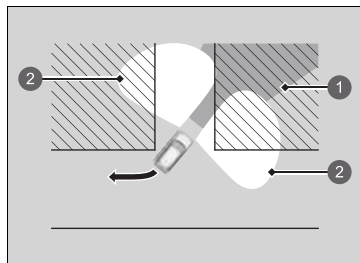
- ① Bạn gạt cần xi nhan.
- ② Bạn xoay vô lăng một góc khoảng từ 75 độ trở lên.
- ③ Chùm đèn chiếu sáng
- ④ Chùm đèn rẽ

►► Đèn Vào Cua Chủ Động*

Các đèn vào cua chủ động tự động tắt sau năm phút. Để bật lại các đèn này, hãy tạo ra điều kiện tương tự bằng cách gạt cần xi nhan hoặc xoay vô lăng đến vị trí giữa, sau đó vận hành lại, hoặc nếu xe đang ở số **R**, hãy tạm thời gạt cần số đến một vị trí khác.



① Đèn Vào Cua Chủ Động



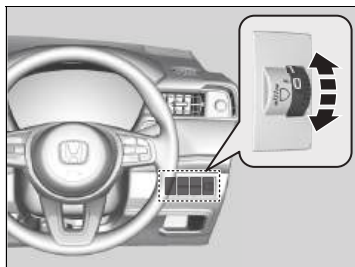
■ Cả hai khúc cua phía trước được chiếu sáng khi:

Bạn gạt cần số đến **R**.

① Chùm đèn chiếu sáng

② Chùm đèn rẽ

Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*



Bạn có thể điều chỉnh góc đối đỉnh của đèn chiếu gần khi đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng bật.

Xoay núm điều chỉnh để chọn góc phù hợp cho các đèn chiếu sáng.

Số vạch điều chỉnh càng lớn thì góc chiếu càng nhỏ.

■ Để chọn vị trí vạch điều chỉnh

Tham khảo bảng dưới đây để biết vị trí vạch phù hợp cho điều kiện tải trọng và số người ngồi trên xe.

Điều kiện	Vị trí vạch
Một người lái	0
Một người lái và một hành khách trước	
Bốn ^{*1} hoặc năm ^{*2} người ở hàng ghế trước và hàng ghế sau	1
Bốn ^{*1} hoặc năm ^{*2} người ở hàng ghế trước và hàng ghế sau cùng hành lý trong khoang hành lý, nằm trong giới hạn tải trọng trực tối đa cho phép và tải trọng xe tối đa cho phép	2
Một người lái cùng hành lý trong khoang hành lý nằm trong giới hạn tải trọng trực tối đa cho phép và tải trọng xe tối đa cho phép	3

*1: Loại xe Australia và Fiji

*2: Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

►► Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*

Loại xe có hệ thống đèn pha thích ứng thông minh

Xe được trang bị hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động có thể tự động điều chỉnh góc đối đỉnh của đèn chiếu gần. Nếu bạn nhận thấy góc đối đỉnh của đèn chiếu sáng có sự thay đổi rõ rệt, có thể hệ thống có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn Pha Thích Ứng Tự Động*

Camera góc rộng phía trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe như đèn của xe phía trước hoặc xe ngược chiều hoặc đèn đường. Khi lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống.

Cách Sử Dụng Đèn Pha Thích Ứng Tự Động

■ Kích hoạt hệ thống

Đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ sáng và hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau.



- 1 Đèn Báo Đèn Pha Thích Ứng Tự Động
- 2 Công Tắc Đèn

Nếu đèn báo đèn pha thích ứng vẫn không sáng ngay cả khi đáp ứng tất cả các điều kiện trên, hãy thực hiện một trong hai quy trình sau và đèn báo sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn đến  sau đó xoay công tắc đến **AUTO**.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

►► Đèn Pha Thích Ứng Tự Động*

Hệ thống đèn pha thích ứng tự động không thể hoạt động trong mọi tình huống. Hệ thống này chỉ để hỗ trợ người lái. Bạn cần phải luôn quan sát xung quanh và dùng tay chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần nếu cần thiết.

Phạm vi và khoảng cách mà camera có thể phát hiện ra nguồn sáng sẽ thay đổi tùy vào điều kiện giao thông xung quanh.

Tham khảo phần sau để biết thêm thông tin về việc xử lý camera gắn bên trong kính chắn gió.

► Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523

Để hệ thống đèn pha thích ứng tự động hoạt động tốt:

- Không đặt bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh kính chắn gió khu vực quanh camera.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc màng phủ lên khu vực quanh camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Nếu camera bị tác động mạnh hoặc cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy liên hệ với đại lý.

■ Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Khi chế độ đèn pha thích ứng tự động hoạt động, có thể chuyển chế độ từ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại theo các điều kiện dưới đây.

Chiếu Xa

Đáp ứng tất cả các điều kiện sau trước khi bật chế độ chiếu xa.

- Tốc độ xe từ 30 km/h trở lên.
- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều không bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.
- Có ít đèn đường ở phía trước.



Chiếu Gần

Đáp ứng một trong các điều kiện sau trước khi bật chế độ chiếu gần.

- Tốc độ xe từ 24 km/h trở xuống.
- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.
- Có nhiều đèn đường ở phía trước.

► Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Trong các trường hợp dưới đây, hệ thống đèn pha thích ứng tự động không thể chuyển đèn chiếu sáng một cách chính xác hoặc thời gian chuyển có thể thay đổi. Nếu bạn không quen sử dụng chức năng chuyển chiếu sáng tự động, hãy điều chỉnh bằng tay.

- Độ sáng của đèn xe phía trước hoặc xe ngược chiều quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v).
- Các nguồn sáng khác như đèn đường, đèn biển quảng cáo và đèn giao thông đang sáng ở đoạn đường phía trước.
- Độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường gồ ghề hoặc có nhiều khúc cua.
- Có xe khác đột ngột xuất hiện ngay trước xe bạn hoặc có xe phía trước không chạy cùng chiều hoặc ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.
- Tín hiệu giao thông, gương hoặc các vật khác phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh về phía xe bạn.
- Xe ngược chiều thường khuất sau các bụi cây bên đường hoặc dải phân cách.
- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều là xe máy, xe đạp, xe lăn điện hoặc xe cỡ nhỏ khác.

Hệ thống đèn pha thích ứng tự động sẽ duy trì ở chế độ chiếu gần khi:

- Cần gạt kính chắn gió gạt với tốc độ cao.
- Camera phát hiện có sương mù dày đặc.

■ Dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Nếu bạn muốn dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây. Lưu ý, khi bạn dùng tay chuyển chế độ, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ tắt và chế độ đèn pha thích ứng tự động sẽ ngừng hoạt động.

Sử dụng cần điều khiển:

Kéo cần về phía bạn để nháy đèn chiếu xa sau đó thả ra hoặc đẩy cần về phía trước đến vị trí chiếu xa.

- Để bật lại chế độ đèn pha thích ứng tự động, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây và đèn báo chế độ đèn pha thích ứng tự động sẽ sáng.
- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn sang  sau đó đến **AUTO** khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.

Sử dụng công tắc đèn:

Xoay công tắc đèn sang .

- Để bật lại chế độ đèn pha thích ứng tự động, xoay công tắc đèn sang **AUTO** khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ sáng.

►► Đèn Pha Thích Ứng Tự Động*

Cách Sử Dụng Đèn Pha Thích Ứng Tự Động

Bạn có thể bật và tắt hệ thống đèn pha thích ứng tự động.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

► **Cài Đặt*** Tr. 142

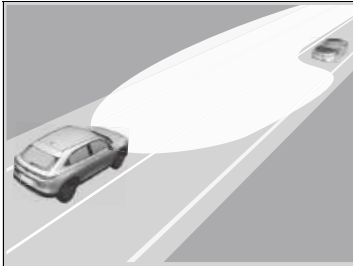
Loại xe có đồng hồ đo loại B

► **Cài Đặt** Tr. 158

Loại xe Australia, Fiji và Singapore

► **Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Của Xe** Tr. 353

Hệ Thống Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh*



Khi lái xe vào ban đêm, camera góc rộng phía trước sẽ phát hiện các nguồn sáng như đèn đường hoặc đèn của xe ngược chiều đang đến gần hoặc xe phía trước cùng chiều. Hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống. Ngoài ra, hệ thống sẽ tự động điều chỉnh sự phân bố ánh sáng của đèn chiếu xa để giảm độ chói cho các xe phía trước cùng chiều hoặc xe ngược chiều đang đến gần.

Hệ thống này cũng tăng chùm sáng chiếu gần khi bật đèn chiếu gần và tốc độ xe từ 40 km/h trở xuống, giúp cải thiện tầm nhìn bên trái và bên phải.

📺 Hệ Thống Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh*

Hệ thống đèn pha thích ứng thông minh không thể hoạt động trong mọi tình huống. Hệ thống này chỉ để hỗ trợ người lái. Bạn cần phải luôn quan sát xung quanh và dùng tay chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần nếu cần thiết.

Phạm vi và khoảng cách mà camera có thể phát hiện ra nguồn sáng sẽ thay đổi tùy vào điều kiện giao thông xung quanh.

Tham khảo phần sau để biết thêm thông tin về việc xử lý camera gắn bên trong kính chắn gió.

📺 Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523

Để hệ thống đèn pha thích ứng thông minh hoạt động tốt:

- Không đặt bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh kính chắn gió khu vực quanh camera. Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió bắn vào thấu kính camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc màng phủ lên khu vực quanh camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Nếu camera bị tác động mạnh hoặc cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy liên hệ với đại lý.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Cách Sử Dụng Hệ Thống Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh

■ Kích hoạt hệ thống

Đèn báo đèn pha thích ứng thông minh sáng và hệ thống bắt đầu điều chỉnh sự phân bố ánh sáng của đèn chiếu xa khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau.



- Chế độ nguồn ở **BẬT**.
- Công tắc đèn ở **AUTO**.
- Cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.
- Đèn chiếu sáng đã được kích hoạt tự động.
- Bên ngoài trời tối.

① Đèn Báo Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh

② Công Tắc Đèn

Nếu đèn báo đèn pha thích ứng thông minh vẫn không sáng ngay cả khi đáp ứng tất cả các điều kiện trên, hãy thực hiện một trong hai quy trình sau và đèn báo sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn đến  sau đó xoay công tắc đến **AUTO**.

►► Hệ Thống Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh*

Cách tắt Hệ Thống Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh

Bạn có thể bật và tắt hệ thống đèn pha thích ứng thông minh.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

► Cài Đặt Tr. 158

Loại xe Australia, Fiji và Singapore

► Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Của Xe Tr. 353

■ Tự động điều chỉnh phân bố ánh sáng

Hệ thống bắt đầu tự động điều chỉnh phân bố ánh sáng của đèn chiếu xa khi tốc độ xe từ 10 km/h trở lên và sự phân bố ánh sáng thay đổi tùy thuộc vào tốc độ xe hoặc trong các điều kiện sau:

- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.
- Có nhiều đèn đường ở phía trước.

Nếu tốc độ xe giảm xuống 6 km/h trở xuống, hệ thống sẽ tự động dừng điều chỉnh phân bố ánh sáng và chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần.

►► Hệ Thống Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh*

Trong các trường hợp dưới đây, hệ thống đèn pha thích ứng thông minh không thể chuyển đèn chiếu sáng một cách chính xác hoặc thời gian chuyển có thể thay đổi. Nếu bạn không quen sử dụng chức năng chuyển chiếu sáng tự động, hãy điều chỉnh bằng tay.

- Độ sáng của đèn xe phía trước hoặc xe ngược chiều quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v).
- Các nguồn sáng khác như đèn đường, đèn biển quảng cáo và đèn giao thông đang sáng ở đoạn đường phía trước.
- Độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường gồ ghề hoặc có nhiều khúc cua.
- Có xe khác đột ngột xuất hiện ngay trước xe bạn hoặc có xe phía trước không chạy cùng chiều hoặc ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.
- Tín hiệu giao thông, gương hoặc các vật khác phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh về phía xe bạn.
- Xe ngược chiều thường khuất sau các lùm cây bên đường hoặc dải phân cách.
- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều là xe máy, xe đạp, xe lăn điện hoặc xe cỡ nhỏ khác.

Hệ thống đèn pha thích ứng thông minh sẽ duy trì ở chế độ chiếu gần khi:

- Cần gạt kính chắn gió gạt với tốc độ cao.
- Camera phát hiện có sương mù dày đặc.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Nếu bạn muốn dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây. Lưu ý, khi bạn dùng tay chuyển chế độ, đèn báo đèn pha thích ứng thông minh sẽ tắt và hệ thống đèn pha thích ứng thông minh sẽ ngừng hoạt động.

Sử dụng cần điều khiển:

Kéo cần về phía bạn để nháy đèn chiếu xa sau đó thả ra hoặc đẩy cần về phía trước đến vị trí chiếu xa.

- Để bật lại hệ thống đèn pha thích ứng thông minh, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây và đèn báo đèn pha thích ứng thông minh sẽ sáng.
- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn sang  sau đó đến **AUTO** khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.

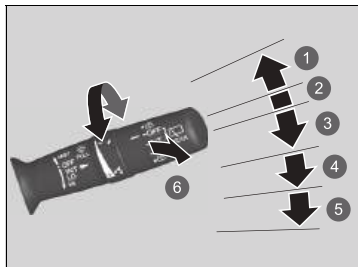
Sử dụng công tắc đèn:

Xoay công tắc đèn sang .

- Để bật lại hệ thống đèn pha thích ứng thông minh, xoay công tắc đèn sang **AUTO** khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần, đèn báo đèn pha thích ứng thông minh sẽ sáng.

Cần Gạt Nước và Rửa Kính

■ Cần Gạt Nước Kính Chắn Gió/Rửa Kính



- 1 MIST
- 2 OFF
- 3 INT¹/AUTO²
- 4 LO: Gạt chậm
- 5 HI: Gạt nhanh
- 6 Rửa kính

Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính khi chế độ nguồn BẬT.

■ MIST

Các cần gạt nước gạt ở tốc độ cao cho đến khi bạn thả cần.

■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT¹, AUTO², LO, HI)

Gạt cần lên hoặc xuống để thay đổi cài đặt cần gạt nước.

■ Điều chỉnh hoạt động cần gạt nước*

Xoay vòng điều chỉnh để điều chỉnh hoạt động cần gạt nước.



Tốc độ thấp, gạt chậm

Tốc độ cao, gạt nhanh

■ Rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cần gạt về phía bạn.

Khi bạn thả cần gạt nước trong hơn một giây, nước sẽ ngừng phun, cần gạt nước sẽ quét thêm hai hoặc ba lần trước khi dừng hẳn.

*1 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay

*2 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

► Cần Gạt Nước và Rửa Kính

LƯU Ý

Không vận hành các cần gạt nước khi kính chắn gió khô.

Kính chắn gió sẽ bị xước, hoặc các lưới cao su sẽ bị hỏng.

LƯU Ý

Tắt chế độ rửa kính nếu không có nước phun ra. Bơm có thể bị hỏng.

Mô-tơ cần gạt nước có thể dừng hoạt động tạm thời để tránh quá tải. Vận hành cần gạt nước sẽ trở lại bình thường trong vài phút.

Loại xe có vòng điều chỉnh thời gian ngắt quãng

Nếu xe tăng tốc khi các cần gạt nước đang gạt ngắt quãng, cần sẽ gạt nhanh hơn. Khi xe tăng tốc, tốc độ gạt của cần gạt nước khi cài đặt ở chế độ nhanh nhất (HI) và ở chế độ LO sẽ như nhau.

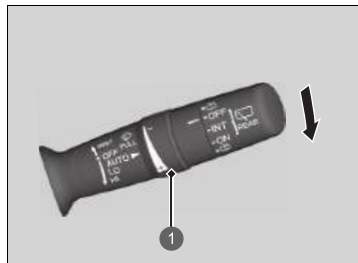
LƯU Ý

Khi trời lạnh, các lưới gạt có thể đóng băng vào kính chắn gió.

Vận hành các cần gạt trong điều kiện này có thể làm hỏng cần gạt. Sử dụng sấy kính để làm ấm kính chắn gió, sau đó bật cần gạt nước.

Nếu cần gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết đóng băng, hãy đỗ xe ở nơi an toàn. Xoay công tắc cần gạt nước đến **OFF** và đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó lấy vật cản ra.

■ Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng*



① Vòng Điều Chỉnh

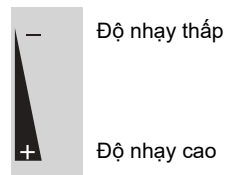
Khi bạn gạt cần điều khiển đến **AUTO**, cần gạt nước kính chắn gió sẽ gạt một lần rồi chuyển sang chế độ tự động.

Cần gạt nước gạt ngắt quãng, gạt chậm hoặc gạt nhanh và dừng tùy theo lượng mưa mà cảm biến lượng mưa phát hiện.

■ Điều chỉnh độ nhạy TỰ ĐỘNG

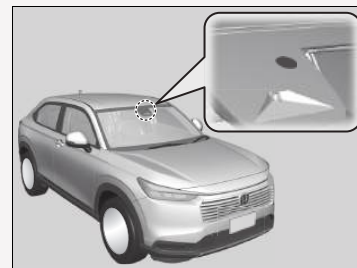
Khi cài đặt chức năng cần gạt nước ở chế độ **AUTO**, bạn có thể điều chỉnh độ nhạy của cảm biến lượng mưa (sử dụng vòng điều chỉnh) để cần gạt hoạt động theo ý muốn của bạn.

Độ nhạy của cảm biến



▣ Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng*

Cảm biến nước mưa được lắp tại vị trí như hình minh họa bên dưới.

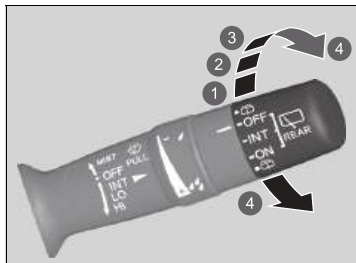


LƯU Ý

Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn TẮT chế độ **AUTO** khi:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Rửa xe
- Trời không mưa

■ Cần Gạt Nước/Rửa Kính Sau



- ❶ OFF
- ❷ INT: Ngắt quãng
- ❸ ON: Gạt liên tục
- ❹ Rửa kính

Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính sau khi chế độ nguồn BẬT.

■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT, ON)

Thay đổi cài đặt công tắc gạt nước theo lượng mưa.

■ Rửa kính (🚿)

Phun nước rửa kính ra khi bạn xoay công tắc đến vị trí này.

Giữ công tắc ở vị trí này để kích hoạt cần gạt nước sau và để phun nước rửa kính. Sau khi nhả công tắc, nước sẽ dừng phun và cần gạt nước sau sẽ trở lại vị trí cài đặt đã chọn sau vài lần gạt.

■ Vận hành khi lùi xe

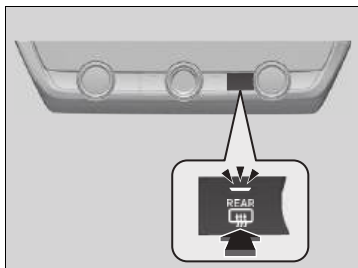
Khi bạn gạt cần số đến **R** với cần gạt nước kính chắn gió đang hoạt động, cần gạt nước sau sẽ tự động hoạt động như sau ngay cả khi công tắc tắt.

Vị Trí Cần Gạt Nước Trước	Hoạt Động của Cần Gạt Nước Sau
INT* ¹ (Ngắt quãng) AUTO* ² (Ngắt quãng)	Ngắt quãng
LO (Gạt chậm) HI (Gạt nhanh)	Liên tục

*1 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn bằng tay

*2 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

Nút Sấy Kính Sau



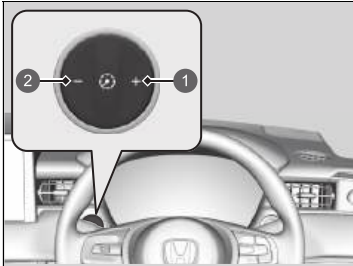
Ấn nút sấy kính sau để làm tan sương cửa kính sau khi chế độ nguồn ở BẬT.

Sấy kính sau sẽ tự động tắt sau 10-30 phút tùy thuộc vào nhiệt độ ngoài trời. Tuy nhiên, nếu nhiệt độ ngoài trời là từ 0°C trở xuống, tính năng này sẽ không tự động tắt.

►► Nút Sấy Kính Sau

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, do vậy hãy tắt hệ thống này khi cửa kính đã tan sương. Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu khi động cơ đang hoạt động không tải. Điều này có thể làm ắc quy bị yếu, khó khởi động động cơ.

Điều Chỉnh Độ Sáng



① Nút

② Nút



Khi chế độ nguồn ở BẬT, bạn có thể sử dụng nút hoặc để điều chỉnh độ sáng của bảng điều khiển.

Tăng độ sáng: Ấn nút .

Giảm độ sáng: Ấn nút .

Ngoại trừ loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Bạn sẽ nghe thấy một tiếng bíp khi độ sáng đạt mức tối thiểu hoặc tối đa.

Tất cả các loại xe

Sau vài giây điều chỉnh độ sáng, màn hình sẽ trở về màn hình trước đó.

■ Chỉ báo mức độ sáng

Mức độ sáng được hiển thị trên màn hình trong khi bạn điều chỉnh độ sáng.

►► Điều Chỉnh Độ Sáng

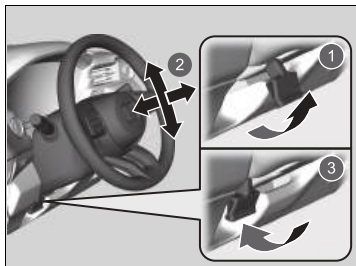
Độ sáng của bảng điều khiển sẽ giảm trong các điều kiện sau:

- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Các đèn vị trí sáng.
- Ánh sáng xung quanh yếu.

Có thể cài đặt độ sáng khác nhau khi đèn ngoài xe bật và tắt.

Điều Chỉnh Vô Lãng

Bạn có thể điều chỉnh độ cao và khoảng cách từ vô lăng đến người bạn để có thể điều khiển vô lăng một cách thoải mái theo tư thế lái.



- ❶ Nhả
- ❷ Điều chỉnh
- ❸ Khóa

1. Khi xe dừng, kéo cần điều chỉnh vô lăng lên.
 - Cần điều chỉnh vô lăng nằm dưới trụ lái.
2. Di chuyển vô lăng lên hoặc xuống, vào trong hoặc ra ngoài.
 - Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo bảng điều khiển.
3. Đẩy cần điều chỉnh vô lăng xuống để khóa vô lăng vào đúng vị trí.
 - Sau khi điều chỉnh, để đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lăng đúng vị trí, hãy thử di chuyển vô lăng lên, xuống, vào trong và ra ngoài.

►► Điều Chỉnh Vô Lãng

⚠ CẢNH BÁO

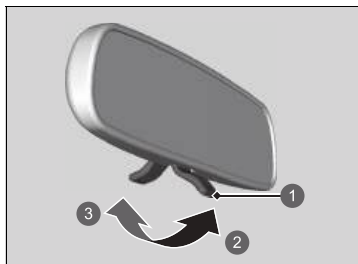
Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi lái có thể làm bạn mất kiểm soát xe và bị thương nặng khi xảy ra va chạm.

Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe dừng.

Gương Chiếu Hậu

Điều chỉnh góc gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

■ Gương Chiếu Hậu ở Các Vị Trí Ban Ngày và Ban Đêm*



- ① Vầu
- ② Vị Trí Ban Đêm
- ③ Vị Trí Ban Ngày

Lật vầu để thay đổi vị trí.

Vị trí ban đêm giúp giảm chói từ các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn khi lái xe lúc trời tối.

■ Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự Động*



Khi lái xe lúc trời tối, gương chiếu hậu làm mờ tự động sẽ làm giảm độ chói của các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn dựa trên thông tin từ cảm biến gương. Tính năng này luôn hoạt động.

» Gương

Giữ sạch mặt trong, mặt ngoài của gương và điều chỉnh gương để nhìn rõ nhất.

Điều chỉnh các gương trước khi lái xe.

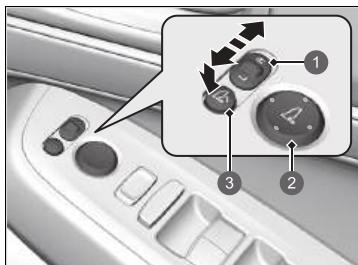
➔ **Ghế Trước Tr.** 249

» Gương Chiếu Hậu Làm Mờ Tự Động*

Chức năng làm mờ tự động bị hủy khi cần số ở **[R]**.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Gương Cửa Điện



- ❶ Công Tắc Chọn
- ❷ Công Tắc Điều Chỉnh
- ❸ Nút Cụp Gương Cửa

Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Điều chỉnh vị trí gương

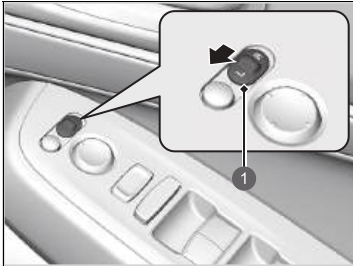
Công tắc chọn L/R: Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, xoay lại công tắc đến vị trí giữa.

Công tắc điều chỉnh vị trí gương: Ấn công tắc sang trái, phải, lên, hoặc xuống để điều chỉnh gương.

■ Cụp gương cửa

Ấn nút cụp gương cửa để cụp và mở các gương cửa.

■ Tự Nghiêng Gương Khi Lùi Xe*



❶ Công Tắc Chọn

Nếu được kích hoạt, gương cửa phía hành khách sẽ tự động nghiêng xuống khi bạn gạt cần số đến **R** để giúp cải thiện tầm nhìn ở phía hành khách khi lùi xe. Gương sẽ tự động trở lại vị trí ban đầu khi bạn gạt cần số ra khỏi **R**.

Để kích hoạt tính năng này, đặt chế độ nguồn ở BẬT và trượt công tắc chọn sang phía hành khách.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa*

■ Cụp các gương cửa

Ấn nút khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc chạm vào cảm biến khóa cửa trên cửa trước.

- Các gương bắt đầu tự động cụp vào.

■ Mở các gương cửa

Mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa. Mở cửa bên lái.

- Các gương bắt đầu tự động mở ra.

⌘ Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa*

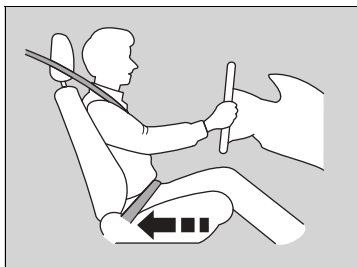
Bạn không thể sử dụng chức năng mở gương cửa tự động nếu đã cụp bằng nút cụp gương cửa.

Bạn có thể bật và tắt chức năng cụp gương cửa tự động.

⌘ Cài Đặt Tr. 158

Các gương cửa sẽ không tự động cụp khi khóa từ bên trong xe bằng tai khóa hoặc công tắc khóa cửa chính.

Ghế Trước



Ngồi lùi về sau để tạo khoảng cách phù hợp.

Điều chỉnh ghế người lái càng xa về phía sau càng tốt đồng thời vẫn cho phép bạn điều khiển xe thoải mái. Bạn nên ngồi thẳng, sát vào lưng ghế để có thể dễ dàng nhấn bàn đạp mà không cần nghiêng về phía trước và điều khiển vô lăng thoải mái. Điều chỉnh ghế hành khách theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng táp-lô càng tốt.

❏ Ghế Ngồi

Luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

❏ Ghế Trước

⚠ CẢNH BÁO

Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong nếu túi khí trước nổ.

Luôn ngồi càng xa các túi khí trước càng tốt đồng thời đảm bảo điều khiển xe thoải mái.

Ngoài điều chỉnh ghế ngồi, bạn có thể điều chỉnh vô lăng lên và xuống, vào trong và ra ngoài. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô lăng và ngực người lái là 25 cm.

■ Điều Chỉnh Vị Trí Ghế Ngồi

■ Điều chỉnh ghế điện bên lái*



① Điều Chỉnh Độ Xa

Trượt công tắc để dịch chuyển ghế.

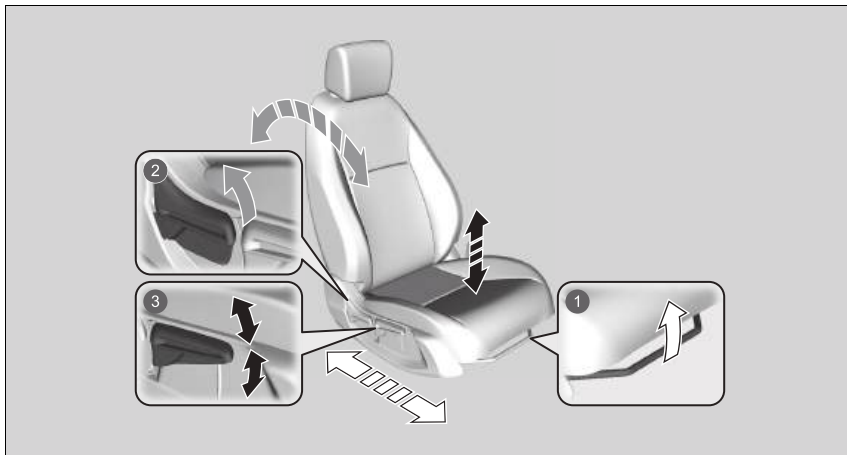
② Điều Chỉnh Độ Cao

Kéo công tắc lên hoặc đẩy công tắc xuống để nâng hoặc hạ ghế.

③ Điều Chỉnh Góc Lưng Ghế

Đẩy công tắc về phía trước hoặc kéo công tắc về phía sau để thay đổi góc.

■ Điều chỉnh ghế trước bằng tay



❶ Điều Chỉnh Độ Xa

Kéo cần lên để di chuyển ghế rồi thả cần ra.

❷ Điều Chỉnh Góc Lưng Ghế

Kéo cần lên để thay đổi góc.

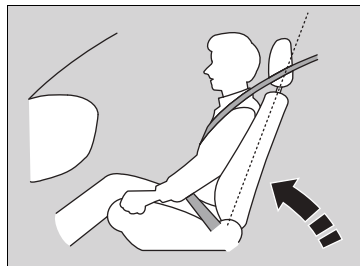
❸ Điều Chỉnh Độ Cao (Chỉ phía người lái)

Kéo cần lên hoặc đẩy cần xuống để nâng hoặc hạ ghế.

▣ Điều chỉnh ghế trước bằng tay

Sau khi điều chỉnh, hãy lắc ghế qua lại để đảm bảo ghế đã được khóa vào đúng vị trí.

■ Điều Chỉnh Lưng Ghế



Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, thẳng đứng để tạo một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ghế trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thoải mái, thẳng đứng.

Ngả lưng ghế mà phần đai vai của dây đai an toàn không thắt qua ngực của người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây đai an toàn, làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai an toàn khi xảy ra va chạm và dẫn đến chấn thương nặng. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

►► Điều Chỉnh Lưng Ghế

⚠ CẢNH BÁO

Ngả lưng ghế quá xa có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế thẳng đứng và ngồi sát vào lưng ghế.

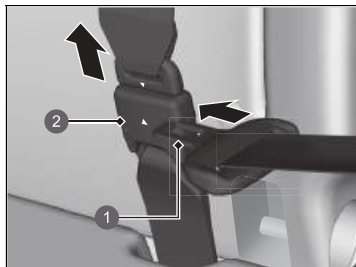
Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn.

Làm vậy có thể ảnh hưởng đến hoạt động của dây đai an toàn hoặc túi khí.

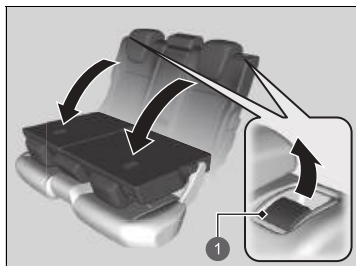
Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp nhằm đảm bảo lái xe an toàn.

Hàng Ghế Sau

■ Gập Ghế Sau Xuống



- ❶ Đầu Chốt
- ❷ Khóa Móc Neo



- ❶ Lẩy Nhả

Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji

1. Trước tiên, cắt dây đai an toàn ghế giữa. Gài đầu chốt vào khe ở phía khóa móc neo.

2. Rút dây đai an toàn vào trong giá giữ trên trần xe.

❏ **Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo*** Tr. 52

Tất cả các loại xe

3. Hạ tựa đầu hàng ghế sau xuống vị trí thấp nhất.

4. Kéo cần nhả và gập ghế xuống.

►► Gập Ghế Sau Xuống

⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo chốt chặt lưng ghế trước khi lái xe.

Có thể gập lưng ghế sau xuống để chứa các vật cồng kềnh trong khoang hành lý.

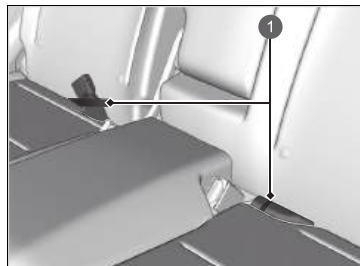
Để dựng thẳng lưng ghế về vị trí ban đầu, đẩy dứt khoát lưng ghế về phía sau. Ngoài ra, cần đảm bảo tất cả các dây đai vai ghế sau được đặt ở phía trước lưng ghế.

Đảm bảo tất cả các đồ vật trong khoang hành lý hoặc các đồ vật gác lên ghế sau phải được buộc chặt để tránh bị xô về phía trước nếu bạn phanh gấp.

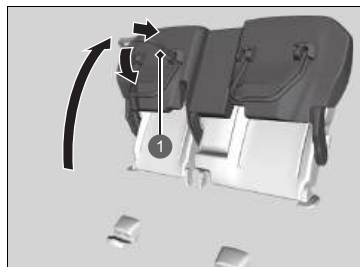
Điều Khiển

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Gập Ghế Sau Lên



① Móc gài dây đai



① Chân Ghế

Nâng riêng đệm ghế sau bên trái và bên phải để tạo khoảng trống cho khoang hành lý.

■ Nâng đệm ghế lên

Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji

1. Đảm bảo khóa dây đai an toàn ở móc gài dây đai trên ghế.

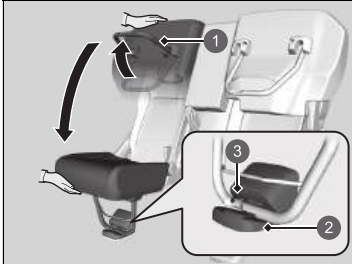
Tất cả các loại xe

2. Hạ tựa đầu hàng ghế sau xuống vị trí thấp nhất.
3. Kéo đệm ghế sau lên.
4. Gập chân ghế xuống đồng thời đẩy mạnh đệm ghế vào lưng ghế để khóa lại.

► Gập Ghế Sau Lên

Sau khi gập ghế lên hoặc đặt ghế về vị trí ban đầu, hãy lắc ghế về phía trước và phía sau để đảm bảo ghế được cố định chắc chắn.

Kiểm tra xem có vật gì trên ghế không trước khi kéo đệm ghế lên. Kiểm tra xem có vật cản nào xung quanh dẫn hướng sàn không trước khi đặt lưng ghế về vị trí ban đầu.



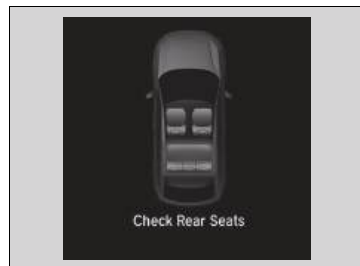
- ❶ Chân Ghế
- ❷ Dẫn Hướng Sàn
- ❸ Chốt

■ Đặt ghế về vị trí ban đầu

1. Dùng một tay giữ cố định đệm ghế và dùng tay còn lại kéo chân ghế lên hết cỡ để mở khóa đệm ghế.
► Giữ chặt đệm ghế để tránh rơi xuống đột ngột khi bạn mở khóa.
2. Từ từ hạ đệm ghế xuống và đặt chân ghế vào dẫn hướng sàn cho đến khi chốt vào đúng vị trí.

Nhắc Ghế Sau

Tính năng này cảnh báo cho bạn biết có thể có người ngồi hoặc có vật gì đó ở ghế sau trước khi bạn ra khỏi xe. Tính năng này hoạt động khi xe được đặt ở TẮT MÁY nếu các cửa sau mở hé trước khi hoặc sau khi xe được đặt ở BẬT.



Một thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và âm báo sẽ vang lên khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

► Nhắc Ghế Sau

Khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY, nhắc ghế sau sẽ bật trong một khoảng thời gian ngắn, sau đó sẽ tắt.

Tính năng nhắc ghế sau sẽ không hoạt động nếu chế độ nguồn không được đặt ở BẬT trong vòng 10 phút từ khi đóng/mở các cửa sau.

Hệ thống sẽ không phát hiện có người ngồi ở hàng ghế sau. Thay vào đó, hệ thống có thể phát hiện cửa sau đóng hoặc mở, tức là có vật gì đó ở hàng ghế sau.

Bạn có thể cài đặt tắt thông báo.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➡ **Cài Đặt*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➡ **Cài Đặt** Tr. 158

Loại xe Australia, Fiji và Singapore

➡ **Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Của Xe** Tr. 353

Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

Sau khi tắt cả mọi người trên xe đã điều chỉnh ghế, tựa đầu và đã thắt dây đai an toàn, cần phải duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ tắt.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi xảy ra va chạm. Ví dụ, nếu một hành khách ngã dài người trên ghế, nằm trên ghế, quay ngang quay dọc, ngồi sát về phía trước, ngã người về phía trước hoặc sang bên cạnh, hoặc để chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi xảy ra va chạm sẽ là rất lớn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí thì có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí trước đang bung.

►► Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

⚠ CẢNH BÁO

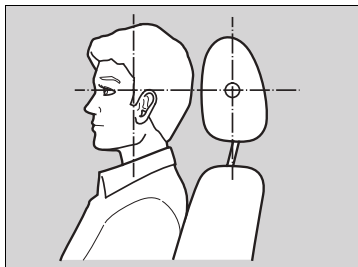
Ngồi không đúng tư thế có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.

Tựa Đầu

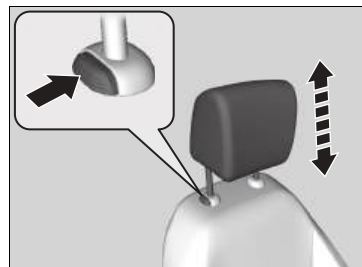
Xe bạn được trang bị tựa đầu ở tất cả các vị trí ghế ngồi.

■ Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước



Đề đầu ở giữa tựa đầu.

Tựa đầu có tác dụng bảo vệ tốt nhất tránh tổn thương do dây đai siết lại và tổn thương do va chạm từ phía sau, khi phần giữa phía sau đầu của người ngồi sát với phần giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với phần giữa của tựa đầu.



Đề nâng tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên.

Đề hạ tựa đầu:

Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhỏ.

►► Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước

⚠ CẢNH BÁO

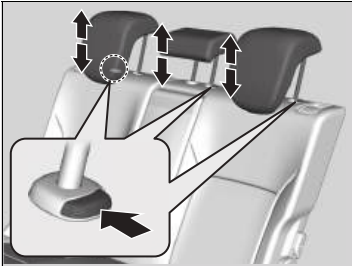
Tựa đầu không được điều chỉnh hợp lý sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ và làm tăng nguy cơ bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.

Đảm bảo các tựa đầu được đặt đúng vị trí và được điều chỉnh phù hợp trước khi lái.

Để hệ thống tựa đầu hoạt động tốt:

- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí.

■ Thay Đổi Vị Trí Tựa Đầu của Hàng Ghế Sau



Hành khách ngồi ở vị trí ghế sau bên ngoài hoặc ở giữa* cần điều chỉnh độ cao tựa đầu đến vị trí thích hợp trước khi xe bắt đầu chạy.

Để nâng tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên.

Để hạ tựa đầu:

Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhỏ.

▣ Thay Đổi Vị Trí Tựa Đầu của Hàng Ghế Sau

Khi bạn sử dụng tựa đầu ở hàng thứ sau, hãy kéo tựa đầu lên vị trí cao nhất. Không sử dụng tựa đầu ở vị trí thấp hơn.

Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji



* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu

Có thể tháo tựa đầu ra để vệ sinh hoặc sửa chữa.

Để tháo tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó, ấn nút nhỏ, kéo tựa đầu lên rồi kéo tựa đầu ra.

Để lắp lại tựa đầu:

Lắp các chân vào đúng vị trí, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhỏ. Kéo tựa đầu lên để kiểm tra xem tựa đầu đã được khóa vào đúng vị trí chưa.

►► Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu

⚠ CẢNH BÁO

Không lắp tựa đầu hoặc lắp lại không chính xác có thể dẫn đến chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.

Luôn lắp lại tựa đầu trước khi lái xe.

Tựa Tay

■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Trước



Có thể sử dụng nắp hộp đựng đồ để làm tựa tay.

■ Sử Dụng Tựa Tay Hàng Ghế Sau*

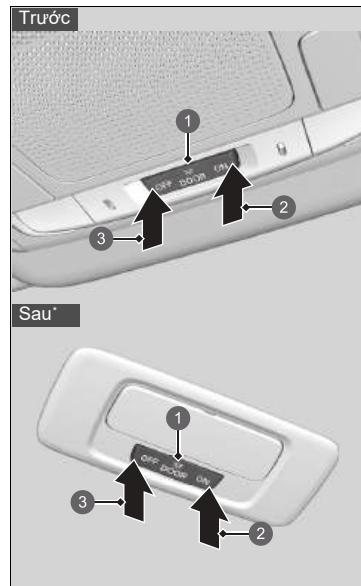


Kéo tựa tay ở lưng ghế giữa xuống.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Đèn Trong Xe

Công Tác Đèn Trong Xe



- 1 Vị Trí Kích Hoạt Cửa
- 2 Bật
- 3 Tắt

ON

Các đèn trong xe sáng cho dù các cửa mở hay đóng.

Kích hoạt cửa

Các đèn trong xe sáng trong những trường hợp sau:

- Khi có một cửa mở.
- Khi mở khóa cửa bên lái.
- Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

OFF

Các đèn trong xe vẫn tắt dù cửa mở hay đóng.

Công Tác Đèn Trong Xe

Ở vị trí kích hoạt cửa, các đèn trong xe mờ dần và tắt sau khi đóng các cửa khoảng 30 giây.

Các đèn tắt sau khoảng 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi mở khóa cửa bên lái nhưng không mở cửa.
- Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY nhưng không mở cửa nào.

Bạn có thể thay đổi thời gian mờ của đèn trong xe.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

➔ **Cài Đặt*** Tr. 142

Loại xe có đồng hồ đo loại B

➔ **Cài Đặt** Tr. 158

Loại xe Australia, Fiji và Singapore

➔ **Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Cửa Xe** Tr. 353

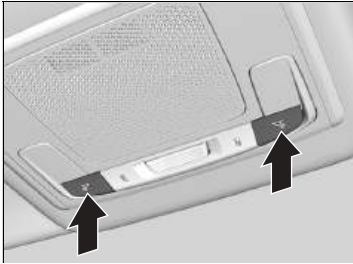
Đèn trong xe tắt ngay trong những trường hợp sau:

- Khi khóa cửa bên lái.
- Khi đóng cửa bên lái với chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.
- Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Để tránh làm hao điện ắc quy, không để đèn trong xe bật trong một khoảng thời gian dài sau khi đã tắt động cơ.

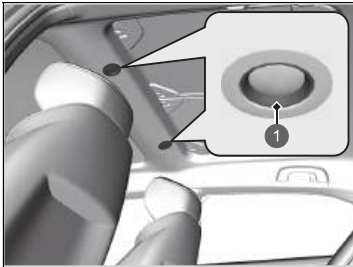
Nếu bất kỳ cửa nào mở khi xe ở chế độ TẮT MÁY, các đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.

■ Công Tắc Đèn Đọc Sách



■ Ghế trước

Ấn nút để bật và tắt đèn đọc sách.



■ Ghế sau*

Chạm vào đèn đọc sách để bật và tắt đèn đọc sách.

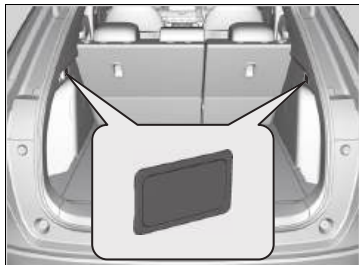
① Chạm

☒ Công Tắc Đèn Đọc Sách

Khi công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa và có một cửa mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn các nút hoặc chạm vào đèn đọc sách*.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Đèn Khoang Hành Lý



Đèn khoang hành lý sáng khi bạn mở cửa hậu.

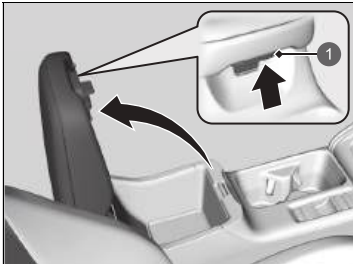
Ngăn Để Đồ

■ Hộp Đựng Đồ



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.

■ Hộp Đựng Đồ



Kéo núm để mở hộp đựng đồ.

① Núm

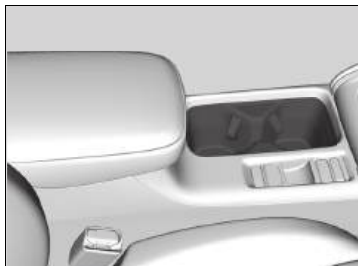
»» Hộp Đựng Đồ

⚠ CẢNH BÁO

Để hộp đựng đồ mở có thể làm cho hành khách bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt đai an toàn.

Luôn đóng hộp đựng đồ khi lái xe.

■ Ngăn Để Cốc



■ Ngăn để cốc ghế trước

Nằm ở hộp đựng đồ giữa các ghế trước.



■ Ngăn để cốc cửa trước

Nằm ở cả hai cánh cửa trước.



■ Ngăn để cốc cửa sau

Nằm ở cả hai cánh cửa sau.

►► Ngăn Để Cốc

LƯU Ý

Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm và các thiết bị điện trong xe.

Cẩn thận khi sử dụng ngăn để cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.



■ Ngăn để cốc ghế sau*

Gập tựa tay xuống để sử dụng ngăn để cốc ghế sau.

■ Móc Treo Áo



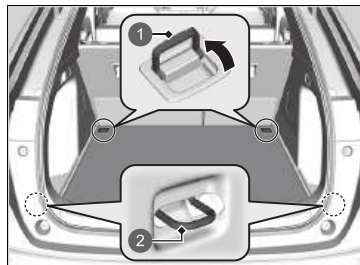
Có các móc treo áo trên tay nắm trần xe phía sau bên trái và bên phải.

▣ Móc Treo Áo

Móc treo áo không dùng để treo các đồ vật to hoặc nặng.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

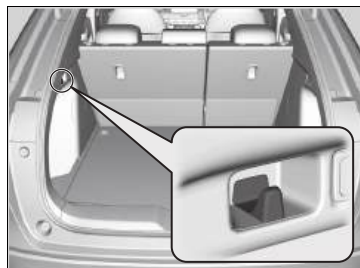
■ Móc Neo Giữ Đồ



- ❶ Móc Neo
- ❷ Móc Neo

Có thể sử dụng móc neo giữ đồ trên sàn khoang hành lý để móc lưới giữ đồ.

■ Móc Treo Đồ



Có thể sử dụng móc treo đồ trong khoang hành lý để treo các vật nhẹ.

» Móc Neo Giữ Đồ

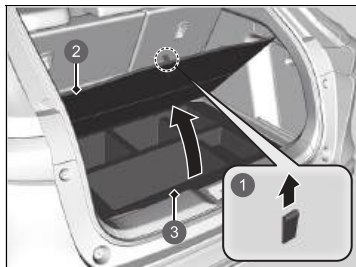
Không để ai lấy đồ trong khoang hành lý khi đang lái xe để tránh bị thương khi bạn phanh gấp.

» Móc Treo Đồ

LƯU Ý

Không treo vật có kích thước lớn hoặc vật có trọng lượng trên 3 kg (6 lbs) lên móc treo đồ này để tránh làm hỏng móc.

■ Khoang Để Đồ Dưới Sàn Xe*



- ❶ Dây Đai
- ❷ Nắp Khoang Để Đồ Dưới Sàn Xe
- ❸ Khoang Để Đồ Dưới Sàn Xe

Kéo dây đai để mở nắp khoang để đồ dưới sàn xe.

▣ Khoang Để Đồ Dưới Sàn Xe*

⚠ CẢNH BÁO

Không kéo đồ ra hoặc đẩy đồ vào khi đang lái xe

để tránh gây tai nạn hoặc thương tích bất ngờ khi phanh gấp.

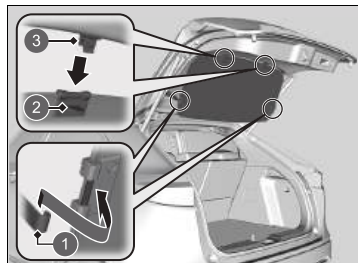
Không lái xe khi nắp sàn dựng đứng.

Để tránh gây tai nạn hoặc thương tích bất ngờ khi phanh gấp.

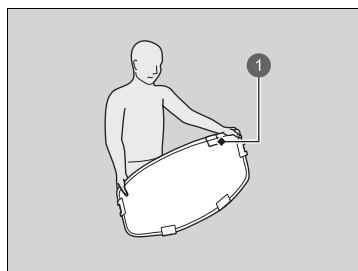
* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Tầm Che Khoang Hành Lý*

Tháo tầm che khoang hành lý để có thêm không gian để đồ.



- 1 Móc
- 2 Vấu
- 3 Dẫn Hướng



- 1 Nhấn

■ Tháo tầm che khoang hành lý

1. Mở cửa hậu.
2. Tháo tầm che khoang hành lý ra khỏi các móc ở cả hai bên.
3. Tháo tầm che ra khỏi dẫn hướng trong khi ấn giữ vấu.

Thực hiện ngược lại quy trình này để lắp tầm che khoang hành lý.

Sau khi lắp lại tầm che khoang hành lý, hãy đảm bảo tầm che được chốt chặt.

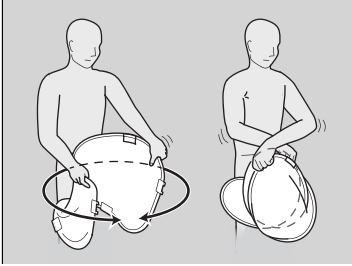
■ Cất giữ tầm che khoang hành lý

1. Tay giữ góc gần nhãn tầm che.

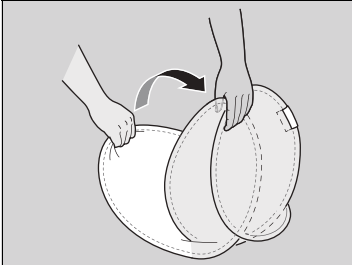
►► Tầm Che Khoang Hành Lý*

Không để đồ lên tầm che khoang hành lý hoặc chất đồ cao hơn đỉnh lưng ghế để tránh bị che khuất tầm nhìn và đồ đạc không bị rơi ra khi xảy ra va chạm hoặc dừng xe đột ngột.

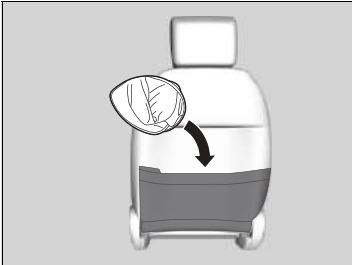
Khi tháo tầm che khoang hành lý, hãy dùng tay giữ chặt để tầm che không bật mở mạnh. Cần thận kiểm tra xung quanh, dùng cả hai tay giữ chặt tầm che và từ từ tháo tầm che ra.



- 2.** Giữ cả hai góc của tấm che khoang hành lý rồi bắt chéo hai tay để gấp tấm che lại.



- 3.** Đặt thẳng hai phần hình tròn vào với nhau.



- 4.** Cất tấm che khoang hành lý vào túi sau lưng ghế trước trong khi vẫn giữ chặt bằng tay.

Các Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Khác

■ Tầm Che nắng



Có thể mở rộng tầm che nắng theo chiều ngang.

■ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



■ Ổ cắm điện phụ kiện ở hộp đựng đồ trung tâm

Mở nắp để sử dụng.

►Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

LƯU Ý

Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm này, để tránh làm ổ cắm bị quá nhiệt.

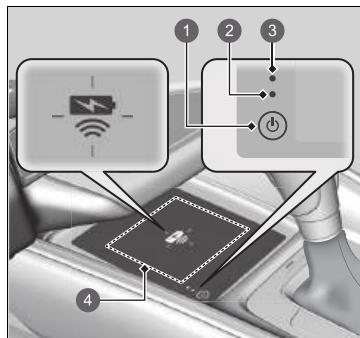
Ổ cắm điện phụ kiện được thiết kế để cung cấp nguồn điện cho các phụ kiện dùng điện một chiều 12V với công suất định mức từ 180 W (15 ampe) trở xuống.

Để tránh làm ắc quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang hoạt động.

Khi không sử dụng ổ cắm điện phụ kiện, hãy đóng nắp để ngăn không cho bất kỳ vật gì lọt vào ổ cắm điện phụ kiện.

■ Sạc Không Dây*

Để sử dụng sạc không dây, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Sạc thiết bị tương thích với sạc không dây Qi ở khu vực có biểu tượng  :



- ① Nút  (Nguồn)
- ② Đèn Báo Màu Xanh Lục
- ③ Đèn Báo Màu Hồng Phách
- ④ Khu Vực Sạc

■ Thay đổi tần số sạc

Ấn nút  một lần trong khi sạc để thay đổi tần số sạc và giảm nhiễu sóng vô tuyến.

- Đèn báo màu hồng phách nhấp nháy ba lần.
- Trước khi thay đổi tần số sạc, hãy tắt hệ thống để đảm bảo giảm nhiễu sóng vô tuyến.

►► Sạc Không Dây*

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Tuyên Bối về Phơi Nhiễm Bức Xạ RF:

Thiết bị này tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm bức xạ RF của FCC được quy định cho môi trường không kiểm soát. Thiết bị này và ăng-ten của thiết bị không được đặt cùng vị trí hoặc hoạt động cùng với bất kỳ ăng-ten hoặc thiết bị phát sóng nào khác.

⚠ CHÚ Ý

Nếu có vật gì bằng kim loại giữa thiết bị và bàn sạc, vật đó sẽ nóng lên và có thể làm bạn bị bỏng, vì vậy hãy:

- Loại bỏ bất cứ vật gì ra khỏi bàn sạc trước khi sạc thiết bị.
- Đảm bảo bề mặt không có bụi và các mảnh vụn khác trước khi sạc.
- Không làm đổ chất lỏng (như nước, đồ uống, v.v.) lên sạc và thiết bị.
- Không sử dụng dầu, mỡ, cồn, xăng hoặc chất pha loãng để vệ sinh bàn sạc.
- Không phủ khăn, quần áo hoặc bất cứ vật gì khác lên hệ thống khi đang sạc, v.v.
- Tránh xịt hóa chất lên bề mặt bàn sạc.

■ **Khi sạc không hoạt động**

Thực hiện một trong các giải pháp trong bảng sau.

Đèn Báo		Nguyên Nhân	Giải Pháp
Màu xanh lục & Màu hổ phách	Nháy đồng thời	Có (các) vật cản giữa khu vực sạc và thiết bị.	Loại bỏ (các) vật cản.
		Thiết bị không nằm trong khu vực sạc.	Đặt thiết bị vào giữa khu vực sạc có biểu tượng  .
		Nhiệt độ của bàn sạc tăng.	Tạm thời ngừng sạc thiết bị. Chờ nhiệt độ giảm và thử sạc lại thiết bị.
Màu hổ phách	Nhấp nháy	Sạc không dây bị hỏng.	Liên hệ với đại lý để sửa chữa.

▣ **Sạc Không Dây***

Khi sử dụng sạc không dây, hãy kiểm tra hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị tương thích mà bạn muốn sạc.

Hệ thống này tiêu tốn rất nhiều điện năng. Không sử dụng hệ thống trong thời gian dài khi động cơ không hoạt động. Điều này có thể làm ắc quy bị yếu, khó khởi động động cơ.

Sạc không dây có thể hỗ trợ tối đa 15W, nhưng tốc độ sạc thay đổi tùy theo thiết bị và các điều kiện khác.

LƯU Ý

Không đặt máy ghi âm băng từ hoặc máy đo độ chính xác ở khu vực sạc trong khi sạc. Dữ liệu trên thẻ của bạn như thẻ tín dụng có thể bị mất do hiệu ứng từ. Ngoài ra, máy đo độ chính xác như đồng hồ có thể bị ảnh hưởng.

Biểu tượng “Qi” và  là nhãn hiệu đã được Hiệp Hội Năng Lượng Không Dây (WPC) đăng ký quyền sở hữu.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

☒ Sạc Không Dây*

Trong các trường hợp sau, sạc có thể bị ngừng hoặc không hoạt động:

- Thiết bị đã được sạc đầy.
- Nhiệt độ của thiết bị quá cao trong khi sạc.
- Bạn đang ở nơi phát ra sóng hoặc nhiễu điện từ lớn như đài truyền hình, nhà máy điện hoặc trạm xăng.
- Thiết bị có vỏ, nắp hoặc phụ kiện không tương thích với sạc không dây.

Thiết bị có thể không sạc được nếu kích thước hoặc hình dạng của thiết bị không phù hợp với khu vực sạc.

Trong quá trình sạc, khu vực sạc và thiết bị nóng lên là điều bình thường.

Quá trình sạc có thể bị gián đoạn một lúc khi:

- Tất cả các cửa hoặc cửa hậu đóng
 - để không làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống truy cập từ xa.
- Thay đổi vị trí của thiết bị.

Không sạc nhiều thiết bị cùng một lúc ở khu vực sạc.

Nếu thiết bị quá nóng và chức năng bảo vệ pin của thiết bị được kích hoạt, thiết bị có thể sạc cực chậm hoặc không sạc nữa. Nhiệt độ ở thời điểm chức năng bảo vệ pin được kích hoạt phụ thuộc vào từng thiết bị.

☒ Sạc Không Dây*

Không phải tất cả các thiết bị đều tương thích với hệ thống.

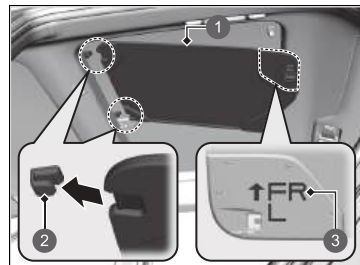


Rủi ro cháy:

Bất kỳ vật kim loại nào được đặt giữa bàn sạc và thiết bị đều có thể bị nóng lên.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

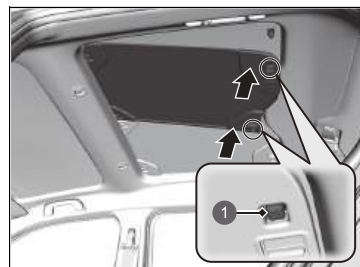
■ Tầm Che Nắng Phía Sau*



❶ Tầm Che Nắng Phía Sau

❷ Móc

❸ ↑FR Dấu



❶ Khóa

■ Lắp tầm che nắng phía sau

1. Luồn mặt trước vào các móc.

► Lắp tầm che nắng phía sau sao cho dấu

↑FR hướng về phía trước.

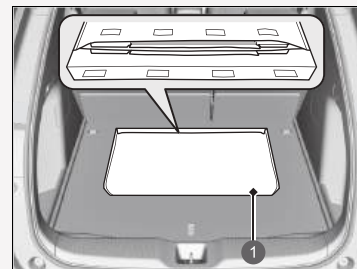
2. Đẩy mặt sau lên và khóa lại.

► Đẩy tầm che nắng phía sau cho đến khi bạn nghe thấy tiếng cách.

▣ Tầm Che Nắng Phía Sau*

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi tháo và lắp các tầm che nắng phía sau. Ngoài ra, hãy đảm bảo tầm che nắng phía sau được chốt chặt vào đúng vị trí trước khi lái xe.

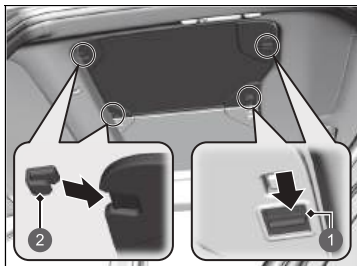
Đặt tầm che nắng phía sau đã tháo ra vào hộp và cất vào khoang hành lý.



❶ Hộp

Để tránh làm hỏng tầm che nắng phía sau, hãy thực hiện theo hướng dẫn dưới đây.

- Không đặt đồ vật lên trên hộp đựng tầm che.
- Cần thận để những vật xung quanh không va vào hộp đựng tầm che.



- ❶ Cần
- ❷ Móc

■ Tháo tấm che nắng phía sau

1. Nhấn và giữ cần bên trong, sau đó kéo tấm che nắng phía sau xuống.
2. Kéo tấm che nắng phía sau về phía sau và tháo ra.

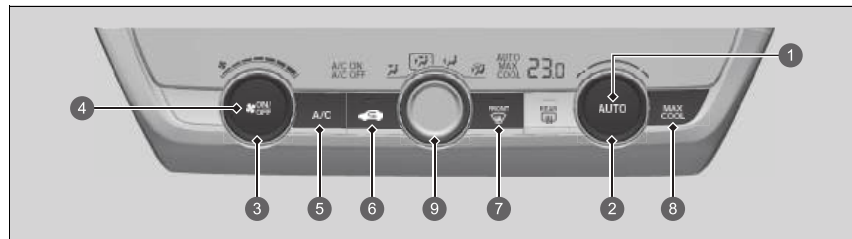
Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động duy trì nhiệt độ bên trong xe mà bạn đã chọn. Hệ thống cũng sẽ chọn nhiệt độ nóng* hoặc lạnh một cách hợp lý để làm tăng hoặc giảm nhiệt độ trong xe đến mức bạn muốn một cách nhanh nhất.

Sử dụng hệ thống khi động cơ đang hoạt động.

1. Ấn nút **AUTO**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng núm điều chỉnh nhiệt độ.
3. Ấn nút **ON/OFF** (bật/tắt) để hủy.

Loại xe không có nút SYNC



- 1 Nút **TỰ ĐỘNG**^{*1}
- 2 Núm Điều Chỉnh Nhiệt Độ^{*1}
- 3 Núm Điều Khiển Quạt^{*1}
- 4 Nút **BẬT/TẮT**^{*1}
- 5 Nút **A/C** (Điều Hòa Không Khí)^{*1}
- 6 Nút (Lấy Gió Trong)^{*1}
- 7 Nút (Sấy Kính Chắn Gió)^{*1}
- 8 Nút **MẠT TỐI ĐA**^{*1}

9 Núm Điều Chỉnh CHẾ ĐỘ

- Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô
- Luồng khí từ khe thông gió sàn và khe thông gió bảng táp-lô
- Luồng khí từ khe thông gió sàn
- Luồng khí từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió

*1 : Hình vẽ mô phỏng loại vô lăng bên phải. Đối với loại vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại vô lăng bên phải.

Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Nếu ấn nút bất kỳ khi đang sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động, chức năng của nút được ấn sẽ được ưu tiên.

Đèn báo **AUTO** sẽ tắt, nhưng những chức năng không liên quan đến nút mà bạn đã ấn sẽ vẫn được điều khiển tự động.

Để ngăn không khí lạnh bên ngoài tràn vào bên trong xe, quạt sẽ không khởi động ngay lập tức khi bạn ấn nút **AUTO**.

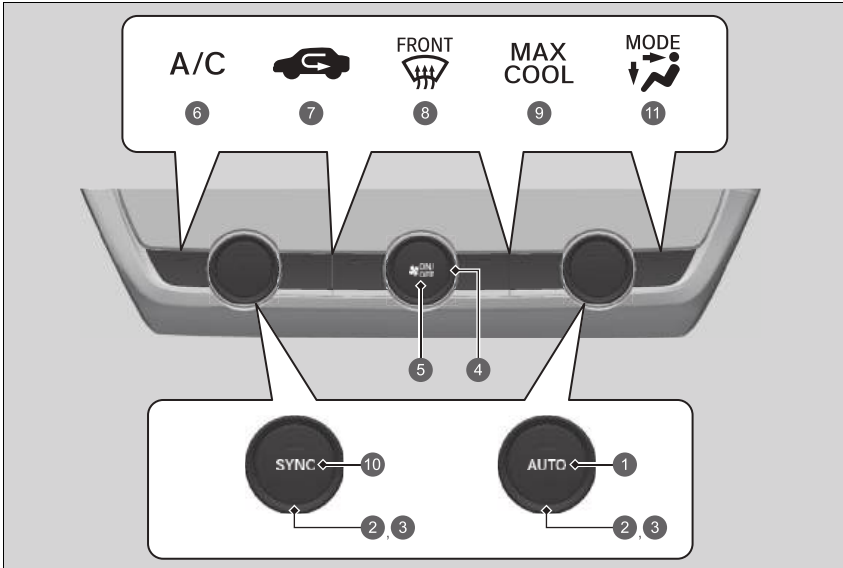
Loại xe không có nút mát tối đa

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, chuyển hệ thống sang chế độ tự động và đặt nhiệt độ ở mức thấp. Chuyển chế độ lấy gió ngoài sang chế độ lấy gió trong cho đến khi nhiệt độ mát trở lại.

Loại xe có chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Ở chế độ tự động dừng động cơ tạm thời, điều hòa không khí sẽ tắt và chỉ có quạt gió vẫn hoạt động. Nếu bạn không muốn tắt điều hòa không khí, ấn nút **TẮT** chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời để hủy.

Loại xe có nút SYNC



Vì các nút và bố cục khác nhau tùy theo từng loại xe, nên các nút được sử dụng trong sách hướng dẫn này có thể khác với xe của bạn.

► Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Loại xe có nút mát tối đa

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, ấn nút **MAX COOL** (đèn báo sáng* hoặc màn hình hiển thị **MAX COOL***).

Tất cả các loại xe

Khi bạn đặt nhiệt độ ở mức thấp hoặc cao, **Lo** hoặc **Hi*** sẽ hiển thị.

Ấn nút **ON/OFF** để bật và tắt hệ thống điều khiển nhiệt độ. Khi bật, hệ thống sẽ trở lại lựa chọn gần nhất.

Khi ở chế độ ECON, hiệu suất làm mát của hệ thống điều khiển nhiệt độ sẽ bị giảm.

① Nút **TỰ ĐỘNG**

② Nút Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Người Lái

③ Nút Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Hành Khách

④ Nút Điều Khiển Quạt

⑤ Nút **BẬT/TẮT**

⑥ Nút **A/C** (Điều Hòa Không Khí)

⑦ Nút  (Lấy Gió Trong)

⑧ Nút  (Sấy Kính Chắn Gió)

⑨ Nút **MÁT TỐI ĐA***

⑩ Nút **SYNC** (Đồng bộ)

⑪ Nút Điều Chỉnh **CHẾ ĐỘ**

-  Luồng khí từ khe thông gió bảng táp-lô
-  Luồng khí từ khe thông gió sàn và khe thông gió bảng táp-lô
-  Luồng khí từ khe thông gió sàn
-  Luồng khí từ khe thông gió sàn và sấy kính chắn gió

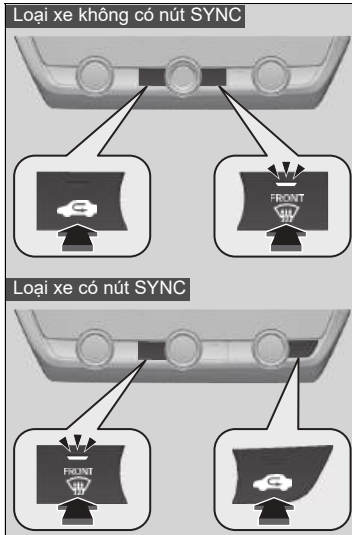
■ **Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và lấy gió ngoài**

Ấn nút  (lấy gió trong) và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.

Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

■ Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính



Loại xe Australia và Fiji

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Ấn nút  để bật hệ thống điều hoà không khí và chuyển tự động hệ thống sang chế độ lấy gió ngoài.

Ấn nút  thêm một lần nữa để tắt, hệ thống sẽ trở về chế độ cài đặt trước đó.

Loại xe ở các quốc gia khác

1. Ấn nút  để bật hệ thống điều hoà không khí.
2. Ấn nút  (đèn báo tắt) để chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.
3. Ấn nút  để tắt, hệ thống sẽ trở về chế độ cài đặt trước đó.

►► Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính

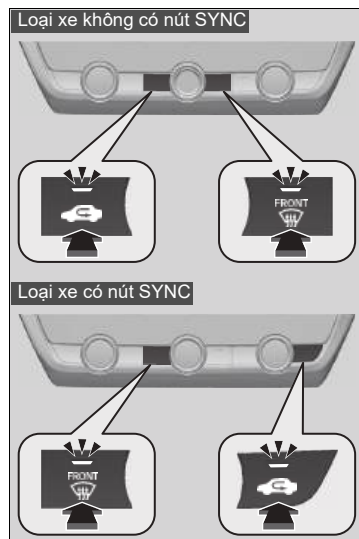
Vì sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái xe.

Không đặt nhiệt độ ở gần mức cao hoặc thấp nhất. Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

Loại xe có chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Nếu bạn ấn nút  khi ở chế độ Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, động cơ sẽ tự động khởi động.

■ Để làm tan sương các cửa kính nhanh

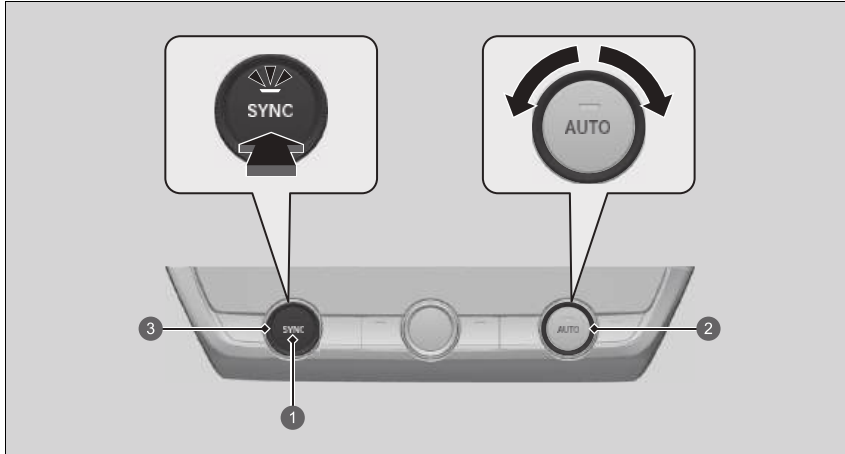


1. Ấn nút .
2. Ấn nút  (đèn báo bật).

►► Để làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương các cửa kính, hệ thống sẽ chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm, dẫn đến làm giảm tầm nhìn.

■ Chế Độ Đồng Bộ*



- ❶ Nút **SYNC**
- ❷ Nút Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Người Lái
- ❸ Nút Điều Chỉnh Nhiệt Độ Phía Hành Khách

Bạn có thể cài đặt đồng thời nhiệt độ phía người lái và phía hành khách ở chế độ đồng bộ.

1. Ấn nút **SYNC**.
► Hệ thống chuyển sang chế độ đồng bộ.
2. Điều chỉnh nhiệt độ bằng nút điều chỉnh nhiệt độ phía người lái.

Ấn nút **SYNC** để trở lại chế độ điều hòa hai vùng.

►► Chế Độ Đồng Bộ*

Khi ấn nút , hệ thống sẽ chuyển sang chế độ đồng bộ.

Khi hệ thống ở chế độ đồng bộ, không thể cài đặt riêng nhiệt độ phía người lái và nhiệt độ phía hành khách.

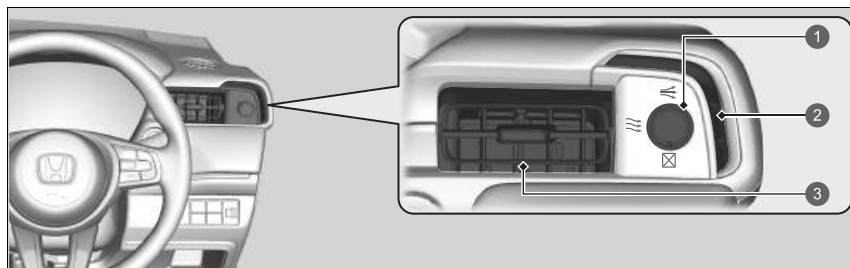
■ Chọn Cửa Thoát Khí Mong Muốn

Bạn có thể chọn cửa thoát khí mong muốn bằng cách xoay núm đến vị trí tương ứng.

 chọn cửa thoát khí ②.

 chọn cửa thoát khí ③.

 chặn cả ② và ③.

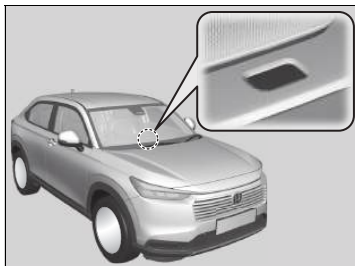


① Núm

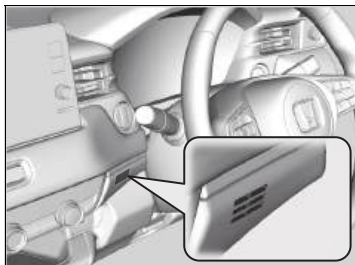
② Cửa thoát khí

③ Cửa thoát khí

Cảm Biến Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động



Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm đổ chất lỏng vào cảm biến này.



Tính Năng

Chương này mô tả cách vận hành các tính năng công nghệ.

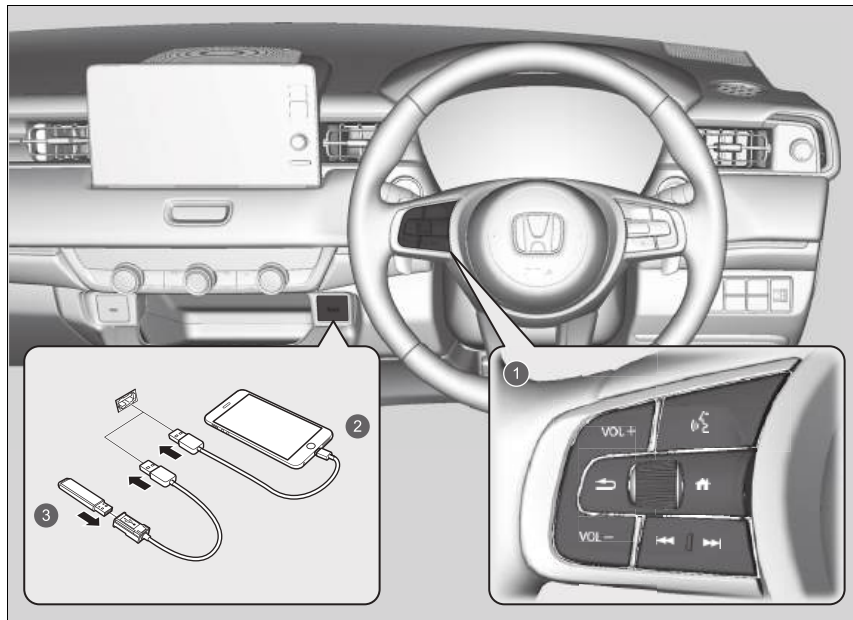


Hệ Thống Âm Thanh	290
Màn Hình Giải Trí*	292
Thông Báo Lỗi Âm Thanh*	379
Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh*	380
Nhắc Nhiên Liệu*	390

Về Hệ Thống Âm Thanh Của Xe*

Hệ thống âm thanh có tính năng đài FM/AM và đài Phát Thanh Kỹ Thuật Số (DAB)*. Hệ thống này có thể phát nhạc lưu trong USB, iPod, iPhone, các thiết bị *Bluetooth*® và điện thoại thông minh.

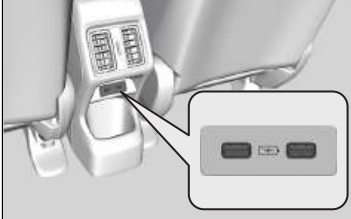
Bạn có thể vận hành hệ thống âm thanh bằng các nút và các núm trên bảng điều khiển, điều khiển từ xa trên vô lăng, hoặc các biểu tượng trên màn hình cảm ứng.



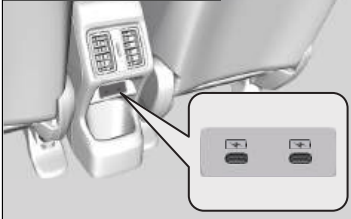
- ① Điều Khiển Từ Xa
- ② iPod
- ③ USB

Cổng USB*

Ở phía sau hộp đựng đồ trung tâm (2,5A)



Ở phía sau hộp đựng đồ trung tâm (3,0A)



■ Cổng sạc điện USB (🔌)

Cổng USB (2,5A/ 3,0A) chỉ dùng để sạc thiết bị.

- Bạn không thể phát nhạc ngay cả khi đã nối máy phát nhạc với các cổng đó.

►► Cổng USB*

- Không để iPod hoặc USB trong xe. Ánh nắng mặt trời trực tiếp và nhiệt độ cao có thể làm hỏng thiết bị.
- Nên sử dụng cáp USB khi bạn cắm USB vào cổng USB.
- Không kết nối iPod hoặc USB bằng bộ chia USB.
- Không sử dụng thiết bị như đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các file.
- Nên lưu dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

Sạc điện bằng cổng USB

Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 2,5A/ 3,0A. Cổng này không cấp nguồn điện đầu ra 2,5A/ 3,0A nếu thiết bị không yêu cầu.

Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần sạc điện.

Ở một số điều kiện nhất định, thiết bị được cắm vào cổng cũng có thể gây nhiễu khi bạn nghe radio.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

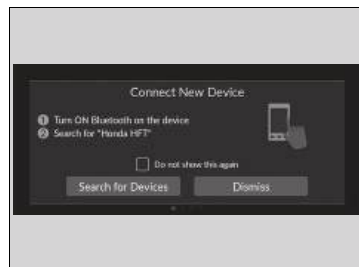
Khởi Động

Màn Hình Giải Trí sẽ tự động khởi động khi bạn đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT. Khi khởi động, màn hình sẽ xuất hiện thông báo về trách nhiệm của người dùng khi sử dụng xe.



Chọn **OK**.

- ▶ Nếu không chọn **OK**, hệ thống sẽ tự động chuyển về màn hình chính sau một khoảng thời gian nhất định.
- ▶ Nếu chưa thiết bị nào được đăng ký, chọn **OK** và màn hình ghép đôi *Bluetooth®* sẽ xuất hiện.



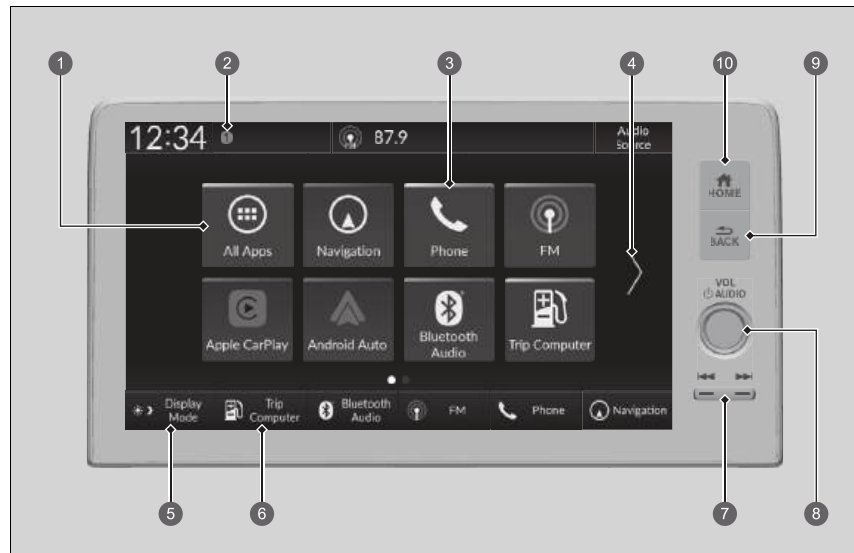
■ Để ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
2. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.
 - ▶ Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ Màn Hình Giải Trí, chọn **Search for Devices**, sau đó chọn điện thoại của bạn khi điện thoại xuất hiện trong danh sách trên màn hình.
 - ▶ Nếu bạn chọn **Do not show this again**, màn hình này sẽ không xuất hiện.

Vận Hành Cơ Bản

■ Chức Năng Hệ Thống Âm Thanh

Để sử dụng chức năng hệ thống âm thanh, chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



- | | |
|---|---|
| 1 Tất Cả Các Ứng Dụng | 6 Biểu Tượng Công Tắc Chuyển Chế Độ |
| 2 Biểu Tượng Trạng Thái | 7 Nút (Tìm Kiếm/Bỏ Qua) |
| 3 Biểu Tượng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh | 8 Nút VOL/ AUDIO (Âm lượng/Nguồn) |
| 4 Mũi Tên | 9 Nút (Quay Lại) |
| 5 Biểu Tượng Chế Độ Hiển Thị | 10 Nút (Màn Hình Chính) |

 **Tất Cả Các Ứng Dụng:** Hiển thị tất cả các ứng dụng.

Biểu Tượng Trạng Thái: Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề.

Biểu Tượng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh: Hiển thị các biểu tượng truy cập ứng dụng nhanh.

Mũi Tên: Hiển thị các trang tiếp theo trên màn hình âm thanh/thông tin.

Biểu Tượng   Chế Độ Hiển Thị: Thay đổi độ sáng màn hình âm thanh/thông tin. Chọn  một lần và chọn  hoặc  để điều chỉnh.

Biểu Tượng Công Tắc Chuyển Chế Độ: Hiển thị các biểu tượng để thay đổi chế độ.

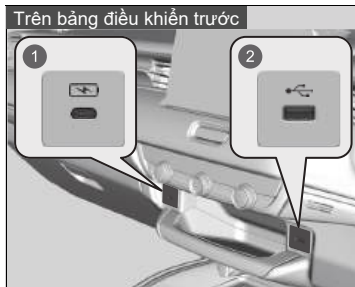
Nút  /  (Tìm Kiếm/Bỏ Qua): Ấn để chuyển kênh, bài hát hoặc file.

Núm **VOL/ ** **AUDIO (Âm lượng/Nguồn):** Bật và tắt hệ thống âm thanh và điều chỉnh âm lượng.

Nút  (QUAY LẠI): Ấn để quay trở lại màn hình trước đó.

Nút  (Màn Hình Chính): Ấn để chuyển sang màn hình chính.

■ Cổng USB



- 1 Chỉ để sạc thiết bị
- 2 Phát các file âm thanh và kết nối điện thoại tương thích

■ Sạc điện/cổng kết nối USB (🔌)

Sử dụng cổng USB (2,5A) để sạc điện cho các thiết bị, phát các file âm thanh và kết nối điện thoại tương thích với Apple CarPlay hoặc Android Auto.

- Để tránh xảy ra các sự cố, hãy sử dụng Đầu Nối Lightning được Apple MFi chứng nhận cho Apple CarPlay. Đối với Android Auto, cáp USB phải đạt tiêu chuẩn USB-IF để tương thích với USB 2.0.

■ Cổng sạc điện USB (🔌)

Cổng USB (3,0A) chỉ dùng để sạc thiết bị.

- Bạn không thể phát nhạc ngay cả khi bạn đã kết nối máy phát nhạc với các cổng đó.

▣ Cổng USB

- Không để iPod hoặc USB trong xe. Ánh nắng mặt trời trực tiếp và nhiệt độ cao có thể làm hỏng thiết bị.
- Nên sử dụng cáp USB khi bạn cắm USB vào cổng USB.
- Không kết nối iPod hoặc USB bằng bộ chia USB.
- Không sử dụng thiết bị như đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các file.
- Nên lưu dự phòng dữ liệu của bạn trước khi sử dụng thiết bị trên xe.
- Thông báo hiển thị có thể khác nhau tùy vào thiết bị hoặc phiên bản phần mềm.

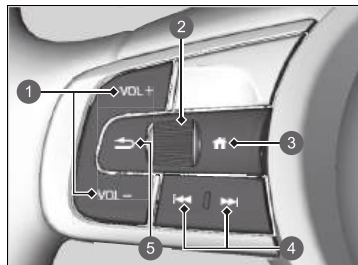
Sạc điện bằng cổng USB

Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 2,5A/3,0A. Cổng này không cấp nguồn điện đầu ra 2,5A/3,0A nếu thiết bị không yêu cầu.

Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần sạc điện.

Ở một số điều kiện nhất định, thiết bị được cắm vào cổng cũng có thể gây nhiễu khi bạn nghe radio.

■ Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa



- ① Nút **VOL +** / **VOL -** (Âm Lượng)
- ② Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ③ Nút (Màn Hình Chính)
- ④ Nút / (Tìm Kiếm/Bỏ Qua)
- ⑤ Nút (Quay Lại)

Nút VOL / VOL (Âm Lượng)

Ấn VOL : Để tăng âm lượng.

Ấn VOL : Để giảm âm lượng.

Vòng Lựa Chọn Bên Trái

- Khi chọn chế độ âm thanh

Ấn nút (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn (âm thanh) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

►► Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa

Một số chế độ chỉ xuất hiện khi sử dụng thiết bị hoặc phương tiện phù hợp.

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth®* mà bạn kết nối, một số chức năng có thể không có trong hệ thống âm thanh.

Ấn nút (quay lại) để màn hình giao diện thông tin cho người lái quay trở lại màn hình trước đó hoặc để hủy lệnh.

Ấn nút (màn hình chính) để trở lại màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Cuộn lên hoặc cuộn xuống:

Để chuyển chế độ âm thanh, cuộn lên hoặc cuộn xuống, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái:

FM/AM/DAB*/iPod/USB/Apple CarPlay/Android Auto/Âm Thanh *Bluetooth*®

► Tùy vào thiết bị được kết nối, các chế độ hiển thị có thể thay đổi.

Nút (Tìm kiếm/Bỏ qua)

- Khi nghe radio

Ấn : Để chọn kênh radio cài đặt sẵn tiếp theo.

Ấn : Để chọn kênh radio cài đặt sẵn trước đó.

Ấn và giữ : Để chọn kênh có tần số mạnh tiếp theo.

Ấn và giữ : Để chọn kênh có tần số mạnh trước đó.

- Khi nghe nhạc qua iPod, USB, Âm Thanh *Bluetooth*® hoặc Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

► Tùy vào thiết bị được kết nối, các thao tác có thể thay đổi.

Ấn : Để bỏ qua sang bài tiếp theo.

Ấn : Để trở lại bài hát trước đó.

- Khi nghe trên USB

Ấn và giữ : Để chuyển sang thư mục tiếp theo.

Ấn và giữ : Để trở lại thư mục trước đó.

- Khi nghe trên iPod:

Ấn và giữ : Để bỏ qua sang bài tiếp theo.

Ấn và giữ : Để trở lại bài hát trước đó.

Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

Hiển thị trạng thái âm thanh và đồng hồ. Từ màn hình này, bạn có thể chuyển sang các tùy chọn cài đặt khác nhau.



►► Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin

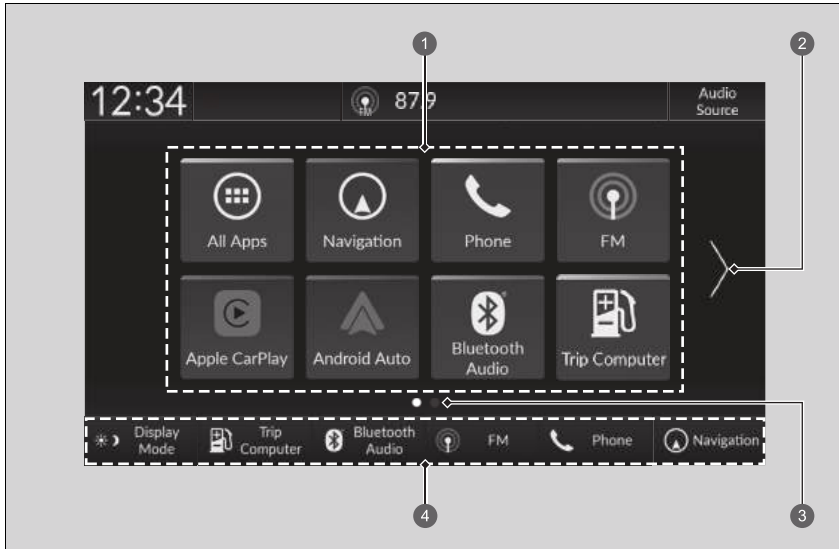
Thao Tác Trên Màn Hình Cảm Ứng

- Thực hiện các thao tác đơn giản bao gồm chạm, vuốt và cuộn để sử dụng một số chức năng của hệ thống âm thanh.
- Một số mục có thể chuyển sang màu xám để bạn tập trung hơn vào việc lái xe.
- Bạn có thể chọn các mục đó khi dừng xe.
- Đeo găng tay có thể hạn chế hoặc làm giảm độ nhạy của màn hình cảm ứng.

Bạn có thể thay đổi cài đặt độ nhạy màn hình cảm ứng.

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346

■ Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh



- ❶ Biểu Tượng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh
- ❷ Mũi Tên
- ❸ Chỉ Báo Trang
- ❹ Công Tắc Chuyển Chế Độ

■ Để chuyển sang màn hình tiếp theo

Chọn hoặc , hoặc vuốt màn hình sang trái hoặc phải để chuyển sang màn hình tiếp theo.

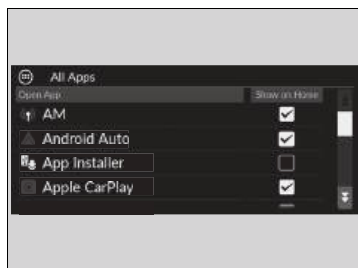
▣ Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh

Có thể để tối đa 6 trang trên màn hình chính.

Ấn nút  để quay trở lại trang đầu tiên của màn hình chính từ trang bất kỳ.

■ Thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Có thể thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính.



1. Ấn nút .
2. Chọn  **All Apps**.
3. Tích vào các ứng dụng muốn thêm.

►► Thêm các biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính

Các ứng dụng cài đặt sẵn có thể không khởi động bình thường. Nếu điều này xảy ra, bạn cần khởi động lại hệ thống. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, sau đó đặt sang BẬT. Sau đó, khởi động lại ứng dụng. Nếu bạn vẫn không thể khởi động ứng dụng, bạn cần thiết lập lại hệ thống.

➤ **Mặc Định Tất Cả các Cài Đặt Tr. 359**

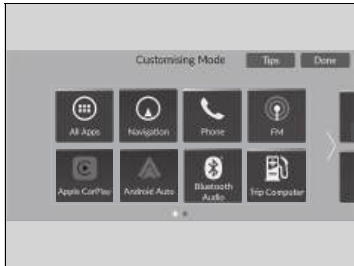
Nếu bạn thực hiện **Factory Data Reset** (Khôi Phục Dữ Liệu Gốc), tất cả các cài đặt sẽ quay về mặc định gốc.

➤ **Mặc Định Tất Cả các Cài Đặt Tr. 359**

Trong trường hợp các ứng dụng này vẫn không khởi động bình thường ngay cả khi đã thực hiện **Factory Data Reset**, hãy liên hệ với đại lý.

■ Để di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể thay đổi vị trí các biểu tượng trên màn hình chính.



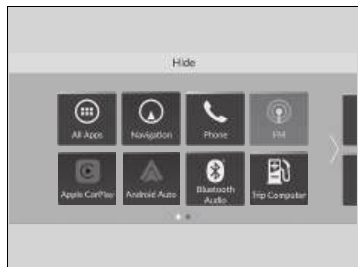
1. Ấn nút .
2. Chọn và giữ biểu tượng.
► Màn hình chuyển sang màn hình tùy chọn.
3. Kéo và thả biểu tượng đến vị trí mong muốn.
4. Chọn **Done**.
► Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

▣ Để di chuyển các biểu tượng trên màn hình chính

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

■ Để xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Bạn có thể xóa các biểu tượng trên màn hình chính.



1. Ấn nút .
2. Chọn và giữ biểu tượng.
 - Màn hình chuyển sang màn hình tùy chọn.
3. Kéo và thả biểu tượng muốn xóa vào vùng tiêu đề.
 - Biểu tượng sẽ bị xóa khỏi màn hình chính.
4. Chọn **Done**.
 - Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

►► Để xóa các biểu tượng trên màn hình chính

Ứng dụng sẽ không bị xóa bằng cách xóa biểu tượng trên màn hình chính.

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

■ Để tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Bạn có thể lưu sáu biểu tượng ở phía dưới cùng của màn hình chính.



1 Công Tắc Chuyển Chế Độ

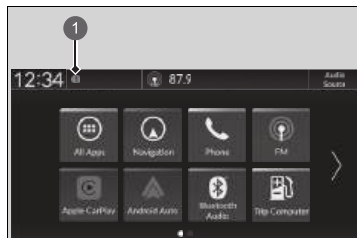
1. Ấn nút .
2. Chọn và giữ biểu tượng.
 - Màn hình chuyển sang màn hình tùy chọn.
3. Kéo và thả biểu tượng muốn lưu xuống phía dưới màn hình chính.
 - Biểu tượng được lưu ở khu vực công tắc chuyển chế độ.
4. Chọn **Done**.
 - Màn hình sẽ trở lại màn hình chính.

▣ Để tạo biểu tượng truy cập nhanh trên màn hình chính

Chọn **Tips** để hiển thị các gợi ý. Chọn thêm một lần nữa để ẩn các gợi ý.

■ Vùng Trạng Thái

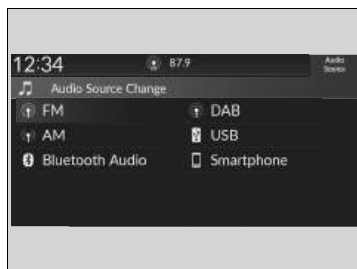
Hiển thị các chỉ báo thông tin về xe, điện thoại được kết nối, v.v. ở vùng tiêu đề. Bạn có thể xác nhận thông tin chi tiết bằng cách chọn các biểu tượng này.



1. Chọn biểu tượng trạng thái hệ thống.
► Vùng trạng thái xuất hiện.
2. Chọn một mục để xem chi tiết.
3. Ấn nút  hoặc chọn biểu tượng trạng thái hệ thống để đóng vùng trạng thái.

① Biểu Tượng Trạng Thái Hệ Thống

■ Chọn Nguồn Âm Thanh



Chọn **Audio Source** trên vùng tiêu đề, sau đó chọn một biểu tượng trong danh sách nguồn âm thanh để chuyển nguồn âm thanh.

■ Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay

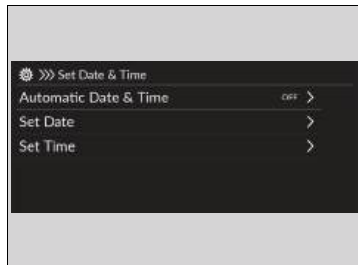
Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang chạy.

Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Cài Đặt Đồng Hồ

■ Điều Chỉnh Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và đặt hình nền của đồng hồ ở màn hình âm thanh/thông tin.



1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **Date & Time**.
5. Chọn **Set Date & Time**.
6. Chọn **Automatic Date & Time**, sau đó chọn **OFF**.

Để điều chỉnh ngày:

7. Chọn **Set Date**.
8. Chọn /.
9. Chọn **Save** để cài đặt ngày.

Để điều chỉnh thời gian:

7. Chọn **Set Time**.
8. Chọn /.
9. Chọn **Save** để cài đặt thời gian.

►► Điều Chỉnh Đồng Hồ

Đồng hồ được cập nhật tự động thông qua hệ thống âm thanh.

Bạn cũng có thể điều chỉnh đồng hồ bằng cách chạm vào biểu tượng đồng hồ hiển thị trên vùng tiêu đề của màn hình âm thanh/thông tin, **Clock** sẽ hiển thị trên màn hình chính, hoặc  **All App**.

1. Chạm vào biểu tượng đồng hồ trên màn hình.

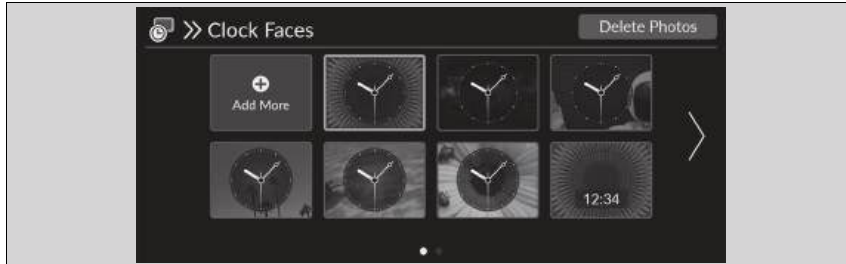
Màn hình đồng hồ loại mặt tròn xuất hiện.

2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Date & Time**.
4. Chọn **Set Date & Time**.
5. Chọn **Automatic Date & Time**, sau đó chọn **OFF**.
6. Chọn **Set Date** hoặc **Set Time**.
7. Điều chỉnh ngày, giờ và phút bằng cách chọn /.
8. Chọn **Save** để cài đặt thời gian.

Bạn có thể tùy chọn màn hình hiển thị đồng hồ.

 **Hệ Thống Tr. 347**

■ Cài Đặt Hình Nền Đồng Hồ



■ Lưu hình nền đồng hồ

1. Cắm USB vào cổng USB.

▶ Cổng USB Tr. 295

2. Ấn nút .

3. Chọn **Clock**.

▶ Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.

4. Chọn **Settings**.

5. Chọn **Clock Faces**.

6. Chọn **Add More**.

▶ Hình ảnh được lưu trong USB sẽ hiển thị trong danh sách.

7. Chọn hình ảnh muốn lưu.

▶ Có thể chọn nhiều hình ảnh cùng một lúc.

8. Chọn **OK**.

▶ Hình ảnh được chọn sẽ hiển thị.

9. Chọn **Transfer**.

▶ Trở về màn hình cài đặt hình nền đồng hồ.

▶▶ Cài Đặt Hình Nền Đồng Hồ

- Khi lưu file hình nền, hình ảnh phải nằm trong thư mục gốc của USB.
Không thể lưu ảnh nằm trong một thư mục.
- Tên file phải nhỏ hơn 64 byte.
- Có thể lưu file hình ảnh có định dạng là BMP (bmp) hoặc JPEG (jpg).
- Dung lượng mỗi file phải dưới 10 MB.
- Nếu trong USB không có hình ảnh nào, thông báo sẽ xuất hiện.
- Có thể lưu được 11 hình ảnh.
- Kích thước tối đa của hình ảnh là 4.096 x 2.304 pixels. Nếu kích thước hình ảnh nhỏ hơn 1.280 x 720 pixels, hình ảnh sẽ được hiển thị ở giữa màn hình xung quanh là màu đen.

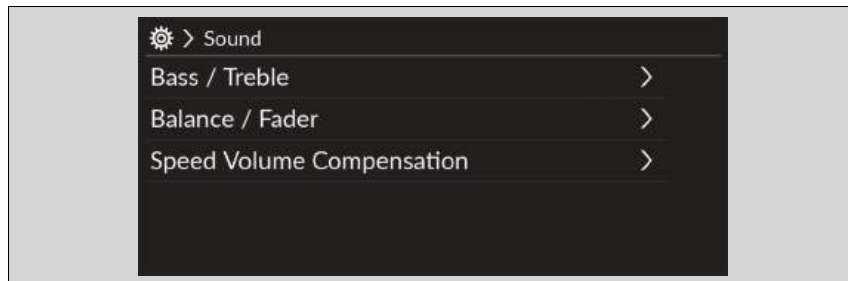
■ Chọn hình nền đồng hồ

1. Ấn nút .
2. Chọn **Clock**.
 - Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Clock Faces**.
5. Chọn hình ảnh muốn cài đặt.
 - Bản xem trước được hiển thị trên màn hình.
6. Chọn **Save**.
 - Màn hình đồng hồ hiển thị hình nền đã cài đặt.

■ Xóa hình nền đồng hồ

1. Ấn nút .
2. Chọn **Clock**.
 - Nếu **Clock** không hiển thị trên màn hình chính, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Clock Faces**.
5. Chọn **Delete Photos**.
6. Chọn hình ảnh muốn xóa.
 - Có thể chọn nhiều hình ảnh cùng một lúc.
7. Chọn **OK**.
 - Hình ảnh được chọn sẽ hiển thị.
8. Chọn **Delete**.
 - Trở về màn hình cài đặt hình nền đồng hồ.

Điều Chỉnh Âm Thanh



1. Chọn nguồn âm thanh.
2. Chọn **Sound**.
3. Chọn cài đặt mong muốn.

Chọn một mục trong các lựa chọn sau:

- **Bass / Treble:** Bổng, Trung, Trầm
- **Balance / Fader:** Cân Bằng, Giảm Âm
- **Speed Volume Compensation:** Cài đặt mức tăng âm lượng.

⌘ Điều Chỉnh Âm Thanh

Chức năng **Speed Volume Compensation (SVC)** (Bù Âm Thanh Theo Tốc Độ) điều chỉnh âm lượng theo tốc độ xe. Âm lượng tăng khi xe chạy nhanh hơn. Âm lượng giảm khi xe chạy chậm lại.

Bạn cũng có thể điều chỉnh âm thanh theo các bước sau.

1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Sound**.

Để thiết lập lại từng cài đặt cho **Bass / Treble**, **Balance / Fader** và **Speed Volume Compensation**, chọn **Default** trên mỗi màn hình cài đặt.

Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể cài đặt độ sáng màn hình.

■ Chuyển Chế Độ Hiển Thị Bằng Tay



Chọn (Chế Độ Hiển Thị).

- Thanh chia độ sáng hiển thị trong vài giây.
- Chọn hoặc để điều chỉnh độ sáng.
- Chọn **Display OFF** để tắt màn hình. Để bật màn hình, ấn nút hoặc .
- Chọn để chuyển từ chế độ Ban Ngày sang chế độ Ban Đêm và ngược lại.

►► Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng màn hình bằng cách vuốt hoặc chạm vào thanh chia độ sáng.

Bạn cũng có thể thay đổi độ sáng màn hình theo các bước sau.

1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Display**.
4. Chọn cài đặt mong muốn.

Để thiết lập lại cài đặt, chọn **Default**.



Cập Nhật Hệ Thống

Có thể cập nhật phần mềm của hệ thống âm thanh bằng kết nối Wi-Fi hoặc USB.

Loại xe có TCU

Cũng có thể cập nhật phần mềm của hệ thống âm thanh bằng bộ điều khiển viễn thông (TCU) qua dịch vụ trả gói cước.

Cách Cập Nhật

Khi có bản cập nhật hệ thống âm thanh, thông báo sẽ hiển thị trên vùng trạng thái. Thực hiện các bước sau để cập nhật hệ thống.

1. Ấn nút .

2. Chọn **System Updates**.

- ▶ Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình, chọn  **All Apps**.
- ▶ Hệ thống sẽ kiểm tra các bản cập nhật.
- ▶ Nếu biểu tượng cập nhật xuất hiện trên màn hình chính, hãy chọn biểu tượng trạng thái.

 **Vùng Trạng Thái** Tr. 304

3. Chọn **Download**.

- ▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cần yêu cầu người dùng chấp nhận tải xuống.

4. Chọn **Install Now** hoặc **Install While Vehicle Off**.

- ▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

» Cách Cập Nhật

Bạn có thể cập nhật hệ thống qua Wi-Fi, nhưng không thể sử dụng cổng cố định có yêu cầu đăng nhập hoặc yêu cầu đồng ý các điều khoản sử dụng trên trình duyệt.

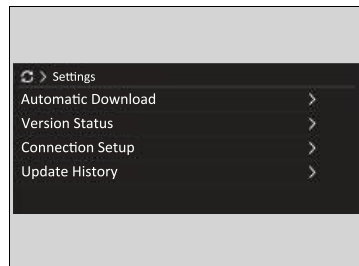
Quá trình tải xuống sẽ bị dừng nếu:

- Kết nối Wi-Fi bị ngắt.
- Động cơ dừng do ắc quy yếu điện.

Quá trình tải xuống sẽ tiếp tục chạy sau khi kết nối Wi-Fi.

Để bảo vệ ắc quy 12 vôn, không chọn **Install While Vehicle Off** (Cài Đặt Trong Khi Tắt Máy) khi ắc quy yếu điện. Nếu bạn muốn cài đặt dữ liệu cập nhật, hãy nạp điện ắc quy hoặc chọn **Install Now** (Cài Đặt Ngay).

■ Cài Đặt Cập Nhật Hệ Thống



Có thể thiết lập các cài đặt sau.

- **Automatic Download (Tải Xuống Tự Động)**
- **Version Status (Trạng Thái Phiên Bản)**
- **Connection Setup (Cài Đặt Kết Nối)**
- **Update History (Lịch Sử Cập Nhật)**

■ Cài đặt tải xuống tự động

Thực hiện các bước sau để chuyển sang cài đặt tải xuống tự động.

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
 - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Automatic Download**.
5. Chọn điểm truy cập, sau đó chọn **Enable**.
 - Nếu bạn không muốn cập nhật hệ thống tự động, chọn **Disable**.

■ Xem phiên bản và trạng thái cập nhật

Thực hiện các bước sau để xác nhận phiên bản và trạng thái cập nhật.

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
 - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Version Status**.

■ Cài đặt kết nối

Thực hiện các bước sau để kết nối Internet qua mạng Wi-Fi.

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
 - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Connection Setup**.
5. Chọn **OK**.
6. Chọn một điểm truy cập từ danh sách mạng.
 - Để kết nối với một điểm phát sóng không tự động được phát hiện, chọn **Options** rồi chọn **Add Network**.
7. Nhập mật khẩu.
 - Nếu bạn chọn hộp **Use this network to automatically download system updates**, bạn có thể cài đặt sử dụng mạng để cập nhật hệ thống.
8. Chọn **Connect**.

■ Xem lịch sử cập nhật

Thực hiện các bước sau để xác nhận lịch sử cập nhật.

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
 - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Update History**.

■ Cách Cập Nhật bằng Mạng Không Dây

■ Thiết lập chế độ kết nối không dây

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
 - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Settings**.
4. Chọn **Connection Setup**.
5. Chọn **OK**.
6. Chọn một điểm truy cập từ danh sách mạng.
 - Để kết nối với một điểm phát sóng không tự động được phát hiện, chọn **Options** rồi chọn **Add Network**.
7. Nhập mật khẩu.
 - Nếu bạn chọn hộp **Use this network to automatically download system updates**, bạn có thể cài đặt sử dụng mạng để cập nhật hệ thống.
8. Chọn **Connect**.

■ Cách cập nhật

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
 - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **via Wireless**.
4. Chọn **Download**.
 - Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cần yêu cầu người dùng chấp nhận tải xuống.
5. Chọn **Install Now** hoặc **Install While Vehicle Off**.
 - Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

■ Cách Cập Nhật bằng USB

■ Tải xuống các file cập nhật từ máy chủ

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
 - Nếu **System Updates** không hiển thị trên màn hình, chọn  **All Apps**.
3. Chọn **Other Methods**.
4. Chọn **Via USB**.
 - Thông báo xuất hiện trên màn hình.
5. Cắm USB vào cổng USB.
 - Dữ liệu được sao chép vào USB.
 - **Cổng USB** Tr. 295
6. Rút USB ra khỏi cổng USB.
7. Cắm USB vào máy tính, sau đó tải xuống các file cập nhật.
 - Nhấp vào liên kết để tải xuống các file cập nhật phần mềm. Tham khảo <https://usb.honda.com> để xem thêm về các hướng dẫn.

■ Cập nhật hệ thống âm thanh

1. Ấn nút .
2. Chọn **System Updates**.
3. Chọn **Other Methods**.
4. Chọn **Via USB**.
 - Thông báo xuất hiện trên màn hình.
5. Cắm USB chứa các file cập nhật vào cổng USB.
 - Thông báo xuất hiện trên màn hình.
 - **Cổng USB** Tr. 295
6. Chọn **Install Now**.
 - Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu cập nhật thành công.

■ Cách Cập Nhật bằng USB

Nên sử dụng USB có dung lượng trống tối thiểu 8 GB trở lên.

Đảm bảo xóa tất cả các thư mục hoặc các file cập nhật trước đó ra khỏi USB trước khi bắt đầu quá trình cập nhật bằng USB.

Bật Đài FM/AM



- ① Biểu Tượng Cài Đặt
- ② Biểu Tượng Âm Thanh
- ③ Biểu Tượng Cài Đặt Sẵn
- ④ Biểu Tượng Danh Sách Kênh
- ⑤ Biểu Tượng Quét
- ⑥ Biểu Tượng Dò Kênh
- ⑦ Biểu Tượng Tìm Kiếm

■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Dò tần số đài cho bộ nhớ cài đặt sẵn.

Để lưu kênh:

1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó.
► Việc chọn **Press & Hold** có thể thiết lập một kênh cài đặt sẵn mới.

■ Danh Sách Kênh

Liệt kê các kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn.

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn kênh.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn **Refresh**.

■ Scan (Quét)

Nghe thử từng kênh có tín hiệu mạnh nhất trong dải tần số đã chọn trong 10 giây.

Chọn **Scan** để bắt đầu quét, và chọn **Stop** hoặc ấn nút  để tắt.

■ Tìm Kiếm

Chọn  hoặc  để dò lên hoặc dò xuống các dải tần số đã chọn để tìm kênh có tín hiệu mạnh.

■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Đèn báo **ST** sáng trên màn hình hiển thị cho thấy đang phát đài FM âm thanh nổi.

Chuyển đổi Chế Độ Âm Thanh

Cuộn vòng lựa chọn bên trái hoặc chọn **Audio**

Source trên màn hình.

 **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa** Tr. 296

Bạn có thể lưu 12 kênh AM/FM vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

■ Âm Thanh

Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

► **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 309

■ Màn Hình Dò Tần Số Radio Bằng Tay

Cho phép sử dụng bàn phím trên màn hình để nhập trực tiếp tần số radio.



① Bàn Phím Trên Màn Hình

1. Chọn **Tune**.
2. Nhập tần số radio mong muốn bằng bàn phím trên màn hình.
3. Chọn **Enter** để dò đến tần số đó.

►► Màn Hình Dò Tần Số Radio Bằng Tay

Biểu tượng ◀▶:

Chọn ◀ hoặc ▶ để dò tần số radio.

■ Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*

Cung cấp thông tin dữ liệu văn bản liên quan đến kênh FM có RDS đã chọn.

■ Để tìm kênh RDS từ Danh Sách Kênh

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách trong khi nghe kênh FM.
2. Chọn kênh.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách các kênh có sẵn vào bất cứ lúc nào.

1. Chọn **Station List** để hiển thị danh sách trong khi nghe kênh FM.
2. Chọn **Refresh**.

■ Bản tin giao thông (TA)

Chức năng chờ TA cho phép hệ thống chờ các bản tin giao thông ở bất kỳ chế độ nào khi chức năng đang bật. Kênh được chỉnh gần đây nhất phải là kênh chương trình giao thông có RDS.

Để bật chức năng: Chọn **TA**. Khi bản tin giao thông bắt đầu phát, màn hình thông tin sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin. Hệ thống sẽ trở lại chế độ được chọn gần đây nhất sau khi kết thúc bản tin giao thông.

- ▶ Nếu bạn muốn trở lại chế độ đã chọn gần đây nhất trong khi đang có bản tin giao thông, chọn **Stop**.

Để tắt chức năng: Chọn **TA** thêm một lần nữa.

▣ Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)*

Khi bạn chọn kênh FM có RDS, RDS sẽ tự động bật và màn hình hiển thị tần số sẽ chuyển sang hiển thị tên kênh. Tuy nhiên, khi các tín hiệu của kênh yếu, màn hình hiển thị sẽ chuyển từ hiển thị tên kênh sang hiển thị tần số.

▣ Bản tin giao thông (TA)

Đèn báo **TA** sáng trên vùng tiêu đề trong khi chức năng chờ TA đang bật.

Nếu bạn chọn **Scan** trong khi chức năng chờ TA đang bật, hệ thống sẽ chỉ tìm kiếm kênh TP.

Chọn **TA** trong khi bản tin giao thông đang phát sẽ không làm tắt chức năng chờ TA.

■ Cài Đặt*

Thay đổi các cài đặt RDS.

1. Chọn **Settings**.

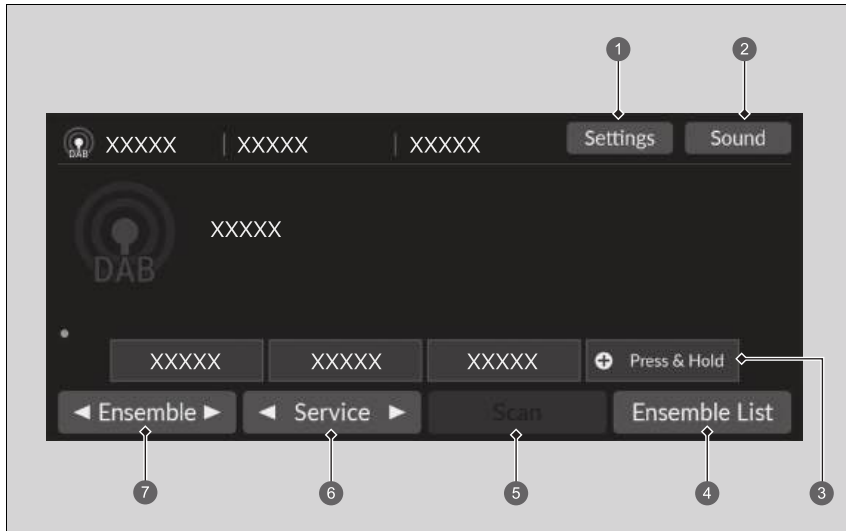
2. Chọn một tùy chọn.

- **TA-Information:** Bật và tắt thông tin giao thông. (**BẬT/TẮT**^{*1})
- **AF:** Bật và tắt để thay đổi tự động tần số của chương trình tương tự khi bạn đi vào vùng khác. (**BẬT/TẮT**^{*1})
- **REG:** Bật và tắt để giữ kênh tương tự trong vùng ngay cả khi tín hiệu yếu. (**BẬT**^{*1}/**TẮT**)
- **NEWS:** Bật và tắt để dò tự động chương trình thời sự. (**BẬT/TẮT**^{*1})

*1: Cài đặt Mặc định

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Bật DAB (Phát Thanh Kỹ Thuật Số)*



- ① Biểu Tượng Thiết lập
- ② Biểu Tượng Âm Thanh
- ③ Biểu Tượng Cài Đặt Sẵn
- ④ Biểu Tượng Danh Sách Chương Trình Phát Sóng
- ⑤ Biểu Tượng Quét
- ⑥ Biểu Tượng Kênh
- ⑦ Biểu Tượng Chương Trình Phát Sóng

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Dò tần số cài đặt sẵn.

Để lưu kênh:

1. Dò đến kênh đã chọn.
2. Chọn và giữ biểu tượng cài đặt sẵn để lưu kênh đó.
 - Việc chọn **Press & Hold** có thể thiết lập một kênh cài đặt sẵn mới.

■ Danh Sách Chương Trình Phát Sóng

Danh sách chương trình phát sóng trên kênh đã chọn.

1. Chọn **Ensemble List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn chương trình phát sóng.

■ Cập nhật bằng tay

Cập nhật danh sách chương trình phát sóng có sẵn vào bất cứ lúc nào.

1. Chọn **Ensemble List** để hiển thị danh sách.
2. Chọn **Refresh**.

■ Chương Trình Phát Sóng

Dò chương trình phát sóng.

1. Chọn ◀ hoặc ▶ để dò chương trình phát sóng.
2. Chọn và giữ ◀ hoặc ▶ để tìm kiếm kênh đã chọn cho đến khi tìm thấy chương trình phát sóng.

■ Kênh

Dò kênh.

Để dò, chọn ◀ hoặc ▶.

►► Bộ Nhớ Cài Đặt Sẵn

Chuyển đổi Chế Độ Âm Thanh

Cuộn vòng lựa chọn bên trái hoặc chọn **Audio Source** trên màn hình.

► **Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa** Tr. 296

Bạn có thể lưu 12 kênh DAB vào bộ nhớ cài đặt sẵn.

■ Quét

Nghe thử từng kênh hoặc chương trình phát sóng trên kênh đã chọn trong 10 giây.

Chọn **Scan** để bắt đầu quét, chọn **Cancel** hoặc ấn nút  để tắt.

■ Âm Thanh

Điều chỉnh các cài đặt âm thanh.

 **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 309

■ Settings (Thiết lập)

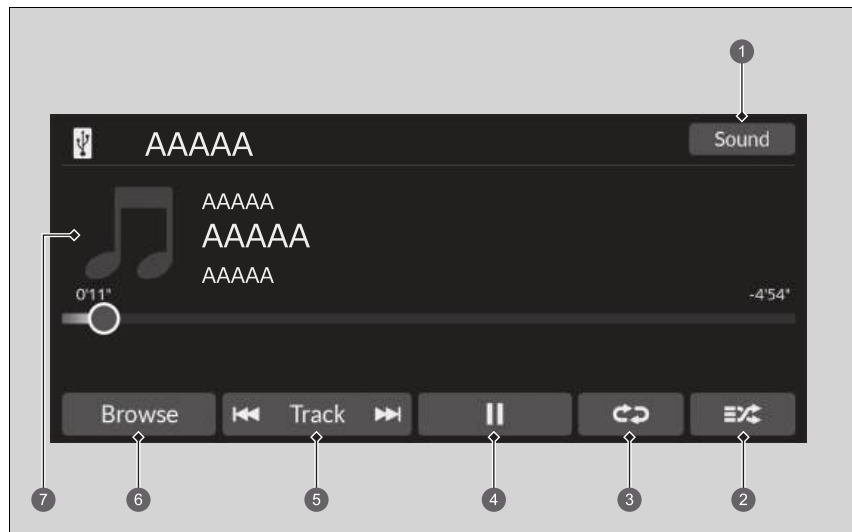
Thay đổi các cài đặt DAB.

1. Chọn **Settings**.
2. Chọn tùy chọn bạn muốn thay đổi.

Phát Trên iPod

Kết nối iPod với cổng USB qua đầu nối USB, sau đó chọn chế độ USB.

► **Cổng USB** Tr. 295



- ① Biểu Tượng Âm Thanh
- ② Biểu Tượng Trộn Bài
- ③ Biểu Tượng Lặp Lại
- ④ Biểu tượng Phát/Tạm Dừng

- ⑤ Biểu Tượng Vệt Bánh Xe
- ⑥ Biểu Tượng Tìm Kiếm
- ⑦ Bìa Album

►► Phát Trên iPod

Các chức năng vận hành khác nhau tùy loại xe hoặc phiên bản. Một số chức năng của hệ thống âm thanh có thể không có ở xe này.

Nếu xảy ra sự cố, thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.

► **iPod/USB** Tr. 379

Nếu bạn chạy ứng dụng phát nhạc trên iPhone/iPod của bạn khi điện thoại đã được kết nối với hệ thống âm thanh, bạn không thể chạy được ứng dụng đó trên màn hình âm thanh/thông tin. Hãy kết nối lại thiết bị nếu cần thiết.

Nếu điện thoại thông minh được kết nối qua ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, nguồn iPod/USB sẽ không có sẵn và các file âm thanh trên điện thoại chỉ có thể được phát trên ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto.

■ Cách Chọn Bài từ Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc

Bạn có thể chọn để hiển thị màn hình danh sách tìm kiếm nhạc.

1. Chọn **Browse**.
2. Chọn danh mục tìm kiếm.
3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy bài hát mình muốn.

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát bài hát.

■ Trộn Bài/Lặp Lại

Liên tục chọn biểu tượng trộn bài hoặc lặp lại cho đến khi chọn được chế độ mong muốn.

Trộn Bài

 (tắt trộn bài): Tắt chế độ trộn bài.

 (trộn tất cả các bài hát): Phát tất cả các bài trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp Lại

 (tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp.

 (lặp lại một bài): Lặp lại bài đang phát.

 (lặp lại tất cả): Lặp lại tất cả các bài.

■ Tạm dừng hoặc tiếp tục phát nhạc

Chọn biểu tượng phát/tạm dừng.

■ Cách Chuyển Bài

Bạn có thể chọn  hoặc  để chuyển bài. Chọn và giữ để tua nhanh bài hát.

■ Âm Thanh

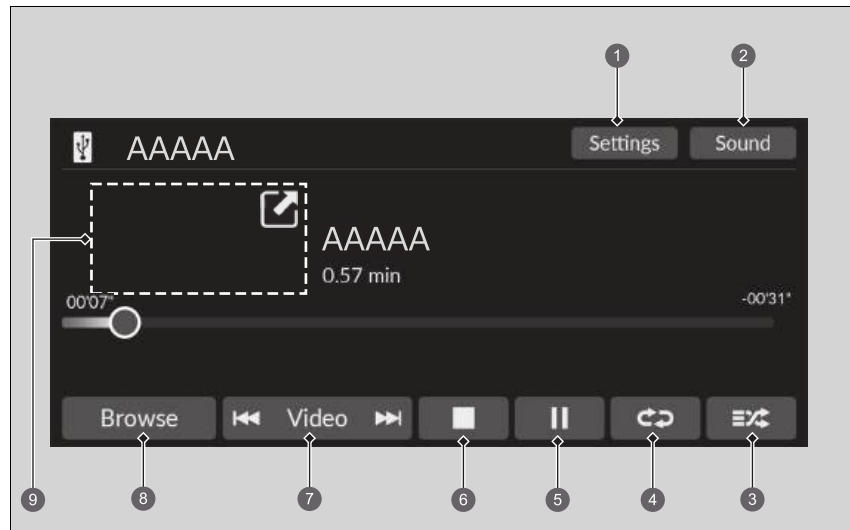
Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

➡ **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 309

Phát Trên USB

Hệ thống âm thanh của xe đọc và phát các file âm thanh và video lưu trong USB. Cắm USB vào cổng USB, sau đó chọn chế độ USB.

🔌 **Cổng USB** Tr. 295



- | | |
|----------------------------|----------------------------------|
| ① Biểu Tượng Cài Đặt* | ⑥ Biểu Tượng Dừng* |
| ② Biểu Tượng Âm Thanh | ⑦ Biểu Tượng Bài Hát'/Video* |
| ③ Biểu Tượng Ngẫu Nhiên | ⑧ Biểu Tượng Tìm Kiếm |
| ④ Biểu Tượng Lặp Lại | ⑨ Bìa Album* (Phát nhạc)/ |
| ⑤ Biểu tượng Phát/Tạm Dừng | Máy Phát Nhạc Mini* (Phát video) |

🔌 Phát Trên USB

Chỉ có thể phát các file âm thanh hoặc video lưu trong USB ở các định dạng sau.

File âm thanh: MP3, WMA, AAC*, FLAC, PCM/WAVE

File video: MP4, AVI, MKV, ASF/WMV

*1: Chỉ các file có định dạng AAC được ghi bằng iTunes mới có thể phát trên thiết bị này.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Còn nữa

■ Cách Chọn File từ Danh Sách Tìm Kiếm Nhạc

Bạn có thể chọn để hiển thị màn hình danh sách tìm kiếm nhạc.

1. Chọn **Browse**.
2. Chọn **Current Playlist, Music**, hoặc **Video**.
3. Tiếp tục lựa chọn cho đến khi bạn tìm thấy file hoặc video mình muốn.

►► Phát Trên USB

Sử dụng loại USB khuyên dùng.

► **Thông Tin Chung về Hệ Thống Âm Thanh***
Tr. 380

Không thể phát các file định dạng WMA và AAC được bảo vệ bằng quản lý bản quyền nội dung số (DRM).

Hệ thống âm thanh sẽ hiển thị **Unplayable File** (File Không Phát Được), sau đó chuyển sang bài hát tiếp theo.

Nếu xảy ra sự cố, thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin.

► **iPod/USB** Tr. 379

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ phát lặp lại và ngẫu nhiên khi đang phát một file.

■ Ngẫu Nhiên/Lặp Lại

Liên tục chọn biểu tượng ngẫu nhiên hoặc lặp lại cho đến khi chọn được chế độ mong muốn.

Ngẫu Nhiên

 (tắt ngẫu nhiên): Tắt chế độ ngẫu nhiên.

 (ngẫu nhiên tất cả các file): Phát tất cả các file theo thứ tự ngẫu nhiên.

 (ngẫu nhiên trong thư mục): Phát tất cả các file trong thư mục hiện tại theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp Lại

 (tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp.

 (lặp lại file): Lặp lại file đang phát.

 (lặp lại thư mục): Lặp lại tất cả các file trong thư mục đang phát.

■ Khi phát video*

 (dừng): Chọn để tạm dừng phát một file.

 /  để thu nhỏ màn hình video. Chọn  để phóng to màn hình video.

■ Tạm dừng hoặc tiếp tục phát nhạc

Chọn biểu tượng phát/tạm dừng.

■ Cách Chuyển File

Biểu Tượng **Bài Hát***/**Video***

Bạn có thể chọn  hoặc  để chuyển file. Chọn và giữ để tua nhanh một file.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Âm Thanh

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

🔧 **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 309

■ Settings (Cài Đặt)

Thay đổi các cài đặt USB khi đang phát video.

1. Chọn **Settings**.

2. Chọn một tùy chọn.

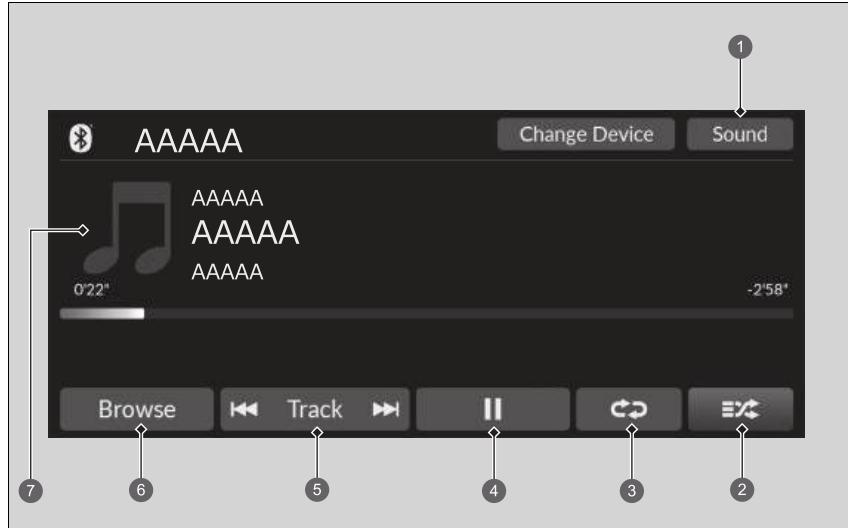
- **Image Settings:** Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin. Để thiết lập lại cài đặt, chọn **Default**. (**Brightness** (Độ Sáng)/**Contrast** (Độ Tương Phản)/**Black Level** (Độ Tối)/**Colour** (Màu Sắc)/**Tint** (Tông Màu))
- **Aspect Ratio:** Chọn chế độ hiển thị với tỷ lệ khung hình khác nhau. (**Original** (Nguyên Bản)/**Normal**^{*1}(Bình Thường)/**Full/Zoom** (Toàn Màn Hình))
- **Overlay Clock Location:** Thay đổi bố cục hiển thị đồng hồ. (**Upper right**^{*1} (Phía trên bên phải^{*1})/**Upper left** (Phía trên bên trái)/ **Lower right** (Phía dưới bên phải)/**Lower left** (Phía dưới bên trái)/**OFF** (TẮT))

^{*1}: Cài đặt Mặc định

Phát Nhạc Trên Âm Thanh Bluetooth®

Hệ thống âm thanh cho phép bạn nghe nhạc từ điện thoại tương thích *Bluetooth*. Chức năng này hoạt động khi điện thoại được ghép đôi và được kết nối với hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) của xe.

➤ **Cài Đặt Điện Thoại Tr. 367**



- ➊ Biểu Tượng Âm Thanh
- ➋ Biểu Tượng Trộn Bài
- ➌ Biểu Tượng Lặp Lại
- ➍ Biểu tượng Phát/Tạm Dừng

- ➎ Biểu Tượng Bài Hát
- ➏ Biểu Tượng Tìm Kiếm
- ➐ Bìa Album

❏ Phát Nhạc Trên Âm Thanh Bluetooth®

Không phải tất cả các điện thoại có âm thanh Bluetooth đều tương thích với hệ thống. Hãy liên hệ với đại lý để biết điện thoại của bạn có tương thích không.

Việc thực hiện một số chức năng của thiết bị dữ liệu khi lái xe có thể là phạm luật.

Tại một thời điểm, chỉ có thể kết nối một điện thoại với HFT.

Khi có nhiều hơn hai điện thoại được ghép đôi trong xe, điện thoại được ghép đôi gần đây nhất mà hệ thống tìm thấy sẽ tự động được kết nối.

Nếu có nhiều điện thoại được ghép đôi với hệ thống HFT, thời gian bắt đầu phát sẽ lâu hơn.

Trong một số trường hợp, tên nhạc sĩ, album hoặc bài hát có thể hiển thị không đúng.

Một vài chức năng có thể không có ở một số thiết bị nhất định.

Nếu điện thoại hiện tại đang được kết nối qua ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, thì không phát được Âm Thanh Bluetooth® từ điện thoại đó. Tuy nhiên, điện thoại thứ hai đã từng ghép đôi có thể phát nhạc trên Âm Thanh Bluetooth® khi chọn

📱 trong danh sách thiết bị Bluetooth®.

➤ **Cài Đặt Điện Thoại Tr. 367**

■ Phát Các File Âm Thanh Trên *Bluetooth*®

1. Đảm bảo điện thoại của bạn đã được ghép đôi và kết nối với hệ thống.

❏ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 367

2. Chọn chế độ Âm Thanh *Bluetooth*®.

Nếu không nhận được điện thoại, có khả năng hệ thống đã kết nối với một điện thoại khác tương thích với HFT mà không tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*®.

■ Cách Chọn Chế Độ Phát

Bạn có thể chọn chế độ trộn bài và lặp lại khi đang phát bài hát.

Trộn Bài

⏮ (tắt trộn bài): Tắt chế độ trộn bài.

⏮ (trộn tất cả các bài hát): Phát tất cả các bài trong danh sách đã chọn theo thứ tự ngẫu nhiên.

Lặp Lại

↺ (tắt lặp lại): Tắt chế độ lặp.

🔁 (lặp lại một bài): Lặp lại bài đang phát.

🔁 (lặp lại nhóm): Lặp lại nhóm đang phát.

↺ (lặp lại tất cả): Lặp lại tất cả các bài.

■ Phát hoặc tạm dừng một file

Chọn biểu tượng phát/tạm dừng.

❏ Phát Các File Âm Thanh Trên *Bluetooth*®

Để phát các file âm thanh, bạn cần thực hiện một số thao tác trên điện thoại. Nếu vậy, hãy làm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất điện thoại.

Khi chuyển sang chế độ khác, bản nhạc đang phát trên điện thoại của bạn sẽ tạm dừng.

Bạn có thể thay đổi điện thoại đã được kết nối bằng cách chọn **Change Device**.

❏ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 367

■ Tìm Kiếm Nhạc

1. Chọn **Browse**.
2. Chọn danh mục tìm kiếm.
3. Chọn một mục.
 - Bắt đầu phát mục đã lựa chọn.

■ Âm Thanh

Bạn có thể điều chỉnh cài đặt âm thanh.

🔊 **Điều Chỉnh Âm Thanh** Tr. 309

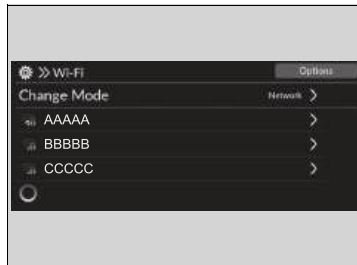
🔍 Tìm Kiếm Nhạc

Tùy thuộc vào thiết bị *Bluetooth®* mà bạn kết nối, một số hoặc tất cả danh sách có thể không được hiển thị.

Kết Nối Wi-Fi

Xe này được trang bị kết nối Wi-Fi. Bạn có thể kết nối với điểm phát sóng Wi-Fi hoặc thiết bị liên lạc bên ngoài.

■ Kết Nối Xe với Điểm Phát Sóng Wi-Fi



1. Ấn nút .
 2. Chọn **General Settings**.
 3. Chọn **Connections**.
 4. Chọn **Wi-Fi**.
 5. Chọn **OK**.
 6. Chọn một điểm truy cập từ danh sách mạng.
 - Để kết nối với một điểm phát sóng không tự động được phát hiện, chọn **Options** rồi chọn **Add Network**.
 7. Nhập mật khẩu.
 - Nếu bạn chọn hộp **Use this network to automatically download system updates**, bạn có thể cài đặt sử dụng mạng để cập nhật hệ thống.
 - **Cập Nhật Hệ Thống** Tr. 311
 8. Chọn **Connect**.
- **Tắt kết nối Wi-Fi**
1. Chọn **Change Mode**.
 2. Chọn **OFF**.

■ Kết Nối Wi-Fi

Wi-Fi và Wi-Fi Direct là các nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền của Wi-Fi Alliance®.



■ Kết Nối Xe với Điểm Phát Sóng Wi-Fi

Bạn không thể hoàn thành quy trình cài đặt khi xe đang chạy. Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để cài đặt hệ thống âm thanh ở chế độ Wi-Fi.

Một số hãng viễn thông tính phí khi bạn chia sẻ và sử dụng mạng dữ liệu di động. Hãy kiểm tra gói cước đăng ký mạng dữ liệu điện thoại của bạn.

Kiểm tra hướng dẫn sử dụng điện thoại để xem điện thoại có kết nối Wi-Fi không.

Nhìn vào biểu tượng  trên vùng trạng thái hệ thống để biết Wi-Fi đang bật hay tắt. Tốc độ truyền tín hiệu và các thông tin khác sẽ không hiển thị trên màn hình này.

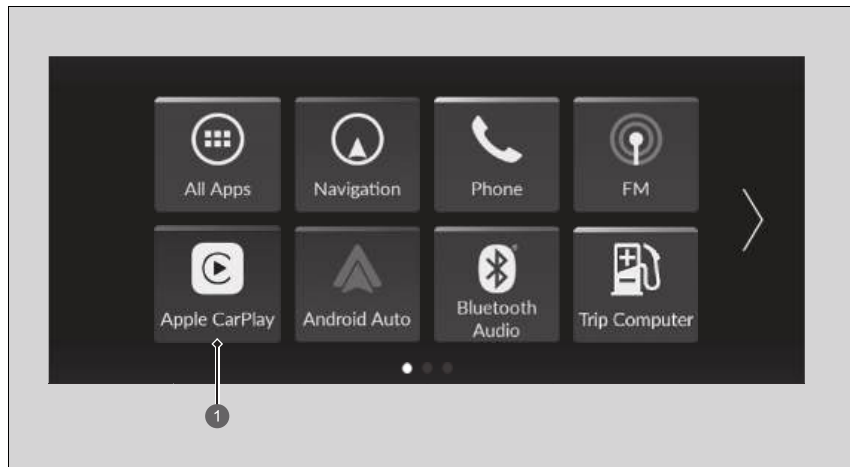
■ Vùng Trạng Thái Tr. 304

Khi kết nối điện thoại với Wi-Fi, hãy đảm bảo cài đặt Wi-Fi của điện thoại ở chế độ điểm truy cập (chia sẻ kết nối).

Ứng Dụng Apple CarPlay

Nếu bạn kết nối hệ thống với một điện thoại iPhone tương thích với ứng dụng Apple CarPlay qua cổng USB trước hoặc mạng không dây, và chọn biểu tượng **Apple CarPlay**, bạn có thể sử dụng ứng dụng Apple CarPlay trên màn hình âm thanh/thông tin.

📌 **Cổng USB** Tr. 295



❶ **Apple CarPlay**

📌 Ứng Dụng Apple CarPlay

Hình ảnh hiển thị ở đây (thiết kế, thông số kỹ thuật, v.v.) có thể khác với hình ảnh hiển thị trên màn hình của bạn.

Chỉ iPhone 5 hoặc phiên bản mới hơn có hệ điều hành iOS 8.4 trở lên mới tương thích với ứng dụng Apple CarPlay.

Bạn nên dùng OS mới nhất.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối iPhone với ứng dụng Apple CarPlay và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Trong khi kết nối với Apple CarPlay, chỉ thực hiện được các cuộc gọi qua Apple CarPlay. Nếu bạn muốn gọi điện qua Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT), hãy tắt ứng dụng Apple CarPlay.

📌 **Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay** Tr. 337

Khi iPhone được kết nối với ứng dụng Apple CarPlay, không thể sử dụng Âm Thanh *Bluetooth*® hoặc Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT). Tuy nhiên, các điện thoại khác đã từng được ghép đôi vẫn có thể phát nhạc trên *Bluetooth*® khi kết nối với ứng dụng Apple CarPlay.

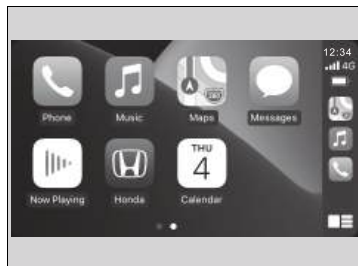
📌 **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 367

Apple CarPlay và Android Auto không thể hoạt động cùng lúc.

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn ứng dụng Apple CarPlay cũng như thông tin về các chức năng liên quan, hãy tham khảo trang chủ của Apple.

■ Danh Mục Ứng Dụng Apple CarPlay

Những mục sau đây chỉ là ví dụ mang tính tượng trưng. Bạn có thể xem thêm thông tin về các ứng dụng được hiển thị trên màn hình của bạn.



- **Phone (Điện thoại)**
Truy cập danh bạ, gọi điện, hoặc nghe thư thoại.
- **Music (Âm Nhạc)**
Phát nhạc lưu trên điện thoại iPhone của bạn.
- **Maps (Bản Đồ)**
Hiển thị bản đồ Apple Maps và sử dụng chức năng định vị giống như trên điện thoại iPhone của bạn.
- **Messages (Tin Nhắn)**
Kiểm tra và trả lời tin nhắn, hoặc đọc tin nhắn cho bạn.
- **Honda**
Chọn biểu tượng Honda để quay lại màn hình chính.

■ Ứng Dụng Apple CarPlay

Điều Kiện & Giới Hạn Vận Hành Ứng Dụng Apple CarPlay

Ứng dụng Apple CarPlay yêu cầu điện thoại iPhone tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác được tích hợp trong các chức năng do ứng dụng Apple CarPlay cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của ứng dụng Apple CarPlay. Honda khó có thể đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của ứng dụng Apple CarPlay.

Có thể cần sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba tương thích với ứng dụng Apple CarPlay. Tham khảo trang chủ của Apple để biết thêm chi tiết về các ứng dụng tương thích.

■ Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay

Sau khi kết nối điện thoại iPhone với hệ thống qua cổng USB hoặc mạng không dây, hãy thực hiện quy trình sau để cài đặt ứng dụng Apple CarPlay. Sau khi cài đặt ứng dụng Apple CarPlay, một số thông tin về người dùng và xe (ví dụ như: vị trí, tốc độ và trạng thái của xe) sẽ được truyền tới điện thoại iPhone để nâng cao trải nghiệm của người dùng khi sử dụng ứng dụng Apple CarPlay. Bạn cần phải chấp thuận để chia sẻ thông tin này trên màn hình âm thanh/thông tin.

▣ Cài Đặt Ứng Dụng Apple CarPlay

Chỉ khởi tạo ứng dụng Apple CarPlay khi bạn đã đỗ xe an toàn.

Khi Apple CarPlay phát hiện điện thoại iPhone của bạn lần đầu, bạn sẽ cần thiết lập điện thoại iPhone của bạn. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại iPhone của bạn.

Hãy thực hiện quy trình sau để ngắt kết nối hoặc xóa các thiết bị đang kết nối với ứng dụng Apple CarPlay:

Chọn General Settings → Smartphone Connection → Apple CarPlay → Chọn thiết bị

Sử dụng thông tin người dùng và xe

Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại iPhone thông qua ứng dụng Apple CarPlay được quản lý bởi các điều khoản và điều kiện của hệ điều hành iOS và Chính Sách Bảo Mật Riêng của Apple.

■ Kết Nối Ứng Dụng Apple CarPlay với Cổng USB Qua Cáp USB

1. Kết nối iPhone với cổng USB qua cáp USB.

📺 **Cổng USB** Tr. 295

► Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.

2. Chọn **Yes**.

► Nếu bạn không muốn kết nối ứng dụng Apple CarPlay, chọn **No**.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone Connection**.

■ Kết Nối Ứng Dụng Apple CarPlay Bằng Mạng Không Dây

■ Kết nối ứng dụng Apple CarPlay bằng mạng không dây trên màn hình chính

1. Ấn nút .

2. Chọn **Apple CarPlay**.

3. Chọn **+ Connect New Device**.

4. Ghép đôi iPhone với Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay của xe.

📺 **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 367

5. Chọn **Yes**.

► Nếu iPhone yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy chấp nhận kết nối.

📺 Kết Nối Ứng Dụng Apple CarPlay Bằng Mạng Không Dây

Không thể sử dụng Apple CarPlay không dây và Điểm phát sóng cùng một lúc. Khi sử dụng Apple CarPlay và Điểm phát sóng cùng một lúc, hãy nối Apple CarPlay với cáp USB.

■ Kết nối không dây ứng dụng Apple CarPlay bằng danh sách thiết bị ứng dụng Apple CarPlay

1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Smartphone Connection**.
4. Chọn **Apple CarPlay**.
5. Chọn **+ Connect New Device**.
6. Ghép đôi iPhone với Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay của xe.
 **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 367
7. Chọn **Yes**.
 ► Nếu iPhone yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy chấp nhận kết nối.

■ Kết nối không dây ứng dụng Apple CarPlay bằng danh sách thiết bị Bluetooth®

1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Bluetooth**.
5. Chọn **+ Connect New Device**.
6. Ghép đôi iPhone với Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay của xe.
 **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 367
7. Tích chọn **Apple CarPlay**.
 ► Nếu chọn **Apple CarPlay**, bạn không thể chọn **Audio** và **Phone**.
8. Chọn **Connect**.
9. Chọn **Yes**.
 ► Nếu iPhone yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy chấp nhận kết nối.

■ Kết nối không dây ứng dụng Apple CarPlay bằng vô lăng

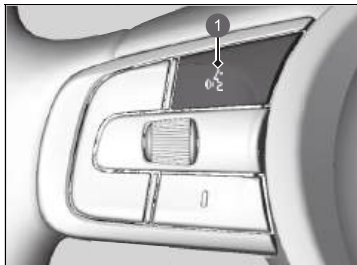
1. Ấn và giữ nút  (nói) trên vô lăng.
2. Ghép đôi iPhone với Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay của xe.
  **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 367
3. Tích chọn **Apple CarPlay**.
 ► Nếu chọn **Apple CarPlay**, bạn không thể chọn **Audio** và **Phone**.
4. Chọn **Connect**.
5. Chọn **Yes**.
 ► Nếu iPhone yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy chấp nhận kết nối.

■ Kết nối không dây ứng dụng Apple CarPlay khi khởi động (khi không có điện thoại nào ghép đôi với hệ thống)

1. Đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.
2. Chọn **OK**.
 ► Nếu chưa thiết bị nào được đăng ký, màn hình ghép đôi *Bluetooth®* sẽ hiển thị.
 ► Nếu bạn chọn **Do not show this again**, màn hình này sẽ không xuất hiện.
3. Ghép đôi iPhone với Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay của xe.
  **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 367
4. Tích chọn **Apple CarPlay**.
 ► Nếu chọn **Apple CarPlay**, bạn không thể chọn **Audio** và **Phone**.
5. Chọn **Connect**.
6. Chọn **Yes**.
 ► Nếu iPhone yêu cầu chấp nhận kết nối Apple CarPlay, hãy chấp nhận kết nối.

■ Vận Hành Apple CarPlay bằng Ứng Dụng Siri

Ấn và giữ nút  (nói) để kích hoạt ứng dụng Siri.



① Nút (Nói)

Ấn và giữ để kích hoạt ứng dụng Siri.

Ấn một lần nữa để hủy ứng dụng Siri.

Ấn và nhả để kích hoạt hệ thống nhận diện giọng nói tiêu chuẩn.

►► Vận Hành Apple CarPlay bằng Ứng Dụng Siri

Dưới đây là ví dụ về các câu hỏi và lệnh cho ứng dụng Siri:

- Hôm nay có những bộ phim nào đang phát?
- Gọi cho ba ở nơi làm việc.
- Tên bài hát này là gì?
- Thời tiết ngày mai như thế nào?
- Đọc email mới nhất của tôi.

Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy truy cập trang web www.apple.com/ios/siri.

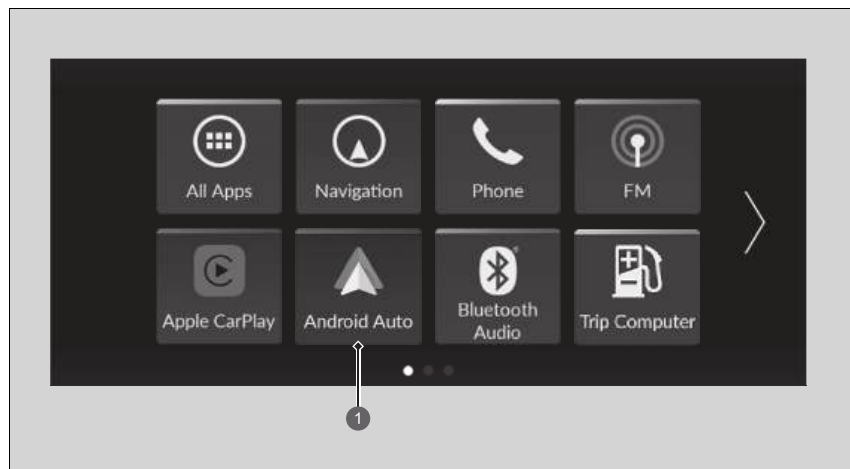
Ứng Dụng Android Auto™

Nếu bạn kết nối hệ thống âm thanh với một điện thoại Android™ qua cổng USB và chọn biểu tượng **Android Auto**, bạn có thể sử dụng ứng dụng Android Auto trên màn hình âm thanh/thông tin.

Hãy đỗ xe ở nơi an toàn để xem tất cả các hướng dẫn này trước khi sử dụng ứng dụng Android Auto.

🔧 **Cổng USB** Tr. 295

🔧 **Kết Nối Ghép Đôi Tự Động** Tr. 344



① **Android Auto**

🔧 Ứng Dụng Android Auto™

Hình ảnh hiển thị ở đây (thiết kế, thông số kỹ thuật, v.v.) có thể khác với hình ảnh hiển thị trên màn hình của bạn.

Khi sử dụng Android Auto, bạn nên dùng phiên bản Android OS cập nhật mới nhất.

Không thể sử dụng Bluetooth A2DP khi điện thoại của bạn đang kết nối với Android Auto.

Để sử dụng Android Auto cho điện thoại thông minh Android từ 9.0 (Pie) trở về trước, bạn cần tải ứng dụng Android Auto từ Google Play về điện thoại.

Đỗ xe ở nơi an toàn trước khi kết nối điện thoại Android với ứng dụng Android Auto và khi chạy bất kỳ ứng dụng tương thích nào.

Khi điện thoại Android được kết nối với Android Auto, không thể sử dụng Âm Thanh *Bluetooth®*. Tuy nhiên, các điện thoại khác đã từng được ghép đôi vẫn có thể phát nhạc trên *Bluetooth®* khi kết nối với ứng dụng Android Auto.

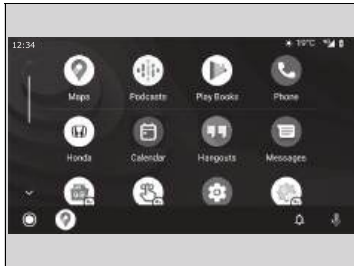
🔧 **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 367

Apple CarPlay và Android Auto không thể chạy cùng lúc.

Android và Android Auto là thương hiệu của Google LLC.

Danh Mục Android Auto

Những mục sau đây chỉ là ví dụ mang tính tượng trưng. Bạn có thể xem thêm thông tin về các ứng dụng được hiển thị trên màn hình của bạn.



• Maps (Bản Đồ)

Hiển thị bản đồ Google Maps và sử dụng chức năng định vị giống như trên điện thoại Android của bạn. Khi xe đang chạy, bạn không thể truy cập vào ứng dụng bằng bàn phím. Đỗ xe ở nơi an toàn để thực hiện tìm kiếm hoặc nhập dữ liệu.

• Phone (Điện thoại)

Gọi điện, nhận cuộc gọi và nghe thư thoại.

• Honda

Chọn biểu tượng Honda để quay lại màn hình chính.

Ứng Dụng Android Auto™

Để biết chi tiết về các quốc gia và khu vực có sẵn ứng dụng Android Auto cũng như thông tin về các chức năng liên quan, hãy tham khảo trang chủ của Android Auto.

Màn hình có thể khác nhau tùy thuộc vào phiên bản ứng dụng Android Auto bạn đang sử dụng.

Điều Kiện & Giới Hạn Vận Hành Ứng Dụng Android Auto

Ứng dụng Android Auto yêu cầu điện thoại Android tương thích có kết nối mạng di động và sử dụng gói cước mạng dữ liệu. Nhà mạng sẽ thu phí gói cước này.

Những thay đổi trong vận hành hệ thống, phần cứng, phần mềm và công nghệ khác tích hợp trong các chức năng do ứng dụng Android Auto cung cấp, cũng như các quy định được sửa đổi hoặc ban hành mới của chính phủ, có thể làm giảm hiệu quả hoặc ngừng dịch vụ và chức năng của ứng dụng Android Auto. Honda không thể và không đảm bảo cho các tính năng hoặc chức năng của ứng dụng Android Auto.

Có thể phải sử dụng các ứng dụng của bên thứ ba tương thích với ứng dụng Android Auto. Tham khảo trang chủ của Android Auto để biết thêm chi tiết về các ứng dụng tương thích.

■ Kết Nối Ghép Đôi Tự Động

Khi bạn kết nối điện thoại chạy hệ điều hành Android với thiết bị qua cổng USB, ứng dụng Android Auto sẽ tự động khởi tạo.

■ Kết Nối Ứng Dụng Android Auto với Cổng USB qua Cáp USB

1. Kết nối điện thoại Android với cổng USB qua cáp USB.

📺 **Cổng USB** Tr. 295

► Màn hình xác nhận sẽ hiển thị.

2. Chọn **Yes**.

► Nếu bạn không muốn kết nối ứng dụng Android Auto, chọn **No**.

Bạn có thể thay đổi các cài đặt trong danh mục cài đặt **Smartphone Connection**.

🔗 Kết Nối Ứng Dụng Android Auto với Cổng USB qua Cáp USB

Chỉ khởi tạo ứng dụng Android Auto khi bạn đã đỗ xe an toàn. Bạn cần cài đặt điện thoại khi kết nối điện thoại lần đầu với ứng dụng Android Auto để tự động ghép đôi. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với điện thoại của bạn.

Bạn có thể sử dụng quy trình sau để ngắt kết nối hoặc xóa các thiết bị đang kết nối với Android Auto sau khi hoàn tất thiết lập ban đầu:

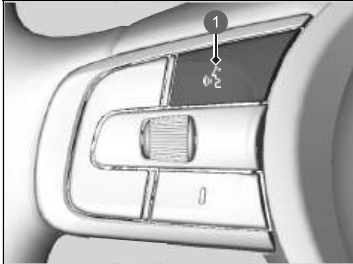
Chọn General Settings → Smartphone Connection → Android Auto → Chọn thiết bị

Sử dụng thông tin người dùng và xe

Việc sử dụng, xử lý thông tin của người dùng và thông tin của xe được truyền tới/từ điện thoại của bạn thông qua ứng dụng Android Auto được quản lý bởi Chính Sách Bảo Mật Riêng của Google.

■ Vận Hành Ứng Dụng Android Auto bằng Nhận Dạng Giọng Nói

Ấn và giữ nút  (nói) để vận hành ứng dụng Android Auto bằng giọng nói.



① Nút (Nói)

Ấn và giữ để vận hành ứng dụng Android Auto bằng giọng nói.
Ấn và nhả để kích hoạt hệ thống nhận diện giọng nói tiêu chuẩn.

▣ Vận Hành Ứng Dụng Android Auto bằng Nhận Dạng Giọng Nói

Dưới đây là ví dụ về các lệnh đối với hệ thống nhận dạng giọng nói:

- Trả lời tin nhắn.
- Gọi cho vợ tôi.
- Định vị tới Honda.
- Phát nhạc của tôi.
- Gửi tin nhắn cho vợ tôi.
- Gọi cho cửa hàng hoa.

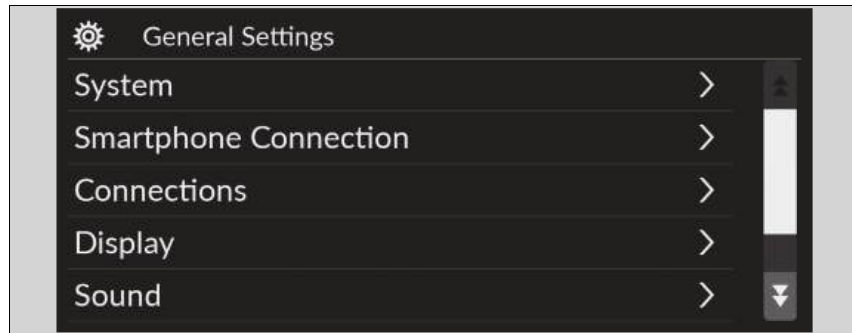
Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tham khảo trang chủ Android Auto.

Tính Năng Tùy Chọn

Sử dụng màn hình âm thanh/thông tin để tùy chọn một số tính năng cụ thể.

■ Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Chung

Với chế độ nguồn ở BẬT, chọn **General Settings**, sau đó chọn một mục cài đặt.



- **System** (Hệ Thống) ➤ Tr. 347
- **Smartphone Connection** (Kết Nối Điện Thoại Thông Minh) ➤ Tr. 349
- **Connections** (Kết Nối) ➤ Tr. 350
- **Display** (Màn Hình Hiển Thị) ➤ Tr. 351
- **Sound** (Âm Thanh) ➤ Tr. 351
- **Camera** ➤ Tr. 352

►► Tính Năng Tùy Chọn

Khi bạn tùy chọn các cài đặt:

- Đảm bảo xe đã dừng hẳn.
- Sang số **P**.

■ Hệ Thống

Tính Năng Tùy Chọn		Mô tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Date & Time	Automatic Date & Time	Chọn ON để GPS tự động điều chỉnh đồng hồ. Chọn OFF để hủy chức năng này.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Set Date & Time	Điều chỉnh ngày. 📅 Điều Chỉnh Đồng Hồ Tr. 306	Day/Month/Year (Ngày/Tháng/Năm)
		Điều chỉnh thời gian. 📅 Điều Chỉnh Đồng Hồ Tr. 306	Hour/Minute (Giờ/ Phút) AM/PM (Sáng/Chiều)
	Time Zone	Automatic Time Zone	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
		(Chọn múi giờ) Thay đổi múi giờ bằng tay.	—
	Auto Daylight Saving Time[*]	Cài đặt đồng hồ cập nhật theo giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Date Format	Chọn kiểu hiển thị ngày.	MM/DD/YYYY (Tháng/ Ngày/Năm)/ DD/MM/YYYY^{*1} (Ngày/ Tháng/Năm ^{*1})/ YYYY/ MM/DD (Năm/Tháng/ Ngày)
	Time Format	Chọn kiểu hiển thị giờ.	12-H^{*1} (12 giờ ^{*1})/ 24-H (24 giờ)

*1: Cài Đặt Mặc Định

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Language	Thay đổi riêng ngôn ngữ màn hình giao diện thông tin cho người lái và ngôn ngữ màn hình âm thanh/thông tin.	English^{*1} (Tiếng Anh ^{*1}) Một số ngôn ngữ có thể không có ở tất cả các khu vực. Kiểm tra màn hình âm thanh/thông tin để biết các tùy chọn có sẵn.
Touch Panel Sensitivity	Cài đặt độ nhạy của màn hình cảm ứng.	High/Normal^{*1} (Cao/Bình Thường ^{*1})
System Volumes	System Sounds	Cài đặt âm lượng hệ thống. —
	Text-to-Speech	Cài đặt âm lượng chuyển văn bản thành giọng nói. —
	Navigation Guidance	Cài đặt âm lượng dẫn đường của hệ thống định vị. —
	Phone Calls	Cài đặt âm lượng cuộc gọi. —
	Default	Đặt lại tất cả cài đặt System Volumes về giá trị mặc định.
Refuel Recommend	Bật và tắt chức năng nhắc nạp nhiên liệu. 📌 Nhắc Nhiên Liệu[*] Tr. 390	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)

*1: Cài đặt Mặc định

Tính Năng Tùy Chọn		Mô tả	Lựa Chọn Cài Đặt
About	Status	Hiển thị các mục cài đặt Android.	—
	Legal Information		
	Model Number		
	Android Version		
	Kernel Version		
	Build Number		
Factory Data Reset		Đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định gốc. ▶ Mặc Định Tất Cả các Cài Đặt Tr. 359	Continue/Cancel (Tiếp Tục/Hủy)
Detail Information	App Manager	Hiển thị thông tin bộ nhớ hệ thống Android và thông tin ứng dụng.	—

■ Kết Nối Điện Thoại Thông Minh

Tính Năng Tùy Chọn		Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Apple CarPlay	+ Connect New Device	Ghép đôi điện thoại mới với Apple CarPlay. ▶ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 367	—
	(Các Thiết Bị Đã Lưu)	Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. ▶ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 367	—
Android Auto	(Các Thiết Bị Đã Lưu)	Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. ▶ Cài Đặt Điện Thoại Tr. 367	—

■ Kết Nối

Tính Năng Tùy Chọn		Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Wi-Fi	Change Mode Thay đổi chế độ Wi-Fi.		Network ^{*1} / Smartphone ^{*2} /OFF (Mạng ^{*1} / Điện Thoại Thông Minh ^{*2} /TẮT)
	(Mạng Có Sẵn/Các Thiết Bị Đã Kết Nối)		—
	Options	Add Network Thêm mạng mới để kết nối Wi-Fi.	—
		Saved Networks Lưu mạng đã kết nối.	—
	Setup	Network SSID Đặt tên mạng.	—
		Security Hiển thị bảo mật mạng.	—
		Password Đặt mật khẩu để kết nối thiết bị Wi-Fi với mạng.	—
		Wi-Fi Band Hiển thị băng tần Wi-Fi.	—
Bluetooth	Options	Bluetooth Bật và tắt Bluetooth®.	ON ^{*1} /OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
		Priority Device Cài đặt làm thiết bị ưu tiên.	—
	+ Connect New Device Ghép đôi điện thoại mới với HFT. 📱 Cài Đặt Điện Thoại Tr. 367	—	
	(Các Thiết Bị Đã Lưu)		—
	Kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại đã ghép đôi. 📱 Cài Đặt Điện Thoại Tr. 367		—

*1: Cài Đặt Mặc Định
*2: Chỉ xuất hiện khi ứng dụng Apple CarPlay được kết nối.

■ Màn Hình Hiển Thị

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Day Mode ^{*1}	Thay đổi từ chế độ ban ngày sang chế độ ban đêm và ngược lại.	—
Night Mode	 Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị Tr. 310	—
Brightness	Thay đổi độ sáng của màn hình âm thanh/thông tin.	—
Contrast	Thay đổi độ tương phản của màn hình âm thanh/thông tin.	—
Black Level	Thay đổi độ tối của màn hình âm thanh/thông tin.	—
Default	Cài đặt lại tất cả các cài đặt tùy chọn cho độ sáng, độ tương phản và độ tối.	—

*1: Cài đặt Mặc định

■ Âm Thanh

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Bass / Treble	Treble	—
	Midrange	
	Bass	
Balance / Fader	Điều chỉnh cài đặt âm thanh của loa hệ thống âm thanh.  Điều Chỉnh Âm Thanh Tr. 309	—
Speed Volume Compensation		

■ Camera

Tính Năng Tùy Chọn		Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Rear Camera	Fixed Guideline	Hiện thị dẫn hướng không di chuyển theo vô lăng. ➤ Camera Lùi Đa Hướng* Tr. 545	ON ^{*1} /OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Dynamic Guideline	Hiện thị dẫn hướng di chuyển theo vô lăng. ➤ Camera Lùi Đa Hướng* Tr. 545	ON ^{*1} /OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)

*1: Cài đặt Mặc định

■ Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Của Xe

Với chế độ nguồn ở BẬT, chọn **Vehicle Settings**, sau đó chọn một mục cài đặt.



- **Deflation warning system*** (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*) ➤ Tr. 354
- **Driver assist system setup** (Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái) ➤ Tr. 354
- **Meter setup** ➤ Tr. 356
- **Keyless access setup** ➤ Tr. 357
- **Lighting setup** ➤ Tr. 357
- **Door/window setup** ➤ Tr. 358

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

► Cách Tùy Chọn các Cài Đặt Của Xe

Nếu **Vehicle Settings** không hiển thị trên màn hình chính, chọn **All Apps**. Bạn có thể thay đổi các biểu tượng trên màn hình chính.

➤ **Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh**
Tr. 299

■ Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Deflation warning system	Hủy/hiệu chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp. ➤ Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp* Tr. 434	Calibrate/Cancel (Hiệu Chỉnh/Hủy)

■ Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Preceding vehicle proximity warning distance	Thay đổi khoảng cách mà Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) cảnh báo. ➤ Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) Tr. 442	Far/Normal*¹/Near (Xa/Trung Bình* ¹ /Gần)
ACC vehicle ahead detected beep	Bật/tắt thông báo bằng âm thanh khi xe di chuyển vào/ra khỏi phạm vi kiểm soát hành trình thích ứng. ➤ Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dài Tốc Độ Thấp Tr. 472	ON/OFF*¹ (BẬT/TẮT* ¹)
Lead car departure notification system*	Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành. ➤ Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành* Tr. 513	Normal*¹/Early/OFF (Trung Bình* ¹ /Sớm/TẮT)
Road departure mitigation setting	Chọn chế độ hoạt động của hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường. ➤ Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường Tr. 462	Loại xe Singapore Warning only/Early/Normal*¹/Delayed (Chỉ cảnh báo/Sớm/Trung Bình* ¹ /Muộn) Ngoại trừ loại xe Singapore Early/Normal/Delayed*¹ (Sớm/Trung Bình/Muộn* ¹)

*1: Cài Đặt Mặc Định

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Lane keep assist beep	Bật và tắt tiếng bíp cảnh báo tạm dừng LKAS và Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường*. ☒ Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 492 ☒ Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường Tr. 504	ON/OFF * ¹ (BẬT/TẮT* ¹)
Traffic sign recognition system display *	Hiển thị hệ thống nhận diện biển báo giao thông trên bảng điều khiển. ☒ Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông * Tr. 518	Display * ¹ / None (Hiển Thị* ¹ /Không)
Traffic sign recognition system over speed warning *	Bật cảnh báo vượt quá giới hạn tốc độ khi xe vượt quá giới hạn tốc độ. ☒ Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông * Tr. 518	ON * ¹ / OFF (BẬT* ¹ /TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

■ Cài đặt đồng hồ đo

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Adjust outside temp. display	Điều chỉnh chỉ số nhiệt độ ngoài trời tăng lên hoặc giảm xuống. ☑ Nhiệt Độ Ngoài Trời Tr. 128	-3°C ~ ±0°C^{*1} ~ +3°C
Trip A reset timing	Chọn thời điểm đặt lại Hành Trình A. ☑ Đồng Hồ Đo Quãng Đường / Nhiên Liệu / Hành Trình Tr. 133, 152 ☑ Đồng Hồ Đo Tốc Độ/Thời Gian/Hành Trình Tr. 135, 154	When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset^{*1} (Khi nạp đầy nhiên liệu/ Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay ^{*1})
Trip B reset timing	Chọn thời điểm đặt lại Hành Trình B. ☑ Đồng Hồ Đo Quãng Đường / Nhiên Liệu / Hành Trình Tr. 133, 152 ☑ Đồng Hồ Đo Tốc Độ/Thời Gian/Hành Trình Tr. 135, 154	When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset^{*1} (Khi nạp đầy nhiên liệu/ Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay ^{*1})
Alarm volume control	Thay đổi mức âm lượng của tất cả các cảnh báo hệ thống, cảnh báo và đèn báo cửa mở.	Max/Mid^{*1}/Min (Cao/Trung Bình ^{*1} /Thấp)
Fuel efficiency backlight	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
Turn by turn display	Bật/Tắt cảnh báo pop up trong dẫn đường chi tiết trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. ☑ Dẫn Đường Chi Tiết Tr. 137	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
Tachometer	Chọn bật hoặc tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
Rear seat reminder	Bật và tắt tính năng Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
Fuel economy unit[*]	Chọn đơn vị đo mức tiêu thụ nhiên liệu.	km/l/l¹/l/100km

*1: Cài Đặt Mặc định

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Cài đặt truy cập từ xa

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Keyless access beep volume	Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa.	Max^{*1}/Min (To ^{*1} /Nhỏ)
Keyless access light flash	Làm một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/khóa các cửa.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
Keyless access beep	Phát ra tiếng bíp khi mở khóa/khóa cửa.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

■ Cài đặt chiếu sáng

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Auto High Beam	Bật/tắt chức năng đèn pha thích ứng tự động.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
Interior light dimmer duration	Chọn khoảng thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa.  Đèn Trong Xe Tr. 262	60sec/30sec^{*1}/15sec (60 giây/30 giây ^{*1} /15 giây)
Headlight auto OFF timer	Chọn khoảng thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa bên lái.  Tính Năng Tắt Đèn Tự Động Tr. 225	60sec/30sec/15sec^{*1}/0sec (60 giây/30 giây/15 giây ^{*1} /0 giây)
Headlight integration with wipers	Chọn Bật/Tắt chức năng đèn chiếu sáng và vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng được cài đặt ở AUTO .  Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước Tr. 225	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

■ Cài đặt cửa/cửa kính

Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Walk away lock	Thay đổi cài đặt chức năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe.	ON/OFF*1 (BẬT/TẮT*1)
Lock presetting*	Thay đổi cài đặt chức năng Cài Đặt Trước Tính Năng Khóa.	ON*1/OFF (BẬT*1/TẮT)
Keyless lock notification	Bật/tắt nhấp nháy các đèn ngoài xe khi khóa/mở khóa các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa. ► Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Tr. 190	ON*1/OFF (BẬT*1/TẮT)

*1: Cài Đặt Mặc Định

Mặc Định Tất Cả các Cài Đặt

Cài đặt lại tất cả danh mục và cài đặt tùy chọn làm mặc định gốc.

Mặc Định Các Cài Đặt Chung

1. Ấn nút .
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **System**.
4. Chọn **Factory Data Reset**.
 - Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình.
5. Chọn **Continue** để đặt lại các cài đặt.
6. Select **Continue** thêm một lần nữa để đặt lại các cài đặt.
 - Hệ thống sẽ khởi động lại.

Mặc Định Các Cài Đặt Xe

1. Ấn nút .
2. Chọn **Vehicle Settings**.
3. Chọn **Default**.
4. Chọn **Yes**.

►► Mặc Định Tất Cả các Cài Đặt

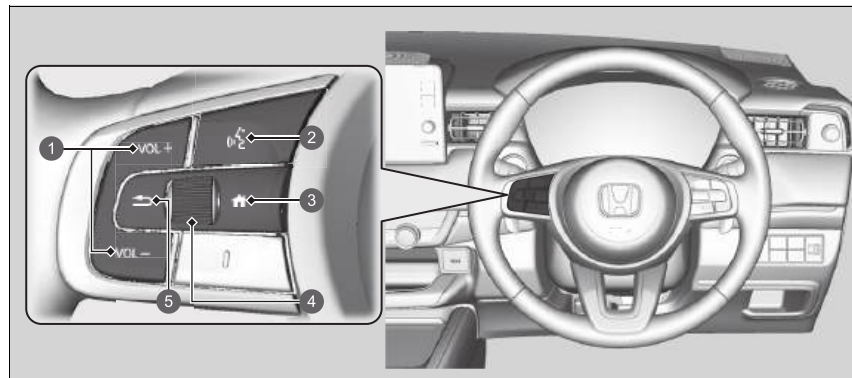
Khi bạn chuyển nhượng xe cho bên thứ ba, hãy cài đặt lại tất cả cài đặt về mặc định và xóa toàn bộ dữ liệu cá nhân.

Nếu bạn thực hiện **Factory Data Reset** (Khôi Phục Dữ Liệu Gốc), các ứng dụng được cài đặt từ trước sẽ quay về mặc định gốc.

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) cho phép bạn gọi điện và nghe điện thoại bằng cách sử dụng hệ thống âm thanh của xe mà không cần cầm điện thoại.

Nút HFT



- 1 Nút **VOL** / **VOL** (Âm Lượng)
- 2 Nút (Nói)
- 3 Nút (Màn Hình Chính)
- 4 Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- 5 Nút (Quay Lại)

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Để điện thoại của bạn ở nơi có thể thu sóng tốt.

Để sử dụng HFT, bạn cần có điện thoại tương thích Bluetooth. Để biết danh sách điện thoại tương thích, quy trình ghép đôi, và các tính năng đặc biệt, hãy liên hệ với đại lý hoặc đại lý Honda ở địa phương bạn.

Để sử dụng hệ thống, cài đặt Bluetooth phải ở **ON** (BẬT).

► Cài Đặt Điện Thoại Tr. 367

Các lưu ý khi điều khiển bằng giọng nói

- Không hướng cửa thông gió lên phía trần xe và phải đóng các cửa kính lại, vì tiếng ồn từ các cửa thông gió này có thể làm nhiễu micro.
- Ấn nút khi bạn muốn gọi điện thoại bằng khẩu lệnh. Nói rõ ràng và tự nhiên sau tiếng bíp.
- Nếu micro nhận được giọng nói của người khác, lệnh thoại có thể bị hiểu sai.
- Để thay đổi mức âm lượng, mức âm lượng có thể thay đổi theo âm lượng của hệ thống âm thanh.

Nếu không có số Liên Hệ yêu thích nào trong hệ thống, một thông báo pop up sẽ xuất hiện trên màn hình.

► Liên Hệ Yêu Thích Tr. 372

Nút  (Nói): Ấn để gọi điện bằng khẩu lệnh.

Nút  (Màn Hình Chính): Ấn để trở lại màn hình chính của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Vòng Lựa Chọn Bên Trái: Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn lên hoặc cuộn xuống để chọn  (điện thoại) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

Khi có cuộc gọi đến, màn hình cuộc gọi đến hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để nhận cuộc gọi.

 **Nhận Cuộc Gọi Tr. 377**

Nút  (quay lại): Ấn để trở lại màn hình trước đó hoặc hủy lệnh.

Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay

Công Nghệ *Bluetooth®* Không Dây

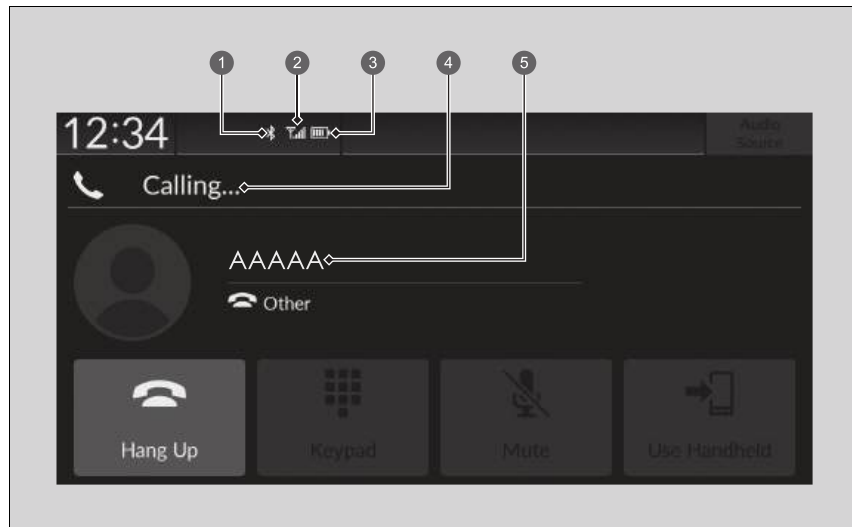
Nhãn và logo *Bluetooth®* đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn *Bluetooth SIG* sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của công ty Honda Motor đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

Hạn Chế của HFT

Cuộc gọi đến trên HFT sẽ làm gián đoạn hoạt động của hệ thống âm thanh khi đang phát. Hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động khi cuộc gọi kết thúc.

■ Màn Hình Trạng Thái HFT

Màn hình âm thanh/thông tin sẽ thông báo cho bạn khi có cuộc gọi đến.



- ❶ Đèn Báo *Bluetooth*®
Sáng khi điện thoại được kết nối với HFT.
- ❷ Cường Độ Tín Hiệu
- ❸ Mức Pin
- ❹ Chế Độ HFT
- ❺ Tên Người Gọi (Nếu đã lưu)/Số Điện Thoại Của Người Gọi (Nếu chưa lưu)

▣ Màn Hình Trạng Thái HFT

Thông tin xuất hiện trên màn hình âm thanh/thông tin sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại điện thoại.

■ Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay

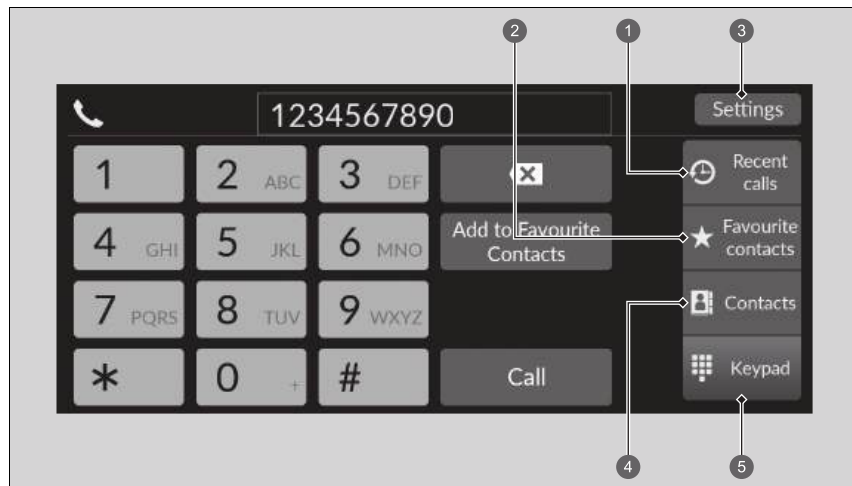
Một số chức năng vận hành bằng tay bị vô hiệu hoá hoặc không hoạt động khi xe đang chạy. Bạn không thể chọn mục mờ màu xám cho đến khi xe dừng.

Chỉ có thể dùng khẩu lệnh để gọi các số Liên hệ yêu thích đã lưu trước đó bằng khẩu lệnh khi xe đang chạy.

📞 **Liên Hệ Yêu Thích** Tr. 372

■ Danh Mục HFT

Chế độ nguồn phải ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT để sử dụng HFT. Chọn **Phone** để hiển thị màn hình điện thoại.



- ① Cuộc gọi gần đây
- ② Liên hệ yêu thích
- ③ Cài đặt
- ④ Danh bạ
- ⑤ Bàn phím

►► Danh Mục HFT

Một số chức năng sẽ bị hạn chế khi đang lái xe.

Cuộc gọi gần đây: Hiển thị các cuộc gọi đi, gọi đến và cuộc gọi nhớ gần đây nhất.

📞 **Để tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây** Tr. 375

Liên hệ yêu thích: Quay số đã chọn trong mục Liên Hệ yêu thích.

📞 **Để tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích** Tr. 375

Cài Đặt: Thay đổi các cài đặt điện thoại.

📞 **Màn Hình Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 366

Danh Bạ: Hiển thị danh bạ của điện thoại đã ghép đôi.

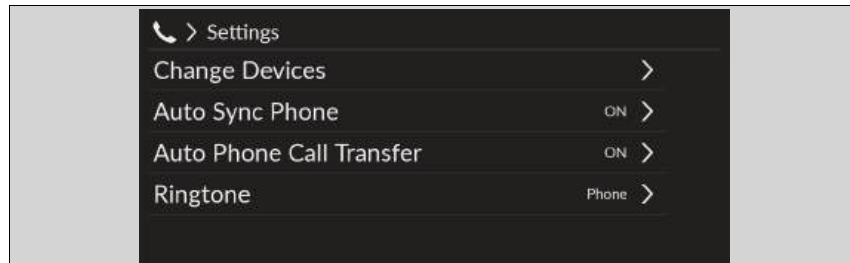
📞 **Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu** Tr. 376

Bàn Phím: Nhập số điện thoại để gọi.

📞 **Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại** Tr. 376

■ Màn Hình Cài Đặt Điện Thoại

Để hiển thị màn hình cài đặt điện thoại, chọn **Settings** trên màn hình điện thoại.



Change Devices: Ghép đôi điện thoại mới với hệ thống và kết nối, ngắt kết nối hoặc xóa thiết bị đã được ghép đôi.

📖 **Cài Đặt Điện Thoại** Tr. 367

Auto Sync Phone: Tự động lưu danh bạ và các cuộc gọi gần đây sau khi ghép đôi điện thoại với HFT.

📖 **Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Cuộc Gọi Gần Đây** Tr. 370

Auto Phone Call Transfer: Cài đặt chuyển cuộc gọi tự động từ điện thoại sang HFT khi bạn vào xe.

📖 **Tự Động Chuyển Cuộc Gọi** Tr. 371

Ringtone: Chọn nhạc chuông.

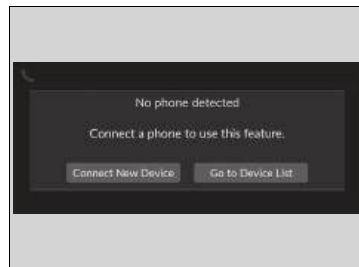
📖 **Nhạc Chuông** Tr. 371

■ Cài Đặt Điện Thoại

■ Cài đặt *Bluetooth*®

Bạn có thể bật và tắt chức năng *Bluetooth*®.

1. Ấn nút  HOME.
2. Chọn **General Settings**.
3. Chọn **Connections**.
4. Chọn **Bluetooth**.
5. Chọn **Options**.
6. Chọn **Bluetooth**, sau đó chọn **ON**.



■ Để ghép đôi điện thoại di động (chưa ghép đôi điện thoại nào với hệ thống)

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Connect New Device**.
3. Đảm bảo điện thoại đang ở chế độ tìm kiếm hoặc có thể tìm thấy.
4. Chọn **Honda HFT** từ điện thoại.
 - Nếu bạn muốn ghép đôi điện thoại từ hệ thống âm thanh, chọn **Search for Devices**, sau đó chọn điện thoại của bạn khi điện thoại xuất hiện trong danh sách trên màn hình.
5. Hệ thống gửi cho bạn mã ghép đôi trên màn hình âm thanh/thông tin.
 - Xác nhận nếu mã ghép đôi trên màn hình và mã trên điện thoại của bạn khớp nhau.
Điều này có thể khác nhau tùy theo điện thoại.
6. Chọn các chức năng mong muốn rồi chọn **Connect**.
7. Thông báo xuất hiện trên màn hình nếu ghép đôi thành công.
8. Chọn **OK**.

✎ Cài Đặt Điện Thoại

Cần ghép đôi điện thoại tương thích *Bluetooth* với HFT trước khi gọi hoặc nhận các cuộc gọi rảnh tay.

Lưu Ý Khi Ghép Đôi Điện Thoại:

- Không thể ghép đôi điện thoại khi xe đang chạy.
- Có thể ghép đôi tối đa sáu điện thoại.
- Pin điện thoại có thể hết nhanh hơn khi ghép đôi với hệ thống.

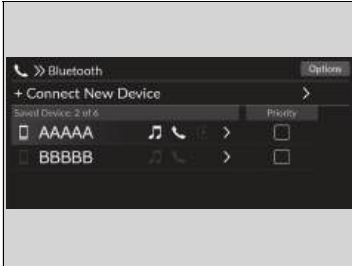
Sau khi ghép đôi điện thoại, bạn có thể thấy các biểu tượng sau xuất hiện trên màn hình.

: Điện thoại tương thích với Âm Thanh *Bluetooth*®.

: Có thể sử dụng điện thoại ở chế độ HFT.

: Điện thoại tương thích với Apple CarPlay.

Nếu đang có kết nối với ứng dụng Apple CarPlay thì không thể ghép đôi các thiết bị tương thích *Bluetooth*®.

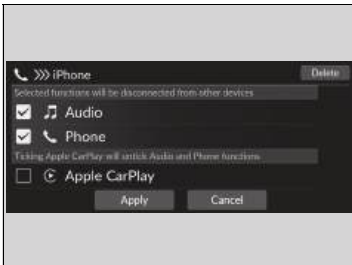


■ Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Change Devices**.
4. Chọn điện thoại để kết nối.
 - HFT ngắt kết nối với điện thoại đã kết nối và bắt đầu tìm kiếm điện thoại đã ghép đôi khác.
 - Bạn có thể cài đặt ưu tiên cho điện thoại được kết nối. Tích vào điện thoại bạn muốn ưu tiên.
5. Chọn  (âm thanh)  (điện thoại), hoặc  (Apple CarPlay).
 -  có thể chọn đồng thời , tuy nhiên, khi đã chọn , thì không thể chọn  và .
 - Nếu bạn muốn hủy kết nối *Bluetooth®*, bỏ tích tất cả các biểu tượng.
6. Chọn **Apply**.

■ Để xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Change Devices**.
4. Chọn điện thoại bạn muốn xóa.
5. Chọn **Delete**.
6. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Delete**.



►► Để thay đổi điện thoại đang ghép đôi

Nếu không tìm thấy hoặc không ghép đôi được với điện thoại nào khi tìm kiếm điện thoại khác, HFT sẽ thông báo cho bạn rằng điện thoại ban đầu đã được kết nối trở lại.

Để ghép đôi các điện thoại khác, chọn **+ Connect New Device** từ màn hình **Bluetooth**.

■ Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Cuộc Gọi Gần Đây

Sau khi ghép đôi điện thoại, tất cả các số liên lạc trong danh bạ điện thoại và cuộc gọi gần đây sẽ tự động lưu vào hệ thống.

1. Chọn **Phone**.

2. Chọn **Settings**.

3. Chọn **Auto Sync Phone**.

4. Chọn **ON** hoặc **OFF**.

► Cài đặt Mặc định ở **ON**.

☒ Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và Cuộc Gọi Gần Đây

Trên một số điện thoại, cần cài đặt tính năng này để lưu danh bạ điện thoại.

Khi bạn chọn một liên hệ trong danh bạ điện thoại, các biểu tượng sẽ xuất hiện. Các biểu tượng này biểu thị kiểu lưu cho số điện đó.

	Yêu Thích		Fax
	Nhà Riêng		Xe Hơi
	Di Động		Tin Nhắn Thoại
	Công Việc		Khác
	Máy Nhắn Tin		

Ở một số điện thoại, có thể không lưu được các biểu tượng vào hệ thống.

Danh bạ được cập nhật sau mỗi lần kết nối.
Cuộc gọi gần đây được cập nhật sau mỗi lần kết nối.

■ Tự Động Chuyển Cuộc Gọi

Nếu bạn vào xe khi đang nói chuyện điện thoại, cuộc gọi đó có thể tự động chuyển sang HFT.

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Auto Phone Call Transfer**.
4. Chọn **ON** hoặc **OFF**.
 - Cài đặt Mặc định ở **ON**.

■ Nhạc Chuông

Bạn có thể thay đổi cài đặt nhạc chuông.

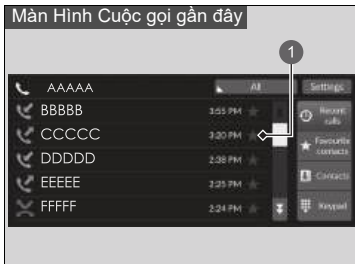
1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Settings**.
3. Chọn **Ringtone**.
4. Chọn **Vehicle** hoặc **Phone**.
 - Cài đặt mặc định ở **Phone**.

▣ Nhạc Chuông

Vehicle: Nhạc chuông được cài sẵn phát ra từ loa.

Phone: Tùy thuộc vào hãng sản xuất và loại điện thoại di động, nhạc chuông được lưu trong điện thoại sẽ phát ra nếu điện thoại được kết nối.

Liên Hệ Yêu Thích



① Biểu Tượng Ngôi Sao

■ Thêm Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Recent calls**, **Contacts**, hoặc **Keypad**.

Trên màn hình Cuộc gọi gần đây hoặc màn hình Liên hệ

3. Chọn biểu tượng ngôi sao.

Trên màn hình Bàn Phím

3. Chọn **Add to Favourite Contacts**.

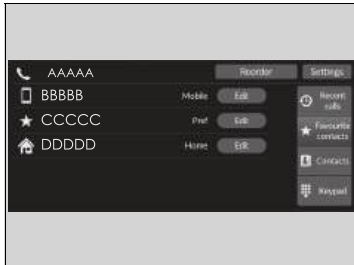
- Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình nếu Liên hệ yêu thích được lưu thành công.
- Để xóa Liên hệ yêu thích, chọn biểu tượng ngôi sao một lần nữa.



① Biểu Tượng Ngôi Sao



1 Thêm vào Liên Hệ Yêu Thích



■ Chỉnh sửa Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** trên mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn cài đặt mong muốn.
5. Chọn **Done**.

■ Xóa Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** ở mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn xóa.
4. Chọn **Remove**.
5. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.



■ Thêm khẩu lệnh vào Liên hệ yêu thích đã lưu

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** trên mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn **Voice Tag**.
5. Chọn **Record**.
6. Chọn **Record**, hoặc sử dụng nút  và làm theo hướng dẫn để hoàn thành khẩu lệnh.

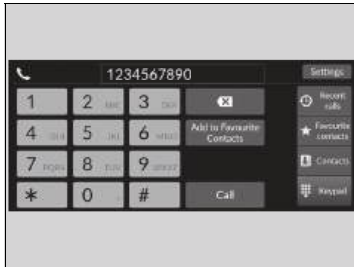
■ Để xóa khẩu lệnh

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Favourite contacts**.
3. Chọn **Edit** trên mục Liên hệ yêu thích mà bạn muốn chỉnh sửa.
4. Chọn **Voice Tag**.
5. Chọn **Clear**.
6. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện trên màn hình. Chọn **Yes**.

» Liên Hệ Yêu Thích

Tránh lặp lại khẩu lệnh.
Tránh dùng "*home*" làm khẩu lệnh.
Hệ thống sẽ dễ dàng nhận ra tên đầy đủ hơn. Ví dụ, dùng "*John Smith*" thay vì dùng "*John*."

■ Tạo Cuộc Gọi



Tạo cuộc gọi bằng cách nhập số điện thoại bất kỳ hoặc chọn số điện thoại từ **Recent calls** (Cuộc gọi gần đây), **Favourite contacts** (Liên hệ yêu thích) và **Contacts** (Danh bạ) đã lưu.

■ Để tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây

Các cuộc gọi gần đây được lưu theo **All** (Tất Cả), **Dialled** (Cuộc Gọi Đi), **Missed** (Cuộc Gọi Nhỡ), hoặc **Received** (Cuộc Gọi Đến).

1. Chọn **Phone**.

2. Chọn **Recent calls**.

► Bạn có thể sắp xếp theo **All**, **Dialled**, **Missed**, hoặc **Received**. Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.

3. Chọn một số điện thoại.

► Quay số tự động bắt đầu.

■ Để tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích

1. Chọn **Phone**.

2. Chọn **Favourite contacts**.

► Bạn có thể thay đổi thứ tự các số Liên hệ yêu thích bằng cách chọn **Reorder**.

3. Chọn một số điện thoại.

► Quay số tự động bắt đầu.

■ Tạo Cuộc Gọi

Có thể dùng khẩu lệnh để gọi số điện thoại bất kỳ trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh từ hầu hết các màn hình.

Ấn nút  và nói khẩu lệnh.

Khi cuộc gọi được kết nối, bạn sẽ nghe thấy giọng của người nhận cuộc gọi qua loa âm thanh.

Khi đang kết nối với Apple CarPlay, không thể gọi điện bằng hệ thống Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) và chỉ được gọi từ Apple CarPlay.

■ Để tạo cuộc gọi bằng các cuộc gọi gần đây

Các cuộc gọi gần đây chỉ hiển thị khi điện thoại được kết nối với hệ thống.

All: Hiển thị các cuộc gọi đi, gọi đến và cuộc gọi nhớ gần đây nhất.

Dialled: Hiển thị các cuộc gọi đi gần đây nhất.

Missed: Hiển thị các cuộc gọi nhớ gần đây nhất.

Received: Hiển thị các cuộc gọi đến gần đây nhất.

■ Để tạo cuộc gọi bằng số Liên hệ yêu thích

Khi đã lưu một khẩu lệnh, ấn nút  để gọi điện bằng khẩu lệnh.

► **Liên Hệ Yêu Thích Tr. 372**

Có thể dùng khẩu lệnh để gọi số điện thoại bất kỳ trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh từ bất kỳ màn hình nào.

Ấn nút  và thực hiện theo hướng dẫn.

■ Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Contacts**.
3. Chọn một tên.
 - Bạn có thể sắp xếp theo **First Name** (Tên Gọi) hoặc **Surname** (Họ). Chọn biểu tượng ở phía trên bên phải màn hình.
4. Chọn một số điện thoại.
 - Quay số tự động bắt đầu.

■ Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

1. Chọn **Phone**.
2. Chọn **Keypad**.
3. Chọn một số điện thoại.
 - Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số.
4. Chọn **Call**.
 - Quay số tự động bắt đầu.

►► Để tạo cuộc gọi bằng danh bạ đã lưu

Có thể dùng khẩu lệnh để gọi số điện thoại trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh.

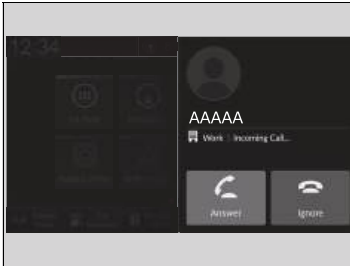
► **Liên Hệ Yêu Thích** Tr. 372

►► Để tạo cuộc gọi bằng số điện thoại

Có thể dùng khẩu lệnh để gọi số điện thoại trong mục Liên hệ yêu thích được lưu bằng khẩu lệnh.

► **Liên Hệ Yêu Thích** Tr. 372

■ Nhận Cuộc Gọi



Khi có cuộc gọi đến, âm thanh thông báo phát ra (nếu được hoạt động) và màn hình cuộc gọi đến **Incoming Call...** xuất hiện.

Bạn có thể sử dụng vòng lựa chọn bên trái để trả lời cuộc gọi.

Để nhận cuộc gọi, cuộn màn hình giao diện thông tin cho người lái lên hoặc xuống để chọn  (trả lời), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

- Nếu bạn muốn từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi, sử dụng vòng lựa chọn bên trái để chọn  (bỏ qua) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

☒ Nhận Cuộc Gọi

Cuộc Gọi Chờ

Chọn  (trả lời) để giữ cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi đến.

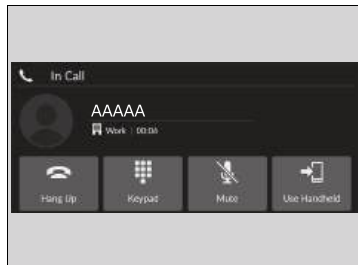
Chọn  bằng vòng lựa chọn bên trái để trở lại cuộc gọi hiện tại.

Chọn  (bỏ qua) để bỏ qua cuộc gọi đến nếu bạn không muốn trả lời cuộc gọi đó.

Chọn  nếu bạn muốn kết thúc cuộc gọi hiện tại.

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin thay vì các biểu tượng  và  trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Tùy Chọn Khi Đang Gọi



Có các tùy chọn sau khi đang gọi:

Bàn Phím: Gửi số điện thoại trong khi gọi. Tính năng này rất hữu ích khi bạn gọi điện thoại dưới dạng danh mục.

Mute: Tắt tiếng của bạn.

Use Handheld: Chuyển cuộc gọi từ hệ thống sang điện thoại của bạn.

Các tùy chọn nằm ở phía dưới màn hình.

Chọn tùy chọn.

- Khi chọn **Mute**, biểu tượng tắt tiếng sẽ xuất hiện đồng thời màn hình nguồn khác không phải màn hình điện thoại cũng sẽ xuất hiện. Chọn **Mute** thêm lần nữa để bật tiếng.

►► Tùy Chọn Khi Đang Gọi

Bạn có thể chọn các biểu tượng trên màn hình âm thanh/thông tin.

iPod/USB

Nếu xảy ra lỗi khi đang bật iPod hoặc USB, một số thông báo lỗi sau có thể xuất hiện trên màn hình. Nếu bạn không thể xóa thông báo lỗi, hãy liên hệ với đại lý.

Thông Báo Lỗi	Giải Pháp
Connect Retry	Xuất hiện khi hệ thống không nhận iPod. Kết nối lại iPod.
Unplayable File	Xuất hiện khi các file trong USB được bảo vệ bản quyền hoặc định dạng không được hỗ trợ. Thông báo lỗi này xuất hiện trong khoảng vài giây, sau đó sẽ phát file tiếp theo.
No Data	iPod Xuất hiện khi iPod trống. USB Xuất hiện khi USB trống hoặc không có file MP3, WMA, AAC, FLAC, hoặc WAV trong USB. iPod và USB Kiểm tra xem thiết bị có lưu các file tương thích không.
Unsupported	Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không được hỗ trợ. Nếu thông báo này xuất hiện khi kết nối với một thiết bị được hỗ trợ, hãy kết nối lại thiết bị.
No response from device	Xuất hiện khi hệ thống không liên lạc với thiết bị đã kết nối. Nếu thông báo này xuất hiện sau khi kết nối với một thiết bị, hãy liên hệ với nơi bạn mua thiết bị.
USB hub not supported	Xuất hiện khi chỉ có một HUB được kết nối. Nếu thông báo này xuất hiện, hãy kết nối USB với HUB.
A charging error has occurred with the connected USB device. When safe please check the compatibility of the device and USB cable and try again.	Xuất hiện khi kết nối với một thiết bị không tương thích. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị. Sau đó, tắt hệ thống âm thanh và bật lại. Không kết nối lại thiết bị đã gây ra lỗi.

iPod, iPhone, và USB Tương Thích

Loại iPod và iPhone Tương Thích

Loại
Dành cho iPod touch (thế hệ thứ 6 đến 7)
Dành cho iPhone 5s/iPhone 6/iPhone 6 Plus/iPhone 6s/iPhone 6s Plus/iPhone SE/iPhone SE (thế hệ thứ 2)/iPhone 7/iPhone 7 Plus/iPhone 8/iPhone 8 Plus/iPhone X/iPhone XS/iPhone XS Max/iPhone XR/iPhone 11/iPhone 11 Pro/iPhone 11 Pro Max/iPhone 12/iPhone 12 mini/iPhone 12 Pro/iPhone 12 Pro Max/iPhone 13/iPhone 13 mini/iPhone 13 Pro/iPhone 13 Pro Max/iPhone 14/iPhone 14 Plus/iPhone 14 Pro/iPhone 14 Pro Max

USB

Sử dụng USB khuyến dùng có dung lượng từ 256 MB trở lên hoặc định dạng cao hơn FAT16 hoặc FAT32.

- Một số đầu phát âm thanh kỹ thuật số có thể không tương thích.
- Một số USB (ví dụ: USB có khóa bảo mật) có thể không hoạt động.
- Một số file phần mềm có thể không cho phép phát âm thanh hoặc hiển thị văn bản dữ liệu.
- Mỗi hệ thống âm thanh tương thích với các định dạng sau. Một số định dạng có thể không được hỗ trợ.
MP3, WMA, AAC, FLAC, PCM/WAVE, MP4, AVI, MKV, ASF/WMV

Loại iPod và iPhone Tương Thích

Hệ thống này có thể không tương thích với tất cả phiên bản phần mềm của các thiết bị này.

USB

Các file trong USB được phát theo thứ tự được lưu. Thứ tự này có thể khác so với thứ tự được hiển thị trên máy tính hoặc thiết bị của bạn.

■ Các Thiết Bị Khuyến Dùng

■ File MP4

Thiết bị		USB
Profile (phiên bản MP4)	Profile Cơ Sở/Mức 3, Profile Chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile Đơn/Mức 5 (MPEG4)
Đuôi file (phiên bản MP4)	.mp4/.m4v	
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3	
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)
Dung lượng ảnh tối đa	1,280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	720 × 576 pixels (MPEG4)

■ File AVI

Thiết bị		USB	
Profile (phiên bản AVI)	Profile Cơ Sở/Mức 3, Profile Chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile Đơn/Mức 5 (MPEG4)	Profile Cao Cấp/Mức 2, Profile Chính/Mức Trung Bình, Profile Đơn/Mức Trung Bình (VC-1)
Đuôi file (phiên bản AVI)	.avi		
Codec âm thanh tương thích	AAC, MP3, WMA		
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)	VC-1
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)	20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1)
Dung lượng ảnh tối đa	1,280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	720 × 576 pixels (MPEG4)	1,280 × 720 pixels, 720 × 480 pixels, 352 × 288 pixels (VC-1)

■ File MKV

Thiết bị		USB	
Profile (phiên bản MKV)	Profile Cơ Sở/Mức 3, Profile Chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile Đơn/Mức 5 (MPEG4)	Profile Cao Cấp/Mức 2, Profile Chính/Mức Trung Bình, Profile Đơn/Mức Trung Bình (VC-1)
Đuôi file (phiên bản MKV)		.mkv	
Codec âm thanh tương thích		AAC, MP3	
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	MPEG4 (ISO/IEC 14496 Part.2)	VC-1
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	8 Mbps (MPEG4)	20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1)
Dung lượng ảnh tối đa	1,280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	720 × 576 pixels (MPEG4)	1,280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1)

■ File ASF/WMV

Thiết bị		USB	
Profile (phiên bản ASF/WMV)	Profile Cơ Sở/Mức 3, Profile Chính/Mức 3.1 (MPEG4-AVC)	Profile Cao Cấp/Mức 2, Profile Chính/Mức Trung Bình, Profile Đơn/Mức Trung Bình (VC-1)	
Đuôi file (phiên bản ASF/WMV)		.asf/.wmv	
Codec âm thanh tương thích		WMA	
Codec video tương thích	MPEG4-AVC (H.264)	VC-1	
Tốc độ truyền dữ liệu bit	10 Mbps, 14 Mbps (MPEG4-AVC)	20 Mbps, 10 Mbps, 384 kbps (VC-1)	
Dung lượng ảnh tối đa	1,280 × 720 pixels (MPEG4-AVC)	1,280 × 720 pixels, 720 x 480 pixels, 352 x 288 pixels (VC-1)	

Giấy Phép Mã Nguồn Mở

Để xem thông tin giấy phép mã nguồn mở, thực hiện theo các bước sau.

1. Chọn **General Settings**.
2. Chọn **System**.
3. Chọn **About**.
4. Chọn **Legal Information**.
5. Chọn **Licence**.

Thông Tin Pháp Lý về Ứng Dụng Apple CarPlay/Android Auto

■ GIẤY PHÉP TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM

VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY TUÂN THEO THỎA THUẬN CỦA BẠN VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY, ĐƯỢC BAO GỒM NHƯ MỘT PHẦN CỦA CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG HỆ ĐIỀU HÀNH iOS CỦA APPLE. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY QUY ĐỊNH APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HAY BỊ NGỪNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MIÊU TẢ CÁC THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐƯỢC APPLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA APPLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE, VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG CARPLAY, BAO GỒM KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. HÃY XEM CHÍNH SÁCH BẢO MẬT CỦA APPLE ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁCH SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐƯỢC TẢI LÊN BỞI ỨNG DỤNG CARPLAY CỦA APPLE.

VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO TUÂN THEO THỎA THUẬN CỦA BẠN VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO VÀ PHẢI ĐƯỢC CHẤP THUẬN KHI TẢI ỨNG DỤNG ANDROID AUTO VỀ ĐIỆN THOẠI ANDROID CỦA BẠN. TÓM LẠI, CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO QUY ĐỊNH GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM NẾU CÁC DỊCH VỤ KHÔNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ HAY BỊ NGỪNG SỬ DỤNG, HẠN CHẾ TỐI ĐA CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE, ĐỒNG THỜI CÁC ĐIỀU KHOẢN CÒN MIÊU TẢ CÁC THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐƯỢC GOOGLE VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA GOOGLE THU THẬP VÀ LƯU TRỮ (BAO GỒM: VỊ TRÍ CỦA XE, TỐC ĐỘ XE, VÀ TRẠNG THÁI CỦA XE). CÁC ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG CŨNG CÔNG KHAI CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG ANDROID AUTO, BAO GỒM KHẢ NĂNG MẤT TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI LÁI. HÃY XEM CHÍNH SÁCH BẢO MẬT CỦA GOOGLE ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁCH SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐƯỢC TẢI LÊN BỞI ỨNG DỤNG ANDROID AUTO CỦA GOOGLE.

■ THÔNG BÁO MIỄN TRỪ BẢO HÀNH; GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

BẠN HOÀN TOÀN HIỂU VÀ ĐỒNG Ý RẰNG VIỆC SỬ DỤNG ỨNG DỤNG APPLE CARPLAY HOẶC ANDROID AUTO ("CÁC ỨNG DỤNG") LÀ CÓ RỦI RO, RẰNG BẠN SẼ CHỊU TOÀN BỘ RỦI RO Ở MỨC CAO NHẤT LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG, HIỆU SUẤT, ĐỘ CHÍNH XÁC VÀ ỨNG SUẤT CỦA CÁC ỨNG DỤNG THEO LUẬT HIỆN HÀNH CHO PHÉP, VÀ RẰNG CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG" VÀ "CÓ SẴN" VỚI TẤT CẢ CÁC LỖI VÀ KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO HÀNH NÀO, VÀ HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỚI MỌI HÌNH THỨC BẢO HÀNH VÀ ĐIỀU KIỆN NÀO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN TRÊN ỨNG DỤNG DÙ CÁC THÔNG TIN ĐÓ CÓ THỂ ĐƯỢC NÊU RA RÕ RÀNG, ĐƯỢC NGẮM ĐỊNH HAY THEO LUẬT ĐỊNH BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, CÁC BẢO ĐẢM VÀ/HOẶC CÁC ĐIỀU KIỆN NGẮM ĐỊNH VỀ TÍNH THƯƠNG MẠI CỦA SẢN PHẨM, SỰ HÀI LÒNG VỀ CHẤT LƯỢNG, SỰ PHÙ HỢP VỚI MỖI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, ĐỘ CHÍNH XÁC, VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH, VÀ KHÔNG VI PHẠM BỀN QUYỀN CỦA BÊN THỨ BA. HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH CHO CÁC THÔNG TIN TRUYỀN MIỆNG HOẶC BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI KHUYẾN ĐƯỢC HONDA HOẶC ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN CỦA HONDA ĐƯA RA. VÍ DỤ, VÀ KHÔNG HẠN CHẾ, HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH CHO CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA DỮ LIỆU ĐƯỢC CÁC ỨNG DỤNG CUNG CẤP NHƯ: ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA CÁC HƯỚNG DẪN, THỜI GIAN HÀNH TRÌNH ƯỚC TÍNH, CÁC GIỚI HẠN TỐC ĐỘ, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐƯỜNG XÁ, BẢN TIN, THỜI TIẾT, GIAO THÔNG, VÀ NỘI DUNG KHÁC ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI APPLE, GOOGLE, CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH, HOẶC BÊN CUNG CẤP THỨ BA; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO GIÚP BẠN TRÁNH ĐƯỢC VIỆC BỊ MẤT DỮ LIỆU ỨNG DỤNG VÌ CÁC DỮ LIỆU ỨNG DỤNG CÓ THỂ BỊ MẤT BẤT CỨ KHI NÀO; HONDA KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG CÁC ỨNG DỤNG HOẶC BẤT KỲ DỊCH VỤ NÀO ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG QUA GOOGLE VÀ APPLE, V.V. SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP Ở BẤT CỨ THỜI GIAN NÀO, VÀ KHÔNG ĐẢM BẢO RẰNG BẤT KỲ HOẶC TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ SẼ CÓ SẴN TRONG MỘT THỜI GIAN HOẶC VỊ TRÍ CỤ THỂ. VÍ DỤ: CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ BỊ NGƯNG HOẶC GIÁN ĐOẠN MÀ KHÔNG CÓ THÔNG BÁO VỀ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, SỬA LỖI BẢO MẬT, CẬP NHẬT, V.V. CÁC DỊCH VỤ CÓ THỂ KHÔNG CÓ SẴN TRONG KHU VỰC HOẶC VỊ TRÍ CỦA BẠN, V.V. NGOÀI RA, BẠN CŨNG HIỂU RẰNG CÁC THAY ĐỔI VỀ CÔNG NGHỆ CỦA BÊN THỨ BA HOẶC QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ CÓ THỂ GIỚI HẠN CÁC DỊCH VỤ VÀ/HOẶC CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LỖI THỜI VÀ/HOẶC KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC.

TRONG PHẠM VI LUẬT CHO PHÉP, HONDA VÀ CÁC CÔNG TY CHI NHÁNH CỦA HONDA KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC THƯƠNG TÍCH, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT, GIÁN TIẾP HOẶC CÁC THIẾT HẠI MANG TÍNH HẬU QUẢ NÀO BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, NHỮNG THIẾT HẠI GÂY THUA LỖ, LÂM HỒNG HOẶC MẤT DỮ LIỆU, KHÔNG TRUYỀN HOẶC NHẬN ĐƯỢC DỮ LIỆU, GIÁN ĐOẠN CÁC GIAO DỊCH KINH DOANH HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI HOẶC THUA LỖ TRONG KINH DOANH NÀO KHÁC, PHÁT SINH THÊM HAY LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ỨNG DỤNG HOẶC VẤN ĐỀ KHÔNG THỂ SỬ DỤNG ĐƯỢC CÁC ỨNG DỤNG HAY THÔNG TIN VỀ CÁC ỨNG DỤNG, VÌ BẤT KỲ LÝ DO GÌ, KHÔNG PHẢI DO VẤN ĐỀ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ (HỢP ĐỒNG, SAI SÓT HOẶC CÁC VẤN ĐỀ KHÁC) VÀ NGAY CẢ NẾU HONDA ĐÃ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA NHỮNG TỒN HẠI NHƯ VẬY. MỘT SỐ KHU VỰC, QUỐC GIA CÓ THỂ KHÔNG CHẤP NHẬN VIỆC LOẠI TRỪ HOẶC HẠN CHẾ VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI THIẾT HẠI ĐÃ XẢY RA, VÌ THẾ NHỮNG GIỚI HẠN VÀ LOẠI TRỪ NÀY CÓ THỂ SẼ KHÔNG ÁP DỤNG CHO BẠN. CÁC GIỚI HẠN TRÊN SẼ ĐƯỢC ÁP DỤNG NGAY CẢ KHI CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC NẾU TRÊN KHÔNG ĐẠT ĐƯỢC MỤC ĐÍCH CƠ BẢN.

Thông Tin Giấy Phép

■ Bluetooth

Nhãn và logo *Bluetooth*® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhãn này của Panasonic Automotive Systems Co., Ltd. đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

<https://www.bluetooth.com/develop-with-bluetooth/marketing-branding/>



■ Windows Media

Sản phẩm này được bảo hộ bởi một số quyền sở hữu trí tuệ của Microsoft. Không được phép sử dụng hoặc phân phối sản phẩm này ra bên ngoài nếu không có giấy phép từ Microsoft.

■ Apple

"Made for iPod" (Dành cho iPod), và "Made for iPhone" (Dành cho iPhone), nghĩa là phụ kiện điện tử đó được thiết kế để kết nối riêng với iPod hoặc iPhone và đã được nhà phát triển chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất của Apple. Apple không chịu trách nhiệm về việc hoạt động của thiết bị này hay việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và quy định. Xin lưu ý rằng việc sử dụng phụ kiện này với iPod hoặc iPhone, có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của mạng không dây.

Apple, Logo của Apple, iPhone, iPod touch là các nhãn hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Apple CarPlay, iPod, iPhone, iTunes, Siri và Lightning là các nhãn hiệu của Apple Inc. App Store là một nhãn hiệu dịch vụ của Apple Inc.



MPEG

Mpeg4 Visual

SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ MPEG-4 VISUAL CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN MPEG-4 VISUALA ("VIDEO MPEG-4") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO MPEG-4 ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐÃ ĐƯỢC MPEG LA CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO MPEG-4. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC. CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG BAO GỒM THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG VÀ CẤP PHÉP CHO MỤC ĐÍCH QUẢNG CÁO, NỘI BỘ VÀ THƯƠNG MẠI TỪ MPEG LA, LLC. XEM TẠI [HTTP://WWW.MPEGLA.COM](http://www.mpegla.com).

VC-1

SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ VC-1 CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN VC-1 ("VIDEO VC-1") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO VC-1 ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐƯỢC CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO VC-1. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC. CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM TẠI [HTTP://WWW.MPEGLA.COM](http://www.mpegla.com).

AVC/H.264

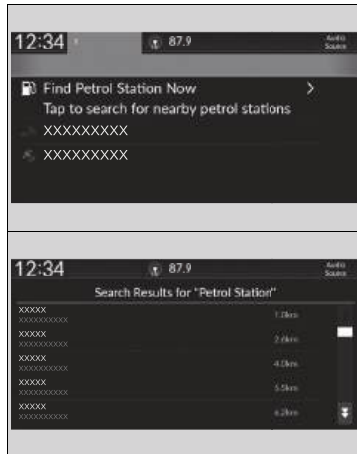
SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẰNG SÁNG CHẾ AVC CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG SỬ DỤNG CÁ NHÂN VÀ PHI THƯƠNG MẠI ĐỂ (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN AVC ("VIDEO AVC") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO AVC ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN HOẶC PHI THƯƠNG MẠI VÀ/HOẶC ĐƯỢC TẠO RA TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐƯỢC CẤP PHÉP ĐỂ CUNG CẤP VIDEO AVC. KHÔNG CẤP GIẤY PHÉP HOẶC NGỤ Ý CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC.

CÓ THỂ XEM THÔNG TIN BỔ SUNG TỪ MPEG LA, L.L.C. XEM TẠI [HTTP://WWW.MPEGLA.COM](http://www.mpegla.com).

Chiếc xe này được trang bị tính năng tự động tính toán thời điểm nạp nhiên liệu. Tính năng này sẽ thông báo cho bạn khi cần nạp nhiên liệu cũng như giúp bạn tìm kiếm các trạm xăng gần nhất.



1 Biểu Tượng Thông Báo



1. Đến thời điểm xe cần nạp nhiên liệu, thông báo sẽ hiển thị và biểu tượng thông báo sẽ hiển thị trong vùng tiêu đề.
2. Chọn ô chứa biểu tượng.

3. Chọn Find Petrol Station Now.

4. Chọn một trạm xăng từ màn hình tìm kiếm của hệ thống định vị.
 - Để biết cách sử dụng hệ thống định vị, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị.

Bạn có thể bật và tắt chức năng **Nhắc Nạp Nhiên Liệu**.

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346

Khi bạn tắt tính năng này, thông báo nhắc nạp nhiên liệu sẽ không hiển thị.

Tính năng này chỉ hoạt động khi mức nhiên liệu trong bình chứa là dưới 30%.

Nếu bạn chọn **Find Petrol Station Now** (Tìm Trạm Xăng Ngay) hoặc nạp trên 5 lít xăng, thông báo nạp nhiên liệu sẽ biến mất. Nếu bạn không muốn thông báo xuất hiện, hãy chọn **TẮT** trong mục cài đặt **Nhắc Nạp Nhiên Liệu**.

Khi bạn lái xe trên đường gồ ghề, lên dốc hoặc xuống dốc trong một khoảng thời gian dài, thông báo có thể biến mất hoặc không hiển thị.

Lái Xe

Chương này đề cập đến việc lái xe và nạp nhiên liệu.

Trước Khi Lái Xe	392
Kéo Rơ-moóc	396
Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trờ	397
Khí Lái Xe	
Khởi Động Động Cơ.....	399
Lưu Ý Khi Lái Xe.....	405
Hộp Số Vô Cấp.....	407
Loại xe không có công tắc chế độ lái	
Sang Số.....	408
Loại xe có công tắc chế độ lái	
Sang Số.....	412
Chế Độ ECON*.....	416
Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời* 417	
Công Tắc Chế Độ Lái*.....	423

Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo.....	426
Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA).....	428
Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh.....	430
Loại xe Đài Loan	
Hệ Thống Theo Dõi Áp Suất Lốp (TPMS).....	431
Ngoại trừ loại xe Đài Loan	
Hệ Thống Cảnh Báo Xếp Lốp*.....	434
Honda SENSING*	439
Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS).....	442
Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp*.....	456
Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường.....	462
Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp.....	472
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS).....	492

Loại xe Australia và Fiji	
Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường.....	504
Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*.....	513
Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*.....	518
Camera Góc Rộng Phía Trước.....	523
Phanh	
Hệ Thống Phanh.....	526
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS).....	534
Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp.....	535
Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp.....	536
Đỗ Xe	537
Camera Lùi Đa Hướng*	545
Nạp Nhiên Liệu	547
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO₂	551
Xe Có Động Cơ Tăng Áp*	552

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Chuẩn Bị Lái

Kiểm tra các mục sau trước khi lái xe.

KiểmTra Bên Ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn ngoài xe hoặc các bộ phận khác của xe.
 - ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
 - ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái xe hoặc ảnh hưởng đến những người tham gia giao thông khác. Nếu tuyết đã đóng cứng, gạt bỏ khi đã tan bớt.
 - ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
 - ▶ Nếu nắp ca-pô mở ra khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che khuất.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
 - ▶ Kiểm tra áp suất không khí, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
 - ▶ Có các điểm mù từ bên trong xe.

📖 **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 599

»KiểmTra Bên Ngoài

LƯU Ý

Khi các cửa bị đóng băng, hãy đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở cửa, vì việc này có thể làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Khi đã làm xong, lau khô để tránh bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa.
Sẽ không thể cắm chìa khóa vào ổ khóa nếu nước bị đóng băng trong ổ khóa.

Nhiệt từ động cơ và khí xả có thể làm cháy các vật liệu dễ cháy bám dưới nắp ca-pô, gây cháy nổ. Nếu bạn đỗ xe lâu, hãy kiểm tra và loại bỏ rác xung quanh xe như cỏ và lá khô bị rơi xuống hoặc do động vật làm tổ. Đồng thời kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó thực hiện bảo dưỡng xe.

Kiểm Tra Bên Trong

- Để hoặc cố định chắc chắn tất cả các đồ vật trên xe.
 - Chờ quá nhiều đồ, hoặc để không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định xe, khoảng cách dừng, lốp xe và làm giảm độ an toàn.
 - **Giới Hạn Tải Tr.** 395
- Không để các đồ vật cao hơn lưng ghế.
 - Chúng có thể che tầm nhìn của bạn hoặc xô về phía trước trong trường hợp phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo gắn chắc thảm lót sàn.
 - Đồ vật hoặc thảm lót sàn không được cố định chắc chắn sẽ cản trở bạn nhấn bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga trong khi lái.
- Nếu có vật nuôi trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
 - Chúng có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu.
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.
 - Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
 - **Ghế Ngồi Tr.** 249
 - **Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước Tr.** 258
- Điều chỉnh gương và vô lăng đúng cách.
 - Điều chỉnh khi đã ngồi với tư thế thoải mái.
 - **Gương Tr.** 245
 - **Điều Chỉnh Vô Lăng Tr.** 244

Kiểm Tra Bên Trong

Hướng của đèn chiếu sáng là do nhà máy cài đặt và không cần điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong khoang hành lý, hãy đến đại lý hoặc kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

Loại xe có điều chỉnh đèn chiếu sáng

Bạn có thể tự điều chỉnh góc đèn chiếu gần.

➤ **Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*** Tr. 231

Loại xe có điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động

Xe được trang bị hệ thống điều chỉnh đèn chiếu sáng tự động có thể tự động điều chỉnh góc đối đỉnh của đèn chiếu gần.

- Đảm bảo các đồ vật để dưới sàn phía sau ghế trước không lặn dưới các ghế.
 - Chúng có thể gây cản trở khả năng vận hành bàn đạp của người lái, hoặc việc vận hành các ghế.
- Mọi người trong xe đều phải thắt dây đai an toàn.
 - 📌 **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 49
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng điều khiển sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
 - Nếu các đèn báo có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
 - 📌 **Đèn Báo** Tr. 116

Giới Hạn Tải

Khi bạn chở hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

📖 **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 694

Với một số loại xe

Tải lên cầu trước và cầu sau cũng không được vượt quá tải trọng trục tối đa cho phép.

📖 **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 694

ⓘ Giới Hạn Tải

⚠ CẢNH BÁO

Tải quá nặng hoặc tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc điều khiển và cân bằng của xe và có thể gây ra va chạm khiến bạn bị thương hoặc tử vong.

Tuân theo tất cả các giới hạn tải và các hướng dẫn tải trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ-moóc và không thể kéo rơ-moóc một cách an toàn, cũng như không thể lắp móc kéo vào xe. Không lắp móc kéo hoặc kéo xe bằng xe của bạn.

Thông tin chung

Xe của bạn được thiết kế chủ yếu để đi trên đường được trải nhựa, tuy nhiên khoảng sáng gầm xe cao hơn cho phép bạn thỉnh thoảng di chuyển trên đường không trải nhựa. Xe không được thiết kế để đi trên đường chưa được mở, hoặc các hoạt động trên đường hiểm trở.

Nếu bạn quyết định lái xe trên đường không trải nhựa, bạn sẽ cần có một số kỹ năng lái xe và kỹ năng xử lý khác so với khi đi trên đường nhựa. Chú ý đến các lưu ý và các mẹo trong phần này, làm quen với xe của bạn trước khi lái xe ra khỏi đường nhựa.

Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

Để tránh mất lái hoặc xe bị lộn vòng, đảm bảo làm theo các lưu ý và khuyến cáo sau:

- Đảm bảo hành lý được cố định chắc chắn và không chở hành lý vượt quá tải.
📖 **Giới Hạn Tải** Tr. 395
- Khi lái xe, đảm bảo bạn và hành khách luôn thắt dây đai an toàn.
- Duy trì tốc độ chậm và không lái xe nhanh hơn điều kiện cho phép.
- Bạn phải liên tục đánh giá tình hình và lái xe trong giới hạn cho phép.

📖 Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trở

⚠ CẢNH BÁO

Vận hành xe không đúng cách trên hoặc ngoài đường trải nhựa có thể gây va chạm hoặc lật xe khiến bạn và hành khách có thể bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

- Làm theo tất cả các hướng dẫn trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này.
- Duy trì tốc độ chậm và không lái xe nhanh hơn điều kiện cho phép.

Không vận hành xe đúng cách có thể gây va chạm hoặc lật xe.

📖 **Thông Tin Xử Lý Quan Trọng** Tr. 40

📖 **Lưu Ý Khi Lái Xe** Tr. 405

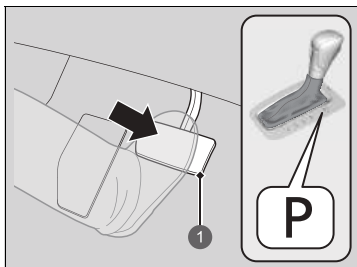
Tránh Xảy Ra Sự Cố

- **Kiểm Tra Xe** trước khi bạn đi vào khu vực đường hiểm trở và đảm bảo đã hoàn thành tất cả các bảo dưỡng định kỳ. Đặc biệt chú ý đến tình trạng lốp và kiểm tra áp suất lốp.
- **Nhớ** rằng con đường bạn định đi sẽ có những hạn chế (quá dốc hoặc gập ghềnh), bản thân bạn có những hạn chế (kỹ năng lái xe và sự thoải mái) và xe của bạn cũng có những hạn chế (độ bám đường, độ ổn định và công suất). Không nhận ra được các hạn chế này sẽ khiến bạn và hành khách gặp nguy hiểm.
- **Tăng Tốc và Phanh** cần được thực hiện một cách từ từ và dần dần. Cố khởi động hoặc dừng xe quá nhanh có thể gây mất độ bám đường và mất kiểm soát xe.
- **Tránh Chướng Ngại Vật và Mạnh Vỡ** trên đường giúp giảm thiểu nguy cơ lật xe hoặc làm hư hỏng hệ thống treo và các bộ phận khác.
- **Lái Xe trên Dốc** làm tăng nguy cơ bị lật xe, đặc biệt khi bạn cố gắng lái xe qua dốc quá cao. Lái thẳng khi lên hoặc xuống dốc thường là an toàn nhất. Nếu bạn không thể nhìn rõ các điều kiện bất lợi hoặc chướng ngại vật trên dốc, hãy xuống xe đi bộ để kiểm tra đường trước khi lái. Nếu thấy nghi ngờ về độ an toàn khi đi qua đoạn đường đó, thì không nên cố đi qua. Hãy tìm một con đường khác. Nếu bạn bị kẹt khi đang lên dốc, không nên cố quay xe. Hãy từ từ lùi xe theo đúng hành trình bạn đã leo dốc trước đó.
- **Băng Qua Suối** - Tránh lái xe qua chỗ nước sâu. Nếu bạn phải lái xe đi qua khu vực có nước (suối nhỏ hoặc vùng nước lớn), hãy đánh giá kỹ khả năng đi qua khu vực đó trước khi lái. Đảm bảo khu vực này nước nông, không chảy xiết, và nền đất phía dưới chắc chắn. Nếu không chắc chắn về độ sâu hoặc nền đất phía dưới, hãy quay lại và tìm đường khác. Lái xe qua khu vực nước sâu có thể gây hư hỏng cho xe của bạn. Nước có thể lọt vào hộp số và vi sai, làm loãng dầu bôi trơn và gây hư hỏng. Nước cũng có thể làm trôi dầu bôi trơn quanh các vòng bi bánh xe.
- **Nếu Bị Kẹt**, hãy cẩn thận đi theo hướng mà bạn cho là sẽ ra khỏi được chỗ kẹt. Không cố ga khi lốp bị trượt vì sẽ làm tình hình tồi tệ hơn và có thể làm hỏng hộp số. Nếu bạn không thể thoát ra khỏi chỗ kẹt, thì cần phải kéo xe. Xe của bạn có các móc kéo ở phía trước và phía sau để sử dụng trong những trường hợp này.

Khởi Động Động Cơ



❶ Công Tắc Phanh Đỗ Điện



❶ Bàn Đạp Phanh

1. Đảm bảo gài phanh đỗ.

- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) sẽ sáng trong 30 giây khi kéo công tắc phanh đỗ điện.

2. Đảm bảo cần số ở **P**, sau đó nhấn bàn đạp phanh.

- ▶ Mặc dù có thể khởi động xe ở **N**, nhưng khởi động xe ở **P** vẫn an toàn hơn.

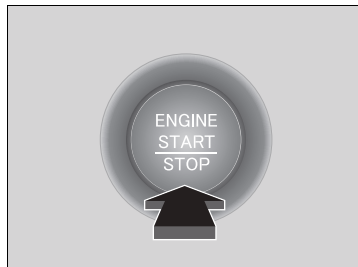
Khởi Động Động Cơ

Đề chắc chân trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và không khí loãng ở độ cao trên 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, hãy tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống điều khiển nhiệt độ và sấy kính sau để giảm mức tiêu hao điện ắc quy.

Nếu hệ thống xả phát ra âm thanh bất thường hoặc có mùi khí xả bên trong xe, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả có sự cố.



3. Ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp ga.

►► Khởi Động Động Cơ

Để chìa khóa điều khiển từ xa gần nút **ENGINE START/STOP** nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu.

► **Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu**
Tr. 659

Động cơ có thể không khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa nhận được sóng radio mạnh.

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.

Nếu động cơ không khởi động, chờ thêm ít nhất 30 giây, sau đó khởi động lại động cơ.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp.

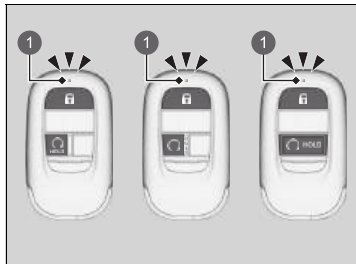
Nếu dùng thiết bị có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

► **Hệ Thống Chống Nổ Máy** Tr. 212

■ Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.

■ Để khởi động động cơ



① LED: Nhấp nháy khi ấn nút bất kỳ.



Ấn nút , sau đó ấn và giữ nút .

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần.

Nếu động cơ khởi động thành công, một số đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy sáu lần.

►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

⚠ CẢNH BÁO

Khí xả từ động cơ có chứa khí CO độc hại.

Hít phải khí CO có thể gây chết người hoặc gây bất tỉnh.

Không được khởi động động cơ từ xa khi xe đang đỗ trong gara hoặc khu vực khác có hệ thống thông gió kém.

Khởi động động cơ từ xa có thể vi phạm các quy định ở địa phương.

Trước khi sử dụng khởi động động cơ từ xa, hãy xem lại các quy định của địa phương.

Nếu có toà nhà hoặc vật cản giữa xe và chìa khóa điều khiển từ xa, phạm vi sẽ bị thu hẹp. Khoảng cách có thể thay đổi do nhiễu điện từ bên ngoài.



Nếu động cơ không khởi động, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy.

► Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

Khi khởi động từ xa, động cơ tự động tắt sau 10 phút chạy ở chế độ không tải và/hoặc không đồng thời nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Nếu muốn chạy không tải thêm 10 phút nữa ở lần lần bánh đầu tiên, ấn nút , sau đó ấn và giữ nút .

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy sáu lần nếu yêu cầu chạy không tải thêm 10 phút được gửi đi thành công.

►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

Không thể khởi động động cơ từ xa nếu:

• Bạn đã tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.

► **Cài Đặt*** Tr. 142, 158

• Chế độ nguồn không ở TẮT MÁY.

• Không ở số **[P]**.

• Nắp ca-pô mở hoặc một cửa bất kỳ hoặc cửa hậu không khóa.

• Bạn đã sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa hai lần để khởi động động cơ.

• Một chìa khóa điều khiển từ xa đã được đăng ký khác ở trong xe.

• Có ăng ten nào đó bị lỗi.

• Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.

• Áp suất dầu động cơ thấp.

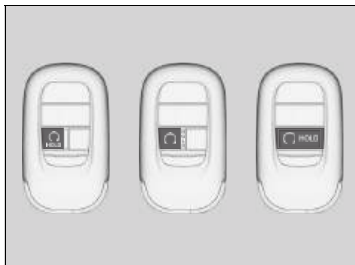
• Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.

• Bộ viễn thông* có sự cố.

• Không thiết lập cảnh báo hệ thống an ninh.

• Nạp điện ắc quy quá thấp.

■ Để dừng động cơ



Ấn và giữ nút  trong một giây.

Nếu động cơ dừng thành công, các đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy một lần.

Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm ngoài phạm vi của hệ thống truy cập từ xa, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy. Động cơ sẽ không dừng lại.

► Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

Động cơ có thể dừng trong khi đang chạy nếu:

- Không khởi động xe trong vòng 10 phút bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Dừng động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Không thiết lập cảnh báo hệ thống an ninh.
- Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.
- Nắp ca-pô mở, hoặc một cửa bất kỳ hoặc cửa hậu không khóa.
- Bạn ấn nút nhà cần số.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Đèn báo sự cố sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải gặp sự cố.

Trong khi động cơ đang hoạt động, xe sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe.

Khi trời ấm:

- Hệ thống điều khiển nhiệt độ được kích hoạt ở chế độ lấy gió trong.*
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ được kích hoạt ở chế độ đã chọn trước đó.*

Khi trời lạnh:

- Bộ sấy sẽ điều chỉnh nhiệt độ ấm vừa phải.
- Sấy kính sau sẽ hoạt động.

► **Nút Sấy Kính Sau** Tr. 242

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Bắt Đầu Lái Xe

Khi khởi động động cơ bằng nút  * trên chìa khóa điều khiển từ xa

Nhấn và giữ bàn đạp phanh, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Khi động cơ được khởi động trong trường hợp bất kỳ

1. Giữ chân phải trên bàn đạp phanh, sang số **[D]**. Chọn **[R]** khi lùi xe.
2. Khi gài phanh đỗ điện, nhả bàn đạp phanh và nhấn nhẹ bàn đạp ga.
 - Đảm bảo đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt.

📖 **Phanh Đỗ** Tr. 526

■ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc giữ phanh luôn bám để giúp xe không bị trôi xuống dốc khi bạn rời chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Sang số **[D]**, **[S]** * khi lên dốc, hoặc **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

■ Dừng Động Cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

1. Nhấn bàn đạp phanh và sang số **[P]**.
2. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

» Bắt Đầu Lái Xe

Khi khởi động động cơ bằng nút  * trên chìa khóa điều khiển từ xa

Động cơ dừng khi ra khỏi số **[P]** trước khi ấn nút **ENGINE START/STOP**. Thực hiện bước 1 khi bắt đầu lái.

Ấn công tắc phanh đỗ điện trong khi nhấn bàn đạp phanh để nhả phanh đỗ. Khi xuống dốc, nếu nhả phanh bằng công tắc phanh đỗ điện thì sẽ làm cho xe khởi động trơn tru hơn so với việc nhả phanh đỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga.

» Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khỏi bị trôi xuống dốc khi dốc quá cao hoặc dừng đứng, và cũng không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vẫn hoạt động ngay cả khi VSA tắt.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Lưu Ý Khi Lái Xe

■ Hướng Dẫn Lái cho Xe Có Nhiều Tiện Ích

Những xe có nhiều tiện ích có tỷ lệ bị lộn vòng cao hơn các loại xe khác. Để tránh bị lộn vòng hoặc mất kiểm soát:

- Vào cua ở tốc độ thấp hơn xe khác.
- Tránh cua gấp và vận hành đột ngột.
- Không sửa đổi xe bằng bất kỳ cách nào để tránh làm tăng trọng tâm.

■ Khi Có Sương Mù

Tầm nhìn sẽ bị hạn chế khi có sương mù. Khi lái xe, bật đèn chiếu gần ngay cả vào ban ngày. Lái xe chậm lại, đi theo vạch kẻ ở giữa đường, chú ý quan sát lan can và đèn hậu của xe phía trước xe bạn.

■ Khi Có Gió Mạnh

Nếu gió thổi mạnh khi đang lái xe, hãy giữ chặt vô lăng. Từ từ giảm tốc độ và lái xe ra giữa đường. Cẩn thận khi có gió mạnh, nhất là khi lái xe ra khỏi đường hầm, lái xe trên cầu hoặc bờ sông, hoặc lái xe qua khu vực trống như mỏ đá hoặc khi có xe tải lớn đi qua.

►► Lưu Ý Khi Lái Xe

CHÚ Ý: Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe qua chỗ nước sâu sẽ làm hỏng động cơ và các thiết bị điện và làm xe bị xuống cấp.

LƯU Ý

Không gạt cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga. Bạn có thể làm hỏng hộp số.

LƯU Ý

Nếu liên tục xoay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc giữ vô lăng sang phải hoặc trái một lúc, hệ thống lái trợ lực điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế vận hành. Vô lăng sẽ trở lên càng khó vận hành hơn. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ tiếp tục hoạt động.

Liên tục vận hành xe trong các điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

Nếu chế độ nguồn được đặt ở PHỤ KIẾN trong khi lái, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không chọn **N** khi đang lái xe để tránh làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng ga).

■ Khi Trời Mưa

Đường thường bị trơn trượt khi trời mưa. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh, xoay vô lăng đột ngột và chú ý hơn khi lái xe. Xe có thể bị trượt nước khi chạy trên đường bị hằn lún nhiều vũng nước. Không lái xe ngập sâu trong nước và trên đường ngập nước. Bởi vì việc này có thể làm hỏng động cơ, hệ thống truyền động hoặc các thiết bị điện.

■ Lưu Ý Khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, hãy dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ dầu dưới gầm xe.

»» Lưu Ý Khi Lái Xe

Trong 1.000 km đầu tiên, tránh tăng tốc đột ngột hoặc tăng ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền lực.

Tránh phanh gấp trong 300 km đầu tiên sau khi mua xe mới hoặc thay má phanh hoặc rô-to, để chạy roda đúng cách.

»» Hướng Dẫn Lái cho Xe Có Nhiều Tiện Ích

Không vận hành xe đúng cách có thể gây va chạm hoặc lật xe.

► **Thông Tin Xử Lý Quan Trọng** Tr. 40

► **Lưu Ý Khi Lái Xe** Tr. 405

»» Khi Trời Mưa

Hãy cẩn thận khi xảy ra hiện tượng trượt nước. Khi bạn lái xe trên đường ngập đầy nước với tốc độ quá cao, một lớp nước sẽ hình thành giữa lốp xe và mặt đường. Nếu điều này xảy ra, bạn sẽ không thể điều khiển xe như xoay vô lăng và phanh theo ý muốn.

Từ từ giảm tốc khi bạn về số. Nếu đường trơn trượt, phanh đột ngột sẽ làm lốp bị trượt.

Hộp Số Vô Cấp

■ Chuyển Động Từ Từ

Khi động cơ chạy không tải ở tốc độ cao, xe sẽ tự chuyển động từ từ. Nhấn chắc bàn đạp phanh khi dừng xe hoặc đảm bảo chế độ giữ phanh được kích hoạt.

■ Nhảy Về Số

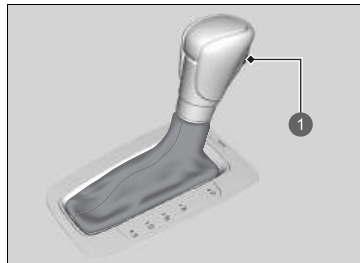
Nhấn đột ngột bàn đạp ga trong khi lái xe lên dốc có thể làm hộp số nhảy về số thấp hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái xe trên đường trơn trượt và khúc cua.

Loại xe không có công tắc chế độ lái

Sang Số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Vị trí cần số



1 Nút Nhả

P Số Đỗ

Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

R Số Lùi

Dùng khi lùi xe.

N Số Không

Hộp số không bị khóa.

D Số Lái

Dùng để:

- Để lái thường.
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số tay 7 cấp.*

S Số Lái (S)

Dùng để:

- Tăng tốc tốt hơn.
- Tăng phanh động cơ.
- Khi lên dốc hoặc xuống dốc.
- Khi lái ở chế độ sang số tay 7 cấp.*

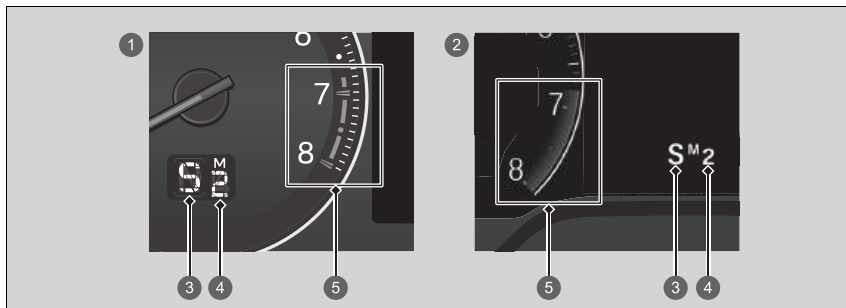
► Vị trí cần số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MẮY trừ khi cần số ở **P**.

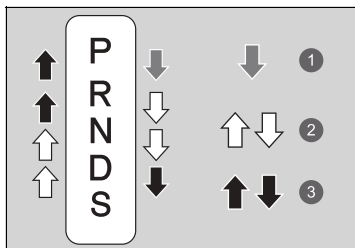
Xe có thể di chuyển nhẹ về phía trước với cần số ở **N** khi động cơ nguội.

Nhấn chắc bàn đạp phanh, và khi cần, hãy kéo phanh đỗ.

■ Vận Hành Cần Số



- ❶ Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji và Singapore
- ❷ Loại xe Australia, Fiji và Singapore
- ❸ Đèn Báo Vị trí Số (Đèn Báo Hệ Thống Truyền Động)
- ❹ Đèn báo **M** (chế độ sang số tay 7 cấp)*/ Đèn Báo Số
- ❺ Vùng Đỏ Cửa Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ



- ❶ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.
- ❷ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.
- ❸ Ấn nút nhả cần số và sang số.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

► Vận Hành Cần Số

LƯU Ý

Khi bạn chuyển số từ **[D]** sang **[R]** và ngược lại, hãy dừng hẳn xe đồng thời nhấn và giữ bàn đạp phanh. Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo vị trí số và kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Nếu đèn báo hệ thống truyền động nhấp nháy khi lái xe, khi cần số ở bất kỳ vị trí nào, hộp số đang gặp sự cố.

Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu đang nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số. Nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi sang số ở nơi có nhiệt độ quá thấp (-30°C), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí số hiển thị. Luôn xác nhận vị trí số đúng trước khi lái xe.

■ Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp*

Dùng lấy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp nếu bạn kéo lấy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

■ Khi cần số ở **[D]**:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp và số sẽ hiển thị trên đèn báo số.

Chế độ sang số tay 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ cố định hoặc tăng tốc* và số trên đèn báo số sẽ tắt.

Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lấy sang số **[+]** trong vài giây.

Chế độ sang số tay 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

■ Khi cần số ở **[S]**:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp. Đèn báo **M** và số sẽ hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, số sẽ tự động giảm số theo. Khi xe chuẩn bị dừng, số sẽ tự động giảm xuống số 1.

Nếu tốc độ xe giảm và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Khi hủy chế độ sang số tay 7 cấp, sang số từ **[S]** sang **[D]**. Khi chế độ sang số tay 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

Bạn chỉ có thể kéo cần số khi ở số 1.

■ Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp*

Ở chế độ sang số tay 7 cấp, số tăng hoặc giảm theo vận hành của lấy sang số trong các điều kiện sau:

Tăng Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng thấp nhất của số cao hơn.

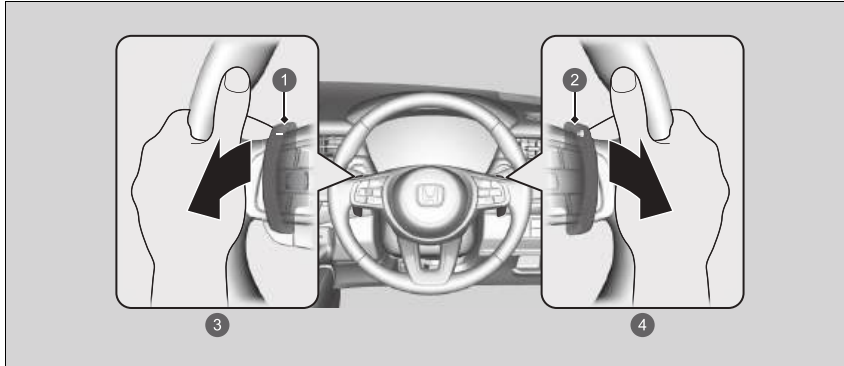
Giảm Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng cao nhất của số thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí số đã chọn, hộp số sẽ tự động giảm số.

Vận hành lấy sang số trên bề mặt trơn trượt có thể làm lốp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số tay 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường **[D]**.

■ Vận Hành Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp



- ① (Giảm Số)
- ② (Tăng Số)
- ③ Giảm số khi kéo lấy sang số (Về số thấp hơn)
- ④ Tăng số khi kéo lấy sang số (Lên số cao hơn)

►► Vận Hành Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp

Mỗi lần vận hành lấy sang số sẽ làm chuyển một số.

Để chuyển số liên tục, nhả lấy sang số trước khi kéo lại để sang số tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số. Điều này có nghĩa là không thể sang số với tốc độ xe đang chạy.

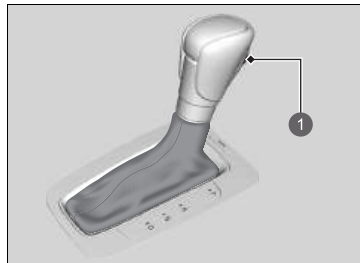
Tăng tốc và giảm tốc nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

Loại xe có công tắc chế độ lái

Sang Số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Vị trí cần số



1 Nút Nhả

P Số Đỗ

Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

R Số Lùi

Dùng khi lùi xe.

N Số Không

Hộp số không bị khóa.

D Số Lái

Dùng để:

- Để lái thường.
- Khi lái tạm thời ở chế độ sang số tay 7 cấp.
- Khi lái ở chế độ sang số tay 7 cấp (khi lái ở chế độ SPORT).

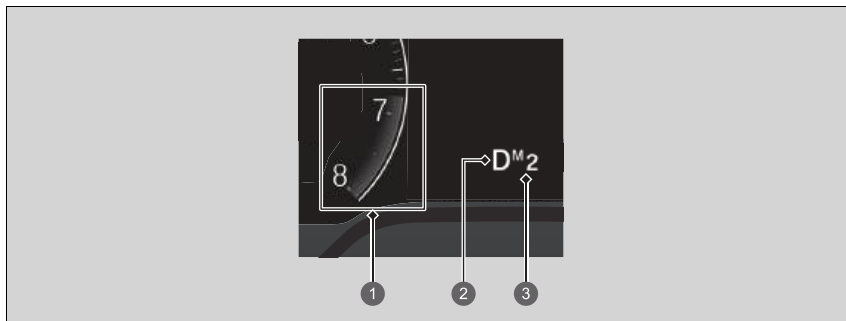
►► Vị trí cần số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY trừ khi cần số ở **P**.

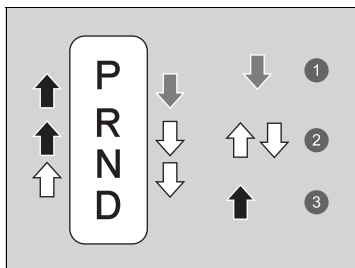
Xe có thể di chuyển nhẹ về phía trước với cần số ở **N** khi động cơ nguội.

Nhấn chắc bàn đạp phanh, và khi cần, hãy kéo phanh đỗ.

■ Vận Hành Cần Số



- ❶ Vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ
- ❷ Đèn Báo Vị trí Số (Đèn Báo Hệ Thống Truyền Động)
- ❸ Đèn báo **M** (Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp)/Đèn Báo Số



- ❶ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.
- ❷ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.
- ❸ Ấn nút nhả cần số và sang số.

► Vận Hành Cần Số

LƯU Ý

Khi bạn chuyển số từ **[D]** sang **[R]** và ngược lại, hãy dừng hẳn xe đồng thời nhấn và giữ bàn đạp phanh. Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo vị trí số và kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Nếu đèn báo hệ thống truyền động nhấp nháy khi lái xe, khi cần số ở bất kỳ vị trí nào, hộp số đang gặp sự cố.

Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu đang nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số. Nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi sang số ở nơi có nhiệt độ quá thấp (-30°C), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí số hiển thị. Luôn xác nhận vị trí số đúng trước khi lái xe.

■ Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp

Dùng lấy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp nếu bạn kéo lấy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

■ Khi cần số ở **D**:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp và số sẽ hiển thị trên đèn báo số.

Chế độ sang số tay 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ cố định hoặc tăng tốc và số trên đèn báo số sẽ tắt.

Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lấy sang số **+** trong vài giây.

Chế độ sang số tay 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

■ Khi cần số ở **D** ở chế độ **SPORT**:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp. Đèn báo **M** và số sẽ hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, số sẽ tự động giảm số theo. Khi xe chuẩn bị dừng, số sẽ tự động giảm xuống số 1.

Nếu tốc độ xe giảm và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Bạn chỉ có thể kéo cần số khi ở số 1.

Khi hủy chế độ sang số tay 7 cấp, dùng công tắc chế độ lái để chọn chế độ khác ngoài chế độ **SPORT** hoặc kéo lấy sang số **+** trong vài giây. Khi chế độ sang số tay 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

■ Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp

Ở chế độ sang số tay 7 cấp, số tăng hoặc giảm theo vận hành của lấy sang số trong các điều kiện sau:

Tăng Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng thấp nhất của số cao hơn.

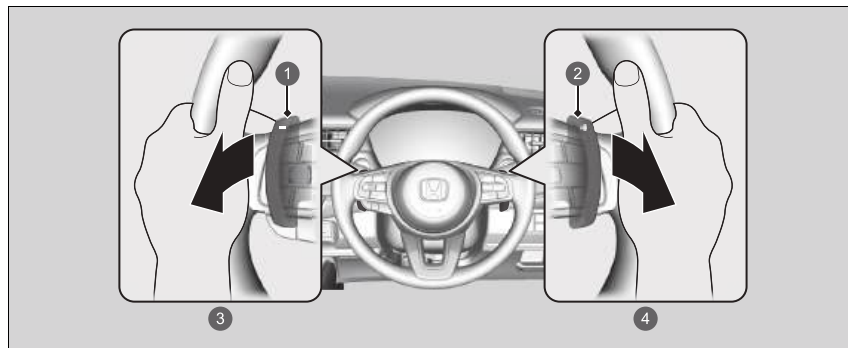
Giảm Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng cao nhất của số thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí số đã chọn, hộp số sẽ tự động giảm số.

Vận hành lấy sang số trên bề mặt trơn trượt có thể làm lốp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số tay 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường **D**.

■ Vận Hành Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp



- ① (Giảm Số)
- ② (Tăng Số)
- ③ Giảm số khi kéo lấy sang số (Về số thấp hơn)
- ④ Tăng số khi kéo lấy sang số (Lên số cao hơn)

▣ Vận Hành Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp

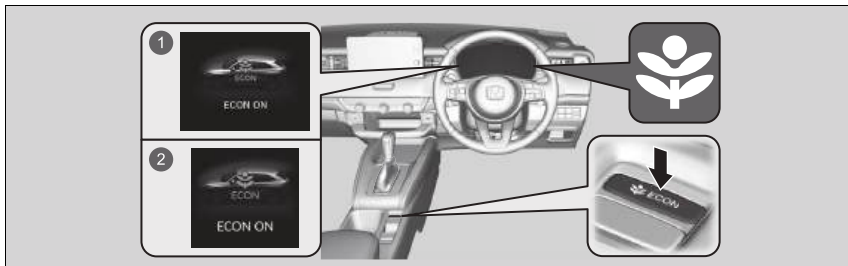
Mỗi lần vận hành lấy sang số sẽ làm chuyển một số.

Để chuyển số liên tục, nhả lấy sang số trước khi kéo lại để sang số tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số. Điều này có nghĩa là không thể sang số với tốc độ xe đang chạy.

Tăng tốc và giảm tốc nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

Chế Độ ECON*



- ① Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại B

Nút **ECON** dùng để bật và tắt chế độ ECON.

Chế độ ECON giúp tăng hiệu quả tiết kiệm nhiên liệu bằng cách điều chỉnh hiệu suất của động cơ và hệ thống điều khiển nhiệt độ.

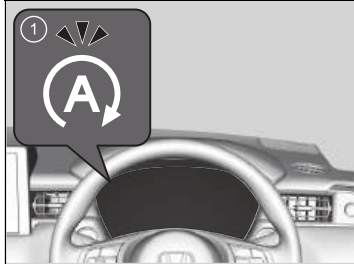
Chế Độ ECON*

Trong khi ở chế độ ECON, mức độ dao động nhiệt độ của hệ thống điều khiển nhiệt độ sẽ lớn hơn.

Do vận hành phanh khẩn cấp hoặc điều kiện lái xe, bạn sẽ không thể thay đổi được chế độ.

Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*

Để giúp tiết kiệm nhiên liệu tối đa, động cơ sẽ tự động dừng khi xe chuẩn bị dừng, tùy thuộc vào điều kiện môi trường và điều kiện vận hành của xe. Đèn báo (màu xanh lục) sẽ sáng vào thời điểm này.



- ① Đèn Báo Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Màu Xanh Lục)

Điều kiện xe và môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời rất đa dạng.

📖 Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi:

Tr. 419

Sau đó, động cơ sẽ khởi động lại khi xe chuẩn bị di chuyển và đèn báo (màu xanh lục) sẽ tắt.

📖 Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:

Tr. 421

Nếu cửa bên lái mở trong khi đèn báo (màu xanh lục) sáng, tiếng bíp sẽ vang lên để thông báo cho bạn biết chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.

Thông báo về Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

📖 Đèn Báo Đèn Bật Tr. 116

📖 Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*

Ắc quy 12 vôn lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời. Không sử dụng đúng loại ắc quy 12 vôn theo quy định sẽ làm giảm tuổi thọ của ắc quy 12 vôn và làm Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động. Nếu bạn cần thay ắc quy 12 vôn, đảm bảo chọn đúng loại quy định. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

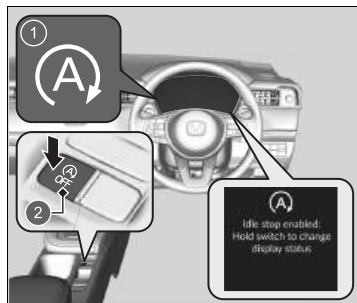
📖 Thông Số Kỹ Thuật Tr. 694

Thời gian hoạt động của Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời:

- Tăng lên khi ở chế độ ECON, so với khi chế độ ECON tắt và đang sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ.

📖 Chế Độ ECON* Tr. 416

■ BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời



- 1 Đèn Báo TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời
- 2 Nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Ấn nút này để tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời. Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ ngừng hoạt động.

- Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ dừng và đèn báo sẽ sáng.

Hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

►► BẬT/TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Nếu bạn tắt hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời khi hệ thống đang hoạt động, động cơ sẽ khởi động lại.

■ Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi:

Xe dừng với cần số ở **[D]** và nhấn bàn đạp phanh.

Khi bạn gạt cần số đến **[P]**, Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ tiếp tục hoạt động ngay cả khi đã nhả bàn đạp phanh.

► Nếu bạn nhấn bàn đạp phanh, động cơ sẽ tự động khởi động lại.

■ Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động khi:

- Ấn nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- Động cơ chưa đủ ấm hoặc nhiệt độ nước làm mát cao.
- Nhiệt độ dầu hộp số thấp hoặc cao.
- Xe lại chuẩn bị dừng trước khi tốc độ xe đạt 5 km/h sau khi động cơ khởi động.
- Dừng xe trên dốc cao.
- Không ở số **[D]**.
- Khởi động động cơ khi nắp ca-pô mở.
 - Tắt động cơ. Đóng nắp ca-pô trước khi khởi động lại động cơ để kích hoạt Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Ấc quy yếu.
- Nhiệt độ bên trong ắc quy là từ 5°C trở xuống.
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang hoạt động và nhiệt độ ngoài trời dưới -20°C hoặc trên 40°C.
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang hoạt động và nhiệt độ được đặt ở **Hi** hoặc **Lo**.
-  bật (đèn báo sáng).
- Nút **MẬT TỐI ĐẠ*** BẬT.

► Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời Hoạt Động Khi:

Không mở nắp ca-pô khi chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động. Nếu nắp ca-pô mở, động cơ sẽ không tự động khởi động lại.

Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ bằng nút **ENGINE START/STOP**.

► **Khởi Động Động Cơ** Tr. 399

Khi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp đang hoạt động, xe sẽ dừng mà không cần nhấn bàn đạp phanh và Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ hoạt động. Trong trường hợp đó, động cơ có thể khởi động lại khi bạn gạt cần số đến vị trí khác không phải số **[D]**.

Ấn nút **ENGINE START/STOP** sẽ làm cho động cơ không tự động khởi động lại được nữa. Hãy thực hiện quy trình tiêu chuẩn để khởi động động cơ.

► **Khởi Động Động Cơ** Tr. 399

■ **Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời có thể không hoạt động khi:**

- Dừng xe bằng cách phanh đột ngột.
- Xoay vô lăng.
- Độ cao cao.
- Tăng ga và giảm ga liên tục khi xe chạy ở tốc độ thấp.
- Tốc độ quạt cao.
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang hoạt động và có sự chênh lệch đáng kể giữa nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực tế bên trong xe.
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang hoạt động và độ ẩm bên trong xe cao.

■ Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:

- Nhả bàn đạp phanh (không kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động).
- Nhấn bàn đạp ga (kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động).
- **Giữ Phanh Tự Động** Tr. 530
- Gạt cần số đến **[P]** từ **[D]** hoặc **[N]** khi xe đang trên dốc.

■ Động cơ khởi động lại ngay cả khi đã nhấn bàn đạp phanh*¹ khi:

- Ấn nút **TẮT** Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.
- Xoay vô lăng.
- Gạt cần số đến **[R]** hoặc **[S]**, hoặc khi gạt cần số từ **[N]** sang **[D]**.
 - Nếu gạt cần số đến **[P]** sau khi kích hoạt Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời, Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời sẽ tiếp tục hoạt động. Trong trường hợp này, động cơ sẽ khởi động lại khi bạn nhấn bàn đạp phanh.
- Áp lực lên bàn đạp phanh giảm và xe bắt đầu di chuyển khi đang dừng trên đường dốc.
- Bàn đạp phanh liên tục được nhấn và nhả nhẹ trong khi dừng.
- Ấc quy yếu.
- Nhấn bàn đạp ga.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
-  **BẬT** (đèn báo sáng).
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang hoạt động và có sự chênh lệch đáng kể giữa nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực tế bên trong xe.
- Nút **MÁT TỐI ĐA*** **BẬT**.
- Hệ thống điều khiển nhiệt độ đang được sử dụng để hút ẩm bên trong xe.
- Xe phía trước xe bạn khởi động lại khi xe bạn dừng tự động bằng ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.

►► Động Cơ Tự Động Khởi Động Lại Khi:

Nếu bạn sử dụng thiết bị điện tử trong khi Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động, thiết bị này có thể tạm thời bị tắt khi động cơ khởi động lại.

►► Động cơ khởi động lại ngay cả khi đã nhấn bàn đạp phanh*¹ khi:

*1: Với hệ thống giữ phanh tự động được kích hoạt, bạn có thể nhả bàn đạp phanh trong khi Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.

Nếu hệ thống giữ phanh tự động tắt hoặc nếu hệ thống có sự cố, động cơ sẽ tự động khởi động lại khi bạn nhả bàn đạp phanh.

■ **Giữ Phanh Tự Động** Tr. 530

■ Chức Năng Phanh Hỗ Trợ Khởi Động

Phanh vẫn bám một lúc sau khi đã nhả bàn đạp phanh để khởi động lại động cơ. Điều này sẽ giữ cho xe của bạn không di chuyển bất ngờ khi đang dừng trên dốc.

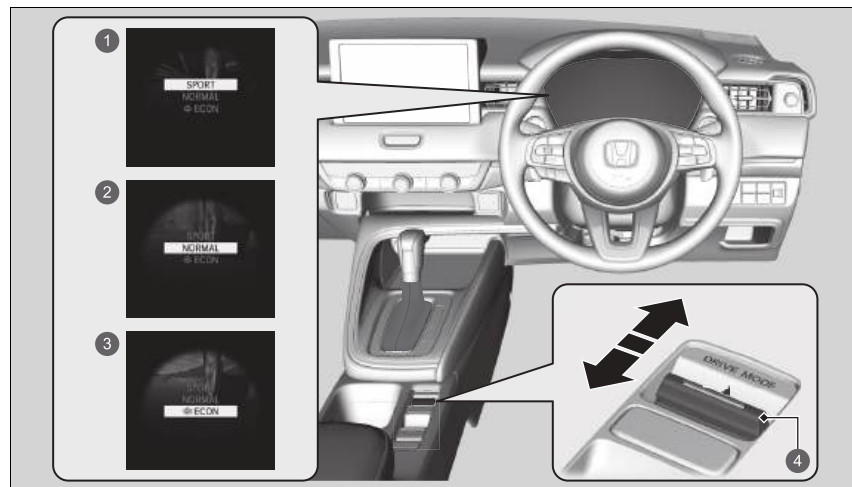
Công Tác Chế Độ Lái*

Liên tục kiểm soát hiệu suất lái của xe bạn theo chế độ đã chọn.

Di chuyển công tác chế độ lái về phía trước hoặc phía sau để chọn một trong ba chế độ, chế độ **SPORT**, chế độ **NORMAL** và chế độ **ECON**.

Chế độ bạn chọn được hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, và màn hình sẽ thay đổi theo từng chế độ.

Chế độ **NORMAL** được chọn tự động mỗi khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT. Tuy nhiên, nếu chế độ **ECON** được chọn ở lần lái xe gần đây nhất, chế độ **ECON** sẽ được chọn khi chế độ nguồn được đặt ở BẬT.



- ① Chế độ **SPORT**
- ② Chế Độ **NORMAL**
- ③ Chế Độ **ECON**
- ④ Công Tác Chế Độ Lái

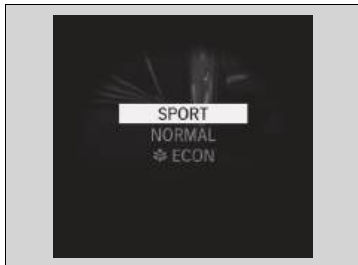
* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

►► Công Tác Chế Độ Lái*

Có thể không thay đổi được chế độ lái trong một số điều kiện lái.

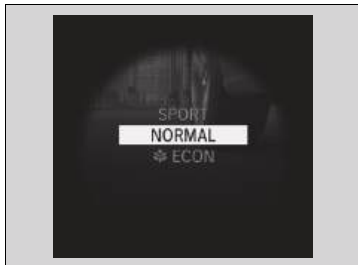
Nếu có lỗi hệ thống xe, một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và bạn không thể chọn chế độ lái nào khác.

■ Chế Độ SPORT



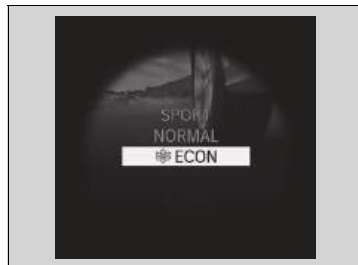
Tăng cường khả năng phản hồi tăng tốc.

■ Chế độ NORMAL



Tối ưu hóa sự cân bằng giữa khả năng vận hành và sự thoải mái.

■ Chế Độ ECON



Giúp tiết kiệm nhiên liệu.

▣ Chế Độ ECON

Khi ở chế độ ECON, hệ thống điều khiển nhiệt độ sẽ kém hiệu quả hơn và xe sẽ tăng tốc chậm hơn.

Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo

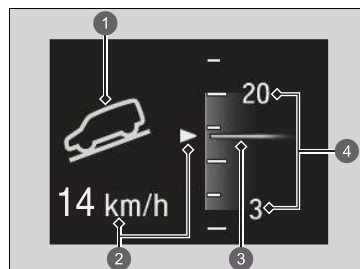
Khi lái xe xuống dốc mà phanh động cơ không đủ để giảm tốc xe, hệ thống này sẽ giúp duy trì tốc độ xe ổn định mà không cần nhấn bàn đạp phanh.

■ Điều Kiện Hoạt Động Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo

Hệ thống hoạt động trong các điều kiện sau.

- Lái xe với tốc độ khoảng 3-20 km/h.
- Lái xe xuống dốc.
- Không nhấn bàn đạp ga và bàn đạp phanh.

■ Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái



- 1 Trạng thái hoạt động của hệ thống
 - Màu xanh lục: Hoạt động
 - Màu trắng: Chế độ chờ
- 2 Hiện thị tốc độ xe
 - Màu trắng: Thiết lập tốc độ
 - Màu xám: Tốc độ xe đang chạy
 - Nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá tốc độ hoạt động.
- 3 Tốc độ xe đang chạy
- 4 Phạm vi hoạt động của tốc độ đã thiết lập

►► Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo

⚠ CẢNH BÁO

Hệ thống hỗ trợ đỗ đèo không thể duy trì tốc độ xe ổn định trong mọi tình huống.

Khi lái xe xuống dốc cao hoặc trên mặt đường trơn trượt, xe có thể không duy trì được tốc độ và có thể xảy ra va chạm dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong.

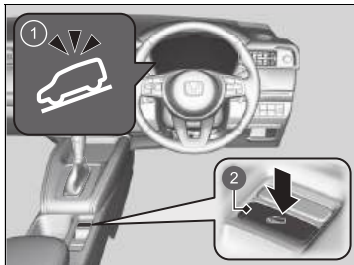
Vì Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo không có chức năng tăng giới hạn hoạt động của xe, nên người lái phải luôn lưu ý về tình trạng mặt đường và đảm bảo lái xe an toàn.

Đèn phanh tự động sáng khi hệ thống đang hoạt động.

Hệ thống có thể không hoạt động khi lái xe xuống dốc thấp. Hãy kiểm tra đèn báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo để xem hệ thống có hoạt động không.

Hệ thống có thể hoạt động ngay cả khi không lái xe xuống dốc, như khi xe bị nghiêng khi đi trên các bề mặt không bằng phẳng.

■ Cách Vận Hành Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Dèo



① Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Dèo

② Nút  (Hỗ Trợ Đỗ Dèo)

■ Để bật hệ thống

Khi tốc độ xe dưới 20 km/h, ấn nút  để bật hệ thống.

► Hệ thống chuyển sang chế độ chờ và đèn báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Dèo (màu trắng) sáng.

Khi đáp ứng tất cả các điều kiện, hệ thống sẽ hoạt động và xe bắt đầu duy trì tốc độ xe khi xuống dốc.

► Đèn báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Dèo (màu xanh lục) sáng khi hệ thống hoạt động.

■ Để điều chỉnh tốc độ cài đặt

Nhấn bàn đạp ga hoặc bàn đạp phanh để điều chỉnh tốc độ xe trong phạm vi hoạt động. Tốc độ xe tại thời điểm bạn nhả bàn đạp ga hoặc bàn đạp phanh sẽ là tốc độ được thiết lập.

■ Để tắt hệ thống

Ấn nút  để tắt hệ thống.

■ Cách Vận Hành Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Dèo

Sử dụng hệ thống liên tục trong thời gian dài có thể làm phanh bị nóng lên và làm cho hệ thống tạm thời chuyển sang chế độ chờ.

Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Dèo sẽ tắt mỗi khi bạn tắt động cơ, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống này vào lần lái xe gần đây nhất.

Bàn đạp có thể rung hoặc bạn có thể nghe thấy tiếng hệ thống đang chạy khi hoạt động.

■ Để tắt hệ thống

Khi tốc độ xe từ 60 km/h trở lên, hệ thống sẽ tự động tắt.

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA giúp ổn định xe trong khi rẽ nếu xe rẽ nhiều hoặc ít hơn dự định. Hệ thống cũng hỗ trợ duy trì lực bám trên các bề mặt trơn trượt. Hệ thống này làm được như vậy nhờ điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

■ Hoạt Động Của VSA



① Đèn Báo Hệ Thống VSA

Khi VSA hoạt động, bạn có thể thấy động cơ không phản hồi lại bàn đạp ga. Bạn cũng có thể nghe thấy tiếng ồn từ hệ thống phanh thủy lực. Và nhìn thấy đèn báo nhấp nháy.

►► Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại và luôn giữ áp suất lốp ở mức quy định.

Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng liên tục trong khi lái thì có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái thông thường, nhưng bạn vẫn nên mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

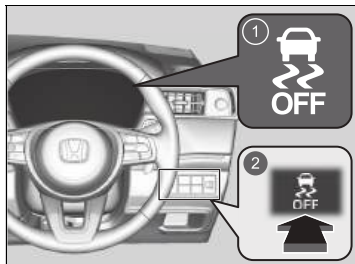
VSA không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi tình huống và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp với điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Chức năng chính của hệ thống VSA là Điều Khiển Ổn Định Điện Tử (ESC). Hệ thống cũng có chức năng điều khiển lực kéo.

Các đèn báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp*, hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)*, Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp*, và Áp Suất Lốp Thấp/TPMS* có thể sáng cùng với thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn sang BẬT sau khi nối lại ắc quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Bật và Tắt VSA



❶ Đèn Báo **TẮT** VSA

❷ Nút

Nút này nằm trên bảng điều khiển phía người lái. Để tắt một số chức năng/tính năng VSA, hãy ấn và giữ nút này cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

Xe bạn sẽ có khả năng phanh và rẽ bình thường, nhưng khả năng bám đường sẽ giảm.

Để bật lại các chức năng/tính năng VSA, ấn và giữ nút (**TẮT** VSA) đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

VSA sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

▣ Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

Trong một số điều kiện bất thường như khi xe bị kẹt trong tuyết hoặc vũng bùn nông, xe sẽ dễ thoát ra hơn khi tắt VSA tạm thời.

Khi ấn nút , khả năng bám đường sẽ giảm. Điều này cho phép bánh xe quay tự do hơn ở tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo bật lại VSA. Không nên lái xe khi VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống, ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Điều này là bình thường.

Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh

Phanh nhẹ bánh trước khi cần khi bạn xoay vô lăng, điều này sẽ giúp hỗ trợ tính ổn định và vận hành của xe trong khi rẽ.

► Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh

Chức năng hỗ trợ xử lý nhanh không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi điều kiện lái. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp với điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng liên tục trong khi lái, chức năng hỗ trợ xử lý nhanh sẽ không hoạt động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh từ khoang động cơ khi chức năng hỗ trợ xử lý nhanh hoạt động. Điều này là bình thường.

Loại xe Đài Loan

Hệ Thống Theo Dõi Áp Suất Lốp (TPMS)

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống TPMS của xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hoặc nhiều lốp bị non hơi.



① Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS

Điều này sẽ làm đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

■ Hiệu chỉnh TPMS

Bạn phải hiệu chỉnh TPMS mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh TPMS:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.

► **Kiểm Tra Lốp** Tr. 599

Đảm bảo:

- Xe dừng hẳn.
- Xe ở số **P**.
- Chế độ nguồn ở BẬT.

► Hệ Thống Theo Dõi Áp Suất Lốp (TPMS)

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái xe ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng.

Nên kiểm tra và bơm lốp khi:

- Thời tiết ẩm thì áp suất lốp đó sẽ là non khi ở thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh thì áp suất lốp đó sẽ là quá căng khi ở thời tiết ẩm hơn.

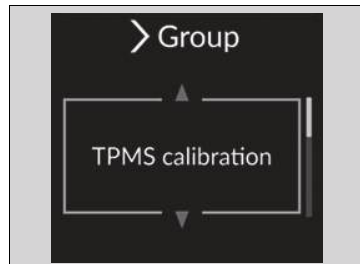
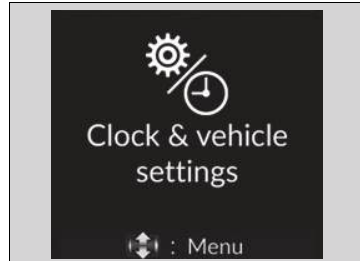
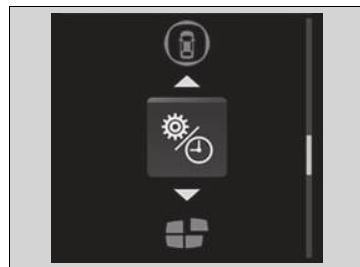
Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

TPMS không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại.

► **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 599

Các đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) bao gồm dải tốc độ thấp (màu hổ phách), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), TẮT hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), áp suất lốp thấp/TPMS, và hệ thống hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) có thể sáng cùng với thông báo trên đồng hồ đo sau khi nối lại ắc quy. Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.



Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống bằng mục cài đặt trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

1. Ấn nút  để chọn  (Cài đặt), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock & vehicle settings**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **TPMS calibration** (Hiệu chỉnh TPMS) xuất hiện trên màn hình.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, bạn có thể chọn **Cancel** (Hủy) hoặc **Calibrate** (Hiệu chỉnh).

►► Hệ Thống Theo Dõi Áp Suất Lốp (TPMS)

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng chậm hoặc có thể không sáng chút nào khi:

- Tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng nhanh.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp.
- Áp suất lốp giảm nhanh.

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS có thể sáng trong những điều kiện sau:

- Có một lốp phải tải nặng hơn và các lốp tải không đều so với điều kiện lúc hiệu chỉnh.
- Sử dụng xích bọc lốp.

►► Hiệu Chỉnh TPMS

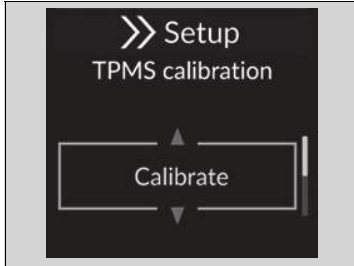
Quy trình hiệu chỉnh mất khoảng 30 phút lái xe liên tục với tốc độ từ 40-100 km/h.

Trong thời gian hiệu chỉnh, nếu đặt chế độ nguồn ở bật và xe không chạy trong vòng 45 giây, đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sẽ sáng một lúc. Điều này là bình thường và cho biết quy trình hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn thành.

Nếu sử dụng xích bọc lốp, hãy tháo ra trước khi hiệu chỉnh TPMS.

Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS vẫn sáng ngay cả khi dùng loại lốp thường được bơm đúng áp suất quy định, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp có cùng nhãn hiệu, chủng loại và kích cỡ với lốp ban đầu. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.



5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái và chọn **Calibrate**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

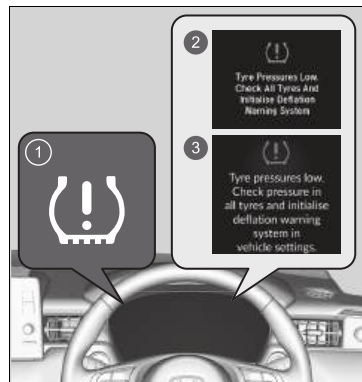
► Màn hình **Calibration started** (Hiệu chỉnh bắt đầu) xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị trở về màn hình danh mục tùy chọn.

- Nếu thông báo **Calibration failed to start** (Không thể bắt đầu hiệu chỉnh) xuất hiện, lặp lại bước 5.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

Ngoại trừ loại xe Đà Loan

Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống cảnh báo xẹp lốp của xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hoặc nhiều lốp bị non hơn.



① Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp

② Loại xe có đồng hồ đo loại A

③ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Điều này sẽ làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

►► Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái xe ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng.

Nên kiểm tra và bơm lốp khi:

- Thời tiết ẩm thì áp suất lốp đó sẽ là non khi ở thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh thì áp suất lốp đó sẽ là quá căng khi ở thời tiết ẩm hơn.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại.

► **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 599

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng chậm hoặc có thể không sáng chút nào khi:

- Tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng nhanh.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp*.
- Áp suất lốp giảm nhanh.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ sáng trong những điều kiện sau:

- Sử dụng lốp dự phòng cỡ nhỏ*.
- Có một lốp phải tải nặng hơn và các lốp tải không đều so với điều kiện lúc hiệu chỉnh*.
- Sử dụng xích bọc lốp*.

■ Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp* mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh* hệ thống cảnh báo xẹp lốp:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.

🔍 **Kiểm Tra Lốp** Tr. 599

Đảm bảo:

- Xe dừng hẳn.
- Xe ở số **[P]**.
- Chế độ nguồn ở **BẬT**.

🔍 Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Các đèn báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp*, hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống Hỗ Trợ An Toàn (Màn Hồ Phách)*, và Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp có thể sáng cùng với thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn sang **BẬT** sau khi nổi lại ắc quy. Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

🔍 Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*

Quy trình hiệu chỉnh mất khoảng 30 phút lái xe liên tục với tốc độ từ 40-100 km/h.

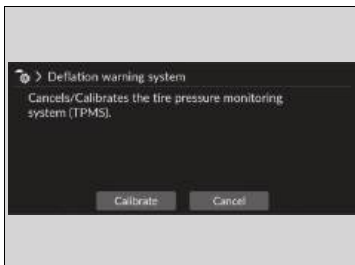
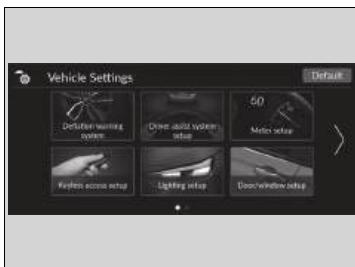
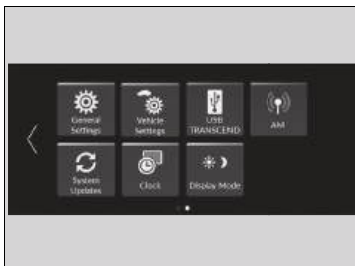
Trong thời gian hiệu chỉnh, nếu đặt chế độ nguồn ở **bật** và xe không chạy trong vòng 45 giây, đèn báo áp suất lốp thấp sẽ sáng một lúc. Điều này là bình thường và cho biết quy trình hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn thành.

Nếu sử dụng xích bọc lốp*, hãy tháo ra trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp vẫn sáng ngay cả khi dùng loại lốp thường được bơm đúng áp suất quy định, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp có cùng nhãn hiệu, chủng loại và kích cỡ với lốp ban đầu. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

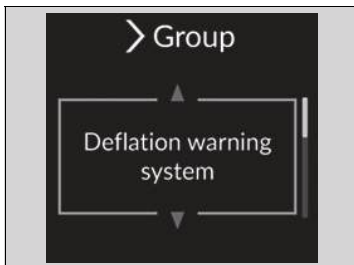
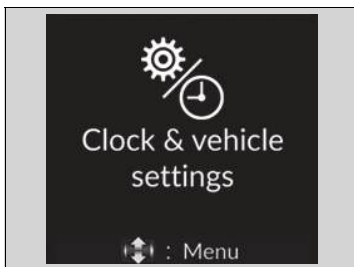
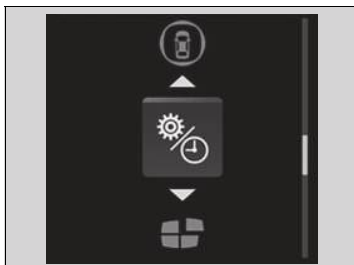
Loại xe Australia và Fiji



Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống bằng tính năng tùy chọn trên màn hình âm thanh/thông tin.

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút .
3. Chọn **Vehicle Settings**.
4. Chọn **Deflation warning system**.
5. Chọn **Calibrate** hoặc **Cancel**.
 - Nếu thông báo **Calibration Failed to Start**. (Không Thể Bắt Đầu Hiệu Chỉnh.) xuất hiện, lặp lại bước 5.
 - Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji



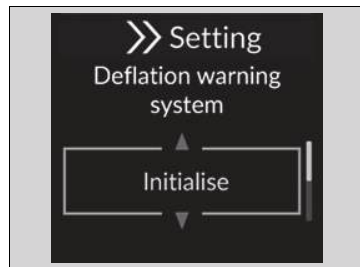
Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống bằng mục cài đặt trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

1. Ấn nút để chọn (Cài đặt), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock & vehicle settings**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Deflation warning system** (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp) xuất hiện trên màn hình.

4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.
► Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, bạn có thể chọn **Cancel** (Hủy) hoặc **Initialise** (Hiệu chỉnh).



5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái và chọn **Initialise**, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Màn hình **Completed** (Hoàn thành) xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị trở về màn hình danh mục tùy chọn.

- Nếu thông báo **Failed** (Thất bại) xuất hiện, lặp lại bước 5.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe như khi tăng tốc, phanh, và đánh lái để hỗ trợ người lái cũng như giảm mức độ nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Honda SENSING có các chức năng sau:

■ Các chức năng không cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS) 🚗 Tr. 442
- Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp* 🚗 Tr. 456
- Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường 🚗 Tr. 462
- Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành* 🚗 Tr. 513
- Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông* 🚗 Tr. 518
- Hệ Thống Cảm Biến Đổ* 🚗 Tr. 539
- Auto High-Beam* 🚗 Tr. 232

■ Các chức năng cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp 🚗 Tr. 472
- Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) 🚗 Tr. 492

Loại xe Australia và Fiji

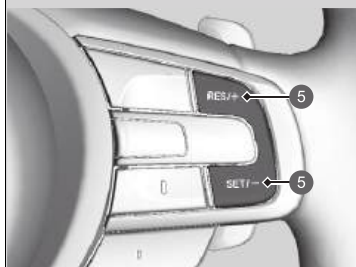
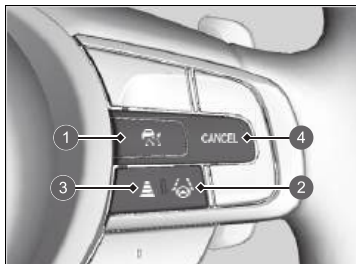
- Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường 🚗 Tr. 504

🚗 Honda SENSING*

Đảm bảo tất cả các lớp có cùng kích cỡ, chủng loại và nhãn hiệu được quy định, và mòn đều. Nếu bạn sử dụng các lớp có kích cỡ, chủng loại, nhãn hiệu hoặc mức độ mòn khác nhau, hệ thống có thể không hoạt động tốt.

Không sửa đổi hệ thống treo. Việc thay đổi chiều cao của xe có thể khiến hệ thống hoạt động không tốt.

Vận Hành Các Công Tắc cho Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp/Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)/Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường*



1 Nút

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.
Hoặc ấn để hủy hệ thống.

2 Nút LKAS

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho LKAS và Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường*.
Hoặc ấn để hủy các hệ thống này.

3 Nút Khoảng Cách

Ấn để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.

4 Nút CANCEL

Ấn để hủy ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.

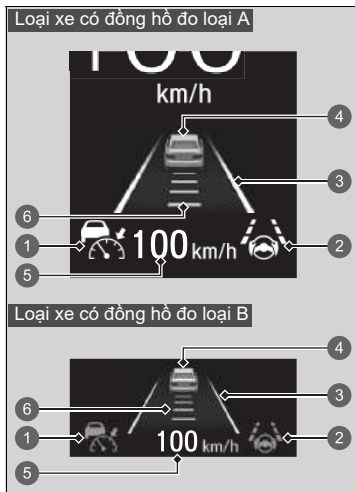
5 Nút RES/+ và SET/-

Ấn nút **RES/+** nút để cài đặt hoặc tiếp tục ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp hoặc tăng tốc độ xe.

Ấn nút **SET/-** để cài đặt ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp hoặc giảm tốc độ xe.

■ Nội Dung Hiện Thị Trên Đồng Hồ Đo

Bạn có thể thấy trạng thái hiện tại của Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp, Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) và Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường*.



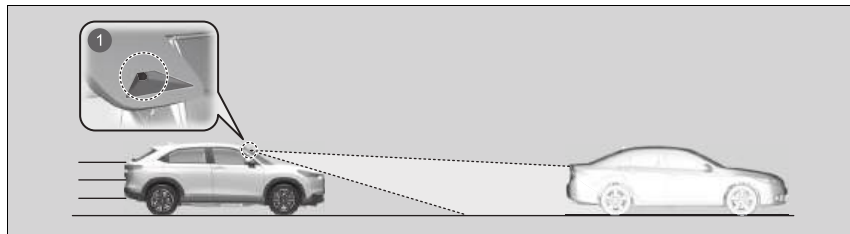
- ① Biểu thị ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp đã sẵn sàng hoạt động.
 - Màu trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
 - Màu xanh lục: Hệ thống bật.
 - Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.
- ② Biểu thị LKAS hoặc Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường* đã sẵn sàng hoạt động.
 - Màu trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
 - Màu xanh lục: Hệ thống đang hoạt động.
 - Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.
- ③ Biểu thị LKAS hoặc Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường* được kích hoạt và có phát hiện các vạch làn đường hay không.
 - Vạch Màu Trắng: Phát hiện vạch làn đường.
 - Vạch Màu Xanh Lục: Hệ thống đang hoạt động.
 - Vạch Màu Hổ Phách: Phát hiện chệch làn đường.
- ④ Biểu thị ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp có phát hiện xe phía trước hay không.
- ⑤ Biểu thị tốc độ xe đã thiết lập ở ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.
 - Màu trắng: Tốc Độ Xe Được Thiết Lập
 - Màu xám: Tốc Độ Đã Thiết Lập Trước Đó
- ⑥ Biểu thị khoảng cách xe đã thiết lập ở ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS)

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với một xe khác (kể cả xe máy) vượt lên từ phía sau, xe đang đến gần từ phía trước, xe đang đi đến từ bên cạnh^{*1}, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển). CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

■ Cách hoạt động của hệ thống



① Camera góc rộng phía trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.

Hệ thống bắt đầu giám sát đoạn đường phía trước khi tốc độ xe của bạn khoảng 5 km/h trở lên và sẽ tìm kiếm xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

►► Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS)

■ Nhắc Nhớ Quan Trọng Về An Toàn

CMBS có chức năng làm giảm thương vong do va chạm không thể tránh khỏi. Hệ thống không thể giúp xe tránh bị va chạm hay dừng xe tự động. Bạn cần vận hành bàn đạp phanh và vô lăng phù hợp với điều kiện lái.

CMBS có thể không hoạt động hoặc không phát hiện xe phía trước trong các điều kiện nhất định:

► **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS Tr. 447**

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera góc rộng phía trước được trang bị cho hệ thống này.

► **Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523**

Khi CMBS được kích hoạt, hệ thống vẫn sẽ hoạt động kể cả khi chỉ nhấn một phần bàn đạp ga. Tuy nhiên, hệ thống sẽ bị hủy nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

►► Cách hoạt động của hệ thống

Camera góc rộng phía trước ở CMBS cũng có chức năng phát hiện người đi bộ.

Tuy nhiên, chức năng phát hiện người đi bộ này có thể không hoạt động hoặc không thể phát hiện ra người đi bộ phía trước xe trong các điều kiện nhất định.

Tham khảo thông tin về hạn chế phát hiện người đi bộ.

► **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS Tr. 447**

*1 : Ngoại trừ loại xe Malaysia, Pakistan và Đài Loan

CMBS hoạt động khi:

- Phát hiện ra chênh lệch giữa tốc độ xe của bạn và xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ, hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước cách khoảng 5 km/h trở lên và có khả năng xảy ra va chạm.
- Tốc độ xe của bạn khoảng 30 km/h trở xuống và có khả năng xảy ra va chạm trực diện với một xe đang đến gần (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển được phát hiện khi bạn rẽ trái^{*1}/phải^{*2} tại đoạn đường giao nhau.
- Tốc độ xe của bạn khoảng 100 km/h trở xuống và hệ thống xác nhận có khả năng xảy ra va chạm với:
 - Xe đang đến gần hoặc xe đang dừng phía trước xe bạn.
 - Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.
 - Xe phía trước đang đi đến từ bên cạnh.^{*3}

CMBS sẽ bị hủy khi xe của bạn dừng hoặc hệ thống xác định không còn khả năng xảy ra va chạm.

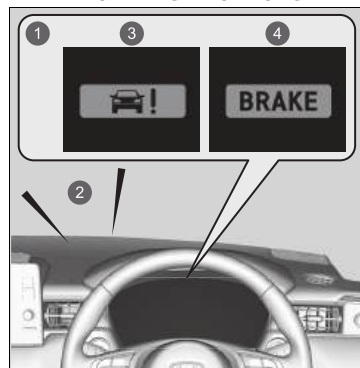
CMBS cũng có thể bị hủy khi người lái vận hành vô lăng và bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga để tránh va chạm.

*1 : Loại Vô Lăng Bên Trái

*2 : Loại Vô Lăng Bên Phải

*3 : Ngoại trừ loại xe Malaysia, Pakistan và Đài Loan

■ Khi hệ thống hoạt động



- ① Cảnh Báo Bằng Hình Ảnh
- ② Cảnh Báo Bằng Âm Thanh
- ③ Ngoại trừ loại xe Philippin, Đài Loan và Mỹ La Tinh
- ④ Loại xe Philippin, Đài Loan và Mỹ La Tinh

Hệ thống đưa ra cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh giúp nhận biết khả năng xảy ra va chạm và dừng cảnh báo nếu tránh được va chạm.

- Thực hiện hành động phù hợp để tránh va chạm (dùng phanh, chuyển làn, v.v.)

Ở giai đoạn cảnh báo va chạm sớm nhất của hệ thống, bạn có thể thay đổi khoảng cách (**Far/Normal/Near**)* (Xa/Trung Bình/Gần) (**Long/Normal/Short**)* (Dài/Trung Bình/Ngắn) giữa các xe.

📖 **Cài Đặt*** Tr. 142, 158

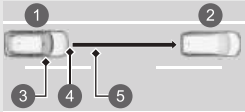
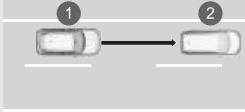
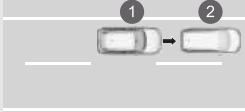
📖 **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

Khi cài đặt ở **Far*** (Xa) hoặc **Long*** (Dài), cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện ở khoảng cách xa hơn từ xe phía trước so với cài đặt ở **Normal** (Trung Bình) và ở **Near*** (Gần) hoặc **Short*** (Ngắn), khoảng cách sẽ gần hơn so với cài đặt ở **Normal** (Trung Bình).

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ **Giai Đoạn Cảnh Báo Va Chạm**

Hệ thống có ba giai đoạn cảnh báo khả năng va chạm. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp, CMBS có thể không thực hiện tất cả các giai đoạn trước khi chuyển sang giai đoạn cuối.

Khoảng cách giữa các xe		CMBS		
		Cảm biến phát hiện xe	CẢNH BÁO bằng Âm Thanh & Hình Ảnh	Phanh
Giai đoạn một		Có khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước xe bạn.	Cảnh báo bằng hình ảnh nhấp nháy. Nếu khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước càng gần hơn, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên cùng với đèn báo nhấp nháy. ▶ Có thể thay đổi khoảng cách cảnh báo va chạm. ▶ Cài Đặt* Tr. 142, 158 ▶ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346	—
Giai đoạn hai		Khả năng xảy ra va chạm tăng lên, thời gian phản ứng giảm.	Cảnh báo bằng cả hình ảnh và âm thanh.	Nhấn nhẹ
Giai đoạn ba		CMBS xác định không thể tránh khỏi va chạm.		Nhấn mạnh

- 1 Xe Của Bạn

2 Xe Phía Trước
- 3 **Far*** (Xa) hoặc **Long*** (Dài)

4 **Bình thường**
- 5 **Near*** (Gần) hoặc **Short*** (Ngắn)

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Bật và Tắt CMBS

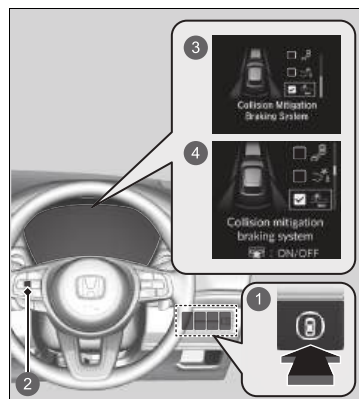
Loại xe không có Công Tác Hỗ Trợ An Toàn

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

► **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr. 130, 150

► **Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn** Tr. 140, 156

Loại xe có Công Tác Hỗ Trợ An Toàn



- 1 Công Tác Hỗ Trợ An Toàn
- 2 Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- 3 Loại xe có đồng hồ đo loại A
- 4 Loại xe có đồng hồ đo loại B

Khi bật và tắt CMBS, hãy thực hiện như sau:

1. Ấn công tắc hỗ trợ an toàn.

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến biểu tượng và đẩy.

► Thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống bật hoặc tắt.

► Ô được chọn và màu của biểu tượng chuyển sang màu xanh lục khi hệ thống bật. Ô không được chọn và màu của biểu tượng chuyển sang màu xám khi hệ thống tắt.

CMBS sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

► Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS)

Bạn không thể tắt CMBS khi đang lái xe.

CMBS có thể tắt tự động và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và đèn báo hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách)* sẽ sáng và sáng liên tục trong các điều kiện nhất định.

► **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr. 447

CMBS chưa hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Loại xe có Công Tác Hỗ Trợ An Toàn

Bạn có thể chọn nội dung hỗ trợ an toàn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

► **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại A)** Tr. 130

► **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại B)** Tr. 150

Các đèn báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp, hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách), Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp*, và Áp Suất Lốp Thấp/TPMS* có thể sáng cùng với thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn sang BẬT sau khi nổi lại ắc quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu bạn phát hiện thấy bất kỳ hoạt động bất thường nào của hệ thống (ví dụ: thông báo cảnh báo xuất hiện quá thường xuyên).

■ Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS

Trong các tình huống sau, camera góc rộng phía trước có thể không phát hiện được chính xác các phương tiện, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc tình trạng đường xá, có thể khiến CMBS hoạt động không đúng.

📷 Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Có rất ít khác biệt giữa vật thể và nền không gian.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe (kể cả xe máy), người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc mặt đường.
- Các vật thể hoặc cấu trúc đường xá bị hiểu nhầm là phương tiện và người đi bộ.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không phát hiện ra xe khác [kể cả xe máy], người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường đầy tuyết hoặc ướt (vạch phân cách làn đường bị che khuất, vệt xe, ánh sáng phản chiếu, nước bắn trên đường, độ tương phản cao).
- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

■ Điều kiện xe

- Khi lắp xích bọc lốp^{*}.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Phía trước của camera góc rộng phía trước bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Phía trong kính chắn gió bị mờ.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cần gạt nước tạo ra.
- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ^{*}, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Tầm nhìn của camera bị che khuất bởi những giọt nước bắn ra từ bộ rửa kính hoặc từ các lưới gạt nước.^{*1}
- Xe vận hành không ổn định do đường trơn trượt. v.v.^{*1}

^{*1} : Ngoại trừ loại xe Malaysia, Pakistan và Đài Loan

■ **Ví dụ về các hạn chế phát hiện của camera góc rộng phía trước do tình trạng của xe phía trước, xe đang đến gần, xe đang đi đến từ bên cạnh^{*1}, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển**

- Khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước (kể cả xe máy), xe đang đến gần, xe đang đi đến từ bên cạnh^{*1}, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước bạn quá gần.
- Xe phía trước (kể cả xe máy), xe đang đến gần, xe đang đi đến từ bên cạnh^{*1}, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển bất ngờ cắt ngang phía trước mặt hoặc bất ngờ lao ra.
- Xe đạp dừng lại.
- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước (kể cả xe máy) chạy ngang hoặc chéo.
- Khi xe phía trước (kể cả xe máy), xe đang đến gần, xe đang đi đến từ bên cạnh^{*1}, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển lấn vào nền không gian, khiến hệ thống không nhận ra.
- Khi có nhóm người đi bộ di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi có nhóm người đi xe đạp di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển cắt ngang qua đường quá nhanh.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển theo hướng ngược chiều.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước xe bạn hoặc xe đang đến gần sáng một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.
- Khi một phần của người đi bộ (đầu, tay chân, v.v.) bị hành lý che khuất.
- Khi người đi bộ cúi xuống hoặc ngồi xổm, khi giơ hai tay hoặc khi chạy.
- Khi người đi bộ thấp hơn 1 mét hoặc cao hơn 2 mét.
- Khi người đi bộ đang đẩy xe đẩy hoặc dắt xe đạp.
- Xe đang đi đến từ bên cạnh theo hướng chéo.^{*1}
- Xe có hình dạng đặc biệt (như xe bồn hoặc xe tải không chở hàng) đang đi đến từ bên cạnh.^{*1}
- Xe đang đi đến từ bên cạnh đang đi trên một khúc cua hoặc đường đồi.^{*1}

^{*1} : Ngoại trừ loại xe Malaysia, Pakistan và Đài Loan

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống

Loại xe Mỹ La Tinh

- Khi xe phía trước (kể cả xe máy) là xe gắn máy loại nhỏ, xe mô tô ba bánh, xe lăn hoặc xe có hình dạng đặc biệt khác.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh

- Khi xe phía trước (kể cả xe máy) là xe gắn máy loại nhỏ, xe mô-tô ba bánh, xe lăn, xe ba bánh hoặc xe có hình dạng đặc biệt khác.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, ví dụ như xe tải không chở hàng, hoặc xe hẹp.
- Khi xe phía trước (kể cả xe máy), xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển không ở phía chính diện xe bạn.

- Sự chênh lệch về tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước (kể cả xe máy), xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển là rất lớn.*⁴
- Sự chênh lệch về tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang đi đến từ bên cạnh là rất lớn.*⁵
- Khi xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước giảm tốc độ đột ngột.
- Khi người lái nhấn bàn đạp phanh và xoay vô lăng để tránh va chạm.
- Khi xe bạn đến gần xe phía trước (kể cả xe máy), xe đang đến gần, người đi bộ, hoặc xe đạp đang di chuyển trong khi tăng tốc nhanh hoặc xoay vô lăng (trừ khi rẽ trái*¹/phải*² ở đoạn đường giao nhau, v.v.)*³.
- Khi xe đạp đang di chuyển là xe đạp trẻ em, xe đạp gấp, xe ba bánh hoặc các loại xe đạp khác có lốp nhỏ, hoặc xe đạp dài như xe đạp đôi.
- Khi camera góc rộng phía trước không thể nhận diện đúng hình dạng của xe phía trước (kể cả xe máy), xe đang đến gần, xe đang đi đến từ bên cạnh*⁵, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước xe bạn rất cao.
- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước (kể cả xe máy) hoặc xe đang đi đến từ bên cạnh rất cao.*⁵

*1 : Loại Vô Lăng Bên Trái

*2 : Loại Vô Lăng Bên Phải

*3 : Khi có khả năng xảy ra va chạm từ phía trước với xe đang đến gần trong khi rẽ trái*¹/phải*², CMBS sẽ hoạt động. Tuy nhiên, hệ thống có thể không hoạt động nếu bạn

*4 : xoay vô lăng đột ngột.

*5 : Loại xe Malaysia, Pakistan và Đài Loan

Ngoại trừ loại xe Malaysia, Pakistan và Đài Loan

■ Tự động tắt

CMBS có thể tắt tự động và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và đèn báo hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách)* sẽ sáng và sáng liên tục khi:

- Lái xe trên đường gồ ghề, đường núi, hoặc đường quanh co và gấp ghe trong thời gian dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Nhiệt độ camera góc rộng phía trước quá cao.
- Camera góc rộng phía trước bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (kích cỡ lốp không đúng, lốp bị xẹp, v.v.).

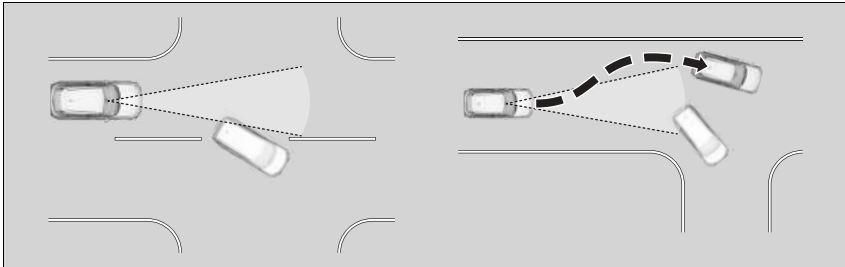
Khi các điều kiện làm CMBS bị tắt được cải thiện hoặc được xử lý (ví dụ làm sạch), hệ thống sẽ hoạt động trở lại.

■ Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm

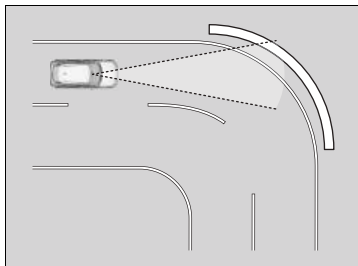
Ngay cả khi có ít khả năng xảy ra va chạm, CMBS có thể hoạt động trong các điều kiện sau:

Đồng thời, hệ thống có thể hoạt động nếu phát hiện có khả năng xảy ra va chạm với người đi bộ, xe đạp đang di chuyển, hoặc xe khác.

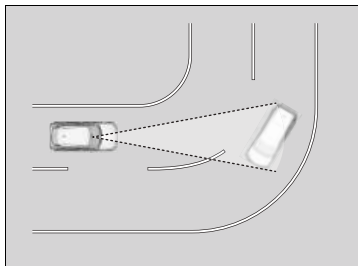
- Xe của bạn tiến gần hoặc vượt xe khác khi xe đó đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Xe của bạn tiến gần xe phía trước và bạn chuyển làn đường để vượt.



- Khi xe bạn tiến gần xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển vượt lên phía trước xe bạn.
- Khi lái xe qua công trình thấp hoặc qua cổng hẹp ở tốc độ cao.
- Khi có các biển báo giao thông hoặc các công trình như lan can ở đoạn đường dọc theo khúc cua.



- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe đang đến gần ở ngay phía trước mặt bạn.



- Khi xe bạn đến gần xe đang đứng yên hoặc đến gần bức tường, chẳng hạn như khi đỗ xe.

Ngoại trừ loại xe Malaysia, Pakistan và Đài Loan

- Xe đang đi đến từ bên cạnh khi xe đó đang lái qua một khúc cua.
- Bạn vượt qua một xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Bạn vượt phía trước một xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang đi đến từ bên cạnh.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp rẽ trái hoặc rẽ phải khi đến gần xe bạn từ bên cạnh.
- Bạn cố vượt trước một chiếc xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp đang cố vượt lên trước xe bạn khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đi vào phần đường của xe bạn và dừng lại trước mặt xe bạn.
- Khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải, một người đi bộ băng qua phần đường của xe bạn và dừng lại trước mặt xe bạn.
- Bạn đi ngang qua một chiếc xe đang đỗ trên đường.

Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp*

Hệ thống này sử dụng các cảm biến siêu âm nằm ở cản trước và sau để phát hiện nguy cơ xảy ra va chạm với tường hoặc chướng ngại vật khác trong khi lái xe bình thường hoặc khi nhấn bàn đạp ga với lực quá mạnh. Sau đó, hệ thống sẽ hỗ trợ tránh va chạm và giảm thiệt hại do va chạm thông qua chức năng Phanh ở Tốc độ Thấp và/hoặc Kiểm Soát Bướm Ga Giảm Va Chạm và Kiểm Soát Bướm Ga Giảm Va Chạm Phía Sau.

► Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp*

⚠ CẢNH BÁO

Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp không thể tránh được mọi va chạm và có thể không làm giảm thiệt hại trong từng tình huống khi nhấn nhầm chân ga hoặc nhấn ga quá mạnh. Quá phụ thuộc vào hệ thống có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong. Luôn kiểm tra xung quanh, vị trí số và cách sử dụng bàn đạp của bạn. Trách nhiệm của người lái là lái xe an toàn.

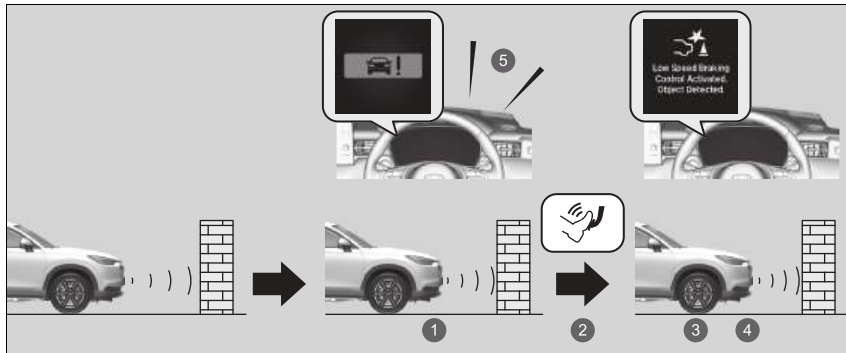
Nếu hệ thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp kích hoạt trong tình huống mà bạn không muốn sử dụng phanh tự động (ví dụ như khi xe đang ở giữa hai rào chắn đường sắt), chỉ cần nhấn bàn đạp phanh để tắt hệ thống và sau đó tiếp tục lái xe như ý muốn.

Nếu hệ thống được kích hoạt bởi làn đường/lề đường đổ xe hoặc độ chênh lệch trên đường và bạn không thể đổ xe hoặc vượt qua chúng, hãy tắt hệ thống.

■ Cách Hoạt Động của Hệ Thống

■ Chức năng Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp

Chức năng Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp phát cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh khi phát hiện xe đang di chuyển trong khoảng từ 2 đến 10 km/h và có khả năng xảy ra va chạm với tường hoặc chướng ngại vật khác, cũng như hỗ trợ phanh.



- ① Xe gài phanh
- ② Người lái nhấn bàn đạp phanh
- ③ Dừng
- ④ Nhả phanh sau khi giữ nguyên vị trí
- ⑤ Cảnh Báo Bằng Âm Thanh

Nếu chỉ tắt các cảm biến sau bằng hệ thống cảm biến đỗ xe, thì chức năng Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp sẽ không hoạt động khi lùi xe.

► Tắt Tất Cả Các Cảm Biến Sau Tr. 544

► Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp*

Để xem hướng dẫn về cách xử lý đúng các cảm biến siêu âm, hãy tham khảo trang sau.

► **Cảm Biến Siêu Âm*** Tr. 525

Xe sẽ nhả phanh và bắt đầu di chuyển vài giây sau khi hệ thống được kích hoạt. Để giữ cho xe dừng lại, hãy nhấn bàn đạp phanh hoặc vào số **P**.

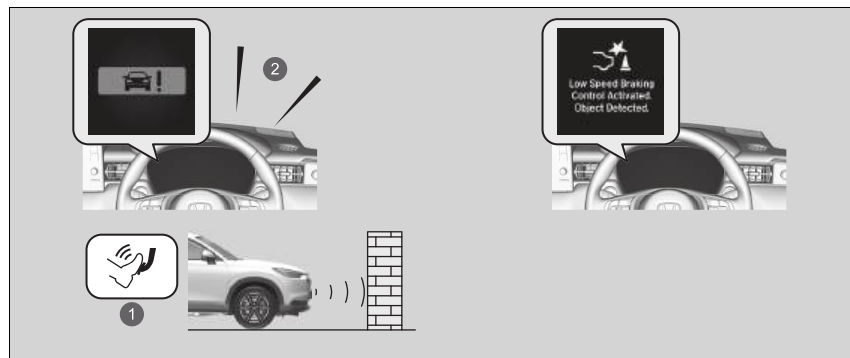
Để ngăn hệ thống kích hoạt khi không cần thiết, hãy luôn tắt hệ thống này trong quá trình bảo dưỡng xe, khi xếp xe lên tàu, xe tải, v.v. hoặc khi sử dụng băng thử công suất hoặc băng tải con lăn kiểm tra xe.

Nếu bạn đặt bất kỳ phụ kiện nào (như giá đỡ xe đạp) lên trên hoặc xung quanh cảm biến sau, Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp có thể kích hoạt nếu phát hiện các phụ kiện này là vật cản. Trong trường hợp này, hãy tắt cảm biến sau.

► **Tắt Tất Cả Các Cảm Biến Sau** Tr. 544

■ Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm và Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm Phía Sau

Khi xe dừng lại hoặc di chuyển với tốc độ dưới 10 km/h và có chướng ngại vật như bức tường gần phía trước hoặc phía sau xe, nếu bạn nhấn bàn đạp ga nhiều hơn mức cần thiết, hệ thống sẽ thông báo cho bạn bằng hình ảnh và cảnh báo bằng âm thanh. Đồng thời, hệ thống sẽ ngăn chặn chuyển động tiến hoặc lùi đột ngột bằng cách giới hạn công suất của động cơ, sau đó chức năng Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp sẽ hoạt động khi bạn đến gần chướng ngại vật.



- ① Vô tình nhấn chân ga/Giới hạn công suất của động cơ
- ② Cảnh Báo Bằng Âm Thanh

Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm và Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm Phía Sau sẽ không kích hoạt trong các tình huống sau.

Khi xe tiến về phía trước:

Khi lên dốc hoặc đang ở số **P**, **R**, hoặc **N**.

Khi lùi xe:

Khi xe lên dốc hoặc không ở số **R**.

Nếu chỉ tắt các cảm biến sau bằng hệ thống cảm biến đỗ xe, Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm và Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm Phía Sau sẽ không hoạt động khi lùi xe.

🔘 **Tắt Tất Cả Các Cảm Biến Sau** Tr. 544

■ **Bật và Tắt Hệ Thống**

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

🔘 **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr. 130

🔘 **Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn** Tr. 140

Hệ thống sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt hệ thống này ở lần lái xe gần đây nhất.

🔘 **Bật và Tắt Hệ Thống**

Hệ thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp có thể tạm thời tắt sau khi nổi lại ắc quy.

Hệ thống sẽ tự động BẬT sau khi xe chạy với tốc độ trên 20 km/h trong một khoảng thời gian.

Nếu hệ thống không bật, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Điều Kiện để Hủy

Điều Kiện cho Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm và Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm Phía Sau

- Khi không nhấn chân ga.
- Khi nhấn chân ga trong khoảng bốn giây.
- Khi nhấn bàn đạp phanh.

Điều kiện để hủy chức năng Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp:

- Hệ thống đã hoạt động được một khoảng thời gian nhất định.

■ Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp

Hệ thống có thể không hoạt động tốt trong các điều kiện sau:

■ Ví dụ về vật cản mà cảm biến siêu âm không thể phát hiện

- Vật cản không phản xạ tốt sóng âm, ví dụ như người, tuyết, vải, bọt biển, v.v.
- Vật cản mỏng như hàng rào, xe đạp, biển báo, v.v.
- Vật cản ngắn hoặc nhỏ.
- Vật cản ngay trước cản xe.
- Các vật thể di chuyển hoặc vật cản đột ngột đi vào đường.
- Vật cản không vuông góc với mặt đất.

►► Điều Kiện để Hủy

Sau khi Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp và Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm đã được kích hoạt một lần, các hệ thống này sẽ không kích hoạt lại cho cùng một chương ngại vật.

Hệ thống có thể được kích hoạt lại sau khi lái xe trong một khoảng thời gian sau lần kích hoạt gần nhất.

Hệ thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp và Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm (Phía Sau) kích hoạt riêng biệt khi tiến và lùi. (Ví dụ: nếu hệ thống kích hoạt khi xe tiến về phía trước, hệ thống có thể được kích hoạt lại ngay lập tức nếu lùi xe.)

Tuy nhiên, nếu chức năng Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp đã được kích hoạt, thì để kích hoạt lại Điều Khiển Bướm Ga Giảm Va Chạm, cần phải lái xe trong một khoảng thời gian nhất định.

■ Ví dụ về các tình huống mà cảm biến siêu âm không thể phát hiện vật cản

- Các cảm biến siêu âm bị bẩn (bị bao phủ bởi tuyết, nước, bùn, v.v.).
- Xe quá nóng hoặc quá lạnh.
- Xoay mạnh vô lăng khi tiếp cận với vật cản ở một góc nghiêng.

■ Ví dụ về các trường hợp khác mà hệ thống có thể không hoạt động tốt

- Xe bị nghiêng do chở hành lý nặng hoặc hệ thống treo bị thay đổi.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Điều kiện thời tiết xấu như mưa lớn, sương mù, tuyết, bão cát, v.v.
- Nhiệt độ/độ ẩm xung quanh quá cao hoặc quá thấp.
- Khi xe đi xuống dốc rất cao.
- Khi lái xe trên đường hiểm trở như trên đất, cỏ hoặc đá.
- Khi ở gần xe khác có cảm biến siêu âm hoặc các vật thể khác hấp thụ sóng siêu âm.

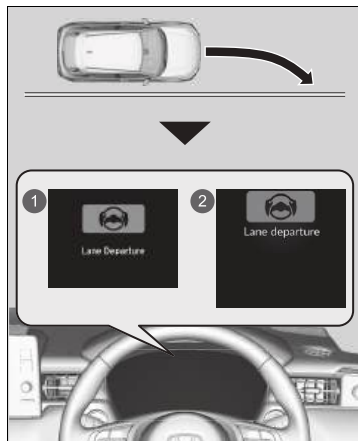
■ Các tình huống mà hệ thống có thể kích hoạt ngay cả khi không có nguy cơ xảy ra va chạm

- Khi đi qua các cổng ngắn hoặc hẹp.
- Khi lái xe trên bề mặt không bằng phẳng, bãi cỏ hoặc những nơi có bậc.
- Khi cột bị nghiêng hoặc bức tường nhô ra từ một vị trí trên cao.
- Khi có vật cản cạnh đường.
- Khi lái xe về phía cờ, rèm cửa, cành cây, thanh chắn đường sắt, v.v.
- Khi lái xe trên đường ngập nước.

Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi)*¹ hoặc phát hiện có xe đang đến gần*¹.

■ Cách Hoạt Động của Hệ Thống



- ① Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại B

Camera góc rộng phía trước nằm phía sau gương chiếu hậu sẽ giám sát vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải màu trắng hoặc màu vàng, giám sát ngoài lề đường (vệ cỏ hoặc sỏi)*¹ hoặc giám sát xe đang đến gần*¹. Nếu xe của bạn chạy quá gần với vạch phân cách làn đường, chạy ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi)*¹ hoặc chạy gần xe đang đến gần*¹ mà không bật xi nhan thì hệ thống sẽ hoạt động.

► Nếu hệ thống không thể phát hiện vạch phân cách làn đường (màu trắng hoặc màu vàng), thì hệ thống không thể hỗ trợ việc tránh va chạm với xe đang đến gần.*¹

Ngoài việc cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống sẽ tác động lực vào hệ thống lái và cảnh báo bạn bằng cách rung nhanh vô lăng để giúp bạn đi đúng làn đường được phát hiện.

► **Cài Đặt*** Tr. 142, 158

► **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

Để cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo  **Lane departure*/Lane Departure*** (Chệch Làn Đường) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

►► Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

Nhắc Nhớ Quan Trọng Về An Toàn

Giống như tất cả các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường cũng có hạn chế.

Quá phụ thuộc vào hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường có thể dẫn đến va chạm. Bạn cần giữ xe đi đúng làn đường.

Hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường cảnh báo CMBS cho bạn khi phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi), phát hiện có xe đang đến gần hoặc phát hiện xe bạn lấn sang làn đường khác mà không bật xi nhan.*¹

Hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường hoặc việc lấn làn.

Hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường không thể phát hiện bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện có xe đang đến gần.*¹ Hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường không thể hỗ trợ bạn do các điều kiện về thời tiết, tốc độ và điều kiện đường xá.

Hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường chưa hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera góc rộng phía trước được trang bị cho hệ thống này.

► **Camera Góc Rộng Phía Trước** Tr. 523

*¹ : Loại xe Australia và Fiji

Hệ thống sẽ hủy hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh đi chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc tránh đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi)*¹ hoặc tránh va chạm với xe đang đến gần*¹.

📖 Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

Hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

📌 Điều Kiện và Hạn Chế của hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường Tr. 468

Đôi khi bạn có thể không nhận thấy được các chức năng của hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường do hoạt động của xe hoặc tình trạng mặt đường.

*1 : Loại xe Australia và Fiji

Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji và Singapore

Nếu hệ thống hoạt động vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn biết. Sau đó, tính năng hỗ trợ lái của Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường tạm thời dừng hoạt động và hệ thống sẽ chỉ cảnh báo bạn bằng âm thanh cảnh báo.



- ① Loại xe Philippin và Mỹ La Tinh có đồng hồ đo loại B
- ② Ngoại trừ loại xe Philippin và Mỹ La Tinh có đồng hồ đo loại B
- ③ Loại xe Malaysia có đồng hồ đo loại A
- ④ Loại xe Đài Loan

*1 : Loại xe Australia và Fiji

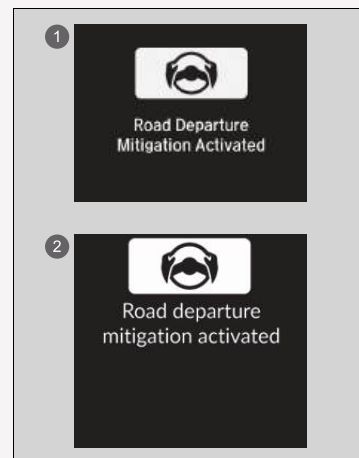
▶▶ Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

Bạn có thể thay đổi cài đặt Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường.

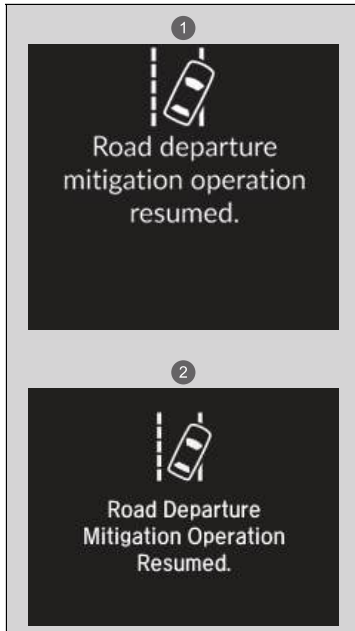
Nếu LKAS tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định rằng xe bạn có thể chèn qua vạch phân cách làn đường được phát hiện, đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi)*¹ hoặc tiến sát vào xe đang đến gần*¹.

▶ Cài Đặt* Tr. 142, 158

▶ Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346



- ① Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại B



Sau một vài phút, thông báo sang bên trái được hiển thị và hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường được khôi phục hoàn toàn.

- ① Ngoại trừ loại xe Malaysia có đồng hồ đo loại A
- ② Loại xe Malaysia có đồng hồ đo loại A

Loại xe Australia, Fiji và Singapore



- ① Đèn Báo TẮT Tự Động Tính Năng Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

Nếu hệ thống hoạt động vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn biết. Sau đó, đèn báo TẮT Tự Động Tính Năng Hỗ Trợ Lái của Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường sáng, tính năng hỗ trợ lái của Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường tạm thời dừng hoạt động và hệ thống sẽ chỉ cảnh báo bạn bằng âm thanh cảnh báo.

Sau một vài phút, đèn báo TẮT Tự Động Tính Năng Hỗ Trợ Lái của hệ thống Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường sẽ tắt và hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường được khôi phục hoàn toàn.

Cách Hoạt Động của Hệ Thống

Hệ thống sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Xe đang chạy trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Xi nhan tắt.
- Hệ thống xác định được người lái không chủ động tăng tốc, phanh hoặc xoay vô lăng.

Loại xe Australia và Fiji

- Vạch phân cách làn đường màu trắng (màu vàng).
Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 180 km/h.
► Khi xe ngược chiều đang đến gần đang chạy
Xe chạy với tốc độ khoảng từ 30 đến 180 km/h.
- Ngoài lề đường là vệ cỏ hoặc sỏi.
Xe chạy với tốc độ khoảng từ 30 đến 180 km/h.

Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji

- Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 180 km/h.

►► Cách Hoạt Động của Hệ Thống

Hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường có thể tự động tắt và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và đèn báo hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường (màu hổ phách)* sáng và sáng liên tục.

►► Đèn Báo Đèn Bật Tr. 116

Chức năng hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường có thể bị ảnh hưởng khi xe:

- Lái ở mép trong khúc cua hoặc ngoài làn đường.
- Lái ở làn đường hẹp.

Bật và Tắt hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

Loại xe không có Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn

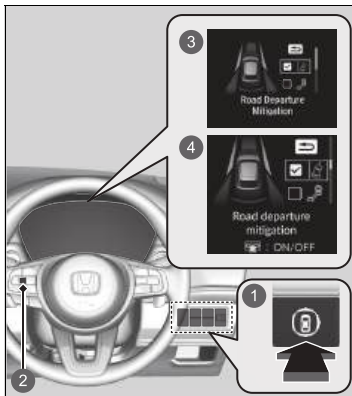
Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

▶ **Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị** Tr. 130, 150

▶ **Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn** Tr. 140, 156

Mỗi lần bạn khởi động động cơ, hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường sẽ bật hoặc tắt theo lựa chọn ở lần lái xe gần đây nhất.

Loại xe có Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn



- ① Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn
- ② Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ④ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Khi bật và tắt hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường, hãy thực hiện như sau:

1. Ấn công tắc hỗ trợ an toàn.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái đến biểu tượng và đẩy.
 - ▶ Thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống bật hoặc tắt.
 - ▶ Ô được chọn và màu của biểu tượng chuyển sang màu xanh lục khi hệ thống bật. Ô không được chọn và màu của biểu tượng chuyển sang màu xám khi hệ thống tắt.

Mỗi lần bạn khởi động động cơ, hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường sẽ bật (ô được chọn) hoặc tắt (ô không được chọn) theo lựa chọn ở lần lái xe gần đây nhất.

Bật và Tắt hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji

Khi bạn chọn **Warning Only***/**Warning only** (Chỉ Cảnh Báo), hệ thống không vận hành vô lăng.

▶ **Cài Đặt*** Tr. 142, 158

▶ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

Loại xe có Công Tắc Hỗ Trợ An Toàn

Bạn có thể chọn nội dung hỗ trợ an toàn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

▶ **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại A)** Tr. 130

▶ **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái (Loại xe có đồng hồ đo loại B)** Tr. 150

Các đèn báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp, hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách), Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp*, và Áp Suất Lốp Thấp/TPMS* có thể sáng cùng với thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn sang BẬT sau khi nổi lại ắc quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Điều Kiện và Hạn Chế của hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

Hệ thống không thể phát hiện đúng vạch phân cách làn đường (màu trắng hoặc màu vàng), xe ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi)^{*1} hoặc xe đang đến gần^{*1} trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

■ Điều kiện môi trường

- Có rất ít khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ làn đường, mặt đường hoặc xe đang đến gần).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.
- Ngoài lề đường có các đồ vật, vật liệu, v.v ... không phải là cỏ hoặc sỏi.^{*1}

^{*1} : Loại xe Australia và Fiji

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ hỏng.
- Đường có vạch đánh dấu nhập làn, tách làn hoặc giao cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, quá rộng, hoặc thay đổi liên tục.
- Một phần của vạch phân cách làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v.) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không trải nhựa, hoặc mặt đường mấp mô.
- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Đi qua ngã tư.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Lái xe trên đường không trải nhựa hoặc bị hằn lún.
- Không nhận dạng được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường xá như khúc cua, khúc quanh hoặc đường đồi dốc.

■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước của camera góc rộng phía trước bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Khi người lái nhấn bàn đạp phanh và xoay vô lăng.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

■ Ví dụ về các hạn chế của hệ thống trong việc phát hiện do điều kiện của xe đang đến gần^{*1}

- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước chạy dàn hàng ngang.
- Xe đang đến gần đột ngột xuất hiện phía trước xe bạn.
- Khi xe đang đến gần lấn vào làn không gian, khiến hệ thống không thể nhận ra xe đó.
- Đèn chiếu sáng của xe đang đến gần sáng một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe đang đến gần quá gần.
- Một phần của xe đang đến gần bị xe phía trước xe bạn che khuất.
- Phía trước có nhiều làn đường hoặc nhiều ngã rẽ.
- Xe ở làn bên cạnh đang đỗ hoặc di chuyển với tốc độ rất chậm.

*1 : Loại xe Australia và Fiji

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống^{*1}

- Khi xe đang đến gần có hình dạng đặc biệt.
- Khi camera góc rộng phía trước không xác định được chính xác hình dạng của xe đang đến gần.

■ Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm^{*1}

Hệ thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường có thể hoạt động trong các điều kiện dưới đây.

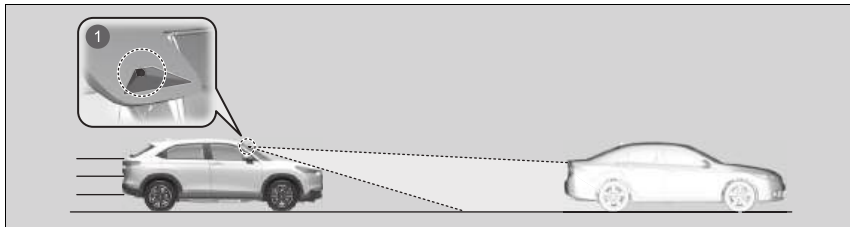
- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe đang đến gần ở ngay phía trước mặt bạn.

^{*1} : Loại xe Australia và Fiji

Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước, và nếu phát hiện xe phía trước chuẩn bị dừng lại, hệ thống sẽ giảm tốc độ xe và dừng xe mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Khi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp giảm tốc độ xe bằng cách phanh xe, đèn phanh của xe sẽ sáng lên.



① Camera góc rộng phía trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.

- Tốc độ xe cho ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp: **Phát hiện xe phía trước trong phạm vi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp** – ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp hoạt động ở tốc độ lên tới 180 km/h.
Không phát hiện xe nào trong phạm vi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp – ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp hoạt động ở tốc độ từ 30 km/h trở lên.
- Vị trí số cho ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp: Ở **[D]** hoặc **[S]**^{*}.

► Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

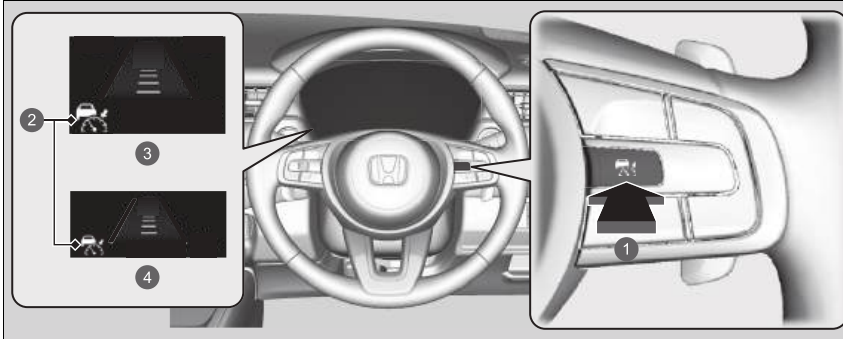
Chỉ sử dụng ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện đường xá và thời tiết tốt.

⚠ CẢNH BÁO

ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp có khả năng phanh hạn chế và không thể làm cho xe bạn dừng lại đúng lúc để tránh xảy ra va chạm với một xe đột ngột dừng ngay trước xe bạn.

Luôn sẵn sàng nhấn bàn đạp phanh trong tình huống cần thiết.

■ Cách kích hoạt hệ thống



- 1 Nút 
Ấn nút  trên vô lăng.
- 2 Đèn báo  (màu trắng) sáng trên đồng hồ đo.
ACC bao gồm Dài Tốc Độ Thấp sẵn sàng sử dụng.
- 3 Loại xe có đồng hồ đo loại A
- 4 Loại xe có đồng hồ đo loại B

► Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dài Tốc Độ Thấp

⚠ CẢNH BÁO

Khi xe đã dừng và bạn ra khỏi xe trong khi ACC bao gồm Dài Tốc Độ Thấp vẫn đang hoạt động có thể làm xe di chuyển mà không kiểm soát được.

Xe di chuyển không có kiểm soát có thể dẫn đến va chạm, gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi xe dừng bằng ACC bao gồm Dài Tốc Độ Thấp.

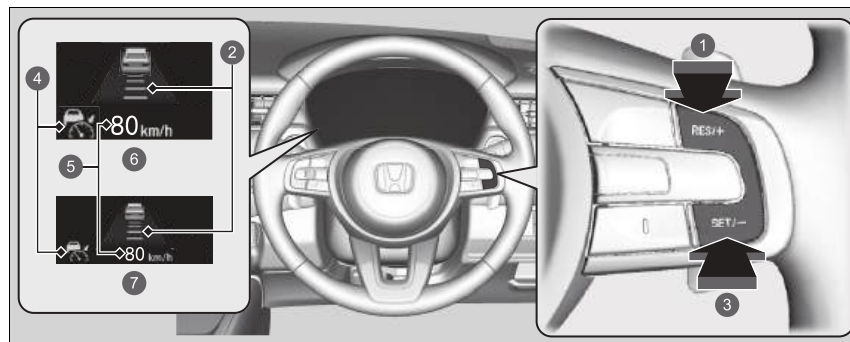
Nhắc Nhở Quan Trọng

Giống như bất kỳ hệ thống nào, ACC bao gồm Dài Tốc Độ Thấp cũng có các hạn chế. Hãy sử dụng bàn đạp phanh bất cứ khi nào cần, và luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn với các xe khác.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera góc rộng phía trước được trang bị cho hệ thống này.

► Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523

■ Thiết Lập Tốc Độ Xe



- 1 Nút **RES/+**
Ấn và nhả
- 2 Bật khi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp bắt đầu
- 3 Nút **SET/-**
Ấn và nhả
- 4 Đèn báo  (màu xanh lục)
- 5 Thiết Lập Tốc Độ Xe (Màu trắng)
- 6 Loại xe có đồng hồ đo loại A
- 7 Loại xe có đồng hồ đo loại B

► Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp

ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp có thể không hoạt động đúng trong các điều kiện nhất định.

► **Điều Kiện và Hạn Chế của ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp** Tr. 482

Khi không sử dụng ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp:
Ấn nút  để tắt chế độ chạy ổn định thích ứng.

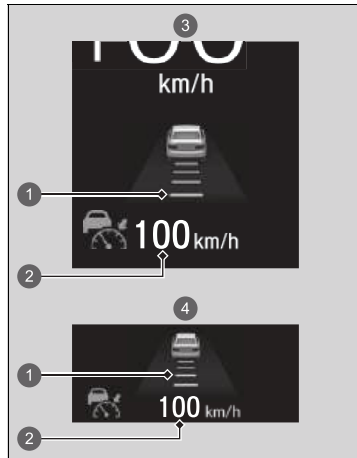
Không sử dụng ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp trong những điều kiện sau:

- Trên đường có phương tiện chuyển làn thường xuyên hoặc dừng và di chuyển liên tục, ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp không thể giữ khoảng cách thích hợp giữa xe bạn và xe phía trước.
- Trên đường có khúc cua gấp.
- Trên đường có các thiết bị soát vé hoặc các vật thể khác chắn giữa làn đường hoặc ở khu vực đổ xe hoặc các thiết bị truy cập khi lái.
- Trên đường có thời tiết xấu (có mưa, sương mù, tuyết, v.v.) khiến ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp không thể phát hiện đúng khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước.
- Đường trơn trượt hoặc bị đóng băng. Các bánh xe có thể bị trượt và làm xe bị mất lái.
- Khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc cao.
- Đường nhiều dốc.

Khi lái xe ở tốc độ từ 30 km/h trở lên: Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-** khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn. Vào thời điểm bạn nhả nút, tốc độ đã thiết lập được cố định, và ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp bắt đầu hoạt động.

Khi lái xe ở tốc độ dưới 30 km/h: Nếu xe đang chạy và không nhấn bàn đạp phanh thì việc bạn ấn nút sẽ cố định tốc độ đã thiết lập là khoảng 30 km/h cho dù tốc độ hiện tại là bao nhiêu.

Nếu xe đang đứng yên, bạn có thể thiết lập tốc độ xe ngay cả khi nhấn bàn đạp phanh.



- ① Khoảng Cách Xe Được Thiết Lập
- ② Tốc Độ Xe Được Thiết Lập
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ④ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Khi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp bắt đầu hoạt động, biểu tượng xe, các thanh biểu thị khoảng cách và tốc độ đã thiết lập sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

► Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp

Các đèn báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp, hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách), Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp*, và Áp Suất Lốp Thấp/TPMS* có thể sáng cùng với thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn sang BẬT sau khi nói lại ắc quy.

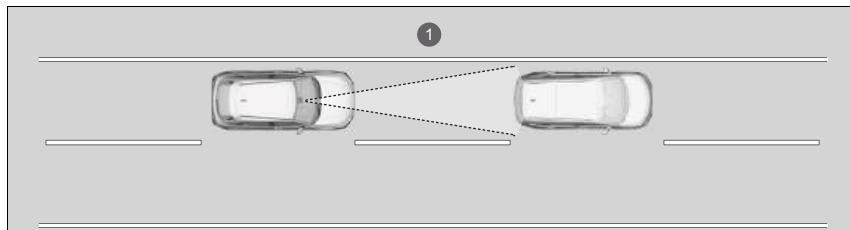
Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Khi Hoạt Động

■ Có xe phía trước

ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp sẽ giám sát nếu xe phía trước xe bạn đi vào phạm vi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp. Trong trường hợp này, hệ thống ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp sẽ duy trì hoặc giảm tốc độ xe đã thiết lập để giữ khoảng cách đã thiết lập với xe phía trước.

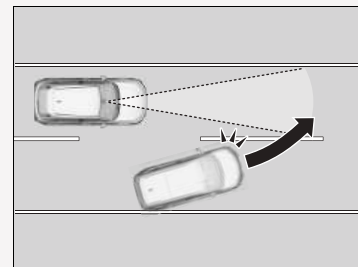
➡ **Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách Với Xe Khác Tr. 487**



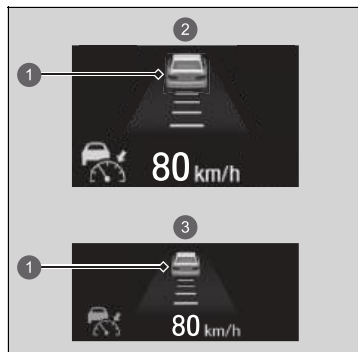
① Phạm vi của ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp: 120 m

■ Khi Hoạt Động

Nếu xe phía trước xe bạn giảm tốc độ bất ngờ, hoặc có xe khác cắt ngang phía trước, tiếng bíp sẽ vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



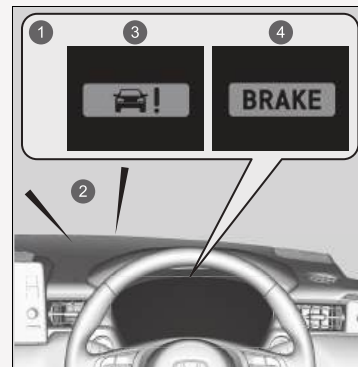
Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước.



- ❶ Biểu tượng xe xuất hiện trên đồng hồ đo.
- ❷ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại B

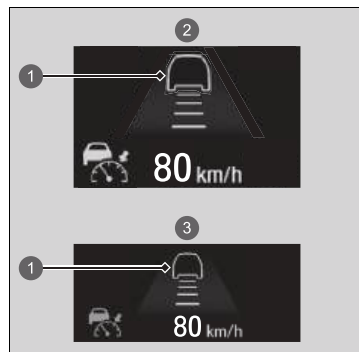
Khi camera góc rộng phía trước phát hiện thấy có một xe chạy với tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập của xe bạn đi tới hoặc cắt ngang qua đầu xe bạn, xe của bạn sẽ bắt đầu giảm tốc.

► Khi Hoạt Động



- ❶ Cảnh Báo Bằng Hình Ảnh
- ❷ Cảnh Báo Bằng Âm Thanh
- ❸ Ngoại trừ loại xe Philippin, Đài Loan và Mỹ La Tinh
- ❹ Loại xe Philippin, Đài Loan và Mỹ La Tinh

■ Không có xe phía trước



- ❶ Biểu tượng xe có đường viền xuất hiện trên đồng hồ đo.
- ❷ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Khi nhấn bàn đạp ga

Bạn có thể tạm thời tăng tốc độ xe. Trong trường hợp này, sẽ không có cảnh báo bằng âm thanh hay hình ảnh gì thông báo cho bạn kể cả khi xe đang ở trong phạm vi của ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.

ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp tiếp tục hoạt động trừ khi bạn hủy hệ thống. Khi bạn nhả bàn đạp ga, hệ thống sẽ tiếp tục hoạt động với tốc độ thích hợp để duy trì khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước trong khi xe phía trước đang ở trong phạm vi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.

Xe của bạn duy trì tốc độ đã thiết lập mà không phải giữ chân trên bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga.

Nếu trước đó phát hiện có xe phía trước khiến xe bạn không thể giữ tốc độ đã thiết lập, ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp sẽ tăng tốc đến tốc độ đã thiết lập và duy trì tốc độ đó.

Khi lái xe xuống dốc cao, ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp sẽ phanh để tránh tăng ga quá mức nhằm duy trì tốc độ đã thiết lập.

Tuy nhiên, tốc độ xe có thể trở nên nhanh hơn tốc độ đã thiết lập.

► Khi Hoạt Động

Ngay cả khi phát hiện khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước gần, ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp có thể bắt đầu tăng tốc xe trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước xe bạn chạy với tốc độ gần bằng xe bạn hoặc nhanh hơn.
- Xe cắt ngang phía trước xe bạn chạy nhanh hơn xe bạn, dần dần bỏ xa xe bạn.

Bạn cũng có thể cài đặt để hệ thống phát tiếng bip khi phát hiện xe phía trước đi vào hoặc ra khỏi phạm vi phát hiện của ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp. Chọn bật và tắt tiếng bip phát hiện xe.

► Cài Đặt* Tr. 142, 158

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346

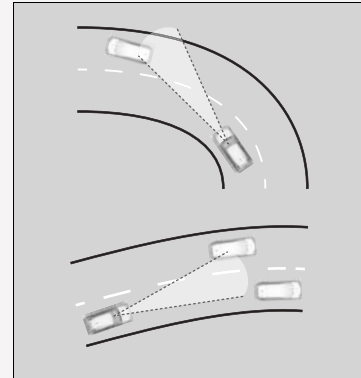
Hạn chế

Bạn có thể cần đến phanh để duy trì khoảng cách an toàn khi sử dụng ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp. Bên cạnh đó, ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp có thể không hoạt động đúng trong các điều kiện nhất định.

► Điều Kiện và Hạn Chế của ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp Tr. 482

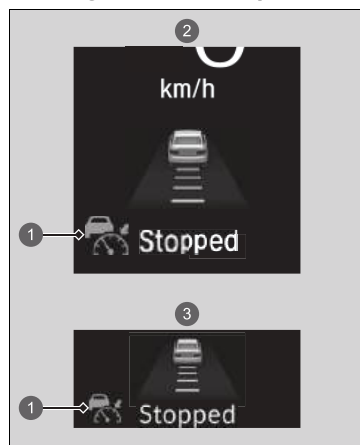
► Khi Hoạt Động

- ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp có thể tạm thời kiểm soát khoảng cách giữa xe bạn và xe trong làn đường liền kề hoặc các xe xung quanh xe bạn tùy thuộc vào điều kiện đường xá (ví dụ: chỗ khúc cua) hoặc điều kiện xe (ví dụ: xoay vô lăng hoặc vị trí xe trong làn đường).



- Khi xe phía trước xe bạn di chuyển ra xa, chẳng hạn như khi đi vào nút giao thông hoặc trạm dừng chân, ACC có Hỗ Trợ Di Chuyển Tốc Độ Thấp có thể tiếp tục duy trì khoảng cách giữa các xe đã thiết lập trong thời gian ngắn.

■ Giảm tốc độ và dừng xe khi phát hiện xe phía trước ở trong phạm vi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp



Xe bạn cũng tự động dừng. Thông báo **Stopped** (Dừng xe) xuất hiện trên đồng hồ đo.

Khi xe phía trước tiếp tục chạy, nếu bạn ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-**, hoặc nhấn bàn đạp ga, ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp sẽ hoạt động trở lại trong phạm vi tốc độ đã thiết lập trước đó.

- ① Đèn Báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp (Màu Xanh Lục)
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại B



Nếu không có xe nào phía trước xe bạn trước khi bạn tiếp tục lái xe, nhấn bàn đạp ga và ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp sẽ hoạt động trở lại trong phạm vi tốc độ đã thiết lập trước đó.

- ❶ Đèn Báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp (Màu Xanh Lục)
- ❷ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Điều Kiện và Hạn Chế của ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp

Hệ thống có thể tự động tắt trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng của ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.

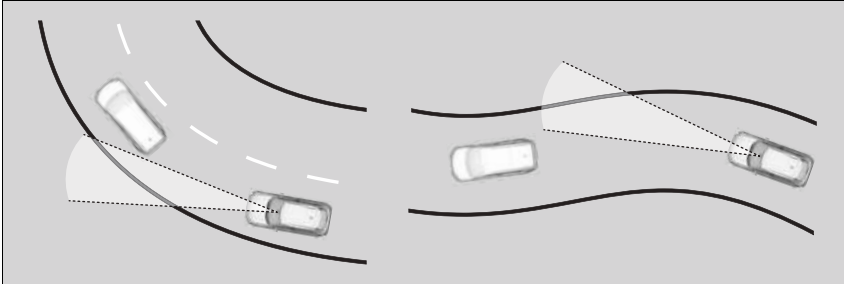
➡ **Camera Góc Rộng Phía Trước** Tr. 523

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên xe hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ toàn bộ xe).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh hoặc đường dốc.



- Lái xe trên đường bị hằn lún (đường tuyết hoặc đường không trải nhựa, v.v.).
- Mặt đường ướt nước hoặc có nhiều vũng nước.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Phía trước của camera góc rộng phía trước bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ **Ví dụ về các trường hợp khi camera góc rộng phía trước có thể không phát hiện chính xác xe phía trước**

- Một xe bất ngờ cắt ngang phía trước xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Khi xe phía trước xe bạn lấn vào nền không gian, khiến hệ thống không thể nhận ra xe đó.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước xe bạn sáng một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.

■ **Ví dụ về các trường hợp khi hệ thống có thể không hoạt động đúng**

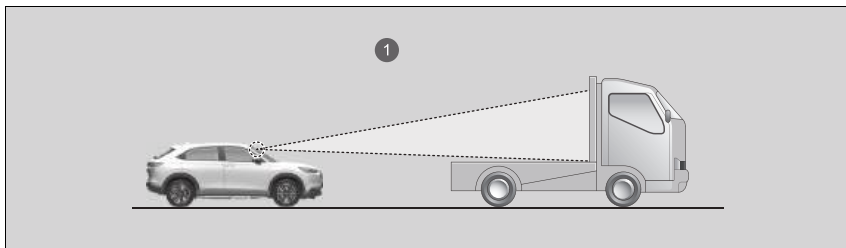
- Xe phía trước xe bạn dừng và độ chênh lệch về tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước quá lớn.
- Khi xe phía trước xe bạn giảm tốc đột ngột.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, ví dụ như xe tải không chở hàng, hoặc xe hẹp.

Loại xe Mỹ La Tinh

- Khi xe phía trước xe bạn là xe có hình dạng đặc biệt.

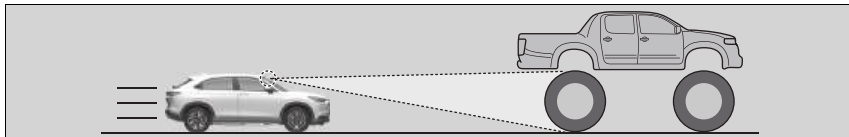
Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh

- Khi xe phía trước xe bạn là xe ba bánh hoặc xe có hình dạng đặc biệt.



- ① Camera góc rộng phía trước phát hiện thấy phần trên của xe tải không chở hàng.

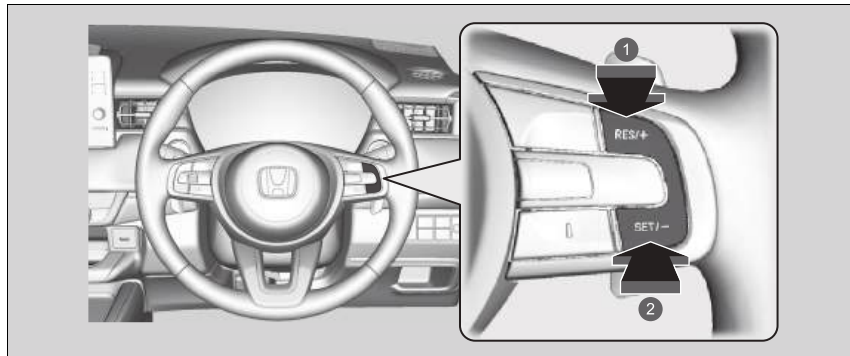
- Khi xe bạn hoặc xe phía trước đi trên mép của làn đường.
- Khi xe phía trước xe bạn là xe hẹp, ví dụ như xe máy.
- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước xe bạn rất cao.



- Khi camera góc rộng phía trước không thể phát hiện chính xác hình dạng của xe phía trước xe bạn.

■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ xe.



- ❶ Để tăng tốc độ
- ❷ Để giảm tốc độ

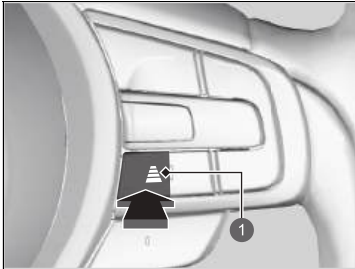
- Mỗi lần ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h.
- Mỗi lần ấn và giữ nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 10 km/h.

▣ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Nếu phát hiện xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập để tăng tốc của xe bạn, ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp không thể tăng tốc độ của xe bạn. Điều này giúp duy trì khoảng cách đã thiết lập giữa xe bạn và xe phía trước.

Khi bạn nhấn bàn đạp ga, sau đó ấn và nhả nút **SET/-**, tốc độ xe khi đó sẽ được thiết lập.

■ Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách Với Xe Khác



① Nút Khoảng Cách

Ấn nút khoảng cách để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.

Mỗi khi ấn nút, chu kỳ thiết lập khoảng cách với xe khác (khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước được phát hiện) chuyển giữa rất xa, xa, trung bình và gần.

Xác định khoảng cách phù hợp nhất với xe khác tùy theo điều kiện lái cụ thể. Đảm bảo tuân theo các quy định của địa phương về khoảng cách lái.

Tốc độ xe bạn càng cao thì khoảng cách giữa hai xe ở các mức gần, trung bình, xa hoặc rất xa càng trở nên lớn hơn. Xem các ví dụ sau để tham khảo.

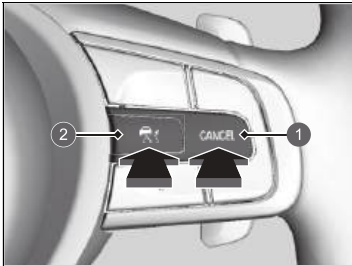
Khoảng Cách Xe		Khi Tốc Độ Đã Thiết Lập là:	
		80 km/h	104 km/h
Gần		26,6 mét 1,2 giây	33,7 mét 1,2 giây
Trung Bình		34,6 mét 1,6 giây	44,9 mét 1,6 giây
Xa		43,9 mét 2,0 giây	57,1 mét 2,0 giây
Rất Xa		53,6 mét 2,4 giây	70,0 mét 2,4 giây

Khi xe bạn tự động dừng do phát hiện xe phía trước dừng, khoảng cách giữa hai xe sẽ thay đổi dựa vào cài đặt khoảng cách ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.

Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách Với Xe Khác

Trong mọi trường hợp, người lái phải duy trì khoảng cách phanh vừa đủ với xe phía trước và phải biết rằng khoảng cách tối thiểu hoặc thời gian giãn cách tối thiểu có thể được quy định trong Luật Giao Thông Đường Bộ ở địa phương và người lái phải có trách nhiệm tuân thủ pháp luật.

Hủy



❶ Nút **CANCEL**

❷ Nút

Để hủy ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp, hãy làm như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
 - ▶ Đèn báo (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển thành đèn báo (màu trắng).
- Ấn nút .
 - ▶ đèn báo (màu xanh lục) tắt.
- Nhấn bàn đạp phanh khi xe đang chạy về phía trước.
 - ▶ Đèn báo (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển thành đèn báo (màu trắng).

Hủy

Khôi phục tốc độ đã thiết lập trước đó: Sau khi bạn đã hủy ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp, bạn có thể kích hoạt ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp với tốc độ đã thiết lập trước đó được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách ấn nút **RES/+** ngay cả khi xe đã dừng.

Khi bạn tắt ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp bằng cách ấn nút **CANCEL** hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ đã thiết lập trước đó sẽ hiển thị màu xám trên đồng hồ đo.

Khi ấn nút **RES/+**, ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp sẽ hoạt động theo tốc độ được hiển thị.

Nếu đèn báo (màu trắng) xuất hiện và bạn ấn nút **RES/+**, nhưng tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám) không hiển thị, thì tốc độ xe hiện tại sẽ được thiết lập.

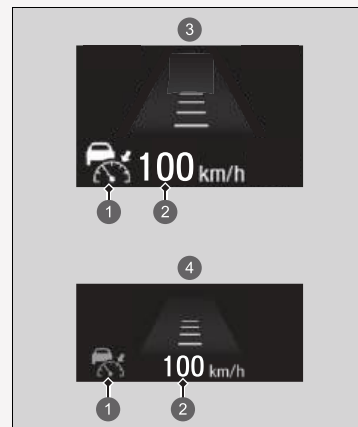
Không thể thiết lập hoặc khôi phục tốc độ đã thiết lập khi tắt ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp bằng cách ấn nút . Ấn nút để kích hoạt hệ thống, sau đó cài đặt tốc độ mà bạn mong muốn.

■ Hủy tự động

Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo khi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp bị hủy tự động. ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp sẽ tự động bị hủy ở bất kỳ điều kiện nào sau đây:

- Thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Không thể phát hiện ra xe phía trước.
- Phát hiện ra tình trạng lốp xe bất thường hoặc lốp xe bị trượt.
- Lái xe trên đường đồi núi hoặc lái xe trên đường hiểm trở trong thời gian dài.
- Bề lái đột ngột.
- Khi ABS, VSA, CMBS, hoặc hệ thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp* hoạt động.
- Khi đèn báo hệ thống VSA sáng.
- Khi xe đang dừng trên dốc cao.
- Khi gài phanh đỗ bằng tay.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Khi phát hiện xe khác nằm trong phạm vi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp ở quá gần với xe bạn.
- Khi tăng tốc nhanh.
- Phía trước của camera góc rộng phía trước bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Xe chở hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Khi đi qua khu vực tối ví dụ như đường hầm.
- Khi đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hồ phách) sáng.
- Nhấn phanh nhiều lần để duy trì tốc độ đã thiết lập (ví dụ như khi đang xuống dốc dài).
- Khi hệ thống không phát hiện bất kỳ thao tác lái xe nào của người lái trong một khoảng thời gian nhất định trong khi LKAS cũng được kích hoạt.

» Hủy



- 1 Đèn báo (Màu trắng)
- 2 Tốc Độ Đã Thiết Lập Trước Đó (Màu xám)
- 3 Loại xe có đồng hồ đo loại A
- 4 Loại xe có đồng hồ đo loại B

ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp có thể bị hủy tự động do các nguyên nhân dưới đây. Trong những trường hợp này, phanh đỗ sẽ tự động gài.

- Người lái không thắt dây đai an toàn khi xe đứng yên.
- Xe dừng hơn 10 phút.
- Động cơ tắt.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

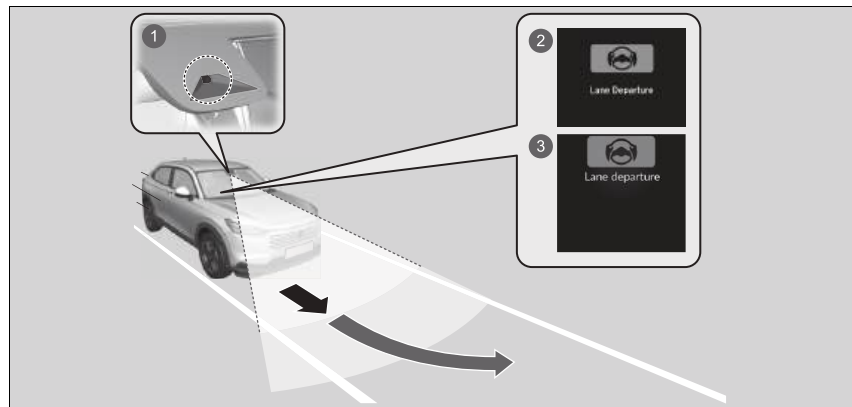
Hỗ trợ đánh lái nhằm duy trì xe ở giữa làn đường, và nếu phát hiện xe nằm ngoài làn đường, hệ thống sẽ đưa ra các cảnh báo dưới dạng hình ảnh, âm thanh và rung vô lăng.

■ Hỗ trợ hệ thống lái

Hệ thống tác dụng mô-men xoắn lên hệ thống lái nhằm giữ xe ở giữa vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải. Mô-men xoắn sẽ lớn dần khi xe đến gần một trong hai vạch phân cách làn đường.

■ Cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và bằng hình ảnh

Vô lăng rung liên tục, cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện để báo cho bạn biết xe bạn đang đi ra ngoài làn đường được phát hiện.



- ① Camera góc rộng phía trước: Giám sát vạch phân cách làn đường
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại B

►► Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

■ Nhắc Nhớ Quan Trọng Về An Toàn

LKAS chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện. Đây không phải là hệ thống lái xe tự động và không thể thay thế người lái điều khiển xe. Hệ thống không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không lái.

LKAS rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Không để bất cứ vật gì lên bảng điều khiển. Các vật đó có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không phát hiện chính xác vạch phân cách làn đường.

LKAS chỉ cảnh báo khi phát hiện xe đang đi chệch làn đường mà không bật xi nhan. LKAS không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường hoặc làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi dựa trên điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch phân cách làn đường. Bạn luôn phải có trách nhiệm lái xe an toàn và tránh va chạm.

LKAS có thể không thể hoạt động hiệu quả khi lái xe trong điều kiện giao thông đông đúc hoặc trên đường có khúc cua gấp.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera góc rộng phía trước được trang bị cho hệ thống này.

►► Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523

LKAS không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

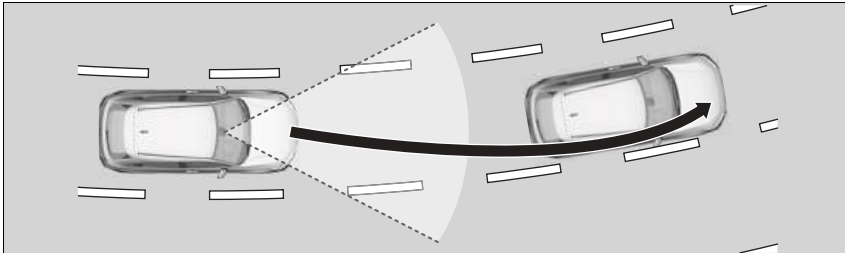
►► Điều Kiện và Hạn Chế của LKAS Tr. 500

Khi bạn bật xi nhan để thay đổi làn đường, hệ thống sẽ tạm dừng và tiếp tục hoạt động sau khi tắt xi nhan.

Nếu bạn chuyển làn đường mà không bật xi nhan, cảnh báo LKAS sẽ kích hoạt và mô-men xoắn sẽ được tác động vào hệ thống lái.

■ Chức Năng Hỗ Trợ Giữ Làn Đường

Hỗ trợ xe đi giữa làn đường. Khi xe đi đến gần vạch trắng hoặc vàng, lực lái của hệ thống trợ lực điện sẽ tăng lên.

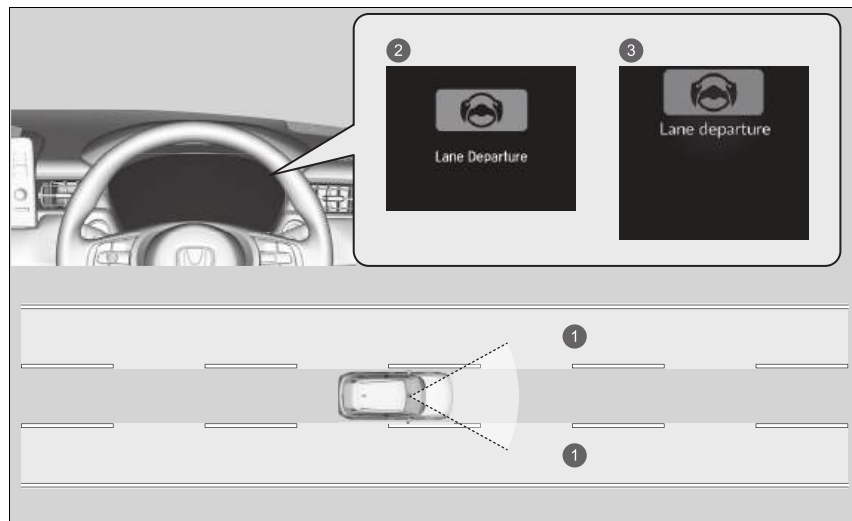


▣ Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

Nếu LKAS không phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tạm thời bị hủy. Khi phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tự động hoạt động trở lại.

■ Chức Năng Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, LKAS sẽ cảnh báo cho bạn biết bằng cách rung nhẹ vô lăng đồng thời xuất hiện cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.



- ① Khu Vực Cảnh Báo
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Có thể Sử Dụng Hệ Thống Khi

Có thể sử dụng hệ thống khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 180 km/h.
- Làn đường đang lái có các vạch phân cách làn đường để phát hiện ở cả hai bên đường và xe bạn đang đi giữa làn đường.
- Lái xe trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Xi nhan tắt.
- Không nhấn bàn đạp phanh.

▣ Có thể Sử Dụng Hệ Thống Khi

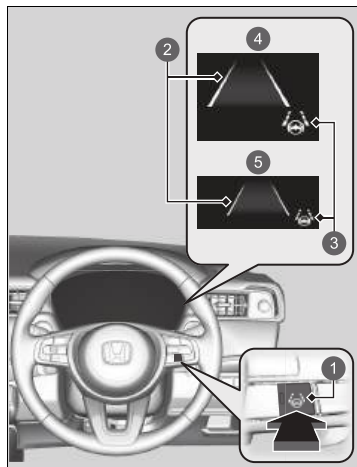
Nếu xe tạt sang làn đường bên trái hoặc bên phải do mô-men xoắn tác động lên hệ thống, hãy tắt LKAS và mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Đảm bảo thực hiện theo các chỉ dẫn sau đây để hệ thống hoạt động hiệu quả:

- Đảm bảo kính chắn gió xung quanh camera góc rộng phía trước luôn sạch sẽ.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không chạm vào thấu kính camera góc rộng phía trước.
- Không dán nhãn dán lên khu vực quanh camera góc rộng phía trước.

Nếu ấn nút LKAS khi có thể sử dụng hệ thống, LKAS sẽ bật mà không cần ở chế độ chờ.

■ Cách kích hoạt hệ thống



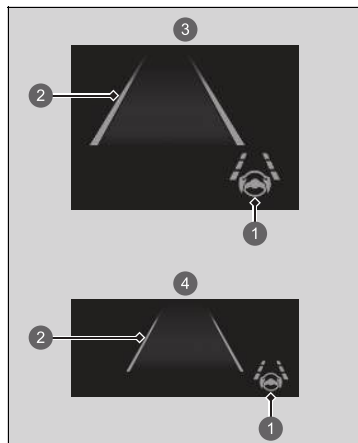
- ① Nút LKAS
- ② Vạch màu trắng
- ③ Đèn báo LKAS (màu trắng)
- ④ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ⑤ Loại xe có đồng hồ đo loại B

1. Ấn nút LKAS.

► Đèn báo LKAS (màu trắng) sáng trên đồng hồ đo.

Hệ thống ở chế độ chờ.

► Nếu phát hiện vạch phân cách làn đường, vạch màu trắng sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

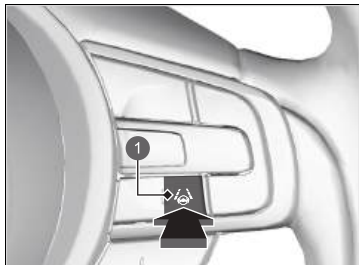


- ❶ Đèn báo LKAS (màu xanh lục)
- ❷ Vạch màu xanh lục
- ❸ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ❹ Loại xe có đồng hồ đo loại B

2. Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.

- Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang màu xanh lục và vạch màu trắng chuyển sang màu xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải.

■ Hủy



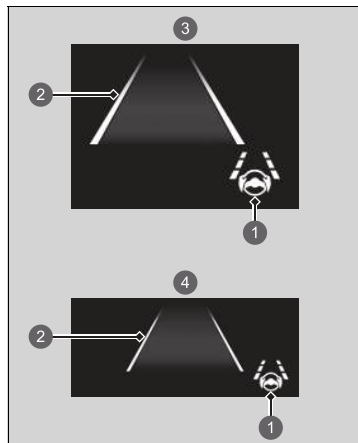
① Nút LKAS

Ấn nút LKAS.

LKAS sẽ tắt mỗi khi bạn tắt động cơ, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống ở làn lái xe gần đây nhất.

■ LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

Khi LKAS tạm dừng trong những trường hợp sau, các vạch phân cách làn đường trên đồng hồ đo chuyển thành màu trắng và tiếng bíp vang lên (nếu được kích hoạt).



- ① Đèn báo LKAS (màu trắng)
- ② Vạch màu trắng
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ④ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Ngoại trừ loại xe Australia và Fiji

- Giảm tốc độ xe xuống khoảng 64 km/h trở xuống.
- ▶ Tăng tốc độ xe lên khoảng 72 km/h trở lên để LKAS hoạt động trở lại.

Tất cả các loại xe

- Lái xe sang phải hoặc sang trái làn đường.
- Hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.
- Xoay vô lăng nhanh.
- Xe bị mất lái.
- Lái xe qua khúc cua gấp.
- Lái ở tốc độ vượt quá khoảng 185 km/h.
- Sử dụng hệ thống ABS hoặc VSA.
- Đột ngột nhấn bàn đạp phanh.

LKAS sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

■ LKAS có thể tự động hủy khi:

Trong những trường hợp sau, vạch phân cách làn đường có thể biến mất trên màn hình, tiếng bíp có thể vang lên và LKAS có thể tự động hủy:

- Nhiệt độ camera góc rộng phía trước rất cao.
- Camera góc rộng phía trước nằm phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực quanh camera góc rộng phía trước, bao gồm cả kính chắn gió, bị bẩn.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

▶▶ LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho LKAS.

Có thể chọn bật và tắt tiếng bíp tạm dừng LKAS.

▶ **Cài Đặt*** Tr. 142, 158

▶ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

■ Điều Kiện và Hạn Chế của LKAS

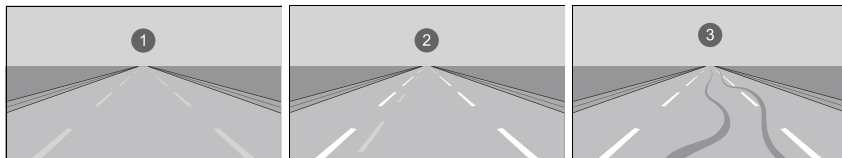
Hệ thống không thể phát hiện ra vạch phân cách làn đường và vì thế không thể giữ xe ở giữa làn đường trong các trường hợp sau:

■ Điều kiện môi trường

- Có rất ít khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ làn đường hoặc mặt đường).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.

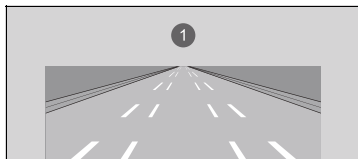
■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ hỏng.



- ① Vạch phân cách làn đường mờ ② Vạch phân cách làn đường trùng lặp ③ Vết lợp xe

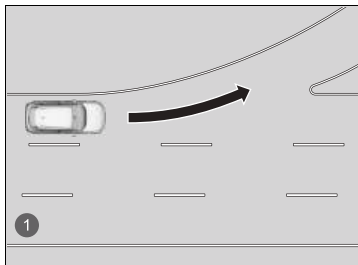
- Đường có vạch đánh dấu nhập làn, tách làn hoặc giao cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, quá rộng, hoặc thay đổi liên tục.



- ① Làn đường xe chạy quá rộng hoặc quá hẹp

- Một phần của vạch phân cách làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v.) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không trải nhựa, hoặc mặt đường mấp mô.

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường ướt nước hoặc có nhiều vũng nước.
- Không nhận dạng được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường xá như khúc cua, khúc quanh hoặc đường đồi dốc.
- Lái xe trên đường không trải nhựa hoặc bị hằn lún.
- Đi qua ngã tư.



- ① Không có vạch phân cách làn đường ở ngã tư

■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước của camera góc rộng phía trước bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Khi lắp xích bọc lốp*.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

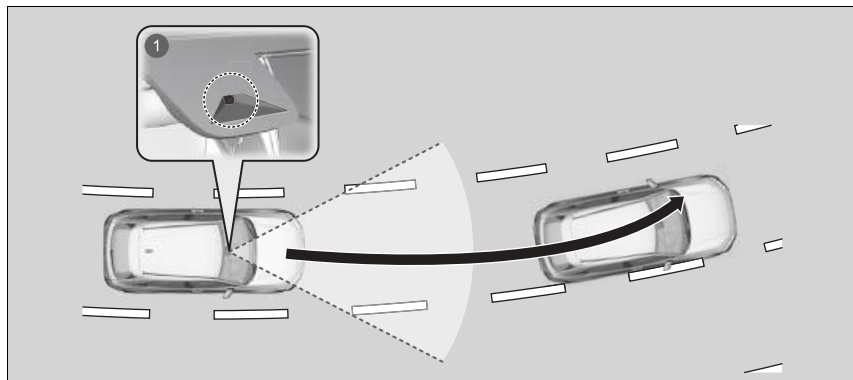
Loại xe Australia và Fiji

Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sử dụng camera góc rộng phía trước được gắn vào phía trên của kính chắn gió để phát hiện và giám sát các vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải màu trắng (hoặc màu vàng). Dựa trên hình ảnh từ camera góc rộng phía trước, hệ thống có thể tác động mô-men xoắn lên hệ thống lái để giữ xe của bạn đi ở giữa làn đường được phát hiện.

■ Cách hoạt động của hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

Khi bạn gặp tắc đường và Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) đang hoạt động, hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường phát hiện các vạch phân cách làn đường và tác động mô-men xoắn lên hệ thống lái để giữ xe đi giữa làn đường.



① Camera Góc Rộng Phía Trước

Phát hiện các vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải màu trắng (hoặc màu vàng)

Khi bạn bật xi nhan để báo hiệu chuyển làn đường, hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường tạm thời bị tắt. Hệ thống sẽ hoạt động lại khi xe chạy ở giữa làn đường và hệ thống phát hiện ra các vạch phân cách làn đường.

► Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

■ Nhắc Nhờ Quan Trọng Về An Toàn

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện. Đây không phải là hệ thống lái xe tự động và không thể thay thế người lái điều khiển xe. Hệ thống không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không lái.

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera góc rộng phía trước được trang bị cho hệ thống này.

► Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường chỉ cảnh báo khi phát hiện xe đang đi chệch làn đường mà không bật xi nhan. Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường hoặc làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi dựa trên điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch phân cách làn đường.

Bạn luôn phải có trách nhiệm lái xe an toàn và tránh va chạm.

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

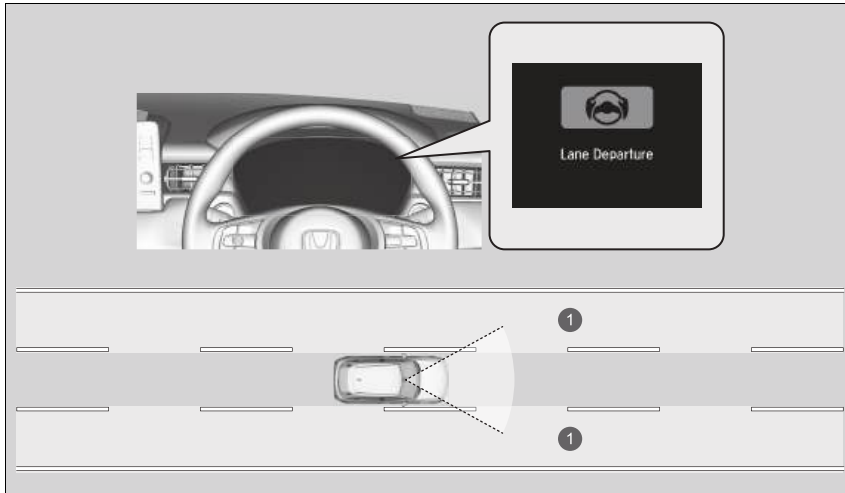
► Điều Kiện và Hạn Chế Của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường Tr. 509

Khi người lái điều khiển hoàn toàn hệ thống lái, chức năng hỗ trợ lái tạm thời bị hủy.

Có thể không nhận thấy mô-men xoắn tác động vào hệ thống lái khi người lái điều khiển hoàn toàn vô lăng hoặc khi mặt đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng.

■ Chức Năng Giảm Thiểu Chệch Làn Đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường cảnh báo cho bạn biết bằng cách rung nhẹ vô lăng đồng thời xuất hiện cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.



① Khu Vực Cảnh Báo

■ Hoạt Động Của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- LKAS được kích hoạt.
- Làn đường đang lái có các vạch phân cách làn đường để phát hiện ở cả hai bên đường và xe bạn đang đi giữa làn đường.
- Xe chạy với tốc độ khoảng từ 0 đến 72 km/h.
- Lái xe trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Người lái đang nắm chặt vô lăng.
- Vị trí số ở **[D]** hoặc **[S]**.

Không sử dụng hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường trong các trường hợp sau:

- Bạn đang lái trên đường có khúc cua gấp.
 - Hệ thống có thể không cho phép bạn điều khiển theo cách phù hợp nhất với điều kiện đường xá.
- Lái xe vào trạm thu phí, nút giao thông, trạm dừng chân hoặc bãi đỗ xe.
- Lái xe trong điều kiện thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Mặt đường trơn trượt; ví dụ, có băng hoặc tuyết bao phủ.
 - Lốp xe có thể bị trượt khiến bạn mất kiểm soát xe.

▣ Hoạt Động Của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

Tham khảo trang sau để xử lý Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) đúng cách:

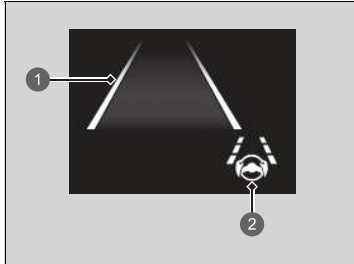
▣ **Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)**
Tr. 492

Tham khảo trang sau về các nút trên vô lăng và màn hình hiển thị:

▣ **Vận Hành Các Công Tắc cho Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dài Tốc Độ Thấp/Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)/Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường*** Tr. 440

▣ **Nội Dung Hiển Thị Trên Đồng Hồ Đo**
Tr. 441

■ Cách Hoạt Động của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường



- ① Vạch Báo Làn Đường Màu Xanh Lục
- ② Đèn báo LKAS (màu xanh lục)

Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.

- Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang màu xanh lục và vạch màu trắng chuyển sang màu xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải.

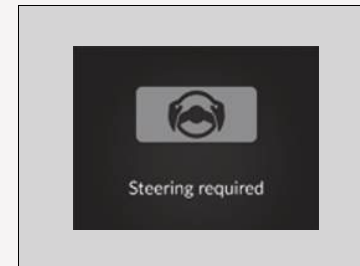
► Cách Hoạt Động của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

Nếu xe bạn rẽ quá xa sang phải hoặc sang trái vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng) trong khi hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường đang hoạt động, hãy tắt hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường và mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Trong một số trường hợp, hệ thống không thể phát hiện chính xác các vạch phân cách làn đường, do đó sẽ không thực hiện chức năng hỗ trợ lái.

► Điều Kiện và Hạn Chế Của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường Tr. 509

Nếu người lái bỏ tay khỏi vô lăng hoặc không kiểm soát được tay lái, cảnh báo dưới đây sẽ xuất hiện.



Nếu người lái không nắm chặt vô lăng sau khi cảnh báo trên xuất hiện nhiều lần, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên và hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ bị hủy.

■ Hủy Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

Ấn nút LKAS để hủy Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường.

■ Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ tự động tạm dừng khi:

- Hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.
- Xoay vô lăng đột ngột.
- Xe bị mất lái.
- Lái xe qua khúc cua gấp.
- Đột ngột nhấn bàn đạp phanh.

Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

■ Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ tự động hủy khi:

- Nhiệt độ của camera góc rộng phía trước quá cao.
- Camera góc rộng phía trước nằm phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực quanh camera góc rộng phía trước, bao gồm cả kính chắn gió, bị bẩn.

Sau khi hệ thống bị hủy, các vạch phân cách làn đường sẽ biến mất trên màn hình và tiếng bíp có thể vang lên.

►► Hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường sẽ tự động tạm dừng khi:

Bạn có thể thay đổi cài đặt bật và tắt tiếng bíp ngừng hoạt động hệ thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường bằng cách chọn **Lane keep assist beep** (Tiếng bíp hỗ trợ giữa làn đường) trên màn hình âm thanh/thông tin.

► Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346

■ Điều Kiện và Hạn Chế Của Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường

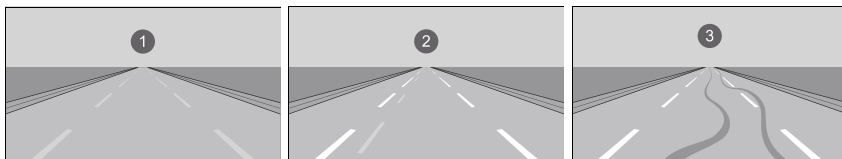
Hệ thống không thể phát hiện ra vạch phân cách làn đường và vì thế không thể giữ xe ở giữa làn đường trong các trường hợp sau:

■ Điều kiện môi trường

- Có rất ít khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Bóng của vật thể gần đây (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ làn đường hoặc mặt đường).
- Khi không nhìn thấy vạch báo làn đường hoặc mặt đường, như khi khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần hoặc tại điểm giao nhau.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.

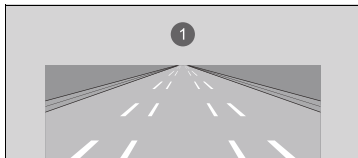
■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ hỏng.



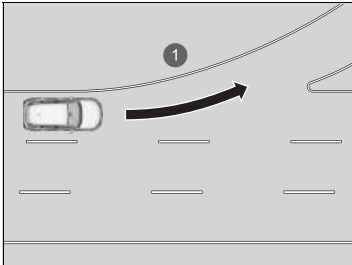
- ① Vạch phân cách làn đường mờ ② Vạch phân cách làn đường trùng lặp ③ Vết lõm xe

- Đường có vạch đánh dấu nhập làn, tách làn hoặc giao cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, quá rộng, hoặc thay đổi liên tục.



- ① Làn đường xe chạy quá rộng hoặc quá hẹp
- Một phần của vạch phân cách làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
 - Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
 - Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v.) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không trải nhựa, hoặc mặt đường mấp mô.
- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường ướt nước hoặc có nhiều vũng nước.
- Không nhận dạng được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường xá như khúc cua, khúc quanh hoặc đường đồi dốc.
- Lái xe trên đường không trải nhựa hoặc bị hằn lún.
- Đi qua ngã tư.



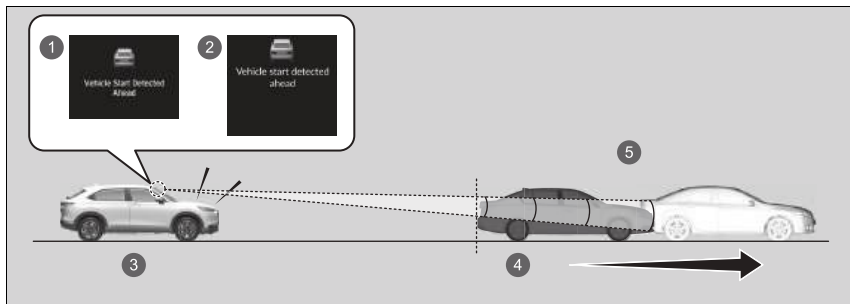
- ① Không có vạch phân cách làn đường ở ngã tư

■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước của camera góc rộng phía trước bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Khi lắp xích bọc lốp.

Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

Đưa ra cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại nhưng xe phía trước lại bắt đầu di chuyển.



- ① Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại B
- ③ Khi xe đã dừng
- ④ Xe phía trước dừng
- ⑤ Xe phía trước bắt đầu di chuyển

⚠ Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

⚠ CẢNH BÁO

Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành là một hệ thống hỗ trợ lái. Hệ thống không thể thông báo cho bạn biết khi nào an toàn để bắt đầu lái.

Sử dụng hệ thống này không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Phải quan sát kỹ xung quanh để đảm bảo an toàn trước khi lái xe và duy trì khoảng cách an toàn giữa các xe.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera góc rộng phía trước nằm ở phía sau gương chiếu hậu.

📺 Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523

Giống như các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống này có thể không hoạt động hiệu quả do thời tiết, điều kiện môi trường, v.v.

■ Cách hoạt động của hệ thống

Hệ thống sẽ phát hiện ra xe khác dừng phía trước xe bạn khi hai xe cách nhau trong vòng 10 m và cả hai xe đều đã dừng lại được một thời gian. Khi phát hiện xe dừng phía trước di chuyển nhưng xe bạn không di chuyển, hệ thống sẽ hoạt động.

■ Khi cần số ở **D** hoặc **S***

Hệ thống sẽ hoạt động khi nhấn bàn đạp phanh, chức năng giữ phanh của hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động hoặc xe dừng bởi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.

■ Khi cần số ở **N**

Hệ thống sẽ hoạt động khi xe đã dừng, nhấn bàn đạp phanh, phanh đỗ đang hoạt động hoặc chức năng giữ phanh của hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động.

Bạn có thể chọn một trong hai chế độ thời gian hoạt động của hệ thống, **Normal** (Trung Bình) và **Early** (Sớm).

➤ **Cài Đặt*** Tr. 142, 158

➤ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

Ở chế độ **Normal**, hệ thống hoạt động khi xe phía trước đã di chuyển cách nơi dừng khoảng 3m.

Ở chế độ **Early**, hệ thống hoạt động ngay khi phát hiện xe phía trước di chuyển.

▶▶ Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

Bạn có thể tắt Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành.

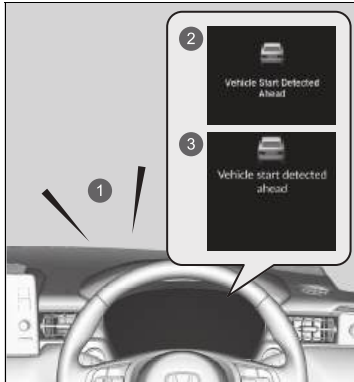
➤ **Cài Đặt*** Tr. 142, 158

➤ **Tính Năng Tùy Chọn** Tr. 346

Hệ Thống Thông Báo Khởi Hành Xe Phía Trước sẽ không hoạt động trong khi Đèn Báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp (màu hổ phách) sáng.

➤ **Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC)**
Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp Tr. 472

■ Khi Hệ Thống Hoạt Động



Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống hoạt động.

- ① Cảnh Báo Bằng Âm Thanh
- ② Loại xe có đồng hồ đo loại A
- ③ Loại xe có đồng hồ đo loại B

Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành

Trong các điều kiện sau, hệ thống có thể hoạt động hoặc không hoạt động bất kể xe phía trước có di chuyển hay không.

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên xe hoặc mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ toàn bộ xe).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh hoặc đường dốc hoặc ngay sau khi rẽ trái hoặc rẽ phải.

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Xe chỉ dừng lại trong một khoảng thời gian ngắn.
- Phía trước của camera góc rộng phía trước bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, dùng lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

■ **Ví dụ về các trường hợp khi camera góc rộng phía trước có thể không phát hiện chính xác xe phía trước**

- Xe phía trước chỉ dừng lại trong một khoảng thời gian ngắn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Xe phía trước đang chạy quá chậm.
- Xe phía trước rẽ phải, rẽ trái hoặc quay đầu đột ngột.
- Xe phía trước lẫn vào cảnh vật xung quanh và hệ thống không phát hiện được.
- Xe phía trước chỉ có một hoặc không có đèn hậu nào bật.

■ **Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện của hệ thống**

- Có người đi bộ, xe đạp, xe máy hoặc xe có hình dạng đặc biệt phía trước xe bạn.
- Một xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp di chuyển giữa xe bạn và xe phía trước.
- Xe phía trước không ở ngay trước mặt xe bạn.

■ **Ví dụ về các hạn chế khác trong hoạt động của hệ thống**

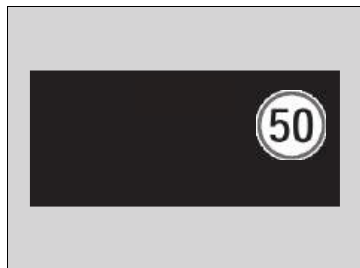
- Camera không thể phát hiện chính xác hình dạng của xe phía trước xe bạn.
- Xe phía trước có khoảng sáng gầm xe rất cao.
- Xe phía trước, ví dụ như xe tải không có rơ moóc, có phần sau nhỏ hơn phần trước.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*

Nhắc nhở bạn về thông tin trên biển báo đường bộ, chẳng hạn như thông tin xe của bạn đang vượt quá giới hạn tốc độ trên biển báo và cho hiển thị thông tin đó trên đồng hồ đo.

■ Cách Hoạt Động của Hệ Thống

Khi camera nằm phía sau gương chiếu hậu ghi lại các biển báo giao thông trong khi lái xe, hệ thống sẽ hiển thị các biển báo mà xe bạn có thể nhận diện. Biểu tượng biển báo sẽ hiển thị cho đến khi xe đạt được thời gian và quãng đường định trước.



Biểu tượng biển báo cũng có thể chuyển sang biểu tượng khác hoặc biến mất khi:

- Kết thúc giới hạn tốc độ hoặc phát hiện giới hạn tốc độ khác.
- Bạn bật xi nhan để rẽ ở giao lộ.

►► Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*

Không phải tất cả các biển báo đều hiển thị, tuy nhiên bạn không nên bỏ qua bất kỳ biển báo nào được đặt bên lề đường. Hệ thống không thể nhận diện tất cả các biển báo giao thông ở các quốc gia mà bạn lái xe cũng như trong mọi tình huống. Không phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống. Luôn lái xe ở tốc độ phù hợp với điều kiện đường xá.

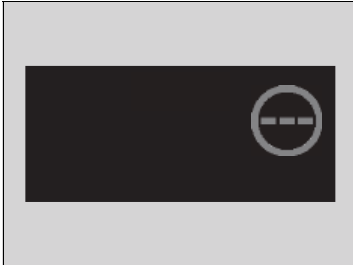
Không được dán hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió để tránh làm cản tầm nhìn của camera góc rộng phía trước và làm cho hệ thống hoạt động bất thường.

Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera góc rộng phía trước có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda. Chỉ sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera góc rộng phía trước hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hiệu cũng có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường. Sau khi thay kính chắn gió, hãy mang xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera góc rộng phía trước.

Cần hiệu chỉnh camera góc rộng phía trước đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông chưa hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Nếu hệ thống không phát hiện thấy bất kỳ biển báo giao thông nào khi bạn đang lái xe, hình ảnh dưới đây có thể xuất hiện.



►► Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông*

Giúp giảm thiểu tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến của camera góc rộng phía trước tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm hoặc che phía trước xe để ánh nắng mặt trời không chiếu vào khi đỗ xe. Nếu bạn dùng tấm che nắng, không che phần vỏ camera để tránh tình trạng làm tập trung nhiệt vào camera góc rộng phía trước.

Bạn có thể bật và tắt hệ thống nhận diện biển báo giao thông.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346**

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera góc rộng phía trước được trang bị cho hệ thống này.

► **Camera Góc Rộng Phía Trước Tr. 523**

Nếu xe bạn vượt quá giới hạn tốc độ được phát hiện, biểu tượng biểu thị biển báo giới hạn tốc độ cho khu vực hiện tại sẽ nhấp nháy trên màn hình.

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346**

Thông báo về giới hạn tốc độ của hệ thống có chính xác hay không phụ thuộc vào một số điều kiện nhất định như các đơn vị hiển thị trên biển báo giao thông cũng như tốc độ và hướng di chuyển của xe. Trong một số trường hợp, hệ thống có thể hiển thị cảnh báo sai hoặc thông tin không chính xác khác.

► **Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông Tr. 520**

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông

Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông có thể không nhận diện chính xác, nhận diện chậm, hoặc không nhận diện được biển báo giao thông trong các trường hợp sau.

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc nhá nhem).
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm, hoặc ở nơi tối như đường hầm dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Phản chiếu bên trong kính chắn gió.

■ Điều kiện đường xá

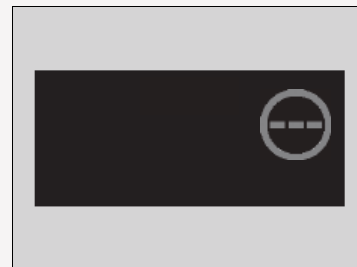
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước của camera góc rộng phía trước bị che phủ do bụi bẩn, sương mù, nước mưa, bùn, tuyết ẩm, phụ kiện, tấm dính, miếng dán, v.v. trên kính chắn gió.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo, độ căng lốp không phù hợp, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong khoang hành lý hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Khi lắp xích bọc lốp.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.

» Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông

Khi Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông có sự cố,  (màu hổ phách) sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo. Nếu thông báo này không biến mất, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.



■ Vị trí hoặc tình trạng của biển báo giao thông

- Biển báo nằm ở vị trí khó nhìn thấy.
- Biển báo được đặt cách xa xe của bạn.
- Biển báo được đặt ở nơi đèn chiếu xa không chiếu tới.
- Biển báo nằm ở góc đường hoặc ở khúc cua.
- Biển báo bị mờ hoặc bị cong.
- Biển báo bị xoay hoặc hư hỏng.
- Biển báo bị che phủ bởi bùn, tuyết hoặc sương giá.
- Một phần của biển báo bị cây cối che khuất hoặc ở trong bóng của một chiếc xe hoặc vật thể khác.
- Đèn (chẳng hạn như đèn đường) phản chiếu lên bề mặt của biển báo hoặc biển báo bị khuất trong bóng tối.
- Biển báo quá sáng hoặc quá tối (biển báo điện).
- Các biển báo nhỏ (biển báo phụ, v.v.).

■ Các điều kiện khác

- Khi bạn lái xe với tốc độ cao.

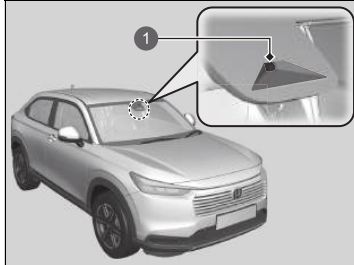
Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông có thể hoạt động không hiệu quả, chẳng hạn như hiển thị các biển báo không phù hợp với các quy định thực tế về đường bộ hoặc hiển thị các biển báo hoàn toàn không giống như thực tế trong các trường hợp sau:

- Biển báo giới hạn tốc độ có thể hiển thị ở tốc độ cao hơn hoặc thấp hơn tốc độ giới hạn thực tế.
- Có một biển báo phụ ghi thêm thông tin như thời tiết, thời gian, loại xe, v.v.
- Các số liệu trên biển báo khó đọc (biển báo điện, chữ số trên biển báo bị mờ, v.v.).
- Biển báo ở gần làn đường bạn đang lái xe, mặc dù biển báo đó không dành cho làn đường đó, chẳng hạn như biển báo giới hạn tốc độ nằm ở chỗ giao nhau giữa đường phụ và đường chính.
- Có những vật thể có màu sắc hoặc hình dạng tương tự với vật thể mà hệ thống nhận dạng được (biển báo nhìn giống nhau, biển báo điện, bảng quảng cáo, công trình kiến trúc, v.v.).

Camera Góc Rộng Phía Trước

Camera góc rộng phía trước được sử dụng ở các hệ thống như Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS), Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường, Hệ Thống Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp, Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS), Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe Khi Tắc Đường*, Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*, Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông* và Đèn Pha Thích Ứng Tự Động để giúp phát hiện vật thể làm cản trở hoạt động của các hệ thống này.

■ Lưu Ý Về Vị Trí và Việc Sử Dụng Camera Góc Rộng Phía Trước



① Camera Góc Rộng Phía Trước

Camera góc rộng phía trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.

Giúp giảm thiểu tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến của camera góc rộng phía trước tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm hoặc che phía trước xe để ánh nắng mặt trời không chiếu vào khi đỗ xe. Nếu bạn dùng tấm che nắng, không che phần vỏ camera góc rộng phía trước để tránh tình trạng làm tập trung nhiệt vào camera góc rộng phía trước.

⌘ Camera Góc Rộng Phía Trước

Không được dán hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió, nắp ca-pô hoặc lưới tản nhiệt trước để tránh làm cản tầm nhìn của camera góc rộng phía trước và làm cho hệ thống hoạt động bất thường. Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera góc rộng phía trước có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda. Chỉ sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera góc rộng phía trước hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hiệu cũng có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường.

Sau khi thay kính chắn gió, hãy mang xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera góc rộng phía trước. Cần hiệu chỉnh camera góc rộng phía trước đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Không để vật gì lên bảng điều khiển để tránh làm phản chiếu lên kính chắn gió và làm hệ thống không thể phát hiện chính xác vạch phân cách làn đường.

📷 Camera Góc Rộng Phía Trước

Nếu thông báo  **Some Driver Assist Systems Cannot Operate: Camera Temperature Too High*/Some driver assist systems cannot operate: Camera temperature too high*** (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Nhiệt độ camera quá cao) xuất hiện:

- Sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ để làm mát bên trong xe, nếu cần, sử dụng cả chế độ sấy với hướng gió hướng thẳng vào camera góc rộng phía trước.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, đồng thời sẽ làm giảm nhiệt độ vùng xung quanh camera góc rộng phía trước.

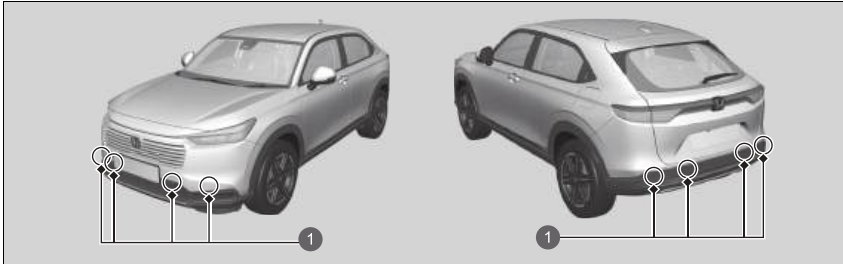
Nếu thông báo  **Some Driver Assist System Cannot Operate: Clean Front Windscreen Or Poor Viewing Condition.*/Some driver assist system cannot operate: Clean front windscreen or poor viewing condition.*/Some driver assist systems cannot operate: Clean front windshield or poor viewing condition.*** (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Lau sạch kính chắn gió trước hoặc điều kiện quan sát kém) xuất hiện:

- Đỗ xe ở nơi an toàn và lau sạch kính chắn gió. Lau sạch kính chắn gió nếu bị bẩn. Nếu thông báo không biến mất sau khi bạn lái xe đi một đoạn, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

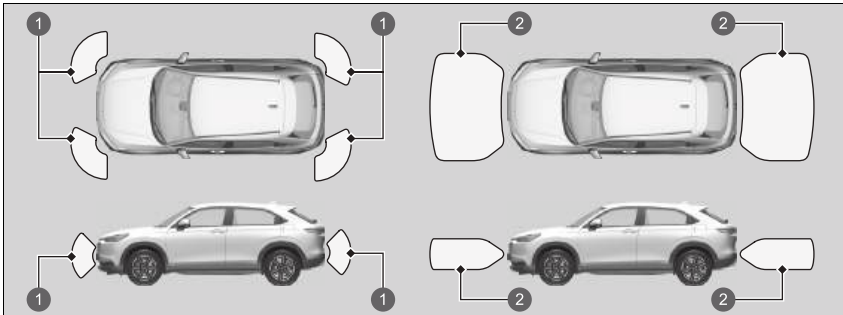
Cảm Biến Siêu Âm*

■ Vị trí và phạm vi của các cảm biến

Các cảm biến siêu âm nằm ở cản trước và cản sau.



1 Cảm Biến Siêu Âm



1 Phạm Vi Của Cảm Biến Siêu Âm Góc

2 Phạm Vi Của Cảm Biến Siêu Âm Giữa

▣ Cảm Biến Siêu Âm*

Để các cảm biến siêu âm hoạt động hiệu quả, không:

- Dán nhãn hoặc đặt các vật khác lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.
- Vỗ vào khu vực xung quanh các cảm biến.
- Tháo rời cảm biến bất kỳ.
- Đặt bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.

Liên hệ với đại lý nếu:

- Cảm biến bị tác động mạnh.
- Cần làm gì đó ở khu vực xung quanh cảm biến.

Trong các trường hợp sau, cảm biến siêu âm có thể không hoạt động hiệu quả. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

- Cản trước hoặc cản sau va vào đồ, khối chèn bánh xe, lề đường, bờ kè, v.v.
- Xe bị va chạm ở phía trước hoặc phía sau.
- Lái xe qua chỗ nước sâu.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Hệ Thống Phanh

■ Phanh Đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe không chuyển động khi đỗ. Khi đã gài phanh đỗ, bạn có thể nhả phanh đỗ bằng tay hoặc tự động.



① Công Tác Phanh Đỗ Điện

■ Gài phanh

Bạn có thể gài phanh đỗ điện bất cứ khi nào xe có ắc quy ở bất kỳ chế độ nguồn nào.

Kéo công tắc phanh đỗ điện lên nhẹ nhàng và chắc chắn.

- ▶ Đèn báo ở công tắc sáng.
- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) sáng.

■ Nhả phanh

Chế độ nguồn phải ở BẬT để nhả phanh đỗ điện.

1. Nhấn bàn đạp phanh.
2. Ấn công tắc phanh đỗ điện.
 - ▶ Đèn báo ở công tắc tắt.
 - ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt.

Sử dụng công tắc để nhả phanh đỗ sẽ giúp xe khởi động chậm và êm ái khi đỗ dèo trên đồi dốc.

» Phanh Đỗ

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ hệ thống phanh đỗ điện từ khu vực bánh xe sau khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ. Điều này là bình thường.

Khi bạn gài hoặc nhả phanh đỗ, bàn đạp phanh sẽ di chuyển nhẹ do hệ thống phanh đỗ điện đang hoạt động. Điều này là bình thường.

Bạn không thể gài hoặc nhả phanh đỗ nếu ắc quy 12 vôn hết điện.

🔧 **Nếu Ắc Quy Chết Tr. 662**

Nếu bạn kéo lên và giữ công tắc phanh đỗ điện trong khi lái xe, bốn bánh xe sẽ được phanh bằng hệ thống VSA cho đến khi xe dừng. Sau đó gài phanh đỗ điện và nhả công tắc.

■ Vận hành tính năng phanh đỗ tự động

Nếu tính năng phanh đỗ tự động được kích hoạt:

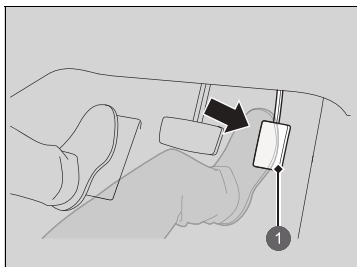
- Phanh đỗ được gài tự động khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

▶ **Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động** Tr. 528

■ Nhả tự động

Nhấn bàn đạp ga sẽ làm nhả phanh đỗ.

Sử dụng bàn đạp ga để nhả phanh đỗ khi bạn bắt đầu lên dốc hoặc khi xảy ra tắc nghẽn giao thông.



① Bàn Đạp Ga

Nhấn nhẹ bàn đạp ga.

Khi đang ở trên dốc, có thể cần tăng ga để nhả phanh.

- ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt.

Bạn có thể nhả phanh đỗ tự động khi:

- Người lái thắt dây đai an toàn.
- Động cơ đang hoạt động.
- Cần số không ở **P** hoặc **N**.

▶▶ Phanh Đỗ

Trong các trường hợp sau, phanh đỗ tự động hoạt động.

- Khi xe dừng và hệ thống giữ phanh tự động đã được kích hoạt hơn 10 phút.
- Khi người lái không thắt dây an toàn trong khi xe dừng và gài giữ phanh.
- Khi tắt động cơ, ngoại trừ bằng hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*, trong khi hệ thống giữa phanh được kích hoạt.
- Khi Hệ Thống Giữ Phanh gặp sự cố trong khi gài giữ phanh.

Loại xe có ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp

- Khi xe dừng hơn 10 phút trong khi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp được kích hoạt.
- Khi người lái không thắt dây an toàn trong khi xe dừng tự động bởi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp.
- Khi tắt động cơ, ngoại trừ bằng hệ thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời*, trong khi ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp được kích hoạt.

Nếu phanh đỗ không thể nhả tự động, hãy nhả bằng tay.

Khi xe lên dốc, cần nhấn bàn đạp ga mạnh hơn để tự động nhả phanh đỗ điện.

■ Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động

Khi chế độ nguồn ở BẬT, hãy làm theo các bước sau để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động.

1. Sang số [P].
2. Không cần nhấn bàn đạp phanh, kéo công tắc phanh đỗ điện lên.
 - Kiểm tra đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.
3. Kéo công tắc phanh đỗ điện lên và giữ. Khi nghe thấy tiếng bíp, hãy thả tay ra và trong vòng 3 giây tiếp tục kéo công tắc lên và giữ.
4. Khi nghe thấy âm thanh thông báo quy trình đã hoàn tất, hãy thả công tắc ra.
 - Hai tiếng bíp biểu thị tính năng đã được kích hoạt.
 - Một tiếng bíp biểu thị tính năng đã hủy kích hoạt.
 - Khi đã hoàn tất việc kích hoạt tính năng này, phanh đỗ sẽ vẫn được gài sau khi bạn tắt động cơ.
 - Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

Nếu cần tạm thời hủy kích hoạt tính năng này khi phải kéo xe của bạn, hãy làm theo quy trình dưới đây.

1. Nhấn bàn đạp phanh và dừng xe.
2. TẮT MÁY, sau 2 giây ấn công tắc phanh đỗ điện xuống.
 - Cài đặt kích hoạt và hủy kích hoạt cho tính năng sẽ không bị ảnh hưởng.
 - Trước khi tạm thời hủy kích hoạt tính năng này, hãy đảm bảo tắt cả Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp* và hệ thống giữ phanh tự động.
 - Để xác nhận phanh đỗ đã được gài, kiểm tra xem đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) có sáng không.

►Phanh Đỗ

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo sự cố
- Đèn báo hệ thống truyền động

Phanh đỗ không thể nhả tự động khi các đèn báo sau sáng:

- Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hổ phách)
- Đèn báo hệ thống VSA
- Đèn báo **ABS**
- Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ

►Kích hoạt và hủy kích hoạt tính năng phanh đỗ tự động

Nếu gài phanh đỗ khi trời lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng tại chỗ.

Khi đỗ xe, hãy chèn bánh xe và đảm bảo đã tắt tính năng phanh đỗ tự động.

Ngoài ra, khi mang xe đến trạm rửa xe kiểu băng chuyền hoặc khi kéo xe, hãy tắt tính năng phanh đỗ tự động và nhả phanh đỗ.

■ Phanh Chân

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở cả bốn bánh xe. Chức năng trợ lực chân không giúp giảm lực nhấn bàn đạp phanh. Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp giúp tăng lực dừng khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

🔧 **Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp** Tr. 535

🔧 **Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)** Tr. 534

▣ Phanh Chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái qua vùng nước sâu, hoặc đường có nhiều nước. Nếu cần, hãy làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít phát ra do ma sát kim loại khi nhấn phanh, cần thay các má phanh. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Hãy dùng phanh động cơ bằng cách nhấc chân ra khỏi bàn đạp ga để giảm tốc độ và về số thấp hơn.

Không đặt chân lên phanh khi đang lái, vì việc này sẽ tác dụng nhẹ lên phanh, làm giảm hiệu quả phanh và giảm tuổi thọ má phanh. Đồng thời cũng sẽ làm người lái xe phía sau xe bạn lúng túng.

■ Giữ Phanh Tự Động

Giữ phanh sau khi nhả bàn đạp phanh cho đến khi bàn đạp ga được nhấn. Bạn có thể sử dụng hệ thống này trong khi dừng xe tạm thời, như khi chờ đèn đỏ hoặc khi tắc đường.

■ Bật hệ thống



- ① Nút Giữ Phanh Tự Động
- ② Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động Sáng

Thắt dây đai an toàn đúng cách, sau đó khởi động động cơ. Ấn nút giữ phanh tự động.

- Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sẽ sáng. Hệ thống được bật.

Mỗi khi người lái thắt dây an toàn và khởi động động cơ, hệ thống sẽ ở chế độ bật hoặc tắt như đã được chọn ở lần lái xe gần nhất.

►► Giữ Phanh Tự Động

⚠ CẢNH BÁO

Kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt vẫn cho phép xe di chuyển nếu bạn bỏ chân ra khỏi bàn đạp phanh.

Xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không được kích hoạt hệ thống giữ phanh tự động hoặc sử dụng hệ thống để giữ xe không di chuyển khi dừng xe trên dốc đứng hoặc trên đường trơn trượt.

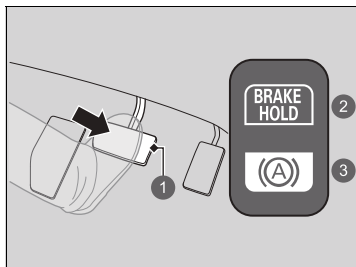
⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng hệ thống giữ phanh tự động để đỗ xe có thể làm cho xe di chuyển bất ngờ.

Xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không được ra khỏi xe khi đang phanh xe tạm thời bằng giữ phanh tự động và luôn đỗ xe bằng cách gạt cần số đến **P** và gài phanh đỗ.

■ Kích hoạt hệ thống



- ① Bàn Đạp Phanh
- ② Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động Bật
- ③ Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động Sáng

Nhấn bàn đạp phanh để dừng hoàn toàn.
Cần số không được ở **P** hoặc **N**.

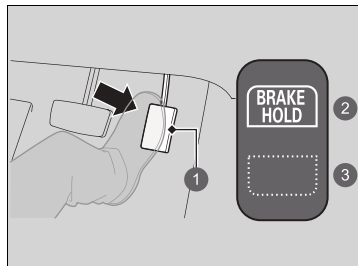
- Đèn báo giữ phanh tự động sáng. Phanh được giữ trong 10 phút.
- Nhả bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

►► Giữ Phanh Tự Động

⚠ CẢNH BÁO

Khi sử dụng tính năng giữ phanh tự động, hãy để chân trên bàn đạp phanh cho đến khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.
Xe di chuyển bất ngờ có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.
Nhấc chân ra khỏi bàn đạp phanh sau khi đèn báo giữ phanh tự động sáng.

■ Hủy hệ thống



- ① Bàn Đạp Ga
- ② Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động Bật
- ③ Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động Tắt

■ Hệ thống tự động hủy khi:

- Gài phanh đỗ.
- Nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số đến **[P]** hoặc **[R]**.

■ Hệ thống tự động hủy và phanh đỗ được gài khi:

- Phanh được giữ trong hơn 10 phút.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- Động cơ tắt.
- Hệ thống giữ phanh tự động có sự cố.

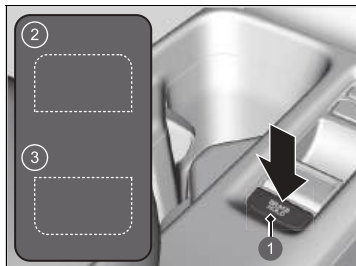
►► Giữ Phanh Tự Động

Khi hệ thống được kích hoạt, bạn có thể tắt động cơ hoặc đỗ xe theo quy trình như bạn vẫn làm bình thường.

► Khi Xe Đã Dừng Tr. 537

Bạn có thể nghe thấy âm thanh vận hành nếu xe di chuyển trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang hoạt động.

■ Tắt hệ thống giữ phanh tự động



- ❶ Nút Giữ Phanh Tự Động
- ❷ Đèn Báo Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động Tắt
- ❸ Đèn Báo Giữ Phanh Tự Động Tắt

Chỉ đèn báo hệ thống giữ phanh tự động sáng.

- Ấn nút giữ phanh tự động.
 - Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động tắt.

Khi đèn báo giữ phanh tự động sáng cùng lúc:

- Ấn nút giữ phanh tự động đồng thời nhấn bàn đạp phanh.
 - Đèn báo hệ thống giữ phanh tự động và đèn báo giữ phanh tự động tắt.

▣ Tắt hệ thống giữ phanh tự động

Đảm bảo tắt hệ thống giữ phanh tự động trước khi rửa xe bằng máy rửa xe tự động.

Nếu tắt động cơ hoặc người lái không thắt dây đai an toàn trong khi hệ thống giữ phanh tự động đang bật, hệ thống giữ phanh tự động sẽ tự động tắt. Trong trường hợp này, khi người lái thắt dây đai an toàn và bật lại động cơ, hệ thống giữ phanh tự động sẽ bật mà không cần ấn nút giữ phanh tự động.

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

■ ABS

Giúp các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát lái nhờ việc nhấp nhả phanh nhanh, nhanh hơn rất nhiều thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) thuộc hệ thống ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và bánh sau theo tải trọng xe.

Bạn không nên nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS hoạt động thay bạn bằng cách luôn giữ một lực chắc chắn, ổn định lên bàn đạp phanh. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và lái.”

■ Hoạt động của ABS

Bàn đạp phanh có thể rung nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn và giữ chắc bàn đạp phanh. Khi lái xe trên đường khô ráo, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS hoạt động. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS hoạt động ngay nếu bạn cố dừng xe trên đường có băng hoặc tuyết.

ABS có thể kích hoạt khi bạn nhấn bàn đạp phanh khi lái xe trên:

- Đường ướt hoặc phủ tuyết.
- Đường lát đá.
- Đường có bề mặt không bằng phẳng, ví dụ như đường có ổ gà, vết nứt, hố ga, v.v.

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h, ABS sẽ ngừng hoạt động.

►►Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

LƯU Ý

ABS có thể không hoạt động hiệu quả nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại hoặc kích cỡ.

Nếu đèn báo **ABS** sáng trong khi lái, có thể hệ thống có sự cố.

ABS có thể không hoạt động ngay cả khi phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

ABS không có chức năng làm giảm thời gian và khoảng cách dừng xe vì: Hệ thống được thiết kế để hạn chế bó cứng phanh, tránh tình trạng xe bị trượt và mất kiểm soát lái.

Trong các trường hợp sau, xe cần có khoảng cách xa hơn để dừng so với xe không có ABS:

- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng như đường rải đá hoặc có tuyết.
- Lấp xích bọc lốp*.

Có thể xuất hiện các hiện tượng sau với hệ thống ABS:

- Tiếng ồn của mô-tơ phát ra từ khoang động cơ khi nhấn phanh hoặc khi thực hiện kiểm tra hệ thống sau khi khởi động động cơ và trong khi xe đang tăng tốc.
- Bàn đạp phanh và/hoặc thân xe rung lên khi ABS hoạt động.

Hiện tượng rung và tiếng ồn này là bình thường với hệ thống ABS và không cần lo ngại.

Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp

Có chức năng hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong khi phanh khẩn cấp.

■ Vận hành hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

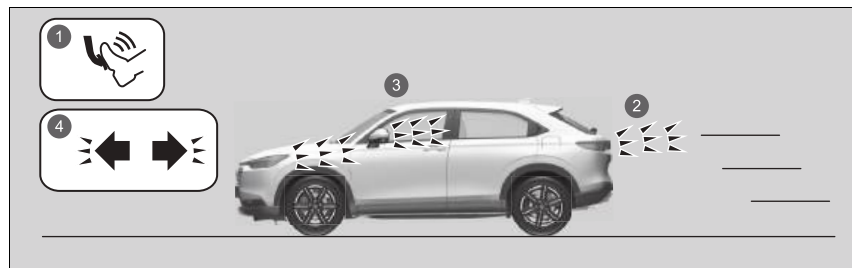
Nhấn chắc bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

Khi hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp hoạt động, bàn đạp phanh có thể lắc nhẹ và có tiếng ồn phát ra. Điều này là bình thường. Tiếp tục nhấn chắc bàn đạp phanh.

Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Hoạt động khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái xe ở tốc độ từ 60 km/h trở lên nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh bất ngờ bằng cách nháy liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo người lái phía sau xe bạn tránh được va chạm có thể xảy ra với xe bạn.

■ Khi hệ thống hoạt động:



- ① Phanh Gấp
- ② Các Đèn Phanh Sáng
- ③ Các Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm Nháy
- ④ Các Đèn Cảnh Báo Nguy Hiểm Nhấp Nháy

Các đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nháy khi:

- Nhả bàn đạp phanh.
- Tắt hệ thống ABS.
- Tốc độ giảm tốc của xe của bạn trở nên vừa phải.
- Ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

►►Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm phía sau có khả năng xảy ra do phanh gấp. Các đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ nháy khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.

Khi Xe Đã Dừng

1. Nhấn chắc bàn đạp phanh.
2. Khi nhấn bàn đạp phanh, kéo từ từ công tắc phanh đỗ điện liên nhưng không hết cỡ.
3. Gạt cần số đến **P**.
4. Tắt động cơ.
 - ▶ Đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) tắt trong khoảng 30 giây.

Luôn gài phanh đỗ, đặc biệt nếu bạn đỗ xe trên dốc.

Đỗ Xe

⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể bị trượt nếu không đảm bảo đã gài phanh Đỗ.

Xe bị trượt có thể gây ra va chạm dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong.

Luôn giữ chân trên bàn đạp phanh cho đến khi bạn xác nhận **P** hiển thị trên đèn báo vị trí số.

Không đỗ xe gần những vật dễ bắt lửa, như cỏ khô, dầu, hoặc gỗ.
Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.

» Khi Xe Đã Dừng

LƯU Ý

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

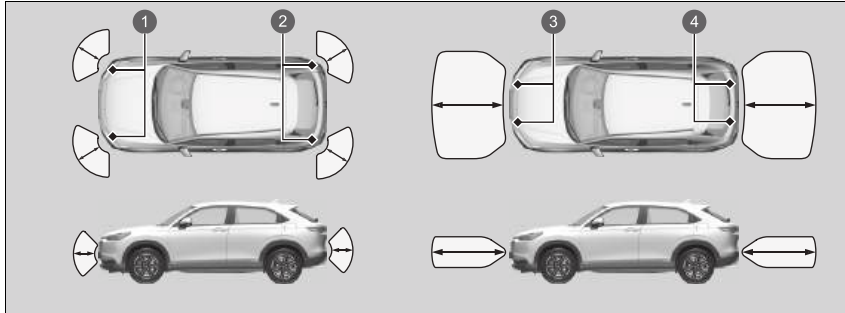
- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Gạt cần số sang **P** trước khi xe dừng hẳn.

Ở điều kiện thời tiết quá lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng khi gài. Không gài phanh đỗ nếu ở trong điều kiện thời tiết như vậy, nhưng nếu đỗ xe trên dốc, bạn cần đánh lái sao cho các bánh trước quay vào sát gờ lề đường nếu xe có nguy cơ lăn xuống, hoặc chèn các bánh xe để ngăn xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị lăn bất ngờ, gây va chạm.

Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Các cảm biến góc và cảm biến giữa theo dõi các vật cản gần xe bạn, tiếng bíp, màn hình giao diện thông tin cho người lái và màn hình âm thanh/ thông tin* giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

■ Vị Trí và Phạm Vi của Cảm Biến



- ❶ Cảm Biến Góc Trước*
- ❷ Cảm Biến Góc Sau
- ❸ Cảm Biến Giữa Trước*
- ❹ Cảm Biến Giữa Sau

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

►►Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*

Ngay cả khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần xác nhận xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động bình thường khi:

- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi bẩn che phủ.
- Xe đỗ bên ngoài trời nóng hoặc lạnh.
- Có đồ vật gần đó phát ra sóng siêu âm hoặc âm thanh tần số cao.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).

Hệ thống không thể phát hiện các vật cản sau:

- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, bông, hoặc miếng bọt biển.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Hệ thống có thể phát hiện sai vật cản trong các trường hợp sau:

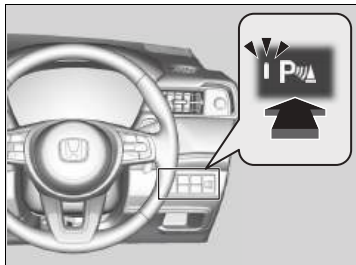
- Xe chạy ở nơi không bằng phẳng, như có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Khi ở gần xe khác có cảm biến siêu âm hoặc các vật thể khác hấp thụ sóng siêu âm.
- Nước bắn gần các cảm biến do mưa to, v.v.

Không được đặt bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.

►►Nếu bạn đặt bất kỳ phụ kiện nào (như giá đỡ xe đạp) lên trên hoặc xung quanh cảm biến sau, hệ thống có thể kích hoạt nếu phát hiện các phụ kiện này là vật cản. Trong trường hợp này, hãy tắt cảm biến sau.

►►Tắt Tắt Cả Các Cảm Biến Sau Tr. 544

■ Bật và Tắt Hệ Thống Cảm Biến Đỗ



Khi chế độ nguồn ở BẬT, ấn nút hệ thống cảm biến đỗ xe để bật hoặc tắt hệ thống. Đèn báo trên nút sẽ sáng khi hệ thống bật.

Cảm biến góc trước*, cảm biến giữa sau và cảm biến góc sau bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở **[R]**, và tốc độ xe dưới 8 km/h.

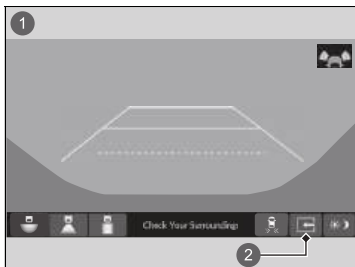
Cảm biến góc trước* và cảm biến giữa trước* bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số không ở **[P]** hoặc **[R]**, và tốc độ xe dưới 8 km/h.

▣ Bật và Tắt Hệ Thống Cảm Biến Đỗ

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, hệ thống sẽ ở trạng thái đã chọn trước đó.

Loại xe có camera lùi đa hướng

Vận Hành Màn Hình



Bạn có thể chuyển màn hình hiển thị sang tắt song song hai màn hình và bật song song hai màn hình bằng cách chạm vào thanh công cụ chia đôi màn hình.



- ❶ Tắt Song Song Hai Màn Hình
- ❷ Thanh Công Cụ Chia Đôi Màn Hình
- ❸ Bật Song Song Hai Màn Hình

■ Khi Khoảng Cách giữa Xe và Vật Cản Gần Hơn

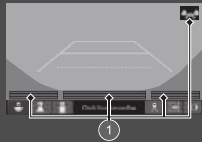
Loại xe Australia, Fiji và Singapore



Đèn Báo Cảm Biến Đổ*

Đèn báo cảm biến đổ nhấp nháy.

► Nếu hệ thống tắt, chỉ đèn báo cảm biến đổ nhấp nháy khi phát hiện có vật cản.

Độ dài tiếng bíp	Khoảng cách giữa Tầm Cản và Vật Cản		Đèn Báo	Màn hình giao diện thông tin cho người lái/Màn hình âm thanh/thông tin*
	Cảm Biến Góc	Cảm Biến Giữa		
Trung bình	—	Trước: Khoảng 91-70 cm Sau: Khoảng 110-70 cm	Màu Vàng* ¹ Sáng	Màn hình âm thanh/thông tin  Màn hình giao diện thông tin cho người lái 
Ngắn	Trước: Khoảng 55-45 cm Sau: Khoảng 60-45 cm	Trước: Khoảng 70-60 cm Sau: Khoảng 70-55 cm	Màu Hồ Phách Sáng	
Rất ngắn	Khoảng 45-35 cm	Trước: Khoảng 60-50 cm Sau: Khoảng 55-45 cm	Màu Hồ Phách Sáng	
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Trước: Khoảng 50 cm trở xuống Sau: Khoảng 45 cm trở xuống	Màu Đỏ Sáng	

*1: Ở giai đoạn này, chỉ có các cảm biến giữa phát hiện vật cản.

① Đèn báo sáng khi cảm biến phát hiện vật cản.

Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji và Singapore

Độ dài tiếng bíp	Khoảng cách giữa Tầm Cản và Vật Cản		Đèn Báo	Màn hình giao diện thông tin cho người lái
	Cảm Biến Góc	Cảm Biến Giữa		
Trung bình	—	Khoảng 115-60 cm	Màu vàng* ¹ Sáng	Màn hình giao diện thông tin 
Ngắn	Khoảng 60-45 cm	Khoảng 60-50 cm	Màu Hở Phách Sáng	
Rất ngắn	Khoảng 45-35 cm	Khoảng 50-40 cm		
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Khoảng 40 cm trở xuống	Màu Đỏ Sáng	

*1: Ở giai đoạn này, chỉ có các cảm biến giữa phát hiện vật cản.

❶ Đèn báo sáng khi cảm biến phát hiện vật cản.

■ Tắt Tất Cả Các Cảm Biến Sau

Để tắt các cảm biến sau, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Đảm bảo hệ thống cảm biến đỗ xe không hoạt động.
 - Đèn báo ở nút tắt.
2. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
3. Ấn và giữ nút hệ thống cảm biến đỗ xe, và đặt chế độ nguồn ở BẬT.
4. Ấn giữ nút khoảng 10 giây. Nhả nút khi đèn báo ở nút nhấp nháy.
 - Tiếng bíp vang lên một lần.
5. Trong khi đèn báo nhấp nháy, hãy ấn nút một lần nữa. Đèn báo ở nút tắt.
 - Tiếng bíp vang lên hai lần. Bây giờ các cảm biến sau đã tắt. Các cảm biến vẫn sẽ tắt cho đến khi bật lại bằng tay. Để bật lại các cảm biến sau, hãy thực hiện quy trình trên. Tiếng bíp vang lên ba lần khi các cảm biến sau hoạt động trở lại.

►► Tắt Tất Cả Các Cảm Biến Sau

Khi gạt cần số sang [R], đèn báo ở nút hệ thống cảm biến đỗ xe sẽ nhấp nháy để thông báo các cảm biến sau đã tắt.

Loại xe có Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp

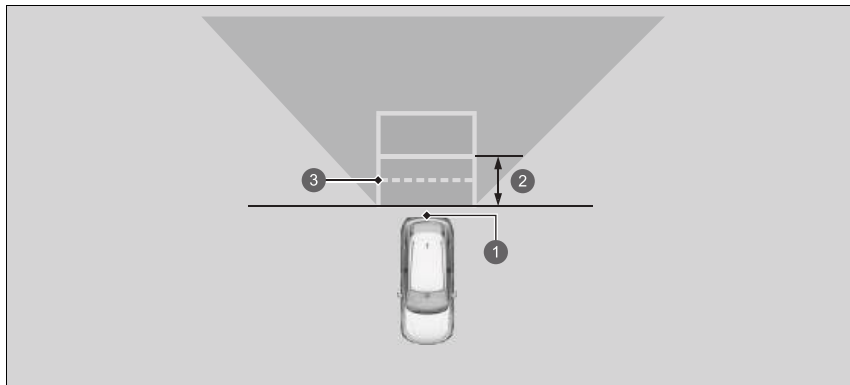
Nếu tắt các cảm biến sau bằng hệ thống cảm biến đỗ xe, thì Hệ Thống Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp sẽ không hoạt động khi lùi xe.

► **Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp*** Tr. 456

Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Màn hình âm thanh/thông tin có thể hiển thị hình ảnh phía sau xe bạn. Màn hình tự động chuyển sang hiển thị hình ảnh phía sau xe khi gạt cần số đến **R**.

Vùng Hiển Thị Camera Lùi Đa Hướng



- ❶ Camera
- ❷ Xấp xỉ 1 m
- ❸ Phạm vi mở cửa hậu

Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Tầm quan sát của camera lùi rất hạn chế. Bạn không thể nhìn thấy các đuôi góc của tấm cản hoặc vật nằm dưới tấm cản. Thấu kính đặc biệt của camera làm cho vật thể trông gần hơn hoặc xa hơn so với thực tế.

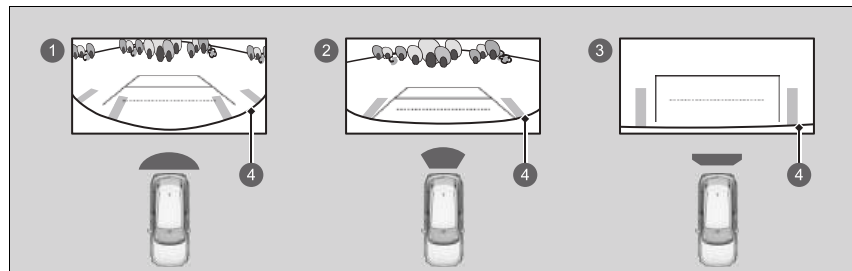
Hãy xác nhận trực quan xem có an toàn không trước khi lùi xe. Các điều kiện nhất định (như thời tiết, ánh sáng, và nhiệt độ cao) cũng có thể làm hạn chế tầm nhìn sau. Không nên phụ thuộc vào màn hình hiển thị phía sau vì nó không thể cung cấp cho bạn tất cả thông tin về tình hình phía sau xe bạn.

Hình ảnh camera lùi được hiển thị ưu tiên trên màn hình âm thanh/thông tin.

Nếu thấu kính của camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính.

Bạn có thể quan sát theo ba chế độ camera khác nhau trên màn hình âm thanh/thông tin.

Chạm vào biểu tượng thích hợp để chuyển chế độ quan sát.



- 1 Chế Độ Quan Sát Rộng
- 2 Chế Độ Quan Sát Thường
- 3 Chế Độ Quan Sát Từ Trên Xuống
- 4 Tầm Cản

- Nếu chế độ quan sát được sử dụng lần gần đây nhất là Rộng hoặc Thường, thì chế độ đó sẽ vẫn được chọn ở lần tiếp theo gạt cần số đến **[R]**.
- Trước khi tắt động cơ, nếu chế độ quan sát đang được sử dụng là quan sát từ Trên xuống, thì chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn ở lần tiếp theo đặt chế độ nguồn ở BẬT và gạt cần số đến **[R]**.
- Nếu bạn đang sử dụng chế độ quan sát từ Trên xuống và đã 10 giây trôi qua sau khi bạn ra khỏi số **[R]**, thì chế độ quan sát Rộng sẽ được chọn ở lần tiếp theo gạt cần số đến **[R]**.
- Nếu bạn đang sử dụng chế độ quan sát từ Trên xuống và về lại số **[R]** trong vòng 10 giây sau khi ra khỏi số **[R]**, chế độ quan sát từ Trên xuống sẽ vẫn được chọn.

► Camera Lùi Đa Hướng Ở Xe Bạn

Bạn có thể thay đổi các cài đặt **Fixed Guideline** (Dẫn Hướng Cố Định) và **Dynamic Guideline** (Dẫn Hướng Động).

► **Tính Năng Tùy Chọn Tr. 346**

Fixed Guideline

ON: Dẫn hướng xuất hiện khi bạn gạt cần số đến **[R]**.

OFF: Dẫn hướng không xuất hiện

Dynamic Guideline

ON: Dẫn hướng di chuyển theo hướng xoay của vô lăng.

OFF: Dẫn hướng không di chuyển

Nếu hình ảnh phía sau xe không hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin trong khi cần số ở **[R]**, có thể hệ thống có sự cố. Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Thông Tin Nhiên Liệu

■ Nhiên liệu khuyến dùng

Loại xe Indonesia

Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn và làm hỏng động cơ.

Loại xe Đài Loan

Xăng không chì, chỉ số Octan 92 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn và làm hỏng động cơ.

Loại xe Malaysia

Xăng cao cấp không chì, chỉ số Octan 95 trở lên

Dùng xăng có chỉ số Octan thấp có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ.

Sử dụng xăng có chỉ số Octan dưới 91 có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe Pakistan

Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2mg/Lít, chỉ số Octan 91 trở lên

Xăng không chì EURO V/5 có chỉ số Octan 91 trở lên là loại xăng dành cho xe của bạn.

Dùng xăng không chì loại thông thường có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ. Sử dụng xăng loại thông thường trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ.

» Thông Tin Nhiên Liệu

LƯU Ý

Sử dụng xăng có chì có thể dẫn đến những rủi ro sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ trung hòa khí xả
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng đến động cơ và các hệ thống khác

Ngoại trừ loại xe Malaysia, Indonesia, Đài Loan và Pakistan

Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn và làm hỏng động cơ.

■ Dung tích bình nhiên liệu: 40 L

Loại xe có Tu-bô tăng áp

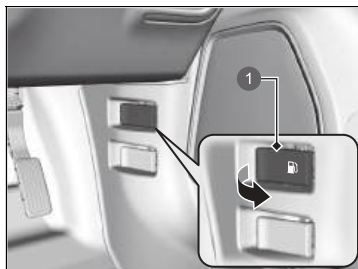
■ Dung dịch vệ sinh động cơ

Chất lượng nhiên liệu thay đổi theo vùng. Thêm dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng theo hướng dẫn về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

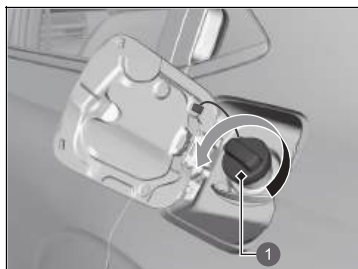
Hãy sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng Honda. Nếu không có sẵn, hãy sử dụng dung dịch tẩy rửa gốc PEA (polyetheramine) để thay thế.

Có thể cần thường xuyên sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun ở các quốc gia hoặc khu vực không có lịch bảo dưỡng. Tham khảo ý kiến đại lý để biết thêm thông tin.

Cách Nạp Nhiên Liệu



1 Lấy Nhà Cửa Nạp Nhiên Liệu



1 Nắp

1. Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở bên trái và phía sau xe.
2. Tắt động cơ.
3. Kéo lấy nhà cửa nạp nhiên liệu ở bên dưới góc ngoài bảng táp-lô phía dưới người lái.
► Cửa nạp nhiên liệu mở.

4. Từ từ xoay nắp bình nhiên liệu. Nếu nghe thấy tiếng hơi xì ra, hãy đợi đến khi không còn tiếng xì, sau đó từ từ xoay núm để mở nắp bình nhiên liệu.

►► Cách Nạp Nhiên Liệu

⚠ CẢNH BÁO

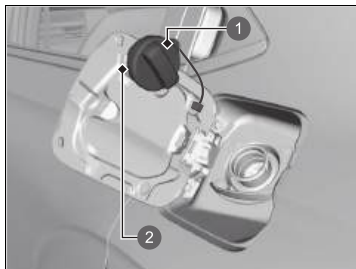
Xăng rất dễ cháy và dễ nổ. Bạn có thể bị bỏng hoặc chấn thương nặng khi xử lý nhiên liệu.

- Dừng động cơ và để xe tránh xa nhiệt, các tia lửa, và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay vết xăng tràn.

⚠ CHÚ Ý

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu, giúp nhiên liệu không bị tràn ra ngoài do thay đổi nhiệt độ không khí.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động dừng. Đổ thêm nhiên liệu có thể làm bình nhiên liệu bị tràn.



- ① Nắp
- ② Giá Đỡ

5. Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.

6. Đưa vòi bơm nhiên liệu vào.

► Khi bình nhiên liệu đầy, vòi bơm sẽ tự động ngắt. Điều này giúp để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.

7. Sau khi đổ đầy, đậy nắp bình nhiên liệu, siết chặt nắp cho đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.

► Dùng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO₂

Tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO₂ phụ thuộc vào một số yếu tố bao gồm điều kiện lái xe, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng của xe. Tùy theo các yếu tố này và một số yếu tố khác, có thể bạn không thể đạt được mức tiết kiệm nhiên liệu định mức của xe.

Bảo Dưỡng và Tiết Kiệm Nhiên Liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách. Thực hiện theo lịch bảo dưỡng và nếu cần, hãy tham khảo thông tin dịch vụ được cung cấp cho xe của bạn.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 563

- Sử dụng dầu động cơ có độ nhớt khuyến dùng.
 - 📖 **Dầu Động Cơ Khuyến Dùng** Tr. 574
- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không chở đồ quá trọng lượng cho phép.
- Giữ xe sạch sẽ. Tuyệt hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe sẽ làm tăng trọng lượng và sức cản gió cho xe.

📖 Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO₂

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị để xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái xe.

$$\begin{array}{|c|} \hline 100 \\ \hline \end{array} \times \begin{array}{|c|} \hline \text{Lít} \\ \hline \text{nhiên} \\ \hline \text{liệu} \\ \hline \end{array} \div \begin{array}{|c|} \hline \text{Kilomet đi} \\ \hline \text{được} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \text{L trên} \\ \hline \text{100 km} \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{|c|} \hline \text{Kilomet đi} \\ \hline \text{được} \\ \hline \end{array} \div \begin{array}{|c|} \hline \text{Lít} \\ \hline \text{nhiên} \\ \hline \text{liệu} \\ \hline \end{array} = \begin{array}{|c|} \hline \text{Kilomet} \\ \hline \text{trên Lít} \\ \hline \end{array}$$

MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Nhãn hiệu: HONDA

Doanh nghiệp nhập khẩu: CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

Loại nhiên liệu: Xăng

Chu trình thử nghiệm: Theo TCVN 6785:2015

Tên thương mại	Mã kiểu loại	Chu trình tổ hợp
HR-VL	RV388TEN	6,70
Đơn vị: Lít/100km		
Ghi chú: Mức tiêu thụ năng lượng thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.		

Loại xe tại các quốc gia thuộc Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh (GCC)

Bạn có thể cải thiện quãng đường đã đi và giảm lượng khí thải CO₂ của xe như sau:

- Vận hành xe bạn một cách chính xác.
- Thường xuyên bảo dưỡng xe.
- Duy trì áp suất lốp thích hợp.
- Tránh chở quá tải.
- Áp dụng các kỹ thuật lái xe hiệu quả, chẳng hạn như lái xe ở tốc độ thấp hơn, giảm thời gian chạy không tải và tránh lái xe một cách thô bạo.

Lưu Ý Khi Xử Lý

Tua-bô tăng áp là thiết bị có độ chính xác cao sử dụng tua-bin được điều khiển bởi áp suất khí xả của động cơ để cung cấp một lượng lớn khí nén vào động cơ nhằm đạt được công suất lớn hơn.

- Khi động cơ nguội ngay sau khi khởi động, tránh tăng tốc động cơ hoặc tăng ga đột ngột.
- Luôn thay dầu động cơ và lọc dầu động cơ theo lịch bảo dưỡng. Tua-bin quay ở tốc độ rất cao, trên 100.000 vòng/phút và nhiệt độ tua-bin trên 700°C. Tua-bin được bôi trơn và làm mát bằng dầu động cơ. Nếu bạn không thay dầu động cơ và lọc dầu theo quãng đường hoặc thời gian trên lịch bảo dưỡng, dầu động cơ đã xuống cấp có thể gây ra sự cố như kẹt và tiếng ồn bất thường ở vòng bi tua-bin.

»Xe Có Động Cơ Tăng Áp*

Lịch bảo dưỡng để thay dầu động cơ và lọc dầu hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy tuân theo lịch bảo dưỡng này.

➤ **Hệ Thống Giám Sát Dầu*** Tr. 557

➤ **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 563

➤ **Dầu Động Cơ Khuyến Dùng** Tr. 574

Đèn báo nhiệt độ cao có thể sáng khi bạn khởi động lại động cơ sau khi lái xe ở điều kiện tải cao như đi với tốc độ cao hoặc ở địa hình đồi núi. Điều này là bình thường. Đèn báo sẽ tắt sau khi bạn cho xe chạy không tải hoặc lái xe trong khoảng một phút.

Bảo Dưỡng

Chương này đề cập đến quy trình bảo dưỡng cơ bản.



Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng	554
An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng.....	555
Phụ Tùng và Dung Dịch Dùng trong Bảo Dưỡng	556
Hệ Thống Giám Sát Dầu*	557
Lịch Bảo Dưỡng	563
Dưới Nắp Ca-pô	
Các Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô	570
Mở Nắp Ca-pô	572
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng	574
Kiểm Tra Dầu	576
Bổ Sung Dầu Động Cơ	578

Nước Làm Mát Động Cơ	579
Dầu Hộp Số	584
Dầu Phanh	585
Bổ Sung Nước Rửa Kính.....	587
Lọc Nhiên Liệu	587
Thay Bóng Đèn	588
Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt Nước	594
Kiểm Tra và Thay Lốp	
Kiểm Tra Lốp	599
Vạch Báo Độ Mòn Lốp.....	600
Tuổi Thọ Lốp	600
Thay Lốp và Bánh Xe	601
Đào Lốp	602

Thiết Bị Bám Đường Tuyệt	604
Ắc Quy	605
Bảo Dưỡng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa	
Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa ...	609
Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ	611
Vệ Sinh	
Vệ Sinh Nội Thất.....	615
Vệ Sinh Ngoại Thất.....	619
Phụ Kiện và Điều Chính	622

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện bất kỳ dấu hiệu bất thường nào (có tiếng ồn, có mùi, thiếu dầu phanh, cạn dầu trên đất, v.v.), hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Tham khảo Sổ Bảo Dưỡng* kèm theo xe/ lịch bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin chi tiết về quy trình kiểm tra và bảo dưỡng.

📖 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 563

Phân Loại Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

■ Kiểm tra thường xuyên

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

■ Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra mức dầu phanh hàng tháng.
📖 **Dầu Phanh** Tr. 585
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra gân lốp có bị mòn và dính bất kỳ vật gì không.
📖 **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 599
- Kiểm tra các đèn ngoài xe hàng tháng.
📖 **Thay Bóng Đèn** Tr. 588
- Kiểm tra tình trạng của các lưới gạt nước ít nhất sáu tháng một lần.
📖 **Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt Nước** Tr. 594

An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Sau đây là một số lưu ý quan trọng nhất về an toàn. Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện công việc bảo dưỡng đã đưa ra hay không.

An Toàn Khi Bảo Dưỡng

- Để giảm khả năng cháy nổ, hãy để ắc quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Không để vải vụn, giẻ lau, hoặc các vật dễ cháy khác dưới nắp ca-pô.
 - Nhiệt từ các bộ phận xung quanh có thể làm các vật này bốc cháy và gây hỏa hoạn.
- Để làm sạch các phụ tùng, hãy dùng chất tẩy dầu mỡ hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng có bán trên thị trường, không dùng xăng.
- Đeo kính và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa carbon monoxit rất độc hại và có thể gây chết người.
 - Chỉ vận hành động cơ trong khu vực có thông gió tốt.

⚠ An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

⚠ CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không xử lý sự cố xe trước khi lái có thể gây ra va chạm khiến bạn bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Luôn thực hiện theo các khuyến nghị và lịch kiểm tra, bảo dưỡng trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này/Sổ Bảo Dưỡng*.

⚠ CẢNH BÁO

Không thực hiện theo đúng các hướng dẫn và lưu ý bảo dưỡng có thể khiến bạn bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và lưu ý trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ An Toàn Cho Xe

- Phải dừng xe.
 - Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, gài phanh đỗ và tắt động cơ.
- Đảm bảo quạt kết nối nước ngừng hoạt động trước khi kiểm tra khoang động cơ.
 - Tùy theo tình trạng xe, quạt kết nối nước có thể hoạt động ngay cả khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận còn nóng có thể gây bỏng.
 - Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi chạm vào các bộ phận trên xe.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận chuyển động có thể khiến bạn bị thương.
 - Không khởi động động cơ trừ khi được hướng dẫn và không để tay chân gần các bộ phận chuyển động.

Loại xe có chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

- Không mở nắp ca-pô khi chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.

Phụ Tùng và Dung Dịch Dùng trong Bảo Dưỡng

Hãy sử dụng Phụ Tùng Chính Hãng Honda và các loại dung dịch được khuyến dùng khi bảo dưỡng và bảo trì xe. Phụ Tùng Chính Hãng Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao và được sử dụng riêng cho xe của Honda.

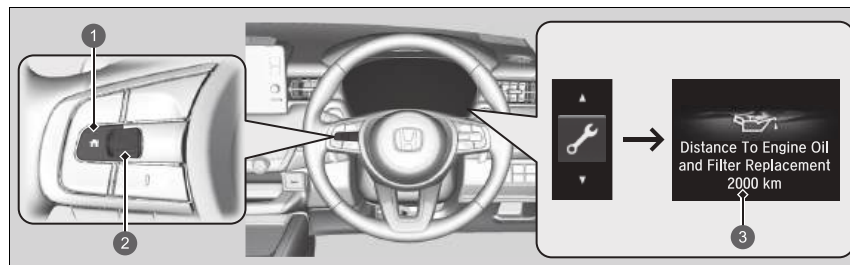
Thông báo hệ thống giám sát dầu sẽ xuất hiện để nhắc bạn khi cần thay dầu động cơ, hoặc khi cần mang xe đến đại lý để bảo dưỡng theo lịch.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Hiện Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

Một số mục bảo dưỡng sắp tới, cùng với thời gian sử dụng dầu ước tính còn lại, sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Bạn có thể xem các thông tin này trên màn hình thông báo hệ thống giám sát dầu bất cứ lúc nào.



- ❶ Nút (màn hình chính)
- ❷ Vòng Lựa Chọn Bên Trái
- ❸ Khoảng cách còn đi được cho đến kỳ thay dầu động cơ tiếp theo

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút (màn hình chính).
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi hiển thị.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đến màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu. (Các) mục bảo dưỡng và quãng đường còn lại sẽ hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Đèn báo thông báo hệ thống () sáng liên tục trên bảng điều khiển khi xe đến kỳ bảo dưỡng. Hãy mang ngay xe đến đại lý để được bảo dưỡng.

►► Hiện Thị Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu

Dựa vào điều kiện hoạt động của động cơ và dầu động cơ, quãng đường xe còn đi được cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo sẽ được tính toán và hiển thị.

Tùy theo điều kiện lái, quãng đường thực tế có thể ngắn hơn quãng đường được hiển thị.

Bất kể thông tin hệ thống giám sát dầu hiển thị điều gì, hãy thực hiện bảo dưỡng thường xuyên. Hãy tham khảo lịch bảo dưỡng để biết thêm thông tin chi tiết.

Lịch Bảo Dưỡng Tr. 563

■ Thông Tin Hệ Thống Giám Sát Dầu Trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái

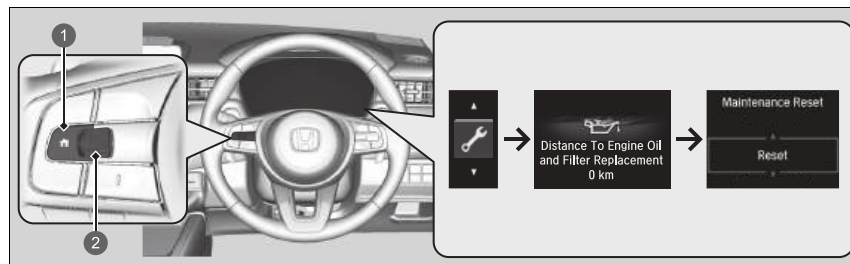
Thông Báo Cảnh Báo	Màn Hình Tuổi Thọ Dầu	Thông tin
BÌNH THƯỜNG	Distance To Engine Oil Replacement ---- km Distance To Engine Oil and Filter Replacement ---- km	Khi bạn thiết lập lại quãng đường còn đi được sau khi thay dầu, một dãy dấu chấm sẽ xuất hiện trên màn hình tuổi thọ dầu. Những dấu chấm này sẽ vẫn hiển thị cho đến khi hệ thống xác định được quãng đường xe còn đi được cho đến lần thay dầu tiếp theo, hoặc lần thay dầu và lọc dầu tiếp theo dựa vào các điều kiện lái.
	 Distance To Engine Oil Replacement 2000 km  Distance To Engine Oil and Filter Replacement 2000 km	Khi bạn chọn màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu, trên màn hình sẽ hiển thị tuổi thọ dầu động cơ còn lại hoặc tuổi thọ dầu động cơ và lọc dầu còn lại.

Thông Báo Cảnh Báo	Màn Hình Tuổi Thọ Dầu	Thông tin
SẮP ĐẾN HẠN THAY DẦU  Engine Oil Replacement Due Soon  Engine Oil and Filter Replacement Due Soon	 Distance To Engine Oil Replacement 1490 km  Distance To Engine Oil and Filter Replacement 1490 km	Dầu động cơ, hoặc lọc dầu và dầu động cơ sắp đến hạn thay dầu.
ĐẾN HẠN THAY DẦU  Engine Oil Replacement Due Now  Engine Oil and Filter Replacement Due Now	 Distance To Engine Oil Replacement 0 km  Distance To Engine Oil and Filter Replacement 0 km	Dầu động cơ, hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã đến hạn thay dầu. Phải kiểm tra và bảo dưỡng càng sớm càng tốt.

Thông Báo Cảnh Báo	Màn Hình Tuổi Thọ Dầu	Thông tin
QUÁ HẠN THAY DẦU  Engine Oil Replacement Overdue  Engine Oil and Filter Replacement Overdue	 Distance To Engine Oil Replacement ~10 km  Distance To Engine Oil and Filter Replacement ~10 km	Dầu động cơ, hoặc lọc dầu và dầu động cơ đã quá hạn thay dầu. Phải kiểm tra và bảo dưỡng ngay.

■ Thiết Lập Lại Màn Hình

Thiết lập lại thông tin hệ thống giám sát dầu động cơ sau khi thực hiện bảo dưỡng.



- ① Nút (màn hình chính)
- ② Vòng Lựa Chọn Bên Trái

1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút (màn hình chính).
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi hiển thị.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đến màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu.
5. Ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái cho đến khi chế độ thiết lập lại hiển thị.
6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Reset** (Bạn cũng có thể chọn **Cancel** để kết thúc quy trình).
7. Ấn vòng lựa chọn bên trái để thiết lập lại mục đã chọn.

►► Thiết Lập Lại Màn Hình

LƯU Ý

Không thiết lập lại tuổi thọ dầu động cơ sau khi bảo dưỡng sẽ làm hệ thống hiển thị sai thời gian bảo dưỡng và có thể dẫn đến sự cố cơ học nghiêm trọng.

Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ sau khi hoàn thành bảo dưỡng. Nếu không phải đại lý thực hiện bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ.

Nếu xe của bạn có sổ bảo dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ này. Đối với xe không có sổ bảo dưỡng, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt quy trình bảo dưỡng cần thiết tối thiểu cần thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi hoạt động. Do sự khác nhau về vùng miền và khí hậu, có thể cần bổ sung một số quy trình bảo dưỡng. Hãy tham khảo thông tin bảo dưỡng kèm theo xe bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý Honda ủy quyền đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

Loại xe tại các quốc gia thuộc Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh (GCC)

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu động cơ	Bình thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng									
Thay lọc dầu động cơ	Bình thường	Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay lọc gió động cơ		Sau mỗi 30.000 km									
Kiểm tra khe hở xu-páp*1		Sau mỗi 120.000 km									
Thay bugi		Sau mỗi 100.000 km									
Kiểm tra dây đai truyền động			•		•		•		•		•

*1: Phương Pháp Cảm Nhận

Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu phát ra tiếng ồn.

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay nước làm mát động cơ		Sau 200.000 km hoặc 10 năm Sau đó, thay thế sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm									
Thay dầu hộp số			•		•		•		•		•
Thay lọc gió điều hoà		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay lọc nhiên liệu	Bình thường	Sau mỗi 120.000 km									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 60.000 km ^{*1}									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Đảo lốp (Kiểm tra tình trạng và độ căng của lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km									
Kiểm tra trực quan các mục sau:											
Chấn bụi trực truyền động Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi Thành phần hệ thống treo		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Mức điện phân ắc quy		Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng									
Các ống phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA) Hệ thống xả		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu											
Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu											

*1: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu nhanh bị tắc.

Ngoại trừ loại xe tại các quốc

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.			km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
			tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu động cơ	Loại xe không có tu-bô tăng áp	Bình thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm										
		Khắc Nghiệt	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng										
	Loại xe có tu-bô tăng áp		Khi đèn báo sáng hoặc 1 năm										
Thay lọc dầu động cơ	Loại xe không có tu-bô tăng áp	Bình thường	Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm										
		Khắc Nghiệt	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm										
	Loại xe có tu-bô tăng áp		Khi đèn báo sáng hoặc 2 năm										
Thay lọc gió động cơ			Sau mỗi 30.000 km										
Kiểm tra khe hở xu-páp ^{*1}			Sau mỗi 120.000 km										
Thay bugi ^{*2}			Sau mỗi 100.000 km										
Kiểm tra dây đai truyền động				.		.		.		.		.	
Thay nước làm mát động cơ			Sau 200.000 km hoặc 10 năm Sau đó, thay thế sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm										
Loại xe có kim phun trực tiếp			Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm										
Bổ sung dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng ^{*3}													

^{*1}: Phương Pháp Cảm Nhận

Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu phát ra tiếng ồn.

^{*2}: Loại xe Algeria

Kiểm tra sau mỗi 20.000 km.

^{*3}: Cần thường xuyên sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun cho các loại xe của các quốc gia Afghanistan, Bangladesh, Cape Verde, Djibouti, Dominica, Guinea Xích Đạo, Gambia, Grand Cayman, Guatemala, Guinea, Haiti, Honduras, Iraq, Liberia, Nicaragua, Nigeria, Philippin, Peru, Sierra Leone, Togo và Venezuela.

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu hộp số			•		•		•		•		•
Thay lọc gió điều hoà		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Thay lọc nhiên liệu trong bình chứa*1	Bình thường	Sau mỗi 140.000 km									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 90.000 km*3									
Thay lọc nhiên liệu trong bình chứa*2	Bình thường	Sau mỗi 120.000 km									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 60.000 km*3									
Kiểm tra ngày hết hạn của lọ keo vá lốp (nếu có)		Mỗi 1 năm									
Đảo lốp (Kiểm tra tình trạng và độ căng của lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km									
Kiểm tra trực quan các mục sau:											
Chấn bụi trực truyền động		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi											
Thành phần hệ thống treo											
Các ống phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA)											
Hệ thống xả		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu											
Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu											

*1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi (ngoại trừ Nam Phi), Nam Mỹ (ngoại trừ Brazil) và Indonesia

*2: Loại xe Châu Phi (ngoại trừ Nam Phi), Nam Mỹ (ngoại trừ Brazil) và Indonesia

*3: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu nhanh bị tắc.

Điều Kiện Lái Khắc Nghiệt

Thực hiện theo Lịch Bảo Dưỡng cho Điều Kiện Lái Khắc Nghiệt nếu bạn THƯỜNG XUYỀN lái xe trong một hoặc nhiều các điều kiện dưới đây:

- Lái dưới 8 km mỗi chuyến đi, hoặc ở nhiệt độ đóng băng, lái dưới 16 km mỗi chuyến đi.
- Lái khi nhiệt độ quá nóng, trên 35°C.
- Chạy không tải trong thời gian dài hoặc xe phải đi trong tình trạng dừng-tiến trong thời gian dài.
- Tải nặng trên nóc xe hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

CHÚ Ý: Nếu bạn chỉ THỈNH THOẢNG lái xe trong điều kiện “khắc nghiệt”, bạn nên thực hiện theo Lịch Bảo Dưỡng cho Điều Kiện Thường.

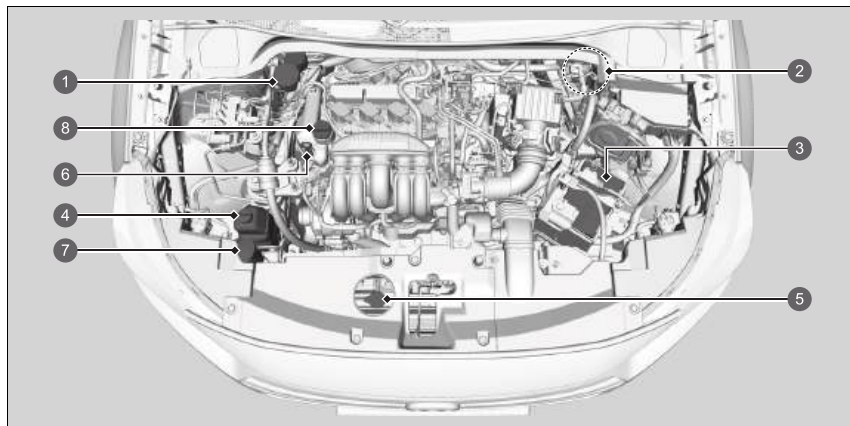
Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Với Xe không có Sổ Bảo Dưỡng)

Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại tất cả các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết dưới đây. Hãy giữ lại tất cả các hóa đơn bảo dưỡng xe.

Km hoặc Tháng	Ngày	Chữ Ký hoặc Đóng Dấu
20.000 km (hoặc 12 tháng)		
40.000 km (hoặc 24 tháng)		
60.000 km (hoặc 36 tháng)		
80.000 km (hoặc 48 tháng)		
100.000 km (hoặc 60 tháng)		
120.000 km (hoặc 72 tháng)		
140.000 km (hoặc 84 tháng)		
160.000 km (hoặc 96 tháng)		
180.000 km (hoặc 108 tháng)		
200.000 km (hoặc 120 tháng)		

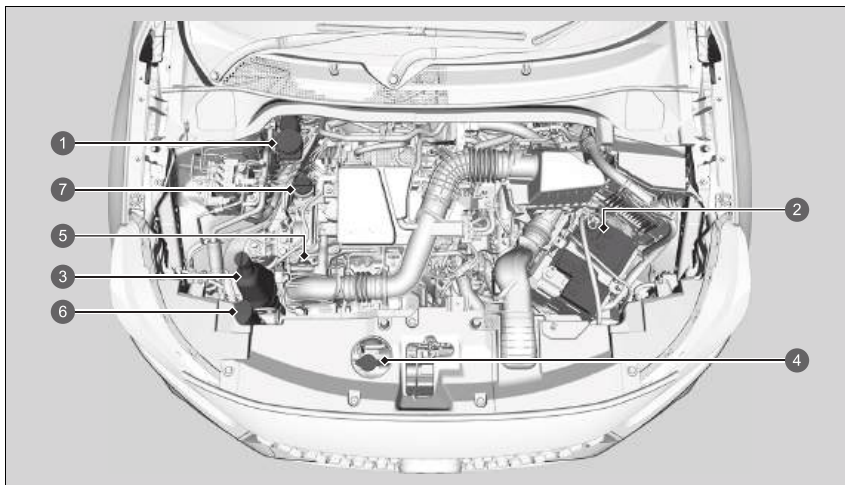
Các Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

Loại xe không có tu-bô tăng áp



- | | |
|---|------------------------------------|
| 1 Dầu Phanh/(Nắp Màu Đen) (Loại Vô Lãng Bên Phải) | 5 Nắp Kết Nước |
| 2 Dầu Phanh/(Nắp Màu Đen) (Loại Vô Lãng Bên Trái) | 6 Que Thăm Dầu Động Cơ (Màu Cam) |
| 3 Ắc quy | 7 Nước Rửa Kính (Nắp Màu Xanh Lam) |
| 4 Bình Chứa Nước Làm Mát Động Cơ | 8 Nắp Đổ Dầu Động Cơ |

Loại xe có tu-bô tăng áp



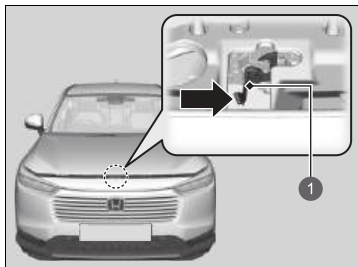
- | | |
|----------------------------------|------------------------------------|
| ① Dầu Phanh (Nắp Màu Đen) | ⑤ Que Thăm Dầu Động Cơ (Màu Cam) |
| ② Pin | ⑥ Nước Rửa Kính (Nắp Màu Xanh Lam) |
| ③ Bình Chứa Nước Làm Mát Động Cơ | ⑦ Nắp Đổ Dầu Động Cơ |
| ④ Nắp Kết Nước | |

Mở Nắp Ca-pô



① Lấy Nhả Nắp Ca-pô

② Kéo



① Cản

1. Đỗ xe nơi bằng phẳng và gài phanh đỗ.

2. Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài bảng táp-lô phía dưới người lái.

► Nắp ca-pô sẽ nảy nhẹ lên.

3. Đẩy cần chốt nắp ca-pô (dưới mép trước của nắp ca-pô ra giữa) sang bên và nâng nắp ca-pô. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.

►► Mở Nắp Ca-pô

Loại xe có tu-bô tăng áp

⚠ CẢNH BÁO

Thanh đỡ nắp ca-pô có thể rất nóng do nhiệt từ động cơ.

Để tránh bị bỏng, không được chạm vào phần kim loại của thanh:
Hãy dùng tay cầm bọc xốp.

Tất cả các loại xe

LƯU Ý

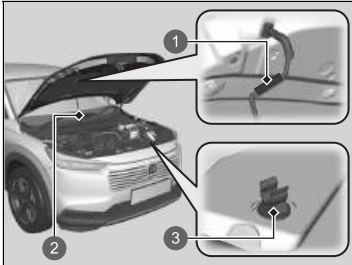
Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước đang nâng lên. Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước làm hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

Nếu cần chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nhấc cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn chốt.

Loại xe có chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Không mở nắp ca-pô khi chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời đang hoạt động.



- ❶ Tay Cầm
- ❷ Thanh Đỡ
- ❸ Kẹp

4. Dùng tay cầm để tháo thanh đỡ ra khỏi kẹp. Lắp thanh đỡ vào nắp ca-pô.

Khi đóng, tháo thanh đỡ và lắp lại vào kẹp, sau đó nhẹ nhàng hạ nắp ca-pô xuống. Khi nắp ca-pô hạ thấp xuống khoảng 30 cm, bỏ tay ra và để nắp ca-pô tự đóng.

►► Mở Nắp Ca-pô

Loại xe có tu-bô tăng áp
Với một số quốc gia



- Cầm phần xốp.
- Thanh đỡ rất nóng.
- Tham khảo hướng dẫn sử dụng.

Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

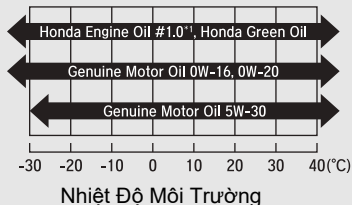
Sử dụng dầu động cơ chính hãng hoặc các loại dầu động cơ khác có trên thị trường có độ nhớt phù hợp (đối với nhiệt độ môi trường) như hình minh họa bên dưới.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lái xe với lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

Loại xe không có tu-bô tăng áp

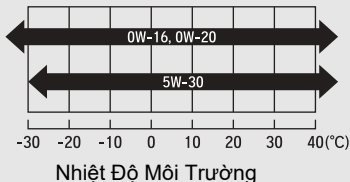
Dầu Động Cơ Chính Hãng

- Dầu Động Cơ Honda #1.0^{*1}
- Dầu Honda Green
- Dầu Chính Hãng Honda Motor



Dầu Động Cơ Trên Thị Trường

- Dầu đạt API cấp SN hoặc cấp cao hơn
- Dầu Chứng Nhận API "Starburst" hoặc "Shield"
- ACEA A5/B5



*1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

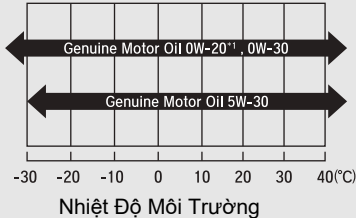
►► Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

Chất Phụ Gia Dầu Động Cơ
Xe của bạn không cần dùng chất phụ gia cho dầu động cơ. Trên thực tế, chất phụ gia không đảm bảo chất lượng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

Con dấu dưới đây cho thấy dầu đang dùng là loại tiết kiệm năng lượng và đáp ứng các yêu cầu mới nhất của Viện Dầu Mỏ Hoa Kỳ.



Loại xe có tu-bô tăng áp

Dầu Động Cơ Chính Hãng	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
Dầu Chính Hãng Honda Motor 	- Dầu đạt API cấp SM hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn - ACEA A5/B5 

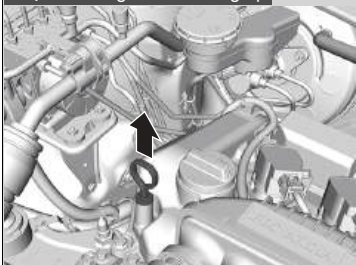
*1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

Kiểm Tra Dầu

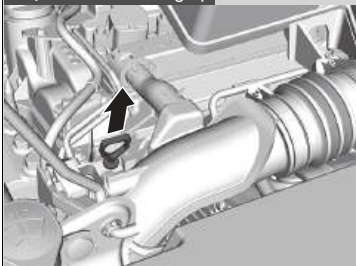
Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu.
Đỗ xe nơi bằng phẳng.

Trước khi kiểm tra dầu, hãy đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ.

Loại xe không có tu-bô tăng áp



Loại xe có tu-bô tăng áp

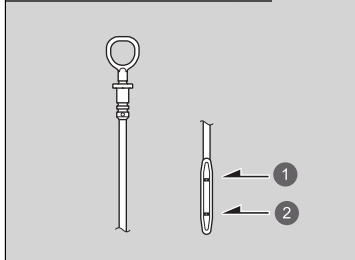


►► Kiểm Tra Dầu

Nếu mức dầu ở gần hoặc ở dưới vạch dưới, đổ dầu vào từ từ, cẩn thận không để tràn ra ngoài.

1. Rút que thăm dầu (màu cam) ra.
2. Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
3. Cắm que thăm dầu hết cỡ vào lỗ.

Loại xe không có tu-bô tăng áp

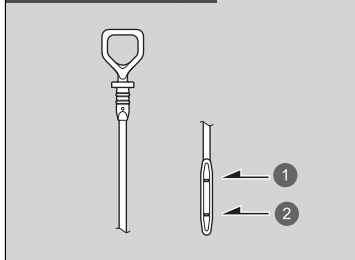


① Vạch Trên

② Vạch Dưới

4. Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Mức dầu phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.

Loại xe có tu-bô tăng áp

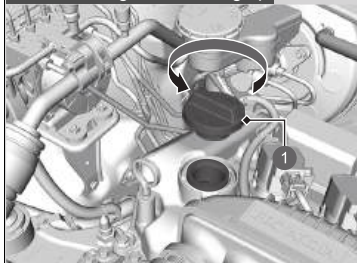


① Vạch Trên

② Vạch Dưới

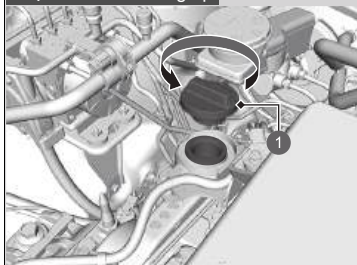
Bỏ Sung Dầu Động Cơ

Loại xe không có tu-bô tăng áp



1 Nắp Đổ Dầu Động Cơ

Loại xe có tu-bô tăng áp



1 Nắp Đổ Dầu Động Cơ

1. Xoay và tháo nắp đổ dầu động cơ.
2. Đổ từ từ dầu vào bình.
3. Lắp lại nắp đổ dầu động cơ và vặn thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

►► Bỏ Sung Dầu Động Cơ

LƯU Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu tràn dầu, hãy lau sạch ngay để tránh làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.

Nước Làm Mát Động Cơ

Nước làm mát quy định: Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2 của Honda

Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không đổ thêm chất chống đông hoặc nước làm mát chưa qua pha chế.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa trước. Nếu bình chứa cạn, kiểm tra cả mức nước làm mát trong két nước. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

►► Nước Làm Mát Động Cơ

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két nước nguội hẳn trước khi tháo nắp két nước.

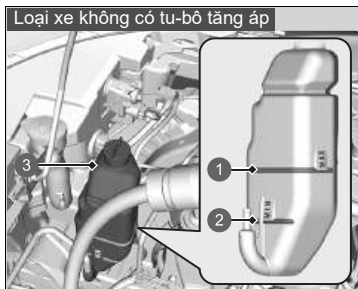
LƯU Ý

Nếu nhiệt độ thường xuyên dưới -30°C , thì nên thay đổi hỗn hợp nước làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat của một thương hiệu lớn khác để thay thế tạm thời. Kiểm tra xem đó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyến dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng nước làm mát không chính hãng Honda trong thời gian dài có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hãng Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

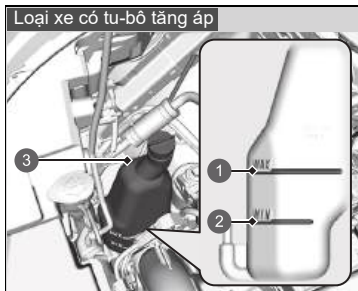
Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Vì các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các bộ phận của động cơ.

Bình Chứa

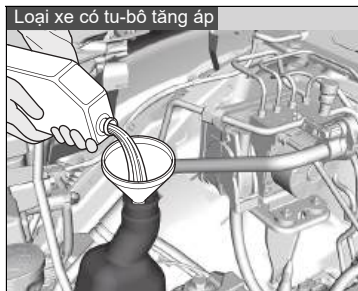


1. Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.
2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.
 - Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN**, hãy đổ thêm nước làm mát được quy định cho đến khi đầy đến vạch **MAX**.

- 1 TỐI ĐA
- 2 TỐI THIỂU
- 3 Bình Chứa

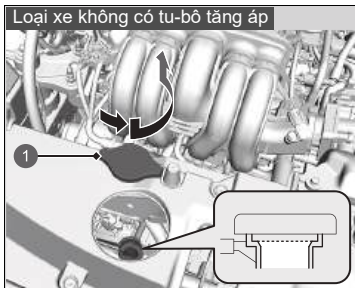


- 1 TỐI ĐA
- 2 TỐI THIỂU
- 3 Bình Chứa

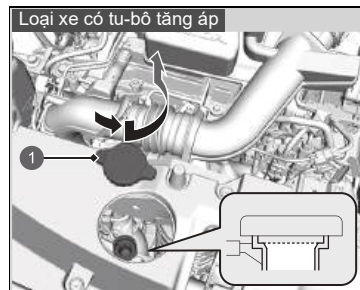


3. Kiểm tra rò rỉ hệ thống làm mát.

Két Nước



1 Nắp Két Nước



1 Nắp Két Nước

1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Xoay nắp két nước 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nắp ra.
4. Đổ đầy nước làm mát đến chân cổ bình chứa. Bổ sung nước làm mát nếu ở dưới mức đó.
5. Đậy nắp két nước và vặn chặt.

►► Két Nước

LƯU Ý

Từ từ đổ nước làm mát vào và cẩn thận không làm nước làm mát tràn ra. Lau sạch ngay nước làm mát tràn ra để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

Loại xe có nhãn biểu tượng

■ Nắp Kết Nước



- Không được mở khi còn nóng.
- Nước làm mát còn nóng sẽ làm bạn bị bỏng.
- Van giảm áp bắt đầu mở ở 108 kPa.

Dầu Hộp Số

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

Dầu quy định: Honda HCF-2

Mang xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay dầu nếu cần thiết.
Thực hiện theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp.
➡ **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 563

Không được phép tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số vô cấp.

» Dầu Hộp Số

LƯU Ý

Không pha dầu Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác.

Sử dụng dầu hộp số không phải loại Honda HCF-2 có thể làm ảnh hưởng đến vận hành và độ bền của hộp số và làm hỏng hộp số.

Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

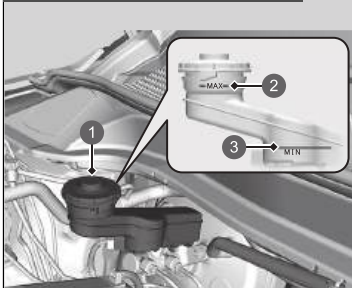
Dầu Phanh

Dầu quy định: Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4

Kiểm Tra Dầu Phanh

Loại Vô Lãng Bên Phải

Loại xe Australia, Fiji và Singapore



- ① Bình Chứa
- ② TỐI ĐA
- ③ TỐI THIỂU

Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN** và **MAX** ở sườn bình chứa.

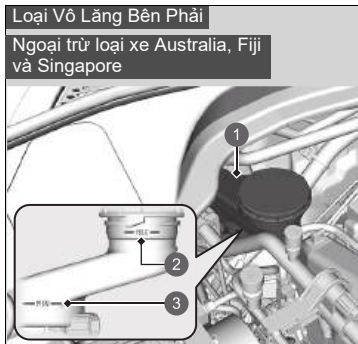
» Dầu Phanh

LƯU Ý

Dầu phanh loại DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh của xe và có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.

Bạn nên sử dụng loại dầu phanh chính hãng.

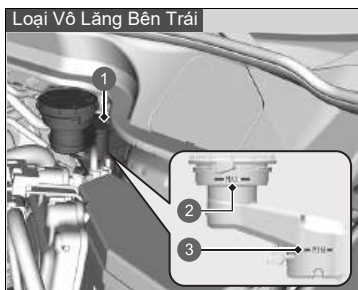
Nếu mức dầu phanh ở hoặc dưới mức **MIN**, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.



① Bình Chứa

② TỐI ĐA

③ TỐI THIỂU

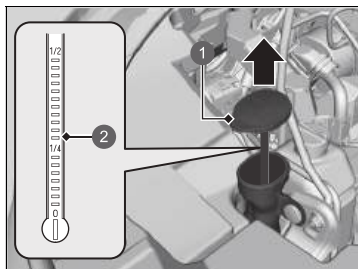


① Bình Chứa

② TỐI ĐA

③ TỐI THIỂU

Bể Sung Nước Rửa Kính



- ❶ Nắp
- ❷ Đồng Hồ Đo Mức

Kiểm tra mức nước rửa kính bằng đồng hồ đo mức trên nắp.

Nếu ở mức thấp, hãy đổ đầy bình chứa nước rửa kính.

Đổ cẩn thận nước rửa kính. Không để tràn ra bình chứa.

Lọc Nhiên Liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Phải để kỹ thuật viên có tay nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể chảy ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

►► Bể Sung Nước Rửa Kính

LƯU Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giảm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió. Chất chống đông có thể làm hỏng bề mặt sơn của xe. Dung dịch giảm/nước có thể làm hỏng bơm nước rửa kính chắn gió.

Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường.

Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tạo thành mảng bám.

Đèn Chiếu Sáng

Đèn chiếu sáng là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn Sương Mù Trước*

Đèn sương mù trước là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn Xi Nhan Trước

Đèn xi nhan trước là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn Vào Cua Chủ Động*

Đèn vào cửa chủ động là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn Xi Nhan Bên/Đèn Báo Khẩn Cấp

Đèn xi nhan bên gương cửa là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

» Đèn Chiếu Sáng

Hướng của đèn chiếu sáng là do nhà máy cài đặt và không cần điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên chở vật nặng trong khoang hành lý, hãy đến đại lý hoặc để kỹ thuật viên có tay nghề điều chỉnh lại hướng đèn.

Loại xe có đèn xi nhan sau loại bóng đèn

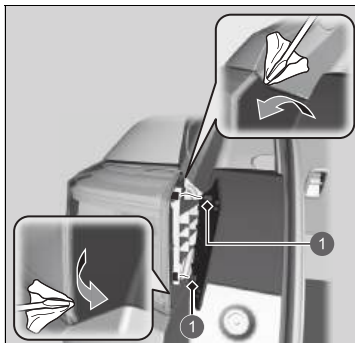
Đèn Phanh/Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan Sau

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

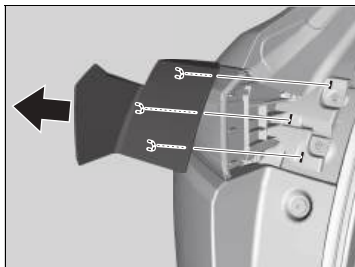
Đèn Phanh: LED

Đèn Hậu: LED

Đèn Xi Nhan Sau: 21 W (Màu hổ phách)



1 Chốt



1. Đặt tua-vít đầu dẹt vào giữa đầu trên của nắp đèn và thân xe, sau đó tháo chốt ra.

► Bọc đầu tua-vít bằng một miếng vải để tránh làm xước thân xe.

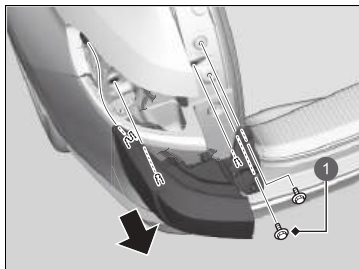
2. Đặt tua-vít đầu dẹt vào giữa đầu dưới của nắp đèn và cụm bóng đèn, sau đó tháo chốt ra.

► Bọc đầu tua-vít bằng một miếng vải để tránh làm xước cụm bóng đèn.

3. Kéo nắp đèn theo hướng mũi tên trong hình để tháo ra.

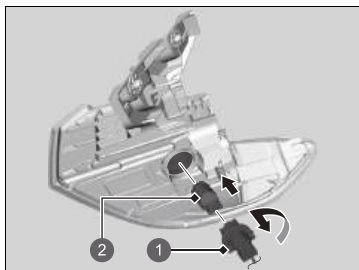
Đèn Phanh/Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan Sau

Đèn phanh/đèn hậu là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.



4. Tháo bu lông.
5. Kéo cụm bóng đèn theo hướng mũi tên trong hình để tháo ra.

① Bu Lông



6. Xoay ổ cắm ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra. Tháo bóng đèn cũ.
7. Lắp bóng đèn mới.

- ① Ổ Cắm
- ② Bóng Đèn

Loại xe có đèn lùi loại bóng đèn

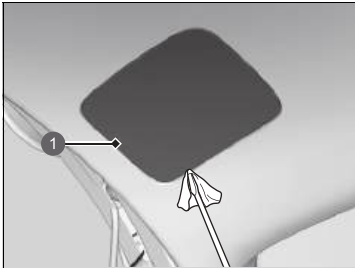
Đèn Hậu, Đèn Sương Mù Sau* và Đèn Lùi

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

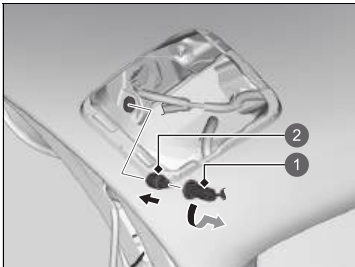
Đèn Hậu: LED

Đèn Sương Mù Sau: LED*

Đèn Lùi: 16W



❶ Vỏ



❶ Ổ Cắm

❷ Bóng Đèn

1. Dùng tua-vít đầu dẹt cạy vào mép của nắp đèn để tháo ra.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

2. Xoay ổ cắm ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra. Tháo bóng đèn cũ.

3. Lắp bóng đèn mới.

❧ Đèn Hậu, Đèn Sương Mù Sau* và Đèn Lùi

Đèn hậu và đèn sương mù sau* là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Loại xe có đèn xi nhan sau loại đèn LED

Đèn Phanh/Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan Sau

Đèn phanh/đèn hậu và đèn xi nhan sau là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Loại xe có đèn lùi loại đèn LED

Đèn Hậu, Đèn Sương Mù Sau* và Đèn Lùi

Đèn hậu, đèn sương mù sau* và đèn lùi là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn Biển Số Sau

Đèn biển số sau là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn Phanh Cao

Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Bóng Đèn Khác

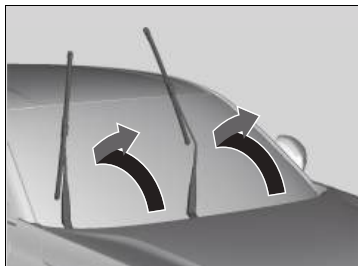
■ Đèn Gương Cá Nhân*

Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay bóng đèn.

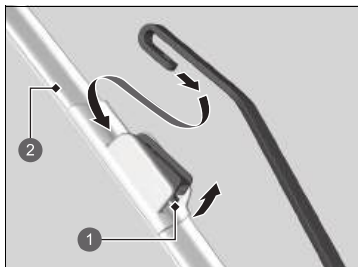
Kiểm Tra Lưỡi Gạt Nước

Nếu miếng cao su của lưỡi gạt nước xuống cấp sẽ để lại các vết bẩn, tạo ra tiếng ồn và bề mặt lưỡi gạt cứng sẽ làm xước cửa kính.

Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Trước



1. Nâng cần gạt nước bên lái trước, sau đó nâng cần gạt bên hành khách.



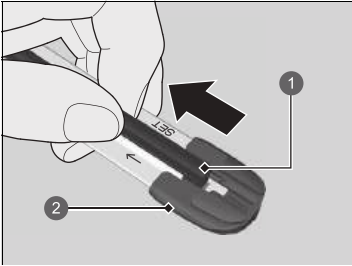
2. Nhấn và giữ vấu, sau đó trượt giá đỡ ra khỏi cần gạt.

- ① Vấu
- ② Giá Đỡ

Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Trước

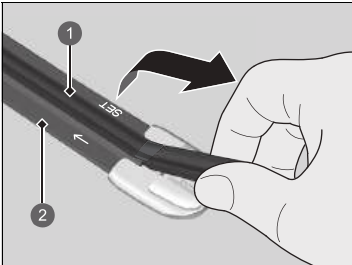
LƯU Ý

Tránh thả mạnh cần gạt nước lên kính chắn gió để tránh làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.



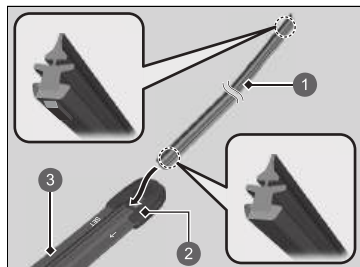
- ❶ Lưới Gạt Nước
- ❷ Nắp Chặn ở phía dưới

- 3. Kéo đầu lưới gạt nước theo hướng mũi tên trong hình cho đến khi nó ra khỏi nắp chặn của giá đỡ.



- ❶ Lưới Gạt Nước
- ❷ Giá Đỡ

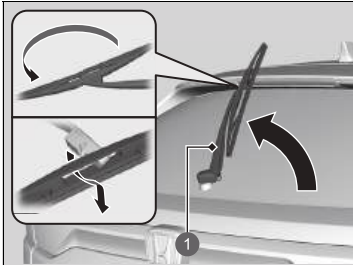
- 4. Kéo lưới gạt nước theo hướng ngược lại để trượt ra khỏi giá đỡ.



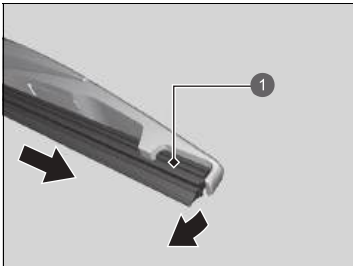
- ❶ Lưới Gạt Nước
- ❷ Nắp
- ❸ Giá Đỡ

- 5. Lắp mặt phẳng của lưới gạt nước mới vào phần dưới của giá đỡ. Lắp lưới gạt mới vào hoàn toàn.
- 6. Lắp đầu lưới gạt nước vào trong nắp chặn.
- 7. Trượt giá đỡ vào cần gạt cho tới khi khóa vào đúng vị trí.
- 8. Hạ cần gạt nước bên hành khách trước, sau đó hạ cần gạt bên lái.

Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Sau



① Cản Gạt Nước



① Lưỡi Gạt Nước

1. Nâng cản gạt nước lên.
2. Xoay đầu dưới của lưỡi gạt nước lên cho đến khi nó ra khỏi cản gạt nước.

3. Trượt lưỡi gạt ra khỏi cản gạt nước.

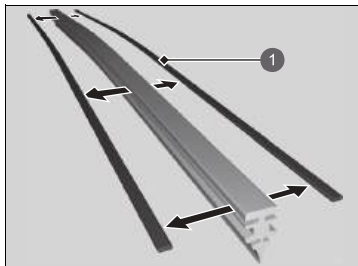
► Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Sau

LƯU Ý

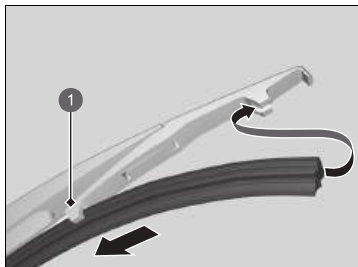
Không cố nhấc mạnh cản gạt nước lên.
Cản gạt nước có thể bị hỏng nếu bị nâng quá cao.

LƯU Ý

Không thả mạnh cản gạt nước để tránh làm hỏng cửa kính sau.



① Thanh Giữ



① Giá Đỡ

4. Tháo thanh giữ ra khỏi lưỡi gạt nước và lắp cao su lưỡi gạt nước mới.

5. Trượt lưỡi gạt nước mới vào trong giá đỡ.

► Đảm bảo chúng ăn khớp, sau đó lắp cụm lưỡi gạt nước vào cần gạt nước.

Kiểm Tra Lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp cùng chủng loại và kích cỡ, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp và áp suất lốp đúng tiêu chuẩn.

■ Hướng dẫn bơm lốp

Áp suất lốp phù hợp sẽ giúp điều khiển xe dễ dàng, thuận tiện hơn và nâng cao tuổi thọ lốp. Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất lốp quy định.

Lốp quá non sẽ bị mòn không đều, làm ảnh hưởng đến việc điều khiển xe, tiết kiệm nhiên liệu và lốp dễ bị hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp quá căng sẽ gây khó lái, lốp dễ bị hỏng hơn khi đụng phải chướng ngại vật trên đường và làm lốp bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy để ý từng lốp. Nếu một lốp trông có vẻ thấp hơn các lốp kia, hãy kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp.

Ít nhất mỗi tháng một lần hoặc trước mỗi chuyến đi xa, hãy đo áp suất ở các lốp xe bao gồm cả lốp dự phòng* bằng đồng hồ đo áp suất lốp. Ngay cả lốp ở tình trạng tốt vẫn có thể giảm áp suất từ 10–20 kPa (0,1–0,2 bar, 1–2 psi) mỗi tháng.

■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van.

Hãy kiểm tra:

- Chỗ phình hoặc vết lõm ở thành lốp hoặc trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn ở thành lốp. Thay lốp nếu thấy lốp mòn đến lớp vải hoặc lớp thép.
- Loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ hơi lốp.
- Nếu độ mòn lốp không đều, hãy mang xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Xem lốp mòn quá không.

📌 **Vạch Báo Độ Mòn Lốp** Tr. 600

- Các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

❏ Kiểm Tra Lốp

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về bơm lốp và thay lốp.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội. Điều này nghĩa là đo áp suất khi đã đỗ xe được ít nhất ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km. Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xì bớt hơi cho đến khi đạt áp suất quy định.

Nếu kiểm tra lốp khi trời nóng, áp suất lốp có thể cao hơn 30–40 kPa (0,3–0,4 bar, 4–6 psi) so với kiểm tra khi trời lạnh.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

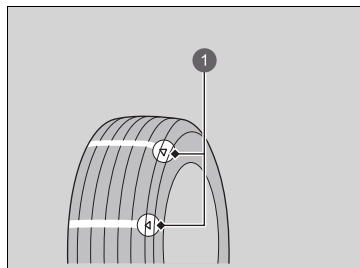
❏ **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp***
Tr. 435

Loại xe có TPMS

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh TPMS.

❏ **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 431

Vạch Báo Độ Mòn Lốp



1 Minh Họa Vạch Báo Độ Mòn Lốp

Rãnh lốp là nơi có vạch báo độ mòn lốp, nông hơn khoảng 1,6 mm so với các vị trí khác trên lốp. Nếu gân lốp bị mòn sẽ làm cho vạch báo độ mòn lộ ra ngoài, hãy thay lốp xe ngay.

Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.

►► Kiểm Tra Lốp

Hãy đến đại lý kiểm tra lốp xe nếu bạn cảm thấy rung lắc liên tục khi lái xe. Lốp mới và bất kỳ lốp nào đã được tháo và lắp lại phải được cân chỉnh đúng cách.

Tuổi Thọ Lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm thói quen lái xe, điều kiện đường xá, tải trọng xe, áp suất lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp, bạn nên kiểm tra lốp hàng năm sau 5 năm sử dụng lốp. Tất cả lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng*, cần phải được thay sau 10 năm tính từ ngày sản xuất, bất kể điều kiện và độ mòn lốp lúc đó như thế nào.

Thay Lốp và Bánh Xe

Thay lốp xe mới có cùng kích cỡ, giới hạn tải, giới hạn tốc độ và định mức áp suất lốp nguội tối đa (được ghi ở thành lốp). Sử dụng lốp không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo sẽ làm cho một số hệ thống của xe như hệ thống ABS và Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) hoạt động kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể thay cả bốn lốp cùng một lúc, hãy thay hai lốp trước cùng lúc hoặc hai lốp sau cùng lúc.

Đảm bảo các thông số kỹ thuật bánh xe mới giống với bánh xe ban đầu.

► Thay Lốp và Bánh Xe

⚠ CẢNH BÁO

Lắp lốp không cùng chủng loại và kích cỡ có thể ảnh hưởng đến việc điều khiển xe và độ ổn định của xe. Điều này có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

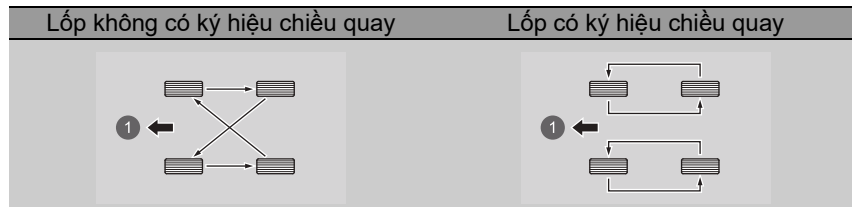
Luôn sử dụng lốp xe có cùng chủng loại và kích cỡ như trên nhãn thông tin lốp xe dán trên xe.

Đảo Lốp

Đảo lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mòn và gia tăng tuổi thọ lốp.

■ Mô Hình Đảo Lốp Xe

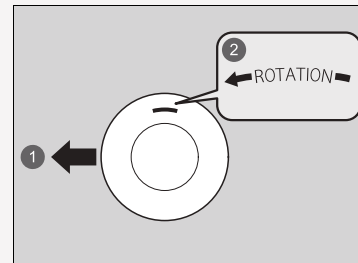
Đảo lốp như hình minh họa dưới đây.



① Phía Trước

►► Đảo Lốp

Lốp xe loại gân lốp một chiều chỉ được đảo từ trước ra sau (không đảo từ bên này sang bên kia). Lốp xe loại này phải được lắp với ký hiệu chiều quay hướng về phía trước như hình minh họa dưới đây.



① Phía Trước

② Ký Hiệu Chiều Quay

Khi đảo lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Mỗi khi đảo lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

► **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp***
Tr. 435

Loại xe có TPMS

Mỗi khi đảo lốp, bạn phải hiệu chỉnh TPMS.

► **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 431

Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ

Đảo lốp, bao gồm cả lốp dự phòng, như hình minh họa dưới đây.

Loại Vô Lăng	Lốp không có ký hiệu chiều quay	Lốp có ký hiệu chiều quay
Vô Lăng Bên Phải		
Vô Lăng Bên Trái		

1 Phía Trước

►► Đảo Lốp

Lực siết đai ốc bánh xe cho lốp được trang bị tiêu chuẩn cho xe của bạn như sau.

Lực siết đai ốc bánh xe:

108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

Thiết Bị Bám Đường Tuyết

Nếu lái xe trên đường tuyết hoặc băng, cần lắp lốp mùa đông hoặc xích bọc lốp; giảm tốc độ; và duy trì khoảng cách phù hợp với xe khác khi lái.

Đặc biệt chú ý khi vận hành vô lăng hoặc phanh để không bị trơn trượt.

Sử dụng xích bọc lốp, lốp mùa đông, hoặc lốp dùng cho cả bốn mùa theo quy định của pháp luật.

Khi lắp, chú ý các điểm sau.

Đối với lốp mùa đông:

- Chọn các lốp có kích cỡ và giới hạn tải giống như các lốp ban đầu.
- Lắp lốp cho tất cả bốn bánh.

Đối với xích bọc lốp:

- Liên hệ với đại lý trước khi mua bất kỳ loại xích nào cho xe của bạn.
- Chỉ lắp xích bọc lốp cho lốp trước.
- Vì xe của bạn có giới hạn bề mặt lốp, bạn nên sử dụng các loại xích sau:

Loại xe Australia và Fiji

Kích Cỡ Lốp Ban Đầu ^{*1}	Loại Xích
225/50R18	RUD innove8 HYBRID 4718376

*1: Kích thước lốp ban đầu có trên nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.

Tất cả các loại xe

- Làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích khi lắp. Lắp càng chặt càng tốt.
- Đảm bảo xích không chạm vào dây phanh hoặc hệ thống treo.
- Lái chậm.

► Thiết Bị Bám Đường Tuyết

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng sai xích bọc lốp, hoặc lắp xích không đúng cách có thể làm hỏng các dây phanh, dẫn đến va chạm gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng nà về việc lựa chọn và sử dụng xích bọc lốp.

LƯU Ý

Sử dụng thiết bị bám đường sai kích cỡ hoặc lắp không đúng cách có thể làm hỏng dây phanh, hệ thống treo, thân xe và bánh xe. Dừng xe nếu các thiết bị này chạm vào bất cứ bộ phận nào của xe.

Khi lắp xích bọc lốp, làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích liên quan đến giới hạn hoạt động của xe.

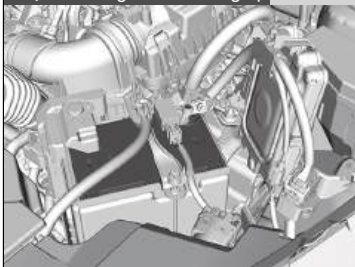
Chỉ dùng xích bọc lốp trong trường hợp khẩn cấp hoặc ở khu vực nhất định theo quy định của pháp luật.

Bạn cần chú ý hơn khi lái xe có xích bọc lốp trên đường tuyết hoặc băng. Xích bọc lốp làm hạn chế thao tác xử lý tình huống so với lốp mùa đông không có xích bọc lốp.

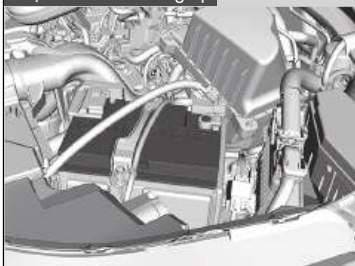
Nếu xe của bạn được trang bị lốp dùng cho mùa hè, thì cần lưu ý loại lốp này không thích hợp trong điều kiện thời tiết mùa đông. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với đại lý.

Kiểm Tra Ắc Quy

Loại xe không có tu-bô tăng áp



Loại xe có tu-bô tăng áp



Nếu ắc quy bị ngắt kết nối hoặc hết điện:

- Đồng hồ được thiết lập lại.

➡ Đồng Hồ Tr. 176

➡ Cài Đặt Đồng Hồ Tr. 306

Tình trạng ắc quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm của ắc quy. Nếu cảm biến này có sự cố, màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ hiển thị thông báo cảnh báo. Nếu điều này xảy ra, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Kiểm tra ăn mòn các cực ắc quy hàng tháng.

Ắc Quy

⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc ngọn lửa có thể làm nổ ắc quy gây tử vong hoặc chấn thương nặng.

Không để ắc quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc quy.

⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn cao và rất độc hại.

Để chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ khi làm việc hoặc đứng gần ắc quy.

Nuốt chất điện phân có thể gây tử vong nếu không được xử lý kịp thời.

ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM

►► Ấc Quy

Phương Pháp Sơ Cứu Khẩn Cấp

Mắt: Rửa sạch bằng nước lấy từ cốc hoặc thùng chứa khác trong khoảng ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi ngay cho bác sĩ.

Da: Thay quần áo bị dính axit. Rửa sạch da bằng nhiều nước. Gọi ngay cho bác sĩ.

Nuốt phải: Uống nước hoặc sữa. Gọi ngay cho bác sĩ.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, lau sạch các cực ắc quy bằng dung dịch bột nở và nước. Lau sạch các cực bằng khăn ẩm. Dùng vải/khăn mềm lau khô ắc quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ắc quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ắc quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.

Tham khảo ý kiến đại lý để biết thêm thông tin.

Loại xe có chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời

Ắc quy lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có chức năng Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.

Không sử dụng đúng loại ắc quy quy định sẽ làm giảm tuổi thọ của ắc quy và làm Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời không hoạt động. Nếu bạn cần thay ắc quy, đảm bảo chọn đúng loại và kích thước quy định. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

► **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 694

Nạp Ác Quy

Tháo cả hai cáp ác quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn tháo cáp (-) âm trước và nối lại cáp này sau cùng.

Loại xe có Cập Nhật Hệ Thống

Nếu tháo cáp ác quy trong khi đang cập nhật hệ thống, hệ thống điện có thể bị hỏng vĩnh viễn. Chỉ tháo cáp ác quy khi không thực hiện cập nhật hệ thống.

Ác Quy

Các đèn báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp*, hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), hệ thống Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)*, Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp*, và Áp Suất Lốp Thấp/TPMS* có thể sáng cùng với thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn sang BẬT sau khi nối lại ác quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Nhãn Ắc Quy*



» Nhân Ắc Quy*

NGUY HIỂM

- Để ắc quy tránh xa ngọn lửa và tia lửa. Ắc quy sinh ra khí nổ có thể gây nổ.
- Đeo kính và găng tay cao su khi xử lý ắc quy để tránh nguy cơ bị bỏng hoặc mất thị lực nếu tiếp xúc với chất điện phân của ắc quy.
- Không cho trẻ em chạm vào ắc quy trong bất kỳ trường hợp nào. Đảm bảo bất kỳ ai xử lý ắc quy đều hiểu rõ các mối nguy hiểm và có quy trình xử lý đúng.
- Đặc biệt cẩn thận khi xử lý chất điện phân của ắc quy vì có chứa axit sunfuric loãng. Tiếp xúc với mắt hoặc da có thể gây bỏng hoặc mất thị lực.
- Đọc kỹ và hiểu rõ hướng dẫn này trước khi xử lý ắc quy. Nếu không có thể gây chấn thương và hư hỏng xe.
- Không sử dụng ắc quy nếu mức điện phân ở mức hoặc thấp hơn mức khuyến nghị. Sử dụng ắc quy có mức điện phân thấp có thể khiến ắc quy phát nổ, gây chấn thương nặng.

Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Khi ấn nút mà không thấy đèn sáng, phải thay pin chìa khóa điều khiển từ xa.



Loại Pin: CR2032

1. Tháo chìa khóa tích hợp.



2. Đặt mặt có các nút hướng xuống dưới, tháo nửa trên của vỏ chìa khóa bằng cách cạy cẩn thận khe phía trên bằng tay cầm chìa khóa.

► Bọc tay cầm chìa khóa bằng một miếng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

⚠ ⚠ CẢNH BÁO

NGUY HIỂM BỎNG HÓA CHẤT

Nếu nuốt phải pin cấp điện cho chìa khóa điều khiển từ xa thì có thể gây bỏng nặng bên trong cơ thể và thậm chí có thể dẫn đến tử vong.

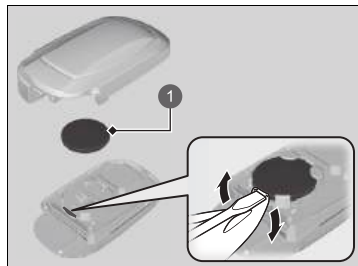
Đổi pin mới và pin đã sử dụng tránh xa trẻ em. Nếu trẻ nuốt phải, cần đưa trẻ đến ngay sở y tế để được can thiệp kịp thời.

CHÚ Ý: Thay pin không đúng cách có thể gây cháy nổ. Chỉ thay pin cùng loại hoặc tương đương.

CHÚ Ý: Không để pin ở nhiệt độ quá cao như dưới ánh nắng mặt trời, lửa hoặc những thứ tương tự để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy trong quá trình sử dụng, bảo quản hoặc vận chuyển.

CHÚ Ý: Không vứt pin vào lửa hoặc lò nung nóng, hoặc không nghiền hoặc cắt pin bằng máy móc, vì có thể dẫn đến cháy nổ.

CHÚ Ý: Không để pin ở độ cao với áp suất không khí cực thấp để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.



1 Pin

3. Dùng tua-vít đầu dẹt cạy vào mép pin để tháo pin. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.

► Bọc đầu tua-vít bằng một miếng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

► Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

LƯU Ý

Thải bỏ pin không đúng cách sẽ gây hại cho môi trường. Luôn tìm hiểu quy định của địa phương trước khi thải bỏ pin.

Dấu cảnh báo ở gần pin cúc áo*.

Thay pin có bán trên thị trường hoặc pin ở đại lý.

Theo Tiêu Chuẩn Australia;

⚠ CẢNH BÁO

- Pin cấp nguồn cho chìa khóa điều khiển từ xa rất nguy hiểm - để pin mới và pin đã qua sử dụng tránh xa trẻ em.
- Nếu nuốt phải hoặc nhét pin cúc áo/đồng xu Lithium vào bên trong bất kỳ bộ phận nào của cơ thể đều có thể khiến người đó bị thương nặng hoặc tử vong trong vòng từ 2 giờ trở xuống.
- Đến ngay cơ sở y tế nếu nghi ngờ đã nuốt phải hoặc nhét pin vào bên trong bất kỳ bộ phận nào của cơ thể.

Điều Hòa Không Khí*

Để hệ thống điều khiển nhiệt độ hoạt động đúng cách và an toàn, chỉ để kỹ thuật viên có tay nghề bảo dưỡng hệ thống môi chất lạnh.

Không sửa chữa hoặc thay thế dàn lạnh điều hòa không khí (cuộn làm mát) bằng dàn lạnh được lấy từ xe cũ hoặc xe đã hư hỏng nặng.

» Bảo Dưỡng Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ

LƯU Ý

Môi chất lạnh thoát ra ngoài có hại cho môi trường. Để ngăn môi chất lạnh thoát ra ngoài, không được thay dàn lạnh bằng dàn lạnh được lấy từ xe cũ hoặc xe đã hư hỏng nặng.

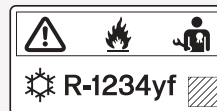
Môi chất lạnh trong hệ thống điều hòa không khí của xe bạn dễ cháy và có thể bốc cháy trong quá trình bảo dưỡng nếu không tuân theo đúng quy trình.

Nhấn máy điều hòa không khí nằm dưới nắp ca-pô:

➤ **Nhãn An Toàn** Tr. 104

➤ **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 694

Loại xe Australia và Fiji

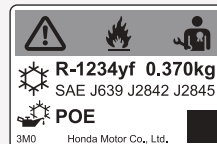


⚠ : Lưu Ý

🔥 : Môi Chất Lạnh Dễ Cháy

👤 : Yêu cầu kỹ thuật viên có tay nghề bảo dưỡng

Loại xe Singapore



☀ : Hệ Thống Điều Hòa Không Khí

👤 : Loại Chất Bôi Trơn Hệ Thống Điều Hòa Không Khí

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

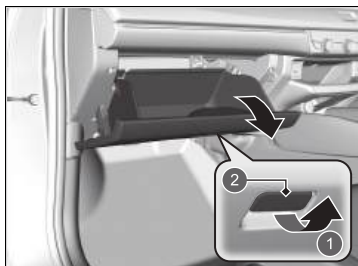
Lọc Gió Điều Hoà

■ Thời Điểm Nên Thay Lọc Gió Điều Hoà

Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng được khuyến nghị cho xe của bạn. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

► **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 563

■ Cách Thay Lọc Gió Điều Hoà



- ❶ Kéo
- ❷ Tay Nắm

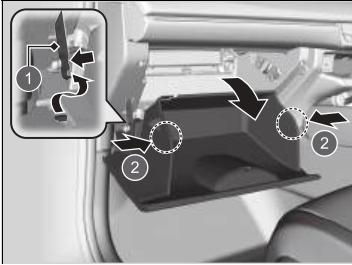
1. Mở hộp đựng đồ.

►► Lọc Gió Điều Hoà

Nếu luồng khí từ hệ thống điều khiển nhiệt độ bị giảm đáng kể, và cửa kính nhanh bị đọng sương, đó là lúc cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

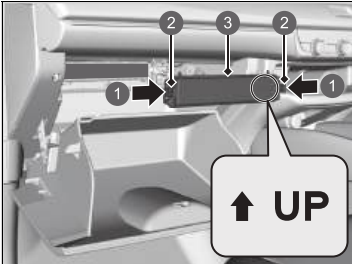
Lọc gió điều hoà có tác dụng hút bụi, phấn hoa và các mảnh vụn nhỏ khác trong không khí.

Nếu bạn không biết thay lọc gió điều hoà, hãy mang xe đến đại lý để thay.



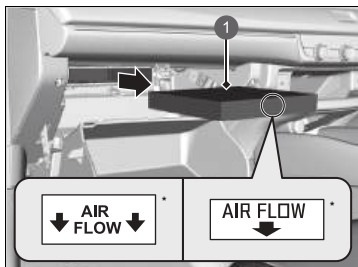
- ① Cần Giữ
- ② Vấu

- 2. Đẩy cần giữ của hộp đựng đồ phía hành khách để tháo ra khỏi hộp đựng đồ.
- 3. Ấn hai bên tấm ốp để tháo hai vấu.
- 4. Xoay hộp đựng đồ ra khỏi vị trí.



- ① Ấn
- ② Vấu
- ③ Vỏ

- 5. Ấn vào các vấu ở các góc của vỏ hộp lọc gió điều hoà, rồi tháo ra.



❶ Lọc Gió Điều Hoà

6. Tháo lọc gió ra khỏi hộp.

7. Lắp lọc gió mới vào hộp.

► Đặt mũi tên **AIR FLOW** (LUỒNG GIÓ) hướng xuống dưới.

Vệ Sinh Nội Thất

Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng khăn lau.

Dùng khăn ẩm thấm hỗn hợp chất tẩy rửa nhẹ và nước ấm để lau sạch bụi bẩn.

Dùng khăn sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

■ Vệ Sinh Dây Đai An Toàn

Dùng bài chải mềm với hỗn hợp xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn. Để dây đai an toàn tự khô. Dùng khăn sạch lau sạch các móc luôn dây đai an toàn.



❶ Móc luôn dây đai

▣ Vệ Sinh Nội Thất

Không làm đổ chất lỏng bên trong xe. Các thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào.

Không xịt chất thơm có silicon lên các thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc. Làm như vậy có thể khiến các thiết bị hỏng hoặc gây cháy bên trong xe.

Nếu không may để chất thơm có silicon bám vào các thiết bị điện, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần, các hóa chất và chất thơm dạng lỏng có thể làm các thiết bị nhựa và bọc vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt. Không dùng dung môi alkali hoặc dung môi hữu cơ như benzene hoặc xăng.

Sau khi sử dụng hóa chất, dùng giẻ khô lau lại thật kỹ.

Không để giẻ bẩn lên các thiết bị nhựa hoặc bọc vải trong thời gian dài.

Chú ý không làm đổ chất thơm dạng lỏng ra xe.

■ Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau.

■ Kính Chống Tia Siêu UV/Tia IR*

Cửa kính bên phía trước được dán phim chống tia UV và/hoặc tia IR. Đảm bảo dùng khăn mềm ẩm để lau mặt bên trong cửa kính.

■ Kính cửa sổ trời toàn cảnh*

Mặt bên trong của kính có lớp phủ phản xạ nhiệt. Lau bằng vải mềm thấm nước lạnh hoặc nước ẩm.

►► Vệ Sinh Cửa Kính

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau. Dùng giẻ mềm để lau cửa kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.

Cẩn thận không làm tràn các chất lỏng như nước hoặc nước rửa kính lên trên hoặc xung quanh nắp của các bộ phận điện* xung quanh gương chiếu hậu.

Loại xe có Kính Chống Tia Siêu UV/Tia IR

Để đảm bảo độ bền của phim chống tia UV và/hoặc tia IR, hãy tránh:

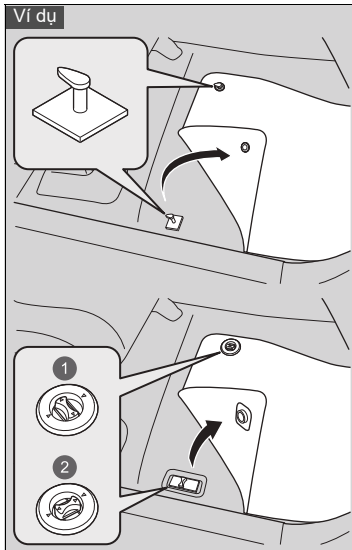
- Mở và đóng cửa kính bám nhiều bụi bẩn và các mảnh vụn khác.
- Sử dụng nước rửa kính có chứa hợp chất đánh bóng, sáp hoặc chất tẩy rửa.

Loại xe có cửa sổ trời toàn cảnh

Để đảm bảo độ bền của lớp phủ phản xạ nhiệt, hãy tránh:

- Sử dụng nước rửa kính, sáp hoặc chất tẩy rửa có chứa bột hoặc hợp chất đánh bóng.

Thảm Lót Sàn



- ① Mở Khóa
- ② Khóa

Thảm lót sàn phía người lái được móc vào móc neo trên sàn xe để giữ thảm không bị trượt về phía trước.

Không đặt thêm thảm lót sàn lên trên thảm đã được móc cố định.

Thảm Lót Sàn

Nếu bạn không sử dụng thảm lót sàn kèm theo xe, đảm bảo phải sử dụng loại thảm dành riêng cho loại xe của bạn, vừa vặn với xe và được móc chắc chắn vào móc neo sàn xe.

Cố định thảm lót sàn ghế sau đúng vị trí. Nếu không được cố định đúng vị trí, thảm lót sàn có thể ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

■ Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Để vệ sinh đồ da đúng cách:

1. Trước tiên, dùng máy hút bụi hoặc khăn khô mềm để lau sạch bụi hoặc vết bẩn.
2. Làm sạch đồ da bằng vải mềm thấm dung dịch có tỷ lệ 90% nước và 10% xà phòng trung tính.
3. Dùng khăn ẩm sạch lau sạch hết xà phòng còn sót lại.
4. Lau sạch nước còn sót lại và để đồ da khô tự nhiên trong bóng râm.

► Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn hoặc bụi càng nhanh càng tốt. Nước tràn ra ngấm vào lớp da có thể gây ố. Vết bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo tối màu có thể chà xát vào ghế da, làm đổi màu hoặc làm ố da.

Vệ Sinh Ngoại Thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe. Thường xuyên kiểm tra xem có vết xước trên bề mặt sơn không. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

Rửa Xe

Rửa xe thường xuyên. Rửa xe thường xuyên hơn nữa trong các điều kiện sau:

- Nếu lái trên đường có muối.
- Nếu lái trên đường bờ biển.
- Nếu nhựa đường, nhớt bôi, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

Sử Dụng Máy Rửa Xe Tự động

- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Cúp các gương cửa.
- Đối với loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động, hãy tắt cần gạt nước.

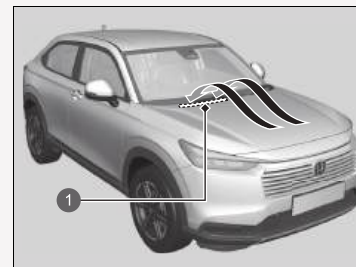
Sử Dụng Máy Rửa Xe Áp Suất Cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh các cửa kính. Đứng quá gần có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Thay vào đó, sử dụng nước áp suất thấp và chất tẩy trung tính.
- Không phun nước trực tiếp lên camera* hoặc khu vực xung quanh camera. Nước có thể lọt vào thấu kính và khiến camera gặp sự cố.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Rửa Xe

Không được phun nước vào các lỗ thông hơi để tránh xảy ra sự cố.



1 Lỗ Thông Hơi

Nếu có nước và bất kỳ hóa chất nào bám trên phanh khi đang rửa xe, hãy lái xe một đoạn ngắn và nhấn phanh nhiều lần trước khi đỗ xe. Đỗ xe khi phanh còn ướt có thể khiến phanh bị gỉ sét.

■ Phủ Sáp

Một lớp sáp tốt phủ ngoài thân xe sẽ giúp bảo vệ lớp sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Sáp sẽ bị mòn theo thời gian và làm lộ ra lớp sơn xe, vì vậy hãy phủ lại sáp khi cần thiết.

■ Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Phủ Nhựa Khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, nước làm mát động cơ hoặc dung dịch ắc quy lên các bộ phận phủ nhựa có thể làm các bộ phận này mất màu hoặc bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch những bộ phận này.

■ Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

■ Vệ Sinh Bánh Xe Vành Nhôm

Vành nhôm dễ bị hỏng do muối và các chất bẩn khác trên đường. Khi cần, hãy dùng miếng xốp và chất tẩy rửa trung tính để lau sạch vành nhôm càng sớm càng tốt. Không dùng chổi cứng hoặc các chất tẩy rửa mạnh (kể cả một số loại dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp mạ nhôm trên vành nhôm, khiến vành nhôm bị ăn mòn. Tùy vào loại sơn phủ mà vành bánh xe có thể mất đi độ sáng bóng hoặc bị trầy xước. Để tránh bị gỉ do nước, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi còn ướt.

» Phủ Sáp

LƯU Ý

Dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, kim loại, và nhựa trên xe. Lau sạch ngay nếu có.

» Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Phủ Nhựa Khác

Liên hệ với đại lý về vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận phủ nhựa.

■ Chóa Đèn Bên Ngoài Bị Mờ

Các chóa bên trong của đèn ngoài xe (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong chóa đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong chóa đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là hiện tượng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn ngoài xe.

Đặc tính thiết kế của chóa đèn có thể làm tăng độ ẩm trên bề mặt khung của chóa đèn. Đây cũng không phải là sự cố.

Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong chóa đèn, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Phụ Kiện

Khi lắp phụ kiện, chú ý các mục sau:

- Không lắp phụ kiện lên kính chắn gió. Chúng có thể cản trở tầm nhìn của bạn và có thể khiến bạn không kịp phản ứng với các điều kiện lái.
- Không lắp bất kỳ phụ kiện nào ngoại trừ Phụ Kiện Chính Hãng Honda dành riêng cho xe của bạn lên các khu vực được đánh dấu **SRS AIRBAG** (TÚI KHÍ SRS), lên cạnh hoặc lưng ghế trước, lên các trụ trước hoặc trụ bên, hoặc gần các cửa kính bên.

Lắp các phụ kiện không phải là Phụ Kiện Chính Hãng Honda dành riêng cho xe của bạn lên những chỗ này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí bung.

- Đảm bảo các phụ kiện điện tử không làm quá tải mạch điện hoặc không làm cản trở hoạt động bình thường của xe.

➡ **Cần Chi** Tr. 676

- Trước khi lắp bất cứ phụ kiện điện tử nào, người lắp đặt phải liên lạc với đại lý để hỗ trợ. Nếu có thể, yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.

Phụ Kiện và Điều Chỉnh

⚠ CẢNH BÁO

Điều chỉnh hoặc lắp thêm phụ kiện không phù hợp có thể làm ảnh hưởng đến khả năng xử lý, độ ổn định và hiệu suất của xe, gây va chạm khiến bạn bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về phụ kiện và điều chỉnh.

Khi được lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo, máy bộ đàm, ăng ten radio và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và hệ thống chống bó cứng phanh.

Nên dùng Phụ Kiện Chính Hãng Honda để đảm bảo cho xe hoạt động tốt.

Một số Phụ Kiện Chính Hãng Honda có sách hướng dẫn sử dụng kèm theo về cách vận hành và bảo dưỡng chi tiết của phụ kiện đó. Nếu có sách hướng dẫn sử dụng phụ kiện kèm theo, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng đó để biết đầy đủ thông tin chi tiết.

Nếu bất kỳ Phụ Kiện Chính Hãng Honda nào không hoạt động được, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng phụ kiện kèm theo (nếu có) hoặc hỏi ý kiến đại lý để được hỗ trợ xử lý sự cố.

Điều Chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp sẽ ảnh hưởng đến khả năng xử lý, độ ổn định và chắc chắn của xe, hoặc lắp phụ tùng hoặc phụ kiện không chính hãng Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự.

Ngay cả những điều chỉnh nhỏ trong hệ thống xe cũng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động tổng thể của xe.

Luôn đảm bảo lắp đặt và bảo dưỡng đúng cách tất cả các thiết bị trên xe, không điều chỉnh xe hoặc các hệ thống của xe khi việc điều chỉnh đó vi phạm các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Cổng chẩn đoán trên xe (đầu nối OBD-II/SAE J1962) được lắp trên xe để sử dụng với các thiết bị chẩn đoán hệ thống ô tô hoặc với các thiết bị khác được Honda phê duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại thiết bị nào khác có thể ảnh hưởng hoặc làm hỏng các hệ thống điện tử của xe, làm hệ thống gặp sự cố như hết điện ắc quy, hoặc các sự cố không mong muốn khác.

Không điều chỉnh hoặc cố gắng sửa bất kỳ thiết bị điện tử nào.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

Chương này đề cập đến các cách xử lý các tình huống bất ngờ.

Dụng Cụ	
Loại Dụng Cụ.....	626
Nếu Lốp Xe Bị Xẹp	
Thay Lốp Xẹp.....	628
Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp.....	639
Khi Nâng Xe Bằng Kịch	653
Động Cơ Không Khởi Động	
Kiểm Tra Động Cơ.....	657
Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu.....	659
Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp.....	660
Dừng Động Cơ Khẩn Cấp.....	661
Nếu Ác Quy Chết	662
Không Gạt Được Cần Số	665

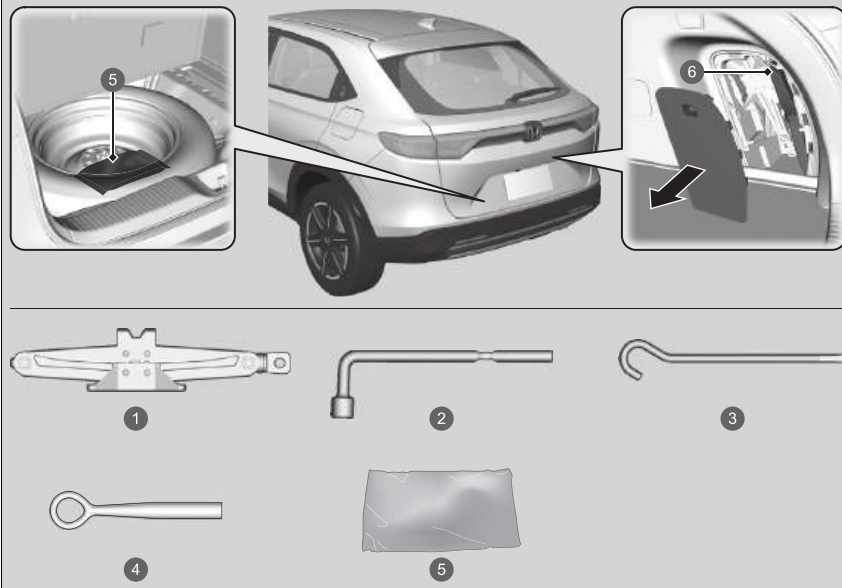
Quá Nhiệt	
Cách Xử Lý Quá Nhiệt.....	666
Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy	
Nếu Cảnh Báo Engine Oil Pressure Low ^{1/} Engine oil pressure low ² (Áp suất dầu thấp) Xuất Hiện.....	669
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng.....	669
Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy.....	670
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy.....	671
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng.....	672
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn	

Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hở Phách) Sáng.....	673
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp Sáng hoặc Nhấp Nháy.....	674
Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy.....	675
Cầu Chì	
Vị Trí Cầu Chì.....	676
Kiểm Tra và Thay Cầu Chì.....	684
Kéo Xe Khẩn Cấp	685
Nếu Bạn Không Thể Mở Được Cửa Hậu	686
Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*	688

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Loại Dụng Cụ

Loại xe có lớp dự phòng

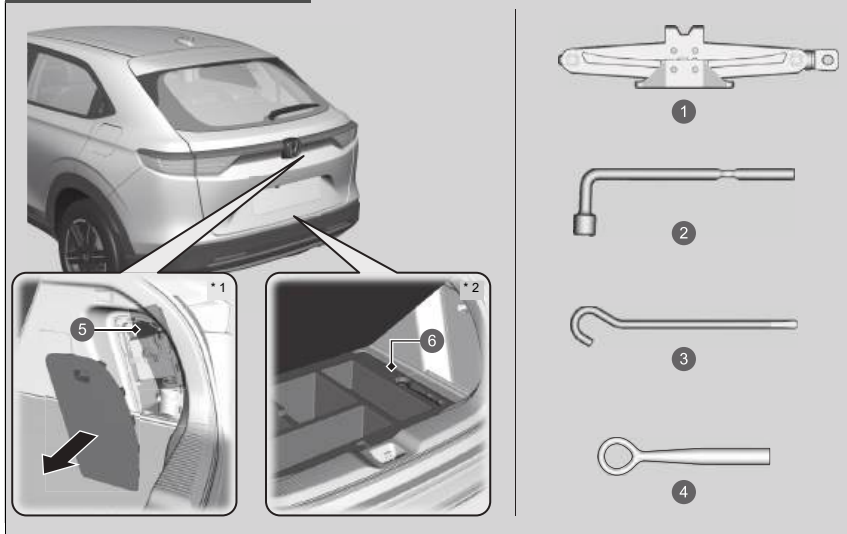


- ① Kịch
- ② Cờ Lê Vận Đai Ốc Bánh Xe/Tay Kịch
- ③ Thanh Nối Tay Kịch
- ④ Móc Kéo Có Thẻ Tháo Rời
- ⑤ Túi Dựng*
- ⑥ Túi Dụng Cụ

Loại Dụng Cụ

Dụng cụ được cất trong khoang hành lý.

Loại xe có dụng cụ và lớp khăn cấp



- ❶ Kịch*
- ❷ Cờ Lê Vận Đai Ốc Bánh Xe/Tay Kịch*
- ❸ Thanh Nổi Tay Kịch*
- ❹ Móc Kéo Có Thẻ Tháo Rời
- ❺ Túi Dụng Cụ*
- ❻ Hộp Dụng Cụ

*1 : Loại xe có túi dụng cụ

*2 : Loại xe không có túi dụng cụ

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Nếu Lốp Xe Bị Xẹp

Loại xe có lốp dự phòng

Thay Lốp Xẹp

Nếu lốp xe bị xẹp trong khi lái xe, giữ chắc vô lăng và nhấn phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, dừng xe ở nơi an toàn. Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng cỡ nhỏ/lốp dự phòng cùng kích cỡ*. Mang xe đến đại lý càng sớm càng tốt để sửa hoặc thay lốp thông thường.

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.
2. Sang số **P**.
3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Thay Lốp Xẹp

Tuân theo các lưu ý sau đối với lốp dự phòng cỡ nhỏ*:

Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng cỡ nhỏ.
Áp suất lốp phải đạt mức quy định.

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 694

Khi lái xe với lốp dự phòng cỡ nhỏ, cần duy trì tốc độ lái dưới 80 km/h. Thay bằng lốp thông thường càng sớm càng tốt.

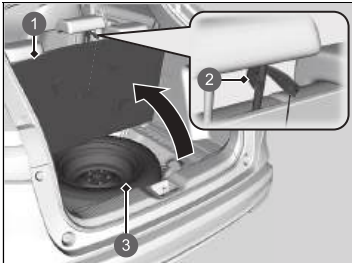
Lốp dự phòng cỡ nhỏ và bánh xe trên xe bạn là dành riêng cho loại xe này. Không sử dụng cho xe khác. Không sử dụng lốp dự phòng cỡ nhỏ hoặc bánh xe loại khác cho xe bạn.

Không lắp xích bọc lốp vào lốp dự phòng cỡ nhỏ. Nếu lốp trước có gắn xích bị xẹp, hãy tháo một trong các lốp sau cùng kích cỡ và lấy lốp dự phòng cỡ nhỏ thay cho chiếc lốp sau vừa tháo. Tháo lốp trước bị xẹp và thay bằng lốp sau cùng kích cỡ vừa tháo. Sau đó, gắn xích bọc lốp vào lốp trước.

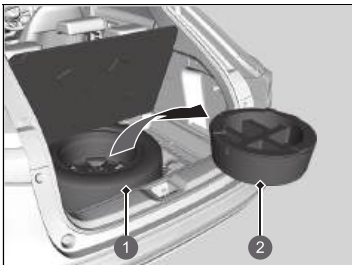
Dùng lốp dự phòng cỡ nhỏ sẽ làm xe đi gằn hơn và làm giảm độ bám đường của xe. Bạn cần lái xe cẩn thận hơn.

Lốp dự phòng cỡ nhỏ có kích cỡ nhỏ hơn lốp thông thường. Khoảng sáng gầm xe sẽ thấp hơn khi lắp lốp dự phòng cỡ nhỏ. Lái xe qua những đoạn đường nhiều mảnh vỡ hoặc có gờ giảm tốc có thể làm hư hỏng gầm xe.

■ Chuẩn Bị Thay Lốp Xẹp



- ❶ Nắp Sàn
- ❷ Móc
- ❸ Lốp Dự Phòng



- ❶ Lốp Dự Phòng
- ❷ Miếng Đệm*

1. Mở nắp sàn khoang hành lý.

► Để giữ nắp sàn mở, dùng móc để móc vào một chân của tựa đầu giữa phía sau.

Loại xe có miếng đệm

2. Lấy miếng đệm ra khỏi khoang hành lý.

Tất cả các loại xe

3. Tháo bu lông tai và tháo đệm côn. Sau đó, tháo lốp dự phòng.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

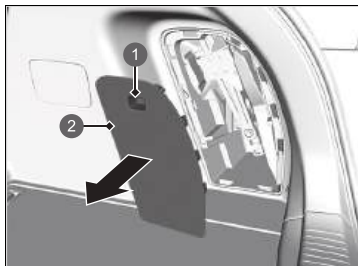
►► Thay Lốp Xẹp

CẢNH BÁO: Chỉ sử dụng kích để hỗ trợ xe bị hỏng khẩn cấp, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hoặc bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường nào khác.

LƯU Ý

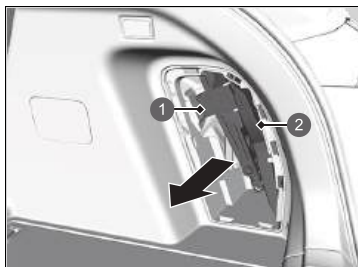
Không dùng kích nếu kích không hoạt động tốt. Hãy gọi đại lý hoặc dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

Không lắp nhiều hơn một lốp dự phòng cỡ nhỏ cùng một lúc.



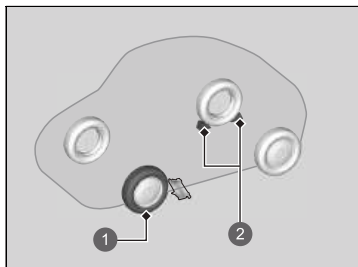
- ① Vấu
- ② Nắp

4. Kéo vấu để mở nắp ngăn nằm bên phải của khoang hành lý.



- ① Kích
- ② Túi Dụng Cụ

5. Lấy kích và túi dụng cụ ra khỏi ngăn.
6. Lấy cờ lê vặn đai ốc bánh xe và thanh nổi tay kích ra khỏi túi dụng cụ.



❶ Lốp cần thay.

❷ Khối Chèn Bánh Xe



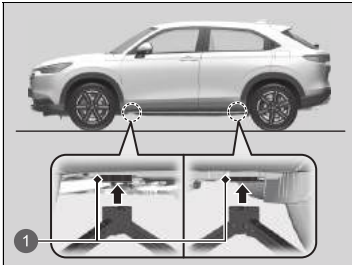
7. Chèn khối chèn bánh xe hoặc chèn hòn đá vào phía trước và phía sau của bánh chéo với bánh xe cần thay.

8. Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) bên dưới thân xe, gần lốp cần thay.



- 9.** Dùng cờ lê vặn đai ốc bánh xe xoay một vòng để nới lỏng đai ốc bánh xe.

■ Cách Lắp Kịch



① Điểm Kê



① Điểm Kê

1. Đặt kịch bên dưới điểm kê gần nhất với lốp cần thay.

2. Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình minh họa cho đến khi đầu kịch chạm vào điểm kê.
► Đảm bảo vấu điểm kê tỳ vào rãnh kịch.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

► Cách Lắp Kịch

⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng trượt khỏi kịch, gây chấn thương nặng cho người đang làm việc dưới gầm xe.

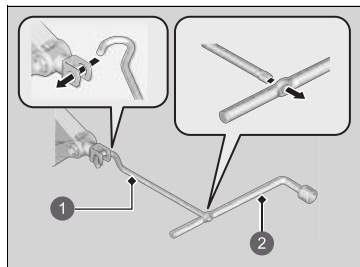
Làm đúng theo hướng dẫn thay lốp, không được để ai ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.

Với một số quốc gia

Kịch đi kèm với xe bạn có nhãn như sau.

1.	2.	3.

1. Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng.
2. Không được chui xuống gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.
3. Đặt kịch ở nơi có bề mặt chắc chắn.



- ❶ Thanh Nối Tay Kịch
- ❷ Cờ Lê Vận Tải Ốc như Tay Kịch

3. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

❧ Cách Lắp Kịch

CẢNH BÁO: Kịch phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn, bằng với bề mặt đang đỡ xe.

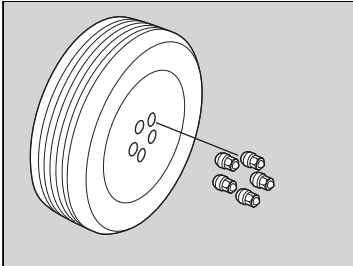
Không dùng kích khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

Dùng kích dành riêng cho xe bạn. Các kích khác có thể không phù hợp với cân nặng ("tải trọng") hoặc không vừa với điểm kê.

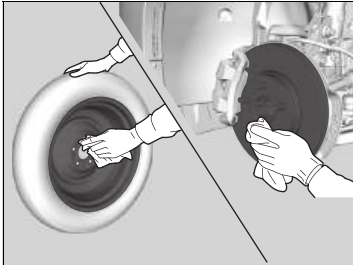
Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kích an toàn:

- Không dùng kích khi động cơ đang hoạt động.
- Chỉ sử dụng kích trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kích tại điểm kê.
- Không được vào xe khi đang dùng kích.
- Không kê thêm bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kích.

■ Thay Lốp Xẹp



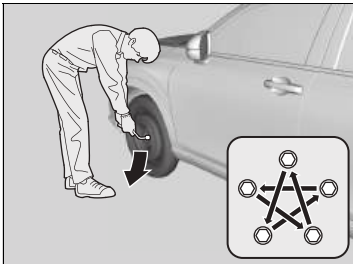
1. Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.



2. Lau sạch bề mặt lắp của bánh xe bằng vải sạch.

3. Lắp lốp dự phòng vào.

4. Vặn đai ốc bánh xe đến khi chạm vào miệng xung quanh các lỗ lắp thì ngừng vặn.



5. Hạ thấp xe và tháo kích ra. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình minh họa. Siết lần lượt từng đai ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.

Lực siết đai ốc bánh xe:

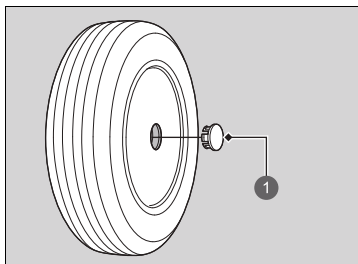
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

▣ Thay Lốp Xẹp

Không siết đai ốc bánh xe quá chặt bằng chân hoặc ống nối.

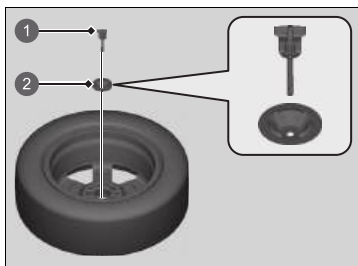
Loại xe có lốp dự phòng cùng kích

■ Cất Giữ Lốp Xẹp



1. Tháo chụp giữa.

① Chụp Giữa



① Bu Lông Tai

② Đệm Côn

2. Đặt úp lốp xẹp vào khoang chứa lốp dự phòng.

3. Siết chặt lốp xẹp bằng bu lông tai.

4. Cất kích vào ngăn bên phải trong khoang hành lý.

5. Cất thanh nổi tay kích và cờ lê vặn đai ốc bánh xe vào túi dụng cụ. Cất túi dụng cụ vào ngăn bên phải trong khoang hành lý.

►► Cất Giữ Lốp Xẹp

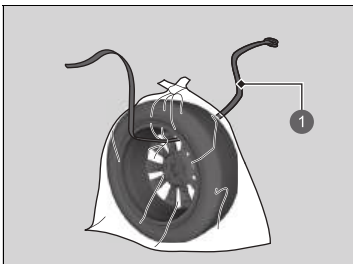
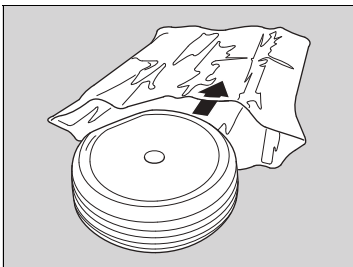
⚠ CẢNH BÁO

Các vật dụng cất giữ không chắc chắn có thể bị văng trong xe trong trường hợp xảy ra va chạm và gây chấn thương nặng cho người ngồi trong xe.

Cất bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.

Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ

■ Cất Giữ Lốp Xẹp



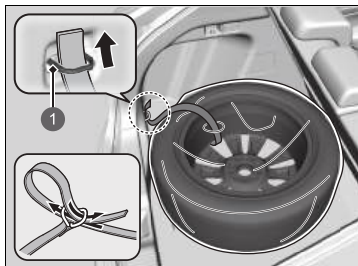
1 Dây Đai

1. Đặt lốp xẹp vào túi đựng đi kèm với xe.
► Túi đựng ở bên trong lốp dự phòng.
2. Buộc miệng túi đựng.
3. Cất kích vào ngăn bên phải trong khoang hành lý.
4. Cất thanh nối tay kích và cờ lê vặn đai ốc bánh xe vào túi dụng cụ. Cất túi dụng cụ vào ngăn bên phải trong khoang hành lý.
5. Đục thủng túi, sau đó luồn dây đai qua lỗ này và vành của lốp xẹp như minh họa.

►► Cất Giữ Lốp Xẹp

⚠ CẢNH BÁO

Để vật dụng không chắc chắn có thể làm vật dụng đó văng trong xe trong trường hợp xảy ra va chạm và gây chấn thương nặng cho người ngồi trong xe.
Cất bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.



① Móc Neo Sau

6. Đặt lốp xẹp vào khoang hành lý và luồn dây đai qua móc neo sau như hình minh họa.
7. Luồn dây đai qua vòng và siết chặt dây đai để cố định lốp xẹp.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

■ Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp và Lốp Dự Phòng

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp khi bạn thay lốp bằng lốp dự phòng cùng kích cỡ.

📖 **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*** Tr. 435

Loại xe có dụng cụ vá lốp khẩn cấp

Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

Nếu lốp xe có vết cắt lớn hoặc bị hư hỏng nặng, bạn cần phải gọi dịch vụ kéo xe. Nếu lốp chỉ có lỗ thủng nhỏ, ví dụ như bị đinh đâm, bạn có thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp trước khi lái xe đến trạm sửa chữa xe gần nhất.

Nếu lốp xe bị xẹp trong khi lái xe, giữ chắc vô lăng và nhấn phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, dừng xe ở nơi an toàn.

- 1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.
- 2. Sang số **P**.
- 3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

► Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

Không nên sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp trong các trường hợp sau. Hãy liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ cứu hộ ven đường để kéo xe.

- Keo vá lốp hết hạn.
- Nhiều lốp bị thủng cùng một lúc.
- Vết thủng hoặc vết cắt lớn hơn 4 mm.
- Thành lốp bị hư hỏng hoặc vết thủng nằm ngoài vùng tiếp xúc.

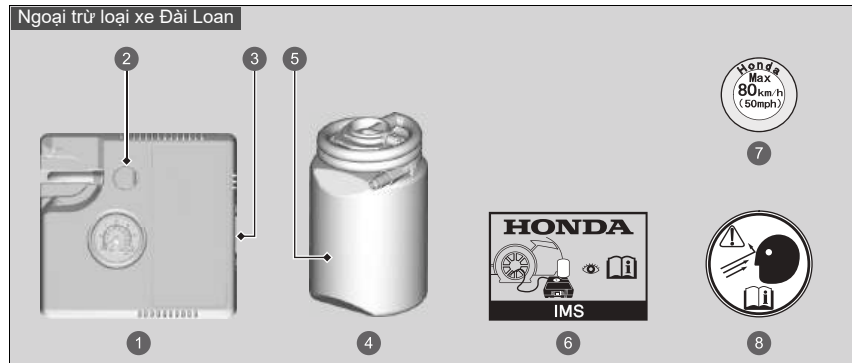
Lốp xe bị thủng:	Sử Dụng Dụng Cụ
Nhỏ hơn 4 mm	Có
Lớn hơn 4 mm	Không

1 Vùng Tiếp Xúc

- Hư hỏng do lái xe khi lốp quá non.
- Mép lốp không lắp khít.
- Vành bánh xe bị hỏng.

Không rút đinh hoặc vít đã đâm thủng lốp. Bởi nếu rút ra bạn sẽ không thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp.

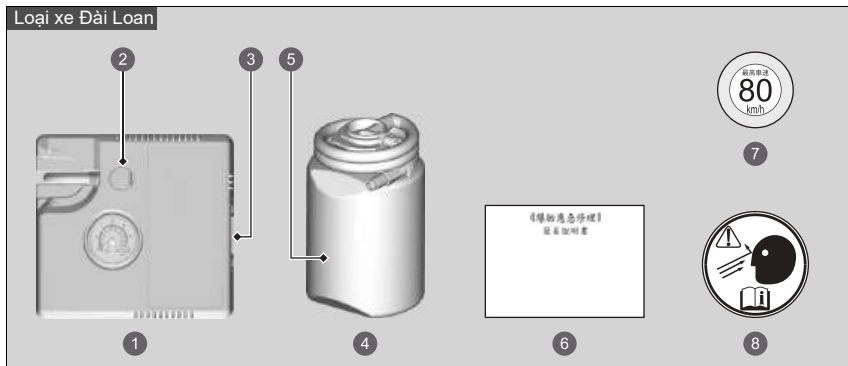
■ Chuẩn Bị Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp



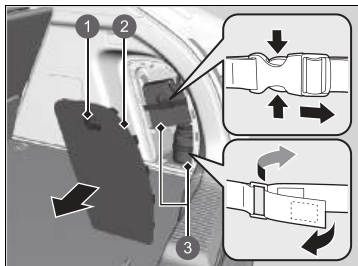
- ① Bơm Nén Khí
- ② Nút Xi Hơi
- ③ Công Tắc Bơm Nén Khí
- ④ Keo Vá Lốp
- ⑤ Hạn Sử Dụng
- ⑥ Hướng Dẫn Sử Dụng
- ⑦ Nhân Giới Hạn Tốc Độ
- ⑧ Nhân Bánh Xe

▣ Chuẩn Bị Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

Khi vá lốp khẩn cấp, hãy đọc kỹ hướng dẫn sử dụng đi kèm với bộ dụng cụ.



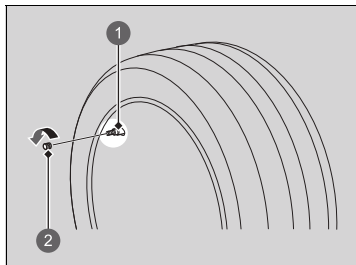
- ① Bơm Nén Khí
- ② Nút Xi Hơi
- ③ Công Tắc Bơm Nén Khí
- ④ Keo Vá Lốp
- ⑤ Hạng Sử Dụng
- ⑥ Hướng Dẫn Sử Dụng
- ⑦ Nhãn Giới Hạn Tốc Độ
- ⑧ Nhãn Bánh Xe



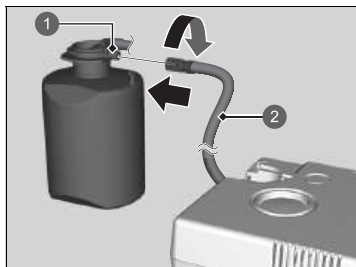
- ❶ Vầu
- ❷ Nắp
- ❸ Dụng Cụ Vá Lốp

1. Mở cửa hậu.
2. Kéo vầu để mở nắp ngăn nằm bên phải của khoang hành lý.
3. Lấy bộ dụng cụ ra khỏi ngăn.
4. Đặt bộ dụng cụ quay mặt lên trên, trên bề mặt bằng phẳng gần lốp xe bị xẹp và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng bộ dụng cụ.

■ Bơm Keo Vá Lốp và Bơm Hơi



- ❶ Thân Van Lốp
- ❷ Nắp Van



- ❶ Van Lọ Keo Vá Lốp
- ❷ Ống Mềm Bơm Nén Khí

1. Tháo nắp van ra khỏi thân van lốp.

2. Lắc đều lọ keo vá lốp.

3. Lắp ống mềm bơm nén khí vào van lọ keo vá lốp. Vặn chặt ống mềm.

▣ Bơm Keo Vá Lốp và Bơm Hơi

⚠ CẢNH BÁO

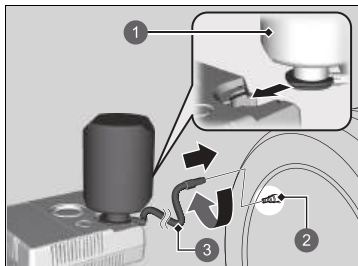
Keo vá lốp có chứa chất độc và có thể gây tử vong nếu nuốt phải.

Nếu không may nuốt phải, không được cố ép để nôn ra. Hãy uống nhiều nước và đến ngay cơ sở y tế.

Nếu keo vá lốp dính vào da và mắt, hãy rửa sạch bằng nước mát và đến cơ sở y tế nếu cần.

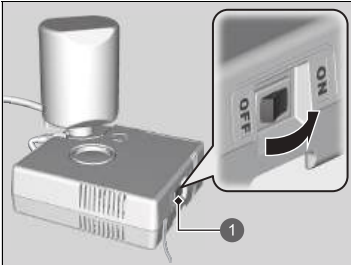
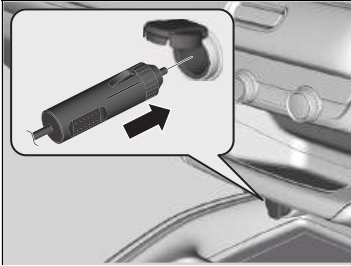
Để keo vá lốp tránh xa tầm tay của trẻ nhỏ.

Keo vá lốp có thể làm đổi màu quần áo và các chất liệu khác. Hãy cẩn thận trong quá trình xử lý và lau sạch ngay nếu keo tràn ra.



- ❶ Keo Vá Lốp
- ❷ Thân Van Lốp
- ❸ Ống Dẫn Keo Vá Lốp/Hơi

- 4. Lật ngược lọ keo vá lốp, sau đó lắp lọ keo vá lốp vào phần miệng hở của bơm nén khí.
- 5. Lắp ống dẫn keo vá lốp/hơi vào thân van lốp, rồi vặn chặt.



1 Công Tắc Bơm Nén Khí

6. Cắm bơm nén khí vào ổ cắm điện phụ kiện.

► Cần thận không làm kẹp dây vào cửa hoặc cửa kính.

☒ **Ổ Cắm Điện Phụ Kiện** Tr. 273

7. Khởi động động cơ.

☒ **Khí CO** Tr. 103

8. Bật bơm nén khí để bơm lốp xe.

► Bơm nén khí bắt đầu bơm keo vá lốp và hơi vào lốp xe.

9. Sau khi áp suất lốp đạt mức quy định, tắt bơm nén khí.

► Kiểm tra đồng hồ đo áp suất lốp trên bơm nén khí.

► Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất lốp quy định.

☒ Bơm Keo Vá Lốp và Bơm Hơi

⚠ CẢNH BÁO

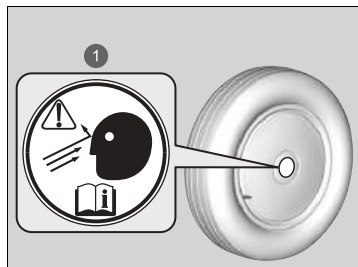
Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí tử vong. Chỉ chạy động cơ để vận hành bơm nén khí khi xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

LƯU Ý

Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 15 phút. Bơm nén khí có thể bị quá nhiệt và hư hỏng vĩnh viễn.

Khi đang bơm keo vá lốp, áp suất hiển thị trên đồng hồ đo áp suất sẽ cao hơn thực tế. Sau khi bơm keo vá lốp xong, áp suất sẽ giảm và sau đó bắt đầu tăng trở lại do lốp được bơm hơi. Điều này là bình thường. Để đo chính xác áp suất lốp bằng đồng hồ đo, chỉ tắt bơm nén khí sau khi bơm keo vá lốp xong.



❶ Nhãn Bánh Xe

10. Rút giắc cắm điện ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
11. Rút ống dẫn keo vá lốp/hơi ra khỏi thân van lốp. Lắp lại nắp van.
12. Tháo lọ keo vá lốp ra khỏi bơm nén khí.
13. Ấn nút xì hơi cho đến khi đồng hồ đo trở về 0 kPa (0 bar, 0 psi).
14. Dán nhãn bánh xe lên bề mặt phẳng của bánh xe.
 - Bề mặt bánh xe phải sạch để đảm bảo nhãn dán bám chắc.
15. Cất dụng cụ vá lốp vào khoang hành lý.

►► Bơm Keo Vá Lốp và Bơm Hơi

Nếu trong vòng 10 phút bơm mà không đạt được mức áp suất lốp quy định, lốp xe có thể bị hỏng quá nặng nên không thể dùng dụng cụ vá lốp và cần phải kéo xe đi.

Đến đại lý Honda để mua lọ keo vá lốp mới và xử lý đúng cách lọ keo đã hết.

Hãy thông báo cho đại lý Honda hoặc dịch vụ cứu hộ giao thông biết bạn đã sử dụng keo vá lốp khi bạn yêu cầu thay hoặc vá lốp xẹp.

Bơm nén khí này dùng cho lốp ô tô. Kiểm tra phần sau:

- Dòng điện cấp nguồn bơm nén khí từ ổ cắm điện phụ kiện của xe bạn là 12 vôn DC.
 - Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 15 phút. Bơm nén khí có thể bị quá nhiệt và hư hỏng vĩnh viễn.
- Đề bơm nguội bớt khi cần sử dụng liên tục.

■ Phân Bỏ Keo Vá Lốp trong Lốp Xe

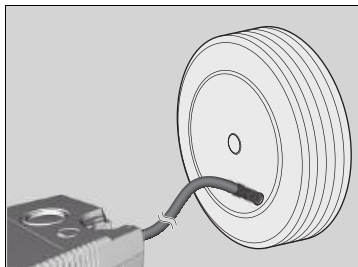


1. Dán nhãn giới hạn tốc độ vào vị trí như hình minh họa.
2. Lái xe khoảng 10 phút.
► Không vượt quá 80 km/h.
3. Dừng xe ở nơi an toàn.

① Nhãn Giới Hạn Tốc Độ



① Nhãn Giới Hạn Tốc Độ



4. Sử dụng đồng hồ đo trên bơm nén khí để kiểm tra lại áp suất lốp.

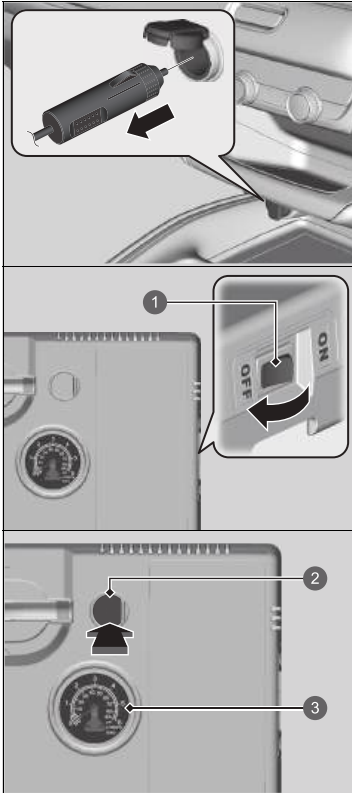
► Không bật bơm nén khí khi kiểm tra áp suất lốp.

5. Nếu áp suất lốp:

- Dưới 130 kPa (1,3 bar, 19 psi): Không bơm thêm hơi hoặc tiếp tục lái xe. Lốp bị thủng nặng. Gọi dịch vụ kéo xe.

☒ **Kéo Xe Khẩn Cấp** Tr. 685

- Từ áp suất lốp quy định (Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái) trở lên: Tiếp tục lái xe thêm 10 phút nữa hoặc cho tới khi đến trạm sửa chữa xe gần nhất. Không vượt quá 80 km/h.
- Nếu áp suất lốp không giảm sau 10 phút lái xe, bạn không cần kiểm tra áp suất nữa.



- ① Công Tắc Bơm Nén Khí
- ② Nút Xì Hơi
- ③ Đồng Hồ Đo Áp Suất Lốp

- Trên 130 kPa (1,3 bar, 19 psi), nhưng thấp hơn áp suất lốp quy định (Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái): Bật bơm nén khí và bơm lốp cho đến khi áp suất lốp đạt giá trị quy định.

► Bơm Keo Vá Lốp và Bơm Hơi

Tr. 643

Sau đó, lái xe cẩn thận thêm 10 phút nữa hoặc cho tới khi đến trạm sửa chữa xe gần nhất.

Không vượt quá 80 km/h.

- Bạn nên lặp lại quy trình này cho đến khi áp suất lốp nằm trong phạm vi quy định.

6. Rút dụng cụ vá lốp ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
7. Rút ống dẫn keo vá lốp/hơi ra khỏi thân van lốp. Lắp lại nắp van.
8. Ấn nút xì hơi cho đến khi đồng hồ đo trở về 0 kPa (0 bar, 0 psi).
9. Cất và xếp gọn dụng cụ vá lốp.

►► Phân Bỏ Keo Vá Lốp trong Lốp Xe

⚠ CẢNH BÁO

Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

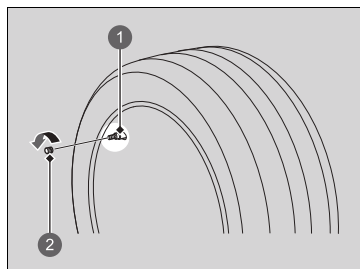
Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí tử vong. Chỉ chạy động cơ để vận hành bơm nén khí khi xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

■ Bơm Lốp Non Hơi

Bạn có thể sử dụng dụng cụ vá lốp để bơm lốp non hơn không bị thủng.



- ❶ Giắc Cắm Điện
- ❷ Ống Mềm Dẫn Khí



- ❶ Thân Van Lốp
- ❷ Nắp Van

1. Lấy dụng cụ vá lốp ra khỏi khoang hành lý.

► Chuẩn Bị Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp

Tr. 640

2. Đặt bộ dụng cụ quay mặt lên trên, trên bề mặt bằng phẳng gần lốp bị non hơi và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng bộ dụng cụ.
3. Tháo ống mềm dẫn khí ra khỏi bộ dụng cụ vá lốp.
4. Tháo nắp van ra khỏi thân van lốp.

►► Bơm Lốp Non Hơi

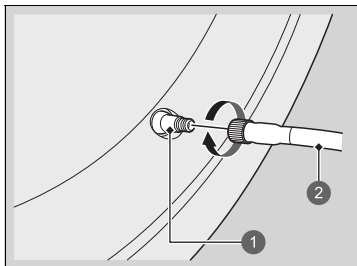
⚠ CẢNH BÁO

Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí tử vong. Chỉ chạy động cơ để vận hành bơm nén khí khi xe ở khu vực thông thoáng bên ngoài.

LƯU Ý

Không vận hành bơm nén khí của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 15 phút. Bơm nén khí có thể bị quá nhiệt và hư hỏng vĩnh viễn.



- ❶ Thân Van Lốp
- ❷ Ống Mềm Dẫn Khí



5. Lắp ống mềm dẫn khí vào thân van lốp, rồi vặn chặt.

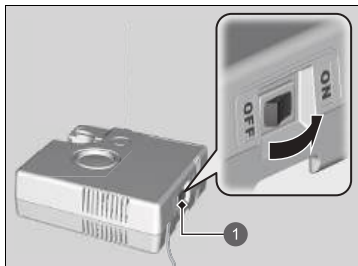
6. Cắm bơm nén khí vào ổ cắm điện phụ kiện.

► Cần thận không làm kẹp dây vào cửa hoặc cửa kính.

➤ **Ổ Cắm Điện Phụ Kiện** Tr. 273

7. Khởi động động cơ.

➤ **Khí CO** Tr. 103



❶ Công Tắc Bơm Nén Khí

8. Bật công tắc bơm nén khí để bơm lốp xe.

► Bơm nén khí bắt đầu bơm hơi vào lốp xe.

► Nếu bạn đã khởi động động cơ, hãy để động cơ chạy trong khi bơm hơi.

9. Bơm lốp đến áp suất lốp quy định.

10. Tắt bơm nén khí.

► Kiểm tra đồng hồ đo áp suất trên bơm nén khí.

► Nếu lốp quá căng, ấn nút xả hơi.

11. Rút giắc cắm điện ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.

12. Tháo ống mềm dẫn khí ra khỏi thân van lốp. Lắp lại nắp van.

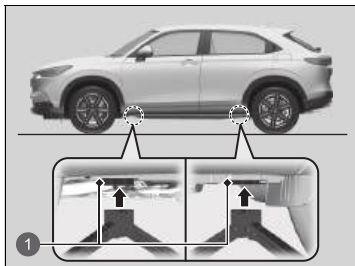
13. Cất và xếp gọn dụng cụ vá lốp.

Khí Nâng Xe Bằng Kịch

Loại xe có dụng cụ vá lốp khẩn cấp

Loại xe không có kịch

Xe của bạn có các điểm kê kịch như hình minh họa.
Hãy tham khảo đại lý khi thay lốp xe.

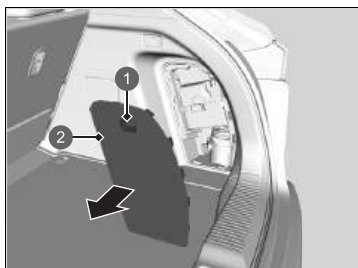


① Điểm Kê

Loại xe có dụng cụ vá lốp khẩn cấp

Loại xe có kịch

Cách Lắp Kịch



- 1 Vấu
- 2 Nắp



- 1 Kịch
- 2 Túi Dụng Cụ

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.
2. Sang số **P**.
3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở **TẮT MÁY**.
4. Kéo vấu để mở nắp ngăn nằm bên phải của khoang hành lý.

5. Lấy kịch và túi dụng cụ ra khỏi ngăn.
6. Lấy cờ lê vặn đai ốc bánh xe và thanh nối tay kịch ra khỏi túi dụng cụ.

► Cách Lắp Kịch

⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng trượt khỏi kịch, gây chấn thương nặng cho người đang làm việc dưới gầm xe.

Làm đúng theo hướng dẫn thay lốp, không được để ai ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.

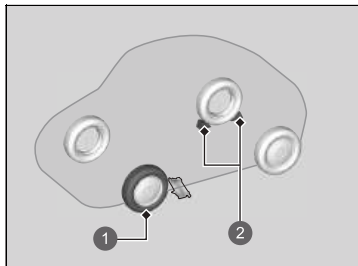
CẢNH BÁO: Kịch phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn, bằng với bề mặt đang đỡ xe.

Với một số quốc gia

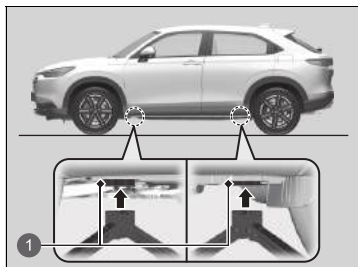
Kịch đi kèm với xe bạn có nhãn như sau.

1.	2.	3.

1. Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng.
2. Không được chui xuống gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.
3. Đặt kịch ở nơi có bề mặt chắc chắn.



- ❶ Lốp cần thay.
- ❷ Khối Chèn Bánh Xe



- ❶ Điểm Kê

7. Chèn khối chèn bánh xe hoặc chèn hòn đá vào phía trước và phía sau bánh xe chéo với lốp cần thay.

8. Đặt kịch bên dưới điểm kê gần nhất với lốp cần thay.

► Cách Lắp Kịch

CẢNH BÁO: Chỉ sử dụng kịch để hỗ trợ xe bị hỏng khẩn cấp, không dùng để thay lốp theo mùa loại thông thường hoặc bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường nào khác.

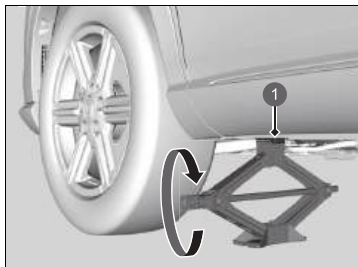
Không dùng kịch nếu kịch không hoạt động tốt. Hãy gọi đại lý hoặc dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

Không dùng kịch khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

Dùng kịch dành riêng cho xe bạn. Các kịch khác có thể không phù hợp với cân nặng ("tải trọng") hoặc không vừa với điểm kê.

Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kịch an toàn:

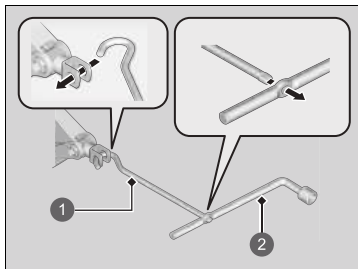
- Không dùng kịch khi động cơ đang hoạt động.
- Chỉ sử dụng kịch trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kịch tại điểm kê.
- Không được vào xe khi đang dùng kịch.
- Không kê thêm bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kịch.



9. Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình minh họa cho đến khi đầu kích chạm vào điểm kê.

► Đảm bảo vấu điểm kê tỳ vào rãnh kích.

① Điểm Kê



① Thanh Nối Tay Kích

② Cờ Lê Vận Đai Ốc như Tay Kích

10. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

Kiểm Tra Động Cơ

Nếu động cơ không khởi động, hãy kiểm tra bộ khởi động.

Tình trạng bộ khởi động	Danh mục kiểm tra
Bộ khởi động không khởi động hoặc khởi động chậm. Có thể ắc quy chết. Kiểm tra từng mục ở cột bên phải và xử lý cho phù hợp.	Kiểm tra thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Nếu xuất hiện thông báo  To Start, Hold Remote Near Start Button ^{*1} (Để khởi động, giữ chìa khóa điều khiển từ xa gần nút khởi động)/  To start, touch start button with emblem side of remote ^{*2} (Để khởi động, chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa.)  Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu Tr. 659
	Kiểm tra cầu chì. Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc mang xe đến đại lý để kiểm tra.  Kiểm Tra và Thay Cầu Chì Tr. 684
Bộ khởi động khởi động bình thường nhưng động cơ không khởi động. Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng mục ở cột bên phải và xử lý cho phù hợp.	Xem lại quy trình khởi động động cơ. Làm theo các hướng dẫn, và thử khởi động lại động cơ.  Khởi Động Động Cơ Tr. 399
	Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy. Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ.  Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 212  Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 117
	Kiểm tra mức nhiên liệu. Cần có đủ nhiên liệu trong bình chứa.  Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu Tr. 127
	Kiểm tra cầu chì. Kiểm tra tất cả các cầu chì, hoặc mang xe đến đại lý để kiểm tra.  Kiểm Tra và Thay Cầu Chì Tr. 684
	Nếu sự cố vẫn còn:  Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 685

Nếu bạn không thể khởi động động cơ sau khi đã kiểm tra tất cả các mục trong danh sách trên, hãy mang xe của bạn đến đại lý để kiểm tra.

*1 : Loại xe Australia, Fiji, Singapore và Đài Loan

*2 : Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji, Singapore và Đài Loan

Nếu cần khởi động xe ngay, hãy dùng xe khác hỗ trợ hoặc ắc quy nối ngoài để khởi động động cơ.

➤ **Nếu Ắc Quy Chết** Tr. 662

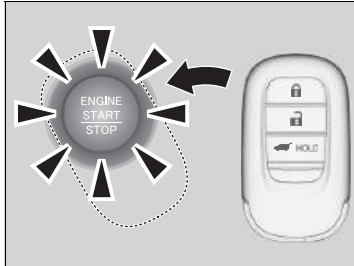
Tùy thuộc vào tình huống, có thể tạm thời khởi động động cơ bằng cách sử dụng quy trình khởi động khẩn cấp.

➤ **Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp** Tr. 660

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** quá 15 giây.

Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

Nếu tiếng bíp vang lên, thông báo **ENGINE START/STOP**^{*1} (Để khởi động, giữ chìa khóa điều khiển từ xa gần nút khởi động)/ **To start, touch start button with emblem side of remote**^{*2} (Để khởi động, chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy, và động cơ không khởi động, hãy khởi động động cơ như sau:



1. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

► Tiếng bíp vang lên và nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy khoảng 30 giây.

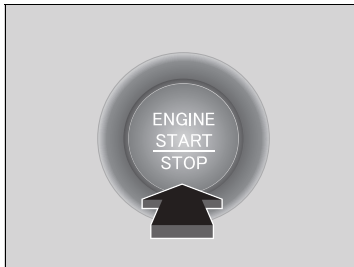
2. Áp logo chữ **H** trên chìa khóa điều khiển từ xa vào giữa nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** đang nhấp nháy. Các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa phải quay về phía bạn.

► Tiếng bíp vang lên và nút **ENGINE START/STOP** sáng liên tục trong khoảng 10 giây.

3. Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** sáng.

► Động cơ khởi động.

► Nếu không nhấn bàn đạp phanh, xe sẽ chuyển sang chế độ PHỤ KIỆN.



*1 : Loại xe Australia, Fiji, Singapore và Đài Loan

*2 : Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji, Singapore và Đài Loan

Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp

Nếu động cơ không khởi động theo quy trình khởi động thông thường, bạn có thể khởi động động cơ bằng quy trình khởi động khẩn cấp dưới đây.

Chỉ sử dụng quy trình này trong trường hợp khẩn cấp.

1. Đảm bảo gài phanh đỗ.
2. Đảm bảo cần số ở [P], sau đó đặt chế độ nguồn đến PHỤ KIỆN.
3. Nhấn chắc bàn đạp phanh, sau đó ấn và giữ nút **ENGINE START/ STOP** trong ít nhất 15 giây.

Ngay cả khi bạn có thể khởi động động cơ bằng quy trình trên thì đây vẫn được coi là sự cố hệ thống.

Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

►► Khởi Động Động Cơ Khẩn Cấp

Tham khảo phần sau nếu bạn không thể gạt cần số ra khỏi vị trí [P].

❗ **Không Gạt Được Cần Số** Tr. 665

Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Có thể dùng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong tình huống khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn dứt khoát nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khóa. Tuy nhiên, vì việc tắt động cơ sẽ làm tắt nguồn điện mà động cơ cung cấp cho hệ thống lái và phanh, nên sẽ cần nhiều lực và thời gian hơn để lái và giảm tốc độ xe. Phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe và ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn.

Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN khi động cơ dừng.

Để thay đổi chế độ sang TẮT MÁY, gạt cần số đến **[P]** sau khi xe dừng hoàn toàn. Sau đó, ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

⌘ Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

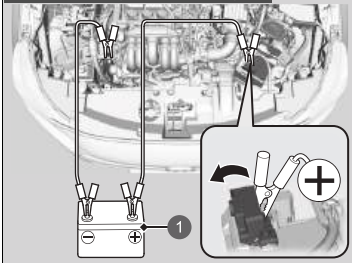
LƯU Ý

Không ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ. Nếu ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái xe, tiếng bíp sẽ vang lên.

Quy Trình Khởi Động Bằng Ấc Quy Nối Ngoài

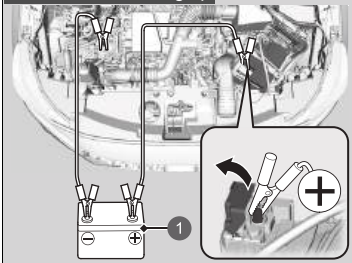
Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.

Loại xe không có tu-bô tăng áp



1 Ấc Quy Hỗ Trợ

Loại xe có tu-bô tăng áp



1 Ấc Quy Hỗ Trợ

1. Mở nắp cực ở cực $\oplus$ dương của ắc quy xe.
2. Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực $\oplus$ của ắc quy xe.
3. Nối đầu còn lại của dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực $\oplus$ của ắc quy hỗ trợ.
 - Chỉ sử dụng ắc quy hỗ trợ loại 12 volt.
 - Khi sử dụng bộ nạp ắc quy ô tô để hỗ trợ ắc quy, chọn điện áp nạp dưới 15 volt. Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ nạp để cài đặt cho đúng.
4. Nối dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực $\ominus$ của ắc quy hỗ trợ.

Quy Trình Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy có thể nổ nếu không làm theo đúng quy trình, gây chấn thương nặng cho bất kỳ ai ở gần ắc quy.

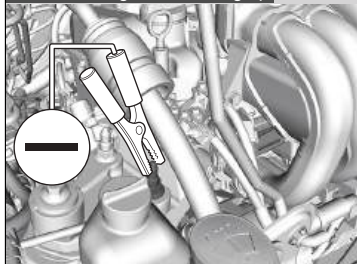
Không để ắc quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

LƯU Ý

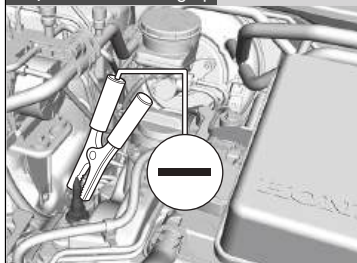
Nếu để ắc quy trong điều kiện nhiệt độ cực lạnh, chất điện phân có thể bị đóng băng. Khởi động bằng ắc quy nối ngoài bị đóng băng có thể gây đoản mạch.

Gắn chắc kẹp dây cáp nối ngoài để không bị tuột ra khi động cơ rung. Cần thận không làm rối cáp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi gắn hoặc tháo các cáp nối ngoài.

Loại xe không có tu-bô tăng áp



Loại xe có tu-bô tăng áp



5. Nối đầu còn lại của dây cáp nối ngoài thứ hai vào gu đông như hình minh họa. Không nối dây cáp nối ngoài với bất cứ bộ phận nào khác.
6. Nếu xe bạn được nối với xe khác, hãy khởi động động cơ của xe hỗ trợ và ga nhẹ.
7. Cố khởi động động cơ xe bạn. Nếu xe khởi động chậm, kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài đã được nối đúng và tiếp xúc tốt chưa.

► Quy Trình Khởi Động BằngẮc Quy Nối Ngoài

Ắc quy để trong điều kiện nhiệt độ thấp sẽ hoạt động kém hiệu quả và làm động cơ khó khởi động.

■ Làm Gì Sau Khi Khởi Động Động Cơ

Sau khi đã khởi động được động cơ, tháo các dây cáp nối ngoài theo trình tự sau.

1. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi gu đông của xe.
2. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\ominus$ của ắc quy hỗ trợ.
3. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\oplus$ của ắc quy xe.
4. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\oplus$ của ắc quy hỗ trợ.

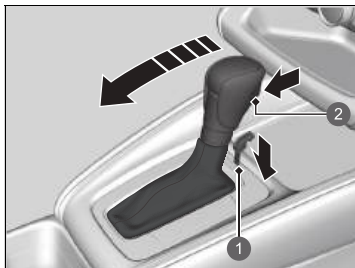
Mang xe đến trạm sửa chữa xe gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

▣ Quy Trình Khởi Động BằngẮc Quy Nối Ngoài

Các đèn báo Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp*, Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), TẮT VSA, Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp*, Áp Suất Lốp Thấp/TPMS* và hệ thống Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)* có thể sáng cùng với thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn bật chế độ nguồn sau khi nối lại ắc quy. Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h. Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Làm theo quy trình dưới đây nếu bạn không thể gạt cần số ra khỏi vị trí **P**.

Nhả Khóa



- ❶ Khe Nhả Khóa Sang Số
- ❷ Nút Nhả

1. Đặt phanh đỗ.
2. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
3. Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa.
4. Cắm chìa khóa vào khe nhả khóa sang số.
5. Trong khi cắm chìa khóa vào, ấn nút nhả cần số và gạt cần số đến **N**.
 - Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.

Cách Xử Lý Quá Nhiệt

Dấu hiệu động cơ bị quá nhiệt:

- Thông báo  **Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**^{*1} (Động cơ quá nóng. Hãy để động cơ nguội)/  **Engine Temperature Too Hot. Do not drive. Allow Engine To Cool.**^{*2}/  **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.**^{*3} (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

■ Bước đầu tiên

1. Đỗ ngay xe ở nơi an toàn.
2. Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.
 - ▶ **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Để động cơ chạy và mở nắp ca-pô.
 - ▶ **Có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Tắt động cơ và đợi cho đến khi hơi nước hoặc tia nước không còn bắn ra. Sau đó mở nắp ca-pô.

*1 : Loại xe Australia, Fiji và Singapore

*2 : Loại xe Đài Loan

*3 : Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji, Singapore và Đài Loan

☒ Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠ CẢNH BÁO

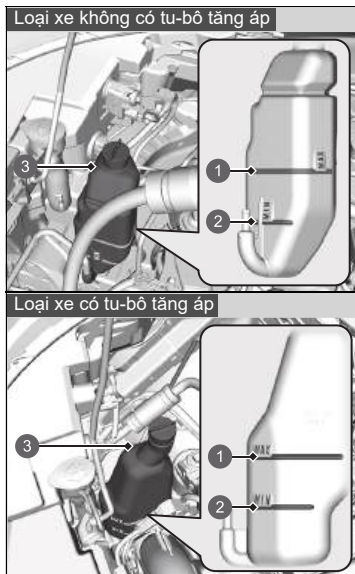
Hơi nước và tia nước bắn ra từ động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

Không mở nắp ca-pô khi có hơi nước đang bắn ra.

LƯU Ý

Tiếp tục lái xe khi thông báo  **Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**^{*1} (Động cơ quá nóng. Hãy để động cơ nguội)/  **Engine Temperature Too Hot. Do not drive. Allow Engine To Cool.**^{*2}/  **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.**^{*3} (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái có thể làm hỏng động cơ.

■ Bước tiếp theo



- ❶ TỐI ĐA
- ❷ TỐI THIỂU
- ❸ Bình Chứa

1. Kiểm tra xem quạt làm mát có hoạt động không và dừng động cơ khi thông báo **Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**^{*1} (Động cơ quá nóng. Hãy để động cơ nguội)/ **Engine Temperature Too Hot. Do not drive. Allow Engine To Cool.**^{*2}/ **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.**^{*3} (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội) biến mất khỏi màn hình giao diện thông tin cho người lái.
 - Nếu quạt làm mát không hoạt động, phải tắt động cơ ngay.
2. Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.
 - Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, hãy đổ thêm nước làm mát đến vạch **MAX**.
 - Nếu không có nước làm mát trong bình chứa, kiểm tra xem két nước có mát không. Bọc nắp két nước bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến để cở lọc và đóng nắp lại.

*1 : Loại xe Australia, Fiji và Singapore

*2 : Loại xe Đài Loan

*3 : Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji, Singapore và Đài Loan

► Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két nước nguội hẳn trước khi tháo nắp két nước.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy mang xe đến đại lý để xúc rửa hệ thống bằng chất chống đông càng sớm càng tốt.

■ Bước cuối cùng

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại và kiểm tra màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nếu thông báo  **Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**^{*1}

(Động cơ quá nóng. Hãy để động cơ nguội)/  **Engine Temperature Too Hot.**

Do not drive. Allow Engine To Cool.^{*2}/  **Engine temperature too hot. Do**

not drive. Allow engine to cool.^{*3} (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội) không xuất hiện nữa, tiếp tục lái xe. Nếu thông báo này lại xuất hiện, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

*1 : Loại xe Australia, Fiji và Singapore

*2 : Loại xe Đài Loan

*3 : Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji, Singapore và Đài Loan

Nếu Cảnh Báo Engine Oil Pressure Low*¹/Engine oil pressure low*² (Áp suất dầu thấp) Xuất Hiện



■ Nguyên nhân cảnh báo xuất hiện

Xuất hiện khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ Làm gì ngay khi cảnh báo xuất hiện

1. Đỗ ngay xe ở nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, hãy bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.
2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.
 - ▶ Đổ thêm dầu nếu cần.
 - ▶ **Kiểm Tra Dầu Tr. 576**
3. Khởi động động cơ và kiểm tra cảnh báo **Engine Oil Pressure Low*¹/Engine oil pressure low*²** (Áp suất dầu thấp).
 - ▶ Cảnh báo biến mất: Tiếp tục lái xe.
 - ▶ Cảnh báo không biến mất trong 10 giây: Dừng ngay động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

*1: Loại xe Australia, Fiji, Singapore và Đài Loan

*2: Ngoại trừ loại xe Australia, Fiji, Singapore và Đài Loan

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng khi hệ thống nạp điện có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý để kiểm tra xe.

» Nếu Cảnh Báo Engine Oil Pressure Low*¹/Engine oil pressure low*² (Áp suất dầu thấp) Xuất Hiện

LƯU Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể khiến động cơ nhanh bị hỏng.

» Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng

Nếu bạn cần dừng xe tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm nhanh hết điện ắc quy.

Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Sáng khi hệ thống kiểm soát khí thải động cơ có sự cố.
- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng mất lửa.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tránh lái xe ở tốc độ cao và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy, đợi ít nhất từ 10 phút trở lên từ khi động cơ dừng cho đến khi nguội.

►► Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy

LƯU Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống kiểm soát khí xả và động cơ có thể bị hỏng.

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, hãy lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ từ 50 km/h trở xuống. Đợi đại lý kiểm tra xe.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Mức dầu phanh thấp.
- Hệ thống phanh có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng khi đang lái xe

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất phanh.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần, giảm số bằng phanh động cơ để giảm tốc độ xe.

■ Nguyên nhân đèn báo nhấp nháy

- Hệ thống phanh đỗ điện có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy

Mang ngay xe đi sửa chữa.

Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ rất nguy hiểm. Nếu không thấy có lực cản ở bàn đạp phanh, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn. Nếu cần, giảm số.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) và đèn báo **ABS** cùng sáng, hệ thống phân phối phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp. Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hở Phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động. Tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

► **Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hở Phách) Sáng**
Tr. 673

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng khi hệ thống EPS có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

- Dừng xe ở nơi an toàn và khởi động lại động cơ.
Nếu đèn báo sáng và sáng liên tục, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
- Nếu **Do not drive** (Không lái xe) hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách) Sáng



(Màu Đỏ)

- Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) sáng hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách) cũng sáng, hãy nhả phanh đỗ bằng tay hoặc tự động.

► Phanh Đỗ Tr. 526



(Màu Hổ Phách)

- Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) sáng liên tục hoặc nhấp nháy đồng thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách) cũng sáng, hãy dừng xe ở nơi an toàn và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
 - Để ngăn xe di chuyển, gạt cần số đến **P**.
- Nếu chỉ có Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) tắt, tránh dùng phanh đỗ và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

► Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng hoặc Nhấp Nháy Đồng Thời Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hổ Phách) Sáng

Nếu bạn gài phanh đỗ, có thể sẽ không nhả được phanh.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) và đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng cùng một lúc chứng tỏ phanh đỗ đang hoạt động.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) nhấp nháy đồng thời đèn báo hệ thống phanh (màu hổ phách) sáng, phanh đỗ có thể không hoạt động vì đang thực hiện kiểm tra hệ thống.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

Áp suất lốp quá thấp, hoặc hệ thống cảnh báo xẹp lốp không được hiệu chỉnh. Nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp có sự cố, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó sáng liên tục.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận, tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định có ở nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.

- Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

► **Hiệu Chỉnh Hệ Thống Cảnh Báo Xẹp Lốp*** Tr. 435

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt.

►► Nếu Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp Sáng hoặc Nhấp Nháy

LƯU Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp bị quá nhiệt và dẫn đến hư hỏng. Luôn bơm căng lốp đến mức quy định.

Loại xe có TPMS

Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

Áp suất lốp quá thấp, hoặc chưa hiệu chỉnh TPMS. Nếu TPMS có sự cố, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó sáng liên tục.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận, tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định có ở nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.

► Hiệu chỉnh TPMS sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

☑ Hiệu Chỉnh TPMS Tr. 431

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt.

► Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy

LƯU Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp bị quá nhiệt và dẫn đến hư hỏng. Luôn bơm căng lốp đến mức quy định.

Vị Trí Cầu Chì

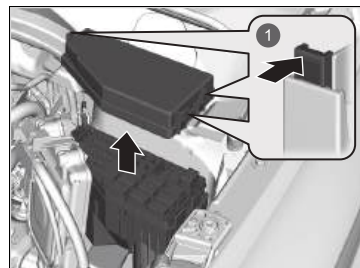
Nếu có bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

Hộp Cầu Chì Khoang Động Cơ

Hộp cầu chì A

Nằm gần ắc quy. Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số vỏ hộp.



① Vấu

Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Amps
1	Cần Gạt Nước	30A
2	LCM Trái	15A
3	Nguy Hiểm	10 A
4	Dừng	10A
5	EOP ^{*1} EVP ^{*2}	(20 A)
6	Kim Phun [*]	(20 A)
7	TCU	(10 A)
8	IGP	15 A
9	Cuộn IG	15 A
10	DBW ^{*1} IGP2 ^{*2}	15A
11	ABS/VSA MTR	40A
12	Quạt Chính	30A
13	Công Tắc TỬ ST	30A
14	Truy Cập Từ Xa	10A
15	Cảm Biến Ắc Quy	7,5 A
16	LCM Phải	15A
17	Dự Phòng FI-ECU	(10 A)
18	Còi	10 A
19	Âm Thanh Phụ [*]	(7,5 A)
20	Đèn Sương Mù Trước [*]	(10 A)

	Mạch Được Bảo Vệ	Amps
21	Âm Thanh [*]	(15 A)
22	Dự Phòng	15 A
23	Quạt Phụ	30A
24	ABS/VSA FSR	40 A
25	IGP2 Phụ	7,5 A
26	LAF	10A
27	— ^{*1} VBACT ^{*2}	(10 A)
28	—	—
29	Âm Thanh VST Chính ^{*,*1} — ^{*2}	(30 A)
30	Dự Phòng 2 Chính ^{*,*1} — ^{*2}	(30 A)
31	KHỞI ĐỘNG DIAG [*]	7,5 A
32	—	—
33	—	—

*1: Loại xe không có tu-bô tăng áp

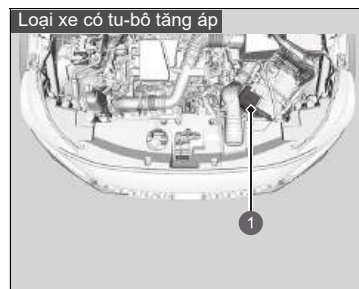
*2: Loại xe có tu-bô tăng áp

■ Hộp cầu chì B

Nằm gần cực $\oplus$ của ắc quy.
Để đại lý kiểm tra và thay cầu chì.



1 Hộp Cầu Chì



1 Hộp Cầu Chì

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

		Mạch Được Bảo Vệ	Amps
a		Ắc Quy Chính	100 A ^{*1} 125 A ^{*2}
b		Ắc Quy Chính (FAN)	70A
c		Ắc Quy Chính (ENG)	80A
d		EPS	70 A

*1: Loại xe không có tu-bô tăng áp

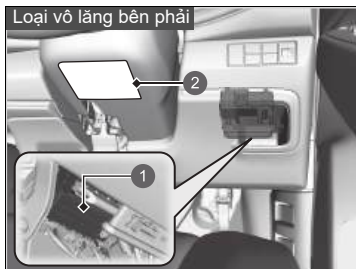
*2: Loại xe có tu-bô tăng áp

Loại xe có nhân cầu chì

Hộp Cầu Chì Trong Xe Phía Người Lái

Loại A

Nằm dưới bảng táp-lô.



- 1 Hộp Cầu Chì
- 2 Nhãn Cầu Chì



- 1 Hộp Cầu Chì
- 2 Nhãn Cầu Chì

Vị trí cầu chì có trên nhãn cầu chì nằm phía dưới trụ lái.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn cầu chì.

Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Amps
1	Phụ Kiện	7,5 A
2	Khóa Chìa Khóa ACC	7,5 A
3	-	(10 A)
4	LCM*	(5 A)
5	Tùy Chọn	10 A
6	Tùy Chọn 2	10 A
7	Đồng Hồ Đo	10 A
8	Bơm Nhiên Liệu	15 A
9	AIRCON	10A
10	-	(20 A)
11	MON	5A
12	Khóa Cửa Bên Phải	10 A
13	Mở Khóa Cửa Bên Trái	10 A
14	Cửa Kính Điện Sau Bên Trái	20 A
15	Cửa Kính Điện Hành Khách Trước	20A
16	Khóa Cửa	20 A
17	Hộp Số	10 A
18	Sạc USB*	(10 A)
19	-	(20 A)

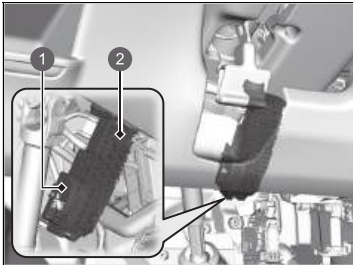
	Mạch Được Bảo Vệ	Amps
20	Rơ Le Ngắt Bộ Khởi Động	7,5 A
21	ACG	10A
22	Đèn Ban Ngày	7,5 A
23	Đèn Sương Mù Sau*	(10 A)
24	Tùy Chọn	10 A
25	Khóa Cửa Người Lái*	(10 A)
26	Mở Khóa Cửa Bên Phải	10 A
27	Cửa Kính Điện Sau Bên Phải	20 A
28	Cửa Kính Điện Người Lái	20 A
29	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Trước	(20 A)
30	-	(10 A)
31	Trượt Ghế Điện Người Lái*	(20 A)
32	-	(20 A)
33	Ngả Ghế Điện Người Lái*	(20 A)
34	VSA/ABS	10A
35	SRS	10 A
36	-	(20 A)
37	-	(15 A)
38	Khóa Cửa Bên Trái	10 A
39	Mở Khóa Cửa Người Lái*	(10 A)

Loại vỏ láng bên trái

■ Loại B

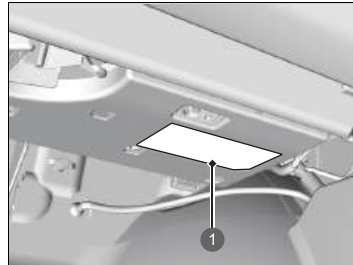
Nằm dưới bảng táp-lô.

Chỉ cầu chì số 1 ở bên ngoài hộp cầu chì.
Nên để đại lý thay cầu chì này.



① Cầu Chì Số 1

② Cầu Chì Số 2-25



① Nhãn Cầu Chì

Vị trí cầu chì có trên nhãn cầu chì bên dưới hộp đựng đồ.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số nhãn cầu chì.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

		Mạch Được Bảo Vệ	Amps
1		Hộp Cầu Chì Chính	60 A
2		IG Chính	30 A
3		IG Chính 2	30 A
4		Mô-đun Rơ Le 1	30 A
5		Mô-đun Rơ Le 2	30 A
6		Hộp Cầu Chì Chính 2	40 A
7		Hộp Cầu Chì Tự Chọn	(40 A)
8		Mô-tơ Bộ Sưởi	30A
9		Mô-tơ Cửa Hậu Điện*	(40 A)
10		Sấy Kính Sau	30 A
11		DC/DC1*	(30 A)
12		VST2*	(30 A)
13	-	-	-
14		SRS	10 A
15	-	-	-
16		Ly Hợp MG	(7,5 A)
17		IMG	10 A
18		-	(20 A)
19	-	-	-
20	-	-	-
21		Bộ Đóng Cửa Hậu Điện*	(20 A)
22	-	-	-
23		Rửa kính	(15 A)
24		-	(10 A)
25	-	-	-

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Loại xe không có nhãn cầu chì

■ Hộp Cầu Chì Trong Xe Phía Người Lái

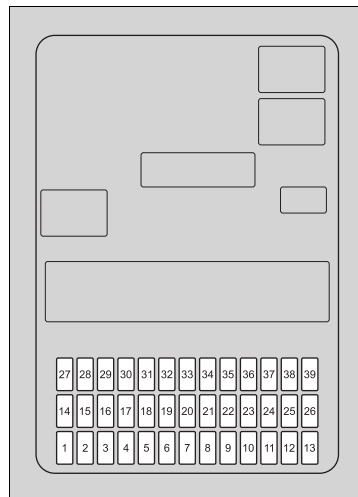
Nằm dưới bảng táp-lô.



① Hộp Cầu Chì

Vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.



■ **Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện**

	Mạch Được Bảo Vệ	Amps
1	Phụ Kiện	7,5 A
2	Khóa Chìa Khóa ACC	7,5 A
3	–	–
4	–	–
5	Tùy Chọn	10 A
6	Tùy Chọn 2	10 A
7	Đồng Hồ Đo	10 A
8	Bơm Nhiên Liệu	15 A
9	AIRCON	10A
10	–	–
11	MON	5A
12	Khóa Cửa Bên Phải	10 A
13	Mở Khóa Cửa Bên Trái	10 A
14	Cửa Kính Điện Sau Bên Trái	20 A
15	Cửa Kính Điện Hành Khách Trước	20A
16	Khóa Cửa	20 A
17	Hộp Số	10 A
18	Sạc USB	10 A
19	–	–
20	Rơ Le Ngắt Bộ Khởi Động	7,5 A
21	ACG	10A
22	Đèn Ban Ngày	7,5 A
23	–	–
24	Tùy Chọn	10 A

	Mạch Được Bảo Vệ	Amps
25	–	–
26	Mở Khóa Cửa Bên Phải	10 A
27	Cửa Kính Điện Sau Bên Phải	20 A
28	Cửa Kính Điện Người Lái	20 A
29	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Trước	20 A
30	–	–
31	–	–
32	–	–
33	–	–
34	VSA/ABS	10A
35	SRS	10 A
36	–	–
37	–	–
38	Khóa Cửa Bên Trái	10 A
39	–	–

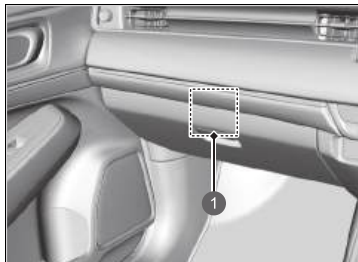
Hộp Cầu Chì Trong Xe Phía Hành Khách

Loại vô lăng bên phải

Loại A

Nằm dưới bảng táp-lô.

Chỉ cầu chì số 1 ở bên ngoài hộp cầu chì.
Nên để đại lý thay cầu chì này.



1 Cầu Chì Số 1

Các cầu chì khác trừ cầu chì số 1 đều nằm dưới bảng táp-lô.



- 1 Nhãn Cầu Chì
- 2 Cầu Chì Số 2-25

Vị trí cầu chì được ghi trên nhãn.
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số nhãn cầu chì.

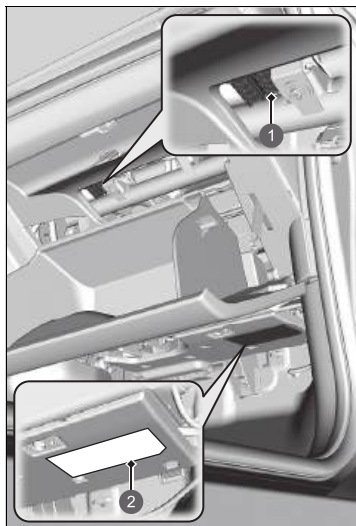
Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

		Mạch Được Bảo Vệ	Amps
1		Hộp Cầu Chì Chính	60 A
2		IG Chính	30 A
3		IG Chính 2	30 A
4		Mô-đun Rơ Le 1	30 A
5		Mô-đun Rơ Le 2	30 A
6		Hộp Cầu Chì Chính 2	40 A
7		Hộp Cầu Chì Tự Chọn	(40 A)
8		Mô-tơ Bộ Sưởi	30A
9		Mô-tơ Cửa Hậu Điện*	(40 A)
10		Sấy Kính Sau	30 A
11		-	(30 A)
12		-	(30 A)
13	-	-	-
14		SRS	10 A
15	-	-	-
16		Ly Hợp MG	(7,5 A)
17		IMG	10 A
18		-	(20 A)
19	-	-	-
20	-	-	-
21		Bộ Đóng Cửa Hậu Điện*	(20 A)
22	-	-	-
23		Rửa kính	(15 A)
24		-	(10 A)
25	-	-	-

■ Loại B*

Nằm gần lọc gió điều hòa.

🔧 Lọc Gió Điều Hoà Tr. 612



① Hộp Cầu Chì

② Nhãn Cầu Chì

Vị trí cầu chì được ghi trên nhãn.

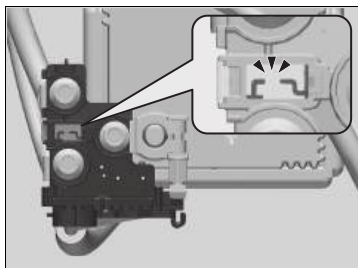
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số nhãn cầu chì.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

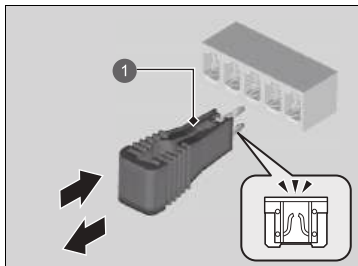
		Mạch Được Bảo Vệ	Amps
1	–	–	–
2	–	–	–
3		Âm Thanh Phụ VST*	(7,5 A)
4		Dự Phòng 2 Chính	(15 A)
5		VST IG1 1	(7,5 A)
6		VST IG1 2	(10 A)
7		VST ACC	(7,5 A)
8		Âm Thanh VST Chính	(15 A)

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Kiểm Tra và Thay Cầu Chì



1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY. Tắt các đèn chiếu sáng và tắt cả các phụ kiện.
2. Tháo nắp ở cực dương $\oplus$.
3. Kiểm tra các cầu chì trên ắc quy trong khoang động cơ.
 - Nếu cầu chì nổ, hãy mang xe đến đại lý để thay cầu chì.



1 Kẹp Tháo Cầu Chì

4. Tháo vỏ hộp cầu chì.
5. Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong khoang động cơ và bên trong xe.
 - Nếu có cầu chì bị nổ, tháo cầu chì bằng kẹp tháo cầu chì và thay cái mới.

►► Kiểm Tra và Thay Cầu Chì

LƯU Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ cao hơn sẽ làm hệ thống điện nhanh hỏng.

Sử dụng sơ đồ để xác định vị trí cầu chì cần tìm và xác định cường độ dòng điện quy định trên nhãn cầu chì.

► Vị Trí Cầu Chì Tr. 676

Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.

Có một kẹp tháo cầu chì ở phía sau vỏ hộp cầu chì A khoang động cơ.

Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.

■ Thiết bị kéo sàn phẳng

Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.

Đây là cách tốt nhất để vận chuyển xe của bạn.

■ Thiết bị nâng bánh xe

Xe kéo sử dụng hai thanh nâng đặt dưới lốp trước và nâng chúng lên khỏi mặt đất. Các lốp xe sau vẫn nằm trên mặt đất. **Có thể sử dụng cách này để kéo xe bạn.**

» Kéo Xe Khẩn Cấp

LƯU Ý

Cổ nâng hoặc kéo xe bằng tấm cân sẽ gây hư hỏng nặng. Các tấm cân không có chức năng nâng đỡ trọng lượng của xe.

LƯU Ý

Kéo xe không đúng cách như kéo bằng nhà di động hoặc bằng xe khác có thể làm hỏng hộp số.

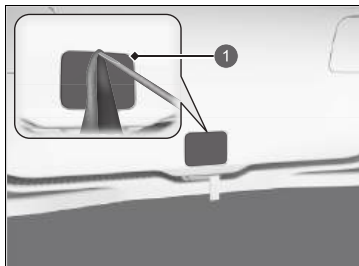
Đảm bảo nhả phanh đỗ. Nếu không thể nhả phanh đỗ, xe của bạn phải được vận chuyển bằng thiết bị kéo sàn phẳng.

➡ **Phanh Đỗ** Tr. 526

Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích. Kéo xe bằng dây thừng hoặc xích rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể lắt từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt.

■ Làm Gì Nếu Không Mở Được Cửa Hậu

Nếu bạn không mở được cửa hậu, hãy làm theo quy trình sau.



❶ Miếng Ốp

1. Dùng tua-vít đầu dẹt để tháo miếng ốp nằm ở phía sau cửa hậu.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

▣ Làm Gì Nếu Không Mở Được Cửa Hậu

Theo dõi:

Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.

Khi bạn mở cửa hậu từ bên trong xe, hãy đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh cửa hậu để cửa không va vào bất kỳ ai hoặc bất kỳ vật gì.

Loại xe có cửa hậu điện



1 Cần

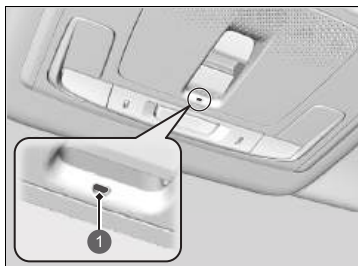
2. Để mở cửa hậu, đẩy cửa hậu đồng thời dùng tua-vít đầu dẹt để trượt cần sang bên phải.

Loại xe không có cửa hậu điện



1 Cần

Cuộc gọi khẩn cấp tự động



1 Đèn Báo eCall

- Số nhận dạng xe (VIN)
- Loại xe (xe chở khách hoặc xe tải loại nhỏ)
- Loại nhiên liệu xe sử dụng (xăng/diesel/CNG/LPG/điện/hydro)
- Ba điểm đến gần đây nhất của xe
- Hướng di chuyển
- Chế độ khởi động (tự động hoặc bằng tay)
- Mốc thời gian

Khi bắt đầu cuộc gọi khẩn cấp, loa của xe sẽ tắt để bạn có thể nghe thấy tiếng của tổng đài viên.

Khi đặt chế độ nguồn ở BẬT, đèn báo eCall sẽ sáng màu xanh lục trong 1 giây, sau đó chuyển sang màu đỏ trong 1 giây.

Nếu xe xảy ra va chạm, hệ thống sẽ cố gắng kết nối với tổng đài Điểm Trả Lời An Toàn Công Cộng (PSAP). Khi kết nối thành công, một số thông tin về xe sẽ được gửi đến tổng đài PSAP người mà bạn có thể nói chuyện cùng. Những thông tin đó bao gồm:

❏ Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*

Xe của bạn được trang bị hệ thống dịch vụ eCall 999.

Dịch vụ eCall 999 là dịch vụ công cộng vì lợi ích chung và miễn phí truy cập.

Hệ thống eCall 999 trên xe hoạt động khi chế độ nguồn được đặt ở BẬT. Khi xảy ra va chạm, hệ thống sẽ xác định mức độ va chạm dựa vào thông tin thu được từ các cảm biến trên xe, sau đó kích hoạt chức năng gọi khẩn cấp tùy thuộc vào mức độ va chạm đó.

Hệ thống eCall 999 trên xe cũng có thể được kích hoạt bằng tay nếu cần.

❏ Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút Tr. 690

Việc xử lý dữ liệu cá nhân nào thông qua hệ thống eCall 999 trên xe phải tuân theo các quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân của Chỉ Thị số 95/46/EC (đã được thay bằng chỉ thị số 2016/679/EC) và 2002/58/EC, đặc biệt, phải tuân theo Điều 7(d) của Chỉ Thị số 95/46/EC (đã được thay bằng chỉ thị số 2016/679/EC) để bảo vệ các quyền lợi quan trọng của cá nhân.

Việc xử lý dữ liệu cá nhân bị giới hạn nghiêm ngặt chỉ cho mục đích chỉ định của số điện thoại khẩn cấp 999.

Nếu hệ thống eCall hoạt động bình thường, đèn báo sẽ sáng màu xanh lục.

- Màu xanh lục: Hệ thống eCall đã sẵn sàng.
- Nhấp nháy màu xanh lục: Hệ thống eCall được kết nối và đang thực hiện cuộc gọi eCall với tổng đài PSAP.
- Nhấp nháy màu đỏ ngắt quãng liên tục: Lỗi kết nối hệ thống eCall với tổng đài. Đèn báo eCall sẽ tiếp tục nhấp nháy như vậy trong 30 giây, sau đó sẽ sáng màu xanh lục.

Nếu hệ thống eCall 999 dừng hoạt động khi hệ thống bị lỗi nghiêm trọng, sẽ có các cảnh báo dưới đây để báo cho người ngồi trên xe:

- Đèn báo sáng đỏ hoặc tắt lịm: Hệ thống eCall có sự cố. Nếu đèn báo tiếp tục sáng đỏ hoặc tắt lịm ngay cả khi bạn đã khởi động lại xe, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
- Đèn báo nhấp nháy đỏ: Điện áp ắc quy dự phòng ở mức cực thấp. Khi nguồn ở BẬT, ắc quy sẽ tiến hành nạp điện. Khi ắc quy được nạp đến một mức nhất định, đèn báo eCall sẽ sáng màu xanh lục.

►► Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*

Các điểm trả lời an toàn công cộng là nơi nhận dữ liệu được xử lý bởi hệ thống eCall 999 trên xe. Các điểm này được quy định bởi các cơ quan có thẩm quyền tương ứng của các quốc gia được đặt trụ sở, là nơi đầu tiên nhận dữ liệu và chỉ dùng cho số điện thoại khẩn cấp 999.

Xe của bạn KHÔNG thể kết nối với tổng đài PSAP nếu:

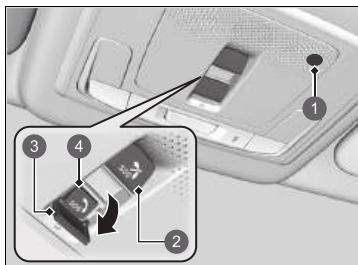
- Cả ắc quy 12V và ắc quy dự phòng đều yếu.
- Xe của bạn nằm ngoài vùng phủ sóng di động.
- Hệ thống eCall hoặc thiết bị ngoại vi của hệ thống như micro hoặc loa có sự cố.

Ắc quy dự phòng có tuổi thọ ít nhất 3 năm, sau đó có thể cần phải thay thế.

Ắc quy dự phòng không có sẵn trên thị trường. Hãy đến đại lý để thay thế.

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút



- ❶ Micro
- ❷ Nút Hủy **SOS**
- ❸ Nắp
- ❹ Nút **SOS**

Nút **SOS** có nắp bảo vệ. Mờ nắp ra để ấn nút.

Khi bắt đầu cuộc gọi khẩn cấp, loa của xe sẽ tắt để bạn có thể nghe thấy tiếng của tổng đài viên.

►► Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút

KHÔNG ấn nút khi bạn đang lái xe. . Nếu bạn cần liên hệ với tổng đài, hãy đỗ xe ở nơi an toàn trước khi thực hiện cuộc gọi.

Nếu hệ thống eCall không thể kết nối với tổng đài PSAP ở lần gọi đầu tiên, hãy gọi lại cho đến khi kết nối thành công. Tuy nhiên, hệ thống sẽ không thể kết nối được nữa sau 2 phút tính từ lần gọi đầu tiên.

Khi hệ thống đã kết nối thành công với tổng đài, bạn không thể hủy cuộc gọi bằng nút hủy **SOS**.

►► Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*

Bảo mật dữ liệu

Hệ thống eCall 999 trên xe được thiết kế để đảm bảo:

- Dữ liệu có trong bộ nhớ hệ thống không được sao lưu ra bên ngoài hệ thống trước khi eCall hoạt động.
- Không thể truy xuất hoặc theo dõi liên tục hệ thống khi hệ thống đang hoạt động bình thường.
- Dữ liệu trong bộ nhớ trong của hệ thống được xóa tự động và liên tục.

Để hệ thống hoạt động bình thường, dữ liệu vị trí của xe liên tục được ghi đè vào bộ nhớ trong của hệ thống, vì vậy ba điểm đến gần đây nhất của xe được cập nhật liên tục.

Nhật ký dữ liệu hoạt động trong hệ thống eCall 999 trên xe chỉ được lưu giữ trong khoảng thời gian cần thiết nhằm mục đích xử lý cuộc gọi eCall khẩn cấp và thường được lưu không quá 13 giờ kể từ thời điểm bắt đầu thực hiện cuộc gọi eCall khẩn cấp.

📞 Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)*

Quyền của chủ xe

Chủ thể dữ liệu (chủ xe) có quyền truy cập dữ liệu và có quyền yêu cầu sửa, xóa hoặc chặn dữ liệu liên quan đến họ, việc xử lý dữ liệu đó không nằm trong quy định của Chỉ Thị số 95/46/EC (đã được thay bằng chỉ thị số 2016/679/EC).

Bất kỳ bên thứ ba nào được tiết lộ về dữ liệu phải được thông báo về việc sửa, xóa hoặc chặn dữ liệu tuân theo đúng Chỉ Thị này, trừ khi chứng minh được việc thông báo là không thể hoặc không cần thiết.

Chủ thể dữ liệu có quyền khiếu nại với cơ quan bảo vệ dữ liệu có thẩm quyền nếu chủ thể thấy rằng quyền của họ bị xâm phạm trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân của họ.

Thông Tin Dịch Vụ eCall của Honda:
Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào về eCall, hãy liên hệ với văn phòng dịch vụ tại quốc gia bạn cư trú. Hãy xem sổ bảo dưỡng để biết danh sách các văn phòng đó.

Thông Tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng xe và các thông tin khác theo quy định.

Thông Số Kỹ Thuật	694
Số Nhận Dạng	
Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số.....	700
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio*	702
Tuân Thủ Quy Định*	
Quy Định Bảo Vệ Môi Trường.....	708
Giấy Phép Mã Nguồn Mờ*	709

Loại xe không có tu-bô tăng áp

■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

Loại Xe	HR-V
Trọng Lượng Xe	1.267 kg ¹
	1.251 kg ²
	1.278 kg ³
	1.262 - 1.271 kg ⁴
	1.278 - 1.317 kg ⁵
	1.250 - 1.281 kg ⁶
	1.273 - 1.294 kg ^{8, *16}
	1.262 - 1.279 kg ⁷
	1.273 - 1.275 kg ¹⁰
	1.271 - 1.297 kg ¹¹
Tải Trọng Tối Đa Cho Phép	1.265 - 1.283 kg ¹²
	1.273 kg ¹³
	1.267 - 1.271 kg ¹⁴
	1.269 - 1.270 kg ¹⁵
	Xem nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa người lái ^{9, *17}
Tải Trọng Tối Đa Cho Phép	Xem nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa hành khách ³
	1.740 kg ^{8, *16}
Tải Trọng Trục Tối Đa Cho Phép	Xem nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa người lái ^{9, *17}
	Xem nhãn chứng nhận trên thanh dọc cửa hành khách ³
Tải Trọng Trục Tối Đa Cho Phép ^{8, *16}	Trước 920kg
	Sau 820kg

- *1: Loại xe Australia và Fiji
- *2: Loại xe Singapore
- *3: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải
- *4: Loại xe Campuchia, Lào và Việt Nam
- *5: Loại xe Trung Đông
- *6: Loại xe Indonesia
- *7: Loại xe Philippin
- *8: Ngoại trừ loại xe Châu Phi và New Caledonia
- *9: Loại xe Ghana
- *10: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải
- *11: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe New Caledonia
- *12: Loại xe Brunei, Bangladesh và Sri Lanka
- *13: Loại xe Malaysia
- *14: Loại xe Đài Loan
- *15: Loại xe Pakistan
- *16: Loại xe Nigeria
- *17: Loại xe New Caledonia

■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	DOHC 4 xy lạnh thẳng hàng làm mát bằng nước
Đường Kính x Hành Trình	73,0 x 89,5 mm
Dung Tích	1498 cm ³
Tỷ Số Nén	10,6 : 1
Công Suất Tối Đa ¹	89 kW (119 HP)/6.600 rpm
Mô Men Tối Đa ¹	145 N·m (14,8 kgf·m)/4.300 rpm
Tốc Độ Tối Đa ¹	187 km/h ^{2, *3}
	186 km/h ^{2, *4}
	185 km/h ⁵
Bugi	NGK DILZKAR7C11H
	DENSO DXE22HCR11H [*]

- *1: Các quốc gia thuộc Hội Đồng Hợp Tác Vùng Vịnh (GCC)
- *2: Loại xe có bánh xe 17 inch
- *3: Loại xe không có túi khí rèm
- *4: Loại xe có túi khí rèm
- *5: Loại xe có bánh xe 18 inch

■ Nhiên Liệu

Loại	Loại xe Indonesia
	Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên
	Ngoại trừ loại xe Indonesia, Malaysia, Pakistan và Đài Loan
	Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên
	Loại xe Đài Loan
	Xăng không chì, chỉ số Octan 92 trở lên
	Loại xe Malaysia
	Xăng cao cấp không chì, chỉ số Octan 95 trở lên
	Loại xe Pakistan
	Xăng không chì EURO V/5, mangan: tối đa 2mg/Lit, chỉ số Octan 91 trở lên
Dung Tích Bình Nhiên Liệu	40 L

■ Ấc Quy

Dung Tích	27AH(5)/30AH(20) ^{*1}
	36AH(5)/47AH(20) ^{*2}
	48AH(5)/60AH(20) ^{*3}

- *1: Ngoại trừ loại xe Singapore, Australia, Fiji và Đài Loan
- *2: Loại xe Singapore, Australia và Fiji
- *3: Loại xe Đài Loan

■ Nước Rửa Kính

Dung Tích Tĩnh Chứa	2,5 L
---------------------	-------

■ Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)	LED
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)	LED
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày	LED
Đèn Xi Nhan Trước	LED
Đèn Vào Cua Chủ Động*	LED
Đèn Sương Mù Trước*	LED
Đèn Xi Nhan Bên (trên Gương Cửa)	LED
Đèn Phanh	LED
Đèn Hậu	LED
Đèn Xi Nhan Sau	21 W Màu Hổ Phách (WY21W)* LED*
Đèn Lùi	16W (W16W)* LED*
Đèn Sương Mù Sau*	LED
Đèn Biển Số Sau	LED
Đèn Phanh Cao	LED
Đèn Trong Xe	
Đèn Đọc Sách Trước	LED
Đèn Trần*	LED
Đèn Đọc Sách Sau*	LED
Đèn Viên*	LED
Đèn Gương Cá Nhân*	2,3W
Đèn Hộp Đựng Đồ Trung Tâm	LED
Đèn Khoang Hành Lý	LED

■ Dầu Phanh

Quy Định	Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4
----------	----------------------------

■ Điều Hòa Không Khí

Loại Môi Chất Lạnh	HFC-134a (R-134a)* ¹ HFO-1234yf (R-1234yf)* ²
Khối Lượng Nạp	395 - 445 g ¹ 345 - 395 g ²

*1: Ngoại trừ loại xe Singapore, Australia và Fiji
*2: Loại xe Singapore, Australia và Fiji

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp

Quy Định	Honda HCF-2
Dung Tích	Thay 2,8 L

■ Dầu Động Cơ

Khuyến Nghị	- Dầu Động Cơ Honda #1.0 - Dầu Honda Green - Dầu Chính Hãng Honda Motor 0W-16, 0W-20, 5W-30 - Dầu đạt API cấp SN hoặc cấp cao hơn hoặc ACEA A5/B5 0W-16, 0W-20, 5W-30	
	Thay 3,1 L	
Dung Tích	Thay cả lọc 3,3 L	

■ Nước Làm Mát Động Cơ

Quy Định	Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2 của Honda
Tỷ Lệ	50/50 với nước cất
Dung Tích	3,79 L ^{*1}
	3,90 L ^{*2}
	4,04 L ^{*3} (Thay cả 0,45 L còn lại trong bình chứa)

*1: Loại xe Indonesia và Malaysia
*2: Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải, loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải, loại xe Brunei, Bangladesh, Sri Lanka, Pakistan, Australia, Fiji và Singapore
*3: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái, loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái, loại xe New Caledonia, Philippin, Campuchia, Lào, Việt Nam, Đài Loan và Trung Đông

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

■ Lốp Xe

Thường	Kích Thước ^{*1}	215/60R16 95H 215/60R17 96H 225/50R18 95V
	Áp Suất	Xem nhãn trên thanh đọc cửa người lái
Dự Phòng Cỡ Nhỏ ^{*2}	Kích Thước	T135/90D17 104M
	Áp Suất kPa (bar) psi	420 (4,2) 60
Dự Phòng ^{*3} (Lốp cùng kích cỡ) /	Kích Thước ^{*1}	215/60R17 96H 225/50R18 95V
	Áp Suất	Giống lốp thông thường. Xem nhãn trên thanh đọc cửa người lái.
Kích Thước Bánh Xe	Thường	16 x 7J ^{*4} 17 x 7J ^{*5} 18 x 7 1/2J ^{*6}
	Dự Phòng Cỡ Nhỏ ^{*2}	17 x 4T
	Dự Phòng Cùng Kích Cỡ ^{*3}	17 x 7J ^{*5} 18 x 7 1/2J ^{*6}

- *1: Kích thước lốp ban đầu có trên nhãn thông tin lốp xe
trên thanh đọc cửa người lái.
*2: Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ
*3: Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ
*4: Loại xe có bánh xe 16 inch
*5: Loại xe có bánh xe 17 inch
*6: Loại xe có bánh xe 18 inch

■ Phanh

Loại	Trợ Lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Đĩa đặc
Đỗ	Phanh Đỗ Điện

■ Kích Thước Xe

Loại xe Australia và Fiji	
Chiều Dài	4.345 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.590 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.535 mm
	Sau 1.540 mm

Loại xe Singapore

Chiều Dài	4.355 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.580 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.545 mm
	Sau 1.550 mm

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên phải

Chiều Dài	4.361 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.590 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.535 mm
	Sau 1.540 mm

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên phải

Chiều Dài	4.361 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.591 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.548 mm
	Sau 1.553 mm

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên trái và loại xe
New Caledonia

Chiều Dài	4.347 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.590 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.545 mm ^{*1}
	1.535 mm ^{*2}
	Sau 1.550 mm ^{*1}
	1.540 mm ^{*2}

- *1: Loại xe có bánh xe 17 inch
*2: Loại xe có bánh xe 18 inch

Loại xe Philippine

Chiều Dài	4.347 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.591 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.548 mm ^{*1}
	1.537 mm ^{*2}
	Sau 1.553 mm ^{*1}
	1.543 mm ^{*2}

- *1: Loại xe có bánh xe 17 inch
*2: Loại xe có bánh xe 18 inch

Loại xe Campuchia, Lào và Việt Nam

Chiều Dài	4.347 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.590 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.545 mm
	Sau 1.550 mm

Loại xe Brunei, Bangladesh và Sri Lanka

Chiều Dài	4.347 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.591 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.605 mm ^{*1} 2.606 mm ^{*2}
Vệt Bánh Xe	Trước 1.552 mm ^{*1} 1.542 mm ^{*2}
	Sau 1.553 mm ^{*1} 1.543 mm ^{*2}

*1: Loại xe có bánh xe 17 inch

*2: Loại xe có bánh xe 18 inch

Loại xe Indonesia

Chiều Dài	4.347 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.590 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.545 mm ^{*1} 1.535 mm ^{*2}
	Sau 1.550 mm ^{*1} 1.540 mm ^{*2}

*1: Loại xe có bánh xe 17 inch

*2: Loại xe có bánh xe 18 inch

Loại xe Trung Đông

Chiều Dài	4.398 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.590 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.545 mm ^{*1} 1.535 mm ^{*2}
	Sau 1.550 mm ^{*1} 1.540 mm ^{*2}

*1: Loại xe có bánh xe 17 inch

*2: Loại xe có bánh xe 18 inch

Loại xe Malaysia

Chiều Dài	4.330 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.590 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.545 mm
	Sau 1.550 mm

Loại xe Đài Loan

Chiều Dài	4.330 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.590 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.545 mm
	Sau 1.550 mm

Loại xe Châu Phi có vô lăng bên trái

Chiều Dài	4.385 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.590 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.535 mm
	Sau 1.540 mm

Loại xe Pakistan

Chiều Dài	4.346 mm
Chiều Rộng	1.790 mm
Chiều Cao	1.590 mm
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm
Vệt Bánh Xe	Trước 1.548 mm
	Sau 1.553 mm

Loại xe có tu-bô tăng áp

■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

Loại Xe	HR-V	
Trọng Lượng Xe	1.380 - 1.403 kg	
Tải Trọng Tối Đa Cho Phép	1.830kg	
Tải Trọng Trục Xe	Trước	1.030kg
Tối Đa Cho Phép	Sau	865kg

■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	DOHC 4 xy lanh thẳng hàng làm mát bằng nước	
Đường Kính x Hành Trình	73,0 x 89,5 mm	
Dung Tích	1498 cm ³	
Tỷ Số Nén	10,3 : 1	
Bugì	NGK	DILKAR8P8SY

■ Nhiên Liệu

Loại	Xăng cao cấp không chì, chỉ số Octan 95 trở lên	
Dung Tích Bình Nhiên Liệu	40 L	

■ Ấc Quy

Dung Tích	48AH(5)/60AH(20)	
-----------	------------------	--

■ Nước Rửa Kính

Dung Tích Bình	2,5 L	
----------------	-------	--

■ Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)	LED
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)	LED
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày	LED
Đèn Xi Nhan Trước	LED
Đèn Sương Mù Trước	LED
Đèn Xi Nhan Bên (trên Gương Cửa)	LED
Đèn Phanh	LED
Đèn Hậu	LED
Đèn Xi Nhan Sau	21 W (Màu Hổ Phách)
Đèn Lùi	16W
Đèn Biển Số Sau	LED
Đèn Phanh Cao	LED
Đèn Trong Xe	
Đèn Đọc Sách Trước	LED
Đèn Trần*	LED
Đèn Đọc Sách Sau*	LED
Đèn Gương Cá Nhân*	2,3W
Đèn Khoang Hành Lý	LED

■ Dầu Phanh

Quy Định	Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4	
----------	----------------------------	--

■ Điều Hòa Không Khí

Loại Ga Lạnh	HFC-134a (R-134a)	
Khối Lượng Nạp	415 - 465 g	

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp

Quy Định	Honda HCF-2	
Dung Tích	Thay	3,7 L

■ Dầu Động Cơ

Khuyến Nghị	- Dầu Chính Hãng Honda Motor 0W-20, 0W-30, 5W-30 - Dầu đạt API cấp SM hoặc cấp cao hơn hoặc ACEA A5/B5 0W-20, 0W-30, 5W-30	
Dung Tích	Thay	3,2 L
	Thay cả lọc	3,5 L

■ Nước Làm Mát Động Cơ

Quy Định	Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2 của Honda
Tỷ Lệ	50/50 với nước cất
Dung Tích	5,48 L (Thay cả 0,64 L còn lại trong bình chứa)

■ Lớp Xe

Thường	Kích Thước*1	215/60R17 96H 225/50R18 95V
	Áp Suất	Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Dự Phòng Cỡ Nhỏ	Kích Thước	T135/90D17 104M
	Áp Suất	420 (4,2) 60 kPa (bar) psi
Kích Thước	Thường	17 x 7J ² 18 x 7 1/2J ³
	Bánh Xe	Dự Phòng Cỡ Nhỏ 17 x 4T

*1: Kích thước lốp ban đầu có trên nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.

*2: Loại xe có bánh xe 17 inch

*3: Loại xe có bánh xe 18 inch

■ Phanh

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Đĩa đặc
Đỗ	Phanh Đỗ Điện

■ Kích Thước Xe

Chiều Dài	4.385 mm	
Chiều Rộng	1.790 mm	
Chiều Cao	1.590 mm	
Chiều Dài Cơ Sở	2.610 mm	
Vệt Bánh Xe	Trước	1.545 mm ^{*1}
		1.535 mm ^{*2}
	Sau	1.550 mm ^{*1}
		1.540 mm ^{*2}

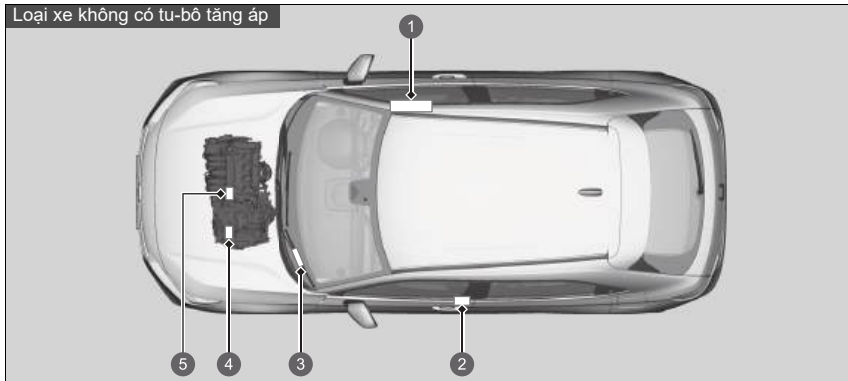
*1: Loại xe có bánh xe 17 inch

*2: Loại xe có bánh xe 18 inch

Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Xe bạn có số nhận dạng (VIN) 17 ký tự dùng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp bằng và bảo hiểm. Vị trí của số VIN, số máy và số hộp số được minh họa như bên dưới.

Loại xe không có tu-bô tăng áp



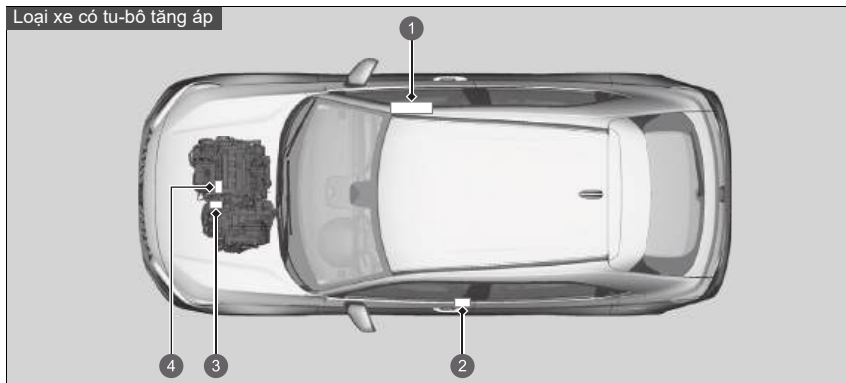
- ① Số Nhận Dạng Xe
- ② Nhãn Chứng Nhận*/Bảng Chứng Nhận*/Số Nhận Dạng Xe*/Số Máy*/Số Khung*
- ③ Số Nhận Dạng Xe*
- ④ Số Hộp Số Vô Cấp
- ⑤ Số Máy

❏ Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Số nhận dạng xe (VIN) nằm ở bên dưới nắp che.



① Vô



- ❶ Số Nhận Dạng Xe
- ❷ Nhãn Chứng Nhận*/Bảng Chứng Nhận*/Số Máy*/Số Khung*
- ❸ Số Hộp Số Vô Cấp
- ❹ Số Máy

* Không có sẵn ở tất cả các loại xe

Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio*

Các thiết bị và hệ thống trên xe dưới đây sẽ phát ra sóng radio khi hoạt động.

Loại xe theo quy định FCC

Mỗi thiết bị tần số vô tuyến được lắp đặt trên xe đều tuân theo các yêu cầu và tiêu chuẩn của quy định dưới đây:

AS theo yêu cầu của FCC:

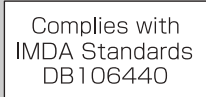
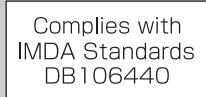
Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn.

Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm phê duyệt có thể khiến người dùng mất quyền sử dụng thiết bị đó.

»Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio*

Loại xe Đài Loan

取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa		
BCM		FOB
Loại xe Botswana	BOCRA BOCRA/TA/2020/5766	BOCRA BOCRA/TA/2020/5502
Loại xe Jamaica	Sản phẩm này đã được Jamaica Phê Duyệt Loại: SMA – “41580430” trên sản phẩm	Sản phẩm này đã được Jamaica Phê Duyệt Loại: SMA – “TP_4” trên sản phẩm
Loại xe Nigeria	Việc kết nối và sử dụng thiết bị liên lạc này được Ủy ban Truyền thông Nigeria cho phép	Việc kết nối và sử dụng thiết bị liên lạc này được Ủy ban Truyền thông Nigeria cho phép
Số ESD-RCE-2023291		Số ESD-RCE-2022596C
Loại xe Philippin		
Loại xe Singapore		
Loại xe Indonesia	—	Địa chỉ web của Mã QR: https://sertifikasi.postel.go.id/valid?section=4f94ec92c3a7c44073065befddad1b22S3r107620S3r07b0b99ff69237359f67408f220423ba 

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa		
	BCM	FOB
Loại xe các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất	TRA REGISTERED No: ER88345/20 DEALER No: DA36975/14	TRA REGISTERED No: ER81325/20 DEALER No: DA36975/14
Loại xe Việt Nam	HONDAYN A00092011  ICT	HONDAYN A00092011  ICT
Loại xe Zambia	 ZICTA ZMB/ZICTA/TA/2020/7/127	 ZICTA ZMB/ZICTA/TA/2020/6/39

Loại xe Bermuda, Curacao, Quần đảo Cayman, New Caledonia và Sint Maarten

Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	
BCM	FOB
http://continental-homologation.com/honda	http://continental-homologation.com/honda
	
Bằng văn bản này, Continental Automotive GmbH tuyên bố rằng sản phẩm này [41580430] tuân thủ các yêu cầu cơ bản và các quy định liên quan khác của Chỉ Thị 2014/53/EU.	Bằng văn bản này, Continental Automotive GmbH tuyên bố rằng sản phẩm này [TP_4] tuân thủ các yêu cầu cơ bản và các quy định liên quan khác của Chỉ Thị 2014/53/EU.
Toàn văn tuyên bố tuân thủ tiêu chuẩn của Liên Minh Châu Âu có trên trang web: https://continental-homologation.com/honda	Toàn văn tuyên bố tuân thủ tiêu chuẩn của Liên Minh Châu Âu có trên trang web: https://continental-homologation.com/honda
Hướng dẫn và thông tin an toàn:	Hướng dẫn và thông tin an toàn:
Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa	Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa
Địa chỉ bưu điện:	Địa chỉ bưu điện:
Siemensstrasse 12	Siemensstrasse 12
D-93055 Regensburg	D-93055 Regensburg
Đức	Đức
Tên nhà sản xuất:	Tên nhà sản xuất:
Continental Automotive GmbH	Continental Automotive GmbH
Băng tần: 125KHz	Băng tần: 433,92MHz
Công suất truyền tải tối đa: 10mW	Công suất truyền tải tối đa: 1mW
Tên Nhà Nhập Khẩu:	Tên Nhà Nhập Khẩu:
Honda Motor Europe Ltd - Văn Phòng Aalst	Honda Motor Europe Ltd - Văn Phòng Aalst
Địa chỉ bưu điện:	Địa chỉ bưu điện:
Wijngaardveld 1 (Noord V) 9300 Aalst - Bỉ	Wijngaardveld 1 (Noord V) 9300 Aalst - Bỉ

Bộ Điều Khiển Viễn Thông*		Sạc Không Dây*
Loại xe các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất	—	
Loại xe Việt Nam		—
Loại xe Bahamas	—	BH EVS Co.,Ltd. WC500HOC121 Thông tin này là số khung, số máy của từng sản phẩm. FCC ID: 2A6WXWC500HOTL20
Loại xe Botswana	—	
Loại xe New Caledonia	—	Bằng văn bản này, BH EVS Co.,Ltd. tuyên bố rằng loại thiết bị radio WC500HOC121 tuân thủ Chỉ Thị 2014/53/EU. Toàn văn tuyên bố tuân thủ tiêu chuẩn của Liên Minh Châu Âu có trên trang web: http://bhevs.co.kr/bbs/board.php?tbl=e_bbs42_2 Mục đích sử dụng: Sạc Điện Không Dây cho xe Địa chỉ bưu điện: Am Kronberger Hang 2 65824 Schwalbach am Taunus Đức Tên nhà sản xuất: BH EVS Co.,Ltd. Băng tần: 111kHz Công suất truyền tải tối đa: 42dBuA/m @10m

Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)

Loại xe
các tiêu
Vương
quốc Ả rập
Thống
nhất

TRA ER73675/19
0019826/09

Quy Định Bảo Vệ Môi Trường

Loại xe Đài Loan

LƯU Ý

Ắc quy đã qua sử dụng cần phải được thu gom để xử lý phù hợp với các quy định của Cục Bảo Vệ Môi Trường.



■ Giấy Phép Mã Nguồn Mở TCU

Thông Tin Phần Mềm Mã Nguồn Mở/Miễn Phí

Xe này có Phần Mềm Mã Nguồn Mở/Miễn Phí (FOSS).

Hãy truy cập trang web dưới đây để biết thêm thông tin về giấy phép và/hoặc mã nguồn của FOSS.

<https://www.denso.com/global/en/opensource/tcu/honda/>

Số

Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp	410, 414
--------------------------------	----------

A

ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh) ..	534
ACC bao gồm Dải Tốc Độ Thấp, LKAS và Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường	129
An Toàn Cho Trẻ	69
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	198
Áp Suất Lốp	696, 699
Ắc Quy Chết	662
Ắc Quy	605
Bảo Dưỡng (Kiểm Tra Ắc Quy 12 Vôn) ..	605
Đèn Báo Hệ Thống Sạc	111, 669
Nếu Ắc Quy Chết	662
Âm Thanh Bluetooth®	331
Âm Thanh	136

B

Bảng Điều Khiển	105
Điều Chỉnh Độ Sáng	243
Bảng Thông Số Kỹ Thuật Dầu Bôi Tron ..	695, 698
Bảo Dưỡng	139, 553
An Toàn	555
Ắc Quy	605
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa	609
Dầu Hộp Số	584
Dầu Phanh	585
Dầu	576

Dưới Nắp Ca-pô	570
Điều Khiển Nhiệt Độ	611
Két Nước	582
Lốp	599
Lưu Ý	554
Nước Làm Mát Động Cơ	579
Thay Bóng Đèn	588
Vệ Sinh	615
Bên Ngoài	183
Bổ Sung	
Dầu Động Cơ	578
Nước Làm Mát	579
Nước Rửa Kính	587
Bugì	694, 698

C

Cài Đặt Đồng Hồ	176
Cài Đặt Lại Đồng Hồ Đo Hành Trình ..	134, 153
Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị	310
Cài Đặt	142, 158
Cảm Biến Nhiệt Độ	128
Cảm Biến Siêu Âm	525
Camera Góc Rộng Phía Trước	523
Camera Lùi Đa Hướng	545
Cảnh Báo An Toàn	0
Cảnh Báo Tốc Độ	138
Cần Gạt Nước và Rửa Kính	239
Gạt Tự Động Ngắt Quảng	240
Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt Nước	594
Sau	241

Trước	239
Cần Số	25, 408, 412
Không Gạt Được Cần Số	665
Nhả	665
Vận Hành	25, 409, 413
Cập Nhật Hệ Thống	311
Cầu Chì	676
Kiểm Tra và Thay Thế	684
Vị Trí	676, 678, 680, 682
CMBS (Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm)	442
Công Tắc (Quanh Vô Lãng)	6, 7, 8, 219
Công Tắc Chế Độ Lái	423
Công Tắc Đèn Đọc Sách	263
Cổng USB	291, 295
Cờ Lê Vận Đai Ốc Bánh Xe (Tay Kịch) ..	634, 656
Cuộc Gọi Khẩn Cấp (eCall)	688
Cửa Hậu	200
Cửa Kính (Mở và Đóng)	215
Cửa Kính (Vệ Sinh)	616, 620
Cửa Kính Điện	215
Cửa Nạp Nhiên Liệu	28, 549
Cửa Thoát Khí	286
Cửa	180
Chìa Khóa	180
Hệ Thống Chống Khóa Cửa	193
Khóa Cửa Tự Động	199
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài	183
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong	195
Mở Khóa Cửa Tự Động	199
Thông Báo Cửa và Cửa Hậu Mở	42

Chất Phụ Gia, Dầu Động Cơ	574
Chế Độ ECON.....	416, 425
Chế Độ Gạt Tự Động Ngắt Quãng.....	240
Chế độ NORMAL	
Đèn Báo.....	118
Chế Độ SPORT	
Đèn Báo.....	118
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa.....	190
Chìa Khóa	180
Cửa Sau Không Mở	198
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa.....	190
Chống Khóa Cửa.....	193
Nhấn Mã Số.....	181
Phân Loại và Chức Năng	180
Chọn Cẩn Số.....	25, 408, 412
Chọn Cửa Thoát Khí Mong Muốn	286
Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em.....	75
Chống Khóa Cửa Từ Xa	193
Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị	130, 150
Chuyển Động Từ Từ	407
Chức Năng Phanh Hỗ Trợ Khởi Động	422
Chức Năng Tự Động Cup Gương Cửa ...	248

D

DAB.....	321
Dầu	
Nước Làm Mát Động Cơ.....	579
Nước Rửa Kính Chắn Gió.....	587
Phanh.....	585
Dầu (Động Cơ).....	574

Bổ Sung	578
Cảnh Báo Áp Suất Dầu Thấp.....	669
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng ..	574, 695, 698
Độ Nhớt.....	574
Hệ Thống Giám Sát Dầu	557
Kiểm Tra.....	576
Dầu Động Cơ.....	574
Bổ Sung	578
Cảnh Báo Áp Suất Dầu Thấp.....	669
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng ..	574, 695, 698
Kiểm Tra.....	576
Dây Dai An Toàn	43
Dây Dai An Toàn	43, 139, 155
Bộ Căng Dây Dai An Toàn Tự Động.....	48
Đèn Cảnh Báo.....	45, 114
Điều Chỉnh Móc Neo Vai.....	51
Kiểm Tra.....	55
Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng	
Dây Dai An Toàn Hồng/Vai	96
Nhắc Thắt	45
Phụ Nữ Mang Thai.....	54
Thắt	49
Dụng Cụ Vá Lốp Khẩn Cấp (TRK).....	639
Dụng Cụ.....	626
Dừng.....	537
Đài (AM/FM)	316
Đài AM/FM.....	316
Đài AM/FM.....	316
Đèn Ban Ngày	228
Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS....	118, 675
Đèn Báo Cảnh Báo Tốc Độ	111

Đèn Báo Chiều Xa Tự Động/Chùm Sáng Thích Ứng	116
Đèn Báo Chiều Xa.....	116
Đèn Báo Đèn Sương Mù.....	117
Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp	
Thấp/Xẹp Lốp	119, 674
Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Đèo (Màu Trắng/	
Màu Xanh Lục)	112
Đèn Báo Hệ Thống Sạc.....	111, 669
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Màu Hồ Phách) 114	
Đèn Báo Nhiệt Độ Thấp	112
Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ)	
.....	108, 671, 673
Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Màu Hồ	
Phách)	110, 673
Đèn Báo Số	112, 409, 413
Đèn Báo Sự Cố	110, 670
Đèn Báo Xin Vượt	222
Đèn Báo	106
ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh) 114	
Cảm Biến Đổ.....	120
Cảnh Báo Áp Suất Dầu Thấp	669
Cảnh Báo Hệ Thống An Ninh	117
Cảnh Báo Tốc Độ	111
Chế Độ ECON	118
Chế Độ NORMAL	118
Chế Độ SPORT	118
Chiếu Xa	116
Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS	118, 675
Đèn Báo M (chế độ sang số tay 7 cấp)	
/Đèn Báo Số.....	111

Đèn Báo Sự Cố	110, 670	Hồ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/Màu Xám)	126	Đèn Báo Đèn Bật	116
Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống	120	Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao Gồm Dải Tốc Độ Thấp	121, 472	Đèn Khoang Hành Lý	264
Đèn Bật	116	Nhắc Thức Dây Dai An Toàn	45, 114	Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh	235
Đèn Pha Thích Ứng Tự Động/		Nhiên Liệu Thấp	114	Đèn Sương Mù Trước	226
Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh	116	Nhiệt Độ Thấp	112	Đèn Sương Mù	226
Đèn Sương Mù Sau	117	Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ)	108, 671, 673	Đèn Trong Xe	262
Đèn Sương Mù Trước	117	Phanh Đỗ và Hệ Thống Phanh (Màu Hồ Phách)	110, 673	Đèn Vào Cua Chủ Động	229
Giảm Thiểu Chệch Làn Đường	123, 124	TẮT Hệ Thống Hồ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	115, 429	Đèn Vị Trí	222
Giữ Phanh Tự Động	110, 531	Vị Trí Cản Sổ	112	Thay Bóng Đèn	588
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	66, 115	Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm	116	Điểm Kê	633, 653, 655
Hệ Thống Cảnh Báo Áp Suất Lốp Thấp/Xẹp Lốp	119, 674	Đèn Cảnh Báo Sáng/Nhấp Nháy	669	Điểm Neo	56
Hệ Thống Chống Nổ Máy	117	Đèn Chiếu Sáng	222	Điện Thoại	136
Hệ Thống Giảm Thiểu Chệch Làn Đường TẮT Tự Động	123	Đèn Pha Thích Ứng Tự Động	232	Điều chỉnh	
Hệ Thống Giữ Phanh Tự Động	110, 530	Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh	235	Đèn Chiếu Sáng	231
Hệ Thống Hồ Trợ Đỗ Đèo (Màu Trắng/Màu Xanh Lục)	112	Điều Chỉnh	231	Ghế Trước	250
Hệ Thống Hồ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)	121, 122	Hướng Đèn	588	Gương	245
Hệ Thống Hồ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	115, 428	Làm Mờ	222	Tựa Tay	261
Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	116, 672	Vận Hành	222	Vị Trí Tựa Đầu	258
Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS)	122	Đèn Pha Thích Ứng Tự Động	232	Vô Lãng	244
Hệ Thống Sạc	111, 669	Đèn Pha Thích Ứng Thông Minh	235	Điều Chỉnh (và Phụ Kiện)	622
Hệ Thống Sổ	111	Đèn Trong Xe	262	Điều Chỉnh Âm Thanh	309
Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Màu Hồ Phách)	113	Đèn Vị Trí	222	Điều Chỉnh Cường Độ Sáng	243
Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời (Màu Xanh Lục)	113	Đèn	222, 588	Điều Chỉnh Độ Sáng (Bảng Điều Khiển)	243
Hồ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)	124	Công Tắc Đèn	222	Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa	296
		Đèn Ban Ngày	228	Điều Khiển	175
		Đèn Báo Chiếu Xa	116	Định Vị	137
				Độ Nhót (Dầu)	574, 695, 698
				Động Cơ	
				Bộ Phát Tiếng Bíp	220, 221
				Dầu	574
				Nếu Ấc Quy Chết	662

Số Máy	700
Đồng Hồ Đo Hành Trình ...	134, 136, 153, 155
Đồng Hồ Đo Quãng Đường / Nhiên Liệu / Hành Trình	133, 152
Đồng Hồ Đo Quãng Đường	128
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ	127, 132
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe	127
Đồng Hồ Đo Tốc Độ/Thời Gian/Hành Trình	135, 154
Đồng Hồ Đo	127
Đồng Hồ	129, 176

E

eCall (Cuộc Gọi Khẩn Cấp).....	688
--------------------------------	-----

G

Gập Hàng Ghế Sau.....	253
Ghế Lót Đặc Biệt (Dành Cho Trẻ Em)	101
Ghế Sau	253
Ghế Trước	249
Điều Chỉnh.....	250
Ghế	249
Điều Chỉnh.....	249
Ghế Sau	253
Ghế Trước.....	249
Gương Cá Nhân	11
Gương Cửa	246
Gương Chiếu Hậu Trong Xe.....	245
Gương Chiếu Hậu.....	245

Gương Ngoài.....	246
Gương	245
Cửa	246
Chiếu Hậu Trong Xe	245
Điều Chỉnh	245
Giảm Thiểu Chệch Làn Đường.....	462
Bật và Tắt.....	467
Đèn Báo (Màu Hở Phách)	123
Giấy Phép Mã Nguồn Mở	383
Giấy Phép Mã Nguồn Mở	709
Giới Hạn Tải.....	395
Giữ Phanh Tự Động	530
Đèn Báo	110, 530

H

Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Khác.....	272
Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong	262
Hành Lý (Giới Hạn Tải).....	395
Hệ Thống An Ninh	212
Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	117
Đèn Cảnh Báo Hệ Thống An Ninh	117
Hệ Thống Âm Thanh	290
Âm Thanh <i>Bluetooth®</i>	331
Cách Cập Nhật bằng Mạng Không Dây	314
Cách Cập Nhật bằng USB	315
Cách Cập Nhật.....	311
Cài Đặt Cập Nhật Hệ Thống	312
Cài Đặt Đồng Hồ	306
Cài Đặt Hình Nền.....	307
Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị	310

Cập Nhật Hệ Thống	311
Cổng USB	291, 295
Chọn Nguồn Âm Thanh	304
Chức Năng Hệ Thống Âm Thanh	293
Chức Năng Truy Cập Ứng Dụng Nhanh	299
DAB.....	321
Đài AM/FM.....	316
Điều Chỉnh Âm Thanh.....	309
Điều Khiển Âm Thanh Từ Xa.....	296
FLAC/PCM/WAVE/MP4/AVI/MKV/ASF/	
Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay.....	305
Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS).....	319
iPod.....	324
Kết Nối Wi-Fi.....	334
Khởi Động.....	292
Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin.....	298
MP3/WMA/AAC	327
Thông Báo Lỗi.....	379
Thông Tin Chung.....	380
USB.....	327, 380
Ứng Dụng Android Auto™	342
Ứng Dụng Apple CarPlay	335
Vận Hành Cơ Bản.....	293
Vùng Trạng Thái	304
WMV	327
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS).....	59
Hệ Thống Cảm Biến Đỗ	539
Hệ Thống Cảnh Báo Xếp Lốp	434
Đèn Báo	119, 674
Hiệu Chỉnh	435
Khởi Tạo	435

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) ..	534	Thay Đổi Chế Độ	282	Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	428
Đèn Báo	114	Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ	280	Đèn Báo Hệ Thống	115
Hệ Thống Chống Khóa Cửa	193	Cảm Biến	287	Đèn Báo TẮT	115
Hệ Thống Chống Nổ Máy	212	Cửa Thoát Khí	286	Nút OFF	429
Đèn Báo	117	Chế Độ Đồng Bộ	285	Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	
Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)	319	Chế Độ Lấy Gió Trong/Lấy Gió Ngoài ...	282	Đèn Báo	116, 672
Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay	360	Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính		Hệ Thống Nhận Diện Biển Báo Giao Thông	
Cài Đặt Điện Thoại	367		283		129, 518
Danh Mục HFT	364	Lọc Gió Điều Hoà	612	Hệ Thống Phanh Giảm Thiểu Va Chạm (CMBS)	
Hạn Chế khi Vận Hành Bằng Tay	363	Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động	280	442	
Liên Hệ Yêu Thích	372	Thay Đổi Chế Độ	280	Đèn Báo (Màu Hở Phách)	122
Màn Hình Cài Đặt Điện Thoại	366	Hệ Thống EPS (Lái Trợ Lực Điện) ...	116, 672	Hệ Thống Phanh	526
Màn Hình Trạng Thái HFT	362	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	69	Dầu	585
Nút HFT	360	Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	75	Đèn Báo	108, 109, 110, 671, 673
Nhạc Chuông	371	Ghế Lót Đặc Biệt	101	Giữ Phanh Tự Động	530
Nhận Cuộc Gọi	377	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em dành cho Trẻ Nhỏ	74	Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	534
Tạo Cuộc Gọi	375	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em dành cho Trẻ Sơ		Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp	535
Tùy Chọn Khi Đang Gọi	378	Sinh	73	Phanh Chân	529
Tự Động Chuyển Cuộc Gọi	371	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em quay mặt về phía		Phanh Đỗ	526
Tự Động Lưu Danh Bạ Điện Thoại và		sau	73	Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm Thời.	417
Cuộc Gọi Gần Đây	370	Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng		Hệ Thống Theo Dõi Áp Suất Lốp (TPMS). 431	
Hệ Thống Điều Hòa Không Khí		Dây đai An Toàn Hồng/Vai	96	Đèn Báo	118, 675
(Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ)	280	Sử Dụng Dây Thắt	98	Hiệu Chinh	431
Cảm Biến	287	Trẻ Lớn	100	Hệ Thống Thông Báo Xe Phía Trước Khi	
Cửa Kính	283	Hệ Thống Hỗ Trợ Đỗ Dèo	426	Hành	513
Cửa Thoát Khí	286	Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)	492	HFT (Điện Thoại Rảnh Tay)	360
Chế Độ Đồng Bộ	285	Đèn Báo (Màu Hở Phách)	121	Hiện Thị Đèn Phanh	139
Chế Độ Lấy Gió Trong/Lấy Gió Ngoài	282	Đèn Báo (Màu Trắng/Màu Xanh Lục)	122	Hiện Thị Nhiệt Độ Ngoài Trời	128
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và		Hệ Thống Hỗ Trợ Khởi Hành Ngang Dốc .	404	Hình Nền	307
Lọc Gió Điều Hoà	612	Hệ Thống Hỗ Trợ Lái Xe khi Tắc Đường ..	504	Honda SENSING	29, 439
Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động	280			Hỗ Trợ An Toàn	140, 156

Đèn Báo (Màu Hồ Phách)	124, 125
Đèn Báo (Màu Xanh Lục/Màu Xám).....	126
Hỗ Trợ Xử Lý Nhanh.....	430
Hộp Đựng Đồ	265
Hộp Số Vô Cấp	
Sang Số	408, 412
Vận Hành Cần Số.....	25, 26, 409, 413
Hộp Số	407, 408, 412
Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp	410, 414
Chuyển Động Từ Từ	407
Dầu	584
Đèn Báo Số	112, 409, 413
Không Gạt Được Cần Số	665
Nhảy Về Số	407
Số Máy	700
Hướng Dẫn Lái cho Xe Có Nhiều Tiện Ích	405
Hướng Dẫn Lái Xe Trên Đường Hiểm Trở	397

I

iPod	324, 380
iPhone	380

K

Kéo Rơ-moóc.....	396
Kéo Xe Bạ	
Khẩn Cấp.....	685
Kéo Xe Khẩn Cấp	685
Kết Nước.....	582
Kết Nối Wi-Fi.....	334

Kích (Cờ Lê Vạn Đai Ốc Bánh Xe)	634, 656
Kiểm Soát Hành Trình Thích Ứng (ACC) Bao	
Gồm Dải Tốc Độ Thấp	472
Đèn Báo (Màu Hồ Phách)	121
Đèn Báo (Màu Trắng/Màu Xanh Lục)	121
Kiểm Soát Phanh khi Xe Chạy ở Tốc Độ Thấp	456
Kính Chắn Gió	239
Cần Gạt Nước và Rửa Kính	239
Lưỡi Gạt Nước.....	594
Nước Rửa Kính.....	587
Tan Băng/Tan Sương	242, 283
Vệ Sinh.....	616, 620
Kính Chống Tia IR	616
Kính Chống Tia Siêu UV.....	616
Khí CO	103
Khí Xả Nguy Hiểm (Khí CO)	103
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	198
Khóa/Mở Khóa Cửa từ	
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động	199
Khóa/Mở Khóa	180
Chìa Khóa	180
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em.....	198
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động	199
Sử Dụng Chìa Khóa	192
Từ Bên Ngoài.....	183
Từ Bên Trong.....	195
Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài.....	662
Khởi Động Động Cơ	399
Không Khởi Động.....	657
Nếu Ắc Quy Chết	662

L

Lái Xe An Toàn.....	37
Lái Xe	391
Hộp Số.....	407
Phanh.....	526
Sang Số	408, 412
Vị Trí Cần Số	408, 412
Làm Mờ	
Đèn Chiếu Sáng.....	222
Gương Chiếu Hậu	245
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính 283	
Lấy Sang Số (Chế Độ Sang Số Tay 7 Cấp).....	410, 414
Lọc	
Gió Điều Hòa	612
Lọc Gió Điều Hoà	612
Lốp Bị Mòn	599
Lốp Dự Phòng Cỡ Nhỏ.....	628
Lốp Dự Phòng	628
Lốp Mùa Đông.....	604
Xích Bọc Lốp.....	604
Lốp	599
Áp Suất Lốp	696, 699
Đảo Lốp	602
Kiểm Tra và Bảo Dưỡng.....	599
Kiểm Tra	599
Lốp Dự Phòng.....	628
Lốp Mùa Đông	604
Thùng/Xẹp Lốp	628
Vạch Báo Độ Mòn.....	600
Xích Bọc Lốp.....	604

Lưu Ý Khi Lái Xe	405
Khi Trời Mưa	406

M

Màn Hình Âm Thanh/Thông Tin.....	298
Màn Hình Giải Trí.....	292
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái	
Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị.....	130, 150
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái	
(Loại xe có đồng hồ đo loại A)	130
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái	
(Loại xe có đồng hồ đo loại B)	150
Màn Hình Tùy Chọn.....	141, 157
Mang Theo Hành Lý	393, 395
Mặc Định Tất Cả các Cài Đặt	359
Móc Neo Giữ Đờ	268
Móc Neo Phía Dưới	92
Móc Neo Vai	51
Móc Treo Áo	267
Móc Treo Đờ	268
Mở Khóa Cửa	183
Mở/Đóng	
Cửa Hậu	200
Cửa Kính Điện.....	215
Nắp Ca-pô.....	572
MP3/WMA/AAC	327

N

Nạp Ắc Quy Yếu Điện.....	669
--------------------------	-----

Nạp Nhiên Liệu.....	28, 547
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Màu Hở Phách)	114
Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu	127
Xăng.....	28, 547, 694, 698
Nắp Bình Nhiên Liệu	28, 549
Nếu Bạn Không Thể Mở Được Cửa Hậu ..	686
Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm	6, 7
Nút ENGINE START/STOP.....	219
Nút TẮT Hệ Thống Tự Động Dừng Động Cơ Tạm	
Thời	418
Nước Làm Mát (Động Cơ)	
Quá Nhiệt.....	666
Nước Làm Mát Động Cơ	579
Bổ Sung Bình Chứa.....	580
Quá Nhiệt.....	666
Nước Rửa Kính	239
Bổ Sung Nước Rửa Kính.....	587
Công Tác	239
Ngăn Để Cốc	266
Ngăn Để Đờ.....	265
Nhãn An Toàn	104
Nhãn Cảnh Báo	104
Nhãn Chứng Nhận	700
Nhãn Mã Số Chia Khóa.....	181
Nhảy Về Số	407
Nhắc Ghế Sau	256
Nhắc Nạp Nhiên Liệu	390
Nhiên Liệu Chỉ Định.....	28, 547, 694, 698
Nhiên Liệu	28, 547
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Màu Hở Phách) ..	114
Đồng Hồ Đo	127

Khuyến Dừng	28, 547
Nạp Nhiên Liệu	28, 547
Quăng Đường	134, 153
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO2..	551
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời	134, 153

Nhiệt Độ

Hiển Thị Nhiệt Độ Ngoài Trời	128
------------------------------------	-----

O

Oát	695, 698
Ô Cắm Điện Phụ Kiện.....	273

P

Phanh Chân	529
Phanh Đờ	526
Phát Âm Thanh Bluetooth®	331
Phụ Kiện và Điều Chỉnh	622
Phụ Nữ Mang Thai.....	54

Q

Quá Nhiệt	666
Quăng Đường	134, 153
Que Thăm (Dầu Động Cơ).....	576
Quy Định	702, 708

R

RDS (Hệ Thống Dữ Liệu Radio)	319
------------------------------------	-----

S

Sạc Không Dây	274
Sang Số (Hộp Số)	25, 408, 412
Sấy Kính Sau	242
Sấy Kính	242
Số (Nhận Dạng)	700
Số Nhận Dạng Xe	700
Số Máy và Số Hộp Số	700
Số Nhận Dạng Xe	700

T

Tải Trọng Tối Đa Cho Phép	395, 694, 698
Tấm Che Khoang Hành Lý	270
Tấm Che Nắng	272
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thải CO ₂	551
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời	134, 153
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình	134, 153
Tín Hiệu Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu 182	
Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp	536
Tính Năng Tùy Chọn	346, 353
Tính Năng	289
Tốc Độ Trung Bình	136, 155
Tuần Thủ Quy Định	708
Túi Khí Bên	62
Túi Khí Rèm	64
Túi Khí SRS (Túi Khí)	59
Túi Khí Trước (SRS)	59
Túi Khí	57
Cảm Biến	57
Đèn Báo	66, 115

Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí	68
Sau Va Chạm	59
Túi Khí Bên	62
Túi Khí Rèm	64
Túi Khí Trước (SRS)	59
Thiết Bị Lưu Trữ Dữ Liệu Sự Kiện	1
Tự Nghiêng Gương Khi Lùi Xe	247
Tựa Tay	261
Thay Bóng Đèn	588
Thay Bóng Đèn	588
Đèn Ban Ngày	588
Đèn Báo Khẩn Cấp	588
Đèn Biển Số Sau	592
Đèn Chiếu Sáng	588
Đèn Gương Cá Nhân	593
Đèn Hậu	589, 592
Đèn Lùi	591, 592
Đèn Phanh Cao	592
Đèn Phanh	589, 592
Đèn Sương Mù Sau	591, 592
Đèn Sương Mù Trước	588
Đèn Vào Cửa Chủ Động	588
Đèn Vị Trí	588
Đèn Xi Nhan Bên/	
Đèn Xi Nhan Sau	589, 592
Đèn Xi Nhan Trước	588
Thay Thế	
Bóng Đèn	588
Cao Su Lưỡi Gạt Nước Sau	597
Cao Su Lưỡi Gạt Nước Trước	594
Cầu Chỉ	676, 678, 680, 682

Lốp	628
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio	702
Thông Số Kỹ Thuật Bóng Đèn	695, 698
Thông Số Kỹ Thuật	694
Thông Tin Pháp Lý về Ứng Dụng Apple	
CarPlay/Android Auto	384
Thông Tin	141, 157, 693
Thời Gian (Cài Đặt)	176
Thời Gian Xe Chạy	136, 155
Thùng (Lốp)	628
TRK (Dụng Cụ Vá Lốp Khẩn Cấp)	639

U

USB	327, 380
Ứng Dụng Android Auto™	342
Ứng Dụng Apple CarPlay	335

V

Vá Lốp Xẹp Khẩn Cấp	639
Vạch Báo Độ Mòn (Lốp)	600
Vệ Sinh Nội Thất	615
Vệ Sinh Ngoại Thất	619
Vệ Sinh Ngoại Thất	619
Vị Trí Tựa Đầu	258
Vô Lăng	244
Điều Chỉnh	244

W

WMA	327
-----------	-----

X

Xăng.....	28, 547
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Màu Hở Phách) ..	114
Đồng Hồ Đo.....	127
Khuyến Dùng.....	28, 547
Nạp Nhiên Liệu.....	28, 547
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái CO2 ..	551
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời	134, 153
Thông Tin	547
Xe Có Động Cơ Tăng Áp.....	552
Xẹp Lốp.....	628
Xi Nhan	
Đèn Báo (Bảng Điều Khiển)	116
Xử Lý Sự Cố.....	625
Bàn Đạp Phanh Rung	33
Cầu Chì Nổ.....	676, 678, 680, 682
Cửa Sau Không Mở	198
Đèn Cảnh Báo.....	106
Động Cơ Không Khởi Động	657
Kéo Xe Khẩn Cấp.....	685
Không Gạt Được Cản Số	665
Ồn Khi Phanh	35
Quá Nhiệt	666
Tiếng Bíp Vang Lên Khi Mở Cửa Xe.....	34
Thùng/Xẹp Lốp.....	628



HR-V

Hướng dẫn sử dụng

HONDA



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Màn Hình Giải Trí

Thông Tin An Toàn

Đọc kỹ tài liệu hướng dẫn sử dụng trước khi sử dụng thiết bị này. Hãy cất giữ tài liệu hướng dẫn sử dụng này trong xe để tránh bị mất. Khi chuyển nhượng xe cho người khác, hãy giao cho họ cả tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Để đảm bảo an toàn khi sử dụng thiết bị này, cần chú ý các mục dưới đây được mô tả bằng các biểu tượng.

	Cảnh báo	Mô tả các mục sẽ gây tai nạn dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu bạn không tuân thủ.
	Lưu ý	Mô tả các mục có thể gây tai nạn, thương tích hoặc làm hỏng xe nếu bạn không tuân thủ.
	Chú ý	Mô tả các mục mà bạn cần tuân thủ khi sử dụng thiết bị này để đảm bảo an toàn và thoải mái khi lái xe.

Để đảm bảo an toàn

	Cảnh báo	● Người lái không nên nhìn vào màn hình hoặc vận hành hệ thống khi đang lái xe. Nhìn vào màn hình hoặc vận hành hệ thống khi đang lái xe sẽ khiến người lái mất tập trung không quan sát phía trước xe và có thể gây tai nạn. Luôn dừng xe ở nơi an toàn và giải phanh đỗ trước khi xem màn hình hoặc vận hành hệ thống.
--	-----------------	---

- **Luôn tuân theo các hướng dẫn được chỉ định khi lắp, tháo hoặc đấu dây cho thiết bị.**

Lắp đặt hoặc đấu dây sai có thể làm hỏng thiết bị hoặc làm cháy xe. Để đảm bảo an toàn, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng để được tư vấn về việc lắp và tháo thiết bị.

- **Sử dụng nguồn điện phù hợp.**

Thiết bị này là để dùng cho hệ thống ắc quy 12 V DC có tiếp mát âm. Không được vận hành thiết bị này bằng các hệ thống ắc quy khác, đặc biệt là hệ thống ắc quy 24 V DC.

- **Đề pin và phim cách nhiệt cách xa tầm tay của trẻ nhỏ.**

Hãy để pin và phim cách nhiệt cách xa tầm tay của trẻ nhỏ để tránh trường hợp chúng nuốt phải. Hãy đưa trẻ đến ngay cơ sở y tế nếu chúng nuốt phải pin hoặc phim cách nhiệt.

- **Không tháo rời hoặc sửa đổi thiết bị.**

Không tháo rời, sửa đổi hoặc tự sửa chữa thiết bị. Nếu cần phải sửa chữa, hãy liên hệ với đại lý.

- **Không sử dụng thiết bị khi có sự cố.**

Nếu thiết bị có sự cố (không có điện, không phát ra âm thanh) hoặc có hiện tượng bất thường (có dị vật bên trong, bị dính nước, bốc khói hoặc có mùi lạ), hãy tắt ngay thiết bị và liên hệ với đại lý.

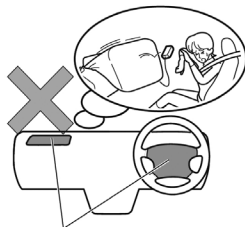
- **Yêu cầu nhân viên dịch vụ kỹ thuật thay cầu chì.**

Nếu cầu chì bị nổ, hãy tìm hiểu nguyên nhân rồi yêu cầu nhân viên dịch vụ kỹ thuật thay đúng loại cầu chì được quy định cho thiết bị này. Nếu thay không đúng loại cầu chì quy định thì sẽ làm cầu chì bốc khói, cháy và làm hỏng thiết bị.

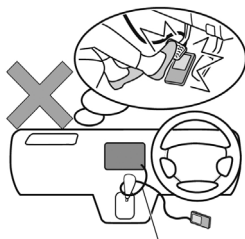
● Lưu ý Trước Khi Sử Dụng Thiết Bị Âm Thanh Di Động



Cảnh báo



Khoang túi khí SRS



Cáp kết nối

- Không đặt thiết bị âm thanh di động được kết nối hoặc cáp kết nối ở nơi có thể ngăn nổ túi khí SRS. Túi khí SRS có thể không hoạt động tốt hoặc thiết bị âm thanh di động có thể bị bung ra khi túi khí nổ, có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

* Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với xe của bạn để biết vị trí nổ của túi khí SRS.

- Đặt hoặc cố định tạm thời thiết bị âm thanh di động và cáp kết nối ở nơi không ảnh hưởng đến người lái khi lái xe. Nếu không, các thiết bị âm thanh này có thể cản trở việc lái xe hoặc gây tai nạn giao thông.



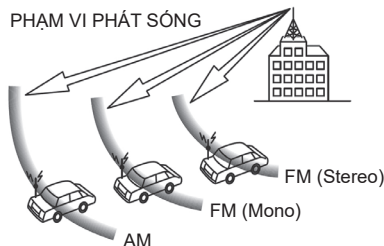
Lưu ý

- **Giữ âm lượng ở mức phù hợp.**
Giữ mức âm lượng vừa đủ để nhận biết được tình trạng đường xá và giao thông khi đang lái xe.
- **Đây là thiết bị dành riêng cho ô tô.**
- **Không sử dụng thiết bị này trong thời gian dài khi động cơ tắt.**
Vận hành hệ thống âm thanh trong thời gian dài khi động cơ tắt sẽ làm hao điện ắc quy.
- **Không để thiết bị dưới ánh nắng trực tiếp hoặc nhiệt độ cao.**
Việc này sẽ làm tăng nhiệt độ bên trong thiết bị và có thể gây bốc khói, cháy hoặc hư hỏng khác cho thiết bị.
- **Không sử dụng thiết bị bị dính nước, bị ẩm hoặc bụi bẩn.**
Để thiết bị bị dính nước, bị ẩm hoặc bụi bẩn có thể gây bốc khói, cháy hoặc hư hỏng khác cho thiết bị. Đặc biệt, đảm bảo thiết bị không bị ướt khi rửa xe hoặc khi trời mưa.
- **Không tắt nguồn thiết bị khi chưa kết thúc quá trình đọc chương trình.**
Nếu bị ngắt kết nối với ắc quy hoặc điện áp giảm, chương trình đang tải xuống thiết bị này sẽ bị xóa. Nếu điều này xảy ra, chương trình sẽ được tải lại trong khi Màn hình Mở xuất hiện khi khởi động lại thiết bị. Hãy đợi cho đến khi quá trình đọc chương trình hoàn tất.
Nếu nguồn bị tắt trong khi đang đọc chương trình, có thể xảy ra hư hỏng bất ngờ như chức năng âm thanh không thể hoạt động.
- **Không tắt nguồn trong khi cập nhật phiên bản người dùng.**
- **Không chạm hoặc giữ màn hình trong khi bật nguồn cho đến khi màn hình lưu ý xuất hiện trên màn hình.**

Lưu Ý khi Sử Dụng

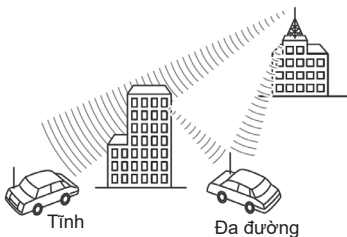
Radio

PHẠM VI PHÁT SÓNG

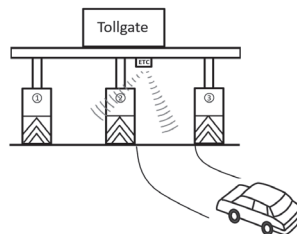


Điều chỉnh ăng-ten để có thể thu nhận sóng tốt nhất. Thông thường, nên điều chỉnh ăng-ten ngắn lại khi ở khu vực đô thị và nên kéo dài ăng-ten ra hết cỡ khi ở vùng xa xôi. Luôn thu ăng-ten lại trước khi rửa xe bằng máy rửa xe tự động.

Về Việc Thu Nhận Sóng Radio FM



Khi nghe chương trình phát sóng FM khi xe đang chạy, các điều kiện thu nhận sóng sẽ liên tục thay đổi theo các tòa nhà, địa hình, khoảng cách từ thiết bị phát và tiếng ồn từ các phương tiện khác. Các hiện tượng thu nhận sóng FM trong phần Chú ý là bình thường và không phải là do radio có sự cố.



Kết nối không dây

Khi kết nối điện thoại thông minh qua mạng không dây và ở gần trạm thu phí điện tử (ETC), Màn Hình Giải Trí và điện thoại thông minh có thể tạm thời bị ngắt kết nối do nhiễu sóng.



Chú ý

- **Tín hiệu kém và mất tín hiệu:** Phạm vi FM là khoảng 25 dặm (40 km), ngoại trừ đối với một số trạm điện công suất lớn. Nếu xe di chuyển cách xa thiết bị phát, tín hiệu nhận được sẽ kém và/hoặc mất tín hiệu. Điều này là bình thường khi phát sóng FM và có thể kèm theo hiện tượng méo tiếng. Có thể giảm thiểu tình trạng này bằng cách điều chỉnh sang tín hiệu mạnh hơn.
- **Nhiều và rung:** Khi đường truyền trực tiếp giữa thiết bị phát và xe bị cản trở bởi các tòa nhà lớn hoặc các vật thể tương tự, âm thanh phát sóng có thể bị nhiễu hoặc rung. Bạn cũng có thể cảm nhận âm thanh rung khi lái xe dọc đường có nhiều cây. Có thể giảm độ nhiễu và rung của âm thanh bằng cách giảm âm bùng.
- **Đa đường:** Do đặc điểm phản xạ của các tín hiệu FM, các tín hiệu trực tiếp và phản xạ có thể truyền đến ăng-ten cùng lúc (hiện tượng này được gọi là đa đường) và triệt tiêu lẫn nhau. Khi xe di chuyển qua các điểm như vậy, có thể xảy ra tình trạng âm thanh bị rung hoặc mất tín hiệu nhất thời.
- **Hoán đổi trạm thu phát:** Khi hai trạm phát FM ở gần nhau trong phổ tần số và tín hiệu hiện tại bị gián đoạn bởi một điểm chết điện tử do nhiễu hoặc đa đường gây ra, hệ thống sẽ tự động chọn tín hiệu mạnh hơn cho đến khi tín hiệu ban đầu quay trở lại. Hiện tượng hoán đổi trạm thu phát cũng có thể xảy ra khi xe chạy cách xa một trạm thu phát và hướng về một trạm thu phát khác có tín hiệu mạnh hơn.



Chú ý

● Hiện tượng ngưng tụ hơi nước

Màn hình cảm ứng của thiết bị này có thể bị ngưng tụ hơi nước và không hoạt động tốt nếu bật máy sưởi khi nhiệt độ trong xe ở mức thấp, v.v. Trong những trường hợp như vậy, hãy tắt thiết bị trong khoảng một giờ. Tình trạng ngưng tụ hơi nước sẽ biến mất và thiết bị sẽ hoạt động bình thường. Nếu thiết bị vẫn không hoạt động bình thường ngay cả sau vài giờ, hãy liên hệ với nhà phân phối tại địa phương.

● Đèn nền màn hình không đều

Khi chuyển nút hoặc xoay khóa điện sang BẬT ở nhiệt độ thấp, đèn nền LCD có thể không đều hoặc màn hình có thể trở nên tối hơn. Đây là một đặc điểm của đèn nền LCD.

● Hãy ấn nhẹ vào màn hình. Nếu không, hình ảnh có thể bị mờ/biến dạng.



Chú ý

● Thiết bị này sử dụng một cơ chế chính xác; vì vậy, tiếng ồn tĩnh, nhiễu điện từ hoặc rung có thể xóa dữ liệu bạn đã lưu. Hãy ghi lại dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này.

● Hãy lưu ý rằng các trường hợp sau đây sẽ không được bảo hành.

- ① Dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này bị thay đổi hoặc bị xóa do thiết bị bị hỏng, trục trặc hoặc lỗi hoặc ảnh hưởng của nhiễu điện từ lên thiết bị.
- ② Dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này bị thay đổi hoặc bị xóa do bạn hoặc bên thứ ba sử dụng không đúng cách.
- ③ Dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này bị thay đổi hoặc bị xóa trong khi sửa chữa thiết bị này.

● Tùy thuộc vào vị trí của ăng-ten GNSS, có thể không thu nhận được tín hiệu vệ tinh GNSS (ví dụ, trong bãi đỗ xe nhiều tầng, bãi đỗ xe ngầm, v.v.).

- Tham khảo ý kiến đại lý về các tùy chọn nâng cấp.
- Màn hình trong tài liệu này có thể khác so với màn hình thực tế trên thiết bị. Hãy lưu ý rằng, nội dung của tài liệu này có thể không giống với thiết bị thực tế do những thay đổi về thông số kỹ thuật.

Nội Dung

Giới Thiệu

Trước Khi Sử Dụng Thiết Bị Đây	1
Thao Tác Bật Nguồn	2
Bố Trí Các Nút Điều Khiển	3

Thao Tác Cơ Bản

Thao Tác Nút Home (Màn Hình Chính)	5
Chuyển Nguồn Âm Thanh.....	6
Danh Sách Nút Cảm Ứng và Danh Sách Sử Dụng	8

Âm Thanh

Radio	9
USB	11
Phát Nhạc Trên iPod	15
Phát Nhạc Qua Âm Thanh Bluetooth®	19

Camera

Camera	24
--------------	----

Hệ Thống Rảnh Tay Bluetooth®

Điện Thoại (Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay)	26
Kết Nối Điện Thoại Bluetooth®	31
Gọi Điện trên Điện Thoại Bluetooth®	33
Nhận Cuộc Gọi trên Điện Thoại Bluetooth®	36
Nói Chuyện trên Điện Thoại Bluetooth®	37

Liên Kết Điện Thoại Thông Minh

Liên Kết Điện Thoại Thông Minh.....	39
-------------------------------------	----

Bảng Điều Khiển Bên Ngoài

Sử Dụng Các Nút Điều Khiển Trên Vô Lăng.....	40
--	----

Cài Đặt

Cài Đặt	41
Cài Đặt Ngôn Ngữ.....	42
Cài Đặt Bluetooth®	43
Cài Đặt Danh Sách Thiết Bị	47
Cài Đặt Âm Thanh và Âm Lượng.....	48
Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị	49
Cài Đặt Đồng Hồ	50
Cài Đặt Màn Hình Mở	51
Cài Đặt Wi-Fi.....	52
Cài Đặt Camera Lùi.....	53
Cài Đặt Quan Sát Làn Đường.....	54
Cài Đặt Phát Thanh Kỹ Thuật Số (DAB)	55
Cài Đặt Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)	56

Phụ Lục

Thông Tin Phần Mềm và Giấy Phép Mã Nguồn Mở	57
Khôi Phục Cài Đặt Gốc	58
Thông Báo Lỗi.....	59
Xử Lý Sự Cố	61
Thông Số Kỹ Thuật	64
Đa Phương Tiện và Dữ Liệu Có Thể Sử Dụng trên Hệ Thống Âm Thanh	65
Thương Hiệu và Giấy Phép	68
Luật và Quy Định	71
Mục Lục.....	72

Phụ Kiện



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
Màn Hình Giải Trí

**Hướng Dẫn
Sử Dụng**

Số lượng: *

Ghi chú: * Số lượng khác nhau tùy theo quốc gia.

Trước Khi Sử Dụng Thiết Bị Này

● Cần sử dụng cẩn thận thiết bị cơ khí chính xác này.

Không sử dụng thiết bị này ở nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp để tránh gây ra sự cố hoặc lỗi.

Không để các vật kim loại và chất lỏng tiếp xúc với thiết bị, va đập mạnh cũng có thể làm hỏng thiết bị.

● Vệ Sinh Thiết Bị

<Vệ Sinh Thiết Bị>

- Không sử dụng benzen hoặc chất tẩy rửa để vệ sinh thiết bị để tránh làm hỏng vỏ và bề mặt sơn.
- Nếu sử dụng khăn lau thấm hóa chất, hãy cẩn thận làm theo hướng dẫn.

<Vệ Sinh Màn Hình>

- Để vệ sinh màn hình, hãy lau cẩn thận bằng vải mềm và khô như vải dùng để lau mắt kính.
- Chà xát màn hình bằng vải thô có thể làm trầy xước bề mặt màn hình. Màn hình là dạng tinh thể lỏng. Sử dụng benzen hoặc dung dịch kiềm có thể làm hỏng màn hình.

Thao Tác Bật Nguồn

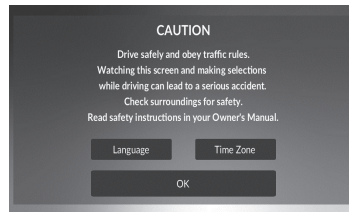
Chức năng âm thanh của thiết bị này tự động bật khi bật động cơ xe. Tắt động cơ xe sẽ làm nguồn thiết bị tự động tắt.



- (1) Ấn nút khởi động động cơ hoặc xoay khóa điện đến BẬT hoặc PHỤ KIỆN.
- Âm thanh được bật.



- Màn hình vận hành xuất hiện.



- Màn hình lưu ý xuất hiện.

- (2) Đọc thông báo cảnh báo trên màn hình, rồi chạm vào **OK**.



Chú ý

Để thay đổi ngôn ngữ, ấn Nút [Language] (Ngôn Ngữ).



- Màn hình âm thanh xuất hiện.
- Màn hình được hiển thị theo chế độ ở lần tắt nguồn trước đó (TẮT PHỤ KIỆN).

Bố Trí Các Nút Điều Khiển

Ấn các nút trên bảng điều khiển hoặc chạm vào màn hình để vận hành thiết bị này.



● Các nút điều khiển

① Màn Hình Chính

Ấn nút này để hiển thị màn hình Chính ở chế độ bất kỳ.

② Quay Lại

Quay lại màn hình hiển thị trước đó. Ấn và giữ nút này để hiển thị màn hình cài đặt.

③ Tăng Âm Lượng

Ấn nút này để tăng âm lượng lên một mức hoặc bật tiếng, sau đó ấn và giữ nút này để tiếp tục tăng âm lượng.

④ Giảm Âm Lượng

Ấn nút này để giảm âm lượng xuống một mức hoặc bật tiếng, sau đó ấn và giữ nút này để tiếp tục giảm âm lượng.

⑤ Nguồn

Ấn nút này để chuyển sang chế độ Tắt âm thanh, hoặc ấn và giữ nút này để tắt màn hình và âm thanh.

⑥ Màn hình cảm ứng

Chạm ngón tay vào màn hình để điều khiển các chức năng được chọn.



Chú ý

Có thể thao tác các nút ③ **Tăng Âm Lượng** và ④ **Giảm Âm Lượng** khi đang phát chế độ âm thanh bất kỳ trên nền.



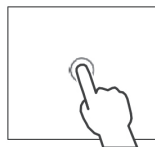
Chú ý

- Không kết nối bất kỳ thiết bị nào ngoại trừ iPod, điện thoại thông minh hoặc USB vào cổng USB. Các thiết bị được kết nối qua bộ chia USB sẽ không hoạt động thông qua thiết bị này.
- Nếu bạn tắt nguồn của thiết bị âm thanh di động trong khi đang xem/nghe trên thiết bị di động này, sẽ có tiếng ồn phát ra và có thể làm hỏng loa. Tắt thiết bị âm thanh di động sau khi tắt nguồn thiết bị hoặc chuyển sang chế độ khác.
- Mỗi thiết bị có một mức âm lượng khác nhau. Không nên để âm lượng quá lớn.
- Nếu âm lượng của thiết bị được kết nối lớn, có thể xảy ra hiện tượng méo tiếng. Trong những trường hợp như vậy, hãy điều chỉnh âm lượng trên thiết bị được kết nối.
- Nếu đã thay đổi âm lượng của thiết bị âm thanh di động được kết nối với thiết bị này, hãy đặt lại mức âm lượng sau khi ngắt kết nối thiết bị âm thanh với thiết bị này.

● Các thao tác cơ bản trên màn hình

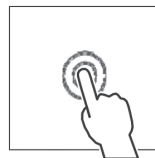
● Các thao tác màn hình cảm ứng

Để thực hiện các thao tác trên màn hình, bạn có thể chạm, chạm và giữ, gạt hoặc vuốt để chọn một mục, hiển thị màn hình danh mục, thay đổi trang, v.v.



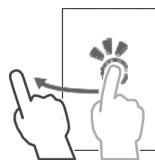
Chạm

Chạm nhẹ vào màn hình để chọn một mục trên màn hình.



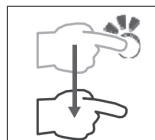
Chạm và Giữ

Chạm vào màn hình và giữ ở đó cho đến khi màn hình thay đổi hoặc thông báo xuất hiện.



Gạt

Trượt nhanh ngón tay sang trái hoặc phải trên màn hình để thay đổi trang.



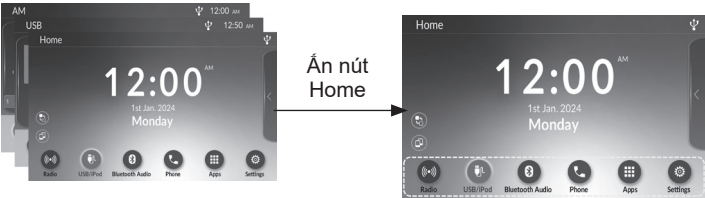
Vuốt

Trượt ngón tay lên hoặc xuống trên màn hình để cuộn màn hình.

Thao Tác Nút Home (Màn Hình Chính)

● Thao Tác Nút Home (Màn Hình Chính)

Ấn nút Home để hiển thị màn hình Chính.



● Màn Hình Chính

Bạn có thể sử dụng nhiều chức năng khác nhau trên màn hình Chính.



Các Biểu Tượng/Nút và ý nghĩa của chúng trên Màn Hình Chính:

● Tiêu đề của màn hình

Thẻ hiện tên của màn hình hiện tại.

● Đồng Hồ/Lịch

Hiển thị thời gian và ngày.

● Thanh Trạng Thái

Hiển thị các chỉ báo.

● Biểu tượng ứng dụng (lối tắt)

Lối tắt cho nguồn phát âm thanh.

● Danh Sách Thiết Bị (lối tắt)

Lối tắt cho danh sách thiết bị.

● Cài Đặt Điện Thoại Thông Minh (lối tắt)

Lối tắt cho cài đặt điện thoại thông minh.



Chú ý

- Chức năng này sẽ không hoạt động khi bạn xem hình ảnh Camera Quan Sát Sau hoặc/và sử dụng các chức năng của hệ thống rảnh tay Bluetooth®.
- Ấn nút Nguồn để tắt âm thanh.
- Ấn và giữ nút Nguồn để tắt đa phương tiện (Màn hình âm thanh tắt).

● Thanh Trạng Thái

Thanh Trạng Thái hiển thị các chỉ báo và thời gian. Chi tiết và ý nghĩa của từng biểu tượng chỉ báo được mô tả trong bảng bên dưới.

Chỉ Báo	Tên	Chức Năng
	Ký hiệu USB	Hiển thị kết nối USB/iPod
	Quá dòng USB	Quá dòng Cổng USB
	Cường độ tín hiệu Bluetooth	Hiển thị cường độ tín hiệu BT-HF (Bluetooth®-Rảnh Tay) của điện thoại được kết nối
	Tắt tính năng gọi	Hiển thị trạng thái tắt tính năng gọi BT-HF (Bluetooth®-Rảnh Tay)
	Biểu tượng mức pin	Hiển thị mức pin của điện thoại BT-HF (Bluetooth®- Rảnh Tay) được kết nối
	Biểu tượng Bluetooth	Hiển thị kết nối Bluetooth®
	Đồng hồ	Hiển thị đồng hồ cho các màn hình khác ngoài màn hình Chính.
	Kết nối từ xa	Hiển thị trạng thái kết nối ứng dụng từ xa qua kết nối Bluetooth®
	Bản tin giao thông	Tín hiệu đài thông tin giao thông
	Chương trình giao thông	Phát hiện chương trình tín hiệu bản tin giao thông
	Cường độ tín hiệu DAB	Cường độ kết nối với tín hiệu đài kỹ thuật số DAB

Chuyển Nguồn Âm Thanh

1 Cách Chuyển Nguồn Âm Thanh

Bạn có thể chuyển các nguồn âm thanh bằng lối tắt ở từng nguồn âm thanh.



Từ màn hình Chính.

- **Radio** Chuyển sang đài FM/AM.
- **USB/iPod** Chuyển sang USB hoặc iPod.
- **Bluetooth Audio** Chuyển sang âm thanh Bluetooth® .
- **Phone** Chuyển sang điện thoại Rảnh Tay Bluetooth® .
- **Apps** Chuyển sang kết nối Điện Thoại Thông Minh.
- **Settings** Chuyển sang Cài Đặt.



Từ Lối Tắt ở từng Nguồn Âm Thanh.

- **Radio** Chuyển sang radio FM/AM.
- **USB/iPod** Chuyển sang USB hoặc iPod.
- **Bluetooth Audio** Chuyển sang âm thanh Bluetooth® .
- **Phone** Chuyển sang điện thoại Rảnh Tay Bluetooth® .
- **Apps** Chuyển sang kết nối Điện Thoại Thông Minh.
- **Settings** Chuyển sang Cài Đặt.

Lối tắt



Chú ý

Biểu tượng Ứng dụng sẽ thay đổi theo nguồn được kết nối.

● Mã ký tự được hỗ trợ

Thiết bị này hỗ trợ các mã ký tự sau đây.
Các mã ký tự khác ngoài các mã dưới đây có thể không được hiển thị đúng.

Chức Năng	Mục	Mã ký tự được hỗ trợ
USB	Tên File / Thư mục	ISO8859-1
		UNICODE (UTF-8)
		UNICODE (UTF-16)
	Tên nghệ sĩ (Thẻ ID3 Ver.1.x)	ISO8859-1
	Tên nghệ sĩ (Thẻ ID3 Ver.2.x)	ISO8859-1
		UNICODE (UTF-8)
	UNICODE (UTF-16)	
	Tên nghệ sĩ (Thẻ WMA)	UNICODE (UTF-16)
iPod	Tên Danh sách phát/ Nghệ sĩ / Album / Bài hát / Podcast / Sách nói / Thẻ loại nhạc / Nhạc sĩ	UNICODE (UTF-8)
Âm Thanh Bluetooth®	Tên Bài hát/ Album / Nghệ sĩ	UNICODE (UTF-8)
Rảnh tay		ISO8859-1
		UNICODE (UTF-8)
	Tên / Số	UNICODE (UTF-16)

*ISO8859-1 (Tiếng Anh), ISO8859-15 (Tiếng Bahasa)

2 Các Điều Kiện Vận Hành Âm Thanh

Các tính năng của thiết bị này có thể hoặc không thể hoạt động tùy thuộc vào các điều kiện dưới đây, bao gồm cả động cơ bật hay tắt.

Khóa điện	Âm thanh	USB (Video)
TẮT	Không hoạt động	Không hoạt động
PHỤ KIỆN	Hoạt động	Hoạt động (Chỉ khi đã gài phanh đỗ)
BẬT	Xe đỗ	Hoạt động (Chỉ khi đã gài phanh đỗ)
	Xe đang chạy	Chỉ âm thanh (Chỉ có âm thanh vì các lý do an toàn)

Nút khởi động-dừng động cơ	Âm thanh	USB (Video)
KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ	Xe đỗ	Hoạt động
	Xe đang chạy	Hoạt động (Chỉ khi đã gài phanh đỗ) Chỉ Âm Thanh (Chỉ có âm thanh vì các lý do an toàn)
DỪNG ĐỘNG CƠ		Không hoạt động



Lưu ý

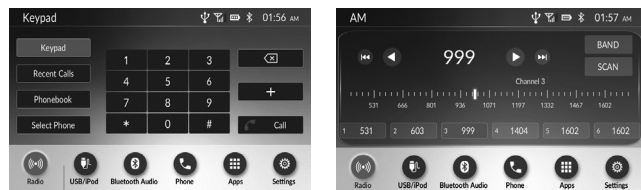
Đảm bảo ắc quy không bị hết điện khi đặt khóa điện ở vị trí PHỤ KIỆN.
Tránh sử dụng thiết bị này trong thời gian dài khi động cơ không chạy. Nếu không, ắc quy sẽ bị hết điện và động cơ sẽ không khởi động được.



Chú ý

Trong khi xe đang chạy, một số nút cảm ứng sẽ không hoạt động, thể hiện bằng cách làm mờ màu của biểu tượng nút. Các nút sẽ không hoạt động ngay cả khi chạm vào.

Danh Sách Nút Cảm Ứng và Danh Sách Sử Dụng



Các Nút Cảm Ứng

Chạm vào các nút trên màn hình để bật các chức năng này.

1 Các Nút Cảm Ứng

- Giữ nút trên màn hình cho đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.
- Chạm nhẹ các nút để tránh làm hỏng màn hình.
- Nếu chức năng của nút không hoạt động, nhấc ngón tay ra khỏi màn hình và chạm lại.
- Các nút cảm ứng không hoạt động được hiển thị bằng màu mờ.
- Một số nút sẽ sáng lên khi chạm vào.
- Để trở lại màn hình trước đó, chạm vào nút .

<Ký hiệu của các nút cảm ứng có trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này>
• Các nút cảm ứng được thể hiện như bên dưới trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.
(Ví dụ)



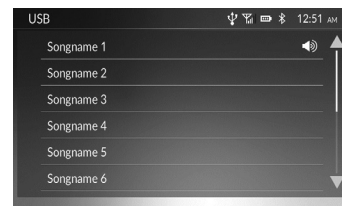
Bạn có thể chuyển sang các trang danh sách khác hoặc thay đổi tên danh sách hiển thị.

2 Sử Dụng Danh Sách Thư Mục và Danh Sách File



(1) Chạm vào  hoặc  để di chuyển lên hoặc xuống một trang danh sách.

(2) Vuốt lên hoặc xuống trên màn hình cảm ứng để cuộn danh sách.



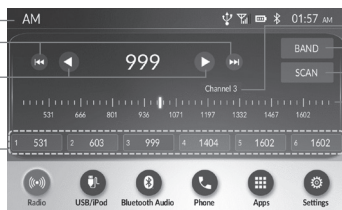
Radio

Có thể nhận và phát radio AM hoặc FM1 hoặc FM2.

Tên Chế Độ
Đang Phát

Tim Kênh Tiếp
Theo/Trước Đó
Dò Kênh Tiếp Theo/
Trước Đó

Các Nút Kênh Cài
Đặt Sẵn

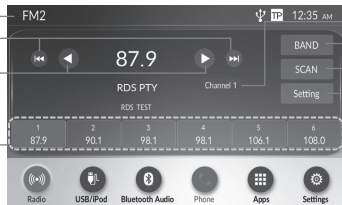


Kênh
Cài Đặt Sẵn
Nút Dải Tần
Nút Quét
Thanh Tần Số
Thang Chia Tần Số

Tên Chế Độ
Đang Phát

Tim Kênh Tiếp
Theo/Trước Đó
Dò Kênh Tiếp Theo/
Trước Đó

Các Nút Kênh Cài
Đặt Sẵn



Kênh
Cài Đặt Sẵn
Nút Dải Tần
Nút Quét
Cài Đặt RDS

Vào màn hình Radio bằng cách chạm vào nút **Radio** trên màn hình Chính (→ Trang 6).

- Chạm vào nút **AM.FM** trên màn hình Radio để chuyển dải tần radio theo thứ tự như sau FM1 → FM2 → AM → FM1... (mặc định là FM1).

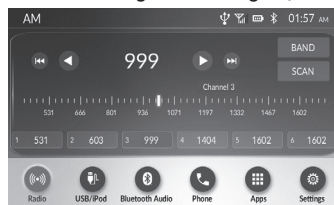


Chú ý

Chức năng RDS không có sẵn ở tất cả các loại xe.

1 Chọn một Kênh

Dò kênh mong muốn bằng một trong các cách sau.



● Dò kênh cài đặt sẵn

Chạm vào một trong các nút Kênh Cài Đặt Sẵn để chọn kênh mong muốn. Nút trên màn hình sẽ sáng và tần số kênh đã chọn sẽ xuất hiện trên màn hình.

● Điều chỉnh bằng tay

- Tìm kênh radio mong muốn bằng cách chạm vào Thang Chia Tần Số hoặc kéo Thanh Tần Số.

- Ấn **◀▶** để Dò Kênh Trước Đó/Tiếp Theo bằng tay.

- Ấn và giữ **◀▶** để Dò Nhanh Kênh Trước Đó/Tiếp Theo.

● Dò tìm kiếm

Radio bắt đầu tìm kiếm kênh có tần số gần nhất và sẽ dừng lại khi tìm thấy kênh.

- Ấn **◀◀ ▶▶** để Tìm Kiểm Kênh Trước Đó/Tiếp Theo.

- Ấn và giữ **◀◀ ▶▶** để Tìm Kiểm Nhanh Kênh Trước Đó/Tiếp Theo.

● Quét

Chạm vào nút **SCAN**. Các kênh radio được tìm kiếm và phát lần lượt trong 5 giây. Nếu bạn chạm vào nút **SCAN** một lần nữa khi tìm thấy kênh mong muốn, kênh đó sẽ được giữ lại.

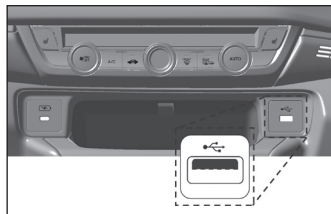
2 Cài Đặt Sẵn Kênh



- (1) Dò đến kênh mong muốn.
 - (2) Chạm và giữ một trong các nút chọn kênh (1-6) cho đến khi nghe thấy tiếng bíp. Thao tác này sẽ thiết lập tần số hiện tại vào nút màn hình. Tần số của kênh đó sẽ được hiển thị trên nút màn hình.
- Để thay đổi kênh cài đặt sẵn bằng một kênh khác, hãy thực hiện quy trình tương tự.

USB

● Cắm USB



(1) Cắm USB.

Chú ý



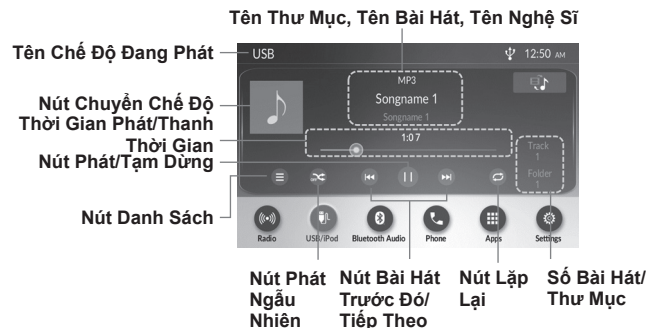
Cổng USB này dùng để phát các file được lưu trong USB, kết nối điện thoại di động và sạc thiết bị.

Chú ý

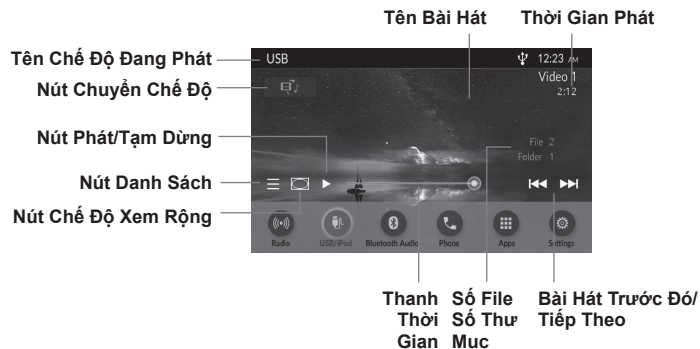
- Không thể kết nối qua bộ chia USB hoặc ổ cứng di động HDD.
- Tham khảo “Đa Phương Tiện và Dữ Liệu Có Thể Sử Dụng trên Hệ Thống Âm Thanh” để biết chi tiết về các định dạng file được hỗ trợ (⇒ Trang 65).
- Không thể phát các file âm thanh và video không được mô tả trong “Đa Phương Tiện và Dữ Liệu Có Thể Sử Dụng trên Hệ Thống Âm Thanh” (⇒ Trang 65).

Màn Hình Phát Nhạc Trên USB

● Màn Hình Nhạc USB



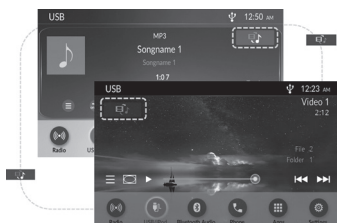
● Màn Hình Video USB



1 Phát file Đa Phương Tiện từ USB



- (1) Chạm vào **USB/iPod** trên màn hình Chính (→ Trang 6).
 - Hệ thống âm thanh sẽ bật ở chế độ đã sử dụng trước đó.

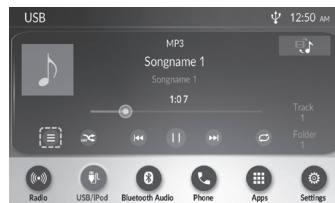


- (2) Chạm vào **Video 1** trên màn hình Nhạc USB để chuyển sang chế độ Video USB.
Chạm vào **Video 1** trên màn hình Video USB để chuyển sang màn hình USB.

2 Chọn Thư Mục/File

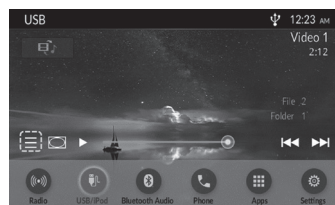
Có thể chọn thư mục bạn muốn trong USB.

● Chọn từ màn hình Danh Sách Thư Mục/File



- (1) Chạm vào **Folder 1** trên màn hình Nhạc USB.

- Màn Hình Danh Sách Thư Mục được hiển thị.



HOẶC Chạm vào **File 2** trên màn hình Video USB.



- (2) Chạm vào thư mục (danh sách) mà bạn muốn nghe.
 - Màn Hình Danh Sách File được hiển thị.

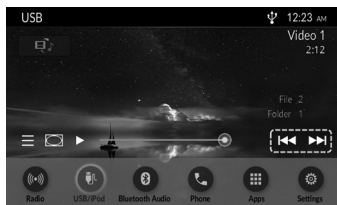
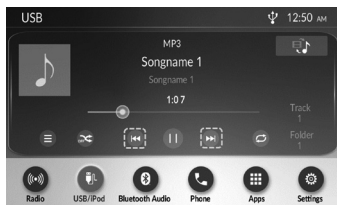


Chú ý

USB bị vô hiệu khi Apple CarPlay Không Dây hoặc Android Auto™ Không Dây hoặc WeLink Không Dây hoạt động.



● Chọn bằng các nút cảm ứng



(3) Chạm vào file (danh sách).

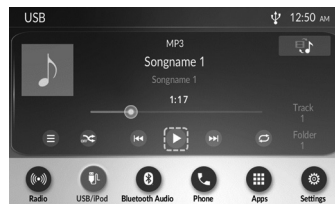
- Bắt đầu phát file được chọn.

(1) Chạm vào các nút .

- Chạm vào nút để chuyển sang file tiếp theo.
- Chạm vào nút để chuyển đến đầu file.
- Chạm vào nút để chuyển sang file trước đó, nếu thời gian phát file hiện tại dưới 1 giây.

3 Tạm Dừng và Phát

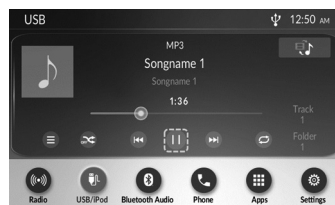
● Phát



(1) Chạm vào trên màn hình USB (⇒ Trang 11).

- Màn hình sẽ hiển thị trong khi đang phát.

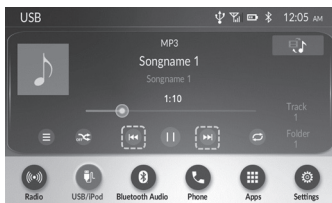
● Tạm Dừng



(1) Chạm vào trên màn hình USB (⇒ Trang 11).

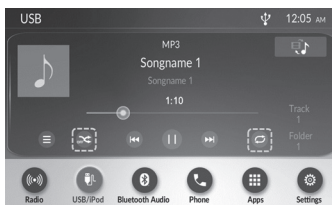
- Màn hình sẽ hiển thị trong khi tạm dừng.
- Chạm vào để phát tiếp.

4 Tua Đi Nhanh và Tua Lại Nhanh



- (1) Chạm vào các nút  .
- Giữ nút  để tua đi nhanh.
 - Giữ nút  để tua lại nhanh.

5 Ngẫu Nhiên và Lặp Lại



- Chạm vào các nút [Ngẫu Nhiên] hoặc [Lặp Lại] trên màn hình Nhạc USB.

Các nút [Ngẫu Nhiên] và [Lặp Lại] sẽ thay đổi như mô tả ở bảng bên phải.

Nút	Tên	Chức Năng
	TẮT Ngẫu Nhiên	Các file đang phát không ở chế độ ngẫu nhiên.
	BẬT Ngẫu Nhiên	Các file trong tất cả các thư mục của USB sẽ được chọn và phát ngẫu nhiên.
	Ngẫu nhiên 1 Thư Mục	Các file trong thư mục đang phát sẽ được chọn và phát ngẫu nhiên.
	Phát lại TẤT CẢ	Phát lại tất cả các file có thể phát trong USB.
	Phát lại 1 Thư mục	Phát lại tất cả các file có thể phát trong thư mục đang phát.
	Phát lại 1 file	Phát lại file đang phát.

6 Chuyển Sang Chế Độ Xem Rộng

Nút	Tên	Chức Năng
	Phóng to	Mở rộng video so với tỷ lệ khung hình gốc, cho đến khi video rộng toàn bộ màn hình. Hình ảnh có thể bị cắt một phần.
	Bình thường	Hiện thị ở tỷ lệ khung hình gốc vừa với chiều rộng hoặc chiều cao.
	Toàn màn hình (mặc định)	Mở rộng video hết toàn bộ màn hình.



Chú ý

Lặp lại:

[Lặp Lại Tất Cả] → [Lặp Lại 1 Thư Mục] → [Lặp Lại 1 File] → (quay lại)
[Lặp Lại Tất Cả].

Phát ngẫu nhiên:

[TẮT Ngẫu Nhiên] → [BẬT Ngẫu Nhiên] → [Ngẫu Nhiên 1 Thư Mục] → (quay lại)
[TẮT Ngẫu Nhiên].

Phát Nhạc Trên iPod

● Màn Hình Phát Nhạc Trên iPod



(1) Chạm vào **USB/iPod** trên màn hình Chính (→ Trang 6).



Chú ý

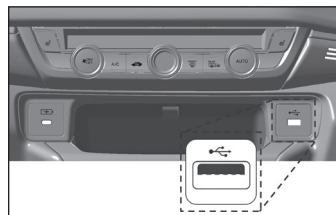
- Hệ thống này có chức năng sạc pin cho iPod.
- Khi pin của iPod yếu, iPod có thể không hoạt động. Nếu pin yếu, hãy sạc pin cho iPod trước khi sử dụng.
- Tùy thuộc vào iPod được kết nối với hệ thống, một số chức năng có thể không có. Nếu không có một số chức năng do bị lỗi, hãy ngắt kết nối iPod và kết nối lại để xử lý lỗi.
- Để kết nối với hệ thống này, hãy sử dụng cáp Lightning chính hãng.



Lưu ý

- Không kết nối iPod hoặc thao tác điều khiển thiết bị trong khi lái xe.
- Không để iPod trong xe. Đặc biệt, nhiệt độ cao bên trong xe có thể làm hỏng iPod.
- Không ấn hoặc tác động mạnh lên iPod trong khi đang kết nối vì có thể làm hỏng iPod hoặc chân iPod.
- Không cắm vật lạ vào cổng USB vì có thể làm hỏng iPod hoặc chân iPod.

1 Kết Nối iPod



(1) Cắm cáp kết nối iPod vào cổng USB.

- Bật nguồn nếu iPod chưa bật.
- Sử dụng cáp tương thích cho thiết bị của bạn để kết nối tốt.

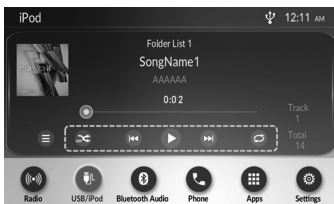


Chú ý



Cổng USB này dùng để phát các file được lưu trong USB, kết nối điện thoại di động và sạc thiết bị.

2 Phát nhạc trên iPod



Chạm để tiếp tục phát bài hát.



Chạm để tạm dừng bài hát.



Chạm để chuyển sang bài hát tiếp theo.

Giữ để tua đi nhanh.

Bài hát sẽ phát tiếp khi bỏ tay ra khỏi nút.



Chạm để chuyển đến đầu bài hát.

Chạm để chuyển sang bài hát trước đó, nếu thời gian phát file hiện tại dưới 1 giây.

Giữ để tua lại nhanh.

Bài hát sẽ phát tiếp khi bỏ tay ra khỏi nút.



Chạm để chuyển sang chế độ lặp lại.

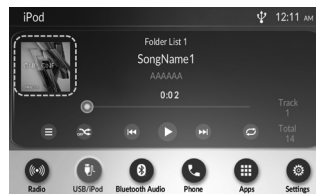


Chạm để chuyển sang chế độ ngẫu nhiên.

● Chọn Bài Hát

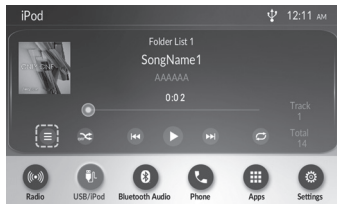
Chạm vào nút  hoặc nút  để chọn bài hát mong muốn.

● Biểu Tượng iPod

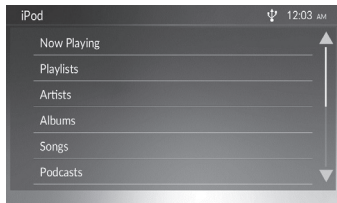


(1) Biểu tượng iPod có thể được hiển thị trên màn hình tùy thuộc vào loại iPod và dữ liệu được lưu trong iPod.

● Chọn chế độ phát hoặc danh mục



- (1) Chạm vào  trên màn hình thao tác iPod cơ bản.



- (2) Danh sách trong chế độ phát được chọn như Danh sách phát, Nghệ sĩ, Album, Bài hát, Podcast, Thể loại nhạc, Nhạc sĩ, Sách nói hoặc Trộn Bài sẽ được hiển thị.



- (3) Chọn bài hát mong muốn từ danh sách.
- Khi chọn một danh sách, các bài hát có trong danh sách đó sẽ được hiển thị. Tiếp tục chọn cho đến khi bài hát mong muốn hiển thị.
 - Nhạc bắt đầu phát khi bài hát được chọn.

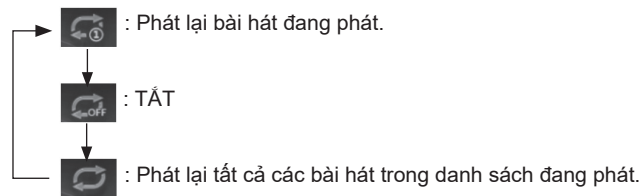
● Lặp Lại và Trộn Bài

Bạn có thể phát bài hát bằng các chế độ lặp lại và trộn bài.

<Chế Độ Lặp Lại>

Tự động phát lại bài hát đang phát.

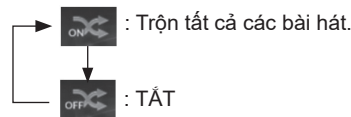
- **Chế độ lặp lại thay đổi như sau mỗi khi chạm vào nút trên màn hình.**



<Chế Độ Trộn Bài>

Tự động trộn tất cả các bài hát trong iPod.

- **Chế độ trộn bài thay đổi như sau mỗi khi chạm vào nút trên màn hình.**



Chú ý

Khi có nhiều bài hát được lưu trong iPod, việc chọn chế độ trộn bài sẽ mất nhiều thời gian hơn.

3 Các loại iPod tương thích

Dưới đây là danh sách các loại iPod được hỗ trợ. Thiết bị này chỉ hỗ trợ các loại iPod sau. Các loại iPod đời cũ hơn không được hỗ trợ.

Dành cho

- iPod touch (thế hệ thứ 7)
- iPod touch (thế hệ thứ 6)
- iPod touch (thế hệ thứ 5)

Dành cho

- iPhone 8
- iPhone 8 Plus
- iPhone X
- iPhone XR
- iPhone XS
- iPhone XS Max
- iPhone 11
- iPhone 11 Pro
- iPhone 11 Pro Max
- iPhone SE (thế hệ thứ 2)
- iPhone 12 mini
- iPhone 12
- iPhone 12 Pro
- iPhone 12 Pro Max
- iPhone 13 Mini
- iPhone 13
- iPhone 13 Pro
- iPhone 13 Pro Max
- iPhone 14
- iPhone 14 Plus
- iPhone 14 Pro
- iPhone 14 Pro Max
- iPhone 15
- iPhone 15 Plus
- iPhone 15 Pro
- iPhone 15 Pro Max



Chú ý

- Chú ý rằng các loại được liệt kê ở trên có thể không sử dụng được với thiết bị này do những khác biệt riêng, như loại hoặc phiên bản phần mềm.
- Truy cập trang web của Apple để biết chi tiết về cách cập nhật phần mềm iPod.
- Các loại iPod từ thế hệ thứ 4 trở về trước không tương thích với thiết bị này.
- iPad, iPod mini, iPod shuffle và iPod photo không tương thích với thiết bị này.
- Thiết bị này không thể phát video trong iPod.

Để biết các loại iPod được hỗ trợ, vui lòng truy cập trang web hỗ trợ.

URL

http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/honda/HONDA24M/compatible_models.html



- Một số loại iPod có thể hoạt động không bình thường hoặc không ổn định. Trong trường hợp này, hãy ngắt kết nối iPod, sau đó kiểm tra tình trạng của iPod. Nếu iPod vẫn hoạt động không tốt hoặc chậm, hãy khởi động lại iPod.
- Khi bạn bật thiết bị này, iPod sẽ được sạc pin thông qua thiết bị.
- Thông tin văn bản có thể không được hiển thị chính xác.

Phát Nhạc Qua Âm Thanh Bluetooth®

● Bluetooth®

Hệ thống âm thanh Bluetooth® cho phép người dùng nghe nhạc trên máy nghe nhạc qua loa của xe thông qua kết nối không dây. Hệ thống âm thanh này hỗ trợ Bluetooth®, một hệ thống dữ liệu không dây có khả năng phát file nhạc trên máy nghe nhạc mà không cần dây cáp. Nếu máy nghe nhạc của bạn không hỗ trợ Bluetooth®, hệ thống âm thanh Bluetooth® sẽ không hoạt động.



Lưu ý

- Không vận hành máy nghe nhạc hoặc kết nối với hệ thống âm thanh Bluetooth® trong khi lái xe.
- Không để máy nghe nhạc ở trong xe. Đặc biệt, nhiệt độ cao bên trong xe có thể làm hỏng máy nghe nhạc.



Chú ý

- Trong các điều kiện sau đây, hệ thống có thể không hoạt động.
 - Máy nghe nhạc tắt.
 - Máy nghe nhạc không được kết nối.
 - Máy nghe nhạc yếu pin.
- Tùy thuộc vào loại máy nghe nhạc được kết nối với hệ thống, một số chức năng có thể không có.
- Có thể mất nhiều thời gian để kết nối hệ thống âm thanh Bluetooth® và điện thoại di động.
- Một số thiết bị Bluetooth® (thấp hơn phiên bản Bluetooth® 2.0) có thể không kết nối với thiết bị này tùy thuộc vào phiên bản Bluetooth® của thiết bị.
- Thiết bị này có thể không hoạt động đối với một số thiết bị Bluetooth®.
- Điều kiện kết nối có thể khác nhau tùy thuộc vào môi trường của bạn.

- Máy nghe nhạc phải đáp ứng các thông số kỹ thuật sau đây thì mới có thể kết nối với hệ thống âm thanh Bluetooth®. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng một số chức năng có thể bị giới hạn tùy thuộc vào loại máy nghe nhạc.

• Thông Số Kỹ Thuật Bluetooth®

Phiên bản 1.1 trở lên (Khuyến nghị: Phiên bản 4.2 trở lên)

• Cấu Hình

A2DP (Cấu Hình Phân Phối Âm Thanh Nâng Cao) Phiên bản 1.0 trở lên (Khuyến nghị: Phiên bản 1.3 trở lên)

Đây là cấu hình để truyền âm thanh nổi hoặc âm thanh chất lượng cao đến loa.

AVRCP (Cấu Hình Điều Khiển Âm Thanh/Video Từ Xa) Phiên bản 1.0 trở lên (Khuyến nghị: Phiên bản 1.6 trở lên)

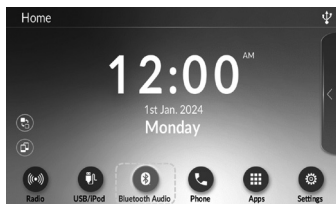
Đây là một cấu hình để điều khiển từ xa các thiết bị A/V.



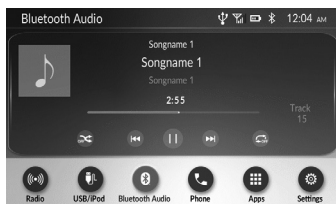
Lưu ý

- Các dải tần mà thiết bị sử dụng cũng được sử dụng cho một số thiết bị, ngoại trừ các thiết bị hóa chất/y tế, như lò vi sóng, các trạm phát sóng vô tuyến trong nhà để xác định thiết bị di động được sử dụng trong dây chuyền sản xuất của nhà máy (các trạm phát sóng vô tuyến phải có giấy phép), các trạm phát sóng vô tuyến công suất thấp (trạm phát sóng vô tuyến không cần giấy phép), và các trạm phát sóng vô tuyến nghiệp dư (các trạm phát sóng vô tuyến cần có giấy phép) (3 loại trạm phát sóng vô tuyến nêu trên sau đây sẽ được gọi là “các trạm phát sóng vô tuyến khác”). Trước khi sử dụng thiết bị, hãy xác nhận rằng không có “các trạm phát sóng vô tuyến khác” đang được sử dụng ở khu vực gần đó. Trong trường hợp thiết bị gây nhiễu có hại cho “các trạm phát sóng vô tuyến khác”, hãy nhanh chóng di chuyển đến vị trí không gây nhiễu có hại này.
- Thiết bị này được sử dụng ở tần số 2.4GHz.
- Sử dụng kỹ thuật trải phổ FH-SS.
- Khoảng cách nhiễu được giả thuyết là không quá 10m.
- Thiết bị có thể được sử dụng trên tất cả các dải tần đảm bảo có thể tránh được bằng thông của bộ nhận dạng thiết bị di động.
- Thiết bị viễn thông này phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của NTC.

1 Chuyển sang Chế Độ Âm Thanh Bluetooth®



- (1) Chạm vào **Bluetooth Audio** trên màn hình Chính (→ Trang 6).
 - Hệ thống âm thanh sẽ bật ở chế độ đã sử dụng trước đó.



- (2) Màn hình Âm Thanh Bluetooth® (Màn hình phát nhạc qua Âm Thanh Bluetooth®) sẽ hiển thị khi âm thanh Bluetooth® được kết nối.

2 Kết nối Âm Thanh Bluetooth®

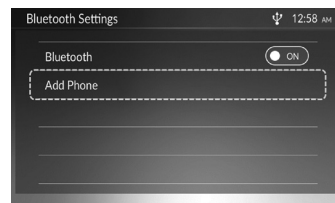
Để sử dụng hệ thống âm thanh Bluetooth®, bạn cần ghép đôi máy nghe nhạc với hệ thống. Khi đã ghép đôi xong, bạn có thể nghe nhạc trên hệ thống âm thanh của xe.

● Khi Thiết Bị Bluetooth® không Được Ghép Đôi

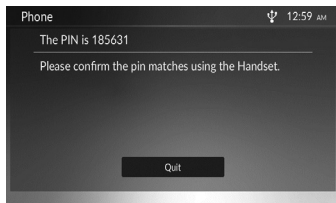
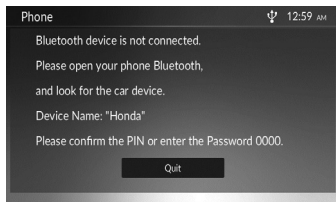
Nếu bạn chưa ghép đôi bất kỳ thiết bị Bluetooth® nào, trước tiên bạn phải ghép đôi thiết bị theo quy trình sau.



- (1) Chạm **Bluetooth Settings** .



- (2) Chạm **Add Phone** để kết nối với thiết bị Bluetooth® .
 - Không thể chọn [Add Phone] trong khi lái xe.
Hãy dừng xe và gài phanh đỗ.



- (3) Khi màn hình này hiển thị, hãy tiến hành dò tìm thiết bị “Honda” từ điện thoại của bạn.
- (4) Nhập mã bảo mật hiển thị trên màn hình vào máy nghe nhạc của bạn. Sau đó, chạm vào **Pair** trên thiết bị của bạn.

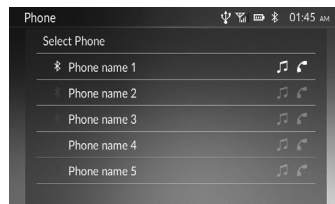
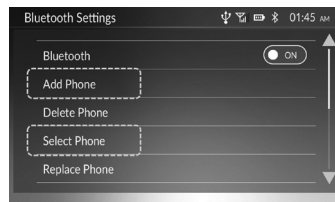
- Không yêu cầu nhập mã bảo mật đối với điện thoại Bluetooth® tương thích SSP (Ghép Đôi Bảo Mật Đơn Giản). Tùy thuộc vào loại điện thoại Bluetooth® được kết nối, thông báo xác nhận ghép đôi có thể hiển thị trên màn hình điện thoại Bluetooth®. Xác nhận và thao tác trên điện thoại Bluetooth® theo thông báo xác nhận.

- Nếu muốn hủy ghép đôi, hãy chạm vào **Cancel** trên thiết bị của bạn hoặc **Quit** trên màn hình.

- (5) Khi kết nối thành công, một màn hình tương tự với màn hình bên trái sẽ được hiển thị.
 - Sau khi ghép đôi thành công, hệ thống sẽ tự động kết nối với máy nghe nhạc của bạn mỗi khi bạn khởi động xe.
 - Thông tin máy nghe nhạc sẽ được ghép đôi khi hệ thống âm thanh Bluetooth® được kết nối. Khi bạn chuyển nhượng xe cho người khác, hãy rút máy nghe nhạc của bạn ra (Xem phần “Rút Thiết Bị Bluetooth® Ra” → Trang 45).

● Khi Thiết Bị Bluetooth® Được Ghép Đôi

Nếu bạn đã ghép đôi thiết bị Bluetooth® khác, bạn có thể thay đổi thiết bị đã kết nối và thêm một thiết bị mới.



- (1) Chạm vào **Add Phone** trên màn hình Cài Đặt Bluetooth® để thêm thiết bị mới.
 - Bạn có thể thêm tối đa 5 thiết bị.
 - Mỗi lần chỉ kết nối được một thiết bị.

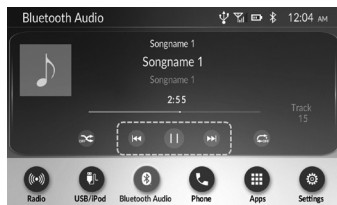
- (2) Nếu bạn chạm vào **Select Phone**, màn hình Chọn Điện Thoại sẽ được hiển thị.
 - Chọn thiết bị mà bạn muốn kết nối.

● Màn hình Cài Đặt Bluetooth®

Để thay đổi cài đặt Bluetooth®, xem phần “Cài Đặt Bluetooth® ”.

(→ Trang 43)

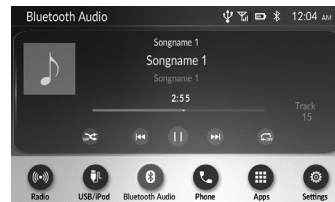
3 Phát Nhạc Qua Máy Nghe Nhạc Bluetooth®



- Tiêu đề của bài hát và album hiện đang phát sẽ được hiển thị.
- Một số tiêu đề và nút điều khiển có thể không hiển thị tùy thuộc vào loại máy nghe nhạc Bluetooth®.

- ⏸ Chạm để tạm dừng bài hát.
- ▶ Chạm để tiếp tục phát bài hát.
- ⏮ Chạm để chuyển đến đầu bài hát.
Chạm để chuyển sang file trước đó, nếu thời gian phát file hiện tại dưới 1 giây.
Giữ để tua lại nhanh.
Bài hát sẽ phát tiếp khi bỏ tay ra khỏi nút.
- ⏭ Chạm để chuyển sang bài hát tiếp theo.
Giữ để tua đi nhanh.
Bài hát sẽ phát tiếp khi bỏ tay ra khỏi nút.

● Hiện Thị Trạng Thái



Hiện thị trạng thái kết nối Bluetooth®.

Chỉ Báo	Tên	Chức Năng
	Cường độ tín hiệu Bluetooth	Hiện thị cường độ tín hiệu BT-HF (Bluetooth®-Rảnh Tay) của điện thoại được kết nối
	Tắt tính năng gọi	Hiện thị trạng thái tắt tính năng gọi BT-HF (Bluetooth®-Rảnh Tay)
	Biểu tượng mức pin	Hiện thị mức pin của điện thoại BT-HF (Bluetooth®-Rảnh Tay) được kết nối
	Biểu tượng Bluetooth	Hiện thị kết nối Bluetooth®



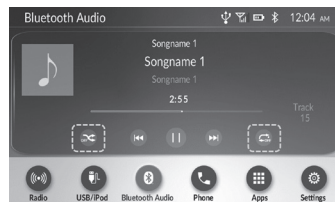
Chú ý

Ăng-ten dùng để kết nối Bluetooth® được tích hợp trong màn hình. Tình trạng kết nối Bluetooth® có thể không tốt và hệ thống có thể không hoạt động khi bạn sử dụng máy nghe nhạc trong các điều kiện sau.

- Máy nghe nhạc của bạn để khuất sau màn hình (phía sau ghế hoặc trong hộp đựng đồ và hộp đựng đồ trung tâm).
- Máy nghe nhạc của bạn chạm vào hoặc bị vật liệu kim loại đè lên trên.

Có thể không điều khiển được Âm Thanh Bluetooth bằng các nút trên vô lăng và một số thông tin có thể không được hiển thị, tùy thuộc vào ứng dụng phát nhạc.

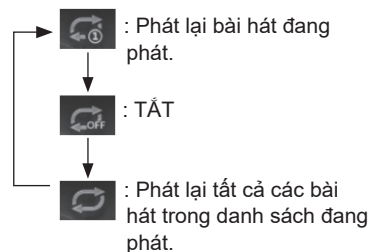
● Thứ Tự Lặp Lại và Phát Ngẫu Nhiên



<Chế Độ Lặp Lại>

Phát lại bài hát đang phát.

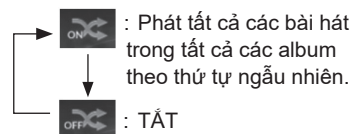
- Chế độ lặp lại thay đổi như sau mỗi khi chạm vào nút trên màn hình.



<Chế Độ Ngẫu Nhiên>

Thiết bị chọn và phát các bài hát theo thứ tự ngẫu nhiên.

- Chế độ ngẫu nhiên thay đổi như sau mỗi khi chạm vào nút trên màn hình.

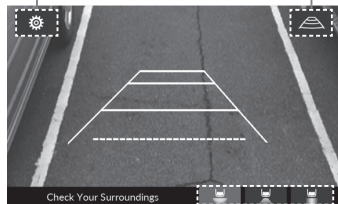


Camera

● Camera Quan Sát Sau

Khi gạt cần số sang vị trí SỐ LÙI (R), màn hình sẽ tự động chuyển sang hình ảnh camera quan sát sau ở chế độ toàn màn hình. Hình ảnh camera quan sát sau tự động đảo chiều và hiển thị trên màn hình phía trước.

Cài Đặt Camera Lùi



Nút Đường Dẫn Hướng

- (1) Hiển thị màn hình camera quan sát sau.

● Chạm vào màn hình camera quan sát sau để hiển thị nút  để cài đặt và nút  để bật/tắt đường dẫn hướng.

Nút Chế Độ Quan Sát



- (2) Hiển thị màn hình cài đặt camera lùi.

● Chạm vào màn hình camera quan sát sau để điều chỉnh độ sáng và độ tương phản.

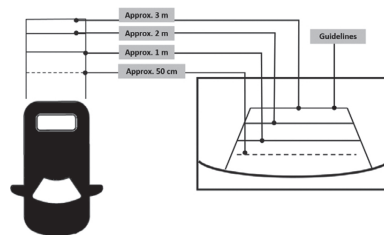
Các mục cài đặt

● Brightness	● Điều chỉnh độ sáng của màn hình camera.
● Contrast	● Điều chỉnh độ tương phản của màn hình camera.

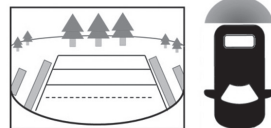
Hình ảnh hiển thị chỉ mang tính chất tham khảo và hình ảnh thực tế có thể khác tùy theo tình trạng xe.

Vùng Hiển Thị Camera Lùi Đa Hướng

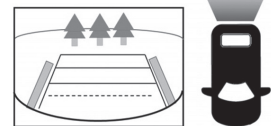
Chạm vào biểu tượng trên màn hình cảm ứng để thay đổi chế độ xem.



Chế Độ Quan Sát Rộng



Chế Độ Quan Sát Thường



Bạn có thể quan sát theo ba chế độ camera khác nhau trên màn hình quan sát sau.

● Các chế độ trong Màn Hình Giải Trí

Chạm vào biểu tượng thích hợp để chuyển chế độ.



: Chế Độ Quan Sát Rộng

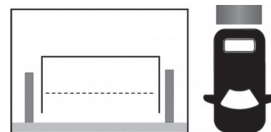


: Chế Độ Quan Sát Thường



: Chế Độ Quan Sát Từ Trên Xống

Chế Độ Quan Sát Từ Trên Xống



Chú ý

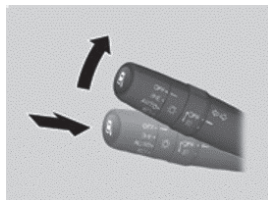
- Chức năng camera không có sẵn ở tất cả các loại xe.
- Nếu thấu kính của camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính.

Quan Sát Làn Đường

Quan Sát Làn Đường là hệ thống hỗ trợ giúp bạn kiểm tra khu vực phía sau bên hành khách được hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin khi gạt cần xi nhan sang phía hành khách. Ngoài cách kiểm tra trực quan và sử dụng gương cửa phía hành khách, camera trong gương cửa phía hành khách theo dõi khu vực này và giúp bạn kiểm tra xem có xe nào không. Bạn cũng có thể bật hệ thống để thuận tiện trong khi lái xe.

Kích Hoạt Chức Năng Quan Sát Làn Đường

Gạt xi nhan phải/trái (tùy thuộc bạn lái xe bên nào/quốc gia nơi bạn lái xe). Màn hình Quan Sát Làn Đường xuất hiện. Kiểm tra màn hình để biết các điểm mù và quan sát bằng mắt thường để xác nhận việc thay đổi làn đường là an toàn. Bạn cũng có thể ẩn nút Quan Sát Làn Đường ở cuối nút xi nhan để quan sát màn hình thời gian thực. Ấn nút thêm một lần nữa để tắt màn hình.



Chú ý

Nếu thấu kính của camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính.

Hình ảnh Quan Sát Làn Đường

Khi gạt xi nhan sang vị trí Quan Sát Làn Đường hoặc ấn công tắc Quan Sát Làn Đường, màn hình sẽ tự động chuyển sang hình ảnh Quan Sát Làn Đường ở chế độ toàn màn hình.

Cài Đặt Quan Sát Làn Đường



- (1) Hiển thị màn hình Quan Sát Làn Đường.

- Chạm vào màn hình Quan Sát Làn Đường để hiển thị nút



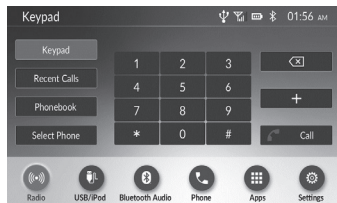
- (2) Hiển thị màn hình cài đặt Quan Sát Làn Đường.

- Chạm vào nút để điều chỉnh độ sáng và độ tương phản.

Vạch Khoảng Cách

Ba đường kẻ xuất hiện trên màn hình biểu thị khoảng cách từ xe của bạn đến xe khác hoặc đến vật thể. Nếu vật thể ở gần đường kẻ 1 (màu đỏ), tức là vật thể đó ở gần xe của bạn, còn nếu vật thể ở gần đường kẻ 3 thì có nghĩa là vật thể đó cách xa xe bạn.

Điện Thoại (Hệ Thống Điện Thoại Rảnh Tay)



- (1) Chạm vào **Phone** trên màn hình Chính (⇒ Trang 6).

Keypad

Hiển thị bàn phím hoặc màn hình thao tác cơ bản của điện thoại.

0-9, *, #, +

Được sử dụng để nhập số điện thoại.

Recent Calls

Hiển thị màn hình “Cuộc Gọi Gần Đây” để tạo cuộc gọi từ lịch sử cuộc gọi.

Phonebook

Hiển thị màn hình “Danh Bạ Điện Thoại” để tạo cuộc gọi từ danh bạ.

Select Phone

Hiển thị màn hình “Chọn Điện Thoại” để chọn thiết bị.

Call

Dùng để tạo cuộc gọi.



Chú ý

Để tải danh bạ điện thoại, xem phần “Tải Danh Bạ Điện Thoại” (⇒ Trang 46).

Hệ thống rảnh tay Bluetooth® cho phép bạn gọi điện hoặc nhận cuộc gọi mà không cần thao tác trực tiếp trên điện thoại thông minh.

Hệ thống này hỗ trợ Bluetooth®.

Bluetooth® là một hệ thống dữ liệu không dây mà qua đó bạn có thể gọi điện mà không cần kết nối điện thoại thông minh của bạn với cáp hoặc đặt trên giá đỡ.

Quy trình vận hành của hệ thống được trình bày trong phần này.

- Để biết cách ghép đôi điện thoại Bluetooth®, xem phần “Kết Nối Điện Thoại Bluetooth®” (⇒ Trang 31).



Lưu ý

- Chỉ sử dụng điện thoại thông minh hoặc kết nối điện thoại Bluetooth® khi an toàn và hợp pháp.
- Không để điện thoại thông minh trong xe. Nhiệt độ cao trong xe có thể làm hỏng điện thoại.
- Nếu để điện thoại Bluetooth® ở quá gần hệ thống, chất lượng âm thanh và tình trạng kết nối có thể kém đi.



Chú ý

- Nếu điện thoại thông minh của bạn không hỗ trợ tính năng Bluetooth®, hệ thống này sẽ không hoạt động.
- Tùy thuộc vào loại điện thoại thông minh, một số chức năng có thể bị hạn chế.
- Trong các điều kiện sau đây, hệ thống có thể không hoạt động.
 - Điện thoại thông minh tắt.
 - Điện thoại ở ngoài khu vực kết nối.
 - Điện thoại thông minh không được kết nối.
 - Điện thoại thông minh bị yếu pin.
 - Khi cuộc gọi đi bị hạn chế do đường truyền điện thoại bị quá tải, v.v.
 - Khi chính điện thoại không thể sử dụng được.
 - Khi đang sao chép dữ liệu danh bạ từ điện thoại thông minh.
- Ngay cả khi điện thoại thông minh của bạn hỗ trợ cả tính năng điện thoại rảnh tay và âm thanh Bluetooth®, bạn cũng không thể kết nối hai tính năng này cùng một lúc.
- Khi sử dụng cùng lúc cả âm thanh Bluetooth® và chế độ rảnh tay, có thể xảy ra các sự cố sau.
 - Kết nối Bluetooth® có thể bị ngắt.
 - Có thể nghe thấy tiếng ồn khi phát âm thanh Bluetooth®.
- Pin điện thoại Bluetooth® sẽ nhanh bị hết hơn khi được kết nối với Bluetooth®.

- Hệ thống này hỗ trợ các cấu hình sau đây.

• Thông Số Kỹ Thuật Bluetooth®

Công Nghệ : Bluetooth® 4.2

• Cấu Hình

- HFP (Hands Free Profile) (Cấu Hình Rảnh Tay) Phiên bản 1.7
- A2DP (Advanced Audio Distribution Profile) (Cấu Hình Phân Phối Âm Thanh Nâng Cao) Phiên bản 1.3
- AVRCP (Audio/Video Remote Control Profile) (Cấu Hình Điều Khiển Âm Thanh/Video Từ Xa) Phiên bản 1.6
- GAP (Generic Access Profile) (Cấu Hình Truy Cập Chung)
- PBAP (Phone Book Access Profile) (Cấu Hình Truy Cập Danh Bạ) Phiên bản 1.2
- SPP (Serial Port Profile) (Cấu Hình Cổng Nối Tiếp) Phiên bản 1.2



Chú ý

- Giọng nói của người ở đầu dây bên kia sẽ phát ra từ loa trước. Khi nhận cuộc gọi hoặc có giọng nói phát ra, âm thanh từ hệ thống âm thanh sẽ bị tắt tiếng.
- Bạn và người ở đầu dây bên kia lần lượt nói trên điện thoại. Nếu bạn và bên kia nói cùng một lúc, giọng nói của hai bên có thể không đến được bên kia. (Đây không phải là sự cố.)
- Để âm lượng cuộc gọi ở mức thấp. Nếu không, sẽ có tiếng vang và bên ngoài xe có thể nghe thấy giọng nói của người gọi đến. Khi nói chuyện trên điện thoại, hãy nói rõ ràng hướng về phía micro.
- Trong những tình huống dưới đây, người ở đầu dây bên kia có thể không nghe thấy giọng của bạn.
 - Lái xe trên đường không trải nhựa. (Do tiếng ồn giao thông).
 - Lái xe ở tốc độ cao.
 - Cửa kính mở.
 - Có tiếng ồn lớn từ quạt điều hòa không khí.
 - Bị ảnh hưởng từ mạng điện thoại thông minh.

1 Danh Bạ Điện Thoại trong Hệ Thống

Dữ liệu dưới đây sẽ được lưu cho mỗi điện thoại được đăng ký. Khi kết nối với điện thoại khác, bạn sẽ không đọc được dữ liệu đã lưu.

- Danh bạ điện thoại
- Lịch sử cuộc gọi (Cuộc Gọi Gần Đây)



Chú ý

Khi bạn xóa điện thoại, dữ liệu nói trên cũng sẽ bị xóa.

2 Khi Chuyển Nhượng Xe

Nhiều dữ liệu cá nhân được lưu khi bạn sử dụng hệ thống điện thoại rảnh tay.

Khi chuyển nhượng xe, hãy khởi tạo dữ liệu của bạn.

Bạn có thể khởi tạo dữ liệu dưới đây trong hệ thống.

- Danh bạ điện thoại
- Lịch sử cuộc gọi
- Dữ liệu điện thoại Bluetooth®



Chú ý

Nếu bạn khởi tạo dữ liệu, trạng thái trước đó sẽ không trở lại nữa.
Cẩn thận khi khởi tạo dữ liệu.

Dữ liệu sẽ bị xóa khi ngắt kết nối điện thoại thông minh.

3 Màn Hình Trạng Thái Điện Thoại



① Hiện thị tình trạng kết nối Bluetooth®.



Kết nối: Hiện thị
Không kết nối: Không
hiển thị

② Hiện thị lượng pin còn lại.



Hết pin ← → Đầy pin

- Biểu tượng này không hiển thị khi điện thoại Bluetooth® không được kết nối.
- Tùy thuộc vào loại điện thoại Bluetooth®, mức pin còn lại có thể không hiển thị.
- Không phải lúc nào cũng hiển thị đúng lượng pin còn lại thực tế của điện thoại Bluetooth®. Hệ thống này không có chức năng sạc pin.

③ Hiển thị mức độ thu sóng.



- Không phải lúc nào cũng hiển thị đúng mức độ thu sóng thực tế của điện thoại.
- Mức độ thu sóng có thể không hiển thị tùy thuộc vào loại điện thoại.
- Khi bạn ra khỏi khu vực dịch vụ hoặc ở một nơi không thể truy cập bằng sóng radio,  sẽ hiển thị.



Chú ý

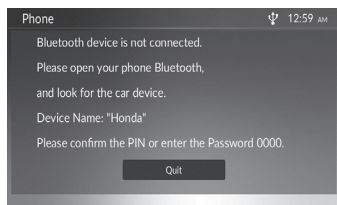
- Ăng-ten dùng để kết nối Bluetooth® được tích hợp trong màn hình.
- Tình trạng kết nối Bluetooth® có thể không tốt và hệ thống có thể không hoạt động khi bạn sử dụng điện thoại Bluetooth® trong các điều kiện sau.
 - Điện thoại Bluetooth® của bạn để khuất sau màn hình (phía sau ghế hoặc trong hộp đựng đồ và hộp đựng đồ trung tâm.)
 - Điện thoại Bluetooth® của bạn chạm vào hoặc bị vật liệu kim loại đè lên trên.
- Để điện thoại Bluetooth® ở nơi có độ nhạy Bluetooth® tốt.

Kết Nối Điện Thoại Bluetooth®

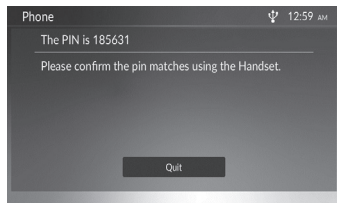
Để sử dụng hệ thống điện thoại rảnh tay Bluetooth®, bạn cần kết nối điện thoại với hệ thống. Khi đã kết nối xong, bạn có thể tạo cuộc gọi điện thoại rảnh tay.

Nếu bạn chưa kết nối bất kỳ điện thoại Bluetooth® nào, trước tiên bạn phải ghép đôi điện thoại theo quy trình sau.

- Hãy xem phần “Cài Đặt Bluetooth®” (➡ Trang 43) để biết cách ghép đôi thêm thiết bị.



- (1) Chạm vào **Phone** trên màn hình Chính.
- (2) Khi màn hình này hiển thị, hãy tiến hành dò tìm thiết bị từ điện thoại Bluetooth® của bạn.

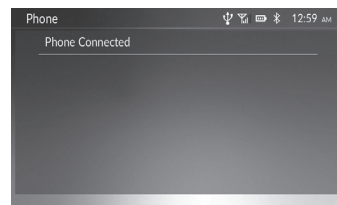


- (3) Xác nhận mã hiển thị trên màn hình trùng khớp với mã hiển thị trên điện thoại của bạn.
 - Chạm vào **Pair** để tiếp tục.

- Phương pháp ghép đôi sẽ khác nhau tùy thuộc phiên bản Bluetooth® của thiết bị.
 - Đối với thiết bị có Bluetooth® 2.1: Bạn có thể ghép đôi điện thoại với Màn Hình Giải Trí bằng SSP (Ghép Đôi Bảo Mật Đơn Giản), cách này chỉ yêu cầu xác nhận.
 - Đối với thiết bị có Bluetooth® 2.0: Bạn cần nhập mã PIN trên cả điện thoại và Màn Hình Giải Trí để ghép đôi.

- Nếu bạn muốn hủy ghép đôi, hãy chạm vào **Cancel** trên thiết bị của bạn hoặc **Quit** trên màn hình.

- Nếu điện thoại Bluetooth® được ghép đôi có chức năng âm thanh Bluetooth®, chức năng này có thể được ghép đôi cùng một lúc.



- (4) Khi kết nối hoàn tất, màn hình này sẽ được hiển thị.

- Nếu Bluetooth® bị ngắt kết nối do bạn tắt điện thoại Bluetooth® thì kết nối sẽ không thành công. Kết nối lại điện thoại Bluetooth® bằng tay.

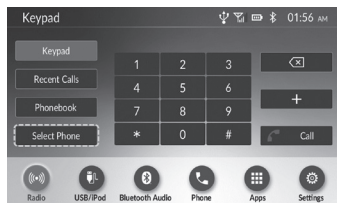


Chú ý

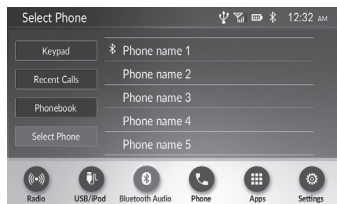
Để biết chi tiết về dò tìm thiết bị cho điện thoại Bluetooth® của bạn, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng điện thoại Bluetooth®. Chỉ thực hiện được ghép đôi khi đã đỗ xe.

1 Chọn Điện Thoại Bluetooth®

Nếu bạn đã ghép đôi một số thiết bị Bluetooth® khác, bạn có thể thay đổi thiết bị đã kết nối và thêm một thiết bị mới.



(1) Chạm vào **Select Phone**.



- (2) Chạm vào tên của thiết bị Bluetooth® muốn kết nối.
- Biểu tượng chọn sẽ hiển thị ở bên trái của tên thiết bị được chọn.
 - Biểu tượng Bluetooth® sẽ xuất hiện khi bạn kết nối với thiết bị.



Chú ý

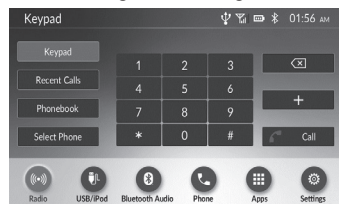
Khi bạn kết nối điện thoại trong khi đang phát âm thanh Bluetooth®, âm thanh Bluetooth® sẽ tạm dừng. Thực hiện kết nối điện thoại trong khi phát âm thanh Bluetooth® có thể mất nhiều thời gian. Âm thanh có thể bị gián đoạn.

Gọi Điện trên Điện Thoại Bluetooth®

Sau khi ghép đôi điện thoại Bluetooth®, bạn có thể gọi điện bằng hệ thống điện thoại rảnh tay Bluetooth®.

1 Bảng Cách Quay Số

Bạn có thể gọi điện bằng cách nhập số điện thoại.



- (1) Nhập số điện thoại bằng cách chạm vào các phím số (0 - 9, *, #, +).
 - Mỗi lần bạn chạm vào [X], một chữ số đã nhập sẽ bị xóa.
- (2) Chạm vào [Call].

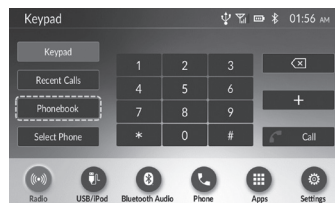


Chú ý

Không sử dụng chức năng Chọn Điện Thoại khi đang lái xe.

2 Bảng Danh Bạ Điện Thoại

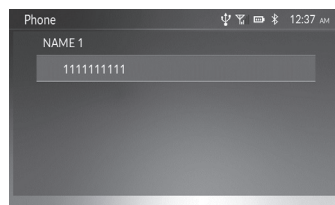
Bạn có thể gọi điện bằng danh bạ được sao chép từ điện thoại thông minh của bạn. Hệ thống sẽ lưu một danh bạ điện thoại cho mỗi điện thoại. Bạn có thể lưu tối đa 1.000 liên hệ cho mỗi danh bạ điện thoại.



- (1) Chạm vào **Phonebook**.

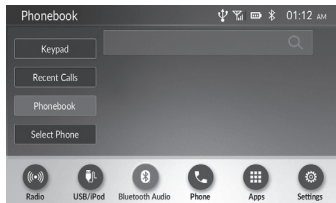


- (2) Chạm vào liên hệ bạn muốn gọi trong danh sách.
 - Chạm vào tên liên hệ bạn muốn gọi trong danh bạ điện thoại.



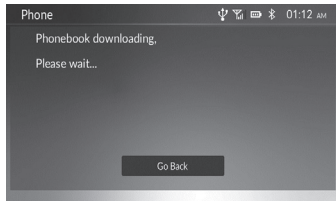
- Hoặc chạm vào **i** để hiển thị danh sách số điện thoại và chạm vào số điện thoại bạn muốn gọi để gọi điện.

● Khi Danh Bạ Điện Thoại Trở Lại



- (1) Chạm vào **Phonebook**.
 - Nếu điện thoại của bạn không hỗ trợ dịch vụ PBAP hoặc OPP, bạn không thể sao chép danh bạ.
 - Để tải danh bạ điện thoại, xem phần “Tải Danh Bạ Điện Thoại” (⇒ Trang 46).

● Khi Đang Tải Danh Bạ Điện Thoại



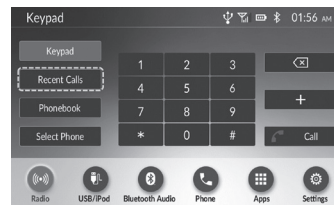
- (1) Đợi vài giây và chạm lại **Phonebook**.
HOẶC
Chạm **Go back** để quay lại.



Chú ý

Khi một tên liên hệ có nhiều số điện thoại, tối đa 3 số điện thoại sẽ hiển thị.

3 Cuộc Gọi Gần Đây



- (1) Chạm vào **Recent Calls**.



- (2) Chạm vào số điện thoại muốn gọi.

Bạn có thể tạo cuộc gọi từ các cuộc gọi gần đây ở 3 mục như sau. (Hiển thị 4 cuộc gọi gần đây nhất của mỗi mục.)



Outgoing

Cuộc gọi đi: Các cuộc gọi bạn đã gọi



Incoming

Cuộc gọi đến: Các cuộc gọi bạn đã nhận



Missed

Cuộc gọi nhớ: Các cuộc gọi bị nhớ

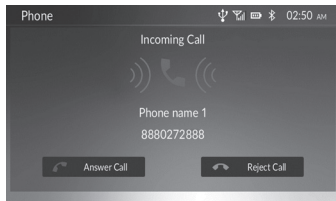


Chú ý

- Khi bạn gọi điện từ danh bạ điện thoại, tên liên hệ (nếu đã lưu) sẽ được hiển thị.
- Khi nhận được cuộc gọi từ số điện thoại đã lưu trong danh bạ, tên liên hệ và số điện thoại sẽ được hiển thị.
- Các cuộc gọi không hiện số cũng được ghi nhớ trong hệ thống.
- Có thể không thực hiện được cuộc gọi quốc tế tùy thuộc vào điện thoại thông minh của bạn.

Nhận Cuộc Gọi trên Điện Thoại Bluetooth®

Khi có cuộc gọi đến, màn hình này sẽ hiển thị cùng với âm thanh.



Để trả lời cuộc gọi:

Chạm vào  Answer Call.

Để từ chối cuộc gọi:

Chạm vào  Reject Call.

Để điều chỉnh âm lượng cuộc gọi đến:

Chạm vào nút “-” hoặc “+”.

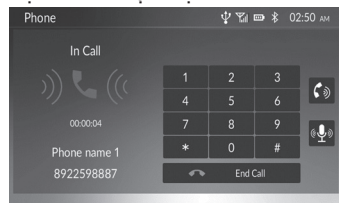


Chú ý

- Khi thực hiện cuộc gọi quốc tế, tên của người nghe có thể không hiển thị chính xác tùy thuộc vào điện thoại thông minh của bạn.
- Nếu màn hình đang hiển thị một video từ điện thoại di động, màn hình có thể vẫn giữ nguyên.

Nói Chuyện trên Điện Thoại Bluetooth®

Trong khi bạn đang nói chuyện trên điện thoại, màn hình này sẽ hiển thị. Bạn có thể thực hiện các thao tác sau trên màn hình.



Để gác máy:

Chạm vào  End Call .

Để tắt tiếng:

Chạm vào  .

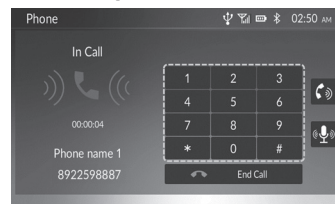
Để nhập số:

Chạm vào  0-9 .

Để chuyển đầu ra âm thanh:

Chạm vào  đối với chế độ rảnh tay hoặc  cho chế độ dùng tai nghe.

● Khi Chạm vào “0-9”



(1) Nhập số bằng cách chạm vào các phím số.

Để gác máy:

Chạm vào  End Call .



Chú ý

- Bạn có thể thực hiện thao tác chạm vào số này khi muốn dùng máy trả lời điện thoại hoặc sử dụng dịch vụ điện thoại trong ngân hàng. Bạn có thể lưu số điện thoại và mã số vào trong danh bạ điện thoại.

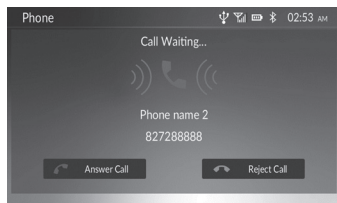


Chú ý

- Khi bạn chuyển cuộc gọi từ điện thoại sang cuộc gọi rảnh tay, màn hình cuộc gọi rảnh tay sẽ được hiển thị và bạn có thể thao tác trên màn hình.
- Nếu màn hình đang hiển thị một video từ điện thoại di động, màn hình có thể vẫn giữ nguyên.

1 Cuộc Gọi Chờ

Khi có một người khác gọi đến trong khi đang nói chuyện, màn hình này sẽ xuất hiện.

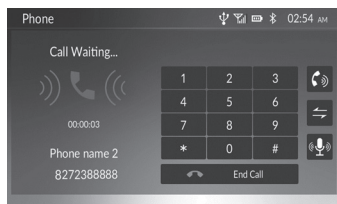


Để trả lời cuộc gọi:

Chạm vào  Answer Call.

Để từ chối cuộc gọi:

Chạm vào  Reject Call.



- Mỗi lần bạn chạm vào  trong khi có một người khác gọi đến, bạn sẽ chuyển cuộc gọi từ người này sang người kia.



Chú ý

- Thao tác cuộc gọi chờ có thể khác nhau tùy thuộc vào hãng điện thoại và loại điện thoại thông minh của bạn.
- Tính năng dịch vụ cuộc gọi chờ không có sẵn tùy thuộc vào chi tiết hợp đồng giữa bạn với hãng điện thoại.

Liên Kết Điện Thoại Thông Minh

1 Về Liên Kết Điện Thoại Thông Minh

Liên Kết Điện Thoại Thông Minh cho phép Màn Hình Giải Trí này kết nối với điện thoại thông minh qua cáp USB hoặc kết nối không dây. Khi ở chế độ kết nối, bạn có thể sử dụng các ứng dụng của điện thoại thông minh trên thiết bị này.

Để biết cách sử dụng và các điện thoại thông minh được hỗ trợ, hãy truy cập trang web hỗ trợ.

URL

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/honda/HONDA24M/index.html>



Lưu ý

- Không kết nối điện thoại thông minh hoặc thao tác điều khiển thiết bị trong khi lái xe.
- Không để điện thoại thông minh trong xe. Đặc biệt, nhiệt độ cao bên trong xe có thể làm hỏng điện thoại thông minh.
- Không ấn hoặc tác động mạnh lên điện thoại thông minh trong khi đang kết nối vì có thể làm hỏng điện thoại thông minh hoặc cổng trên điện thoại.
- Không cắm vật lạ vào điện thoại thông minh vì có thể làm hỏng điện thoại thông minh hoặc cổng trên điện thoại.



Chú ý

- Các ứng dụng có thể không hiển thị do tình trạng truyền dữ liệu, v.v.
- Một số ứng dụng có thể không có ở khu vực của bạn.
- Khi ở chế độ kết nối sau khi kết nối điện thoại thông minh, không thao tác trực tiếp trên điện thoại thông minh. Nếu làm như vậy, điện thoại thông minh không đảm bảo hoạt động tốt.
- Không sử dụng chức năng âm thanh Bluetooth® và chức năng Liên Kết Điện Thoại Thông Minh bằng cáp cùng một lúc trên cùng một điện thoại thông minh.
- Chức năng này chỉ cho phép vận hành ứng dụng.
- Sau khi kết nối với điện thoại thông minh, có thể sẽ mất một khoảng thời gian để hiển thị ứng dụng do tốc độ truyền dữ liệu của điện thoại thông minh.
- Khi sử dụng ứng dụng điện thoại thông minh qua kết nối không dây, thì sẽ không sử dụng được bất kỳ chức năng USB nào, ngay cả khi cắm thiết bị USB vào.
- Phải bật ứng dụng Siri ở điện thoại thông minh để kết nối không dây với Apple CarPlay.

Sử Dụng Các Nút Điều Khiển Trên Vô Lãng

Bạn có thể điều khiển các tính năng âm thanh cơ bản bằng các nút trên vô lăng.

● Chức năng của các nút

- Nút **SOURCE**
- Nút **VOL+ và VOL-** (Âm Lượng)
- Nút **⏮ ⏭** (Kênh)
- Nút **📞** (HFT)
- Nút **📞** (Nhận Điện Giọng Nói)



1 Nút SOURCE (Chế Độ)

Thay đổi chế độ nguồn âm thanh.

- Ấn nút SOURCE.

Thay đổi chế độ nguồn âm thanh theo thứ tự sau.

FM1 → FM2 → AM → (USB/iPod*) → BT Audio(*) → (quay lại) FM1.

*1 Chế độ này chỉ hiển thị khi thiết bị được kết nối.

2 Nút VOL+ và VOL- (Âm Lượng)

Điều chỉnh âm lượng.

- Ấn nút VOL+ (âm lượng) để tăng âm lượng hoặc bật tiếng.
- Ấn nút VOL- (âm lượng) để giảm âm lượng hoặc bật tiếng.

3 Nút ⏮ ⏭ (Kênh)

Radio (AM, FM1, FM2)

- Ấn nút **⏭** (Kênh) để chuyển sang kênh cài đặt sẵn tiếp theo.
- Ấn nút **⏮** (Kênh) để chuyển sang kênh cài đặt sẵn trước đó.
- Ấn và giữ trong một giây để tìm kênh có tín hiệu mạnh. Có thể vận hành tất cả các chế độ nguồn bằng nút này.
- Ấn nút **⏭** (Kênh) để bỏ qua và chuyển sang bài hát, file tiếp theo, v.v.
- Ấn nút **⏮** (Kênh) để bỏ qua và chuyển đến đầu bài hát, file đang phát, v.v. Ấn nút **⏮** (Kênh) một lần nữa để chuyển đến đầu bài hát, file trước đó, v.v.
- Ấn và giữ để chuyển đến bài hát đầu tiên của thư mục hoặc album tiếp theo.

4 Nút 📞 📞 (HFT) <Tùy chọn>

Chức năng Điện Thoại Rảnh Tay (HFT) <Hỗ trợ tùy chọn đối với một số loại xe>

Khi có cuộc gọi đến điện thoại rảnh tay:

- Ấn nút **📞** (NHẮC MÁY) để trả lời cuộc gọi.
- Ấn nút **📞** (GÁC MÁY) để từ chối cuộc gọi.
- Trong khi nói chuyện điện thoại rảnh tay:
- Ấn nút **📞** (GÁC MÁY) để kết thúc cuộc gọi.



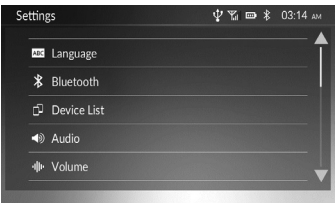
Chú ý

Chức năng của từng nút phụ thuộc vào loại xe và kết nối.

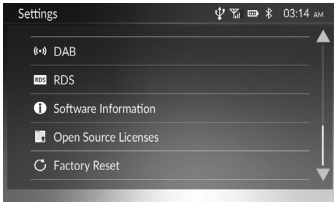
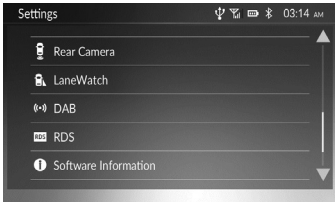
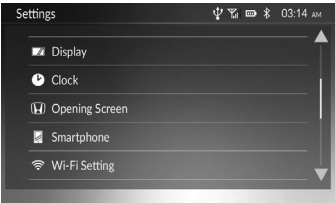
Cài Đặt



(1) Trên màn hình Chính
(⇒ Trang 6) chạm vào **Settings**.



(2) Chạm vào một mục để cài đặt.

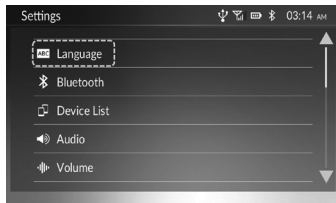


Các mục cài đặt

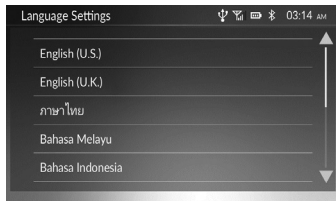
Language	Cài Đặt Ngôn Ngữ (⇒ Trang 42)
Bluetooth	Cài Đặt Bluetooth® (⇒ Trang 43)
Device List	Cài Đặt Danh Sách Thiết Bị (⇒ Trang 47)
Audio	Cài Đặt Âm Thanh (⇒ Trang 48)
Volume	Cài Đặt Âm Lượng (⇒ Trang 48)
Display	Cài Đặt Màn Hình (⇒ Trang 49)
Clock	Cài Đặt Đồng Hồ (⇒ Trang 50)
Opening Screen	Cài Đặt Màn Hình Mở (⇒ Trang 51)
Wi-Fi Setting	Cài Đặt Wi-Fi (⇒ Trang 52)
Rear Camera	Cài Đặt Camera Lùi (⇒ Trang 53)
LaneWatch	Cài Đặt Quan Sát Làn Đường (⇒ Trang 54)
DAB	Cài Đặt Phát Thanh Kỹ Thuật Số (DAB) (⇒ Trang 55)
RDS	Cài Đặt Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS) (⇒ Trang 56)
Software Information	Cài Đặt Thông Tin Phần Mềm (⇒ Trang 57)
Open Source Licenses	Cài Đặt Giấy Phép Mã Nguồn Mở (⇒ Trang 57)
Factory Reset	Khôi Phục Cài Đặt Gốc (⇒ Trang 58)

Cài Đặt Ngôn Ngữ

Bạn có thể thay đổi cài đặt ngôn ngữ như sau.



- (1) Chạm vào **Language** trên màn hình Cài Đặt.



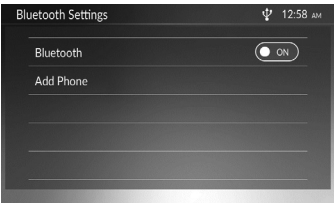
- (2) Màn hình Cài Đặt Ngôn Ngữ xuất hiện.
● Chạm vào ngôn ngữ mong muốn.

Cài Đặt Bluetooth®

● Màn Hình Cài Đặt Bluetooth®

Bạn có thể xác nhận và thay đổi các cài đặt Bluetooth®.

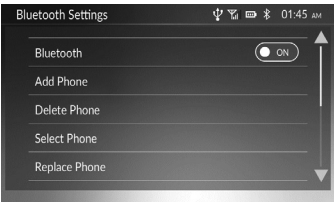
● Khi Chưa Có Thiết Bị Nào Được Ghép Đôi



(1) Chọn các mục cần cài đặt.

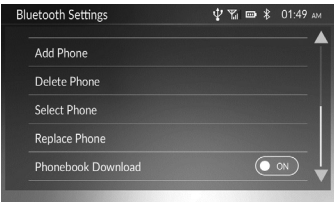
- Hãy tham khảo bảng bên phải để biết các mục cần cài đặt.

● Khi Thiết Bị Được Ghép Đôi



(1) Chọn các mục cần cài đặt.

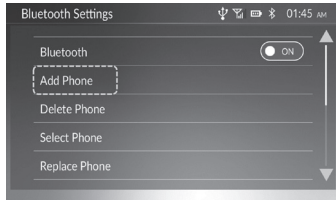
- Hãy tham khảo bảng bên phải để biết các mục cần cài đặt.
- Chạm vào  để cuộn xuống cuối màn hình.
- Chạm vào  để cuộn lên đầu màn hình.



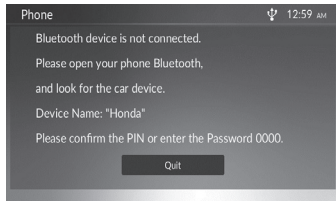
Nút	Tên Nút	Chức Năng
	Bluetooth® (BẬT/TẮT)	Bật hoặc tắt Bluetooth®.
Add Phone	Thêm Điện Thoại	Ghép đôi điện thoại.
Delete Phone	Xóa Điện Thoại	Xóa điện thoại.
Select Phone	Chọn Điện Thoại	Chọn/thay đổi điện thoại.
Replace Phone	Thay Thế Điện Thoại	Thay thế điện thoại.
	Phonebook Download	Bật hoặc tắt Tải Danh Bạ Điện Thoại.

- Không thể chọn một số nút trong khi lái xe.
- Hãy dừng xe và gài phanh đỗ.
- Tải Danh Bạ Điện Thoại sẽ xuất hiện khi điện thoại thông minh được kết nối.

● Thêm Thiết Bị Mới



- (1) Chạm vào **Add Phone** để thêm thiết bị Bluetooth® của bạn vào hệ thống.

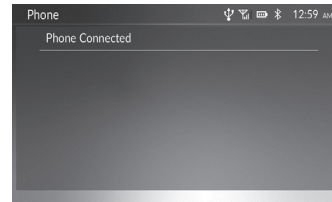


- (2) Khi màn hình này xuất hiện, hãy tiến hành dò tìm thiết bị từ thiết bị Bluetooth® của bạn.

- (3) Nhập mã bảo mật hiển thị trên màn hình vào máy nghe nhạc của bạn. Sau đó, chạm vào nút **Pair** trên thiết bị của bạn.

- Không yêu cầu nhập mã bảo mật đối với điện thoại Bluetooth® tương thích SSP (Ghép Đôi Bảo Mật Đơn Giản). Tùy thuộc vào loại điện thoại Bluetooth® được kết nối, thông báo xác nhận ghép đôi có thể hiển thị trên màn hình điện thoại Bluetooth®. Xác nhận và thao tác trên điện thoại Bluetooth® theo thông báo xác nhận.

- Nếu bạn muốn hủy thêm mới thiết bị, chạm vào **Cancel** trên thiết bị của bạn hoặc **Quit** trên màn hình.



- (4) Khi kết nối hoàn tất, màn hình này sẽ được hiển thị.

- Sau khi ghép đôi thành công, hệ thống sẽ tự động kết nối với thiết bị Bluetooth® của bạn mỗi khi bạn khởi động xe.

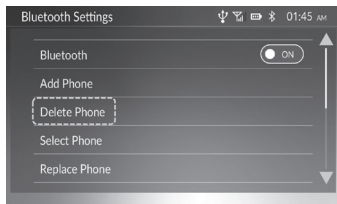


Chú ý

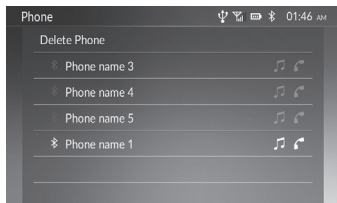
- Để biết chi tiết về dò tìm thiết bị cho điện thoại Bluetooth® của bạn, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng điện thoại Bluetooth®.
- Khi ghép đôi điện thoại của bạn, âm thanh Bluetooth® sẽ bị ngắt.
- Nếu thiết bị Bluetooth® có cả chức năng gọi điện Bluetooth® và âm thanh Bluetooth®, cả hai chức năng này sẽ được đăng ký cùng một lúc. Nếu thông báo xuất hiện trên màn hình, hãy làm theo thông báo và đăng ký một trong hai chức năng hoặc cả hai chức năng gọi điện Bluetooth® và âm thanh Bluetooth®.
- Phương pháp ghép đôi sẽ khác nhau tùy thuộc phiên bản Bluetooth® của thiết bị.
 - Đối với thiết bị có Bluetooth® 2.1: Bạn có thể ghép đôi thiết bị và Màn Hình Giải Trí bằng SSP (Ghép Đôi Bảo Mật Đơn Giản), cách này chỉ yêu cầu xác nhận.
 - Đối với thiết bị có Bluetooth® 2.0: Bạn cần nhập mã PIN trên cả thiết bị và Màn Hình Giải Trí để ghép đôi.

● Xóa Thiết Bị Bluetooth®

Bạn có thể xóa một thiết bị Bluetooth® đã ghép đôi.



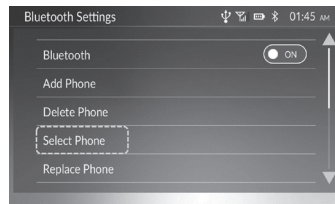
- (1) Chạm vào **Delete Phone** để hiển thị danh sách thiết bị.



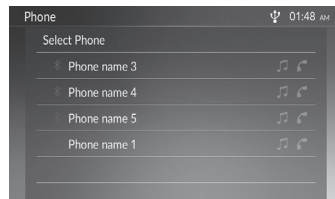
- (2) Chọn thiết bị muốn xóa.

● Chọn Thiết Bị Bluetooth®

Bạn có thể chọn một thiết bị Bluetooth® đã ghép đôi.



- (1) Chạm vào **Select Phone** để hiển thị danh sách thiết bị.



- (2) Chọn thiết bị muốn xóa.

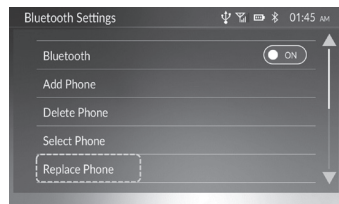


Chú ý

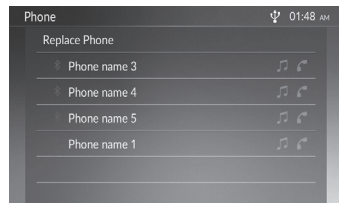
Khi bạn xóa một điện thoại Bluetooth®, danh bạ điện thoại cũng sẽ bị xóa.

● Thay Thế Thiết Bị Bluetooth®

Bạn có thể thay thế một thiết bị Bluetooth® đã ghép đôi bằng một thiết bị mới.

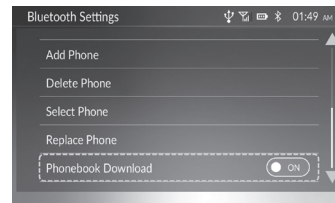


(1) Chạm vào **Replace Phone** để hiển thị danh sách thiết bị.



(2) Chọn thiết bị muốn thay thế.

● Tải Danh Bạ Điện Thoại



● Tải Danh Bạ Điện Thoại sẽ không xuất hiện khi không có thiết bị nào được kết nối.

Tải Danh Bạ Điện Thoại

- ON (Mặc định): Bật Tải Danh Bạ Điện Thoại.
- OFF: Tắt Tải Danh Bạ Điện Thoại.



Chú ý

Khi Tải Danh Bạ Điện Thoại ở ON

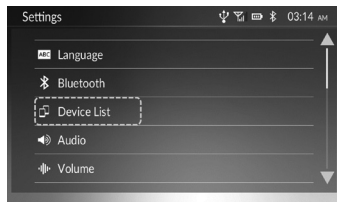
- Danh bạ điện thoại tự động truyền sang khi điện thoại được kết nối.
- Danh bạ của điện thoại được kết nối sẽ được hiển thị. Sau khi cho phép trên điện thoại, tiến trình tải danh bạ sẽ bắt đầu.

Khi Tải Danh Bạ Điện Thoại ở OFF

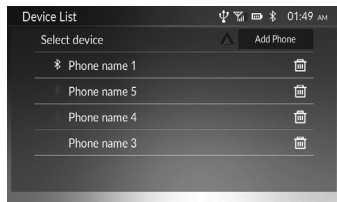
- Danh bạ điện thoại không tự động truyền sang khi điện thoại được kết nối.

Cài Đặt Danh Sách Thiết Bị

Hiển thị các thiết bị được kết nối với hệ thống âm thanh.



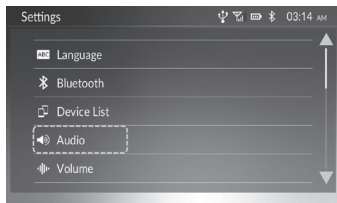
- (1) Chạm vào **Device List** để hiển thị danh sách thiết bị.



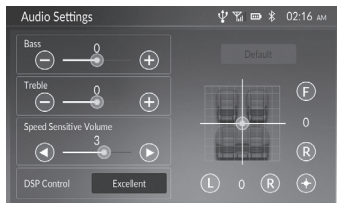
- (2) Chọn thiết bị được kết nối.

Cài Đặt Âm Thanh và Âm Lượng

● Cài Đặt Âm Thanh

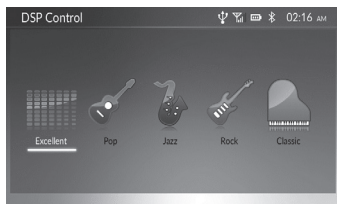


- (1) Chạm vào **Audio** trên màn hình Cài Đặt.



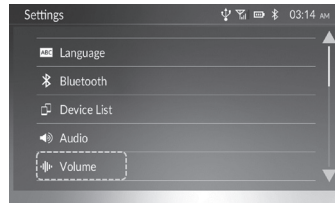
- (2) Màn hình Cài Đặt Âm Thanh xuất hiện và bạn có thể điều chỉnh vị trí các loa.

- [Bass] Điều chỉnh âm trầm.
- [Treble] Điều chỉnh âm bổng.

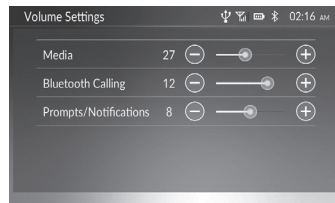


- [Speed Sensitive Volume] Điều chỉnh mức SVC âm thanh. Mục này có ở một số loại xe.
- [DSP Control] Điều chỉnh DSP âm thanh (Chuẩn/Pop/Jazz/Rock/Cổ điển).
- [Default] Thay đổi cài đặt âm thanh về mặc định.

● Cài Đặt Âm Lượng



- (1) Chạm vào **Volume** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Màn hình Cài Đặt Âm Lượng xuất hiện.

- [Media] Điều chỉnh âm lượng phát âm thanh đa phương tiện.
- [Bluetooth Calling] Điều chỉnh âm lượng phát ra của cuộc gọi rảnh tay Bluetooth®.
- [Prompts/Notifications] Điều chỉnh âm lượng phát ra của hướng dẫn hoặc thông báo.

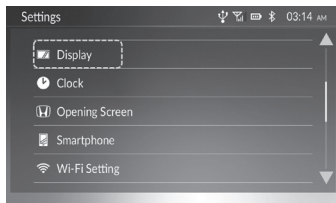


Chú ý

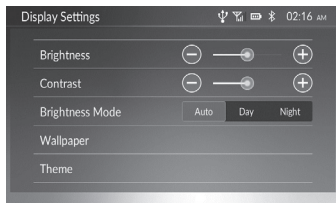
Cài đặt âm lượng khác nhau tùy thuộc vào loại xe.

Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị

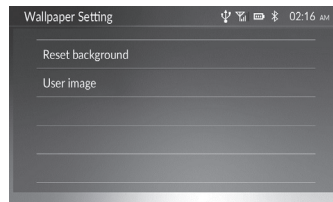
● Cài Đặt Màn Hình Hiển Thị



- (1) Chạm vào **Display** trên màn hình Cài Đặt.

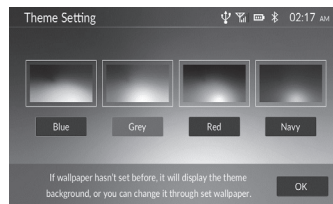


- (2) Màn hình Cài Đặt Hiển Thị xuất hiện.
- [Brightness] Điều chỉnh độ sáng.
 - [Contrast] Điều chỉnh độ tương phản.
 - [Brightness Mode] Chọn chế độ chiếu sáng (Tự Động, Ban Ngày, Ban Đêm)
 - [Wallpaper] Tùy chọn hình nền.
 - [Theme] Tùy chọn chủ đề.



- (3) Màn hình Cài Đặt Hình Nền xuất hiện.

- [Reset background] Chọn để cài đặt lại hình nền về mặc định.
- [User image] Tùy chọn hình ảnh lưu trong USB để làm hình nền.



- (4) Màn hình Cài Đặt Chủ Đề xuất hiện.
Tùy chọn một trong bốn chủ đề Xanh Lam, Xám, Xanh Lục hoặc Đỏ.
(Mặc định là Xám.)

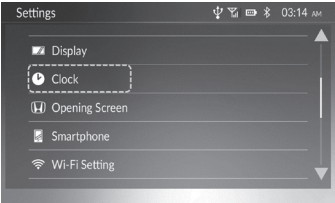


Chú ý

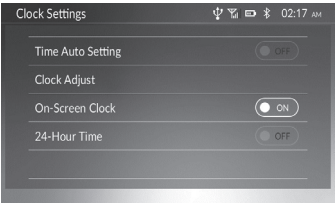
- Tham khảo “Đa Phương Tiện và Dữ Liệu Có Thể Sử Dụng trên Hệ Thống Âm Thanh” để biết chi tiết về các định dạng file được hỗ trợ (⇒Trang 65).
- Không thể mở các file hình ảnh không được mô tả trong “Đa Phương Tiện và Dữ Liệu có thể sử dụng trên Hệ Thống Âm Thanh” (⇒Trang 65).
- Độ phân giải của hình ảnh được hỗ trợ là 800x480 pixel.
- Có thể điều chỉnh độ sáng màn hình theo điều kiện chiếu sáng hiện tại khi Chế Độ Sáng được đặt ở “Tự động”. Độ sáng của chế độ Bản đồ cũng sẽ được điều chỉnh.

Cài Đặt Đồng Hồ

Bạn có thể cài đặt đồng hồ như sau.

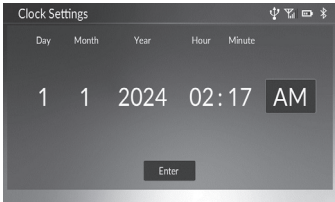


(1) Chạm vào **Clock** trên màn hình Cài Đặt.



(2) Màn hình Cài Đặt Đồng Hồ xuất hiện.

- [Time Auto Setting] Chọn ON để cài đặt ngày và giờ tự động.
- [Time Zone Select] Cài đặt múi giờ của từng quốc gia.
- [Clock Adjust] Cho phép điều chỉnh ngày và giờ theo cách thủ công.
- [On-Screen Clock] ON/OFF Nút này điều khiển chỉ báo đồng hồ ở phía trên bên phải màn hình.
- [24-Hour Time] ON/OFF Nút này thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ “24 tiếng” hoặc “12 tiếng”.



(3) Màn hình Điều Chỉnh Đồng Hồ xuất hiện khi chạm vào nút [Clock Adjust].
● Sau khi cài đặt giờ/ngày, chạm vào nút **Enter** để lưu giá trị.

Phạm vi giá trị và giá trị mặc định như sau:

Mục	Nội dung điều chỉnh	Phạm Vi Giá Trị	Mặc Định
Clock Adjust	Cài đặt ngày giờ (năm/tháng/ngày/giờ/phút).	12:00 AM đến 11:59 PM 12:00 PM đến 11:59 PM 1-1-2000 đến 31-12-2069	12:00 AM 1-1-2024
On-screen Clock	Cài đặt bật hoặc tắt hiển thị đồng hồ trên màn hình.	ON/OFF	BẬT
24-Hour Time	Cài đặt kiểu hiển thị đồng hồ trên màn hình.	12/24 Tiếng	TẮT (12 Tiếng)

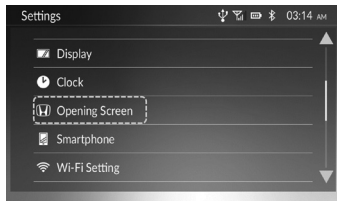


Chú ý

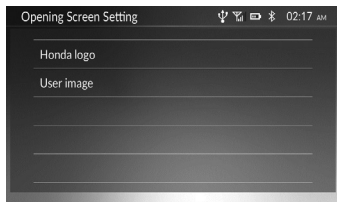
Cài đặt thời gian tự động và lựa chọn múi giờ tùy thuộc vào loại xe.

Cài Đặt Màn Hình Mở

● Cài Đặt Màn Hình Mở



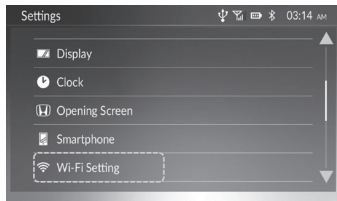
- (1) Chạm vào **Opening Screen** trên màn hình Cài Đặt.



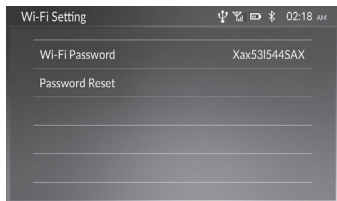
- (2) Màn hình Cài Đặt Màn Hình Mở xuất hiện
- **Honda logo** Cài đặt màn hình mở là logo của Honda. (Mặc định là logo của Honda.)
 - **User image** Tùy chọn màn hình mở bằng hình ảnh lưu trong USB.

Cài Đặt Wi-Fi

Bạn có thể cài đặt mật khẩu Wi-Fi như sau.



- (1) Chạm vào **Wi-Fi Setting** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Chạm vào **Password Reset** để tự động tạo mật khẩu.

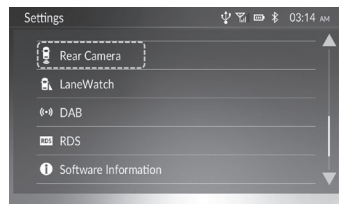


Chú ý

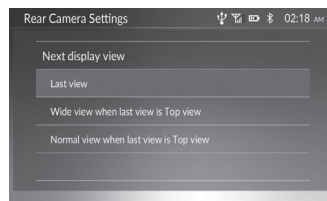
Cài đặt Wi-Fi có thể có hoặc không tùy thuộc vào loại xe.

Cài Đặt Camera Lùi

Bạn có thể cài đặt camera lùi như sau.



- (1) Chạm vào **Rear Camera** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Màn hình Cài Đặt Camera Lùi xuất hiện.

● **Last view**

Chế độ xem chính là chế độ xem lần gần đây nhất khi sang số LÙI (R).

● **Wide view when last view is Top view**

Nếu chọn chế độ xem lần gần đây nhất là Từ trên xuống trước khi bạn tắt động cơ, chế độ xem Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi xoay khóa điện sang BẬT và sang số LÙI (R).

● **Normal view when last view is Top view**

Nếu chọn chế độ xem lần gần đây nhất là Từ trên xuống trước khi bạn tắt động cơ, chế độ xem Thường sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn xoay khóa điện sang BẬT và sang số LÙI (R).

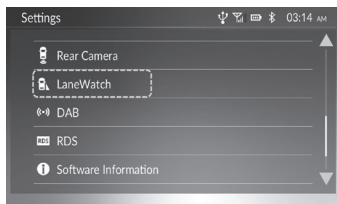


Chú ý

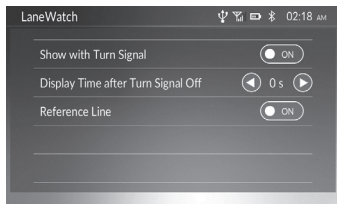
Chức năng camera lùi có ở một số loại xe.

Cài Đặt Quan Sát Làn Đường

Bạn có thể cài đặt Quan Sát Làn Đường như sau.



- (1) Chạm vào **LaneWatch** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Màn hình Cài Đặt Quan Sát Làn Đường xuất hiện.
- **Show with Turn Signal**
Màn hình Quan Sát Làn Đường sẽ xuất hiện khi bật xi nhan.
 - **Display Time after Turn Signal Off**
Bạn có thể đặt thời gian hiển thị Quan Sát Làn Đường sau khi tắt xi nhan.
 - **Reference Line**
Bạn có thể cài đặt bật hoặc tắt vạch khoảng cách.

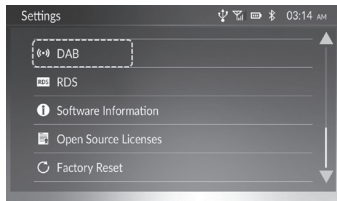


Chú ý

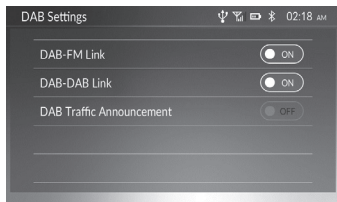
Chức năng Quan Sát Làn Đường có ở một số loại xe.

Cài Đặt Phát Thanh Kỹ Thuật Số (DAB)

Bạn có thể cài đặt DAB như sau.



- (1) Chạm vào **DAB** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Màn hình Cài Đặt DAB xuất hiện.
- DAB-FM Link / DAB-DAB Link có chức năng nhận các kênh giống nhau của đài FM/DAB khi tín hiệu DAB đang nhận bị mất.
 - Bản Tin Giao Thông DAB có chức năng nhận các bản tin giao thông.

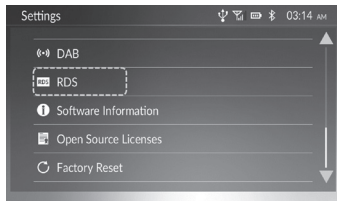


Chú ý

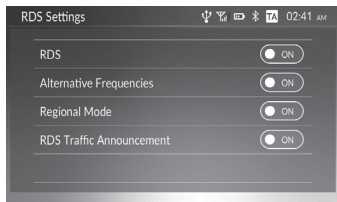
Chức năng DAB có ở một số loại xe.

Cài Đặt Hệ Thống Dữ Liệu Radio (RDS)

Bạn có thể cài đặt RDS như sau.



- (1) Chạm vào **RDS** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Màn hình Cài Đặt RDS xuất hiện.

- [RDS] Cài đặt bật hoặc tắt hiển thị chức năng RDS
- [Alternative Frequencies] Cài đặt bật hoặc tắt tự động theo dõi thay đổi tần số
- [Regional Mode] Cài đặt tự động theo dõi điều kiện hoạt động
 - ON : Bao gồm mã phạm vi phát sóng
 - OFF : Không bao gồm mã phạm vi phát sóng
- [RDS Traffic Announcement] Cài đặt bật hoặc tắt tạm dừng Bản Tin Giao Thông

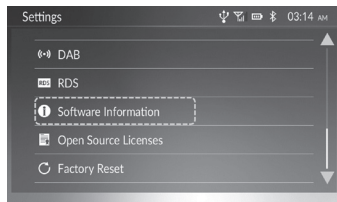


Chú ý

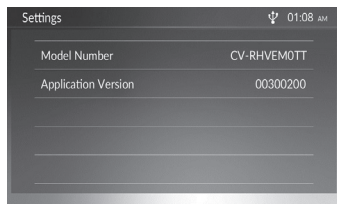
Chức năng RDS có ở một số loại xe.

Thông Tin Phần Mềm và Giấy Phép Mã Nguồn Mở

Bạn có thể xem thông tin phần mềm như sau.

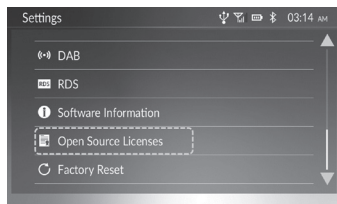


- (1) Chạm vào **Software Information** trên màn hình Cài Đặt.

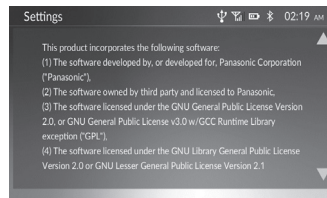


- (2) Màn hình Thông Tin Phần Mềm xuất hiện.
Thông tin sau sẽ hiển thị.
- [Model Number] (Số Đời Xe)
 - [Application Version] (Phiên Bản Phần Mềm)

Bạn có thể xem thông tin Giấy Phép Mã Nguồn Mở như sau.



- (1) Chạm vào **Open Source Licenses** trên màn hình Cài Đặt.



- Open Source Licenses
- About iAuto

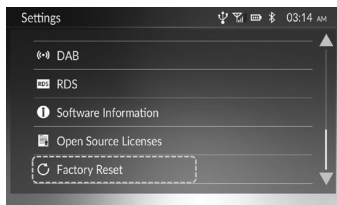


Chú ý

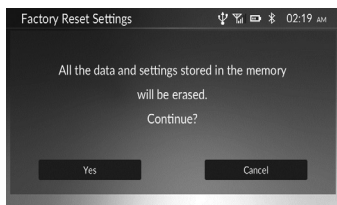
[Open Source Licenses] Hiển thị nội dung giấy phép Mã Nguồn Mở.
[About iAuto] Hiển thị biểu tượng iAuto và thông tin công ty.

Khôi Phục Cài Đặt Gốc

Cài đặt lại tất cả các cài đặt bạn đã thực hiện, sau khi cài đặt lại, tất cả các cài đặt và dữ liệu trước đó sẽ bị mất.



- (1) Chạm vào **Factory Reset** trên màn hình Cài Đặt.



- (2) Màn hình Khôi Phục Cài Đặt Gốc xuất hiện.

Để thực hiện việc Khôi Phục Cài Đặt Gốc

1. Ấn [Factory Reset] trên màn hình Cài Đặt.
2. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện. Chạm vào [Yes] để tiếp tục.
3. Thông báo <Initializing> (Khởi Tạo) xuất hiện.
4. Hệ Thống Âm Thanh của xe sẽ khởi động lại khi tiến trình khôi phục cài đặt gốc hoàn tất.

Thông Báo Lỗi

Nếu xảy ra lỗi khi đang sử dụng thiết bị, một thông báo sẽ xuất hiện. Thao tác phù hợp theo danh sách thông báo/biện pháp khắc phục/nguyên nhân sau đây.

Thông báo	Thông báo xuất hiện khi:
In initialization...	Mô-đun WebLink chưa chuẩn bị xong và không sử dụng được.
Media Library loading	Thư viện Đa Phương Tiện đang tải. Vui lòng chờ trong giây lát.
No Playable Tracks	Trong thiết bị iPod của bạn không có bài hát nào có thể phát được.
No USB Memory	Chưa kết nối USB.
No Playable Files	Trong USB của bạn không có file nào có thể phát được.
Check the USB device	Có lỗi và không thể tiếp tục phát nhạc lưu trong USB được kết nối.
Not support USB HUB	Cổng chia USB được kết nối.
Device No Response	Thiết bị không phản hồi một lúc lâu.
Device connection exception! Please check USB interface is correct and restart the vehicle.	Xảy ra quá dòng.
Unsupported Device	Khi bạn kết nối thiết bị iPod iAP1.

Thông báo	Thông báo xuất hiện khi:
Pairing Failed	Không ghép đôi và không kết nối được điện thoại Bluetooth® .
5 Phones had added	5 Điện thoại đã được kết nối với Màn hình Giải Trí.
Not connected	Không kết nối được điện thoại Bluetooth® sau khi đã chọn.

Xử Lý Sự Cố

Không phải tất cả các sự cố rõ ràng đều nghiêm trọng. Kiểm tra các mục sau trước khi gọi trung tâm dịch vụ.

- Khi vận hành các thiết bị được kết nối, hãy tham khảo các hướng dẫn đi kèm các bộ phận kết nối (và các hướng dẫn được đi kèm với các thiết bị được kết nối).

Tình Trạng	Giải Pháp
Tình Trạng Chung	
Loa không phát ra âm thanh.	⇒ Điều chỉnh âm lượng đến mức cao nhất. ⇒ Kiểm tra dây và kết nối.
USB	
“Reading” (đang đọc) không xuất hiện trên màn hình.	⇒ Tắt và bật lại nguồn.
Khi đang phát bài hát, âm thanh thỉnh thoảng bị gián đoạn.	⇒ Việc sao chép các bài hát vào USB chưa đúng. Sao chép lại các bài hát và thử lại.
Các bài hát không phát theo thứ tự bạn muốn.	⇒ Thứ tự phát lại có thể khác khi sử dụng máy phát nhạc khác.
iPod/iPhone	
Loa không phát ra âm thanh.	⇒ Ngắt kết nối iPod/iPhone, sau đó kết nối lại. ⇒ Chọn sang chế độ khác, sau đó chọn lại “iPod”.
iPod/iPhone không bật hoặc không hoạt động.	⇒ Kiểm tra kết nối. ⇒ Cập nhật phiên bản phần mềm. ⇒ Sạc pin. ⇒ Cài đặt lại iPod/iPhone.
Âm thanh bị méo.	⇒ Tắt bộ chỉnh âm trên thiết bị này hoặc trên iPod/iPhone.
Có nhiều tiếng ồn.	⇒ Tắt (bỏ chọn) “Voice Over” (Chế Độ Dành Cho Người Khiếm Thị) trên iPod/iPhone. ⇒ Để biết thêm chi tiết, truy cập trang < http://www.apple.com >.
Không thể thực hiện bất kỳ thao tác nào khi đang phát bài hát có biểu tượng.	⇒ Vận hành thiết bị sau khi tải xong biểu tượng.

Tình Trạng	Giải Pháp
WebLink	
WebLink không bật hoặc không hoạt động.	⇒ Tối thiểu phải là mạng 3G. ⇒ Kiểm tra kết nối. ⇒ Cập nhật phiên bản phần mềm. ⇒ Sạc pin. ⇒ Cài đặt lại điện thoại thông minh.
Khi kết nối WebLink lần đầu tiên, có thể mất nhiều thời gian tùy thuộc vào điện thoại và mạng.	⇒ Hãy thử kết nối lại USB hoặc khởi động lại ứng dụng.
Radio	
Thu Sóng Radio kém	Điều chỉnh ăng-ten để có thể thu nhận sóng tốt nhất.
Bluetooth®	
Chất lượng âm thanh điện thoại kém.	⇒ Rút ngắn khoảng cách giữa thiết bị và điện thoại di động Bluetooth®. ⇒ Lái xe đến nơi thu sóng tốt hơn.
Âm thanh bị gián đoạn hoặc không nghe được khi đang sử dụng máy phát nhạc Bluetooth®.	⇒ Rút ngắn khoảng cách giữa thiết bị và máy phát nhạc Bluetooth®. ⇒ Ngắt kết nối thiết bị được kết nối bằng Bluetooth®. ⇒ Tắt thiết bị, sau đó bật lại. (Nếu âm thanh chưa được khôi phục) kết nối lại máy nghe nhạc.
Không thể điều khiển máy nghe nhạc đã được kết nối.	⇒ Kiểm tra xem máy phát nhạc đã kết nối có hỗ trợ AVRCP (Cấu Hình Điều Khiển Âm Thanh/Video Từ Xa) không.

Tình Trạng	Giải Pháp
Bluetooth®	
Thiết bị Bluetooth® không phát hiện thiết bị.	⇒ Tìm kiếm lại từ thiết bị Bluetooth® .
Thiết bị không ghép đôi với thiết bị Bluetooth® .	⇒ Đối với các thiết bị tương thích với Bluetooth® 2.1: Đăng ký thiết bị bằng mật mã. (⇒Trang 44) ⇒ Đối với các thiết bị tương thích với Bluetooth® 2.0: Nhập cùng một mật mã cho cả thiết bị và thiết bị mục tiêu. ⇒ Tắt thiết bị Bluetooth® , sau đó bật lại.
Thiết bị không phản hồi khi bạn sao chép danh bạ điện thoại sang thiết bị.	⇒ Có thể bạn đã sao chép trùng số liên hệ (đã được lưu) vào thiết bị.

Thông Số Kỹ Thuật

Kích Thước Màn Hình

Giải Trí 1.4DIN : 253,3 mm x 186 mm x 170,26 mm (Rộng x Cao x Dài)
Trọng Lượng : 1,6 - 1,7 kg
Điện Áp Vận Hành : 12 V (cho phép từ 10 V đến 16 V)
Công Suất Tiêu Thụ : 10 A
Tối Đa
Phạm Vi Nhiệt Độ : -30°C đến +70°C
Vận Hành

Loại : AH2301
Tên Nhà Sản Xuất : Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd
Địa Chỉ Nhà Sản Xuất : 101 Moo 2 Teparak Rd, T. Bangsaonthong,
A. Bangsaonthong, Samutprakarn 10570 Thái Lan

<Các phần chung>

Công suất tối đa : 40 W x 4 ch
Công suất định mức : 20 W x 4 ch (10 %T.H.D.)
Trở kháng loa thích hợp : 4 Ω

<Bộ thu sóng FM>

Dải tần số nhận được : 87,50 MHz đến 108,00 MHz /
87,50 MHz đến 107,90 MHz
Độ nhạy khả dụng : 10 dB (μV)
Tỷ số tín hiệu trên nhiễu : 45 dB

<Bộ thu sóng AM>

Dải tần số nhận được : 531 kHz đến 1602 kHz /
530 kHz đến 1710 kHz
Độ nhạy khả dụng : 37 dB (μV)
Tỷ số tín hiệu trên nhiễu : 40 dB

<Phần bộ nhớ USB>

Tiêu chuẩn USB : USB 2.0 Tốc Độ Cao
Hệ thống file : FAT 32
Dòng cấp nguồn tối đa : DC 5 V 2,1 A
Bộ giải mã âm thanh : MP3/WMA/AAC/WAV/FLAC/APE
Bộ giải mã video : 3GP/MP4/AVI/MOV/FLV

<Bluetooth®>

Công nghệ : Bluetooth® 4.2
Tần số : 2,402 GHz đến 2,480 GHz
Công suất đầu ra : 4 dBm (MAX), Nguồn Class 2
Phạm vi truyền dữ liệu tối đa : Đường truyền thẳng xấp xỉ 10 m
Bộ mã hóa âm thanh : BC
Cấu hình : HFP (V 1.7) (Cấu Hình Rảnh Tay)
A2DP (V 1.3) (Cấu Hình Phân Phối Âm Thanh Nâng Cao)
AVRCP (V 1.6)
(Cấu Hình Điều khiển Âm thanh/Video Từ xa)
GAP (Cấu Hình Truy Cập Chung)
PBAP (Cấu Hình Truy Cập Danh Bạ Điện Thoại)
SPP (V 1.2) (Cấu Hình Cổng Nối Tiếp)

<Wi-Fi>

Tiêu Chuẩn Kỹ Thuật : IEEE 802.11 a/ac/n
Tần Số Hoạt Động : 5745 MHz - 5825 MHz

<Phần màn hình hiển thị>

Loại màn hình hiển thị : 8 inch TFT LCD
Kích thước drive : 174,0 mm x 104,4 mm (H x V)
Độ Phân Giải Màn Hình : WVGA
Số pixel : 800 x 480 (H x V)
Bảng điều khiển cảm ứng : Bảng điều khiển cảm ứng loại màng điện dung

Đa Phương Tiện và Dữ Liệu Có Thể Sử Dụng trên Hệ Thống Âm Thanh

1 Đa Phương Tiện

Thông số kỹ thuật của các USB, v.v có thể sử dụng với thiết bị này được mô tả dưới đây.

USB

Định dạng, tiêu chuẩn và hạn chế của các USB có thể sử dụng được mô tả dưới đây.

Định dạng USB	USB 2.0 HS
Định dạng file	FAT 32
Loại dữ liệu	Loại lưu trữ lớn



Chú ý

- Thiết bị này có thể không phát được các file lưu trong USB một cách bình thường khi sử dụng cáp mở rộng USB.
- Không thể sử dụng những USB được trang bị các chức năng đặc biệt như chức năng bảo mật dữ liệu cho thiết bị này.
- Không sử dụng USB có từ 2 phần vùng trở lên.
- Tùy thuộc vào hình dạng của USB và cổng kết nối, một số USB có thể không được cắm đúng cách hoặc kết nối có thể bị lỏng.
- Thiết bị này có thể không nhận dạng thẻ nhớ được lắp vào đầu đọc thẻ USB.
- Không sử dụng USB nếu ảnh hưởng đến lái xe an toàn.
- Không được rút và cắm USB nhiều lần khi màn hình đang hiển thị “Reading” (Đang Đọc).
- Sốc tĩnh điện khi kết nối USB có thể làm thiết bị phát bất thường. Trong trường hợp này, rút USB ra sau đó cài đặt lại thiết bị này và USB.
- Hoạt động và nguồn điện có thể không hoạt động như mong muốn đối với một số USB.
- Không để USB trong xe, hoặc tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời hoặc nhiệt độ cao để tránh bị biến dạng hoặc hư hỏng.

2 Các Định Dạng File Có Thể Phát

Bảng dưới đây mô tả các định dạng file đa phương tiện có thể phát trên thiết bị này.

○ Biểu thị định dạng có thể phát.

Loại	Định dạng file	Đa phương tiện
	Phần mở rộng file	USB
Nhạc	.mp3	○
	.wma	○
	.m4a	○
	.wav	○
	.flac	○
	.ape	○
Video	.3gp	○
	.mp4	○
	.avi	○
	.mov	○
	.flv	○
Hình ảnh	.PNG	○
	.JPG	○



Chú ý

- Chỉ sử dụng loại “Hình ảnh” để thay đổi hình nền và thay đổi màn hình mở.
- Kích thước hình ảnh tối đa được hỗ trợ cho “Hình ảnh”: Dài 1920; Rộng: 1080

3 Thông Số Kỹ Thuật Dữ Liệu

Đa Phương Tiện Âm Thanh Có Thể Phát

Định dạng		AAC	WMA	MP3	APE	FLAC	WAV	Ghi chú
Bộ mã hóa		.m4a	.wma	.mp3	.ape	.flac	.wav	
Âm thanh	MP3	-	-	Y	-	-	-	MPEG1 Layer3(32kHz, 44.1kHz, 48kHz) MPEG2 Layer3(16kHz, 22.05kHz, 24kHz)
	PCM (WAV)	-	-	-	-	-	Y	Tần Số Lấy Mẫu: 8kHz~48kHz
	AAC-LC (*1)	Y	-	-	-	-	-	(*1) AAC chỉ dành cho file âm thanh (.m4a)
	WMA Tiêu Chuẩn	-	Y	-	-	-	-	Phiên bản cấu hình: V9.2
	APE	-	-	-	Y	-	-	
	FLAC	-	-	-	-	Y	-	

Đa Phương Tiện Video Có Thể Phát

Định dạng		3GP	MP4	AVI	MOV	FLV	Ghi chú
Bộ mã hóa		.3gp	.mp4	.avi	.mov	.flv	
Video	MPEG-4 Visual	-	Y	Y	Y	-	
	H.264	-	Y	-	Y	Y	
	H.263	Y	-	-	Y	-	
Âm thanh	MP3	-	Y	Y	Y	Y	
	AAC	Y	-	-	Y	Y	
	LPCM	-	Y	Y	Y	-	

- DRM không được hỗ trợ
- Hỗ trợ độ phân giải video 1080P
- Hỗ trợ tốc độ khung hình video 30FPS

Thương Hiệu và Giấy Phép



Sử dụng thương hiệu Made for Apple có nghĩa là một phụ kiện có chức năng kết nối riêng biệt với (các) sản phẩm của Apple, được chứng nhận thương hiệu và được các công ty sáng lập chứng nhận đã đáp ứng các tiêu chuẩn vận hành của Apple. Apple không chịu trách nhiệm về việc hoạt động của thiết bị này hay việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và quy định.

Lưu ý rằng việc sử dụng phụ kiện này với sản phẩm của Apple có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của mạng không dây.

Apple, Apple TV, Apple Watch, iPad, iPad Air, iPad Pro, iPhone và Lightning là các nhãn hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. tvOS là thương hiệu của Apple Inc.

- Google, Android và Android Auto là thương hiệu của Google LLC. Để sử dụng Android Auto trên màn hình ô tô, bạn cần có điện thoại Android chạy hệ điều hành Android 6 trở lên, gói dịch vụ dữ liệu và ứng dụng Android Auto.



Nhãn hiệu và biểu tượng Bluetooth® là thương hiệu đã được đăng ký bởi Bluetooth SIG, Inc. và mọi việc sử dụng thương hiệu này của Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd., đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

● Microsoft Media Audio (WMA)

Sản phẩm này được bảo hộ bởi một số quyền sở hữu trí tuệ của Tập đoàn Microsoft và các bên thứ ba. Không được phép sử dụng hoặc phân phối sản phẩm này ra bên ngoài nếu không có giấy phép từ Microsoft.

● MPEG4 Visual

Sản phẩm này được cấp phép theo giấy phép danh mục đầu tư bằng sáng chế của MPEG-4 cho mục đích sử dụng cá nhân của khách hàng hoặc mục đích sử dụng khác mà người sử dụng không phải trả phí để (i) mã hóa video tuân thủ Tiêu Chuẩn Hình Ảnh MPEG-4 ("Video MPE") và/hoặc

(ii) giải mã Video MPEG-4 đã được mã hóa bởi khách hàng tham gia hoạt động cá nhân và/hoặc được lấy từ nhà cung cấp video được cấp phép cung cấp Video MPEG-4.

Không cấp giấy phép hoặc ngụ ý cho bất kỳ mục đích sử dụng nào khác.

Bạn có thể thu thập thêm thông tin từ MPEG LA, L.L.C.

Xem tại <http://www.mpegla.com>

● MPEG4 AVC (H.264)

Sản phẩm này được cấp phép theo giấy phép danh mục đầu tư bằng sáng chế của AVC cho mục đích sử dụng cá nhân của khách hàng hoặc mục đích sử dụng khác mà người sử dụng không phải trả phí để

(i) mã hóa video tuân thủ Tiêu Chuẩn AVC ("Video AVC") và/hoặc

(ii) giải mã Video AVC được mã hóa bởi khách hàng đã tham gia hoạt động cá nhân và/hoặc có được từ nhà cung cấp đã được cấp phép cung cấp Video AVC. Không cấp giấy phép hoặc ngụ ý cho bất kỳ mục đích sử dụng nào khác.

Bạn có thể thu thập thêm thông tin từ MPEG LA, L.L.C.

Xem tại <http://www.mpegla.com>

Luật và Quy Định

**Tuyên Bố của Nhà Cung Cấp về Sự Phù Hợp
Thông Tin Tuân Thủ 47 CFR § 2.1077**

Mã Định Danh Duy Nhất

Số Model : AH2301
FCC ID : ACJ932AH2301
Tên Thương Hiệu : Panasonic

Bên Chịu Trách Nhiệm – Hoa Kỳ Thông Tin Liên Hệ

Tập Đoàn Panasonic Bắc Mỹ
Two Riverfront Plaza, Newark, New Jersey, Hoa Kỳ 07102-5490
SĐT 201-348-7760

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy Định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không gây ra nhiễu sóng có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn.

Thiết bị này đã được kiểm tra và đảm bảo tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị số Loại B, theo phần 15 của các Quy tắc FCC. Những giới hạn này được đưa ra để tránh bị nhiễu có hại khi lắp đặt ở khu dân cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng tần số radio, nếu không lắp đặt và sử dụng đúng theo các hướng dẫn thì có thể gây ra nhiễu sóng có hại cho hệ thống liên lạc radio. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nhiễu vẫn có thể xảy ra khi bạn lắp đặt đúng cách. Để xác định xem thiết bị này có gây nhiễu có hại cho việc thu sóng radio hoặc vô tuyến hay không, hãy tắt và bật lại thiết bị, sau đó người dùng nên xử lý nhiễu theo một trong các cách sau đây:

- Xoay hoặc dịch chuyển ăng ten thu sóng.
- Để thiết bị và máy thu cách xa nhau.
- Cắm thiết bị và máy thu vào hai ổ cắm trên hai mạch điện khác nhau.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc nhờ thợ sửa chữa radio/TV có kinh nghiệm hỗ trợ.

LƯU Ý CỦA FCC: Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm phê duyệt có thể khiến người dùng mất quyền sử dụng thiết bị đó.

Không đặt hoặc vận hành bộ truyền phát này với bất kỳ ăng-ten hoặc máy phát nào khác.

Tuyên Bố về Phơi Nhiễm Bức Xạ:

Thiết bị này tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm bức xạ FCC cho môi trường không được kiểm soát và đáp ứng các Nguyên Tắc về Phơi Nhiễm tần số vô tuyến (RF) của FCC. Phải lắp đặt và vận hành thiết bị cách xa kết nước và cơ thể bạn với khoảng cách tối thiểu là 20cm.

 **ZICTA**
ZMB/ZICTA/TA/2024/3/50

OMAN - TRA

D202897

TRA/TA-R/17559/24

Bổ sung (bản quyền)

Sản phẩm này tích hợp các phần mềm sau:

- (1) Phần mềm được phát triển bởi, hoặc phát triển cho Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd.,
- (2) Phần mềm thuộc sở hữu của bên thứ ba và đã cấp phép cho Panasonic,
- (3) Phần mềm được cấp phép theo Giấy Phép Công Cộng GNU, Phiên bản 2.0 (GPL v2),
- (4) Phần mềm được cấp phép theo Giấy Phép Công Cộng GNU Hạn Chế, Phiên bản 2.1 hoặc Giấy Phép Công Cộng Thư Viện GNU, Phiên bản 2 (LGPL v2) và/hoặc,
- (5) Phần mềm mã nguồn mở khác với phần mềm được cấp phép theo GPLv2 và/hoặc LGPL.
- (6) Sản phẩm này bao gồm Monkey's Audio được cấp phép theo các điều khoản và điều kiện mà bạn có thể tìm thấy ở trang web dưới đây.
<http://www.monkeysaudio.com/license.html>

Đối với phần mềm được phân loại là (3), (4) và (5), vui lòng tham khảo các điều khoản và điều kiện của GPL v2 và LGPL, tùy từng trường hợp tại

- GPL (Giấy Phép Công Cộng GNU):
<http://spdx.org/licenses/GPL-2.0>
- LGPL (Giấy Phép Công Cộng Thư Viện GNU):
<http://spdx.org/licenses/LGPL-2.0>
- LGPL (Giấy Phép Công Cộng GNU Hạn Chế):
<http://spdx.org/licenses/LGPL-2.1>

Phần mềm được phân loại là (3), (4) và (5) ở trên được cấp bản quyền bởi nhiều người. Vui lòng tham khảo các trang web dưới đây liên quan đến thông báo bản quyền của những người đó.

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/jk79/license>

Phần mềm được cấp phép theo GPL/LGPL ("Phần mềm GPL/LGPL") được phân phối với mục đích mang lại hữu ích, chứ KHÔNG CÓ BẤT KỲ ĐẢM BẢO NÀO, thậm chí không có đảm bảo ngầm định nào về TÍNH THƯƠNG MẠI hoặc SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ.

Ít nhất là ba (3) năm kể từ khi giao sản phẩm, Panasonic sẽ cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào liên hệ với chúng tôi theo Thông Tin Liên Hệ được cung cấp dưới đây, với chi phí không vượt quá chi phí phân phối mã nguồn thực tế của chúng tôi, một bản sao hoàn toàn có thể đọc được bằng máy của mã nguồn tương ứng được bảo vệ theo GPL v2 và/hoặc LGPL.

Xin lưu ý rằng chúng tôi không thể trả lời bất kỳ truy vấn nào liên quan đến chi tiết mã nguồn, v.v.

Ngoài ra, người dùng cuối cần cung cấp kết nối Internet của riêng họ.

Người dùng cuối chịu trách nhiệm cho bất kỳ chi phí kết nối hoặc đường dây nào phát sinh thông qua các trang web duyệt hoặc tải xuống.

<Địa Chỉ Liên Hệ>

Giám Đốc Phát Triển Sản Phẩm, Phòng Nghiên Cứu và Phát Triển

Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd

101 Moo 2 Teparak Rd, T.Bangsaothong A.Bangsaothong Samutprakarn
Thái Lan 10570

Ngoài ra, mã nguồn tương ứng có sẵn miễn phí cho bạn và bất kỳ ai trong cộng đồng tại trang web dưới đây:

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/jk79/license>

Xem trang web dưới đây để biết về các điều khoản và điều kiện của giấy phép và các thông tin khác liên quan đến OSS dưới đây và các OSS khác có trong Sản phẩm này:

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/honda/wl/OSS.html>

Phần mềm được phân loại là (5) ở trên bao gồm các phần mềm nguồn mở khác nhau (OSS) bao gồm các phần mềm sau:

Lưu ý về giấy phép phần mềm

Các giấy phép cho phần mềm mã nguồn mở được sử dụng trong sản phẩm này được trình bày dưới đây. Để đảm bảo chính xác, ở đây chúng tôi có đính kèm các văn bản gốc (bằng tiếng Anh).

Bản quyền (C) 2010-2014 của tyPoland Lukasz Dziedzic (team@latofonts.com) với Tên Phong Chữ Riêng “Lato”. Phần Mềm Phong Chữ này được cấp phép theo Giấy Phép Phong Chữ Mở SIL, Phiên bản 1.1. Giấy phép này có trong đường link bên dưới và cũng có trong phần FAQ ở: (<http://scripts.sil.org/OFL>) Bản quyền (C) 2017 của Honda R&D Americas, Inc., với Tên Phong Chữ Riêng “HondaGUI”.

Mục Lục

A

A2DP	Trang 19
AAC	Trang 67
AM	Trang 9
AVRCP	Trang 19
Âm Lượng	Trang 3
Âm Thanh	Trang 48
Âm Thanh Bluetooth®	Trang 19

B

Bluetooth®	Trang 26
Bật nguồn	Trang 2

C

Camera	Trang 24, 53, 54
Cài Đặt Màn Hình	Trang 49

D

DSP	Trang 48
Danh Bạ Điện Thoại	Trang 33
Danh Sách Sử Dụng	Trang 8
Điện Thoại Thông Minh	Trang 39
Đồng Hồ	Trang 50

F

FM	Trang 9
----------	---------

G

GAP	Trang 27
-----------	----------

H

HFP	Trang 27
-----------	----------

I

iPod	Trang 15
------------	----------

L

Liên Hệ	Trang 33
Lặp Lại	Trang 14, 23

M

Máy Phát Nhạc MP3	Trang 67
-------------------------	----------

N

Ngẫu Nhiên	Trang 14, 23
Nút Cảm Ứng	Trang 8
Nút Home (Màn Hình Chính)	Trang 5
Nút Điều Khiển Trên Vô Lãng	Trang 40

P

PBAP	Trang 27
------------	----------

Q

Quét	Trang 9
Quét kênh radio	Trang 9

R

Radio	Trang 9
Rảnh Tay	Trang 26

S

SPP	Trang 27
-----------	----------

T

Trộn Bài	Trang 17
----------------	----------

U

USB	Trang 11
-----------	----------

W

WMA	Trang 67
-----------	----------



How we move you.
CREATE ► TRANSCEND, AUGMENT

08A40-PV2 -7000-8A

YEFM0414321

